Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 1 – 2 : KHGD

Tên bài dạy: VÀO PHỦ CHÚA TRỊNH

(Trích *Thượng kinh kí sự*) - Lê Hữu Trác

Thời lượng: 2 tiết

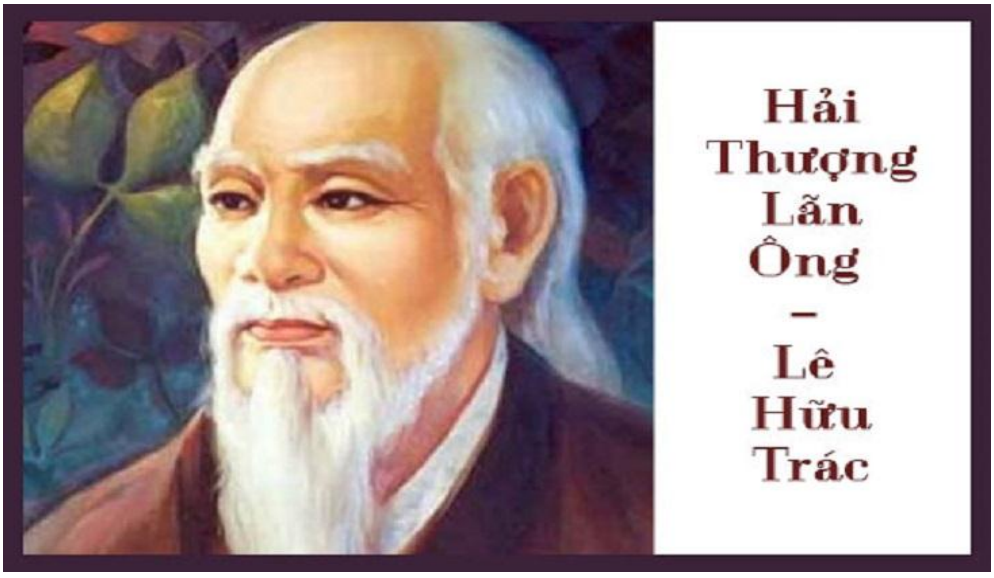

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1.Kiến thức:

- Bức tranh chân thực, sinh động về cuộc sống xa hoa uy quyền nơi phủ chúa Trịnh và thái độ, tâm trạng của nhân vật "tôi" khi vào phủ chúa chữa bệnh cho Trịnh Cán.

- Vẻ đẹp tâm hồn Lê Hữu Trác: danh y, nhà thơ, nhà văn, nhà nho, thanh cao, coi thường danh lợi. Những nét đặc sắc về bút pháp kí sự: tài năng quan sát, miêu tả sinh động những sự việc có thật; lối kể chuyện lôi cuốn, hấp dẫn; chọn lựa chi tiết đặc sắc; đan xen văn xuôi và thơ.

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Năng lực thu thập thông tin liên quan đến Lê Hữu Trác.	**Đ1**
2	Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm.	**Đ2**
3	Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.	**Đ3**
4	Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thể loại kí sự	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh* nói riêng và tác phẩm *Thượng kinh kí sự* nói riêng	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	- Trân trọng nhân cách cao đẹp của danh y Lê Hữu Trác. - Có trách nhiệm và lương tâm đối với nghề nghiệp mình đã chọn	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh về tác giả, tác phẩm; phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10 phút)	**Kết nối**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh*	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I.Tìm hiểu chung. 1. Tác giả 2. Tác phẩm II. Đọc hiểu văn bản. 1. Cảnh sống xa hoa, đầy uy quyền của chúa Trịnh và thái độ của tác giả. 2. Nhân vật thế tử Cán và thái độ của tác giả. 3. Vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách của Lê Hữu Trác III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành, thảo luận theo cặp đôi	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ

			Kỹ thuật: động não	của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm của HS - qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**Đ5, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.

a. Mục tiêu: Kết nối bài học

b. Nội dung: HS quan sát 2 bức tranh và trả lời câu hỏi: Những bức tranh này khiến em liên tưởng đến tác phẩm nào đã học ở chương trình THCS?

c. Sản phẩm. Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1:GV giao nhiệm vụ cho HS: Đưa ra bức tranh về phủ chúa Trịnh → Bức tranh khiến các em nhớ tới tác phẩm nào đã học trong chương trình Ngữ văn THCS?

Nêu những hiểu biết của em về đoạn trích đã học?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: quan sát, suy nghĩ và trả lời

- Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

(Đoạn trích "Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh" – trích *Vũ trung tùy bút*- Phạm Đình Hổ)

- Bước 4: Nhận xét và liên hệ và dẫn vào bài mới:*Lê Hữu Trác không chỉ là một thầy thuốc nổi tiếng mà còn được xem là một trong những tác giả văn học có những đóng góp lớn cho sự ra đời và phát triển của thể loại kí sự. Ông đã ghi chép một cách trung thực và sắc sảo hiện thực của cuộc sống trong phủ chúa Trịnh qua "Thượng kinh kí sự" (Kí sự lên kinh). Để hiểu rõ tài năng, nhân cách của Lê Hữu Trác cũng như hiện thực xã hội Việt Nam thế kỉ XVIII, chúng ta sẽ tìm hiểu đoạn trích Vào phủ chúa Trịnh (Trích Thượng kinh kí sự)***.***

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Hoạt động 1: TÌM HIỂU CHUNG	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm.** **- Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ:** + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn* (Sgk, tr.3). + Em hãy nêu những nét chính về tác giả, tác phẩm? **- Bước 2: HS làm việc cá nhân.** **- Bước 3: HS báo cáo.** **- Bước 4: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.** *** Thao tác 2: Hướng dẫn HS đọc văn bản** GV hướng dẫn cách đọc: giọng chậm rãi, từ tốn, chú ý đọc một số câu thoại, lời của quan chánh đường, lời thế tử, lời người thầy thuốc trong phủ, lời tác giả,... **- GV đọc trước một đoạn.** **- 1 HS đọc, cả lớp theo dõi.**	**I. TÌM HIỂU CHUNG** **1. Tác giả** Lê Hữu Trác (1724 – 1791) hiệu là Hải Thượng Lãn Ông; là một danh y, nhà văn, nhà thơ lớn nửa cuối thế kỉ XVIII. Ông là tác giả của bộ sách y học nổi tiếng *Hải thượng y tông tâm lĩnh.* **2. Tác phẩm (SGK)** - Đoạn trích được rút ra từ *Thượng kinh kí sự* - tập kí sự bằng chữ Hán hoàn thành năm 1783, xếp ở cuối bộ *Hải thượng y tông tâm lĩnh*- ghi lại việc tác giả được triệu vào phủ cúa để khám bệnh kê đơn cho thế tử. - Đọc văn bản.
Hoạt động 2: ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN	
- Bước 1; Giáo viên giao nhiệm vụ: 4 nhóm với 4 câu hỏi +**Nhóm 1:** Quang cảnh và cuộc sống đầy uy quyền của chúa Trịnh được tác giả miêu tả như thế nào?	**1. Cảnh sống xa hoa đầy uy quyền của chúa Trịnh và thái độ của tác giả** * Cảnh sống xa hoa đầy uy quyền của chúa Trịnh + Vào phủ chúa phải qua nhiều lần

+ **Nhóm 2:** *Thái độ của tác giả bộc lộ như thế nào trước quang cảnh ở phủ chúa? em có nhận xét gì về thái độ ấy?* + **Nhóm 3:** Nhân vật Thế tử Cán hiện ra như thế nào? + **Nhóm 4:** *Thái độ của Lê Hữu Trác và phẩm chất của một thầy lang được thể hiện như thế nào khi khám bệnh cho Thế tử?* **- Bước 2: HS thảo luận khoảng 5 phút** **- Bước 3: Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **-Bước 4: GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.**	cửa và " Những dãy hành lang quanh co nối nhau liên tiếp". " Đâu đâu cũng là cây cối um tùm chim kêu ríu rít, danh hoa đua thắm, gió đưa thoang thoảng mùi hương" + trong khuôn viên phủ chúa " Người giữ cửa truyền báo rộn ràng, người có việc quan qua lại như mắc cửi. **(phân tích bài thơ mà tác giả ngâm)** + Nội cung được miêu tả gồm những chiếu gấm, màn là, sập vàng, ghế rồng, đèn sáng lấp lánh, hương hoa ngào ngạt, cung nhân xúm xít, mặt phần áo đỏ... + ăn uống thì " Mâm vàng, chén bạc, đồ ăn toàn của ngon vật lạ" + Về nghi thức: Nhiều thủ tục... Nghiêm đến nỗi tác giả phải " Nín thở đứng chờ ở xa) => Phủ chúa Trịnh lộng lẫy sang trọng uy nghiêm được tác giả miêu tả bặng tài quan sát tỷ mỷ, ghi chép trung thực, tả cảnh sinh động giữa con người với cảnh vật. Ngôn ngữ giản dị mộc mạc... * Thái độ của tác giả - Tỏ ra dửng dưng trước những quyến rũ của vật chất. Ông sững sờ trước quang cảnh của phủ chúa " Khác gì ngư phủ đào nguyên thủa nào" - Mặc dù khen cái đẹp cái sang nơi phủ chúa xong tác giả tỏ ra không đồng tình với cuộc sống quá no đủ tiện nghi nhưng thiếu khí trời và không khí tự do 2. Thế tử Cán và thái độ, con người

	Lê Hữu Trác * Nhân vật Thế tử Cán: - Lối vào chỗ ở của vị chúa rất nhỏ " Đi trong tối om..." - Nơi thế tử ngự: Vây quanh bao nhiêu là vật dụng gấm vóc lụa là vàng ngọc. Người thì đông nhưng đều im lặng - Hình hài, vóc dáng của Thế tử Cán: + Mặc áo đỏ ngồi trên sập vàng + Biết khen người giữa phép tắc "Ông này lạy khéo" + Đứng dậy cởi áo thì "Tinh khí khô hết, mặt khô, rốn lồi to, gân thì xanh...nguyên khí đã hao mòn... âm dương đều bị tổn hại -> một cơ thể ốm yếu, thiếu sinh khí => Tác giả vừa tả vừa nhận xét khách quan Thế tử Cán được tái hiện lại thật đáng sợ. Tác giả ghi trong đơn thuốc " 6 mạch tế sác và vô lực...trong thì trống". Phải chăng cuộc sống vật chất quá đầy đủ, quá giàu sang phú quý nhưng tất cả nội lực bên trong là tinh thần ý chí, nghị lực, phẩm chất thì trống rỗng? * Thái độ của Lê Hữu Trác và phẩm chất của một thầy lang khi khám bệnh cho Thế tử - Một mặt tác giả chỉ ra căn bệnh cụ thể, nguyên nhân của nó, một mặt ngầm phê phán "Vì Thế tử ở trong chốn màn che trướng phủ, ăn quá no, mặc quá ấm nên tạng phủ yếu đi"

- **Bước 1**: Em có suy nghĩ gì về vẻ đẹp tâm hồn của Lê Hữu Trác? - **Bước 2; HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.** - **Bước 3: GV nhận xét.** - **Bước 4: Chuẩn kiến thức.**	+ Ông rất hiểu căn bệnh của Trịnh Cán, đưa ra cách chữa thuyết phục nhưng lại sợ chữa có hiệu quả ngay, chúa sẽ tin dùng, công danh trói buộc. Đề tránh được việc ấy chỉ có thể chữa cầm chừng, dùng thuốc vô thưởng vô phạt. Song, làm thế lại trái với y đức. Cuối cùng phẩm chất, lương tâm trung thực của người thày thuốc đã thắng. Khi đã quyết tác giả thẳng thắn đưa ra lý lẽ để giải thích -> Tác giả là một thày thuốc giỏi có kiến thức sâu rộng, có y đức **3. Vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách của Lê Hữu Trác:** -Là một người thầy thuốc giỏi, có kiến thức sâu rộng và dày dặn kinh nghiệm. - Bên cạnh tài năng, ông còn là một thầy thuốc có lương tâm và đức độ. - Hơn nữa ông còn có những phẩm chất cao quý như khinh thường lợi danh, quyền quý, yêu thích tự do và nếp sống thanh đạm, giản dị nơi quên nhà…
Hoạt động 3: Hướng dẫn HS tổng kết bài học	
- Bước 1: GV nêu câu hỏi: + Giá trị nổi bật của đoạn trích là gì? Giá trị ấy thể hiện ở những khía cạnh nào? + Nhận xét nghệ thuật viết kí của tác giả? + Qua đoạn trích, bày tỏ suy nghĩ về vẻ đạp tâm hồn của tác giả? + Nêu ý nghĩa văn bản? - **Bước 2; HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.** - **Bước 3: GV nhận xét.**	**1. Nghệ thuật:** -Bút pháp ký sự đặc sắc của tác giả- Quan sát tỉ mỉ. ghi chép trung thực, miêu tả cụ thể, sống động, chọn lựa được những chi tiết "đắt", gây ấn tượng mạnh. - Lối kể hấp dẫn, chân thực, hài hước. - Kết hợp văn xuôi và thơ làm tăng chất trữ tình cho tác phẩm, góp phần thể hiện một cách kín đáo thái độ của người viết. **2. Ý nghĩa văn bản:**

- Bước 4: Chuẩn kiến thức.	Đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh* phản ánh quyền lực to lớn của Trịnh Sâm, cuộc sống xa hoa, hưởng lạc trong phủ chúa đồng thời bày tỏ thái độ coi thường danh lợi, quyền quý của tác giả.

HOẠT ĐỘNGLUYỆN TẬP.

a. Mục tiêu: **Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**

b. Nội dung: Thảo luận nhóm theo cặp đôi

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH: **- Bước 1: GV giao nhiệm vụ: (Thảo luận theo cặp đôi)** **BT1**: Sắp xếp sự việc diễn ra sau đây đúng theo trình tự: 1.Thánh chỉ 2.Qua mấy lần trướng gấm 3.Vườn cây,hành lang 4.Bắt mạch kê đơn 5.Vào cung 6.Nhiều lần cửa 7.Hậu mã quân túc trực 8.Gác tía,phòng trà 9.Cửa lớn, đại đường, quyền bổng 10.về nơi trọ. Trả lời:…… **BT2:** Qua đoạn trích anh (chị) thấy Lê Hữu Trác là người như thế nào? +Là người thầy thuốc …… +Là nhà văn…… +Là một ông quan….	**BT1:** **1->5->6->3->7->9->8->2->4->10** **BT2:** + Là thầy thuốc **giỏi, có y đức.** **+** Là nhà văn **với bút pháp kí sự đặc sắc.** **+** Là ông quan **thanh liêm, chính trực** **BT3:**

BT3:So sánh đoạn trích "*Vào phủ chúa Trịnh*"- Lê Hữu Trác với đoạn trích "*Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh" –* Phạm Đình Hổ và nhận xét về sự giống và khác nhau ở hai đoạn trích? **- Bước 2; HS thực hiện nhiệm vụ:** **- Bước 3: HS báocáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Mỗi bài tập GV gọi đại diện 1 -2 cặp đôi lên báo cáo kết quả.** **- Bước 4: GV nhận xét, chữa bài.**	Giống nhau: gần gũi ở cùng một đề tài, không gian địa điểm – phủ chúa Trịnh; giá trị hiện thực; ở thái độ kín đáo, giọng văn điềm đạm,… Khác nhau: + Đoạn trích của Lê Hữu Trác: Giới hạn trong một lần vào phủ, trực tiếp mắt thấy tai nghe. Kể ở ngôi thứ nhất; không có chi tiết hư cấu, kì ảo. + Đoạn trích của Phạm Đình Hổ: tập hợp, tổng hợp hiện thực trên nhiều nguồn trực tiếp, gián tiếp. Kể ở ngôi thứ 3, có sử dụng chi tiết hư cấu, kì ảo.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG.

a.Mục tiêu: **Đ5, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu

- Đọc ghi nhớ, tư duy, trình bày vấn đề để trả lời vấn đề mà GV đưa ra.

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH: **-Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** .Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi: *"Bệnh thế này không bổ thì*	1/ Văn bản trên có nội dung: thể hiện suy nghĩ, những băn khoăn của người thầy thuốc. Băn khoăn ấy thể hiện thái độ của ông đối với danh lợi và lương tâm nghề nghiệp, y đức của người thầy thuốc. Không đồng tình ủnghộ sự xa hoa

không được. Nhưng sợ mình không ở lâu, nếu mình làm có kết quả ngay thì sẽ bị danh lợi nó ràng buộc, không làm sao về núi được. Chi bằng ta dùng thứ phương thuốc hòa hoãn, nếu không trúng thì cũng không sai bao nhiêu. Nhưng rồi lại nghĩ: Cha ông mình đời đợi chịu ơn chịu nước, ta phải dốc hết lòng thành, để nối tiếp cái lòng trung của cha ông mình mới được". *(Trích* Vào phủ chúa Trịnh, Tr8, SGK Ngữ văn 11 NC,Tập I, NXBGD 2007) 1/ Văn bản trên có nội dung gì? 2/ Xác định hình thức loại câu trong câu văn*"Bệnh thế này không bổ thì không được".* Câu này có nội dung khẳng định, đúng hay sai ? 3/ Trình bày những diễn biến tâm trạng của Lê Hữu Trác khi kê đơn? **- Bước 2; HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.** **- Bước 3: GV nhận xét.** **- Bước 4: Chuẩn kiến thức.**	nơi phủ chúa,không màng danh lợi nhưng ông không thể làm trái lương tâm. 2/ Câu văn*"Bệnh thế này không bổ thì không được"* thuộc loại câu phủ định nhưng lại có nội dung khẳng định. 3/ Những diễn biến tâm trạng của Lê Hữu Trác khi kê đơn : - Có sự mâu thuẫn, giằng co: + Hiểu căn bệnh, biết cách chữa trị nhưng sợ chữa có hiệu quả ngay sẽ được chúa tin dùng, bị công danh trói buộc. + Muốn chữa cầm chừng nhưng lại sợ trái với lương tâm, y đức, sợ phụ lòng cha ông. - Cuối cùng phẩm chất, lương tâm của người thầy thuốc đã thắng. Ông gạt sang một bên sở thích cá nhân để làm tròn trách nhiệm. - Là một thầy thuốc có lương tâm và đức độ; - Khinh thường lợi danh, quyền quý, yêu thích tự do và nếp sống thanh đạm, giản dị nơi quê nhà

HOẠT ĐỘNGTÌM TÒI, MỞ RỘNG

a.Mục tiêu: **Đ5, V1**

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để viết đoạn văn theo yêu cầu.

c. Sản phẩm:Bài viết của HS.

d, Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
- Bước 1: GV giao nhiệm vụ: **BT1**: Khái quát phẩm chất hình tượng Lê Hữu Trác trong đoạn trích. Ông có phải là Ông Lười như bút hiệu tự đặt? Vì sao? Viết đoạn văn 5 đến 7 dòng để trả lời câu hỏi. **BT2**:Qua hình tượng thái tử Trịnh Cán trong đoạn trích, em có suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa môi trường sống và sự phát triển của con người? **- Bước 2; HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.** **- Bước 3: GV nhận xét.** **- Bước 4: Chuẩn kiến thức.**	**BT1:**Lê Hữu Trác: nhà thơ ; danh y lỗi lạc, từ tâm; bậc túc nho thâm trầm. Ông Lười - Lãn Ông chỉ là một cách đặt bút hiệu theo kiểu hài hước, dân dã. Nhưng cũng rất đúng khi nói ông lười trong thái độ thờ ơ với công danh phú quý, trong lối sống tự do thanh cao nơi rừng núi quê nhà. **BT2:**HS liên hệ thực tế.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)

- Văn bản văn học 11,…

V. RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY.

Tiết 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 - KHGD:

CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP:

ĐỌC - HIỂU VÀ NGHỊ LUẬN VỀ THƠ TRỮ TÌNH TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

(Chương trình Ngữ văn 11, học kì I, 07 tiết)

I. PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA CHỦ ĐỀ VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

1. Chủ đề gồm các bài:

*Các văn bản thơ Nôm trung đại:

- *Tựtình*(BàiII)củaHồXuânHương
- *Câu cá mùa thu*(*Thu điếu*) của NguyễnKhuyến
- *Thương vợ* của Trần TếXương

*Tích hợp với các bài sau:

- *Phântíchđề,lậpdànýbàivănnghịluận*
- *Thao tác lập luận phântích*
- *Luyện tập thao tác lập luận phân tích*

2. Thời lượng: 7 tiết

3. Hình thức:

- Tổ chức dạy học trong lớp.
- Ở nhà thực hành, nghiên cứu.

II. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

***Các văn bản thơ Nôm đường luật:**

- Cảm nhận được tâm trạng vừa buồn tủi, vừa phẫn uất trước tình cảnh éo le và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương.

- Cảm nhận được vẻ đẹp điển hình của mùa thu đồng bằng Bắc Bộ và vẻ đẹp tâm hồn thi nhân.

- Cảm nhận được hình ảnh bà Tú – tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam với những gian lao, vất vả nhưng luôn nhân hậu, đảm đang và lặng lẽ hi sinh vì chồng vì con; thấy được tình yêu thương quý trọng của TTX dành cho người vợ, vẻ đẹp nhân cách và tâm sự của nhà thơ.

- Thấy được tài năng thơ Nôm của Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương; nắm được những thành công nghệ thuật của các bài thơ: sử dụng từ ngữ giản dị, giàu sức biểu cảm, vận dụng hình ảnh, ngôn ngữ văn học dân gian kết hợp với giọng điệu trữ tình.

***Tích hợp làm văn nghị luận:**

- Hiểu được vai trò, nắm được cách phân tích đề và lập dàn ý trong tiến trình làm một bài văn nghị luận.

- Củng cố và nâng cao tri thức về thao tác lập luận phân tích, biết vận dụng thao tác lập luận phân tích trong bài văn nghị luận

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Năng lực thu thập các tri thức liên quan đến các tác giả Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương; các tác phẩm Tự tình, Câu cá mùa thu, Thương vợ; phân tích đề và lập dàn ý bài văn nghị luận; thao tác lập luận phân tích.	**Đ1**
2	Nhận biết và phân tích được các từ ngữ, hình ảnh thơ trong việc thể hiện tâm trạng và cảm xúc của nhân vật trữ tình	**Đ2**
3	Nhận biết và phân tích được những yếu tố nghệ thuật tiêu biểu trong thơ Nôm Đường luật.	**Đ3**
4	Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà	**Đ4**

	văn bản gửi gắm.	
5	Nhận biết và cách sử dụng thao tác lập luận phân tích trong một bài văn nghị luận.	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, về văn nghị luận.	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học (biết cách phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận; cách sử dụng thao tác lập luận phân tích trong văn bản nghị luận)	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: YÊU NƯỚC, TRÁCH NHIỆM		
10	-Yêu thiên nhiên, con người, yêu Tổ quốc.	**YN**
11	- Có ý thức xác định lẽ sống, lí tưởng sống cao đẹp. - Có ý thức trách nhiệm đối với đất nước trong hoàn cảnh hiện tại.	**TN**

3. Bảng mô tả các mức độ, yêu cầu

Mức độ nhận biết	Mức độ thông hiểu	Mức độ vận dụng và vận dụng cao
Nêu những nét chính về tác giả.	Chỉ ra những biểu hiện về con người tác giả được thể hiện trong tác phẩm.	Nêu những hiểu biết thêm về tác giả qua việc đọc hiểu bài thơ.
Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ.	Phân tích tác động của hoàn cảnh ra đời đến việc thể hiện nội dung tư tưởng của bài thơ.	Nêu những việc sẽ làm nếu ở vào hoàn cảnh tương tự của tác giả.
Chỉ ra ngôn ngữ được sử dụng để sáng tác bài thơ.	Cắt nghĩa một số từ ngữ, hình ảnh… trong các câu thơ.	Đánh giá việc sử dụng ngôn ngữ của tác giả trong bài thơ.
Xác định thể thơ.	Chỉ ra những đặc điểm về bố cục, vần, nhịp, niêm, đối… của thể thơ trong bài thơ.	Đánh giá tác dụng của thể thơ trong việc thể hiện nội dung bài thơ.
Xác định nhân vật trữ tình.	- Nêu cảm xúc của nhân vật trữ tình trong từng câu/cặp câu thơ. - Khái quát bức tranh tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ.	Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong câu/cặp câu/bài thơ.
Xác định hình tượng nghệ thuật được xây dựng trong bài thơ.	- Phân tích những đặc điểm của hình tượng nghệ thuật thơ.	- Đánh giá cách xây dựng hình tượng nghệ thuật. - Nêu cảm nhận/ấn tượng riêng

	- Nêu tác dụng của hình tượng nghệ thuật trong việc giúp nhà thơ thể hiện cái nhìn về cuộc sống và con người.	của bản thân về hình tượng nghệ thuật.

Chỉ ra câu/cặp câu thơ thể hiện rõ nhất tư tưởng của nhà thơ.	- Lí giải tư tưởng của nhà thơ trong câu/cặp câu thơ đó.	- Nhận xét về tư tưởng của tác giả được thể hiện trong bài thơ.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

IV. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động	**Đ1, GQVĐ**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả các tác giả, tác phẩm thơ Nôm đường Luật.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức	**Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**	*Các văn bản thơ Nôm trung đại: - *Tựtình*(BàiII)củaHồXuânHương - *Câu cá mùa thu* (*Thu điếu*) của NguyễnKhuyến - *Thương vợ* của Trần TếXương *Tích hợp với các bài sau:	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua

		- *Phântíchđề,lậpdànýbàivănnghịluận* *- Thao tác lập luận phântích* *- Luyện tập thao tác lập luận phân tích*	quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập	**Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng	**Đ4, Đ5, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5:	**GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết	Đánh giá

Mở rộng			trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B.TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ ĐỀ

1. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc và soạn bài ở nhà theo hướng dẫn học bài.

- Tra cứu và tham khảo những thông tin có liên quan đến bài học (về tác giả, tác phẩm).

b. Chuẩn bị của giáo viên:

- Đọc SGK, tài liệu tham khảo về các tác giả, tác phẩm.

- Chuẩn bị phương tiện dạy học: máy tính, máy chiếu, tranh ảnh có liên quan đến bài dạy,…

- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi theo các cấp độ.

2. Tiến trình dạy học

NỘI DUNG 1: GIỚI THIỆU CHỦ ĐỀ

- Về thơ Nôm Đường luật:

Thơ Nôm Đường luật là một thành tựu rực rỡ của thơ ca Việt Nam. Đó là những bài thơ được viết bằng chữ Nôm theo thể Đường luật (gồm cả những bài thơ theo thể Đường luật hoàn chỉnh và cả những bài theo thể Đường luật phá cách).

Ngoài những đặc điểm chung của văn học trung đại, đặc điểm của thơ Nôm Đường luật nói một cách ngắn gọn và bản chất nhất là sự kết hợp hài hòa giữa "yếu tố Nôm" và "yếu tố Đường luật". Hai yếu tố này hòa quyện, đan xen vào nhau tạo nên giá trị của mỗi tác phẩm thơ Nôm Đường luật.

- Tích hợp phân môn:

Kết hợp nội dung của các phân môn Văn học, Tiếng Việt và Làm văn trong dạy học Ngữ văn.

NỘI DUNG 2: ĐỌC - HIỂU THƠ NÔM TRUNG ĐẠI

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (TRẢI NGHIỆM)

a. Mục tiêu: **kết nối chủ đề**

(HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học).

b.Nội dung: Khởi động chung cho cả chủ đề hoặc khởi động riêng cho từng bài.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Cách 1: Khởi động chung cho cả nội dung 2.

- Kể tên những bài thơ Nôm trung đại Việt Nam mà em đã học ở trung học cơ sở? Các bài thơ đó được viết bằng ngôn ngữ nào? Theo các thể thơ nào?

- Em thích nhất bài nào trong số các bài thơ đó? Vì sao?

Cách 2: Khởi động riêng cho từng bài thơ Nôm trong chủ đề:

1.*Tự tình* - Hồ Xuân Hương

GV: Tìm những câu ca dao, thành ngữ hoặc những tác phẩm thơ văn đã học nói về thân phận của người phụ nữ trong xã hội xưa?

- Chùm ca dao than thân mở đầu bằng "Thân em":

HS:*Thân em như tấm lụa đào*

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.

- Thành ngữ: *Hồng nhan bạc mệnh*
- *Hồng nhan đa truân.*
- *Bánh trôi nước* – Hồ Xuân Hương
- *Chuyện người con gái Nam Xương* – Nguyễn Dữ

- *Truyện Kiều* – Nguyễn Du

=> *GV dẫn vào bài:* Đề tài thân phận người phụ nữ là đề tài được rất nhiều các nhà văn, nhà thơ tìm đến, trong đó, Hồ Xuân Hương được coi là nhà thơ của phụ nữ. Tiếng thơ của bà là tiếng nói đòi quyền sống, quyền hạnh phúc. *Tự tình (II)* là một bài thơ như thế.

2. *Câu cá mùa thu* - Nguyễn Khuyến

GV: Trong chương trình ngữ văn 7, em đã được học một tác phẩm của tác giả Nguyễn Khuyến? Đó là tác phẩm nào? Nêu những hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Khuyến qua tiết học đó mà em còn nhớ?

HS: Đưa ra câu trả lời: bài thơ "Bạn đến chơi nhà"; một số nét về tác giả NK.

3.Bài*:Thương vợ* - Tú Xương

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
GV yêu cầu 2 HS nhóm 1 lên đóng vai để giới thiệu về tác giả Tú Xương: - Một học sinh đóng vai người khách đến vùng đất Nam Định (phường Vị Xuyên- thành phố Nam Định) - Một học sinh đóng vai là người con của Nam Định giới thiệu cho vị khách về những nét văn hóa nổi bật của quê hương, trong đó có con người ưu tú của Vị Xuyên – nhà thơ Tú Xương.	*Anh đi anh nhớ non Côi* *Nhớ song Vị Thủy, nhớ người tình chung* -Non Côi (núi Côi), sông Vị là hai cảnh sắc của Nam Định, quê hương nhà thơ Trần Tế Xương. Ông sinh năm 1870 và mất năm 1907, lận đận mãi trên con đường thi cử, công danh. Ông tự than: "thi không ăn ớt thế mà cay": - Chỉ đậu Tú tài, nên người đời gọi ông là Tú Xương. - Sự nghiệp văn thơ của Tú Xương rất khiêm tốn, chỉ có trên dưới 150 bài thơ, phú và văn tế bằng chữ Nôm. Chất trữ tình thấm đảm, chất trào phúng sắc nhọn là hồn thơ Tú Xương. - Cái xã hội Việt Nam đầu thế kỉ 20, một xã hội dở ta dở Tây với bao hiện tượng xấu xa, đổi bại đã phản ánh một cách sắc nét, điển hình trong thơ Tú Xương. - Những bài thơ như "Thương vợ", "Mồng hai Tết, viếng cô Kí", "Ông cò", "Đưa ông phủ", "Sông Lấp", "Đất Vị Hoàng", "Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu", ... là những bài thơ nổi tiếng của Tú Xương. Ông xứng đáng là nhà thơ trào phúng bậc thầy, chiếm một địa vị vẻ vang trong nền thi ca dân tộc.

	Thi sĩ Xuân Diệu từng ca ngợi Tú Xương: *Ông nghè, ông thám vô mây khói,* *Đứng lại văn chương một tú tài.* Tú Xương là người con của quê hương Nam Định. Mảnh đất hiếu học thành Nam luôn tự hào về ông!

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Tiết 1: TỰ TÌNH

- HỒ XUÂN HƯƠNG –

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
ND 1: Hướng dẫn HS đọc hiểu khái quát **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.** **- GV gọi 1 HS đọc phần Tiểu dẫn sgk và trả lời các câu hỏi sau:** **- HS thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 1:**	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** ***a. Cuộc đời*** - HXH là thiên tài kì nữ nhưng cuộc đời gập nhiều bất hạnh. - Thơ HXH là thơ của phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm chất dân gian từ đề tài,cảm hứng ngôn từ và hình tượng. ***b. Sự nghiệp sáng tác*** - Sáng tác cả chữ Hán và chữ Nôm nhưng thành công ở chữ Nôm.

Tìm hiểu chung	
1. Tác giả Hồ Xuân Hương - Cuộc đời - Sự nghiệp sáng	2.Tác phẩm - Xuất xứ - Thể loại - Cảm nhận

tác	chung

- Bước 2; HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.

- Bước 3: GV nhận xét.

- Bước 4: Chuẩn kiến thức.

-GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản.

-Gọi HS đọc và nhận xét. GV đọc lại.

ND 2: Hướng dẫn HS đọc – hiểu văn bản.

- Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: tìm hiểu 2 câu đề

+ Nhóm 2: tìm hiểu 2 câu thực.

+ Nhóm 3: tìm hiểu 2 câu luận.

+ Nhóm 4: tìm hiểu 2 câu kết.

- Bước 2: HS thảo luận khoảng 5-7 phút

- Bước 3: Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.

- Các nhóm khác nhận xét chéo.

- Bước 4:GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.

- Phong cách thơ vừa thanh vừa tục.

→ Được mệnh danh là " *bà chúa thơ Nôm"*.

2.Bài thơ "Tự tình" (II)

- Xuất xứ: Bài thơ thư 2 trong chùm 3 bài.
- Thể loại: Thơ Nôm đường luật, viết theo thể thất ngôn bát cú.
- Nhan đề "Tự tình": bày tỏ tâm trạng, cảm xúc, tình cảm của người viết .
- Cảm nhận chung: Bài thơ thể hiện sự cảm thức về thời gian và tâm trạng buồn tủi, phuẫn uất trước duyên phận éo le và khát vọng sống , khát vọng hạnh phúc của nhà thơ.

II. Đọc – hiểu:

1. Hai câu đề:

"Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn

Trơ cái hồng nhan với nước non"

- Thời gian : đêm khuya

+ Thời gian tự nhiên: khoảng thời gian yên tĩnh, vắng lặng về đêm.

+ Thời gian tâm lí: khoảng thời gian con người thường đối diện với chính mình trong suy tư, trăn trở.

- Âm thanh: tiếng trống canh dồn

+ Từ láy "văng vẳng": âm thanh từ xa vọng lại.

+ *trống canh dồn:* âm thanh nghe dồn dập, thúc giục

→Gợi không gian vắng vẻ với bước đi dồn

	dập của thời gian → Tâm trạng cô đơn,rối bời. - Động từ: "*Trơ"* + Trơ lì-->sự từng trải--> do cđ nhiều éo le, ngang trái, duyên phận hẩm hiu, kiếp "hồng nhan bạc phận). + Sự trơ trọi, lẻ bóng, cô đơn →"*Trơ cái hồng nhan*" là nỗi đau của HXH- sự tủi hổ, bẽ bàng khi duyên tình ko đến, duyên phận ko thành. *+ "Trơ cái hồng nhan với nước non":* Kết hợp từ "cái"+"hồng nhan": "hồng nhan" là một khái niệm mỹ miều, chỉ người phụ nữ tài sắc mà lại đi với "cái" nghe thật rẻ rúng, mỉa mai. (*hồng nhan* trong câu thơ đã bị đồ vật hóa, rẻ rúng hóa). Nhưng "cái hồng nhan" lại "trơ" với "nước non" lại là bản lĩnh của HXH. Biện pháp đối lập: Cái hồng nhan>< nước non (cái nhỏ bé bên cạnh cái rộng lớn, mênh mông) đây ko chỉ là sự dãi dầu, là cay đắng mà còn là cả sự thách đố,cho thấy sự bền gan, bản lĩnh của người phụ nữ trước cđ. =>Hai câu thơ đề tạc vào không gian, thời gian hình tượng một người đàn bà trầm uất, đang đối diện với chính mình. **2. Hai câu thực** ***"Chén rượu hương đưa say lại tỉnh*** ***Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn"*** *****Bi kịch, nỗi đau thân phận được nhấn mạnh,

	khắc sâu hơn khi nv trữ tình ngồi một mình, đối diện với vầng trăng lạnh và mượn rượu để giải khuây. - Nghệ thuật đối: *Chén rượu –hương đưa –say lại tỉnh* *Vầng trăng – bóng xế – khuyết chưa tròn* →các từ ngữ đăng đối, hô ứng với nhau làm rõ thêm thân phận của một người đàn bà dang dở + Rượu không vơi cạn nỗi niềm mà khiến nỗi niềm trở nên thấm thía, đau xót hơn bởi "say lại tỉnh", chữ "lại" gợi lên cái vòng luẩn quẩn, trở đi trở lại trong bế tắc, xót xa, chán nản, thất vọng… + Thi sĩ tìm đến với trăng nhưng trăng lại trở thành hình ảnh soi chiếu thân phận *" Vầng trăng – bóng xế - khuyết chưa tròn"*: Tuổi xuân qua đi mà duyên phận chưa trọn vẹn => Nỗi xót xa, cay đắng cho duyên phận dở dang, lỡ làng của một người phụ nữ tài hoa, ý thức sâu sắc về tình cảnh của bản thân. **<u>3.Hai câu luận</u>** ***"Xiên ngang mặt đất rêu từng đám*** ***Đâm toạc chân mây đá mấy hòn"*** Hai câu thơ gợi cảnh thiên nhiên và cảnh được gợi qua tâm trạng như cũng mang nỗi niềm phẫn uất, phản kháng dữ dội,muốn vùng vẫy, bứt phá của con người: + *Rêu:* 1 sinh vật nhỏ bé, hèn mọn, kochịu khuất phục, mềm yếu.Nó đã mọc lên mà còn mọc xiên ngang mặt đất đầy thách thức.

*Đá:*vốn đã rắn chắc nhưng giờ đây dường như nó cứng hơn, nhọn hơn để đâm toạc chân mây.

+ Các động từ mạnh *"xiên, đâm"* kết hợp với phụ ngữ "*ngang, toạc"* + Biện pháp đảo ngữ trong 2 câu luận thể hiện sự bướng bỉnh, ngang ngạnh rất HXH, phản kháng không cam chịu chấp nhận số phận.

Mượn sức sống mãnh liệt của thiên nhiên thể hiện bản lĩnh, phản kháng vươn lên không cam chịu cho thấy nét độc đáo táo bạo thơ nữ thi sĩ.

4. Hai câu kết

"Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại

Mảnh tình san sẻ tí con con"

-HXH muốn đạp tan, vùng vẫy nhưng ko thành, XHPK đã ko để tâm đến thân phận bọt bèo của người phụ nữ. Rốt cuộc nữ sĩ vẫn rơi vào bi kịch, tuyệt vọng, đành phải buông một tiếng thở dài não ruột trong sự buồn chán và cam chịu.

-Ngán→ngán ngẫm,chán trường, là sự mệt mỏi,buông xuôi trước thân phận, cđ.

- Xuân → mùa xuân –tuần hoàn-vô hạn
- Xuân → tuổi xuân con người – hữu hạn

-Lại → thêm lần nữa
-Lại →

	sự trở lại đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân con người →mùa xuân của trời đất thì tuần hoàn, vĩnh cửu; mùa xuân của đời người ra đi không trở lại - sự trở lại của mùa xuân đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân - *"Mảnh tình – san sẻ - tí – con con"*→Thủ pháp tăng tiến làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn, tội nghiệp hơn Mảnh tình càng bé thì nỗi đau càng tăng và đọng lại là dư vị xót xa, cay đăng về thân phận của người phụ nữ trong xh xưa với phận hẩm, duyên ôi. **III. Tổng kết** **1.Nội dung:** Tâm trạng cô đơn,buồn tủi, mỉa mai phẫn uất trước duyên phận éo le ngang trái, khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của nhà thơ. **2. Nghệ thuật:** - Từ ngữ, hình ảnh giản dịnhưng giàu sức biểu cảm,táo bạo, in đậm cá tinh sáng tạo của nữ sĩ. - Việt hóa thơ Đường mang nét dân gian – dân tộc theo phong cách riêng của HXH.
*__Tổng kết__ **- GV giao nhiệm vụ:** Những đặc sắc nội dung, nghệ thuật bài thơ? **- Bước 2; HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.** **- Bước 3: GV nhận xét.**	*Ghi nhớ: SGK/tr19

- Bước 4: Chuẩn kiến thức. *Sự phát triển logic của tâm trạng HXH trong bài thơ: Bi kịch,thách đố duyên phận ↓ Chìm sâu trong bi kịch ↓ Gắng gượng vươn lê ↓ Vẫn rơi vào bi kịch	

Tiết 2:CÂU CÁ MÙA THU

(*THU ĐIẾU)* - NGUYỄN KHUYẾN –

a. Mục tiêu: **Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung	
- Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ: HS đọc phần tiểu dẫn SGK và trả lời câu hỏi: Dựa vào phần tiểu dẫn, em hãy giới thiệu đôi nét về tác giả Khuyến Khuyến, bài thơ *"Câu cá mùa thu"* **- Bước 2; HS suy nghĩ, trả lời cá**	**I. Tìm hiểu chung.** **1. Tác giả** **** Cuộc đời*** - Nguyễn Khuyến (1835 – 1909) hiệu là Quế

nhân. **- Bước 3: GV nhận xét.** **- Bước 4: Chuẩn kiến thức.**	Sơn, quê làng Và, xã Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, xuất thân trong một gia đình nhiều người đỗ đạt, làm quan to. - Là người tài cao học rộng, đỗ đầu ba kì thi, thường được gọi bằng cái tên trân trọng Tam Nguyên Yên Đổ. - Ông chỉ làm quan 10 năm, sau đó về ở ẩn. Ông gắn bó sâu nặng với làng quê Bắc Bộ → viết về những sự vật bình dị, gần gũi. - Ông là người có tấm lòng yêu nước thương dân * ***Sự nghiệp*** - Nội dung thơ văn Nguyễn Khuyến: Thơ văn ông nói lên tình yêu quê hương đất nước thể hiện trong sự u hoài trước cảnh đổi thay của đất nước, thể hiện trong những bài thơ phản ánh cuộc sống của những người dân quê, những bức tranh làng quê đất Việt và những bức tranh biếm họa thâm trầm - Ông để lại cả một sự nghiệp rộng lớn trên nhiều thể loại, ở thể loại nào cũng có những đóng góp xuất sắc: thơ thất ngôn bát cú, hát nói, câu đố...Thơ bao gồm cả thơ chữ Hán và chữ Nôm song chỉ có thơ văn Nôm được mọi người khâm phục hơn hết. - Được mệnh danh là "*nhà thơ của dân tình*

	làng cảnh VN" => Cuộc đời của Nguyễn Khuyến là cuộc đời của 1 trí thức dân tộc có tài năng lớn, sống thanh bạch đôn hậu gần gũi với nhân dân lao động, gắn bó sâu nặng với đất nước tuy chưa phải là 1 chiến sĩ cứu nước. **2. Tác phẩm** - **Xuất xứ**, **HCST** của tác phẩm: bài thơ nằm trong chùm ba bài thơ thu: *thu điếu, thu vịnh, thu ẩm.* Đây là chùm thơ đặc sắc về mùa thu, đặc trưng cho quê hương làng cảnh Việt Nam. được Nguyễn Khuyến viết vào thời gian sau khi ông đã từ quan về sống ở quê nhà (1884). **- Thể loại** bài thơ: thể thất ngôn bát cú Đường luật. **- Đề tài:** mùa thu. Đây là đề tài quen thuộc trong thơ ca. (Trong thơ cổ, chữ thu được ghép bằng chữ tâm và chữ sầu). Đây là mùa gợi cảm nó gieo vào lòng người những cảm xúc tinh tế. **- Bố cục:** C1: Đề - thực – luận – kết (Theo kết câu của bìa thơ thể thất ngôn bát cú Đường luật). C2: Bổ dọc bài thơ:
- **GV** hướng dẫn HS đọc với nhịp chậm, giọng nhẹ, phảng phất buồn. - **HS** đọc bài 3,4 lần và cho ý kiến về bố	

cục **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc hiểu chi tiết văn bản** **- Bước 1**: **GV giao nhiệm vụ: chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi thành viên dựa vào bài soạn trong vở soạn văn để trao đổi, thống nhất các yêu cầu sau:** **+ Nhóm 1:** Nêu điểm nhìncảnh thu của tác giả? Bức tranh thu được tạo nên từ những hình ảnh nào? + **Nhóm 2**: Sự hài hòa về đường nét, màu sắc, âm thanh của bức tranh thu? + **Nhóm 3:** Những biện pháp nghệ thuật để tạo nên bức tranh thu trong 6 câu đầu? + **Nhóm 4:** Tình cảm của tác giả qua bức tranh thu ở 6 câu đầu? **-Bước 2:Các nhóm thảo luận trong 5p.** **-Bước 3; Đại diện các nhóm lần lượt trình bày.** **- Bước 4: GV nhận xét, chốt kiến thức.**	+ Cảnh thu + Tình thu **II. Đọc – hiểu chi tiết văn bản** **1. "Câu cá mùa thu" – thần thái của mùa thu vùng đồng bằng Bắc Bộ** **- Điểm nhìn:** bắt đầu từ ao thu, từ một chiếc thuyền con giữa lòng ao nhỏ, cái nhìn của thi nhân bao quát ra xung quanh thấy mặt nước ao thu lạnh lẽo, trong veo, với sóng biếc hơi khẽ gợn và lá thu -> hướng lên cao để thu vào khoảng trời trong xanh vời vợi -> hạ xuống thấp nhìn ra bao quát xung quanh để thấy ngõ trúc quanh co uốn lượn -> tầm mắt lại quay trở về điểm dừng ban đầu là chiếc thuyền câu bởi tiếng cá đớp mồi dưới chân bèo. **- Cảnh thu:** + Ao thu: lạnh lẽo. "Lạnh lẽo" là một từ láy gợi cảm giác về cái lạnh của mùa thu, cái tĩnh lặng của không gian. + Nước thu: trong veo, có thể nhìn thấy tận đáy, không một chút vẩn đục như in bóng mây trời + Chiếc thuyền câu: "một chiếc" càng gợi sự tĩnh lặng của không gian, sự đơn độc của người đi câu. "Bé tẻo teo" càng làm cho

	chiếc thuyền câu trở nên bé nhỏ. + Sóng thu: "sóng biếc" như phản chiếu màu cây, màu trời. Chuyển động của sóng rất nhỏ, rất nhẹ "hơi gợn tí". + Lá thu: chuyển động nhịp nhàng cùng sóng "khẽ đưa vèo". Từ "đưa vèo": hình dung về chiếc lá rất mỏng, rất nhẹ và dường như không có trọng lượng. + Gió thu: nhẹ nhàng, không đủ sức tạo nên những con sóng lớn khiến cho sóng thu chỉ hơi gợn tí và chỉ đủ bứt chiếc lá vàng lìa theo chiều gió. + Tầng mây: "lơ lửng". Dường như làn gió thu nhẹ nhàng, thổi rất khẽ đã làm cho tầng mây không bay mà chỉ lơ lửng. + Trời: "xanh ngắt". Xanh ngắt là một nền trời màu xanh đậm, không một gợn mây. Hai chữ "xanh ngắt" còn gợi độ sâu, độ rộng của không gian và cái nhìn vời vợi của nhà thơ. +"Ngõ trúc quanh co". Từ "quanh co" gợi nhớ những con đường rợp bóng tre trúc hai bên đường nhưng thăm thẳm, hun hút. -> Cảnh thu thanh sơ, gần gũi, quen thuộc,gợi hồn quê dân dã. **- Đường nét**: mảnh mai tinh tế: đường bao thanh mảnh của rặng trúc, đường gợn của

	lượn sóng ao thu. **- Màu sắc**: biếc, vàng kết hợp với "trong veo" của mặt nước nên một bức tranh hài hòa với những màu sắc thanh đạm. Màu sắc trong thơ Nguyễn Khuyến thật dân dã, mang đậm nét hồn quê. **- Âm thanh:** "hơi gợn tí", "đưa vèo" gợi những chuyển động rất nhỏ. =>thủ pháp lấy động tả tĩnh của Đường thi: âm thanh đó không làm cho cảnh thu nhộn nhịp, náo động mà trái lại lại càng làm cho bức tranh thu trở nên yên tĩnh. Trong một không gian yên tĩnh như vậy, ta mới có thể cảm nhận những chuyển động rất nhẹ, rất khẽ của sóng, của lá. → không gian thu hiện lên với những đường nét thanh sơ, êm đềm, tĩnh lặng nhưng thoáng nỗi buồn u uẩn. **- Nghệ thuật:** + Ngôn ngữ tinh tế: Sử dụng nhiều từ láy: *lạnh lẽo, tẻo teo*. Điệp vần "eo" làm cho cảnh vật càng trở nên bé nhỏ. + Điệp vần + Bút pháp lấy động tả tĩnh để gợi ấn tượng về bức tranh thu thanh vắng, hiu quạnh

*** Vẻ đẹp tâm hồn tác giả:** **- Bước 1:GV hỏi:** Nhận xét về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến qua bài thơ? **- Bước 2: HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.** **- Bước 3: GV nhận xét.** **- Bước 4: Chuẩn kiến thức.**	***Tiểu kết**: - Mùa thu đẹp với sự hài hòa về màu sắc và cân xứng của cảnh vật. Những cảnh vật thân quen, gần gũi được gọi tên một cách "nhiệm màu". Linh hồn của mùa thu được chở trong mặt ao nhỏ bé, chiếc thuyền câu xinh xắn, chiếc lá, bầu trời… - Tình yêu quê hương đất nước, gắn bó với làng quê của Nguyễn Khuyến. **2. "Câu cá mùa thu" – tâm sự kín đáo của nhà thơ** **- 6 câu thơ đầu:** đó là tâm trạng u hoài, một tâm hồn yên tĩnh, mỗi cõi lòng vắng lặng mênh mông, một nỗi cô đơn thăm thẳm. Gam màu lạnh của sắc xanh nước, xanh sóng, xanh trời gợi khí thu hiu hắt hay cái lạnh tronglòng nhà thơ đang lan tỏa ra cảnh vật. - "Ngõ trúc" - "Khách vắng teo". Xuất hiện "khách" nhưng rồi bị phủ định ngay với "vắng teo". "Vắng teo" là vắng ngắt, không người qua lại. -> Trúc thường gắn với biểu tượng người quân tử. Ngõ trúc quanh co khách vắng teo hé mở cho chúng ta thấy Nguyễn Khuyến chọn con đường ở ẩn để giữ trọn thân danh, giữ lấy cái cao khiết của nhân cách, tránh xa

	cuộc đời phàm tục -> Đồng thời thấy tâm sự cô quạnh, cô đơn của thi nhân - **2 câu cuối** + Con người trực tiếp xuất hiện qua các hành động: *tựa gối, ôm cần.* -> Tâm thế nhàn nhã: Sự chờ đợi mà không chờ đợi, "lâu chẳng được". Không kêu ca buồn phiền về việc không câu được cá mà dường như đang suy nghĩ mông lung để cuối cùng thờ ơ với "cá đâu đớp động dưới chân bèo". => Rõ ràng người đi câu nhưng không chú tâm vào việc đi câu và đó cũng không phải là mục đích khiến ông "ôm cần". + Giả thuyết về chữ "đâu" trong câu "Cá đâu đớp động dưới chân bèo" → sự mơ hồ làm nên đặc trưng cho thơ ca và văn chương Có thể hiểu theo cách nào cũng được. + *"cá đâu":* có cá → sự thờ ơ của người đi câu, có cá đớp động nhưng vẫn không tác động đến tâm hồn người nghệ sĩ. Dáng "tựa gối ôm cần" là một hình ảnh tĩnh, động tác "không làm gì cả". + *"cá đâu":* đâu có con cá nào. Mặt nước ao thu trong veo như vậy thì khó có cá xuất

	hiện. Sự chờ đợi vô vọng đến mức dáng ngồi ôm cần tựa gối cũng gần như là bất động. → Dù hiểu theo cách nào thì thực chất đi câu chỉ là cái cớ để thi nhân bộc lộ mối u hoài tĩnh lặng gê gớm trong lòng người câu cá. * **Tiểu kết**: Vẻ đẹp tâm hồn của thi nhân. - Trở về vườn Bùi chốn cũ để tìm sự thanh thản sau 10 năm trên con đường hoạn lộ nhưng Nguyễn Khuyến vẫn bộc lộ tấm lòng ưu thời mẫn thế. **Đi câu chỉ là cái cớ, đi câu mà dường như không để tâm vào câu, muốn tìm chốn bình yên nhưng ông vẫn trăn trở với thời cuộc.** Mở rộng hoàn cảnh của đất nước: mất vào tay giặc: *"Vua chèo còn chẳng ra gì* *Quan chèo vai nhọ khác chi thằng hề"* Cách xuất xử của Nguyễn Khuyến phản ánh sự phức tạp trong tư tưởng của ông. Trong *"Thu điếu"* cũng phần nào cho thấy sự phức tạp đó. Chủ thể muốn tìm sự bình yên khi "ôm cần, buông câu" chìm đắm vào cảnh vật nhưng vẫn không thể thôi trăn trở, ưu tư. => Tâm hồn đáng quý, đáng trọng của Nguyễn Khuyến. - Đồng thời, qua bài thơ, chúng ta cảm nhận

	được ở ông một tâm hồn yêu thiên nhiên, tấm lòng yêu nước thầm kín mà sâu sắc. - Liên hệ với những bài thơ khác trong chùm thơ thu

Hoạt động 3: Tổng kết

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
- Bước 1: GV nêu nhiệm vụ: Nêu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm? **- Bước 2: HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.** **- Bước 3: GV nhận xét.** **- Bước 4: Chuẩn kiến thức.**	**1. Nội dung:** + Cảnh mang vẻ đẹp điển hình cho mùa thu đồng bằng Bắc Bộ, của quê hương làng cảnh Việt Nam. Cảnh đẹp nhưng đượm buồn. + Bài thơ vừa cho thấy tình yêu quê hương đất nước, vừa cho thấy tâm trạng thời thế của tác giả. **2. Nghệ thuật.** + Hình ảnh thơ gần gũi, chọn lọc. + Liên tưởng, tả cảnh ngụ tình, lấy động tả tĩnh trong văn học trung đại. + Ngôn ngữ: tinh tế, cách sử dụng từ láy, điệp vần.... +Cách gieo vần "eo" độc đáo góp phần diễn tả KG thu nhỏ, khép kín của cảnh thu ở nông thôn, cũng phù hợp với tâ trạng nhiều uẩn khúc của tác giả.

Tiết 3 - 4: THƯƠNG VỢ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: Tìm hiểu chung	
- Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ: Dựa vào phần đóng vai của các bạn nhóm 1, kết hợp với Tiểu dẫn (SGK), em hãy nêu những nét cơ bản về tác giả Tú Xương". **- Bước 2:HS làm việc cá nhân.** **- Bước 3: HS báo cáo.** **- Bước 4: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**	**I. Tìm hiểu chung.** 1. ***Tác giả:*** - Trần Tế Xương tên thưở nhỏ là Trần Duy Uyên, thường gọi là Tú Xương. Sinh 1870 – 1907, tại làng Vị Xuyên, Mỹ Lộc, Nam Định - TTX là một người tài năng và tâm huyết nhưng lận đận quan trường (15 tuổi đi thi, thi 8 lần nhưng chỉ đậu tú tài có một lần). - Sáng tác: còn trên 100 bài, chủ yếu là thơ Nôm với nhiều thể loại như thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, lục bát, phú, đối. nội dung chủ yếu là chế giễu, mỉa mai xã hội thực dân phong kiến với những lố lăng, kệch cỡm, chế độ thi cử và các quan hệ trong xã hội. ***2. Bài thơ***: - Đề tài: Bà Tú là người phụ nữ chịu nhiều gian chuân vất vả trong cuộc đời, đảm đang tần tảo nuôi chồng con và gia đình. Hiểu và cảm thông với những vất vả, hi sinh, bà Tú đã trở thành 1 đề tài quen thuộc trong thơ ông. - *Thương vợ* là một trong những bài thơ hay

	và cảm động nhất về bà Tú. - Thể loại: thể thất ngôn bát cú Đường luật. - Bố cục: + Hình ảnh bà Tú qua nỗi lòng thương vợ của ông Tú. + Lời tự chửi mình của tác giả.

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc hiểu chi tiết văn bản	
HĐ của Gv và HS	**Dự kiến sản phẩm**
-Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi thành viên dựa vào bài soạn trong vở soạn văn để trao đổi, thống nhất các yêu cầu sau: + **Nhóm 1:**Trong 2 câu đề, ông việc làm ăn của bà Tú được gợi lên như thế nào qua cách giới thiệu thời gian và địa điểm? + **Nhóm 2:** Công việc của bà Tú xuất phát từ gánh nặng gia đình nào? + **Nhóm 3:**Nhận xét nghệ thuật trong 2 câu thực? Hai câu thực tiếp tục nhấn mạnh sự vất vả trong công việc của bà Tú như thế nào?	***1. Hình ảnh bà Tú qua nỗi lòng thương vợ của ông Tú.*** ** Bốn câu đầu: Nỗi vất vả, gian truân của bà Tú.* - Câu thơ đầu giới thiệu về hoàn cảnh, công việc làm ăn của bà Tú, đồng thời thể hiện sự thấu hiểu của nhà thơ về nỗi vất vả của người vợ: *Quanh năm buôn bán ở mom sông* + Thời gian: *quanh năm:* là một vòng thời gian tuần hoàn khép kín, hết ngày này sang tháng khác, năm này qua năm khác không kể mưa hay nắng→ vòng thời gian vô kì hạn. + Địa điểm: *mom sông:* gợi sự chênh vênh, cheo leo và nguy hiểm. + Công việc: *buôn bán:* là công việc sinh nhai của

+ Nhóm 4: Vẻ đẹp phẩm chất của bà Tú thể hiện trong 2 câu luận? **- Bước 2: Các nhóm thảo luận trong 5p** **-Bước 3: Các nhóm báo cáo SP.** **- Bước 4: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**	bà, nghề buôn thúng bán mẹt cho thấy sự vất vả của bà. -> Câu thơ nêu lên hoàn cảnh vất vả, lam lũ. Cả không gian và thời gian như hùa vào nhau làm nặng thêm gánh nhọc nhằn trên vai bà. - Câu thơ thứ hai là mục đích công việc của bà: *Nuôi đủ năm con với một chồng.* + Khẳng định và ca ngợi vai trò trụ cột của bà Tú trong việc đảm bào cuộc sống vật chất và tinh thần đầy đủ cho cả gia đình. + Cái độc đáo ở đây là cách dùng hai từ chỉ số đếm *năm* và *một* đặt song song nhau như có ý đặt ngang hàng đàn con đông đúc, chưa đỡ đần được gì cho mẹ và ông chồng vô tích sự chẳng giúp gì được cho vợ. Cấu trúc "năm con" đặt cạnh "một chồng" gợi hình ảnh chiếc đòn gánh mà hai đầu đều trĩu nặng, ở giữa là đôi vai gầy và tấm lòng lo toan và tình thương của bà Tú. - Hai câu thực: *Lặn lội thân cò khi quãng vắng* *Eo sèo mặt nước buổi đò đông* + Con cò trong thơ TX không chỉ xuất hiện giữa cái rợn ngợp của không gian như trong ca dao mà còn trong cái rợn ngợp của thời gian. Với ba từ

	"khi quãng vắng" cả thời gian và không gian trở nên heo hút, rợn ngợp, chứa đầy lo âu, nguy hiểm. + Dùng cụm từ *thân cò* thay cho *con cò* nghĩa là tác giả đã đồng nhất thân phận bà Tú với thân phận con cò, gợi lên sự côi cút, tội nghiệp, thương cảm và thấm thía hơn. + Nghệ thuật đảo ngữ *lặn lội thân cò* cũng góp phần diễn tả một cách ấn tượng, thấm thía, ngậm ngùi về thân phận vất vả của người vợ lo toan kiếm sống nuôi chồng, nuôi con. - Ở câu thứ tư, TX làm rõ hơn sự vật lộn với cuộc sống của bà Tú. Câu thơ diễn tả lại cảnh chen chúc, tranh giành trên sông nước của những người buôn bán nhỏ. + *Buổi đò đông* có hai cách hiểu: nhiều người trên 1 chuyến đò/ nhiều đò trên một bến sông nước. + Trong ca dao, người mẹ đã từng dặn con: *Con ơi nhớ lấy câu này* *Sông sâu chớ lội, đò đầy chớ qua…* Buổi đò đông không chỉ có những lời phàn nàn, cáu gắt, chen lấn xô đẩy mà còn chứa đầy những nguy hiểm bất trắc. - Hai câu thực đối nhau về từ ngữ: *vắng – đông*, nhưng lại tiếp nhau về ý làm nổi bật sự gian truân của bà Tú, đó cũng là tấm lòng xót thương da diết

	của ông Tú. *<u>* Hai câu luận: Đức tính cao đẹp của bà Tú:</u>* + Bà không chỉ là người đảm đang, tháo vát, chu đáo với chồng con: *nuôi đủ năm con với một chồng* mà bà còn là người giàu đức hi sinh. Trong hai câu luận, một lần nữa Tú Xương lại cảm phục sự quên mình của vợ: *Một duyên hai nợ âu đành phận* *Năm nắng mười mưa dám quản công.* - "Một duyên hai nợ": Duyên chỉ có một mà nợ thì hai. Thành ngữ dân gian đã được TX sử dụng để nói lên cái số phận không may của bà Tú. Bà Tú lấy ông, một người chồng hào hoa,thơ phú nức danh và có con với ông, đó là duyên, những điều có thể an ủi bà. Nhưng sự dang dở của ông Tú, gánh nặng cơm áo gạo tiền dồn lên vai bà thì đấy lại là cái nợ. Cái nợ ấy gấp nhiều lần duyên. + "Năm nắng mười mưa": "nắng", "mưa" đã là sự vất vả lại kết hợp với số đếm tăng tiến "năm", "mười" thì nỗi cơ cực , vất vả như tăng lên gấp bội Dẫu có vất vả, cự nhọc quanh năm suốt tháng thì bà cũng không kêu ca, vẫn cam chịu "âu đành phận", "dám quản công", không một lời phàn nàn, lặng lẽ chấp nhận sự vất vả vì chồng vì con. -> Đây là một phẩm chất rất đáng trân trọng của bà Tú nói riêng và là nét đẹp truyền thống của

- GV gọi HS đọc hai câu thơ kết. **- Bước 1:GV nêu câu hỏi**: Lời chửi trong hai câu cuối là lời của ai? Vì sao lại chửi ? Qua tiếng chửi ấy, em cảm nhận điều gì trong nhân cách nhà thơ? **- Bước 2:HS làm việc cá nhân.** **- Bước 3: HS báo cáo.**	người phụ nữ VN nói chung. *__Tóm lại:__ Trong 6 câu đầu, bằng tình cảm trân trọng đối với vợ, nhà thơ TX đã vẽ lên bức chân dung bà Tú- một người phụ nữ đảm đang, hi sinh hết mực vì chồng con, chấp nhận vất vả, gian truân tỏng cuộc sống để đảm đương vai trò trụ cột gia đình. Đằng sau mỗi lời thơ ẩn chứa cái nhìn dõi theo của tác giả. Không chỉ xót thương vợ mà ông còn thực sự tri ân đối với vợ. Ông tự coi mình là cái nợ - cái nợ chồng của bà Tú. **2. Lời tự chửi mình của tác giả** *Cha mẹ thói đời ăn ở bạc* *Có chồng hờ hững cũng như không.* - Trước hết đây là tiếng chửi đời. "Thói đời" là những lối suy nghĩ đáng chê trách cứ mặc nhiên được thừa nhận. Vì thói đời bạc bẽo, lễ giáo phong kiến cứ bắt người chồng phải đi thi làm quan, bắt người vợ phải ở nhà chăm lo mọi việc. - Không chỉ chửi thói đời mà TX còn tự trách mình "hờ hững", bạc bẽo trong trách nhiệm và vai trò của người chồng bằng thái độ lên án, tự phán xét mình. , tự coi mình là loại vô tích sự, ông quan ăn lương vợ, tự mắng mình là gánh nặng của vợ. Câu thơ cuối là nhà thơ tự chửi mát mình, nó cao hơn, đay nghiến và sâu sắc hơn tiếng chửi. Nhà thơ nhận lỗi về mình, tự chửi rủa, sỉ vả mình tức là

- Bước 4: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	tự phán xét bản thân và chuộc lỗi. - Viết ra câu thơ "có chồng hờ hững cũng như không" thì chắc chắn đó không phải là người chồng hờ hững, mà trái lại luôn mang ơn và biết đến người vợ của mình. Đằng sau tiếng chửi là cả một tình yêu, lòng thương vợ chân thành và sâu nặng của nhà thơ.
Hoạt động 3: Hướng dẫn HS tổng kết	
- Bước 1: GV nêu câu hỏi: Nêu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm? **- Bước 2:HS làm việc cá nhân.** **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)** **- Bước 3: HS báo cáo.** **- Bước 4: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**	**<u>1. Nội dung:</u>** - Tình yêu thương, quý trọng vợ của TX thể hiện qua sự thấu hiểu nỗi vất vả gian truân và những đức tính hi sinh cao đẹp của bà Tú. Qua đó người đọc không những thấy hình ảnh bà Tú mà còn thấy được những tâm sự và vẻ đẹp nhân cách của TX. **<u>2. Nghệ thuật.</u>** - Từ ngữ giản dị, giàu sức biểu cảm, vận dụng sáng tạo hình ảnh ngôn ngữ văn học dân gian (hình ảnh thân cò, sử dụng nhiều thành ngữ), ngôn ngữ đời sống (cách nói nhiều khẩu ngữ, sử dụng tiếng chửi).

<u>HS CÓ THỂ DÙNG SƠ ĐỒ TƯ DUY ĐỂ TỔNG KẾT</u>

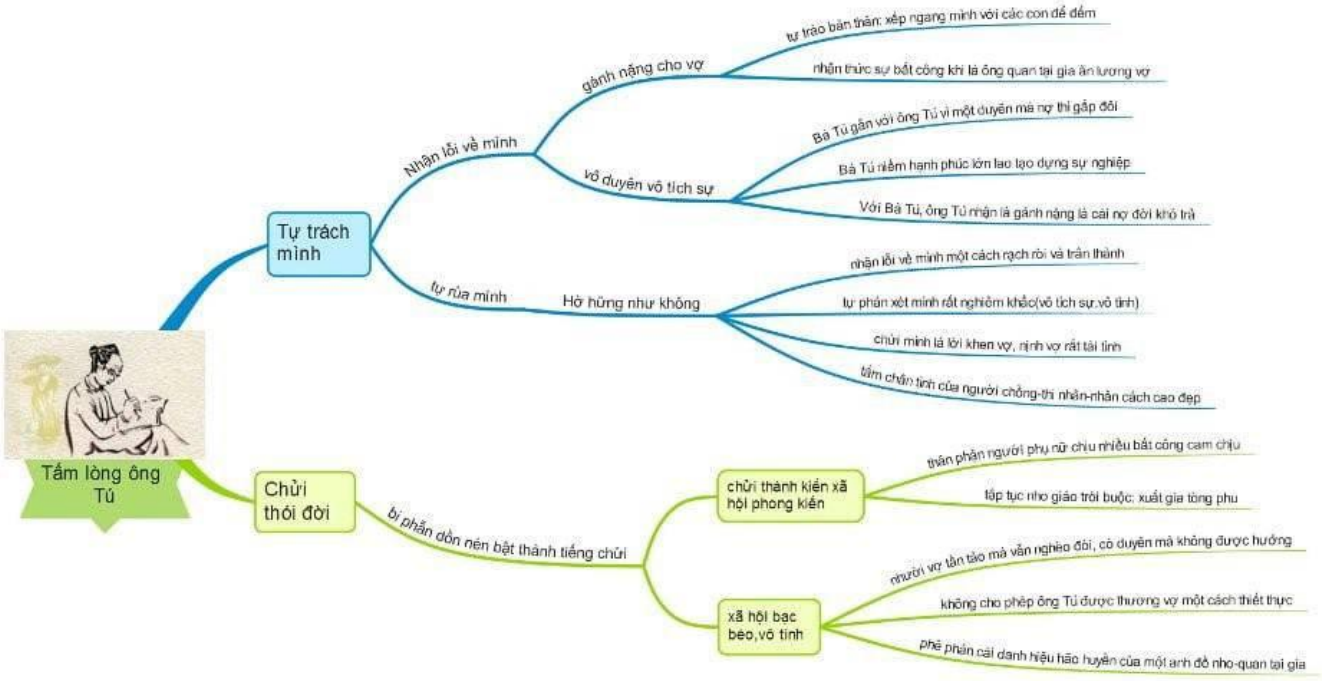

NỘI DUNG 3: TÍCH HỢP ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN VĂN HỌC VỚI LÀM VĂN

Tiết 5: PHÂN TÍCH ĐỀ, LẬP DÀN Ý BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: Tìm hiểu mục I. Phân tích đề	
- Bước 1: GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1**: tìm hiểu đề 1 **Nhóm 2**: tìm hiểu đề 2 **Nhóm 3- 4**: tìm hiểu đề 3 **- Bước 2: HS thảo luận trong 5p.** **- Bước 3: Các nhóm cử đại diện trình bày.** **- Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.**	**I. PHÂN TÍCH ĐỀ** **1. Xét ví dụ SGK** **2. <u>Đề 1</u>:** Có định hướng cụ thể, nêu rõ các yêu cầu về nội dung, giới hạn dẫn chứng - *Vấn đề cần nghị luận*: Việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới - *Yêu cầu về nội dung*: Từ ý kiến của Vũ Khoan, có thể suy ra: + Người Việt Nam có nhiều điểm mạnh: thông minh, nhạy bén với những cái mới + Người VN cũng không ít điểm yếu: thiếu hụt về kiến thức cơ bản, khả năng thực hành và sáng tạo hạn chế + Phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu là thiết thực chuẩn bị hành trang vào thế kỉ XXI - *Yêu cầu về phương pháp*: Sử dụng thao tác lập luận bình luận, giải thích, chứng minh; dùng dẫn chứng thực tế xã hội là chủ yếu

	<u>Đề 2</u>: là "đề mở": chỉ yêu cầu bàn về tâm sự của Hồ Xuân Hương trong bài thơ "Tự tình", một khía cạnh nội dung của bài thơ, còn người viết phải tự tìm xem đó là gì, diễn biến ra sao, được biểu hiện như thế nào - *Vấn đề cần nghị luận*: Tâm sự của Hồ Xuân hương trong bài thơ *Tự tình* (bài II) - *Yêu cầu về nội dung:* Nêu cảm nghĩ của mình về tâm sự và diễn biến tâm trạng của HXH: nỗi cô đơn, chán chương, khát vọng được sống hạnh phúc - *Yêu cầu về phương pháp*: Sử dụng thao tác lập luận phân tích kết hợp với nêu cảm nghĩ, dẫn chứng thơ Hồ Xuân Hương là chủ yếu. **<u>Đề 3</u>**: là "đề mở", người viết tự giải mã giá trị nội dung và hình thức của bài thơ - *Vấn đề cần nghị luận*: Về một vẻ đẹp của bài thơ *Câu cá mùa thu* của Nguyễn Khuyến - *Y/c về nội dung*: Nêu cảm nghĩ của mình về vẻ đẹp mùa thu trong bài thơ hoặc tâm trạng cả nhà thơ, vẻ đẹp ngôn ngữ của bài thơ "Câu cá mùa thu" -*Yêu cầu về pp*: Sử dụng thao tác lập luận phân tích kết hợp với nêu cảm nghĩ, dẫn chứng thơ NK là chủ yếu. ***2.Kết luận*** Phân tích đề là công việc trước tiên trong quá trình làm một bài văn nghị luận. Khi phân tích đề, cần đọc kĩ đề bài, chú ý những từ ngữ then chốt để ***xác định yêu cầu về nội dung, phương pháp lập luận và phạm vi tư liệu.***
Gv: *Từ những ngữ liệu vừa phân tích, em có nhận xét gì về vai trò của việc phân tích đề khi viết một bài văn nghị luận? Phân tích đề cần xác định được những nội dung chính nào?* **Hs: suy nghĩ, lần lượt trả lời.** **Gv: nhận xét, bổ sung, khái quát**.	
Hoạt động 2: Tìm hiểu mục II. Lập dàn ý	
- Bước 1: GV nêu nhiệm vụ:	**1. Ngữ liệu**

*GV chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi thành viên dựa vào bài soạn trong vở soạn văn để trao đổi, thống nhất dàn ý cho các đề bài vừa tìm hiểu ở mục I. Nhóm 1 – 2: Lập dàn ý cho đề 1 Nhóm 3 - 4: Lập dàn ý đề bài 2 **- Bước 2: Các nhóm thảo luận nhóm trong 5p.** **- Bước 3: Các nhóm cử đại diện trình bày.** **-Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức.**	**a. Đề số 01** I. Mở bài Việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới. II. Thân bài 1, Người VN có nhiều điểm mạnh: - Thông minh - Nhạy bén với cái mới... 2, Điểm yếu - Thiếu hụt về kiến thức cơ bản - Khả năng thực hành kém - Sáng tạo hạn chế 3, Bài học Phát huy những điểm mạnh, khắc phục điểm yếu để chuẩn bị hành trang tốt nhất khi bước vào thế kỉ mới. - Khắc phục như thế nào? - Chuẩn bị những gì? III. Kết luận Kết thúc vấn đề, nêu suy nghĩ của bản thân. **b. Đề 02** I. Mở bài Tâm sự của HXH trước duyên phận của mình. II. Thân bài 1, Nỗi cô đơn, buồn tủi và lời thách thức duyên phận. - Cô đơn, buồn tủi.

Gv: *Từ những ngữ liệu vừa phân tích, em hãy cho biết thế nào là lập dàn ý bài văn nghị luận?* - *Nêu các bước cần làm khi lập dàn ý bài văn nghị luận?* **Hs:** suy nghĩ, lần lượt trả lời. **Gv:** nhận xét, bổ sung, khái quát.	- Thách thức duyên phận 2, Nỗi phẫn uất, phản kháng trước duyên phận của mình. - Phẫn uất - Phản kháng 3, Gắng gượng vươn lên nhưng vẫn rơi vào bi kịch. - Chán chường - Buồn tủi, xót xa. III. Kết bài Tâm sự làm nổi bật khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của nhà thơ, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. **2. Nhận xét.** **a. Khái niệm.** Lập dàn ý là quá trình người viết tìm và sắp xếp các ý cơ bản của bài văn theo trình tự hợp lí, logic. **b. Quá trình lập dàn ý.** - Xác định luận điểm - Xác lập luận cứ - Sắp xếp luận điểm, luận cứ: - Lưu ý: + Luận điểm, luận cứ trong dàn ý phải chính xác, phù hợp, đầy đủ, tiêu biểu. + Để có dàn ý mạch lạc cần có kí hiệu trước đề mục.

Tiết 6:THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIÊN SẢN PHẨM
CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH: **- Bước 1: GV nêu nhiệm vụ:** HS thảo luận cặp đôi trả lời ngữ liệu trong sgk phần I. **-Bước 2: HS thảo luận cặp đôi trong 5p** **- Bước 3; HS lần lượt trình bày (nếu được GV gọi).** **- Bước 4: GV nhận xét, bổ sung, khái quát.**	**I/ MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH.** **1. Ngữ liệu** * Luận điểm: trong câu mở đoạn "Nhưng ... bằng Sở Khanh". (Luận điểm nói về bộ mặt xấu xa của một nhân vật trong xã hội Truyện Kiều là Sở Khanh được tác giả cô đúc trong hai từ "bẩn thỉu" và "bần tiện" với mức độ của nó là "không ai bằng". Để làm sáng rõ luận điểm đó (tức là làm rõ bộ mặt bẩn thỉu và bần tiện không ai bằng của Sở Khanh), tác giả đã phân tích thành một hệ thống luận cứ nối tiếp nhau một cách logic). * Luận cứ: - Sở Khanh sống bằng nghề đồi bại, bất chính: nghề sống bám vào các thanh lâu, làm chồng hờ các gái điếm. - Sở Khanh là kẻ đồi bại nhất trong những kẻ làm cái nghề đồi bại, bất chính đó: + Vờ làm nhà nho, làm hiệp khách, vờ yêu để kiếm chác, đánh lừa một người con gái ngây thơ, hiếu thảo.(Vì hiếu thảo mà bị rơi vào chốn lầu xanh, lại là người rất tin và đội ơn hắn). + Hắn lừa người là để họ bị đánh đập tơi bời, bị ném vào kiếp lầu xanh không cách gì cưỡng lại. + Cách lừa người tàn nhẫn và vô liêm sỉ của hắn khiến người đọc, dù hiền lành đến mấy, cũng phải tức giận, giá có cách gì tóm được thì phải đánh cho hắn một trận. + Lừa bịp xong, hắn lại trở mặt ngay: hắn còn dẫn

	mặt mo đến, mắng át Kiều và toan đánh Kiều nữa. Cái trò trở mặt này đã diễn ra nhiều lần khiến hắn trở thành tay nổi tiếng bạc tình ở lầu xanh. * Sự kết hợp một cách chặt chẽ giữa phân tích và tổng hợp trong đoạn văn: - Câu mở đoạn nêu luận điểm bằng một ý khái quát. - Các câu tiếp theo nêu luận cứ để làm sáng tỏ luận điểm bằng cách phân tích. - Hai câu cuối (kết đoạn) tổng hợp lại, nhấn mạnh thêm ý khái quát của luận điểm đã nêu: "NV Sở Khanh hoàn thành bức tranh về các nhà chứa. Nó là cái mức cao nhất của tình hình đồi bại trong xã hội này." ➞Đoạn văn của Hoài Thanh đã được viết theo lối tổng hợp – phân tích – tổng hợp (tổng – phân – hợp) thường gặp trong văn nghị luận. **2. Nhận xét** **a. Khái niệm** Thao tác lập luận phân tích là thao tác chia nhỏ các đối tượng thành các yếu tố bộ phận để xem xét một cách kĩ càng nội dung, hình thức, mối quan hệ biên trong cũng như bên ngoài nhằm phát hiện ra bản chất của đối tượng. **2. Mục đích- yêu cầu** - Mục đích: ghi nhớ 01 sgk.27 - Yêu cầu: Phân tích phải gắn liền với tổng hợp. **II/ CÁCH PHÂN TÍCH.** **1. Ngữ liệu**
GV: *Vậy em hiểu thế nào là thao tác lập luận phân tích? Mục đích*	**a. Ngữ liệu ở mục I**

và yêu cầu của thao tác này? **HS:** suy nghĩ, lần lượt trả lời. **GV:** nhận xét, bổ sung, khái quát. *** Các bước tiến hành:** **-Bước 1: Giao nhiệm vụ:** **GV chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi thành viên dựa vào bài soạn trong vở soạn văn để trao đổi, thống nhất các yêu cầu của phần I. SGK.** học sinh thảo luận theo nhóm trả lời hai ngữ liệu trong sgk phần II + Nhóm 1 – 2 : ngữ liệu a. + Nhóm 3- 4 : ngữ liệu b. **- Bước 2: HS thảo luận trong 5p.** **- Bước 3: HS các nhóm cử đại diện trình bày.** **+ Nhóm 1 và nhóm 3: trình bày kết quả thảo luận** **+ Nhóm 2 và nhóm 4 nhận xét phần trình bày của nhóm 1 và nhóm 3.** **- Bước 4: GV nhận xét, bổ sung, khái quát.**	- Cách phân tích: (xem phần I) - Phân tích dựa trên quan hệ nội bộ bản thân đối tượng: những biểu hiện về nhân cách bẩn thỉu của SK. **b, Ngữ liệu 01 phần II** * Đối tượng nghị luận của đoạn văn: thế lực của đồng tiền trong xh Truyện Kiều. * Tác giả đã phân chia đối tượng thành các mặt sau đây để xem xét, phân tích: - Tác dụng tốt của đồng tiền (dẫn chưgns) - Tác hại của đồng tiền: đồng tiền đã trở thành một sức mạnh tác quái rất ghê gớm (mặt chủ yếu): + Cả một loạt hành động gian ác bất chính đều là do đồng tiền chi phối: quan lại, sai nha, Tó Bà, Bạc Bà, Bạc Hạnh, Sở Khanh, MGS, Ưng, Khuyển. + Cả một xã hội chạy theo đồng tiền: "máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê". - Đồng tiền đã trở thành một thế lự vạn năng: + Tài hoa, nhan sắc, nhân phẩm, công lí đều không có nghĩa gì trước thế lực của đồng tiền. + Tài tình, hiếu hạnh như Kiều cũng chỉ là một món hàng, không hơn không kém. + Ngay cả Kiều, cái việc dại dột nhất, tội lỗi nhất trong đời nàng cũng do đồng tiền. - Nói đến đồng tiền, thái độ của ND rất căm ghét và khinh bỉ. Ngay cả khi đồng tiền có tác dụng thu xếp vụ án Vuwong ông, ND vẫn mỉa mai, chua chát. (dẫn chứng) * Cách phân chia: - Phân chia theo quan hệ nội bộ của đối tượng: tác

	dụng tốt – xấu của đồng tiền. - Phân chia theo quan hệ nguyên nhân- hệ quả. * Quan hệ giữa phân tích và tổng hợp: thể hiện trong từng ý nhỏ và trong cả đoạn văn nói về đối tượng. - Ý nhỏ: tác hại đồng tiền + Nêu ý khái quát: "Nhưng chủ yếu ND vẫn nhìn về mặt tác hại" + Phân tích: Nêu lí lẽ: "Vì ND thấy rõ ... đều là do đồng tiền chi phối". Nêu dẫn chứng: quan lại, sai nha, Tó Bà, Bạc Bà, Bạc Hạnh, Sở Khanh, MGS, Ưng, Khuyển. + Tổng hợp lại(tiểu kết): Cả một xã hội chạy theo đồng tiền ("Máu tham ... mê") - Cả đoạn: + Nêu ý khái quát: "Nhưng nói đến ... một sức mạnh tác quái rất ghê". + Phân tích các mặt của đối tượng. + Tổng hợp lại bằng thái độ, giọng văn của ND khi nói đến đồng tiền. **c, Đoạn văn 02 phần II** - Đối tượng nghị luận của đoạn văn: vấn đề dân số trong thời đại ngày nay. - Phân chia thành hai mặt đề phân tích, xem xét: + Tốc độ ra tăng dân số của thế giới: tăng với nhịp độ chưa thừng thấy (Dẫn chứng). + Dân số tăng sẽ ảnh hưởng không tốt đến đời sống của cá nhân, dân tộc và cộng đồng: ảnh

	hường đến bữa ăn hàng ngày, suy thoái sức khỏe, giống nòi, thất nghiệp,... (Ở mặt thứ hai được chia nhỏ thêm thành nhiều mặt khác nhau đề xem xét, phân tích nhằm làmcho đối tượng nghị luận được sáng tỏ). **2. Cách phân tích** - Khi phân tích, cần chia tách đối tượng thành các yếu tố theo những tiêu chí, quan hệ nhất định (Quan hệ giữa các yếu tố tạo nên đối tượng, quan hệ nhân quả, quan hệ giữa đối tượng với các đối tượng liên quan, quan hệ giữa người phân tích với đối tượng phân tích,...) - Khi phân tích, cần đi sâu vào từng yếu tố, từng khía cạnh, song cần đặc biệt lưu ý đến quan hệ giữa chúng với nhau trong một chỉnh thể toàn vẹn, thống nhất.

Tiết 7: LUYỆN TẬP THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
-Bước 1: GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, phân tích ngữ liệu (sgk, tr.44) **- Bước 2: Các nhóm thảo luận trong 5p.** **- Bước 3: GV gọi 1-2 nhóm đại diện lên báo cáo sản phẩm** **- Bước 4: GV: nhận xét, bổ sung,**	**I/ ÔN TẬP NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH.** **1. Ngữ liệu:** Đoạn trích 2 phần đọc thêm sgk trang 44. * Luận điểm: Nhà khoa học phải có óc dân chủ và dũng khí. * Luận điểm được phân chia thành hai bộ phận

khái quát. . ***Tìm hiểu trật tự thực hiện thao tác lập luận phân tích.** **GV**: *Em hãy nhắc lại trật tự thực hiện thao tác lập luận phân tích?* **HS:** suy nghĩ, lần lượt trả lời. **GV:** nhận xét, bổ sung, khái quát.	chính: - (1) nhà khoa học phải có óc dân chủ. - (2) nhà khoa học phải có dũng khí. * Cách lập luận của tác giả: - Nhà khoa học phải có óc dân chủ: + Tác giả mở đầu bằng sự thật: "đối với những vấn đề chưa giải quyết ... khác nhau", do đó phải có tranh luận. + Tác giả phân tích các mối nguy hại khi nhà khoa học, trong tranh luận, không biết nghe những ý kiến khác mình. + Từ đó, tác giả rút ra kết luận: óc khoa học phải đi đôi với óc dân chủ. - Nhà khoa học phải có dũng khí. * Sự gắn kết giữa hai luận điểm thành một khối thống nhất: được tiến hành thông qua một thao tác lập luận phân tích về hai mặt khác nhau của mối quan hệ giữa hành động và suy nghĩ của nhà khoa học. **2. Trật tự thực hiện thao tác lập luận phân tích trong một đoạn (bài) văn nghị luận.** Xem lại phần II tiết 1.

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: **- GV chia lớp thành 4 nhóm để trao đổi, thống nhất các yêu cầu bài tập SGK:**	**II/ LUYỆN TẬP.** **1. Bài tập 1**: *a. Những biểu hiện và thái độ của tự ti:* - Giải thích khái niệm tự ti: Tự ti là tự đánh giá

Nhóm 1- 2: Bài tập 1 **Nhóm 3- 4: Bài tập 2** **- Bước 2: Các nhóm thảo luận trong 5p.** **- Bước 3: Các nhóm báo cáo sản phẩm.** **- Bước 4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.**	thấp mình nên thiếu tự tin. Tự tin hoàn toàn khác với khiêm tốn - Những biểu hiện của thái độ tự ti: + Không dám tin tưởng vào năng lực, sở trường, sự hiểu biết…, của mình + Nhút nhát, tránh những chỗ đông người + Không dám mạnh dạn đảm nhận những nhiệm vụ được giao… - Tác hại của thái độ tự ti: + Sống thụ động, không phát huy hết năng lực vốn có. + Không hoàn thành nhiệm vụ được giao. *b. Những biểu hiện và tác hại của thái độ tự phụ* - Khái niệm: Tự phụ là thái độ đề cao quá mức bản thân, tự cao, tự đại đến mức coi thường người khác. Tự phụ khác với tự hào. - Những biểu hiện của thái độ tự phụ: + Luôn đề cao quá mức bản thân + Luôn tự cho mình là đúng + Khi làm được một việc gì đó lớn lao thì thậm chí còn tỏ ra coi thường người khác… - Tác hại: +Không đánh giá đúng bản thân mình. +Không khiêm tốn, không học hỏi, mọi người ghét bỏ, xa lánh, khinh thường.. *c, Tổng hợp lại, nêu bản chất của đối tượng*. Như vậy, tuy là hai thái độ trái ngược nhau (một bên là tự hạ thấp mình, một bên là tự đề

	cao mình), nhưng bản chất của tự ti và tự phụ đều là cách sống xuất phát từ cá nhân mình, thu về cá nhân mình, không phải là cách sống hòa hợp với mọi người. Tự ti là thu mình lại để sống cho yên thân; tự phụ là đề cao mình để bản thân được nổi bật, cả hai cách sống đó đều dẫn đến chỗ xa lánh tập thể, không phù hợp với nguyên tác chung sống của thời đại ngày nay, và đều dẫn đến tác hại là bị cô lập, không nhận được sự giúp đỡ của cộng đồng để tiến bộ. *d. Bài học* -Cần phải biết đánh giá đúng bản thân để phát huy hết những điểm mạnh cũng như có thể khắc phục hết những điểm yếu. -Phải có một thái độ sống hợp lí: phải hòa hợp với mọi người trong một quan hệ bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ với nhau, học hỏi nhau để cùng tiến bộ. **2. Bài tập 2:** Hai câu thơ là bức tanh toàn cảnh về hiện thực khoa cử trong xã hội phong kiến Việt Nam khi thực dân Pháp xâm lược. - Nghệ thuật sử dụng từ ngữ giàu hình ảnh và cảm xúc qua các từ: lôi thôi, ậm ẹo - Nghệ thuật đảo trật tự cú pháp nhằm nhấn mạnh vào dáng điệu và cử chỉ của sĩ tử và quan trường - Sự đối lập giữa sĩ tử và quan trường - Nêu cảm nghĩ chung về cảnh thi cử ngày xưa Đoạn văn: “Lôi thôi ... loa” là hai câu thơ tiêu biểu nhất trong bài thơ “Vịnh khoa thi Hương” của Trần Tế Xương, nhà thơ trào phúng bậc nhất trong nền văn học trung đại Việt Nam.

	Qua hai câu thơ, tác giả của bài thơ "Thương vợ" đã thể hiện thật sinh động sự thảm hại của khoa cử Việt Nam trong những năm cuối cùng của chế độ phong kiến khi thực dân Pháp đã xâm lược nước ta. Nói đến trường thi là nói đến sĩ tử (người đi thi) và quan trường (người trông thi), những con người đó trong những khoa thi nghiêm túc xưa kia hiện lên đẹp đẽ bao nhiêu thì trong khoa thi Ất Dậu lại hiện lên thảm hại bấy nhiêu...

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH

a. Mục tiêu: **Đ4, Đ5, V1, GQVĐ (Vận dụng thao tác phân tích để phân tích một số bài thơ Nôm Đường luật đã học)**

b. Nội dung:hoạt động nhóm

c. Sản phẩm: Sản phẩm hoạt động nhóm của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: **GV chia nhóm: Vận dụng thao tác phân tích:** **Nhóm 1 - 2:** Phân tích bi kịch duyên phận của người phụ nữ trong 4 câu đầu của "Tự tình" (Hồ Xuân Hương). **Nhóm 3 - 4**: Phân tích hình ảnh bà Tú trong 6 câu đầu của bài thơ "Thương vợ" (Tú Xương). **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** **- Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**	1. Bi kịch duyên phận của Hồ Xuân Hương: Buồn, cô đơn, lẻ loi…. 2. Hình ảnh bà Tú trong 6 câu đầu: - Đảm đang, tháo vát. -Vất vả, nhọc nhằn. - Giàu đức hi sinh….

-Bước 4: nhận xét và chuẩn kiến thức	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1, GQVĐ'

(HS biết vận dụng kiến thức để giảo quyết một vấn đề nâng cao liên quan đến chủ đề vừa học)

b. Nội dung: hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: Bài văn của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
-Bước 1: GV giao nhiệm vụ:Phân tích đề, lập dàn ý cho đề bài sau: **Đề bài:** *"Tự tình II vừa nói lên bi kịch duyên phận, vừa cho thấy khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của HXH*". Phân tích để làm sáng tỏ nhận định trên. **Đề bài 2**: Hãy thiết kế sơ đồ tư duy bài học **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ (tại nhà)** **- Bước 3; HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (vào tiết sau)** **- Bước 4: Nhận xé và cho điểm.**	**Sản phẩm ở phần dưới**

Sản phẩm:

***Phân tích đề:**

Đây là nghị luận về một nhận định/ý kiến bàn về tác phẩm văn học- khía cạnh nội dung của bài thơ.

- *Vấn đề cần nghị luận*: Bi kịch duyên phận, vừa cho thấy khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của HXH trong bài thơ Tự tình (bài II).

- *Yêu cầu về nội dung:* Phân tích để chứng minh nhận định. Từ nhận định có thể suy ra:

+ Bi kịch tình duyên của HXH.

+ Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của nữ sĩ.

- *Yêu cầu về phương pháp*: Sử dụng thao tác giải thích, chứng minh, bình luận, phân tích kết hợp với nêu cảm nghĩ, dẫn chứng thơ Hồ Xuân Hương là chủ yếu.

***Dàn ý:**

I. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Khái quát nội dung, ý nghĩa tác phẩm và trích dẫn nhận định cần chứng minh.

II. Thân bài:

1. Tự tình II cho ta thấy bi kịch duyên phận của người phụ nữ:

***Hai câu đề:**

Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,

- Mở đầu bài thơ là điểm thời gian *đêm khuya*, khi con người đối diện thật nhất với mình cũng là lúc nhân vật trữ nhận ra tình cảnh đáng thương của mình. Sự cô đơn trơ trọi được đặt trong thời gian.

- *Tiếng trống canh* được cảm nhận trong cái tĩnh lặng, trong sự phấp phỏng như sợ bước chuyển mau lẹ của thời gian. Được xác định cụ thể qua cụm từ *văng vẳng.*

- Chữ *dồn* nghĩa là dồn dập vừa diễn tả nhịp thời gian trôi đi mà gấp gáp.

--->>Âm thanh từ xa vọng lại, vừa là điểm nhịp thời gian vừa là sự tĩnh lặng của không gian, như muốn đánh thức nỗi niềm của con người. Khi trăm mối tơ lòng không thể gỡ mà thời gian gấp gáp cứ trôi đi thì còn lại là sự bẽ bàng...

Trơ cái hồng nhan với nước non.

- Chữ *trơ* được đặt ở đầu câu nhấn mạnh nỗi đau của sự cô đon, của sự bất hạnh trong tình duyên.

- Hai chữ *hồng nhan* là má hồng, nói về dung nhan thiếu nữ mà lại đi với từ *cái* thì thật là rẻ rúng, mỉa mai. Mặc dù là hồng nhan nhưng vẫn gợi ra vế thứ hai là bạc phận.

- Nhịp thơ 1/3/3, nghệ thuật đảo ngữ *trơ* lên đầu câu, từ *cái*, nghệ thuật đối lập *cái hồng nhan* với *nước non* đã nhấn mạnh sự bẽ bàng, cô đơn của người phụ nữ trước không gian rộng lớn. Hơn nữa, *trơ* không chỉ là bẽ bàng mà còn là lì ra, thách thức thể hiện sự bền gan thách đố.

--->>*Cái hồng nhan* trơ với nước non không chỉ là dãi dầu mà còn là cay đắng, vì vậy nỗi xót xa càng thấm thìa, càng ngẫm lại càng đau.

==>> Hai câu đề, vừa thể hiện nỗi tủi hổ, sự cô đơn vừa thể hiện sự bền gan, thách đố của nhân vật trữ tình. Qua đó, khiến ta càng cảm thông hơn với thân phận người phụ nữ xưa.

*** Hai câu thực:**

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,

- Muốn mượn chén rượu để giải sầu, để quên đi, để khuây khoả nỗi buồn cô đơn, nhưng càng uống, hương rượu đưa lên càng *say lại tỉnh.*

- *Say lại tỉnh* gợi sự quẩn quanh, cái vòng luẩn quẩn, dường như tình yêu đã trở thành trò đùa của duyên phận.

Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.

- *Vầng trăng:* là biểu tượng cho cái đẹp, sự viên mãn, hạnh phúc tràn đầy.

- Nhưng vầng trăng *bóng xế* là qua thời điểm chín viên, *khuyết chưa tròn* là sự thiếu hụt không trọn vẹn.

-->> Vầng trăng biểu tượng cho tuổi xuân con người đã qua mà hạnh phúc mà nhân duyên vẫn chưa trọn vẹn.

==>> Hai câu thơ vừa là ngoại cảnh mà vừa là tâm cảnh, tác giả đã tạo nên sự đồng nhất người-trăng, người với thiên nhiên, từ đó làm nổi bật sự éo le của thân phận phụ nữ.

- ***Liên hệ:*** Trăng trong thơ Trung đại thường thể hiện và đồng cảm với sự bất hạnh của số phận phụ nữ.Đó là cảnh nàng Kiều khắc khoải cô đơn trong đêm trường lạnh giá khi chia tay với Thúc Sinh - cũng là vĩnh viễn chia li với hạnh phúc *chỉ ấm trôn kim* mà nàng vừa có được. Đó cũng là cảnh những người cung nữ, chinh phụ trong những đêm dài xa vắng người thương, nhìn trăng hoa giao hòa quấn quýt.

Vầng trăng ai xẻ làm đôi

Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường.

(*Truyện Kiều* - Nguyễn Du)

Hoa giãi nguyệt, nguyệt in một tấm

Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông

Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng

(*Chinh phụ ngâm khúc* - Đoàn Thị Điểm dịch)

(2) Nhưng nỗi buồn trong thơ HXH bao giờ cũng mang đến một phản ứng tích cực. Bên cạnh nỗi đau của HXH còn là bản lĩnh, là khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của bà:

***Hai câu luận:**

Xiên ngang mặt đất rêu từng đám,

Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.

- Những sinh vật nhỏ bé, hèn mọn nhu đám rêu kia mà cũng không chịu mềm yếu, nó phải mọc xiên, lại xiên ngang mặt đất. Đá đã rắn chắc lại phải rắn chắc hơn, lại phải nhọn hoắt lên để *đâm toạc chân mây*.

- Nghệ thuật đảo cấu trúc ngữ pháp, đối nhau rất chỉnh, các động từ mạnh *xiên ngang*, *đâm toạc* lên đầu câu, không chỉ nói lên sức sống tiềm ẩn của thiên nhiên mà còn biểu hiện một thái độ bươn ra, một ý thức vươn dậy, muốn thoát ra khỏi sự tù túng của cảnh ngộ, của số phận.

==>> Đó là thái độ không cam chịu, là hành động phản kháng bi kịch cuộc đời, sức sống mãnh liệt của người phụ nữ. Nó thể hiện rõ dấu ấn của Hồ Xuân Hương: ngôn từ dùng thì sắc nhọn, cá tính thì bướng bỉnh, ngang ngạnh.

***Hai câu kết:**

Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con !

- "Ngán" là ngán ngẩm, ngao ngán, chán ngán.

-->> Đó là tâm trạng chán chường, buồn tủi, gần như bất lực, cam chịu trước số phận, duyên phận hẩm hiu, lẻ mọn.

- Điệp từ *lại* nhấn mạnh mùa xuân trôi qua rồi mùa xuân trở lại, nhưng tuổi xuân người cô phụ ngày một phai tàn theo năm tháng chờ mong. Chờ mong xuân tình, chờ mong hạnh phúc, nhưng nào có được là bao?

- Thủ pháp nghệ thuật tăng tiến, nhấn mạnh vào sự nhỏ bé dần, làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn: *mảnh tình - san sẻ - tí - con con*. Mảnh tình đã bé lại còn san sẻ thành ra ít ỏi, chỉ còn tí con con, nên càng xót xa tội nghiệp.

==>Nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội xưa, với họ, hạnh phúc luôn là chiếc chăn quá hẹp. Thời gian điều chỉnh mọi tâm hồn, với Hồ Xuân Hương và bao người phụ nữ cùng chung cảnh ngộ cũng không thể nào vùng vẫy thoát ra được. Sự khát khao hạnh phúc và nỗi buồn vì thân phận lẽ mọn được nữ sĩ nói đến một cách chân thật cảm động, đã làm nên giá trị nhân bản của bài thơ "Tự tình" - II.

(3)Nghệ thuật sử dụng ngôn từ của Hồ Xuân Hương rất đặc sắc.

Bên cạnh các chữ làm vần thơ (*dồn, non, tròn, hòn, con*), các từ láy (*văng vẳng, san sẻ, con con*), thì chữ "lại" xuất hiện đến ba lần trong một bài thơ Đường luật. Đó là một điều hi hữu:

- Chén rượu hương đưa say lại tỉnh.

- Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại.

Đó không phải là một sự non tay! Nữ sĩ đã thể hiện một cách đầy ấn tượng sự đồng hiện thời gian nghệ thuật và tâm trạng nghệ thuật qua chữ "lại" ấy.

III .Kết bài :

• Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn,tả cảnh sinh động đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.

• Qua bài thơ ta thấy được bản lĩnh Hô Xuân Hương được thể hiện qua tâm trạng đầy bi kịch: vừa buồn tủi vừa phẫn uất trước tình cảnh éo le, vừa cháy bỏng khao khát được hạnh phúc.

THAM KHẢO SƠ ĐỒ TƯ DUY SAU:

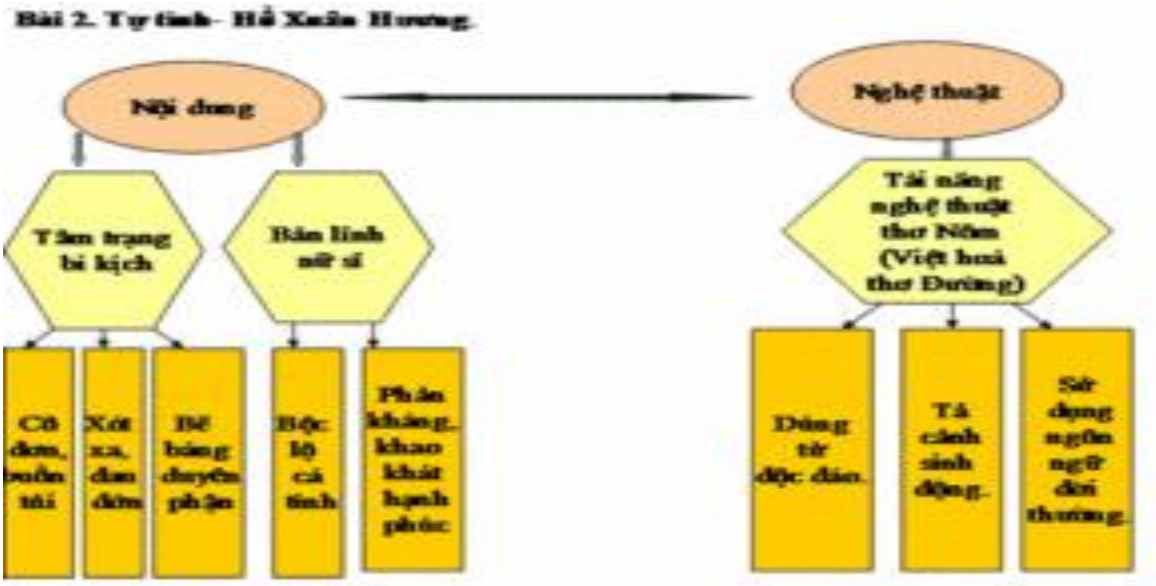

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- Tìm hiểu thêm về hình tượng người phụ nữ trong văn học trung đại; tâm sự yêu nước thầm kín của Nguyễn Khuyến, Tú Xương.

- Đọc thêm tài liệu về thơ trung đại Việt Nam trên báo, internet, ...

- Tìm hiểu thêm về lịch sử Việt Nam giai đoạn thế kỉ XVIII – hết thế kỉ XIX

Tiết 10: KHDH

Ôn tập nâng cao: Nghị luận xã hội

(Điều chỉnh theo thông tư **Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT)**

A.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức :

Ôn tập, củng cố kiến thức về văn nghị luận xã hội.

2. Kĩ năng :

- Kĩ năng viết văn nghị luận.
- Rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản có đủ bố cục ba phần, có liên kết về hình thức và nội dung.

3. Phẩm chất:

- Nghị luận trong sáng và giữ gìn sự trong sáng của tiếng việt trong hành văn.

4. Định hướng các năng lực cần hình thành cho HS

- Năng lực tạo lập văn bản văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí.
- Năng lực giải quyết vấn đề.

B. THIẾT KẾ DẠY HỌC

I. Chuẩn bị của GV và HS

- Giáo viên: một số lí thuyết về đọc – hiểu văn bản và NLXH; các đề đọc – hiểu và NLXH phù hợp với năng lực đối tượng HS; các tài liệu tham khảo khác, nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- Học sinh:xem lại kiến thức đọc – hiểu văn bản và NLXH mà GV đã dạy trong năm học trước, đọc thêm tài liệu tham khảo khác.

II.Tổ chức dạy và học

1. Ổn định tổ chức lớp
2. Ôn tập

<u>Hoạt động 1</u>: Ôn tập kĩ năng viết đoạn văn nghị luận xã hội

1. Yêu cầu của đoạn văn NLXH

***Đề bài**: Viết đoạn văn khoảng 200 chữ, trình bày suy nghĩ của mình về một vấn đề/1 khía cạnh nhỏ của vấn đề.

➔Yêu cầu về đoạn văn NLXH:

- Về hình thức:

+ Không được xuống dòng, tránh viết đoạn văn nhầm sang viết bài văn.

+ Dung lượng khoảng 200 chữ, tức là khoảng 2/3 mặt giấy thi hay 20 dòng viết tay (có thể viết nhiều hơn vài dòng cũng không sao, nhưng tối đa một mặt giấy thi).

- Về nội dung:

+ Đúng – Đủ- Sâu – Hay

+ Viết tập trung vào ý mà đề bài hỏi, không viết thành bài văn thu nhỏ, dàn trải nhiều ý.

- Về thời gian: Phải căn thời gian để đủ thời gian làm cả phần Đọc – hiểu và phần Nghị luận văn học. Thông thường nên dành 30 phút trên tổng 120 phút cho câu NLXH.

2. Các bước viết đoạn văn nghị luận xã hội

Bước 1: Đọc và phân tích đề Theo như đề thi minh họa – phần nghị luận xã hội sẽ lấy một ý nhỏ trong bài đọc hiểu để làm đề thi viết đoạn văn 200 từ (cũng có khi là không). Nếu đề NLXH mà nằm trong đọc hiểu thì trước hết các em phải đọc kỹ bài đọc hiểu, nắm được cốt lõi nội dung, từ đó xem đề nghị luận 200 từ họ yêu cầu mình bàn về vấn đề gì?

- Sau đó phải xác định được vấn đề cần nghị luận thuộc về Tư tưởng đạo lý hay Hiện tượng đời sống.

Bước 2: Xây dựng đoạn văn

Cách trình bày đoạn văn có ưu thế để dành điểm cao nhất là cách tổng – phân- hợp

Xây dựng câu mở đoạn:

– Câu mở đoạn có thể dùng 1-3 câu để mở đoạn (giống như phần mở bài vậy). Phần này phải có cái nhìn tổng quát, khái quát được nội dung mà đề thi yêu cầu. Phải hiểu được đề thi bàn về vấn đề gì?

Xây dựng thân đoạn

- Phải giải thích các cụm từ khóa, giải thích cả câu (cần ngắn gọn, đơn giản)
- Bàn luận:

Đối với nghị luận về một tư tưởng đạo lí:

+ Đặt ra các câu hỏi – vì sao – tại sao – sau đó bình luận, chứng minh từng ý lớn, ý nhỏ.

+ Đưa ra dẫn chứng phù hợp, ngắn gọn, chính xác (tuyệt đối không kể chuyện rông dài, tán gẫu, sáo rỗng)

+ Đưa ra phản đề – mở rộng vấn đề – đồng tình, không đồng tình.

+ Rút ra bài học nhận thức và hành động.

Đối với nghị luận về một hiện tượng đời sống:

+ Thực trạng của hiện tượng

+ Nguyên nhân của hiện tượng?

+ Tác hại, hậu quả/ tác dụng của hiện tượng?

+ Giải pháp

+ Đưa ra dẫn chứng phù hợp, ngắn gọn, chính xác (tuyệt đối không kể chuyện rông dài, tán gẫu, sáo rỗng)

+ Đưa ra phản đề – mở rộng vấn đề – đồng tình, không đồng tình.

+ Rút ra bài học nhận thức và hành động

Viết kết đoạn:

Viết kết đoạn thường kết lại bằng một danh ngôn hay câu nói nổi tiếng (Nếu được vậy, bài làm sẽ được giám khảo chú ý hơn khi chấm điểm)

Một số lưu ý:

- Không xuống dòng, tránh nhầm lẫn viết đoạn văn thành viết bài văn.

- Phân bố số dòng, số câu cho từng phần:

Mở đoạn: 2-3 câu (có khi chỉ cần 1 câu nếu viết tốt)

Thân đoạn:

Giải thích 4 dòng

Bàn luận 12 dòng

Mở rộng vấn đề – 4 dòng

Bài học – 5 dòng

Kết đoạn – 2 dòng (hoặc có khi gộp luôn vào chỗ bài học)

Bài văn 200 từ nhưng có thể viết tới 250 từ (tương đương trên 20 dòng).

2. Lấy dẫn chứng thuyết phục cho bài văn NLXH

Bài tập: HS về nhà lập bảng theo mẫu sau (tiết sau chia sẻ trước lớp):

STT	Chủ đề	Giải thích	Dẫn chứng (2 d/chứng)	Câu nói hay/Câu châm ngôn (2)
1	Nghị lực sống			
2	Ý nghĩa thời gian			
3	Ý nghĩa trải nghiệm			
4	Tình thương			
5	Niềm tin			
…	…			

<u>Hoạt động 2:</u> Thực hành

GV giao hoạt động theo nhóm:

- **Nhóm 1 + 2:** Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vai trò của gia đình đối với mỗi cá nhân và xã hội.
- **Nhóm 3 + 4:** Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về tác hại của căn bệnh vô cảm trong xã hội.

- HS thảo luận nhóm. Cử đại diện nhóm, thư kí, trình bày sản phẩm ra giấy A0 theo sơ đồ tư duy và đoạn văn hoàn chỉnh.
(Tiết sau thuyết trình)

BÀI TẬP VỀ NHÀ:

- HS ôn tập để củng cố khắc sâu kiến thức trên lớp, tìm đọc các tài liệu có nội dung liên quan đến kiến thức.

- Hoàn thiện sản phẩm bài tập nhóm và lập bảng các chủ đề NLXH.Tiết sau thảo luận trên lớp.

III. Rút kinh nghệm

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 11 - 12 : TT KHGD

TÊN BÀI DẠY: BÀI CA NGẤT NGƯỞNG

- NGUYỄN CÔNG TRỨ -

Thời lượng : 2 tiết

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức :

- Hiểu được phong cách sống của Nguyễn Công Trứ với tính cách của một nhà Nho và hiểu được vì sao có thể coi đó là bản lĩnh cá nhân mang ý nghĩa tích cực.

- Nắm được các đặc điểm về thể loại hát nói.

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA

NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Biết thu thập các thông tin liên quan đến tác giả Nguyễn Công Trứ.	**Đ1**
2	+ Nhận biết và phân tích được các từ ngữ, hình ảnh thơ trong việc thể hiện tâm trạng và cảm xúc của nhân vật trữ tình.	**Đ2**
3	+ Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thể hát nói	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Bài ca ngất ngưởng* và các phẩm khác của Nguyễn Công Trứ.	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	- Trân trọng vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Công Trứ - Ý thức đúng, hiểu đúng nghĩa của khái niệm: Ngất ngưởng không để nhầm lẫn với lối sống lập dị.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh về tác giả và tác phẩm; phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung dạy học	PP/KTDH	Phương án

học (Thời gian)		trọng tâm	chủ đạo	đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10phút)	**Kết nối - GQVĐ**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Nguyễn Công Trứ, tác phẩm *Bài ca ngất ngưởng*	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả 2. Tác phẩm II.Đọc hiểu văn bản. 1. "Ngất ngưởng" chốn quan trường 2. "Ngất ngưởng" khi là một hưu quan 3. Lời tổng kết cả một đời "ngất ngưởng" III.Tổng kết: những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ4, Đ5, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ

				của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: **Kết nối bài học**

HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

HĐ CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Bước 1:GV giao nhiệm vụ: *** GV:** + Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) về Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Nguyễn Du, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Trãi, Nguyễn Công Trứ - Đưa ra các tác phẩm: *Long Thành cầm giả ca* (ND), *Dại Khôn* (NBK), *Đánh tổ tôm* (TX), *Chừa rượu* (NK), *Chí làm trai* + Chuẩn bị bảng lắp ghép *** HS:** + Nhìn hình đoán tác giả +Lắp ghép tác phẩm với tác giả **- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** **- Bước 3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**	+ Đối tửu – Nguyễn Du. + Dại Khôn – Nguyễn Bỉnh Khiêm. + Đánh tổ tôm – Tú Xương. + Chừa rượu – Nguyễn Khuyến. + Chí làm trai – Nguyễn Công Trứ.

- Bước 4: Chuẩn kiến thức. *** Câu hỏi nâng cao, xâu chuỗi vấn đề:** Các bài thơ này có điểm gì giống nhau?	- Đều nói về cái tôi cá nhân, quan điểm về nam nhi….

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1,GT-HT,GQVĐ**

(HS hiểu được phong cách sống của Nguyễn Công Trứ với tính cách của một nhà Nho và hiểu được vì sao có thể coi đó là bản lĩnh cá nhân mang ý nghĩa tích cực.

- Nắm được các đặc điểm về thể loại hát nói).

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung	
- Bước 1: GV giao nhiệm vụ từ tiết trước: các nhóm tìm hiểu về tác giả Nguyễn Công Trứ (qua sgk và các tài liệu tham khảo) +Nêu hoàn cảnh sáng tác, thể loại, đề tài và bố cục của tác phẩm? **- Bước 2: GV gọi đại diện của một nhóm lên thuyết trình về phần chuẩn bị ở nhà về tác giả Nguyễn Công Trứ.** **-Bước 3: Các nhóm khác lắng nghe và bổ sung.** **- Bước 4: GV nhận xétkhái quát lại những nét chính về tác giả Nguyễn**	**I. Tìm hiểu chung.** **1. <u>Tác giả</u>**

Công Trứ, nhấn mạnh những sự kiện có ảnh hưởng tới sự nghiệp sáng tác của NCT.	- Nguyễn Công Trứ (1778- 1858) - Quê : Hà Tĩnh , xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo. - Có tài, có cá tính, đỗ đạt làm quan nhưng con đường làm quan gạp nhiều thăng trầm. -Là người có công đầu với thể loại ca trù. **2. <u>Bài thơ</u>** - ***Hoàn cảnh sáng tác***: Sau năm 1848, khi nhà thơ đã cáo quan về ở ẩn tại quê nhà. Thoát khỏi vòng cương tỏa của quan trường và những rang buộc của lễ giáo phận sự là lúc nhà thơ có thể bộc lộ hết tâm tư phóng khoáng của bản thân đồng thời có cái nhìn mang tính tổng kết về cuộc đời phong phú. - ***Thể loại*** : Hát nói là thể tổng hợp giữa ca nhạc và thơ, có tính chất tự do thích hợp với việc thể hiện con người cá nhân. - ***Đề tài*** : thái độ sống của bản thân theo lối tự thuật. **- *Bố cục:*** + 6 câu đầu : Ngất ngưởng chốn quan trường. +Còn lại : Ngất ngưởng khi cáo quan về hưu.
Thao tác 2: Hướng dẫn HS đọc hiểu chi tiết văn bản	
- Bước 1: GV hỏi: ?*Em hiểu thế nào là ngất ngưởng? Trong bài thơ, từ ngất ngưởng xuất hiện mấy lần? Ý nghĩa của nó.* *? Thái độ sống ngất ngưởng theo quan niệm của Nguyễn Công Trứ được thể hiện ở những yếu tố nào?*	**1. "Ngất ngưởng" chốn quan trường (06 câu đầu).** " Vũ trụ nội mạc phi phận sự" → mọi việc trong tời đất đều là phận sư của ông. Nguyễn Công Trứ khẳng định vai trò, trách

- Bước 2: HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi. **- Bước 3: Nhận xét** **- Bước 4: GV chuẩn kiến thức.**	nhiệm của mình với dân với nước. => Tuyên ngôn về chí làm trai của nhà thơ. Quan niệm sống là hành động.
***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH HOẠT ĐỘNG NHÓM:** **- Bước 1.GV chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi thành viên dựa vào bài soạn trong vở soạn văn để trao đổi, thống nhất các yêu cầu sau:** + **Nhóm 1- nhóm 2**: Tìm hiểu thái độ sống ngất ngưởng của NCT khi làm quan. + **Nhóm 3 – nhóm 4**: Tìm hiểu thái độ sống ngất ngưởng của NCT khi cáo quan về hưu. - Các nhóm thảo luận nhóm trong 5 phút. **- Bước 2.GV yêu cầu đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận nhóm:** **Bước 3.Nhóm khácnhận xét, bổ sung** **Bước 4. GV chuẩn hóa kiến thức.** -	- Tự khen mình: "ông Hi Văn tài bộ" một cách tự cao, tự đại, hơn nhiều kẻ khác. - Nói việc làm quan là tự chui vào lồng (bị giam hãm, mất tự do)→ lối nói ngông . - Nêu những việc mình đã làm ở chốn quan trường và tài năng của mình: + Tài học(thủ khoa). + Tài chính trị (tham tan, tổng đốc) + Tài quân sự (thao lược) đã làm ông thành "một tay" (con người nổi tiếng) về tài trí. → Tự hào mình là một người tài năng lỗi lạc, danh vị vẻ vang văn vẻ toàn tài. - Nghệ thuật: + Sử dụng nhiều từ Hán Việt: trang trọng + điệp từ kết hợp với liệt kê: tác dụng khoe tài và nhấn mạnh các chức danh, ý thức rõ nét, trang trọng về tài năng và địa vị của bản thân. + Giọng điệu của đoạn thơ: Khoe khoang, phô trương, tự cao, tự đại, khinh đời. ➡ Ngất ngưởng: làm trái với lễ nghĩa khiêm tốn của nhà nho, ngang nhiên khoe tài, khoe trí. Nhưng đó không phải là thói khoe khoang hợm hĩnh mà chỉ là để khoe cái cốt cách tài tử, phóng túng của mình mà thôi. Và ẩn chứa đằng sau đó là một cái tôi ý thức về tài năng và danh vị bản thân. Qua đó, ta thấy Nguyễn Công Trứ là

một người quân tử sống bản lĩnh, đầy tự tin, kiên trì lí tưởng.

2. "Ngất ngưởng" khi cáo quan về (13 câu còn lại)

a. *Ngất ngưởng khi "đô môn giải tổ"* (Câu 7 + 8)

- Sự kiện cởi mũ áo nghỉ quan là một việc hết sức hệ trọng, một bước ngoặt trong cuộc đời người làm quan, nhất là đối với một vị quan to như NCT. Thông thường: trước sự việc trọng đại ấy có những nghi lễ biểu hiện sự trọng thị, lưu luyến của triều đình: tiệc tiễn, tặng thơ, vua ban phẩm vật,...

*NCT: không nhắc gì tới những việc ấy mà chỉ nhắc tới một sự kiện, một việc làm ngược đời, trái khoáy:

Người: tàn lọng, xe ngựa nghiêm trang.

NCT: ngất ngưởng trên một con bò vàng nghênh ngang giữa kinh kì. Con bò cũng biểu hiện sự trái khoáy: là một giống vật thấp kém (bò mà lại là bò cái) nhưng lại được trang sức bằng đạc (nhạc) ngựa (đồ trang sức sang, quý của loài vật quý tộc).

Xong chưa hết, tương truyền, NCT còn buộc mo cau vào đuôi con bò với một tuyên ngôn "để che miệng thế gian" , trêu ngươi, khinh thị cả kinh kì, cả ông và con bò của ông đều ngất ngưởng) (Lên xe, xuống ngựa nọ

	tương phản – Lợm mùi giáng chức với thăng quan – Điền viên một chiếc xe bò cái – Sẵn chiếc mo cau che miệng thế gian) "Ngất ngưởng: ở việc làm cố tình làm cho chướng mắt như để trọc tức, trêu ngươi. **b."Ngất ngưởng" khi đã là một hưu quan (câu 9 đến câu 16).** * <u>Cương vị, chức phận, cuộc sống có sự thay đổi</u>: + Cương vị, chức phận: "tay kiếm cung", một ông tướng quyền sinh, quyền sát "mà nên" (biến đổi, trở thành) "dạng từ bi", dáng vẻ một nhà tu hành, một nhà sư. + Cuộc sống: từ kẻ sĩ thi tài "kinh bang tế thế" với đời nay quay về cuộc sống thanh tao, ẩn dật. <u>* Lối sống:</u> + Người đời: để sống cuộc sống thanh tao, ẩn dật thường quay về vui thứ điền viên, sơn thủy hoặc khắc khổ tu hành, hoặc tìm tới thiền học để tìm tới sự giác ngộ. + NCT: tìm tới việc hưởng thụ để thỏa chí riêng mình: cầm, kì, thi tửu và cả gian nhân. _ Khi lên chùa, chốn của thiền trang nghiêm, theo sau ông cũng có vài bóng "hường hường yến yến". Câu thơ gợi cảnh một nhóm người lên vãn chùa với hình ảnh thủng thẳng của một ông già và sự nhõng nhẽo của các cô gái trẻ. - Khi du ngoạn sông hồ "Lênh đênh một chiếc thuyền nan - Một cô thiếu nữ một quan đại thần" → chốn tiên bồng, lãng mạn. Nhưng chơi bời mà không vướng tục, tìm tới cõi phật cửa tiên mà vẫn là con người của cuộc đời "nhập tục mà không vướng tục, rong chơi mà vẫn trọn nghĩa vua tôi"

	(Trần Đình Sử). Đây là lối sống vừa nghệ sĩ, vừa thanh cao của lớp nhà nho xưa trong bối cảnh đặc biệt của xã hội lúc bấy giờ. Với lối sống này, NCT đã tự khẳng định mình đối lập với cái xhpk nhiều định chế khắt khe. ➡ "Ngất ngưởng": lối sống hưởng thụ, khác người. * <u>Quan niệm sống, thái độ sống:</u> - Người đời: luôn sống vì những cái được, mất, khen, chê. - NCT: không quan tâm tới chuyện được mất, không bận lòng tới sự khen chê, luôn vui phơi phới như ngọn gió xuân ấm áp. ➡ "Ngất ngưởng": thái độ coi thường sự được mất, khen chê ở đời.
- Bước 1: GV hỏi:*Tổng kết lại cả cuộc đời mình, NCT đã khái quát lại cái tôi "Ngất ngưởng" của mình như thế nào?* **- Bước 2: HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi.** **- Bước 3: Nhận xét** **- Bước 4: GV chuẩn kiến thức.**	**3. Lời tổng kết cả một đời ngất ngưởng.(ba câu cuối)** - Khẳng định mình là một người tài năng, nổi tiếng, hiển hách có thể sánh ngang với Trái Nhạc, Hàn Tín,...những con người tài năng xuất chúng đời Hán, Tống ở TQ - Khẳng định mình là một bề tôi trung thành, luôn giữ trọn đạo nghĩa vua tôi. - Khẳng định: "trong triều..." tức khẳng định trong triều không ai như mình, bằng mình. Điều đó làm nổi bật sự đối lập giữa NCT với đám quan lại đương thời. **Tóm lại:** Những biểu hiện trên của lối sống "ngất ngưởng" đều tập trung làm nổi bật cá tính, bản lĩnh, sự tự tin của một con người có cốt cách độc đáo khi nhìn lại mình và tự thể hiện mình. Lối sống ấy đã góp phần quan trọng vẻ đẹp nhân cách của Nguyễn Công Trứ: một con người giàu năng lực, dám sống cho mình, bỏ qua sự gò bó của lễ giáo, theo đuổi cái tâm tự nhiên.

Thao tác 3: Hướng dẫn HS tổng kết	
- Bước 1: GV hỏi: Nêu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm? **- Bước 2: HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi.** **- Bước 3: Nhận xét** **- Bước 4: GV chuẩn kiến thức.**	**<u>Tổng kết:</u>** **1. Nội dung.** - Vẻ đẹp của con người Nguyễn Công Trứ thể hiện trong hình ảnh "ông ngất ngưởng": từng làm nên sự nghiệp lớn, tâm hồn tự do phóng khoáng, bản lĩnh sống mạnh mẽ, ít nhiều có sự phá cách về quan niệm sống, vượt qua khuôn sáo khắt khe của lễ giáo phong kiến. Đó là hình ảnh tiêu biểu cho mẫu người tài tử ở hậu thời kì văn học trung đại Việt Nam. - Lối sống "ngất ngưởng" của Nguyễn Công Trứ là một phong cách sống có bản lĩnh, có cá tính, trung thực, thẳng thắn, ý thức rất rõ về bản thân. Lối sống đó mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc: giải phóng con người khỏi những ràng buộc để được sống tự do, đề cao cá tính và khẳng định bản ngã con người. **2. Nghệ thuật.** Sự phù hợp của thể hát nói với việc bày tỏ tư tưởng, tình cảm tự do phóng túng, thoát ra ngoài khuôn khổ của tác giả.

<u>HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP</u>

a. Mục tiêu: **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhântrả lời câu hỏi và nhóm làm sơ đồ tư duy.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
-Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ: ? Lí giải vì sao NCT có thể ngất ngưởng được	Sở dĩ NCT có thể ngất ngưởng được như thế là vì ông ý thức được tài năng của bản

như thế? **- Bước 2: HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi.** **- Bước 3: Nhận xét** **- Bước 4: GV chuẩn kiến thức.**	thân. Ông là một người bản lĩnh và cá tính.

*** Sơ đồ tư duy bài học:**

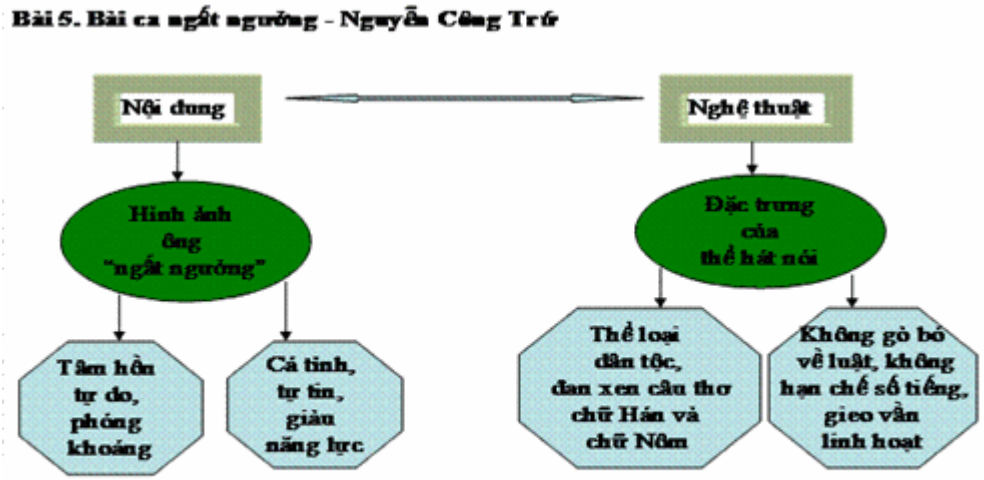

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** Nếu coi "ngất ngưởng" là thái độ sống thì thái độ sống đó ntn? Thái độ sống đó có phải là lối sống lập dị, cố làm cho khác người của một bộ phận trong xh hiện nay hay không?	- Thái độ sống của Nguyễn Công Trứ có được dựa trên tài năng và bản lĩnh. - Tuổi trẻ cần nhìn nhận khía cạnh tích cực để có lối sống đúng đắn cho bản thân

Tuổi trẻ ngày nay cần làm gì để thể hiện được phong cách sống ngất ngưởng tích cực? **2.** Vận dụng làm tiếp những bài tập trong Sách bài tập Ngữ văn 11. **- HS làm việc cá nhân.** **- HS báo cáo.** **- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**	

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (Ở nhà)

GIÁO VIÊN GIAO NHIỆM VỤ:

-Tìm đọc những tác phẩm khác của NCT và những tài liệu liên quan trên Internet.

- Soạn bài: Đọc thêm: *Bài ca ngắn đi trên bãi cát* (Cao Bá Quát).

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam
- Văn bản văn học 11,…

IV. RÚT KINH NGHIỆM TIẾT DẠY

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: THƠ TRỮ TÌNH TRUNG ĐẠI VIỆT NAM (TIẾP)

Tiết 13,14: KHGD

TÊN BÀI HỌC:

BÀI CA NGẮN ĐI TRÊN BÃI CÁT

(*Sa hành đoản ca)* - CAO BÁ QUÁT –

Thời lượng: 2 tiết

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Giúp học sinh hiểu được tâm trạng chán ghét của Cao Bá Quát đối với con đường mưu cầu danh lợi tầm thường và niềm khao khát đối với cuộc sống trong hoàn cảnh xã hội nhà Nguyễn bảo thủ, trì trệ.

- Hiểu được mối quan hệ giữa nội dung và nghệ thuật của bài thơ cổ thể.

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Biết cách thu thập các tri thức liên quan đến các tác giả Cao Bá Quát, tác phẩm *Sa hành đoản ca*	**Đ1**
2	Nhận biết và phân tích được các từ ngữ, hình ảnh thơ trong việc thể hiện tâm trạng và cảm xúc của nhân vật trữ tình.	**Đ2**
3	Nhận biết và phân tích được những yếu tố nghệ thuật tiêu biểu trong thể hành.	**Đ3**
4	Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**

5	Nhận biết và cách sử dụng thao tác lập luận phân tích để phân tích một tác phẩm văn học.	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, về văn nghị luận.	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học (biết cách cảm nhận một tác phẩm văn học)	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ, CNTT		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	- Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề. -Biết sử dụng CNTT vào thiết kế sản phẩm hoạt động nhóm	**GQVĐ** **CNTT**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Trân trọng nhân cách cao đẹp cảu Cao Bá Quát. Có ý thức, trách nhiệm trong việc lựa chọ nghề nghiệp cho bản thân	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, về tác giả và tác phẩm; phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (05phút)	**GQVĐ – kết nối**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Cao Bá Quát, văn bản *Sa hành đoản ca*.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (27 phút)	**Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả 2. Tác phẩm II.Đọc hiểu văn bản. 1. Hình tượng bãi cát dài mênh mông	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp	-Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua

		2. Hình tượng người đi trên bãi cát. III.Tổng kết: đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	đôi);.	trình bày do GV và HS đánh giá -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (05 phút)	**Đ4, Đ5, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (03 phút)	**GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: GQVĐ- Kết nối

(HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học).

b. Nội dung: hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	*Dự kiến sản phẩm*
- Bước 1: GV chiếu video nghiên cứu về Cao Bá Quát với tư cách là một nhân vật lịch sử. + Cảm nhận ban đầu về nhân vật lịch sử này? **- Bước 2: HS suy nghĩ, trả lời.** **- Bước 3, 4: GV nhận xét, từ đó dẫn vào bài mới.**	- Video nghiên cứu về Cao Bá Quát. - Cảm nhận bước đầu về nhân vật.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HS

Hoạt động của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**
Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung	
- Bước 1:GV nêu nhiệm vụ vào tiết trước: Các nhóm chuẩn bị phần thuyết trình về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thể loại của bài thơ? **(dựa vào phần Tiểu dẫn, tài liệu tham khảo)** **- Bước 2:GV gọi đại diện của một**	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** - Cao Bá Quát (1809 - 1855) Quê: làng Phú Thị, Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc quận Long Biên, Hà Nội). - Là người có tài, nổi tiếng văn hay chữ tốt và

nhóm lên thuyết trình về phần chuẩn bị ở nhà về tác giả Cao Bá Quát. **- Bước 3: Các nhóm khác lắng nghe và bổ sung.** **- Bước 4: GVgiúp HS khái quát lại những nét chính về tác giả Cao Bá Quát**: **(**GV nhấn mạnh ý những sự kiện có ảnh hưởng tới sự nghiệp sáng tác của CBQ.) - **GV** hướng dẫn HS đọc với giọng điệu chậm rãi, suy tư day dứt; chú ý các câu hỏi, câu cảm cuối bài - **HS** đọc bài 3,4 lần và cho ý kiến về bố cục	có uy tín lớn trong giới trí thức đương thời. - Là người có khí phách hiên ngang, có tư tưởng tự do, ôm ấp hoài bão lớn, mong muốn sống có ích cho đời. **2. Bài thơ** - Hoàn cảnh sáng tác: + Hoàn cảnh trực tiếp: Cao Bá Quát đi thi Hội. Trên đường vào kinh đô Huế, qua các tỉnh miền Trung đầy cát trắng(Quảng Bình, Quảng Trị). (Hình ảnh bãi cát dài, sóng biển, núi là những hình ảnh có thực gợi cảm hứngcho nhà thơ sáng tác bài thơ này). + Bối cảnh xh, thời đại: Chế độ pk nhà Nguyễn bảo thủ, trì trệ; chế độ thi cử rất nghiệt ngã, nhiều bất công. - Thể thơ: thể ca hành(thơ cổ Trung Quốc được tiếp thu vào Việt Nam). - Bố cục: + 4 câu đầu: Hình ảnh bãi cát và người đi trên bãi cát + Tâm trạng và suy nghĩ của người đi trên bãi cát dài.
Thao tác 2: Hướng dẫn HS đọc hiểu chi tiết văn bản	
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ cho cá nhân và nhóm: +Hình ảnh nào là hình ảnh trung tâm	**1.** ***Hình tượng bãi cát – con đường cùng*** "Bãi cát dài lại bãi cát dài" : mênh mông dường như bất tận, nóng bỏng. → Hình ảnh tả thực: Những bãi cát, cồn cát trải

của bài thơ? → HS: 2 hình ảnh: bãi cát và người đi trên bãi cát. **+ GV chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi thành viên dựa vào bài soạn trong vở soạn văn để trao đổi, thống nhất các yêu cầu sau:** + **Nhóm 1- nhóm 2**: Tìm hiểu về hình ảnh bãi cát dài: ? Hình ảnh bãi cát được miêu tả ntn? Đó là hình ảnh thực hay hình ảnh biểu tượng? + **Nhóm 3 – nhóm 4**: Tìm hiểu về hình ảnh người đi trên bãi cát: ? Hình ảnh con người xuất hiện trong hoàn cảnh ntn? ?Tâm trạng của con người khi đi trên bãi cát? ?Câu hỏi cuối bài thơ có ý nghĩa gì? **- Bước 2: Các nhóm thảo luận nhóm trong 5 phút.** **- Bước 3: đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận nhóm.** **- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.** **- Bước 4: GV chuẩn hóa kiến thức.**	dài bao la của thiên nhiên miềnTrung khắc nghiệt→ cảnh tượng đẹp nhưng dữ dội, khắc nghiệt đã gợi ý cho nhà thơ sáng tác bài thơ này. → Hình ảnh biểu tượng: + Con đường tìm kiếm công danh đầy trắc trở + Con đường đời nhiều gập ghềnh trong xã hội phong kiến o bế, trì trệ. ***2. Hình tượng người đi trên bãi cát*** *** Hoàn cảnh xuất hiện:** + Không gian: bãi cát dài bất tận→ đường xa, bị bao vây bởi núi sông, biển + Thời gian: mặt trời lặn vẫn còn đi. + Tình thế: *Đi một bước như lùi một bước* (đi trên cát chân bị lún xuống như lùi lại) ; *không dừng được* => Sự tất tả, bươn chải dấn thân để mưu cầu công danh, sự nghiệp. *** Tâm trạng và suy nghĩ của lữ khách khi đi trên bãi cát:** - Buồn đau,phẫn uất: *Lữ khách trên đường nước mắt rơi.* - Tự tráchbản thân: "*Không học được….giận khôn vơi*" Nhịp điệu đều, chậm, buồn: tác giả tự giận mình không học được "phép ngủ" của người xưa để quên đi sự đời,mà cứ phải tự hành hạ mình, chán nản mệt mỏi vì công danh- lợi danh. - Suy nghĩ về bả công danh- con đường danh lợi:

-	*“Xưa nay phường….bao người”* → Câu hỏi tu từ, hình ảnh gợi tả(hơi men) chỉ sự cám dỗ của danh lợi đối với con người. Vì công danh, lợi danh mà con người bôn tẩu ngược xuôi. Danh lợi cũng là thứ rượu thơm làm say lòng người. => Sự chán ghét, khinh bỉ của Cao Bá Quát đối với phường danh lợi. Câu hỏi nhà thơ như trách móc, như giận dữ, như lay tỉnh người khác nhưng cũng tự hỏi bản thân. Ông đã nhận ra tính chất vô nghĩa của lối học khoa cử, côn đường công danh đương thời vô nghĩa, tầm thường. - Hoang mang, bế tắc, tuyệt vọng: *“ Bãi cát dài…ơi…”* + Câu hỏi tu từ “Tính sao đây? “ cũng là câu cảm thán thể hiện tâm trạng băn khoăn, dây dứt giữa việc đi tiếp hay dừng lại. + *Khúc đường cùng* : ý nghĩa biểu tượng → nỗi tuyệt vọng của tác giả. Ông bất lực vì không thể đi tiếp mà cũng không biết phải làm gì. Ấp ủ khát vọng cao cả nhưng ông không tìm được con đường để thực hiện khát vọng đó. Hay đó là niềm khao khát thay đổi cuộc sống + Hình ảnh thiên nhiên: phía bắc, phía nam đều đẹp nhưng đều khó khăn, hiểm trở →Con đường đời không lối thoát, sự bế tắc về lối đi, hướng đi của cuộc đời. - Câu hỏi kết lại bài thơ**:** *“Anh đứng làm chi trên bãi cát?..”* →Hỏi cuộc đời, hỏi XH, hỏi chính bản thân mình + Xoáy sâu vào những nỗi niềm đớn đau, day

	dứt, giằng xé nội tâm của nhân vật trữ tình. + Lời thức tỉnh, giục giã bản thân của người đi trên cát phải quyết định dứt khoát, tìm con đường đi mới cho cuộc đời. Nhịp điệu thơ lúc nhanh, lúc chậm. lúc dàn trả, lúc dứt khoát→ thể hiện tâm trạng suy tư của con đường danh lợi mà nhà thơ đang đi. => Hình tượng kẻ sĩ cô độc, lẻ loi đầy trăn trở nhưng kì vĩ, vừa quả quyết vừa tuyệt vọng trên con đường đi tìm chân lí đầy chông gai.

Thao tác 3: Hướng dẫn HS tổng kết	
- Bước 1: **GV yêu cầu** HS nêu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm? **-Bước 2: HS suy nghĩ** **- Bước 3: HS trả lời cá nhân.** **- Bước 4: GV chuẩn kiến thức**	**1. Nội dung:** Bài thơ là khúc ca mang đậm tính nhân văn của một người cô đơn tuyệt vọng trên đường đời: - Bộc lộ tâm trạng chán ghét của Cao Bá Quát đối với con đường mưu cầu danh lợi tầm thường. - Niềm khao khát đối với cuộc sống trong hoàn cảnh xã hội nhà Nguyễn bảo thủ, trì trệ. **2. Nghệ thuật.** - Thơ cổ thể , hình ảnh biểu tượng giàu ý nghĩa. - Phương pháp đối lập, sáng tạo trong việc dùng điển cố điển tích

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi và thảo luận nhóm để hoàn thiện sơ đồ tư duy bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ: ?** Nhận xét cách xưng hô và dụng ý của cách xưng hô đó trong bài thơ? **-Bước 2: HS suy nghĩ** **- Bước 3: HS trả lời cá nhân.** **- Bước 4: GV nhận xét và chuẩn kiến thức**	**Gợi ý:** + "Khách": sự quan sát mình từ bên ngoài. + "Anh": sự phân thân để đối thoại với chính mình. + "Ta": bộc lộ tâm trạng trực tiếp. ➔ Tác giả muốn đặt mình vào các vị trí khác nhau, các điểm nhìn khác nhau để bộc lộ tâm trạng, điều đó thể hiện mâu thuẫn hiện tồn trong tâm trí tác giả.

*** Tham khảo sơ đồ tư duy sau:**

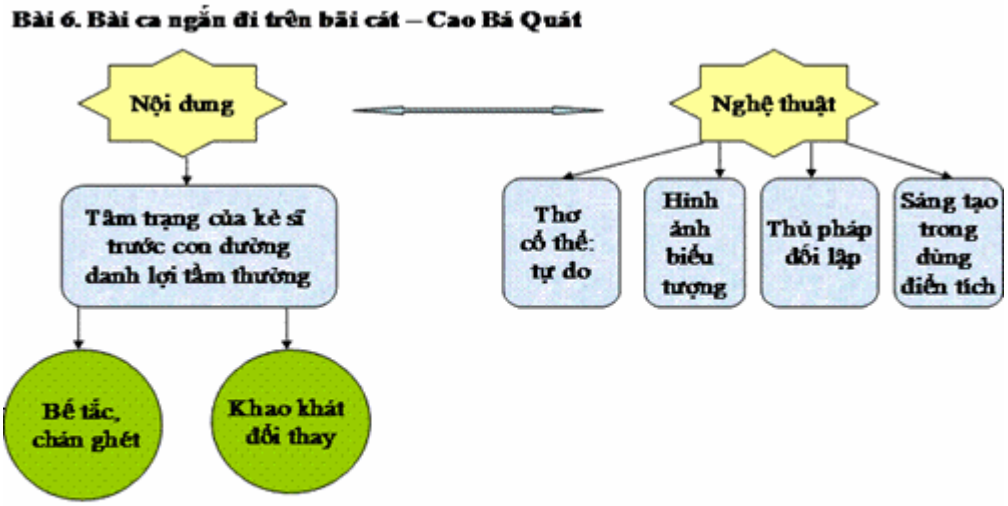

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** Sau khi học xong bài thơ, em thử lí giải tại sao CBQ lại khởi nghĩa chống lại triều đình nhà Nguyễn? Em rút ra được bài học gì cho bản thân sau khi học xong tác phẩm này. **- HS làm việc cá nhân tại nhà.** **- HS báo cáo trong giờ học sau.** **- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**	- Xuất phát từ bản thân: Là con người học rộng, biết nhiều - > Nhận thấy sự xuống cấp của xã hội phong kiến nên muốn thay đổi cuộc sống để tạo ra một xã hội mới, trọng dụng người tài. - Xuất phát từ xã hội: thực trạng xã hội phong kiến khủng hoảng trầm trọng.

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (Ở nhà)

-Tìm đọc những tác phẩm khác của CBQ và những tài liệu liên quan trên Internet.

- Đọc diễn cảm và đọc thuộc bài thơ.

- Soạn bài: Đọc thêm*: Bài ca Hương Sơn (Chu Mạnh Trinh)*

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam

- Văn bản văn học 11,…

V. RÚT KINH NGHIỆM TIẾT DẠY

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 15 – 16 – 17: KHGD

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC

(Nguyễn Đình Chiểu)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Nắm được những nét chính về cuộc đời, nghị lực, nhân cách và giá trị thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu.

- Bức tượng đài bi tráng về người nông dân Nam Bộ yêu nước buổi đầu chống thực dân Pháp.

- Thái độ cảm phục, xót thương của tác giả

- Tính trữ tình, thủ pháp tương phản và việc sử dụng ngôn ngữ..

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Có khả năng thu thập thông tin liên quan đến tác giả Nguyễn Đình Chiểu.	**Đ1**
2	Hiểu và phân tích được các từ ngữ, câu văn đặc biệt là các từ	**Đ2**

	Hán Việt, trong việc thể hiện tâm trạng và cảm xúc của nhân vật trữ tình.	
3	Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.	**Đ3**
4	Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của văn tế	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* và các phẩm khác của Nguyễn Đình Chiểu.	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM, NHÂN ÁI		
10	- Có thái độ trân trọng và say mê tìm hiểu về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu. - Biết đau thương cho cảnh ngộ của những người dân mất nước, mất tự do.	**TN** **NA**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi	**GQVĐ- kết nối**	Huy động, kích hoạt	- Nêu và giải	Đánh giá qua

động (10phút)	**bài học**	kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Nguyễn Đình Chiểu, tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*	quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (90 phút)	**Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả 2. Tác phẩm II.Đọc hiểu văn bản. 1. Lung khởi: Giới thiệu thời cuộc và người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc 2. Thích thực: Hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc. 3. Ai vãn: Tiếc thương và cảm phục sự hi sinh của những người nghĩa sĩ. 4. Kết: ca ngợi linh hồn bất tử của người nghĩa sĩ III.Tổng kết: đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (15 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (10 phút)	**Đ4, Đ5, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh

				giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (10 phút)	**GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.

a. Mục tiêu: **Kết nối bài học**

HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HĐ CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- Trình chiếu 1 số hình ảnh về Nguyễn Đình Chiểu, về hình ảnh của nhân dân miền Nam thời Pháp thuộc. +HS xem video trong thời gian 4 phút. +Cảm xúc của em khi xem video này? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.** **- Bước 3: Báo cáo sản phẩm.** **- Bước 4: Chuẩn kiến thức**	- Đau đớn, tiếc thương trước sự mất mát của người miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp. - Căm thù trước tội ác tày trời của thực dân Pháp. - Sẵn sang chiến đấu bảo vệ Tổ quốc…

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,N1, GT-HT,GQVĐ**

(Hiểu cuộc đời, sự nghiệp văn học của Nguyễn Đình Chiểu; hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc và tình cảm của tác giả)

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: TÁC GIẢ NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả .** **- Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ:** Em hãy nêu những điểm chính về cuộc đời nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu? **- Bước 2: HS làm việc cá nhân:** **- Bước 3: HS báo cáo.** **- Bước 4: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.** ***Thao tác 2:*** Tìm hiểu sự nghiệp thơ văn *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH HĐ NHÓM:** **- Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ:** 4 nhóm. + **Nhóm 1+2:** Những nội dung chính trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu	**<u>A : PHẦN 1: TÁC GIẢ:</u>** I. CUỘC ĐỜI: - NĐC(1822-1888), sinh tại quê mẹ ở tỉnh Gia Định xưa trong một gia đình nhà nho. - 1843, đỗ tú tài. - 1846, ông ra Huế chuẩn bị thi tiếp thì hay tin mẹ mất → bỏ thi, về quê → bị mù. - Về Gia Định mở trường dạy học, bốc thuốc

+ **Nhóm 3:** Nêu những nét chính về nghệ thuật thơ văn Nguyễn Đình Chiểu + **Nhóm 4:** Bài học rút ra từ cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Đình Chiểu? **- Bước 2: HS thảo luận khoảng 5-7 phút** **- Bước 3: Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **- Bước 4: GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.**	chữa bệnh cho dân và làm thơ. - Giặc Pháp dụ dỗ, mua chuộc nhưng ông vẫn giữ trọn tấm lòng thủy chung son sắt với đất nước và nhân dân. **II.SỰ NGHIỆP THƠ VĂN:** **1.Những tác phẩm chính** a/Trước khi TDP xâm lược: b/Sau khi TDP xâm lược: **2.Nội dung thơ văn** -Lí tưởng đạo đức, nhân nghĩa: - Lòng yêu nước, thương dân (Phân tích ví dụ) **3. Nghệ thuật thơ văn** - Văn chương trữ tình đạo đức: vẻ đẹp thơ văn tiềm ẩn trong tầng sâu cảm xúc, suy ngẫm. - Bút pháp trữ tình xuất phát từ cõi tâm trong sáng, nhiệt thành... - Đậm đà sắc thái Nam bộ: Lời ăn tiếng nói mộc mạc..... - Lối thơ thiên về kể mang màu sắc diễn xướng rất phổ biến trong VHDG Nam Bộ. **III /Tổng kết** Nguyễn Đình Chiểu sống mãi bởi nhân cách cao đẹp. Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu vang mãi trong lòng dân tộc, là ngôi sao càng nhìn càng toả sáng
Hoạt động 2: **TÁC PHẨM –TÌM HIỂU CHUNG**	
*** Thao tác 1 :**	**B. TÁC PHẨM**

Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bảN **- Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ:** + Hãy nêu hoàn cảnh sáng tác bài văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc ? + Vị trí bài văn tế trong sáng tác NĐC và trong lịch sử văn học Việt Nam ? + Em hiểu như thế nào về thể loại văn tế ? (mục đích, nội dung, hình thức). **- Bước 2: HS làm việc cá nhân.** **- Bước 3: HS báo cáo(lần lượt trả lời các câu hỏi GV đã nêu)** **- Bước 4: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.** **Hướng dẫn HS đọc văn bản** **- Bước 1:GV đọc mẫu vài ba câu (hoặc mở video đọc văn bản)**	**I. Tìm hiểu chung :** **1. Hoàn cảnh sáng tác :** - Cần Giuộc thuộc tỉnh Long An. Trận Cần Giuộc là một trận đánh lớn của quân ta diễn ra đêm 16/ 12/ 1861, hơn 20 nghĩa quân đã hi sinh anh dũng). -Theo yêu cầu của tuần phủ Gia Định là Đỗ Quang, NĐC viết bài văn tế này đọc trong lễ truy điệu các nghĩa sĩ. Bài văn là tiếng khóc từ đáy lòng của tác giả và là tiếng khóc lớn của nhân dân trước sự hi sinh của những người anh hùng. **2. Vị trí :** -Bài văn tế nằm trong giai đoạn thứ 2 thuộc bộ phận văn thơ yêu nước của NĐC. Là tác phẩm có giá trị đặc biệt và độc đáo trong văn học dân tộc. - Lần đầu tiên trong lịch sử văn học tác giả đã dựng một tượng đài nghệ thuật về hình ảnh những người nông dân chống thực dân Pháp tương xứng với phẩm chất vốn có của họ ở ngoài đời. **3. Thể loại và bố cục :** - Văn tế là một thể văn dùng để tế người chết (đôi khi cũng để tế người sống) - Nội dung : kể về tính tình công đức của người mất và tỏ lòng kính trọng thương tiếc của mình. - Bố cục: 4 phần. + Lung khởi: khái quát bối cảnh của thời đại và khẳng định ý nghĩa cái chết bất tử của người nông dân. + Thích thực: Hồi tưởng lại hình ảnh và công đức người nông dân - nghĩa sĩ. + Ai vãn: Bày tỏ lòng thương tiếc, sự cảm phục của

- Bước 2: Gv gọi hs đọc văn bản lưu ý hs đọc với giọng : trang trọng kết hợp với trầm lắng, hào hùng sảng khoái thành kính. **- Bước 3:1 HS đọc, cả lớp theo dõi.** **- Bước 4: HS, GV nhận xét.**	tác giả đối với người nghĩa sĩ. + Khốc tận (Kết): Ca ngợi linh hồn bất tử của các nghĩa sĩ. 4. Đọc văn bản Đoạn 1: giọng trang trọng; Đoạn 2: từ trầm lắng khi hồi tưởng chuyển sang hào hứng, sảng khoái khi kể lại chiến công. Đoạn 3: trầm buồn, sâu lắng, xót xa,đau đớn. Đoạn 4: thành kính, trang nghiêm.
HOẠT ĐỘNG 3: ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN	
<u>* Thao tác 1 : Tìm hiểu phần Lung khởi</u> **-Bước 1: GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, đọc văn bản và trả lời các câu hỏi:** + Câu " súng giặc đất rền, lòng dân trời tỏ" đã khái quát đầy đủ hai mặt biến cố chính trị lớn lao của thế kỉ XIX như thế nào ?Câu đầu tiên tạo ra sự đối lập nào? Phân tích ý nghĩa khái quát của các đối lập ấy. 2. Câu 2 tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Nhằm mục đích gì? **- Bước 2: HS làm việc cá nhân.** **- Bước 3: HS báo cáo(lần lượt trả lời các câu hỏi GV đã nêu)** **- Bước 4: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**	**1. Giới thiệu khái quát về thời cuộc và nhân vật người nông dân nghĩa sĩ :** - Với hình thức ngắn gọn, câu văn đã dựng nên khung cảnh bão táp của thời đại: + " Súng giặc đất rền " → giặc xâm lược bằng vũ khí tối tân + " Lòng dân trời tỏ" → ta đánh giặc bằng tấm lòng yêu quê hương đất nước. - NT đối lập nhằm thể hiện khung cảnh bão táp của thời đại, những biến cố chính trị lớn lao. Tuy thất bại những người nghĩa sĩ hi sinh nhưng tiếng thơm còn lưu truyền mãi.
Thao tác 2:Tìm hiểu hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân Cần	**2. Hình ảnh người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc :**

Giuộc **GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm.** **- Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ** **+ Nhóm 1:** Người nghĩa sĩ có nguồn gốc xuất thân như thế nào? **+ Nhóm 2:** Khi quân giặc xâm phạm bờ cõi, thái độ, hành động của họ ra sao? **+ Nhóm 3, 4:** Tìm những chi tiết, hình ảnh khắc hoạ vẻ đẹp hào hùng khi xông trận của người nghĩa sĩ nông dân? **- Bước 2: HS thảo luận khoảng 5-7 phút** **-Bước 3: Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **- Bước 4: GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.**	**a. Nguồn gốc xuất thân :** - Từ nông dân nghèo cần cù lao động " cui cút làm ăn " - NT tương phản " chưa quen ⇔ chỉ biết, vốn quen ⇔ chưa biết. =>tác giả nhấn mạnh việc quen và chưa quen của người nông dân để tạo ra sự đối lập về tầm vóc của người anh hùng. **b. Lòng yêu nước nồng nàn :** - Khi TD Pháp xâm lược người nông dân cảm thấy lo sợ → trông chờ → ghét → căm thù → đứng lên chống lại. → Diễn biến tâm trạng người nông dân. **c. Tinh thần chiến đấu hi sinh của người nông dân :** - Quân trang, quân bi rất thô sơ chỉ có : một manh áo vải, ngọn tầm vông, lưỡi dao phay, rơm con cúi đã đi vào lịch sử. - Lập được những chiến công ấy: " đốt xong nhà dạy đạo " " chém rớt đầu quan hai nọ" - Tác giả sử dụng những động từ chỉ hành động mạnh mẽ với mật độ cao nhịp độ khẩn trương sôi nổi : " đạp rào, lướt, xông vào" đặc biệt là những động từ chỉ hành động dứt khoát " đốt xong, chém rớt đầu" Sử dụng các động từ chéo " đâm ngang, chém ngược" → làm tăng thêm sự quyết liệt của trận đánh. => NĐC đã tạt một tượng đài nghệ thuật sừng sững

.	về người nông dân nghĩa sĩ đánh giặc cứu nước. **3. Ai vãn: sự tiếc thương và cảm phục của tác giả trươc sự hi sinh của người nghĩa sĩ:** - Hình ảnh gia đình tang tóc, cô đơn, chia lìa, gợi không khí đau thương, buồn bã sau cuộc chiến. - Tiếng khóc giọt lệ xót thương đau đớn của tác giả, gia đình thân quyến người anh hùng, nhân dân Nam Bộ, nhân dân cả nước khóc thương những người ra đi, khóc thương cho thân phận những người nô lệ. => Tiếng khóc lớn, tiếng khóc mang tầm vóc lịch sử - Bút pháp trữ tình thắm thiết. - Giọng điệu đa thanh giàu cung bậc *tạo nên những câu văn thật vật vã, đớn đau.* - Nhịp câu trầm lắng, gợi không khí lạnh lẽo, hiu hắt sau cái chết của nghĩa quân. **4. Phần kết : ca ngợi linh hồn bất tử của người nghĩa sĩ** - Tác giả đề cao quan niệm :*Chết vinh còn hơn sống nhục*. Nêu cao tinh thần chiến đấu, xả thân vì nghĩa lớn của nghĩa quân. Họ ra trận không cần công danh bổng lộc mà chỉ vì một điều rất giản đơn là yêu nước. - Đây là cái tang chung của mọi người, của cả thời đại, là khúc bi tráng về người anh hùng thất thế. =>khẳng định sự bất tử của những người nghĩa sĩ. **III. TỔNG KẾT** **1. Nghệ thuật:** - Chất trữ tình. - Thủ pháp tương phản và cấu trúc của thể văn biền ngẫu.
Thao tác 3: **- Bước 1: GV nêu câu hỏi:** Nêu những giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.** **- Bước 3: Báo cáo sản phẩm.** **- Bước 4: Chuẩn kiến thức**	

	- Ngô ngữ vừa trân trọng vừa dân dã, mang đậm sắc thái Nam Bộ. **2. Ý nghĩa văn bản:** - Vẻ đẹp bi tráng của người nông dân nghĩa sĩ. - Lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, người nông dân có mặt ở vị trí trung tâm và hiện ra với tất cả vẻ đẹp vốn có của họ. a. **Tiếng khóc cho người nghĩa sĩ:** - Tiếng khóc xót thương ở đây là của tác giả, của gia đình thân quyến, của nhân dân Nam bộ, và của cả nước. → Do vậy , đó là tiếng khóc có tầm sử thi. - Cộng hưởng với tình yêu thiên nhiên và con người :*cỏ cây, sông, chợ, ngọn đèn, vợ, mẹ…* - Lòng căm hờn quân giặc và triều đình gây nghịch cảnh éo le. => Tiếng khóc đau thương mà không bi lụy vì nó tràn đầy niềm tự hào, kính phục và ngợi ca những người đã chiến đấu và hi sinh cho Tổ quốc. Họ chết, nhưng tinh thần và việc làm của họ sống mãi trong lòng người. **b.Tiếng khóc cho thời đại đau thương:** - Trở lại hiện thực, khóc thương, chia sẻ với gia đình nỗi mất mát: mẹ mất con, vợ mất chồng. - Ngợi ca tấm lòng vì dân của nghĩa sĩ theo hướng vĩnh viễn hóa: danh thơm đồn sáu tỉnh.. - Đông viên, tin tưởng, quyết tâm đánh giặc. - Cảm thương nhân dân đang phải khổ đau; thắp nén nhang tưởng nhớ người đã khuất lại chạnh lòng nghĩ

	đế nước non.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

- Giáo viên giao nhiệm vụ:
Hoàn thành bảng phụ sau:

Lai lịch và hoàn cảnh sinh sống	*Thái độ, hành động khi quân giặc tới*	*Vẻ đẹp hào hùng khi xông trận*	*Nghệ thuật*

- HS làm việc cá nhân.

- HS báo cáo.

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

*** Dự kiến sản phẩm:**

Lai lịch và hoàn cảnh sinh sống	*Thái độ, hành động khi quân giặc tới*	*Vẻ đẹp hào hùng khi xông trận*	*Nghệ thuật*
Là những người nông dân sống cuộc đời lao động lam lũ, vất vả, hoàn toàn xa lạ với công việc binh đao (Câu 3, 4, 5)	*- Khi quân giặc xâm phạm đất đai bờ cõi cha ông, họ đã có những chuyển biến lớn:* *+ Về tình cảm: Căm thù giặc sâu sắc (Câu 6, 7)*	*- Vào trận với những thứ vẫn dùng trong sinh hoạt hàng ngày (Câu 12, 13)* *(Vẻ đẹp mộc mạc, chân chất nhưng độc đáo.*	*- Động từ mạnh, dứt khoát: Đánh, đốt, chém, đạp, xô.* *- Từ đan chéo tăng sự mãnh liệt: đâm ngang, chém ngược, lướt tới, xông vào.*

	(Kiểu căm thù mang tâm lí nông dân. *+ Về nhận thức: ý thức được trách nhiệm đối với sự nghiệp cứu nước (Câu 8; 9)* *+ Hành động: Tự nguyện chiến đấu (Câu 10; 11)*	*- Khí thế chiến đấu: Tiến công như vũ bão, đạp lên đầu thù xốc tới, không quản ngại bất kì sự hi sinh gian khổ nào, rất tự tin và đầy ý chí quyết thắng (Câu 14, 15)*	*- Cách ngắt nhịp ngắn gọn.* *- Hàng loạt hình ảnh đối lập Ta - địch; Sự thô sơ - hiện đại; Chiến thắng của ta – thất bại của giặc.* *- Chi tiết chân thực được chọn lọc, cô đúc từ đời sống thực tế nhưng có tầm khái quát cao.*

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG.

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** ? Từ nội dung của bài văn tế, viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ nêu suy nghĩ về hai chữ *nhục, vinh.* **- HS làm việc cá nhân.** **- HS báo cáo.** **- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**	Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu : -Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ; -Nội dung: + Giải thích + Bàn luận + Phê phán + Dẫn chứng + Bài học

HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG – TÌM TÒI

- Vẽ sơ đồ tư duy bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

Tham khảo sơ đồ tư duy sau:

- Sư tầm thêm 1 bài văn tế của Nguyễn Đình Chiểu.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)
- Văn bản văn học 11,…

V.RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Tiết 18 - 19 : KHGD

TÊN BÀI DẠY: CHIẾU CẦU HIỀN

- NGÔ THÌ NHẬM -

Thời lượng : 2 tiết

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Hiểu được tầm tư tưởng mang tính chiến lược, chủ trương tập hợp người tài để xây dựng đất nước của vua Quang Trung, một nhân vật kiệt xuất trong lịch sử nước ta qua bài chiếu.

- Nắm được những nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm.

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Ngô Thì Nhậm.	**Đ1**
2	Nhận biết cách lập luận của tác giả nhằm thuyết phục người tài ra giúp nước	**Đ2**
3	Phân tích được những luận điểm, luận cứ thuyết phục của bài văn nghị luận.	**Đ3**
4	Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu	**Đ5**

	biểu của thể *chiếu*	
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Chiếu cầu hiền* và các vấn đề mang tính xã hội khác	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Yêu đất nước. Nhận thức được đúng đắn vai trò của người trí thức đối với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10phút)	**Đ1, GQVĐ**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Ngô Thì Nhậm, văn bản *Chiếu cầu hiền*	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả 2. Vua Quang Trung 3. Tác phẩm II.Đọc hiểu văn bản. 1. Quy luật xử thế của người hiền muôn đời. 2. Cách ứng xử của	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá

		các sĩ phu Bắc Hà, tấm lòng của vua Quang Trung và nhu cầu của đất nước. 3. Đường lối cầu hiền của vua Quang Trung III. Tổng kết	duy.	Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ4, Đ5, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.

a. Mục tiêu: **Kết nối bài học**

(HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học).

b. Nội dung: hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

- **Trò chơi**: Nhìn tranh đoán tên nhân vật lịch sử.
- **GV cho HS đoán tranh 3 nhân vật lịch sử, trong đó có vua Quang Trung.**

Lê lợi **Quang Trung** **Trần Nhân Tông**

GV tiếp tục đưa ra câu hỏi: Nêu những hiểu biết của em về vua Quang Trung?

- HS suy nghĩ, trả lời.

- GV nhận xét, dẫn vào bài: *Thiên đô chiếu (Chiếu dời đô) của Thái tổ Lí Công Uẩn mở đầu triều đại nhà Lí ở thế kỉ X. Tám thế kỉ sau – cuối thế kỉ XVIII, sau khi đại thắng quân xâm lược Mãn Thanh, vua Quang Trung Nguyễn Huệ đã bắt đầu kế hoạch xây dựng đất nước, củng cố triều đại mới. Nhà vua sai quan Tả Thị lang Ngô Thị Nhậm – một danh sĩ Bắc Hà – thảo tờ chiếu cầu hiền với mục đích thuyết phục, mời gọi những người hiền tài ở khắp nơi, đặc biệt là giới nho sĩ – sĩ phu miền Bắc cởi bỏ mặc cảm, tị hiềm, đem hết tài sức cộng tác cùng triều đình va nhà vua chấn hưng đất nước.*

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

(HS biết cách giải quyết vấn đề. Qua đó hiểu được tầm tư tưởng mang tính chiến lược, chủ trương tập hợp người tài để xây dựng đất nước của vua Quang Trung, một nhân vật kiệt xuất trong lịch sử nước ta qua bài chiếu.

+Nắm được những nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm.)

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** Nêu những hiểu biết về tác giả Ngô Thì Nhậm? **- HS làm việc cá nhân.** **- HS báo cáo.** **- GV nhận xét và chuẩn kiến thức**: GV giúp HS khái quát lại những nét chính về tác giả Ngô Thì Nhậm, nhấn mạnh những sự kiện có ảnh hưởng tới sự nghiệp sáng tác của Ngô Thì Nhậm; vua Quang Trung -**GV**:*Nêu thể loại, ý nghĩa nhan đề, hoàn*	**I. Tìm hiểu chung.** **1. Tác giả Ngô Thì Nhậm** - Ngô Thì Nhậm (1746- 1803) - Quê quán: Tả Thanh Oai – huyện Thanh Oai- Hà Đông (Hà Tây) - Xuất thân: trong dòng họ Ngô Thì có truyền thống văn hóa và khoa bảng. - Năm 1775 đỗ Tiến sĩ, làm quan dưới triều Lê - Trịnh. - Là một trong số những sĩ phu Bắc Hà đi theo phong trào Tây Sơn, được vua Quang Trung trọng dụng và đã có nhiều đóng góp quan trọng cho triều đại Tây Sơn. Nhiều văn kiện, giấy tờ quan trọng của nhà Nguyễn Tây Sơn đều do ông soạn thảo. **2. Vua Quang Trung** - Là người có công nghiệp rạng rỡ và hiển hách trong lịch sử nước nhà nhưng khi lập triều đại mới chưa được một số tầng lớp nhất định trong xã hội (nhất là giới sĩ phu Bắc Hà) tuyệt đối ngưỡng phục, do ông xuất thân không phải từ tầng lớp quý tộc, lại khởi nghiệp từ miền đất mới và một vài nguyên nhân khác nữa (Phù Lê diệt Trịnh). **3. Tác phẩm.** **a, Thể loại.** - Thể chiếu: một thể loại nghị luận thời trung đại, được vua dùng để ban bố, ra lệnh cho bề tôi, thần dân.

cảnh sáng tác và bố cục bài chiếu? *Em hãy tìm đối tượng mà bài chiếu hướng tới, từ đó hãy nêu mục đích của vua Quang Trung khi sai Ngô Thì Nhậm viết bài chiếu này là gì?* **Hs: suy nghĩ, lần lượt trả lời.** **Gv: nhận xét, bổ sung, khái quát.**	- Chiếu được viết bằng văn vần, văn xuôi hoặc văn biền ngẫu; lời lẽ trang trọng, tao nhã, rõ ràng. Nhiều bài chiếu mang nội dung nghị luận, bàn bạc những vấn đền quan hệ đến vận mệnh của đất nước. - Những tác phẩm nổi tiếng: →Chiếu thường dùng để ra lệnh. **b, Nhan đề** Bài chiếu là để cầu hiền chứ không phải ra lệnh. **c, Hoàn cảnh sáng tác:** Sgk/68 **d, Bố cục (3 phần)** - Phần 01: (Từ đầu đến *người hiền vậy*): đặt vấn đề: mối quan hệ giữa thiên tử và người tài. - Phần 02: (Từ *trước đây... hay sao*): giải quyết vấn đề: Khao khát của vua Quang Trung muốn các sĩ phu Bắc Hà ra giúp nước. - Phần 03: (Đoạn còn lại): Kết thúc vấn đề: Chính sách cầu hiền của vua Quang Trung. **e, Đối tượng và mục đích của bài chiếu.** **- Đối tượng:** Đối tượng mà bài chiếu hướng tới là các sĩ phu Bắc Hà, những người nặng lòng với triều đình Lê- Trịnh, bất hợp tác, chống lại nhà Nguyễn Tây Sơn. **- Mục đích:** thuyết phục họ cùng triều đại mới chung tay xây dựng đất nước trong giai đoạn đầy dẫy những khó khăn.

*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**	**II/ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN.** **1.<u>Phần 01</u>: <u>Quy luật xử thế của người hiền</u>**

- Giáo viên giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi thành viên dựa vào bài soạn trong vở soạn văn để trao đổi, thống nhất các yêu cầu. + **Nhóm 1**: Tìm hiểu Phần 01: Quy luật xử thế của người hiền muôn đời + **Nhóm 2 - 3**: Tìm hiểu Phần 02: Cách ứng xử của sĩ phu Bắc Hà, tấm lòng của vua Quang Trung và nhu cầu của đất nước. + **Nhóm 4:** Tìm hiểu Phần 03: Chính sách cầu hiền của vua Quang Trung. **- HS thảo luận khoảng 5-7 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.**	**<u>muôn đời.</u>** *** Câu 01:** - Nội dung: khẳng định vai trò vô cùng quan trọng của hiền tài đối với đất nước. - Nghệ thuật: so sánh "Người tài... trên trời cao". → lời giới thiệu, khẳng định và tôn vinh vai trò quan trọng của hiền tài đối với đất nước, thể hiện thái độ hết mực trân trọng của tác giả cũng như của vua Quang Trung đối với những con người được coi là "nguyên khí" của quốc gia. *** Câu 02:** - Nội dung: Quy luật xử thế của người hiền trong thiên hạ. - Nghệ thuật: + So sánh: nêu quy luật vĩnh hằng của thiên nhiên vũ trụ "Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần" để khẳng định người hiền phụng sự cho thiên tử là một cách xử thế đúng, là lẽ tất yếu, hợp với ý trời. → Quy luật xử thế của người tài trong thiên hạ: phải phụng sự thiên tử, giúp thiên tử hoàn thành nghiệp lớn, qua đó đem tài đức của mình phò đời, giúp nước. + Sử dụng điển cố: dẫn lời Khổng Tử trong sách Luận ngữ: "Vi chính di đức, thí như Bắc Thần, cư kì sở, chúng tinh củng chi" (Lấy đức mà cai trị đất nước, giống như sao Bắc Đẩu giữ đúng vị trí của mình, các ngôi sao khác sẽ chầu về). → Vừa khẳng định tính chân lý của quy luật trên, vừa tạo tạo nên tính chính danh cho Chiếu cầu hiền, vừa đánh

	trúng vào tâm lí của các sĩ phu Bắc Hà (các sĩ phu Bắc Hà vẫn nghĩ vua Quang Trung là một kẻ võ biền ít học, không biết lễ nghĩa) cho thấy vua Quang Trung là người có học, biết lễ nghĩa bởi với các nhà nho xưa, lời đức đức Khổng Tử chính là chân lý. *** Câu 03:** **- Nội dung:** nêu phản đề: nếu người tài không phò vua, giúp nước không được biết đến hoặc không cho người khác biết đến như ánh sáng bị che lấp, như vẻ đẹp bị giấu đi thì uổng phí và trái với đạo trời. **- Ý nghĩa:** Khẳng định một lần nữa tính chất bất biến và chân lí của quy luật trên. ➥**Tóm lại:** Phần mở đầu bài chiếu: ngắn gọn, giàu sức thuyết phục, báo trước hướng đi và nội dung sẽ nói của bài chiếu.
	2. Phần 2: Cách ứng xử của sĩ phu Bắc Hà, tấm lòng của vua Quang Trung và nhu cầu của đất nước. **a. Cách ứng xử, thái độ của các sĩ phu Bắc Hà khi Tây Sơn diệt nhà Lê- Trịnh và thái độ của Quang Trung trước thái độ đó.** *** Cách ứng xử, thái độ của các nho sĩ Bắc Hà khi Tây Sơn diệt nhà Lê- Trịnh**. - Nghệ thuật: sử dụng nhiều điển tích, điển cố và lối nói ẩn dụ. + Ẩn dụ: "kiêng dè... tiếng" (69) + Điển cố: "Phải... khe": lấy ý trong bài thơ "Khảo bàn" trong Kinh thi chỉ việc đi ở ẩn. "Trốn tránh việc đời" (68)

	"Gõ mõ canh cửa" (69) "Ra biển vào sông" (69) "Chết đuối trên cạn"(69) Lẩn tránh...(69) →Khái quát tới mức cao độ những kiểu trốn tránh việc đời với những màu vẻ khác nhau của kẻ sĩ Bắc Hà: Có kẻ lánh đời bỏ đi ở ẩn để giữ trọn lòng tiết tháo; cũng có người ở lại làm quan trong triều nhưng đều giữ mình không dám nói thẳng hoặc làm việc một cách cầm chừng, không hăng hái. - Nguyên nhân: + Cố chấp: vì chữ "Trung" với triều đại cũ nên bỏ đi ở ẩn + Lo sợ: nên im lặng, làm việc cầm chừng + Nghi ngờ: nguồn gốc xuất thân của vua Quang Trung. ➥Thái độ của kẻ sĩ Bắc Hà: bất hợp tác với nhà Nguyễn Tây Sơn, quay lưng với thời cuộc, không chịu đem tài năng của mình ra giúp đời, giúp nước. *** Thái độ của Quang Trung.** - Không trực tiếp nói cách hành xử của các sĩ phu BH khi Tây Sơn ra Bắc mà dùng những hình ảnh ẩn dụ quen thuộc →thái độ cảm thông của Nguyễn Huệ với tâm trạng của các sĩ phu BH trước một sự thay đổi lớn. - Bộc lộ niềm mong muốn tha thiết chân thành của mình. + "Ghé chiếu" (69): thái độ khiêm tốn, sẵn sàng chờ đợi và trọng dụng hiền tài của vua QT.

	+ Ngày đêm mong mỏi: khao khát luôn thường trực. + Hai câu hỏi tu từ: vừa thể hiện sự thành tâm, khiêm nhường, vừa hướng tới các sĩ phu Bắc Hà nhận ra những cách ứng xử không đúng với hiện thực bấy giờ, đồng thời cũng chỉ ra con đường để thay đổi cho họ là đem tài năng, đức độ ra phục vụ chiều đại mới. Đó cũng là con đường đi duy nhất và hợp lí. →Niềm mong mỏi của vua QT: muốn các bậc sĩ phu BH hiểu mình và góp sức cùng mình đứng ra xây dựng đất nước. Tấm lòng vì nước, vì dân của QT. **b. Tính chất của thời đại mới, nhu cầu của đất nước và thái độ của vua Quang Trung.** *** Những bất cập của triều đại mới và nhu cầu của đất nước.** - Đất nước mới bắt đầu một triều đại mới, "công việc vừa mới mở ra", trong "buổi đầu của nền đại thịnh" còn nhiều khó khăn. - Những khó khăn cụ thể: + Kỉ cương nơi triều chính... + Công việc ngoài biên ải... + Cuộc sống của nhân dân... + Tấm lòng của nhà vua nhiều người chưa hiểu. →Thẳng thắn thừa nhận những bất cập của triều đại mới, tác giả đã khéo léo nêu nhu cầu của đất nước: cần hiền tài hơn bao giờ hết. *** Thái độ của vua Quang Trung.** - Câu văn: "một... trị bình" sử dụng nghệ thuật so sánh dùng hình ảnh: một cái cột

	không thể đỡ nỗi một căn nhà lớn, mưu lược của một người không thể dựng nghiệp, trị bình để khẳng định nếu không được người hiền giúp sức thì một mình nhà vua cũng không thể xây dựng nghiệp lớn. - Hai câu tiếp: sử dụng câu khẳng định và câu hỏi tu từ: + Thể hiện niềm tin tưởng và tự hào về lượng người tài của đất nước. + Tâm trạng sốt ruột của QT khi người hiền chưa ra giúp nước. →Qua lời lẽ khiêm nhường, tha thiết nhưng cũng rất thẳng thắng, kiên quyết, người xuống chiếu đã thể hiện rõ thái độ cầu hiền, chân thành mong muốn người hiền ra giúp nước khiến sĩ phu Bắc Hà không thể không thay đổi cách ứng xử.
	3. <u>Phần 3</u>: <u>Đường lối cầu hiền của vua Quang Trung.</u> *** Đường lối cầu hiền.** - Đối tượng cầu hiền: quan viên lớn nhỏ, thứ dân trăm họ. - Biện pháp, cách thức cầu hiền: Cho phép mọi người có tài thuộc mọi tầng lớp trong xã hội được dâng sớ tâu bày kế sách; cho phép các quan văn, quan võ tiến cử người có nghề hay, nghiệp giỏi; cho phép người tài tự tiến cử; sẵn sàng cân nhắc người xứng đáng không kẻ thứ bậc, bố trí công việc hợp lí "tuỳ tài lục dụng" người được tiến cử; những lời nói sơ suất, lời không dùng được thì không bị bắt tội. →Chính sách cầu hiền: rộng mở, cụ thể, dễ thực hiện, giàu tính khả thi, không hề có điều

	gì gây trở ngại, ảnh hưởng đến người hiền trong việc đem tài đức ra giúp dân, giúp nước xây dựng triều đại mới, tạo cho mọi người sự an tâm, thoải mái, không có gì phải bận tâm, lo lắng. Đây là một tư tưởng dân chủ, tiến bộ. Qua đó cho ta thấy Quang Trung là người có tầm nhìn xa trông rộng cũng như có khả năng tổ chức, sắp đặt chính sự, biết giải tỏa những băn khoăn có thể có (trong đó có băn khoăn tế nhị về danh dự) cho mọi thần dân, khiến họ yên tâm khi tham gia việc nước. *** Đoạn văn kết thúc:** Khẳng định triều đại mới mở ra đang là thời "trời trong sáng, đất thanh bình" là cơ hội tốt cho người hiền thi thố tài năng, xây dựng nghiệp lớn, ghi tên mình vào lịch sử, để lại tiếng thơm muôn đời. →Lời khích lệ, kêu gọi, động viên trang trọng, chân thành, tha thiết, cổ vũ, khích lệ người hiền đem tài đức của mình ra giúp nước, cùng triều đình chung vai gánh vác nhiệm vụ, chung hưởng hạnh phúc lâu dài. ➥Phần 3: đường lối cầu hiền đúng đắn, tiến bộ thể hiện tầm nhìn xa, trông rộng và tấm lòng vì nước, vì dân của QT.
III. Tổng kết **- GV hỏi:** Nêu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm? **- HS suy nghĩ, trả lời.** **- GV tổng kết.**	**III/ TỔNG KẾT.** **1. Nội dung.** Thể hiện tầm nhìn chiến lược của vua Quang Trung trong việc cầu hiền tài phục vụ cho sự nghiệp dựng nước. **2. Nghệ thuật.** - Cách nói sùng cổ. - Lời văn ngắn gọn, súc tích; tư duy rõ ràng;

	lập luận chặt chẽ, khúc chiết kết hợp với tình cảm tha thiết, mãnh liệt có sức thuyết phục cả về tình và lí.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
- Giáo viên giao nhiệm vụ: 1. Qua bài chiếu, em hãy rút ra nhận xét về tài đức của vua Quang Trung? 2. So sánh điểm giống và khác nhau trong nghệ thuật lập luận giữa Chiếu dời đô – Lý Công Uẩn và Chiếu cầu hiền – Ngô Thì Nhậm? **- HS làm việc cá nhân.** **- HS báo cáo.** **- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**	➔ Gợi ý: 1. Quang Trung hiện lên là vị vua hết lòng vì dân,vì nước, quyết tâm xây dựng đất nước hùng mạnh, phát triển; có tầm nhìn chiến lược, tấm lòng bao dung, cao cả, thấu tình đạt lí. **2. *Giống nhau:** Đều kết hợp giữa li và tình, không chỉ đơn thuần là mệnh lệnh quan phương, thuyết phục và xúc động lòng người; những vấn đề trọng đại với non sông đất nước, triều đại, thể hiện tầm nhìn xa trông rộng và tấm lòng vì nước vì dân của bậc thánh đế minh vương. *** Khác nhau:** 2 văn bản khác nhau về đối tượng và mục đích hướng đến. + Chiếu dời đô : Đối tượng là quan lại và toàn thể nhân dân; mục đích là việc thuyết phục chủ trương di dời nơi đóng đô. + Chiếu cầu hiền: Đối tượng là giới sĩ phu Bắc Hà; mục đích là thuyết phục họ ra giúp vua, giúp nước.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG.

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** ?Em có nhận xét gì về chính sách "chiêu hiền đãi sĩ", trọng dụng trí thức, phát triển tài năng trẻ của Đảng và Nhà nước ta hiện nay? ? Suy nghĩ về hiện tượng chảy máu chất xám hiện nay ở nước ta? **- HS làm việc cá nhântại nhà** **- HS báo cáo vào tiết học sau.** **- GV nhận xét.**	- Nhà nước ta coi trọng việc bồi dưỡng, phát triển nhân tài: chú trọng giáo dục, coi giáo dục là quốc sách hàng đầu trong đường lối chính sách phát triển đất nước, hàng năm vinh danh những người thủ khoa ở Văn Miếu Quốc Tử Giám - Bên cạnh đó vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại: Hiện tượng chảy máu chất xám, trường chuyên lớp chọn,..

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (Ở nhà)

-Tìm đọc những tác phẩm khác của Ngô Thì Nhậm và những tài liệu liên quan trên Internet.

- Tìm hiểu thêm các thông tin về vua Quang Trung và lịch sử nước ta giai đoạn cuối thế kỉ XVIII.

- Thiết kế sơ đồ tư duy bài học.

- Soạn bài: Đọc thêm: *Xin lập khoa luật* (Nguyễn Trường Tộ).

*** THAM KHẢO SƠ ĐỒ SAU:**

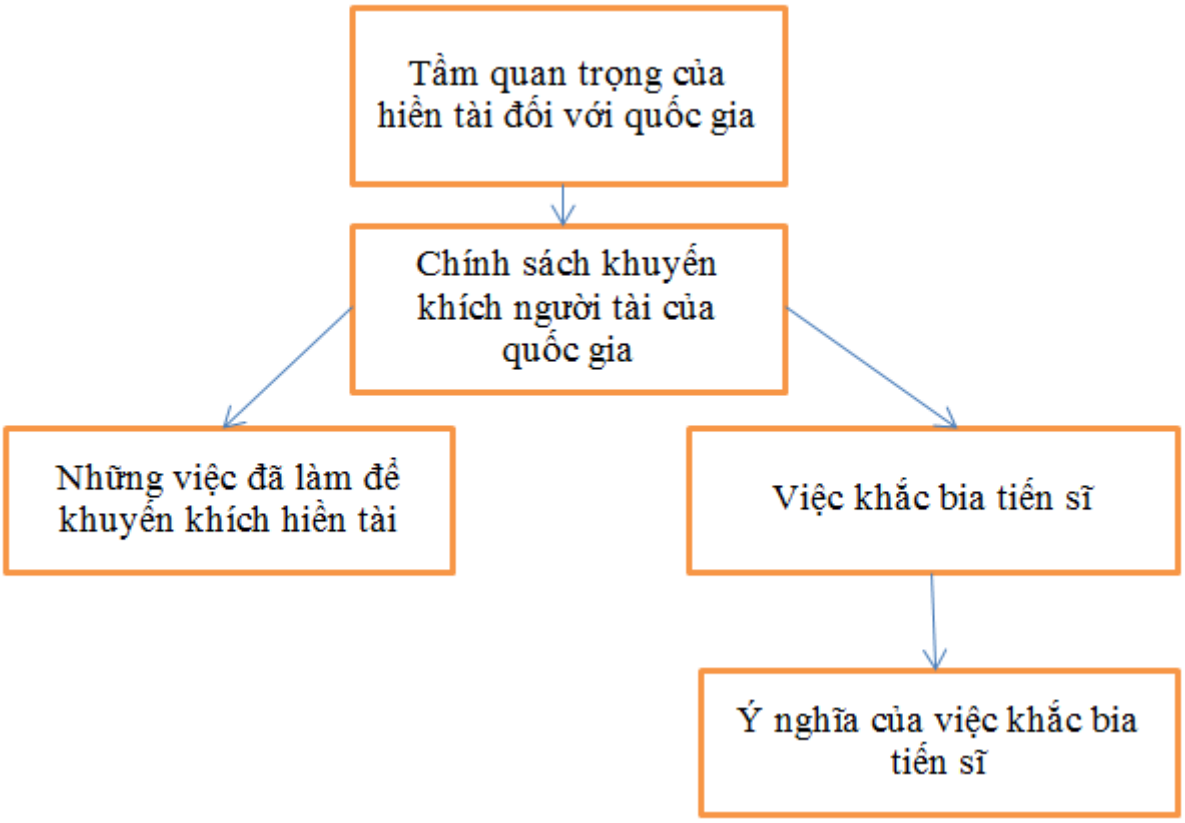

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam
- Văn bản văn học 11,…

IV. RÚT KINH NGHIỆM TIẾT DẠY

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI VIỆT NAM(TIẾP)

Tiết 20 : TT tiết dạy theo KHDH

Đọc thêm: XIN LẬP KHOA LUẬT

TRÍCH "*TẾ CẤP BÁT ĐIỀU*"- NGUYỄN TRƯỜNG TỘ -

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Hiểu được nội dung của luật, mối quan hệ của luật đối với mọi thành viên trong xã hội. Nắm được nội dung của luật đối với đời sống của con người.

- Hiểu được đặc điểm loại văn bản điều trần.

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Nguyễn Trường Tộ.	**Đ1**
2	Phân tích cách lập luận của tác giả để hiểu được nội dung tư tưởng mà tác giả muốn truyền đạt	**Đ2**
3	Phân tích được hệ thống luận điểm, luận cứ của bài văn nghị luận	**Đ3**
4	Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố lập luận của một bản điều trần.	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Xin lập khoa Luật*.	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		

8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Giáo dục ý thức học tập theo đúng qui định và sống theo đúng luật pháp.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (07phút)	**Đ1, GQVĐ**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Nguyễn Trường Tộ, đoạn trích *Xin lập khoa Luật*	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)	**Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả 2. Đoạn trích II. Giá trị văn bản. 1. Nội dung 2. Nghệ thuật	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3:	**Đ3, Đ4, Đ5,**	Thực hành bài tập	Vấn đáp,	Đánh giá qua

Luyện tập (10 phút)	**GQVĐ**	luyện kiến thức, kĩ năng	dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não.	hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ4, Đ5, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** ? Biện pháp nào giúp ngăn ngừa hiệu quả được những	**Gợi ý** ->Đề ra luật pháp, tuyên truyền mọi người về luật pháp.

hành động sai trái trong cuộc sống chúng ta? ? Thử kể một số điều luật của Hiến pháp Nhà nước ta hiện nay mà em biết? **- HS làm việc cá nhân.** **- HS trả lời nhanh.** **- GV nhận xét và dẫn vào bài mới.**	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: Tìm hiểu Tiểu dẫn **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV yêu cầu HS đọc phần tiểu dẫn và trả lời câu hỏi:** - Phần tiểu dẫn SGK trình bày những nội dung chính nào? + Trình bày vài nét về tác giả Nguyễn Trường Tộ ? + Trình bày xuất xứ và mục đích của văn bản ‘‘Xin lập khoa luật’’ ? + Theo em văn bản được chia làm mấy phần? Nội dung từng phần?	**I. Tìm hiểu chung :** **1. Tác giả.** Nguyễn Trường Tộ (1830-1871) Quê : Bùi Chu – Hưng Trung – Hưng Nguyên – Nghệ An. Là người thông thạo cả Hán học và Tây học → có tri thức rộng rãi, tầm nhìn xa trông rộng. **2. Giới thiệu: "*Xin lập khoa luật*".** Trích từ bản điều trần số 27 : ‘‘Tế cấp bát điều’’ bàn về sự cần thiết của luật pháp đối với xã hội nhằm mục đích thuyết phục triều đình cho mở khoa luật.

- HS suy nghĩ. **- HS trả lời cá nhân.** **- GV chuẩn kiến thức**	**3. Thể loại và bố cục.** - Điều trần: Thể văn nghị luật chính trị - xã hội, trình bày vấn đề theo từng điều, từng mục.
<u>Hoạt động 2</u>: Hướng dẫn tìm hiểu các giá trị của văn bản **HS thảo luận nhóm:** *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** 4 nhóm **<u>Nhóm 1</u>**: Theo Nguyễn Trường Tộ, luật bao gồm những lĩnh vực nào? Ông đã giới thiệu việc thực hành luật pháp ở các nước phương Tây ra sao? **<u>Nhóm 2</u>** : Luật có vai trò như thế nào đối với đời sống con người ? Nhận xét về cách lập luận của tác giả ? **<u>Nhóm 3</u>** : Tác giả quan niệm như thế nào về mối quan hệ giữa đạo đức và luật pháp?	- Bố cục: 3 phần. + Phần 1: Vai trò và tác dụng của luật pháp đối với xã hội. + Phần 2: Mối quan hệ giữa luật pháp với đạo Nho, văn chương nghệ thuật. + Phần 3: Mối quan hệ giữa luật pháp với đạo đức. **II.Các giá trị của văn bản** **1. Nội dung :** - Luật bao gồm nhiều lĩnh vực khác nhau: Kỉ cương, uy quyền, chính lệnh, tam cương ngũ thường... - Việc thực hành luật pháp ở các nước phương Tây rất công bằng, nghiêm minh. Không có ai (kể cả vua chúa) được đứng ngoài, đứng trên luật pháp. Nhà nước xã hội vận hành và phát triển bằng luật pháp. mọi sự thưởng phạt đều dựa trên luật pháp. Đó là những *nhà nước pháp quyền*. **a. Vai trò của luật đối với đời sống con người :** - Luật có tác dụng cai trị xã hội, duy trì sự tồn tại của đất nước. Quan dùng luật để cai trị nhân dân, dân theo luật mà giữ gìn. Bất cứ hình phạt nào cũng không vượt khỏi luật. Luật phải đề cao tính dân chủ, gắng với đời sống con người. - Luật còn là đạo đức, đạo làm người « trái luật là có tội, giữ đúng luật là dạo đức » và có « có đạo

Nhóm 4 : Theo Nguyễn Tường Tộ, Nho học truyền thống có tôn trọng pháp luật không? **- HS thảo luận khoảng 5 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.**	đức nào lớn hơn chí công vô tư » (Quan hệ giữa đạo đức và luật pháp là ở chỗ thống nhất giuã đúng luật và đạo đức. Công bằng, luật pháp là đạo đức. Đạo đức lớn nhất là chí công vô tư. Trái luật cũng đồng nghĩa với trái đạo đức). => Cách lập luận chặt chẽ, sử dụng phương pháp liên tưởng đối chiếu mở rộng tầm nhìn. **b. Điểm hạn chế của Nho học :** - Đạo Nho là một thứ luật phong kiến nội dung : không gì lớn bằng trung hiếu, không gì cần thiết bằng lễ nghĩa. - Theo tác giả Nho học không có truyền thống tôn trọng luật pháp vì chỉ nói suông trên giấy, làm tốt chẳng ai khen, làm dở chẳng ai chê. Đến Khổng Tử cũng công nhận điều này. **2. Nghệ thuật :** Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng xác thực, lời lẽ mềm dẻo, có sức thuyết phục.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

*HS trả lời nhanh những câu hỏi trắc nghiệm sau:

GV giao nhiệm vụ:

Câu hỏi 1: Nội dung của các văn bản điều trần là gì?
a. Nói về đạo làm thầy.
b. Nói về đạo làm vợ chồng.
c. Trình bày kế sách để trị nước.
d.Nói về đạo làm con.

Câu hỏi 2: Câu văn: "*Vì luật bao gồm cả kỉ cương. Uy quyền, chính lệng của quốc gia, trong đó tam cương ngũ thường cho đến việc hành chính của sáu bộ đều đầy đủ"*nói về cái gì?
a. Vai trò của luật
b. Nội dung của luật.
c. Cách thi hành luật.
d. Người sử dụng luật

Câu hỏi 3: Câu văn nào nêu lên mối quan hệ cuả luật với quan và dân?
a. *Bất luận hay quan dân, mọi người đều phải học luật nước và những luật mới bổ sung thêm từ thời Gia Long đến nay.*
b. *Ai giỏi luật sẽ được làm quan*
c. *Quan dùng luật để trị dân, dân theo luật mà giữ gìn.*
d. *Dù vua, triều đình cũng không giáng chức họ được một bậc.*

Câu hỏi 4: Câu nào sau đây trực tiếp nêu lên vai trò của luật đối với con người và đời sống xã hội?
a. Nếu luật chỉ tốt cho việc cai trị chứ không có đạo đức tinh vi, thế là không biết rằng trái luật là tội, giữ đúng luật là đức.
b. Nếu tận dụng cái lẽ công bằng ở trong luật mà xử sự thì mọi quyền, pháp luật đều là đức.
c. Trong luật cái gì cũng công bằng hợp đức với trời, như vậy mà không đáng gọi là đạo đức tinh vi sao?
d. Nếu tận dụng cũng đủ trọn vẹn đạo đức làm người rồi, bất tất phải đi tìm cái gì khác.

Câu hỏi 5:*Điều trần* thường do ai viết? Viết cho ai?
a. Bề tôi viết để dâng lên vua
b. Vua viết gửi cho bề tôi
c. Quan viết gửi cho các quan
d. Quan cấp trên gửi quan cấp dưới
- HS suy nghĩ.
- HS trả lời cá nhân.
- GV nhận xét.
ĐÁP ÁN:

[1]='c'

[2]='c'

[3]='d'

[4]='b'

[5]='a'

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** Tìm hiểu và viết đoạn văn nhận xét tình hình thực hiện luật pháp ở nước ta trong một số lĩnh vực nào đó. (VD: môi trường, ATGT,…) **- HS làm việc cá nhân (tại nhà).** **- HS báo cáo (vào tiết sau).**	- HS tự chọn một lĩnh vực mình hiểu biết, viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (Ở nhà)

- Vẽ sơ đồ cách lập luận của Nguyễn Trường Tộ trong đoạn trích.

- Đọc các tài liệu liên quan đến tác giả, tác phẩm trên Internet.

- Soạn bài: Thực hành thành ngữ, điển cố

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam
- Văn bản văn học 11,…

IV. RÚT KINH NGHIỆM TIẾT DẠY

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 21 : TT KHGD

THỰC HÀNH VỀ THÀNH NGỮ, ĐIỂN CỐ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

Củng cố và nâng cao kiến thức cần thiết về thành ngữ, điển cố: đặc điểm cơ bản về cấu tạo, về ý nghĩa và cách dùng.

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thành ngữ, điển cố.	**Đ1**
2	Đọc – hiểu văn bản để nhận diện thành ngữ, điển cố.	**Đ2**
3	Hiểu và phân tích được giá trị biểu hiện của những thành	**Đ3**

	ngữ, điểm cố thông dụng	
4	Hiểu được sự khác biệt và hiệu quả của cách diễn đạt sử dụng thành ngữ, điển cố và cách diễn đạt sử dụng từ ngữ thông thường.	**Đ4**
5	Biết lĩnh hội và sử dụng đúng thành ngữ, điển cố	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thành ngữ, điển cố	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết về thành ngữ, điển cố vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Việt; có ý thức sử dụng thành ngữ đúng hoàn cảnh giao tiếp.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…
2. **Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (07 phút)	**Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thành ngữ, điển cố	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.

HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1GT-HT,GQVĐ**	I. Khái niệm II. Bài tập	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm hai thành phần nghĩa của câu.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng	**GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công	Đánh giá qua sản phẩm theo

(3 phút)			nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**

- **GV giao nhiệm vụ**: Điền vào chỗ trống các câu sau:

+ Thắt...buộc...

+ Mèo...gà....

+ .....biết mấy nắng mưa

Có khi....đã vừa người ôm (Trích Truyện Kiều-Nguyễn Du)

- **HS thực hiện nhiệm vụ:**

- **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: *Thành ngữ gắn với cụm từ cố định còn tục ngữ gắn với câu, thường được cấu tạo dài hơn và có logic nội tại. Cả thành ngữ và điển cố đều là cụm từ cố định nhưng cấu taọ của điển cố không cấu tạo chặt chẽ như thành ngữ. Nhìn chung thành ngữ và điển cố đều có sức biểu cảm và khái quát. Ngoài ra điển cố còn giúp ta hiểu biết về xã hội, về lịch sử văn học . Vậy cụ thể thế nào, ta tìm hiểu bài học.*

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

(HS nhận nhiệm vụ, giải quyết nhiệm vụ để củng cố và nâng cao kiến thức cần thiết về thành ngữ, điển cố: đặc điểm cơ bản về cấu tạo, về ý nghĩa và cách dùng.)

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: ÔN LẠI KHÁI NIỆM	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS ôn lại khái niệm thành ngữ, điển cố.** *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV cho học sinh tìm hiểu lại kiến thức về thành ngữ, điển cố** **- HS: Suy nghĩ trao đổi và trả lời** **- HS Tái hiện kiến thức và trình bày.** **- GV nhận xét, chốt kiến thức.**	**I. Khái niệm:** - Thành ngữ: là những cụm từ cố định, được hình thành trong lịch sử và tồn tại dưới dạng sẵn có, được sử dụng nguyên khối, có ý nghĩa biểu đạt và chức năng sử dụng tương tương với từ nhưng có giá trị hình tượng và biểu cảm rõ rệt, mang lại cho lời nói những sắc thái thú vị. - Điển cố: Là những sự vật, sự việc trong sách vở đời trước, hoặc trong đời sống văn hoá dân gian, được dẫn gợi trong văn chương, sách vở đời sau nhằm thể hiện những nội dung tương ứng. Về hình thức, điển cố không có hình thức cố định mà có thể được biểu hiện bằng từ ngữ, hoặc câu, nhưng về ý nghĩa thì điển cố có đặc điểm hàm súc, ý vị, có giá trị tạo hình tượng và biểu cảm.
Hoạt động 2: LUYỆN TẬP	
*** Thao tác 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ** Nhóm 1: Bài tập 1,2 Nhóm 2: Bài tập 3,4 Nhóm 3: Bài tập 5,6 Nhóm 4: Bài tập 7 **- HS thảo luận khoảng 5-7 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**	**II.LUYỆN TẬP:** **1. Bài tập1** + " Một duyên hai nợ" -> Một mình phải đảm đang công việc gia đình để nuôi cả chồng và con + " Năm nắng mười mưa" -> Vất vả cực nhọc, chịu đựng dãi dầu nắng mưa => Các thành ngữ ngắn gọn, cô đọng, cấu tạo ổn định, đồng thời qua hình ảnh cụ thể, sinh động thể hiện nội dung khái quát và có tính biểu cảm.

- Các nhóm khác nhận xét chéo. **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.**	**2.Bài tập 2** + " Đầu trâu mặt ngựa" -> biểu hiện được tính chất hung bạo, thú vật, vô nhân tính của bọn quan quân đến nhà Thuý Kiều khi gia đình nàng bị vu oan + " cá chậu chim lồng" -> biểu hiện được cảnh sống tù túng, chật hẹp, mất tự do + "Đội trời đạp đất" -> biểu hiện được lối sống và hành động tự do, ngang tàng, không chịu sự bó buộc, không chịu khuất phục bất cứ uy quyền nào. Nó dùng để nói về khí phách hảo hán, ngang tàng của Từ Hải => Các thành ngữ trên đều dùng hình ảnh cụ thể và đều có tính biểu cảm: Thể hiện sự đánh giá đối với điều được nói đến. **3. Bài tập 3:** + "Giường kia": Gợi lại chuyện về Trần Phồn thời Hậu Hán dành riêng cho bạn là Từ Trĩ một cái giường khi bạn đến chơi, khi bạn về lại treo giường lên + "đàn kia" gợi lại chuyện Chung Tử Kì nghe tiếng đàn của Bá Nha mà hiểu được ỹ nghĩ của bạn. Do đó sau khi bạn chết, Bá Nha treo đàn không gẩy nữa vì cho rằng không có ai hiểu được tiếng đàn của mình -> Đặc điểm của điển cố: Chữ dùng ngắn gọn mà biểu hiện được tình ý sâu xa, hàm súc -> Điển cố chính là những sự việc trước đây hay câu chữ trong sách đời trước được dẫn ra và sử dụng lồng ghép vào bài văn, vào lời nói để nói về những điều tương tự **4. Bài tập 4** + "Ba thu": Kinh thi có câu: "Nhất nhật bất kiến

	như tam thu hề" (Một ngày không thấy mặt nhau lâu như ba mùa thu) -> câu thơ trong "Truyện Kiều" muốn nói khi KT đã tương tư TK thì một ngày không thấy mặt nhau lâu như ba năm + " Chín chữ" + "Liễu Chương Đài" + " Mắt xanh **5. Bài tập 5:** - " Ma cũ bắt nạt ma mới" -> ỷ thế thông thuộc địa bàn, quan hệ rộng...bắt nạt người mới đến lần đầu Thay thế : bắt nạt người mới đến - " Chân ướt chân ráo" -> vừa mới đến còn lạ lẫm - " Cưỡi ngựa xem hoa" -> làm việc qua loa, không đi sâu đi sát, không tìm hiểu thấu đáo, kĩ lưỡng Thay thế: Qua loa => Khi thay thế có thể biểu hiện được phần nghĩa cơ bản nhưng mất đi phần sắc thái biểu cảm, mất đi tính hình tượng và dài dòng hơn **Bài tập 6:** - Chị ấy sinh rồi, *mẹ tròn con vuông.* - Mày đừng có *trứng khôn hơn vịt* nhé! - Được chưa, *nấu sử sôi kinh* vậy mà thi cử liệu có đậu không? - Bọn này *lòng lang dạ thú* lắm, đừng có tin. - Trời, bày đặt *phú quý sinh lễ nghĩa!* - Tao *đi guốc trong bụng* mày rồi, có gì cứ nói

	thẳng ra. - Chỉ bảo bao nhiêu lần rồi mà làm không được, đúng là *nước đổ đầu vịt*! - Thôi, hai đứa lui ra đi, *dĩ hòa vi quý* mà! - Mày đừng bày đặt xài sang, *con nhà lính, tính nhà quan* thì sau này đói ráng chịu nhé! - Không nên hỏi làm gì, mất công người ta nói mình *thấy người sang bắt quàng làm họ*. **Bài tập 7:** **Đặt câu với mỗi điển cố.** - Lần này thì lòi *gót chân A- sin* ra rồi. - Nó cứ chi tiêu hoang đàng, nên giờ *nợ như chúa Chổm*. - Anh phải quyết đoán, chứ không là thành kẻ *đẽo cày giữa đường* đấy! - Nó là *gã Sở Khanh*, nên bây giờ cô ấy khổ. - Với *sức trai Phù Đổng* , thanh niên đang đóng góp nhiều công sức cho công cuộc xây dựng đất nước.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
GV giao nhiệm vụ: Giải thích nghĩa đen và nghĩa bóng của các thành ngữ sau: -Nhân vô thập toàn' -Vô danh tiểu tốt: -Hữu danh vô thực: -Hữu dũng vô mưu: **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** **- GV nhận xét, cho điểm.**	-Nhân vô thập toàn': con người không thể không có lỗi lầm/NB: nhìn nhận và đánh giá con người một cách độ lượng, bao dung. -Vô danh tiểu tốt: tên lính nhỏ không có tên tuổi gì/NB: thân phận thấp hèn. -Hữu danh vô thực: có cái danh (hão) nhưng không có thực tài hoặc thực quyền/NB: háo danh một cách mù quáng, tự biến mình thành một thằng hề làm trò cười cho thiên hạ. -Hữu dũng vô mưu: có sức khoẻ mà không có mưu kế/NB: hành động một cách mù quáng, mê muội; thường phải trả giá đắt.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV giao nhiệm vụ: Xác định thành ngữ và giải thích thành ngữ được dùng trong bài thơ sau:** *Cảm ơn bà biếu gói cam,*	- **Thành ngữ: Khổ tận cam lai** - **Giải thích:** - Đây là câu thành ngữ Hán Việt. Khổ: nghĩa là đắng, khốn khổ (như từ "thống khổ" tức đau khổ) Tận: nghĩa là hết, đến tận cùng Cam: nghĩa là ngọt (như từ "cam thảo" tức cỏ ngọt)

Nhận thì không đúng, từ làm sao đây! *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,* *Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai* Tháng 1 năm 1946 **Hồ Chí Minh** **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** **- GV nhận xét, cho điểm.**	Lai: nghĩa là đến, tới (như từ "tương lai" tức sắp đến, sắp tới) Khổ tận cam lai nghĩa là Đắng hết ngọt đến, khổ cực hết thì vui tươi đến.

HĐ 5: TÌM TÒI MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: **Đ5, GQVĐ**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **GV giao nhiệm vụ:** +Sưu tầm 4 dẫn chứng thơ, văn xuôi có sử dụng thành ngữ, điển số. Giải thích ý nghĩa của các thành ngữ, điển cố đó. **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (vào tiết sau)**	**-HS tìm kiến kiến thức trên mạng, sách giáo khoa Ngữ văn** **-Giải thích đúng ý nghĩa thành ngữ, điển cố đã tìm**

IV. HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

- Hoàn thành các bài tập SGK.

- Soạn bài : Ôn tập văn học trung đại.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Ngữ pháp tiếng Việt.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

VI. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 22 - 23 : TT KHGD

ÔN TẬP VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Hệ thống hóa kiến thức cơ bản về văn học trung đại Việt Nam đã học trong chương trình Ngữ văn 11.

- Có năng lực tổng hợp kiến thức, phân tích theo từng cấp độ: sự kiện, tác giả, tác phẩm, hình tượng ngôn ngữ văn học.

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Có khả năng hệ thống hoá những kiến thức cơ bản về văn học trung đại Việt Nam	**Đ1**
2	Thu thập thông tin liên quan đến văn học giai đoạn từ đầu thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX	**Đ2**
3	Đọc – hiểu các tác phẩm văn học giai đoạn từ đầu thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX	**Đ3**
4	Thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn từ đầu thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX	**Đ4**
5	Phân tích, so sánh đặc điểm của các bộ phận văn học, xu hướng văn học giai đoạn này;	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về thành tựu và hạn chế của văn học trung đại Việt Nam.	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết về tiếng Việt vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Có ý thức tự giác, chủ động, độc lập trong học tập.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10 phút)	**Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan các tác	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của

		phẩm văn học.	- PP trò chơi	bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	Các câu hỏi và bài tập sgk	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về các tác phẩm văn học	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công	Đánh giá qua sản phẩm theo

(5 phút)			nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	*Dự kiến sản phẩm*
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV giao nhiệm vụ:** +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả *văn học trung đại đã học* + Lắp ghép tác phẩm với tác giả + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả **- HS thực hiện nhiệm vụ:**	- Sản phẩm lắp ghép của HS (Cao Bá Quát, Trần Tế Xương) - HS đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả.

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **- GV nhận xét và dẫn vào bài mới**: Như vậy, trong chương trình Ngữ văn 10 và 11 vừa qua, chúng ta đã tìm hiểu kiến thức về văn học sử, về tác gia, về tác phẩm văn học tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam. Hôm nay, chúng ta thực hiện giờ ôn tập để có cái nhìn toàn diện về văn học trung đại của nước nhà.	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV - HS</th><th>Kiến thức cần đạt</th></tr>
<tr><td colspan="2">Hoạt động 1: Hệ thống chương trình</td></tr>
<tr><td><u>* Thao tác 1 :</u>

Hướng dẫn HS hệ thống chương trình VHTĐ trong chương trình Ngữ văn lớp 11.

*CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

- Giáo viên giao nhiệm vụ: HS hoàn thiện bảng kiến thức
<table>
<tr><th>STT</th><th>Tên tác giả</th><th>Tên tác phẩm</th><th>Thể loại</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table>
- HS làm việc cá nhân.

- HS báo cáo.</td><td>I. Hệ thống chương trình VHTĐ trong chương trình Ngữ văn lớp 11.
<table>
<tr><th>STT</th><th>Tên tác giả</th><th>Tên tác phẩm</th><th>Thể loại</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Lê Hữu Trác</td><td>Vào phủ chúa Trịnh(Trích Thượng kinh kí sự)</td><td>-Kí sự</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hồ Xuân Hương</td><td>Tự tình (bài 2)</td><td>-Thơ TNBCĐL</td></tr>
<tr><td></td><td></td><td>Câu cá mùa thu</td><td>-Thơ TNBCĐL</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	3	Nguyễn Khuyến	Đọc thêm: Khóc Dương Khuê.	-Thơ lục bát
	4	Trần Tế Xương	Thương vợ Đọc thêm: Vịnh khoa thi Hương	Thơ TNBCĐL.
	5	Nguyễn Công Trứ	Bài ca ngất ngưởng	Hát nói
	6	Cao Bá Quát	Bài ca ngắn đi trên bãi cát	Ca hành
	7	Nguyễn Đình Chiểu	Lẽ ghét thương (Trích Lục Vân Tiên) Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc. Đọc thêm; Chạy iặc.	-Thơ lục bát. -Văn tế. -TNBCĐL
	8	Chu Mạnh Trinh	Đọc thêm:Bài ca phong cảnh Hương	Ca trù

			Sơn	
	9	Ngô Thì Nhậm	Chiếu cầu hiền	Thể chiếu
	10	Nguyễn Trường Tộ	Đọc thêm: Xin lập khoa luật (Trích*Tế cấp bát điều)*	Điều trần.

Hoạt động 2: **Ôn tập về nội dung VHTĐ**

<u>* Thao tác 1 :</u> Thảo luận nhóm theo câu hỏi SGK. *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** 4 nhóm. **<u>Nhóm 1.</u>** Những biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước từ thế kỉ XVIII đến thế kỉ XIX ? Phân tích những biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước qua các tác phẩm, đoạn trích đã học ? **<u>Nhóm 2.</u>** Vì sao có thể nói văn học ở thế kỉ XVIII nữa đầu thế kỉ XIX xuất hiện trào lưu nhân đạo ?	**II. Ôn tập về nội dung VHTĐ.** **<u>Câu 1</u>.** - Nội dung yêu nước trong văn học thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX: - Những biểu hiện mới : - Phân tích những biểu hiện của nội dung yêu nước qua các tác phâm và đoạn trích : + Chạy giặc của Nguyễn Đình Chiểu : +Văn tế nghĩa sĩ cần giuộc (Nguyễn Đình Chiểu) : + Bài ca phong cảnh Hương Sơn (Chu Mạnh Trinh) + Vịnh khoa thi hương (Trần Tế Xương) : + Xin lập khoa luật (Nguyễn Trường Tộ) :

Biểu hiện phong phú của nội dung nhân đạo trong giai đoạn này? Chứng minh qua các tác giả, tác phẩm tiêu biểu ? **<u>Nhóm 3</u>** - Đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh* mang giá trị phản ánh và phê phán hiện thực như thế nào? **Nhóm 4** - Giá trị nội dung và nghệ thuật thơ văn Nguyễn Đình Chiểu? - Vẻ đẹp bi tráng và bất tử về người nông dân nghĩa sĩ trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc?* * Từng nhóm cử đại diện trả lời, nhóm còn lại theo dõi, bổ sung **- HS thảo luận khoảng 5-7 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.**	+ Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến) : **<u>Câu 2 :</u>** - Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học thế kỉ XXVIII đến nữa đầu thế kỉ XIX, xuất hiện thành trào lưu nhân đạo vì : tác phẩm mang nội dung nhân đạo xuất hiện nhiều, liên tiếp tập trung vào vấn đề con người. -<u>Biểu hiện của nội dung nhân đạo</u>: => Vấn đề cơ bản của nội dung nhân đạo, hướng vào quyền sống con người(con người trần thế) qua Truyện Kiều, thơ Hồ Xuân Hương, ý thức về cá nhân đậm nét(ý thức về quyền sống cá nhân, hạnh phúc cá nhân, tài năng cá nhân), khẳng định con người cá nhân qua các tác phẩm như : Đọc tiểu Thanh kí của Nguyễn Du ; Tự tình của Hồ Xuân Hương ; Bài ca ngất ngưởng của Nguyễn Công Trứ. - <u>Chứng minh qua các tác giả, tác phẩm tiêu biểu</u> : + Truyện Kiều (Nguyễn Du) : + Chinh phụ ngâm (Đặng Trần Côn) : + Thơ Hồ Xuân Hương + Truyện Lục Vân Tiên(Nguyễn Đình Chiểu) : + Bài ca ngất ngưởng (Nguyễn Công Trứ) : + Câu cá mùa thu (Nguyễn Khuyến) : + Thơ Tú Xương : **Câu 3:**

	- Đoạn trích là bức tranh chân thực về cuộc sống nơi phủ chúa, được khắc họa ở hai phương diện: + Cuộc sống thâm nghiêm xa hoa, giàu sang. + Cuộc sống thiếu sinh khí, yếu ớt. → Một thế giới riêng đầy quyền uy: Những tiếng quát tháo, truyền lệnh, những tiếng dạ ran, những con người oai vệ, những con người khúm núm, sợ sệt...có nhiều cửa gác, mọi việc đều có quan truyền lệnh, chỉ dẫn. Thầy thuốc vào khám bệnh phải chờ, nín thở, khúm núm, lạy tạ. →Phủ chúa là nơi xa hoa, giàu sang vô cùng: từ nơi ở đến tiện nghi, từ vật dụng đến đồ ăn thức uống...nhưng thiếu sinh khí, âm u. Thiếu sự sống, sức sống. → Ngòi bút tả thực điềm đạm, kín đáo nhưng lạnh lùng, thờ ơ, thậm chí coi thường của tác giả→ sự phê phán sâu sắc của Hải Thượng Lãn Ông. **Câu 4:** - Giá trị nội dung thơ văn Nguyễn Đình Chiểu: Đề cao đạo lí nhân nghĩa, yêu nước chống giặc ngoại xâm. - Giá trị nghệ thuật: Tính chất đạo đức - trữ tình. Màu sắc Nam Bộ qua ngôn ngữ, hình tượng nghệ thuật. - Vẻ đẹp bi tráng và bất tử của hình tượng người nông dân - nghĩa sĩ trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc:* + Bi: Gợi lên qua cuộc sống vất vả, lam lũ. Nỗi đau buồn, thương tiếc trước sự mất mát, hi sinh và tiếng khóc đau thương của người còn sống.

Thao tác 2: Ôn tập về phương pháp

- GV nêu nhiệm vụ: HS điền vào bảng hệ thống theo định hướng của GV:

Đặc điểm thi pháp	Nội dung biểu hiện.

- HS suy nghĩ.

- HS trả lời cá nhân.

- GV khái quát, tổng kết

2. Minh chứng một số sáng tạo phá cách trong quy phạm, ước lệ.

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi: Lấy ví dụ minh chứng một số sáng tạo phá cách trong quy phạm, ước lệ.

- HS thảo luận trong khoảng 5 phút.

+ Tráng: Lòng căm thù giặc, lòng yêu nước, hành động quả cảm, anh hùng của nghĩa sĩ. → Tạo nên tiếng khóc lớn lao,cao cả.

III. Ôn tập về phương pháp.

1. <u>Một số đặc điểm quan trọng và cơ bản về thi pháp (đặc điểm nghệ thuật) của VHTĐ VN.</u>

Đặc điểm th pháp	Nội dung biểu hiện.
Tư duy nghệ thuật	Theo kiểu mẫu, công thức, hình ảnh ước lệ, tư ng trưng,
Quan niệm thẩm mĩ	Hướng về cái đẹp trong quá khứ, thiên về cái tao nhã, cao cả, ưa sử dụng điển tích, điển cố, thi liệu, thi liệu Hán học.
Bút pháp	Thiên về ước lệ, tượng trưng, gợi nhiều hơn tả.
Thể loại	Ký sự, thơ TNBCĐL, lục bát, hát nói, ca trù, văn tế, ca hành, chiếu, điều trần.

2. <u>Minh chứng một số sáng tạo phá cách trong quy phạm, ước lệ.</u>

- Thơ Nguyễn Khuyến, thơ Hồ Xuân Hương.

+ Hình thức: Thơ Nôm đường luật TNBC.

+ Sáng tạo: Thi đề, hình ảnh, từ ngữ, tính ước lệ.

- Đại diện 1 - 2 cặp đôi báo cáo sản phẩm. **- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.** **3. Lập bảng tổng kết về tác giả, tác phẩm văn học trung đại Việt Nam trong chương trình lớp 11 theo mẫu.** **- GV hướng dẫn HS lập bảng.** **- HS hoàn thành bảng (BTVN).**	- Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc: Đảm bảo nghiêm ngặt thể loại văn tế, nhưng mang tinh thần thời đại, mang tính hiện đại, vượt hơn hẳn những bài văn tế thông thường. - Thượng kinh kí sự. Bài ca ngất ngưởng. Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc. Sa hành đoản ca. Chiếu cầu hiền. Tế cấp bát điều.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **-GV giao nhiệm vụ:** **Câu hỏi 1:** Nhận xét nào trong các nhận xét sau nói đúng về thể thơ hát nói? a. Hát nói trong văn học trung đại Việt Nam chính là hát ca trù. b. Hát nói là một trong những điệu chủ đạo của hát ca trù. c. Hát nói trong văn học trung đại Việt Nam chính là hát xẩm. d.Hát nói là một trong những điệu chủ đạo của hát đối đáp.	ĐÁP ÁN [1]='b' [2]='b' [3]='c' [4]='d'

<u>Câu hỏi 2:</u> Dòng nào nêu đúng các nhà thơ trung đại "*công khai khẳng định cá tính độc đáo của mình. Thơ văn của họ thể hiện sự bức bối của lịch sử muốn tung phá cái khuôn khổ trật hẹp, tù túng và giả dối của chế độ phong kiến trong thời suy thoái"?* a.Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu. b. Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát. c. Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến. d. Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu. **<u>Câu hỏi 3:</u>** Dòng nêu đúng những biểu hiện của sự phân hoá trong văn học Việt Nam 1900 – 1945 ? a. Thể loại phong phú và đội ngũ tác giả đông đảo. b. Nhiều thành tựu nổi bật và nhiều thể loại mới xuất hiện. c. Nhiều bộ phận văn học và nhiều khuynh hướng thẩm mĩ. d. Nhiều tác giả có cá tính và cái tôi thể hiện đậm nét. **<u>Câu hỏi 4:</u>** Yếu tố nào cho thấy rõ nhất dấu vết của tiểu thuyết trung đại? a. Sử dụng nhiều từ Hán Việt. b. Nhiều điển tích, điển cố. c. Nhiều hình ảnh ước lệ, tượng trưng. d. Kết cấu chương hồi và kết thúc có hậu. **- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** **- GV nhận xét, cho điểm.**	

<u>HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG</u>

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
- GV giao nhiệm vụ: Đọc bài thơ Tự tình II, Hồ Xuân Hương và trả lời câu hỏi 1/ Xác định mạch cảm xúc của bài thơ? 2/ Em hiểu từ *hồng nhan* là gì ? Ghi lại 2 thành ngữ có từ *hồng nhan.* 3/Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ là gì ? 4/ Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) trình bày ý nghĩa nhân văn của bài thơ. **- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** **- GV nhận xét, cho điểm.**	1/ Mạch cảm xúc của bài thơ : Cô đơn- buồn chán- thách thức duyên phận-phẫn uất. Phản kháng-chán ngán, chấp nhận. 2/ *Hồng nhan* là nhan sắc người phụ nữ đẹp thường đi với đa truân hay bạc mệnh. Hai thành ngữ có từ *hồng nhan* :hồng nhan đa truân ; hồng nhan bạc mệnh. 3/ Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ : Nhà thơ đã Việt hóa thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật: cách dùng từ giản dị, dân dã, ý thức sử dụng sáng tạo các thành ngữ, tục ngữ, lối đảo từ, điệp từ, dùng từ mạnh. 4/ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu : -Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ; -Nội dung: Bài thơ là tiếng nói đau buồn, phẫn uất của nhà thơ trước duyên phận bất hạnh, gắng gượng vươn lên đầy bản lĩnh nhưng vẫn rơi vào bi kịch. Đồng thờ, bài thơ còn thể hiện khát vọng tự do, khát vọng sống, khát vọng tình yêu và hạnh phúc cháy bỏng của nữ sĩ, của người phụ nữ tài hoa bạc mệnh, đa truân trong xã hội phong kiến .

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: **Đ5, GQVĐ**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
-GV giao nhiệm vụ: + Vẽ sơ đồ tư duy Phần ôn tập văn học trung đại Việt Nam + Tìm đọc thêm một số bài thơ của các tác giả lớn: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu. **-HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (vào tiết sau)**	- **Vẽ đúng sơ đồ tư duy(có thể sử dụng phần mềm Imindmap)** - **Tra cứu tài liệu trên mạng, trong sách tham khảo.**

Tài liệu học tập: <u>Bảng thống kê tác giả - tác phẩm:</u>

Giai đoạn	Thể loại	Tác giả	Văn bản	Nội dung tư tưởng	Giá trị nghệ thuật
	Kí	*Lê Hữu Trác* (1720 – 1791)	"Vào phủ chúa Trịnh" (Trích: *Thượng kinh kí sự*)	Bức tranh phủ chúa xa hoa quyền quý và vẻ đ p tâm hồn tác giả.	Nghệ thuật iết kí sự đặc sắc: quan sát tủi mỉ, ghi chép trung thực,...
	Thơ Nôm Đường luật	*Hồ Xuân Hương*	"Tự tình (II)"	Số phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội xưa và bản lĩnh, khát	Nghệ thuật sử dụng từ ngữ, Việt hoá t ể thơ

				vọng sống, khát vọng hạnh phúc của họ.	Đường luật.
Từ thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX	Hành	*Cao Bá Quát* (1809-1854)	"Bài ca ngắn đi trên bãi cát" (*Sa hành đoản ca*)	Sự chán ghét con đường mưu cầu danh lợi tầm thường và niềm khao khát hay đổi cuộc sống.	Hình tượng thơ độc đáo, mới lạ, sáng tạ ; Hình ảnh thơ đa nghĩa.
	Hát nói	*Nguyễn Công Trứ* (1778-1858)	"Bài ca ngất ngưởng"	Lối sống "ngất ngưởng" của NCT, một lối sống tích cực của người quân tử.	Sử dụng sáng tạo thể thơ hát nói.
	Nghị luận	*Ngô Thì Nhậm*	"Chiếu cầu hiền"	Tấm lòng yêu nước và tầm nhìn xa trông rộng của vua QT trong việc cầu hiền.	Lập luận chặt chẽ, lời lẽ thuyết phục...
Nửa cuối thế kỷ XIX	Văn tế	*Nguyễn Đình Chiểu*	"Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc"	Bức tượng đài người nông dân-nghĩa sĩ và tấm lòng của NĐC đối với những người xả thân vì nghĩa lớn.	Bút pháp sử thi, hiện thực cùng các biện pháp nghệ thuật tu từ.
	Truyện thơ Nôm	*Nguyễn Đình Chiểu*	"Lẽ ghét thương" (Trích: *Lục Vân Tiên)*	Quan niệm về lẽ ghét- thương của tác giả.	Ngôn ngữ, điển tích, điển cố,...

	Thơ Nôm Đường luật	*Nguyễn Khuyến* và *Trần Tế Xương*	- Thương vợ. - Câu cá mùa thu	- Vẻ đẹp bức chân dung bà Tú, tấm lòng thương vợ của ông Tú - Vẻ đẹp bức tranh phong cảnh mùa thu và vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến.	Từ ngữ giản dị, tinh tế,...

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

V. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 25 - 26 : TT tiết dạy theo KHDH

Ôn tập theo TT26/BGD

(ĐỀ XUẤT MỘT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

Vận dụng các kỹ năng: nhận biết; thông hiểu, vận dụng (phân tích đề, lập dàn ý, viết bài)

2. Phẩm chất:

Bồi dưỡng niềm tự hào về truyền thống văn hóa, văn học của dân tộc qua di sản văn học của cha ông để lại. Từ đó có lòng say mê với văn học Việt Nam.

3. Định hướng các năng lực cần hình thành cho HS

- Năng lực đọc – hiểu văn bản.
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học.
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực áng tạo,...

II. HÌNH THỨC ÔN TẬP

GV cho HS làm đề sau:

Phần I : Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ 1 đến 4:

Tôi chúc bạn có nhiều niềm vui. Đó mới đúng là thứ cần được trao đi và nhận về. Đó mới đúng là phép lịch sự đích thực khiến cho mọi người đều phong lưu, và trước tiên là cho chính người đi tặng. Đó mới đúng là kho báu mà càng được trao đổi bao nhiêu thì càng được nhân lên bấy nhiêu. Ta có thể rải nó khắp phố phường, trên toa xe điện, hay trong các quầy báo; nó sẽ không vì thế mà suy chuyển đến một nguyên tử. Bạn vứt nó ở đâu, nó sẽ trổ lên và mọc hoa ở đấy.

(*Chúc mừng năm mới*– trích ***Alain nói về hạnh phúc***- Émile Chartier)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Vì sao tác giả cho rằng niềm vui là thứ cần được trao đi và nhận về?

Câu 3 (1,0 điểm). Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ được sử dụng trong câu: *Bạn vứt nó ở đâu, nó sẽ mọc lên và trổ hoa ở đấy.*

Câu 4 (1,0 điểm). Đoạn trích trên gợi cho anh/chị bài học gì trong trong giao tiếp, ứng xử ?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về chủ đề: ***Niềm vui trong cuộc sống***.

Câu 2: (5,0 điểm)

Cảm nhận về bức chân dung bà Tú qua bài thơ ***Thương vợ*** của Trần Tế Xương.

Liên hệ với vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong một tác phẩm khác mà em đã được học.

HƯỚNG DẪN CHẤM:

PHẦN/CÂU	ĐÁP ÁN	BIỂU ĐIỂM
PHẦN I: ĐỌC HIỂU		**3,0 điểm**
Câu 1(0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?	Nghị luận	***0,5 điểm***
Câu 2 (0,5 điểm). Vì sao tác giả cho rằng niềm vui là thứ cần được trao đi và nhận về?	- Vì niềm vui Trả lời được 2 ý : 0,5 điểm. Trả lời được 1 ý : 0,25 điểm.	0,5 điểm
Câu 3: Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói: "*Tự bản thân mỗi chúng ta, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, phải biết cảm nhận và tự tìm lấy niềm hạnh phúc cho riêng mình*" (0,5 điểm)	Hạnh phúc hay không là do quan niệm của mỗi người cũng như cách sống cách tạo dựng nắm bắt hạnh phúc trong từng hoàn cảnh từng thời điểm. Hạnh phúc là do mình tạo ra	***0,5 điểm***
Câu 4: Thông điệp nào của văn bản trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị? (1,0 điểm)	Tuỳ vào cảm nhận của mỗi học sinh để trình bày thông điệp mà bản thân cho là tâm đắc: cách tạo nên hạnh phúc, sự trân trọng và nắm giữ hạnh phúc, đón nhận cuộc sống và hạnh phúc từ những điều bình dị… Trình bày bằng một đoạn văn khoảng 5-7 câu. + Cho *0,75 điểm - 1,0 điểm* đối với những thí sinh đáp ứng tốt các yêu cầu.	***1,0 điểm***

	+ Cho *0,5 điểm* đối với những thí sinh cơ bản đáp ứng các yêu cầu. + Cho *0,25 điểm* đối với những thí sinh chỉ chọn thông điệp, không lí giải sự lựa chọn.	
PHẦN II: LÀM VĂN		**7,0 điểm**
Câu 1: (2,0 điểm)		**2,0 điểm**
1. Đảm bảo hình thức của một đoạn văn (mở đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng); diễn đạt lưu loát, không mắc quá 3 lỗi dùng từ, đặt câu.		***0,25 điểm***
2. Xác định đúng vấn đề nghị luận:Suy nghĩ của bản thân về ý kiến: " *Đừng trông đợi một phép màu hay một ai đó sẽ mang hạnh phúc đến cho bạn."*		***0,25 điểm***
3. Triển khai vấn đề: * **Giải Thích: 0,25 điểm** + *Hạnh phúc là gì*?Hạnh phúc là niềm vui của con người khi đạt được mục đích lí tưởng của cuộc sống và thỏa mãn về nhu cầu vật chất hoặc tinh thần ở thời điểm nhất định trong cuộc sống. + *Phép màu là gì*? Là những cách thức phương pháp bất ngờ do một thế lực siêu nhiên nào đó giúp con người tạo ra niềm vui hạnh phúc. + Ý cả câu: Hạnh phúc do chính ta tạo ra ở mọi thời điểm và hoàn cảnh trong cuộc sống. ***Bình luận: 0,75 điểm** + Cuộc sống luôn có những niềm vui và nỗi buồn, thành công và thất bại. Đó là sự tồn tại hai mặt của cuộc đời thường bởi những cặp phạm trù tương ứng và con người phải đối mặt với những điều ấy trong quá trình tạo ra hạnh phúc cho đời mình. + Con người ta ai cũng phải có lí tưởng và mục đích khát vọng của cuộc		***1,25 điểm***

đời. Khi đạt được những điều ấy chúng ta sẽ cảm thấy thỏa mãn và có động lực để tiếp tục cống hiến cho xã hội. Đó là hạnh phúc. + Cá nhân phải tận dụng mọi cơ hội mọi thời điểm để làm việc và thực hiện mục tiêu khát vọng của mình. Khi gặp khó khăn không hề nản chí, gặp nghịch cảnh không hề do dự, luôn chủ động trong mọi tình huống, không ỷ nại trông chờ lệ thuộc vào ai hay thế lực nào. Có như thế hạnh phúc mới có ý nghĩa có giá trị. + Phát huy tác dụng của tập thể và tận dụng cơ hội để tạo ra hạnh phúc. + Lấy một số dẫn chứng về những tấm gương biết tạo ra hạnh phúc cho mình vượt lên nghịch cảnh để trở thành người Hạnh phúc ***Rút ra bài học nhận thức và hành động: 0,25 điểm** + Cá nhân đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra hạnh phúc của cuộc đời mình.Không nên lệ thuộc và ỷ nại trông chờ vào hoàn cảnh hay người khác. + Cần tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể xã hội để tìm kiếm và tạo ra hạnh phúc.	
4. Sáng tạo: có những ý mới, ý hay chưa có trong đáp án trên hoặc văn viết có hình ảnh, cảm xúc, lập luận chặt chẽ, thuyết phục; dẫn chứng phong phú, đặc sắc.	***0,25 điểm***
Câu 2: (5,0 điểm) Cảm nhận của anh /chị về bức chân dung bà Tú qua bài thơ "Thương vợ" của Trần Tế Xương	
1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học: gồm 3 phần (Mở bài, Thân bài, Kết bài). Phần Thân bài triển khai thành nhiều đoạn văn.	***0,5 điểm***
2. Xác định đúng vấn đề nghị luận: bức chân dung bà Tú qua bài thơ "Thương vợ" của Trần Tế Xương	***0,5 điểm***
3. Triển khai vấn đề Bài làm có thể triển khai theo các cách khác nhau song cơ bản phải làm sáng tỏ những nội dung sau: **a. Mở bài (1đ)** - Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.	

- Khái quát chân dung bà Tú **b. Thân bài** - Bà Tú là một phụ nữ đảm đang: một mình tảo tần buôn bán, nuôi bảy miệng ăn trong gia đình. - Mặc dù ý thức được việc mình làm là vất vả, là gian khổ: buôn bán ở những nơi nguy hiểm bấp bênh khi quảng vắng, buổi đò đông, vất vả nuôi chồng, con mà nuôi năm con có lẽ không vất vả bằng nuôi một chồng vì nhu cầu của ông Tú chắc chắn nhiều hơn so với 5 đứa trẻ (chính ông Tú đã nhiều lần tự bạch trong thơ về nhu cầu của mình), nhưng bà Tú vẫn nhẫn nại, cam chịu không hề kêu ca. - Nhẫn nại, chịu thương chịu khó, hi sinh vì chồng, vì con như thế chỉ lí giải được bằng một lí do duy nhất là đức hi sinh, là tình yêu thương chân thành mà bà Tú dành cho chồng và con. - Có thể nói, ở bà Tú đã hội tụ đầy đủ những đức tính quý báu nhất của người phụ nữ Việt Nam. - Bài thơ thể hiện nhân cách Tú Xương: Ông không dựa vào duyên số để trút bỏ trách nhiệm của mình, cũng không lấy cái quyền hành của người chồng trong xã hội phong kiến mà phủ nhận công lao của vợ. Ngược lại ông đã dũng cảm nói lên sự thật: thói đời bạc bẽo với người phụ nữ và bản thân ông là người chồng vô tích sự cho nên, bà Tú có chồng hờ hững cũng như không. Tú Xương chửi "cha mẹ" thói đời bạc bẽo, tự trách, tự lên án bản thân mình đã làm cho gánh nặng trên đôi vai tần tảo của người vợ nặng thêm. **c. Kết bài:** - Đánh giá tổng quát giá trị bài thơ miêu tả bức chân dung bà Tú của Tú Xương - So sánh liên hệ thực tế về người phụ nữ Việt Nam hiện nay	
4. Diễn đạt lưu loát, không mắc quá 5 lỗi dùng từ, đặt câu.	***0,25 điểm***
5. Sáng tạo: có những ý mới, ý hay chưa có trong đáp án trên (liên hệ với những tác phẩm cùng đề tài, cùng giai đoạn…) hoặc văn viết có hình ảnh, cảm xúc, lập luận chặt chẽ, thuyết phục.	***0,25 điểm***

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 27: : TT KHGD

THAO TÁC LẬP LUẬN SO SÁNH

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Giúp học sinh hiểu được các đặc điểm và vai trò của thao tác so sánh trong bài văn nghị luận.

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Thu thập thông tin liên quan đến thao tác lập luận so sánh	**Đ1**
2	Đọc – hiểu văn bản để tìm thao tác lập luận so sánh	Đ2
3	Nắm được yêu cầu và cách sử dụng thao tác lập luận so sánh trong văn nghị luận.	**Đ3**
4	Nhận diện phân tích thao tác lập luận so sánh trong văn bản nghị luận.	**Đ4**
5	Biết cách so sánh, liên hệ, mở rộng để hiểu sâu vấn đề.	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thao tác lập luận so sánh	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết về thao tác lập luận so sánh vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn	**GQVĐ**

	đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Nhận thức sâu sắc vai trò của thao tác so sánh, có ý thức vận dụng sáng tạo hiệu quả vào việc viết văn bản nghị luận . Bài học có ý nghĩa về đạo đức	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1.Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (07 phút)	**Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thao tác lập luận so sánh	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận so sánh. II. Cách so sánh	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV

			hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận so sánh	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: **kết nối** (HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học).

b. Nội dung: hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi so sánh bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* với bài *Đại cáo bình Ngô.*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	*Dự kiến sản phẩm*

*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** - **GV giao nhiệm vụ**: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi: *"Hai bài văn: hai cảnh ngộ, hai thời buổi, nhưng một dân tộc. Bài ca của Nguyễn Trãi là khúc ca khải hoàn, ca ngợi những chiến công oanh liệt chưa từng thấy, biểu dương chiến thắng làm rạng rỡ nước nhà. Bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc là khúc ca những người anh hùng thất thế, nhưng vẫn hiên ngang: "Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc... muôn kiếp nguyện được trả thù kia...".* (Trích trong bài "Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc" của tác giả Phạm Văn Đồng.) Người viết đã so sánh *Bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* với tác phẩm nào? Câu văn nào nói lên điều đó? **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** **- GV nhận xét và dẫn vào bài mới**: *Trong bài văn nghị luận, để thuyết phục người đọc, người nghe tin và làm theo những gì mình định gởi gắm, cần sử dụng nhiều thao tác lập luận. Bên cạnh thao tác lập luận phân tích, lập luận so sánh được sử dụng khá nhiều và có những mục đích, hiệu quả riêng. Bài học hôm nay làm rõ những vấn đề trên.*	- Người viết đã so sánh bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* với bài *Đại cáo bình Ngô.* - Câu văn: *Bài ca của Nguyễn Đình Chiểu làm chúng ta nhớ bài Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi.*

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU SO SÁNH VÀ LẬP LUẬN SO SÁNH	

<u>* Thao tác 1 :</u> **-GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức cũ.** - Thế nào là so sánh? Trong cuộc sống chúng ta hay dùng so sánh không? So sánh để làm gì? **HS Tái hiện kiến thức và trình bày**. **GV khái quát lại.** **<u>* Thao tác 2 :</u>** Hướng dẫn HS làm bài tập và trả lời câu hỏi SGK bằng trao đổi thảo luận nhóm. *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** 4 nhóm **<u>Nhóm 1:</u>** Đọc đoạn trích và trả lời: Đối tượng được so sánh và đối tượng so sánh là gì? **<u>Nhóm 2</u>.** Điểm giống và khác nhau giữa đối tượng được so sánh và đối tượng so sánh. **<u>Nhóm 3</u>.** Phân tích mục đích so sánh trong đoạn trích?	**I. Tìm hiểu bài:** **1. Khái niệm so sánh.** - So sánh là đối chiếu 2 sự vật, hiện tượng, để thấy được sự giống và khác nhau giữa 2 sự vật, hiện tượng ấy. - Có 2 kiểu so sánh: Tương đồng (chỉ ra những nét giống nhau) và tương phản (chỉ ra những nét khác nhau). **2. Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận so sánh.** **a. Tìm hiểu ngữ liệu:** - Đối tượng được so sánh: Bài văn *Chiêu hồn.* Đối tượng so sánh: *Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc, Truyện Kiều.* - *Điểm giống và khác nhau của đối tượng được so sánh* + Giống: Đều bàn về con người. + Khác: *Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc, Truyện Kiều* đều bàn về con người ở cõi sống, văn *Chiêu hồn* bàn về con người ở cõi chết. - Nhằm làm sáng tỏ, vững chắc hơn lập luận của mình. Qua so sánh người đọc thấy cụ thể hơn, sinh động hơn ý của tác giả. - Mục đích của so sánh là làm sáng rõ đối tượng đang nghiên cứu trong tương quan với đối tượng khác. - Yêu cầu của so sánh: Khi so sánh phải đặt các đối tượng vào cùng một bình diện, đánh giá trên cùng một tiêu chí mới thấy được sự giống và khác nhau giữa chúng, đồng thời phải nêu rõ ý kiến của người viết.

<u>Nhóm 4</u>. Mục đích và yêu cầu của thao tác so sánh? **- HS thảo luận khoảng 5-7 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức** .	**b. Kết luận.** - Mục đích của so sánh. - Yêu cầu của so sánh.
NỘI DUNG 2: CÁCH SO SÁNH	
<u>* Thao tác 1 :</u> - **GV yêu cầu HS đọc mục II trong SGK và trả lời câu hỏi theo cặp**. + Nguyễn Tuân so sánh quan niệm "soi đường" của Ngô Tất Tố với những quan niệm nào? - Căn cứ để so sánh là gì? - Mục đích của so sánh là gì? =>Có những cách so sánh nào? - **HS thảo luận theo cặp trong 5 phút.** **- Đại diện 1-2 cặp trả lời.** **- GV chốt kiến thức.**	**3. Cách so sánh.** **a. Tìm hiểu ngữ liệu:** - <u>Câu 1</u>. Nguyễn Tuân so sánh quan niệm "soi đường" của Ngô Tất Tố với những quan niệm sau: + Quan niệm của những người chủ trương" cải lương hương ẩm" cho rằng chỉ cần bài trừ hủ tục là đời sống nông dân sẽ được nâng cao. + Quan niệm của những người hoài cổ cho rằngchỉ cần trở về với đời sống thuần phác, trong sạch như ngày xưa là đời sống của những người nông dân sẽ được cải thiện. - <u>Câu 2</u>. Căn cứ so sánh: Dựa vào sự phát triển tính cách của các nhân vật trong "Tắt đèn", với các nhân vật khác trong một số tác phẩm cùng viết về đề tài nông thôn thời kì ấy- nhưng viết theo chủ trương *cải lương hương ẩm hoặc ngư ngư tiều tiều canh canh mục mục.* - <u>Câu 3</u>. Mục đích của so sánh: .

	Chỉ ra ảo tưởng của hai quan niệm trên để làm nổi bật cái đúng của Ngô Tất Tố: Người nông dân phải đứng lên chống lại kẻ bóc lột mình, áp bức mình. **b. Kết luận:** - Có 2 cách so sánh: so sánh tương đồng và so sánh tương phản. - Khi so sánh phải đặt các đối tượng vào cùng một bình diện, đánh giá trên cùng một tiêu chí mới thấy được sự giống nhau và khác nhau giữa chúng, đồng thời phải nêu rõ ý kiến quan điểm của người nói (người viết) **4. Ghi nhớ:** SGK
Hoạt động : LUYỆN TẬP	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS luyện tập** *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **-Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:** **Nhóm 1: Câu 1** **Nhóm 2: Câu 2** **Nhóm 3, 4: Câu 3** **- HS thảo luận khoảng 5-7 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức** .	**II. Luyên tập:** Đoạn trích Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi. 1) Tác giả đã so sánh " Bắc" với "Nam" về những mặt: - Văn hiến (vốn xưng… đã lâu) - Lãnh thổ (núi sông… đã chia) - Phong tục (phong tục.. khác) - Chính quyền riêng (từ Triệu… một phương) - Hào kiệt (song hào kiệt… có) 2) Về mọi mặt, nước Đại Việt ta đều có từ trước, đủ tư cách là một nước có độc lập, chủ quyền, ngang hàng và không hề thua kém các triều đại Trung Hoa 3) Đoạn văn có sức thuyết phục mạnh mẽ, đem đến cho người đọc niềm tin và niềm tự hào dân tộc.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV giao nhiệm vụ:** Câu nói sau thuộc dạng thao tác lập luận so sánh gì? Vì sao? Đọc cuốn sách hay đối với trí tuệ giống như thể dục đối với cơ thể. **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** **- GV khái quát, nhận xét.**	Gợi ý: Thuộc thao tác lập luận so sánh tương đồng. Bởi vì: - Thể dục đối với cơ thể giúp cơ thể được vận động, tránh được sức ỳ, tạo ra sự lành mạnh về thể chất. - Cuốn sách hay chưa đựng nhiều vấn đề, buộc con người phải suy nghĩ, động não, tìm tòi. - Vậy giống như thể dục đối với cơ thể, đọc cuốn sách hay giúp con người rèn luyện trí nhớ, tăng sức sáng tạo. - Thể dục đối với cơ thể giúp khỏe mạnh về thể chất, đọc sách hay giúp con người phát triển về trí tuệ.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**	- **Thao tác lập luận so sánh** **Hiệu quả:** tác giả không chỉ đưa ra quan niệm

- GV giao nhiệm vụ: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi: *Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp, có tài mà không được đời dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy.* (Trích *Chiếu cầu hiền*- Ngô Thì Nhậm) Câu văn *Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao.Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần, người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử* sử dụng thao tác lập luận gì? Hiệu quả nghệ thuật của thao tác đó? **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** **- Nhận xét và nhận xét chéo.** **- GV chuẩn kiến thức.**	về người hiền mà còn nêu rõ quy luật xử thế của người hiền : người hiền phải do Thiên tử sử dụng, nếu không làm như vậy là trái với đạo trời.

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
- GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn trình bày luận	- "Vinh" là vinh quang, vinh danh được mọi người ca

điểm: "Vinh và nhục". **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ(vào tiết sau).**	ngợi, kính phục >< Nhục là nhục nhã, bị coi thường, sỉ vả. - Vinh quang chỉ dành cho những gì cao cả, chân chính >< Nhục chỉ dành cho kẻ hèn hạ, xấu xa. - Vinh quang giúp con người thấy tự tin, hạnh phúc, động viên con người tiếp tục hướng thiện >< Nhục nhã làm con người xấu hổ, đôi khi dẫn đến tự ti, mặc cảm. - Con người phải biết làm điều thiện để nhận được vinh quang, tránh điều nhục nhã. - Biết vượt qua sự mặc cảm tạm thời để hướng thiện

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

V. RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: LỊCH SỬ VĂN HỌC

TIẾT 28 - 29. KHGD:

Tên bài dạy:

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Thời lượng : 2 tiết

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

Nhận biết, phân tích và lí giải được các nội dung của bài học :

- Nắm bắt được một số nét nổi bật về tình hình xã hội và văn hóa VN nửa đầu XX.

- Hiểu những đặc điểm cơ bản và thành tựu chủ yếu của VHVN từ đầu thế kỷ XX - cách mạng tháng Tám 1945.

- Biết vận dụng kiến thức vào việc học những tác giả và tác phẩm cụ thể.

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Năng lực thu thập thông tin những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX - cách mạng tháng Tám 1945.	**Đ1**

2	Những đặc điểm lớn về nội dung và nghệ thuật văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX - cách mạng tháng Tám 1945.	**Đ2**
3	Đọc – hiểu các tác phẩm văn học giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945	**Đ3**
4	Thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945;	**Đ4**
5	Phân tích, so sánh đặc điểm của các bộ phận văn học, xu hướng văn học giai đoạn này;	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về vẻ đẹp của tiếng Việt.	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết về tiếng Việt vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	- Coi trọng bài khái quát để tích lũy kiến thức về lịch sử văn học. - Có ý thức vận dụng các kiến thức của bài khái quát để phục vụ cho việc đọc hiểu các tác phẩm văn học. - Biết vận dụng kiến thức vào việc học tác giả, tác phẩm cụ thể.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá

HĐ 1: Khởi động (10 phút)	**Kết nối - Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan các tác phẩm văn học.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở -PP trò chơi	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Đặc điểm cơ bản của VHVN từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng 8 năm 1945. II. Thành tựu chủ yếu của VHVN từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng 8 năm 1945.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về các tác phẩm văn học	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo

				luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	*Dự kiến sản phẩm*
- **GV giao nhiệm vụ:** +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh về các tác giả, tác phẩm VH đầu XX đến 1945(CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả + Lắp ghép tác phẩm với tác giả + Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả - **HS thực hiện nhiệm vụ:** - **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**	- Tranh, ảnh lắp ghép của HS. - HS đọc thơ liên quan đến tác giả.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: TÌM HIỂU NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÀI	
- Thao tác 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Văn học đổi mới theo hướng hiện đại hóa. ***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:**Đọc trang 82, 83 và trả lời câu hỏi: Hoàn cảnh lịch sử văn hóa VN trong thời kì gần nửa TK ấy có những nét chính gì? **+ GV:** Ảnh hưởng của những đặc điểm ấy đối với việc hình thành và phát triển nền VH nước ta? **+ GV:** Hiện đại hóa là gì? Nội dung và tiến trình hiện đại hóa VHVN diễn ra như thế nào? **+ GV:** Dựa vào SGK trang 83, 84, trình bày tóm tắt quá trình	**I. Đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng Tám năm 1945.** **1. Văn học đổi mới theo hướng hiện đại hóa.** - Khái niệm *hiện đại hoá*:*hiện đại hoá:* được hiểu là quá trình làm cho văn học thoát ra khỏi hệ thống thi pháp VHTĐ và đổi mới theo hình thức của văn học phương Tây, có thể hội nhập với nền văn học trên thế giới. - Cơ sở xã hội: - Cơ sở xã hôi: + Đầu thế kỉ XX, thực dân Pháp xâm lược và đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa, làm cho xã hội nước ta có nhiều thay đổi: xuất hiện nhiều đô thị và nhiều tầng lớp mới, nhu cầu thẩm mĩ cũng thay đổi. + Nền văn học dần thoát khỏi sự ảnh hưởng của văn học Trung Hoa và dần hội nhật với nền văn học phương tây mà cụ thể là nền văn học nước Pháp. + Chữ quốc ngữ ra đời thay cho chữ Hán và chữ Nôm.

HĐH của VHVN. Các giai đoạn trên khác nhau ở những điểm nào? Nêu tên ở mỗi giai đoạn một vài tác giả, tác phẩm tiêu biểu nhất **- HS làm việc cá nhân.** **- HS trả lời lần lượt các câu hỏi trên.** **- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**	+ Nghề báo in xuất bản ra đời và phát triển khiến cho đời sống văn hóa trở nên sôi nổi. - Quá trình hiện đại hóa diễn ra qua 3 giai đoạn. **a/ Giai đoạn 1**: Từ đầu thế kỉ XX đến khoảng năm 1920. - Chữ quốc ngữ được truyền bá rộng rãi, tác động đến việc ra đời của văn xuôi. - Báo chí và phong trào dịch thuật phát triển giúp cho câu văn xuôi và nghệ thuật tiếng Việt trưởng thành và phát triển. - Những thành tựu đạt được là sự xuất hiện của văn xuôi và truyện kí ở miền Nam. - Thành tựu chính của văn học trong giai đoạn này vẫn thuộc về bộ phận văn học yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế…. → Nhìn chung văn học chưa thoát khỏi hệ thống văn học trung đại. **b/ Giai đoạn 2:** Từ 1920 đến 1930. Quá trình hiện đại hóa đạt được nhiều thành tích với sự xuất hiện của các thể loại văn học hiện đại và hiện đại hóa của các thể loại truyền thống: tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, Hoàng Ngọc Phách…, truyện ngắn: Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn…, thơ: Tản Đà, Trần Tuấn Khải,.., kí: Phạm Quỳnh, Tương Phổ, Đông Hồ…đều phát triển. **c/ Giai đoạn 3**: Từ 1930 đến 1945. Có sự cách tân sâu sắc ở nhiều thể loại, đặc biệt là tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, phóng sự, phê bình ra đời và đạt được nhiều thành tựu.

	Về thơ có phong trào thơ mới. Tiểu thuyết có nhóm Tự Lực văn đoàn. Truyện ngắn có: Nguyễn Công Hoan, Nam Cao,… Phóng sự có Tam Lang, Vũ Trọng Phụng,.. Bút kí, tùy bút: Xuân Diệu, Nguyễn Tuân,…
- Thao tác 2: Tìm hiểu Văn học hình thành hai bộ phận và phân hóa thành nhiều xu hướng, vừa đấu tranh với nhau, vừa bổ sung cho nhau để cùng phát triển **- GV hỏi:** **+ GV:** VHVN chia làm mấy bộ phận? Vì sao có sự phân chia ấy? Căn cứ để phân chia? **+ GV:** Những biểu hiện của việc phát triển mau lẹ, nhanh chóng là gì? Nguyên nhân? **+ GV:** Trình bày những bộ phận của VH giai đoạn này? **- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.** **- GV khái quát lại** *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **-Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:** **Nhóm 1, 2 Bộ phận văn học công khai**	**2. Văn học hình thành hai bộ phận và phân hóa thành nhiều xu hướng, vừa đấu tranh với nhau, vừa bổ sung cho nhau để cùng phát triển.** **2.1. Bộ phận VH công khai** là văn học hợp pháp tồn tại trong vòng luật pháp của của chính quyền thực dân phong kiến. Những tác phẩm này có tính dan tộc và tư tưởng lành mạnh nhưng không có ý thức cách mạng và tinh thần chống đối trực tiếp với chính quyền thực dân. Phân hóa thành nhiều xu hướng: + Xu hướng văn học lãng mạn. *Nội dung: *Đề tài: *Thể loại: + Xu hướng văn học hiện thực. *Nội dung: *Đề tài: *Thể loại: **2.2. Bộ phận VH không công khai** là văn học cách mạng, phải lưu hành bí mật.Đây là bộ phận của văn học cách mạng và nó trở thành dòng chủ của văn học sau này.

Nhóm 3, 4 Bộ phận văn học không công khai **- HS thảo luận khoảng 5-7 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức** .	- <u>Nội dung:</u> - <u>Nghệ thuật:</u> → Hai bộ phận văn học trên có sự khác nhau về quan điểm nghệ thuật và khuynh hướng thẩm mĩ. **3. Văn học phát triển với tốc độ hết sức nhanh chóng**. - VH phát triển mau lẹ cả về số lượng và chất lượng - Nguyên nhân:
NỘI DUNG: THÀNH TỰU CHỦ YẾU...	
Thao tác 1: **- GV đặt câu hỏi:** + Những truyền thống tư tưởng lớn của lịch sử VH VN là gì? VH thời kì này có đóng góp gì mới về tư tưởng? + GV hướng dẫn HS tìm và phân tích một số dẫn chứng trong các tác phẩm đã học. **- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.** **- GV khái quát lại** **<u>Thao tác 2:</u>** - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm. *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** 3 nhóm hoàn thành phiếu học tập **Nhóm 1:**	**II.Thành tựu chủ yếu của VHVN từ đầu thế kỉ XX đến CM/8.1945**. **1. Về nội dung, tư tưởng:** - VHVN vẫn tiếp tục phát huy 2 truyền thống lớn của văn học dân tộc: Chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân đạo. → Nhân tố mới: Phát huy trên tinh thần dân chủ. - Lòng yêu nước gắn liền với quê hương đất nước, trân trọng truyền thống văn hóa dân tộc, ca ngợi cảnh đẹp của quê hương đất nước, lòng yêu nước gắn kiền với tinh thần quốc tế vô sản. Chủ nghĩa nhân đạo gắn với sự thức tỉnh ý thức cá nhân của người cầm bút. **2. Về hình thức thể loại và ngôn ngữ văn học:** - Các thể loại văn xuôi phát triển đặc biệt là tiểu thuyết và truyện ngắn. - Thơ ca: Là một trong những thành tựu VH lớn nhất thời kì này.

Tiểu thuyết cổ điển	Tiểu thuyết hiện đại

Nhóm 2:

Thơ trung đại	Thơ hiện đại

- HS thảo luận khoảng 5-7 phút

- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.

- Các nhóm khác nhận xét chéo.

- GV nhận xét vàVchuẩn kiến thức.

*** Bảng so sánh:**

Tiểu thuyết cổ điển	Tiểu thuyết hiện đại
- Đề tài, cốt truyện: vay mượn. - Kể theo trật tự thời gian - Nhân vật: phân tuyến rạch ròi, thể hiện tâm lí theo hành vi bên ngoài - Chú trọng cốt truyện li kì. - Tả cảnh, tả người theo lối ước lệ. - Kết cấu tác phẩm: chương hồ.i - Kết thúc tác phẩm: Có hậu. - Lời văn biền ngẫu.	Xoá bỏ những đặc điểm của tiểu thuyết trung đại

Thơ trung đại	Thơ hiện đại
Mang đầy đủ những đặc điểm thi pháp VH trung đại.	- Phá bỏ các quy phạm chặt chẽ. - Thoát khỏi hệ thống ước lệ mang tính phi ng .

- Lí luận phê bình.

<u>* Thao tác 4.</u> **GV hướng dẫn tổng kết và luyện tập, yêu cầu HS đọc ghi nhớ SGK.** **-HS đọc thầm từ trang 88-90.** **-HS trả lời cá nhân.** **- GV tổng kết lại.**	- Ngôn ngữ, cách thể hiện, diễn đạt, trình bày. + Dần thoát li chữ Hán, chữ Nôm, lối diễn đạt công thức, ước lệ, tượng trưng, điển cố, qui phạm nghiêm ngặt của VHTĐ. → Kế thừa tinh hoa của truyền thống văn học trước đó. - Mở ra một thời kì VH mới: Thời kì VH hiện đại. **III. Tổng kết:** **Ghi nhớ.** SGK

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** Vì sao VHVN ba mươi năm đầu thế kỷ XX(1900-1930) là văn học giai đoạn giao thời? **- HS làm việc cá nhân.** **- HS báo cáo.** **- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**	VHVN giai đoạn 30 năm đầu thế kỉ XX có những đổi mới nhất định: Chữ viết(Quốc ngữ) thể loại mới(Tiểu thuyết, truyện ngắn) thơ ca phát triển(cái tôi cá nhân)- Tản Đà, người gạch nối giữa hai thế kỷ. → Tuy nhiên còn nhiều hạn chế: ảnh hưởng rơi rớt của cái cũ, thể loại chưa đạt chuẩn mực nghệ thuật cao. Nội dung tư tưởng đổi mới nhưng hình thức thơ còn quen thuộc (thất ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú đường luật…*Bình mới rượu cũ*)

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** ***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** Em hãy lấy ví dụ tác phẩm văn học giai đoạn này để minh họa cho thành tựu nội dung và nghệ thuật của giai đoạn văn học XX đến 1945. **- HS làm việc cá nhân.** **- HS báo cáo.** **- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**	- HS tự chọn một tác phẩm mình đã học hoặc biết đến để minh họa cho thành tựu nội dung và nghệ thuật của giai đoạn văn học XX đến 1945.

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (Ở nhà)

- Lập sơ đồ tư duy hệ thống lại các đơn vị kiến thức bài học cho dễ nhớ.
- Thống kê những tác phẩm em đã học trong chương trình Ngữ văn THCS thuộc giai đoạn văn học đầu XX đến 1945.
- Soạn bài: *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam)

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam
- Văn bản văn học 11,…

V. RÚT KINH NGHIỆM TIẾT DẠY

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: NGHỊ LUẬN TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Tiết 30 - 31 - 32 : TT KHGD

Tên bài dạy: HAI ĐỨA TRẺ

- Thạch Lam –

Thời lượng: 3 tiết

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1.Kiến thức:

- Phân tích được bức tranh phố huyện với cảnh ngày tàn, chợ tàn, những kiếp người tàn qua cảm nhận của hai đứa trẻ.
- Xác định được yếu tố hiện thực vừa phảng phất chất lãng mạn, chất thơ thể hiện qua tác phẩm.
- Xác định và phân tích được ý nghĩa của những hình ảnh biểu tượng, tâm trạng của nhân vật Liên.

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Thạch Lam	**Đ1**
2	Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm	**Đ2**
3	Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.	**Đ3**
4	Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thể loại truyện ngắn.	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Hai đứa trẻ*	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện ngắn.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: NHÂN ÁI		
10	Hiểu và cảm nhận được niềm xót xa thương cảm của nhà văn trước cuộc sống quẩn quanh tù đọng của những người lao động nghèo nơi phố huyện và sự trân trọng nâng niu những khát vọng nhỏ bé nhưng tươi sáng của họ.	**NA**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10phút)	**Đ1, GQVĐ**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Thạch Lam, tác phẩm *Hai đứa trẻ*	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (90 phút)	**Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả 2. Tác phẩm II. Đọc hiểu văn bản. 1. Bức tranh phố huyện lúc chiều tàn 2. Bức tranh phố huyện lúc đêm xuống 3. Bức tranh phố huyện lúc đoàn tàu đến và đi qua III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (15 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành; hoạt động nhóm Kỹ thuật:	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ

			động não.	của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (10 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, V1, GQVĐ**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (10 phút)	**Đ5, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**

-HS sử dụng bảng KWL (*Knew – Want – Learn*) đã chuẩn bị ở nhà để trao đổi về những vấn đề các em đã biết và muốn biết về văn bản.

- GV hỏi một số nội dung sau:

+ Các em đã từng biết đến nhà văn Thạch Lam qua tác phẩm nào học ở cấp THCS? (***Cốm- một món quà từ lúa non***)

+ Các em đã biết gì về văn bản *Hai đứa trẻ* trước khi đọc nó?

+ Trước khi đọc văn bản, các em có muốn biết thêm gì về văn bản này không?

- GV ghi tóm tắt những điều các em đã biết và muốn biết về văn bản vào bảng phụ).

- GV hướng dẫn HS trong quá trình học bổ sung thêm vào cột L (những gì đã học được).

- HS thực hiện, báo cáo nhiệm vụ.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

(HS tiến hành thực hiện các nhiệm vụ để phân tích được bức tranh phố huyện với cảnh ngày tàn, chợ tàn, những kiếp người tàn qua cảm nhận của hai đứa trẻ.
+ Xác định được yếu tố hiện thực vừa phảng phất chất lãng mạn, chất thơ thể hiện qua tác phẩm.
+ Xác định và phân tích được ý nghĩa của những hình ảnh biểu tượng, tâm trạng của nhân vật Liên.)

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: Tìm hiểu chung	
- Thao tác 1: Hướng dẫn đọc hiểu khái quát về tác giả - **GV giao nhiệm vụ:** Qua phần tiểu dẫn kết hợp với việc tìm hiểu về tác giả, em có nhận xét gì về văn chương Thạch Lam? **- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân** **GV nhận xét, chốt lại ý chính.**	**I. Tìm hiểu chung**

- GV hỏi: Nêu xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm ? **- HS suy nghĩ, trả lời** **- GV khái quát lại.** **GV hướng dẫn đọc văn bản.** **- GV hướng dẫn học sinh đọc một số đoạn tiêu biểu** -Đọc với giọng nhẹ nhàng êm ái phù hợp với văn phong của Thạch Lam, phù hợp với chất trữ tình của truyện; - Khi đọc, cần chú ý đến diễn biến tâm trạng buồn thương, day dứt của Liên, nhân vật mang chủ đề của truyện, theo thời gian: chiều buông, đêm xuống, khi đoàn tàu đêm đi qua…	**1.Tác giả** - Tên khai sinh: Nguyễn Tường Vinh (sau đổi thành Nguyễn Tường Lân), 1910 – 1942. - Là em ruột của Nhất Linh và Hoàng Đạo. Cả ba người là thành viên của nhóm Tự lực văn đoàn. - Thuở nhỏ, sống ở quê ngoại - phố huyện Cẩm Giàng, Hải Dương (sau này trở thành không gian nghệ thuật trong các tác phẩm của nhà văn). - Là con người điềm đạm, nồng hậu và rất đỗi tinh tế. - Có biệt tài về truyện ngắn. - Truyện không có chuyện, chủ yếu khai thác nội tâm nhân vật. - Mỗi truyện như một bài thơ trữ tình, giọng điệu điềm đạm, chứa đựng tình cảm chân thành và sự nhạy cảm tinh tế của nhà văn. - Văn Thạch Lam trong sáng, giản dị mà thâm trầm, sâu sắc. **2. Truyện "Hai đứa trẻ":** - Trích trong tập "Nắng trong vườn" (1938). - Tiêu biểu cho truyện ngắn của Thạch Lam, kết hợp giữa hai yếu tố hiện thực và lãng mạn. - Bối cảnh truyện: quê ngoại của tác giả - phố huyện, ga xép Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- GV gọi 1 - 2 HS đọc đoạn bất kì. **- GV nhận xét, rút kinh nghiệm.**	
Hoạt động 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN	
<u>Thao tác 1:</u> Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Bức tranh phố huyện lúc chiều tàn. **- GV nêu câu hỏi:** + Toàn bộ cảnh vật thiên nhiên, cuộc sống con người nơi phố huyện được cảm nhận qua cái nhìn và tâm trạng của nhân vật nào? Cách lựa chọn điểm nhìn miêu tả ấy có tác dụng nghệ thuật gì? + Tìm những chi tiết miêu tả bức tranh nơi phố huyện lúc chiều tàn (âm thanh, hình ảnh, màu sắc, đường nét)? Cảnh này gợi cho em những suy nghĩ, xúc cảm gì? **- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân** **- GV chốt kiến thức.**	**II. ĐỌC –HIỂU :** **<u>1. Bức tranh phố huyện lúc chiều tàn:</u>** ***a. Bức tranh thiên nhiên nơi phố huyện lúc chiều tàn:*** - Âm thanh: + Tiếng trống thu không gọi chiều về. + Tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng. + Tiếng muỗi vo ve. *("Tiếng trống thu không ... trên nền trời")* - Hình ảnh, màu sắc: + "*Phương tây đỏ rực như lửa cháy*", + "*Những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn*". - Đường nét: dãy tre làng cắt hình rõ rệt trên nền trời. → Bức hoạ đồng quê quen thuộc, bình dị, thơ mộng, gợi cảm, mang cốt cách Việt Nam. - Câu văn: dịu êm, nhịp điệu chậm, giàu hình ảnh và nhạc điệu, uyển chuyển, tinh tế → Người đọc nhìn, nghe, xúc cảm trước một bức tranh quê rất Việt Nam.

	b. Cảnh chợ tàn và những kiếp người nơi phố huyện: - Cảnh chợ tàn: + Chợ đã vãn từ lâu, người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. + Chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và lá mía. - Con người: + Mấy đứa trẻ con nhà nghèo tìm tòi, nhặt nhanh những thứ còn sót lại ở chợ. + Mẹ con chị Tí: với cái hàng nước đơn sơ, vắng khách. + Bà cụ Thi: hơi điên đến mua rượu lúc đêm tối rồi đi lần vào bóng tối. + Bác Siêu với gánh hàng phở - một thứ quà xa xỉ. + Gia đình bác xẩm mù sống bằng lời ca tiếng đàn và lòng hảo tâm của khách qua đường. → Cảnh chợ tàn và những kiếp người tàn tạ: sự tàn lụi, sự nghèo đói, tiêu điều của phố huyện nghèo. ***d. Tâm trạng của Liên:*** - Cảm nhận rất rõ: *"mùi riêng của đất, của quê hương này".* - Cảnh ngày tàn và những kiếp người tàn tạ: gợi cho Liên nỗi buồn thậm thía - Động lòng thương những đứa trẻ nhà nghèo nhưng chính chị cũng không có tiền mà cho chúng.

	- Xót thương mẹ con chị Tí: ngày mò cua bắt tép, tối dọn cái hàng nước chè tươi chả kiếm được bao nhiêu. → Liên là một cô bé có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, có lòng trắc ẩn, yêu thương con người. - Liên là nhân vật Thạch Lam sáng tạo để kín đáo bày tỏ tình cảm của mình: + Yêu mến, gắn bó với thiên nhiên đất nước. + Xót thương đối với những kiếp người nghèo khổ. **<u>2. Bức tranh phố huyện lúc đêm khuya:</u>** ***a. Hình ảnh của "bóng tối" và "ánh sáng":*** - Phố huyện về đêm ngập chìm trong bóng tối: + "*Đường phố và các ngõ con dần dần chứa đầy bóng tối*". + "*Tối hết con đường thẳm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng càng sẫm đen hơnnữ*a". → Bóng tối xâm nhập, bám sát mọi sinh hoạt của những con người nơi phố huyện.
Thao tác 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Bức tranh phố huyện lúc đêm khuya. **- Giáo viên giao nhiệm vụ.** + **GV**: Cảnh phố huyện về khuya có đặc điểm gì nổi bật? Hãy thống kê các chi tiết để làm rõ điều đó? **+ GV**: Trong bóng tối bao trùm, cuộc sống ở phố huyện vẫn thấp thoáng	- Ánh sáng của sự sống hiếm hoi, bé nhỏ. → Đó là thứ ánh sáng yếu ớt, le lói như những kiếp người nghèo khổ nơi phố huyện. - Ánh sáng và bóng tối tương phản nhau → Biểu trưng cho những kiếp người nhỏ bé sống leo lét, tàn lụi trong đêm tối mênh mông của xã hội cũ. ***b. Đời sống của những kiếp người nghèo khổ trong bóng tối:***

hiện ra qua những ánh sáng nào? Gắn liền với cuộc sống của những ai? + **GV**: Ý nghĩa biểu tượng của hình tượng bóng tối và ánh sáng là gí? + **GV**: Trong bóng tối mênh mông như thế, cuộc đời những con người nơi phố huyện hiện lên như thế nào? Họ có ước mơ, mong đợi điều gì? + **GV**: Qua việc miêu tả cuộc đời, mơ ước của họ, ta hiểu thêm gì về tấm lòng của Thạch Lam đối với những con người nơi phố huyện nghèo? **- HS làm việc cá nhân.** **- HS trả lời lần lượt câu hỏi theo yêu cầu của GV** **- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**	- Vẫn những động tác quen thuộc: + Chị Tí dọn hàng nước + Bác Siêu hàng phở thổi lửa. + Gia đình Xẩm "*ngồi trên manh chiếu rách, cái thau sắt để trước mặt*", "*Góp chuyện bằng mấy tiếng đàn bầu bật trong im lặng*" + Liên, An trông coi cửa hàng tạp hoá nhỏ xíu. → Sống quẩn quanh, đơn điệu không lối thoát. - Vẫn suy nghĩ và mong đợi như mọi ngày: Mong những người phu gạo, phu xe, mấy chú lính lệ vào hàng uống bát che tươi và hút điếu thuốc lào. - Vẫn mơ ước: "*chừng ấy người trong bóng tối dang mong đợi một cái gì tươi sáng cho cuộc sống nghèo khổ hàng ngày của họ*" → Ước mơ mơ hồ: tình cảnh tội nghiệp của những người sống mà không biết số phận mình sẽ ra sao. ⇨ Giọng văn: chậm buồn, tha thiết thể hiện niềm cảm thương của Thạch Lam với những người nghèo khổ. ***3. Hình ảnh chuyến tàu và tâm trạng chờ mong chuyến tàu đêm của Liên và An:*** - Lí do: + Để bán hàng (theo lời mẹ dặn). + Để được nhìn chuyến tàu đêm đi qua – hoạt động cuối cùng của đêm khuya. - Hình ảnh đoàn tàu: Đoàn tàu đã dược nhà văn miêu tả rất tỉ mỉ, chi tiết từ dấu hiệu đầu tiên cho

- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Hình ảnh chuyến tàu và tâm trạng chờ mong chuyến tàu đêm của Liên và An.

HS đọc diễn cảm văn bản.

*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**

- Giáo viên giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 04 nhóm và phát phiếu học tập

Nhóm 1*:* Hình ảnh đoàn tàu được tác giả miêu tả như thế nào?

? So sánh với âm thanh và ánh sáng của phố huyện lúc chiều tàn và đêm khuya khi tàu chưa đến?

Nhóm 2*:* So sánh để thấy được nghệ thuật tương phản về âm thanh và ánh sáng của đoàn tàu với âm thanh và ánh sáng nơi phố huyện bằng cách hoàn thành bảng sau:

Bảng 1:

Âm thanh:	

đến khi tàu đến và khi tàu qua:

-Dấu hiệu đầu tiên:

+ Liên cũng trông thấy ngọn lửa xanh biếc.

+ Hai chị em nghe thấy tiếng dồn dập, tiếng xe rít mạnh vào ghi.

-Khi tàu đến:

+ Các toa đèn sáng trưng, chiếu ánh cả xuống đường.

+ Những toa hạng trên sang trọng lố nhố những người, đồng và kền kền lấp lánh, và các cửa kính sáng.

-Khi tàu đi vào đêm tối:

+ Để lại những đốm than đỏ bay tung trên đường sắt.

+ Chiếc đèn xanh treo trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre.

Bảng 1:

Âm thanh	
Đoàn tàu	**Phố huyện**
Còi xe lửa kéo dài	Tiếng trống thu không từng tiếng một
Tiếng dồn dập	Tiếng ếch nhái
Tiếng rít mạnh vào	Tiếng muỗi bay vo ve

Đoàn tàu	ghi	Phố huyện
…….		……
	Còi rít lên	Tiếng đàn bầu bật trong yên lặng
	Tàu rầm rộ đi tới	
	Ánh sáng -> Âm thanh huyên náo, sôi động.	**-> Âm thanh đơn điệu, buồn bã.**

Bảng 2:

Đoàn tàu	Phố huyện
……	……..

Nhóm 3*: Tâm trạng của hai đứa trẻ - trước khi tàu chưa đến, trong khi tàu đến và khi đoàn tàu đã đi qua?*

Nhóm 4*: Phân tích ý nghĩa nghệ thuật của chuyến tàu đêm ?*

- HS thảo luận khoảng 5-7 phút

- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.

- Các nhóm khác nhận xét chéo.

- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.

Bảng 2:

Ánh sáng	
Đoàn tàu	**Phố huyện**
Ngọn lửa xanh biếc	Khe sáng
Khói bừng sáng trắng	Quầng sáng
Đèn sáng trưng	Chấm nhỏ và vàng lơ lửng
Đồng và kền lấp lánh	Thưa thớt từng hột sáng
Các cửa kính sáng	

-> Ánh sáng mạnh mẽ, rực rỡ.	**-> Ánh sáng yếu ớt, tù mù.**

- Tâm trạng khi tàu đến và đi qua:

+ Trước khi tàu đến: hồi hộp, náo nức.

+ Khi tàu đến: vui sướng, hạnh phúc, mơ mộng.

+ Khi tàu qua: bâng khuâng, luyến tiếc.

- Nghệ thuật:Câu [1] nhiều thanh trắc, đối với câu [2] nhiều thanh bằng, nhạc điệu như thơ. Câu [2] kết nhịp bằng thanh trắc(sáng rực/ vui vẻ/ huyên náo) đối với câu [3] kết nhịp bằng thanh bằng (đi qua). Câu [4]dùng điệp cấu trúc tạo ra độ nhấn về nghĩa và về nhạc (***khác hẳn*** *đối với Liên/* ***khác hẳn*** *cái vầng sáng*). Câu [5] phép trùng điệp và phối thanh bằng trắc tạo ra giọng hồn hậu nhẹ nhàng.

- Hiệu quả nghệ thuật: Sự phối âm bằng trắc hài hoà tạo ra câu văn giàu chất thơ. Qua đó, nhà văn miêu tả đẹp thiên nhiên, con người trong tăm tối và khát vọng ánh sáng về một sự đổi đời.

-Con tàu mang đến một thế giới khác:

+ Nó như con thoi ánh sáng xuyên thủng màn đêm phố huyện, đem lại ánh sáng xa lạ, rực rỡ chốn thị thành, át đi ánh sáng mờ ảo, yếu ớt của phố huyện.

+ Âm thanh của còi tàu, bánh xe rít trên đường ray và tiếng ồn ào của hành khách át đi buồn tẻ, đơn điệu phố huyện.

+ Nó là thói quen, là niềm vui, là sự chờ đợi -> trở thành nhu cầu thiết yếu như cơm ơn, nước uống hàng ngày cho đời sống tinh thần người dân phố huyện

*** Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con tàu:**

	- Biểu tượng của một thế giới đáng sống: sự giàu sang và rực rỡ ánh sáng, nó đối lập với cuộc sống mỏi mòn, nghèo khổ, tối tăm của người dân phố huyện. - Hình ảnh của Hà Nội, của hạnh phúc, của những kí ức tuổi thơ êm đềm. - Là khát vọng vươn ra ánh sáng, vượt qua cuộc sống tù túng, quẩn quanh, không cam chịu cuộc sống tầm thường, nhạt nhẽo đang vây quanh. *** Thông điệp nhà văn muốn gửi gắm:** - Đừng để cuộc sống chìm trong cái "ao đời phẳng lặng" (Xuân Diệu). Con người phải sống cho ra sống, phải không ngừng khao khát và xây dựng cuộc sống có ý nghĩa. - Những ai phải sống trong một cuộc sống tối tăm, mòn mỏi, tù túng, hãy cố vươn ra ánh sáng, hướng tới một cuộc sống tươi sáng. ⇨ Giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm. **III. Tổng kết:** **1. *Nghệ thuật*** - Cốt truyện đơn giản, nổi bật những dòng tâm trạng chảy trôi, những cảm xúc, cảm giác mong manh mơ hồ trong tâm hồn nhân vật. - Bút pháp tương phản đối lập. - Miêu tả sinh động những biến đổi tinh tế của cảnh vật và tâm trạng con người. - Ngôn ngữ, hình ảnh giàu ý nghĩa tượng trưng. - Giọng điệu thủ thỉ thấm đượm chất thơ, chất trữ tình sâu lắng. **2. Ý nghĩa văn bản** Truyện ngắn *Hai đứa trẻ* thể hiện niềm cảm
Thao tác 4: Tổng kết **- GV hỏi: Nêu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?** **- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.** **- GV nhận xét, chốt kiến thức.**	

	thương chân thành của Thạch Lam đối với những kiếp sống nghèo khổ, chìm khuất trong mỏi mòn, tăm tối, quẩn quanh nơi phố huyện trước Cách mạng và sự trân trọng với những mong ước bé nhỏ, bình dị mà tha thiết của họ.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ** **Câu 1:** So sánh *Hai đứa trẻ* với *Tắt đèn, Lão Hạc,* (đã học ở chương trình THCS) để thấy con người và xã hội trong những năm trước cách mạng tháng Tám năm 1945?	**Câu 1 :** +Điểm chung: Cái nhìn hiện thực và nhân đạo đối với xã hội VN đang chìm đắm trong cảnh nô lệ, lầm than. +Nét riêng: Phong cách và bút pháp nghệ thuật của các nhà văn: Hiện thực-Lãng mạn. **Câu 2:* Biểu hiện tương phản:** a. Tương phản giữa ánh sáng và bóng tối:

Câu 2 : Nêu biểu hiện của bút pháp tương phản và tác dụng của nó trong truyện Hai đứa trẻ: **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** **- GV nhận xét, đánh giá.**	b. Tương phản giữa hình ảnh đoàn tàu và phố huyện (nhất là khi đoàn tàu đi qua và sau khi đoàn tàu đã đi qua). c. Tương phản giữa cuộc sống thực tại và mơ ước xa xôi *** Nêu tác dụng của bút pháp tương phản trong truyện Hai đứa trẻ.** + Làm nổi bật bức tranh phố huyện êm đềm, bình lặng nhưng nghèo khó, tù túng, đơn điệu trong bóng tối mênh mông và hiu quạnh. + Thể hiện sinh động cuộc sống của con người lao động bé nhỏ, vô danh nơi đây. Họ không chỉ thiếu thốn về vật chất mà còn phải sống cuộc sống tẻ nhạt, đơn điệu, không ánh sáng và niềm vui, chỉ có chút hi vọng bé nhỏ và mong manh, xa xôi và leo lét như chính những ngọn đèn nơi phố huyện. + Góp phần thể hiện và lí giải những biểu hiện tinh tế trong tâm hồn nhân vật, nhất là Liên.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** **Nhiệm vụ 1:?**Vì sao có thể nói truyện ngắn "Hai đứa trẻ" như "một bài thơ trữ tình đượm buồn"? **Nhiệm vụ 2:**Thiết kế sơ đồ tư duy bài học **- HS làm việc cá nhân tại nhà.**	- Giải thích: + Truyện ngắn trữ tình thường có cốt truyện đơn giản, giàu sắc thái trữ tình, không khí, tâm trạng. + Làm nên sắc thái trữ tình trong Hai đứa trẻ chủ yếu là cảm xúc buồn thương và giọng thủ thỉ trầm lắng, thiết tha qua miêu tả khung cảnh, tâm trạng - Phân tích bức tranh phố huyện và tâm

- HS nộp sản phẩm vào tiết học sau. **- GV nhận xét.**	trạng của Liên để chứng minh.

THAM KHẢO SƠ ĐỒ TƯ DUY SAU

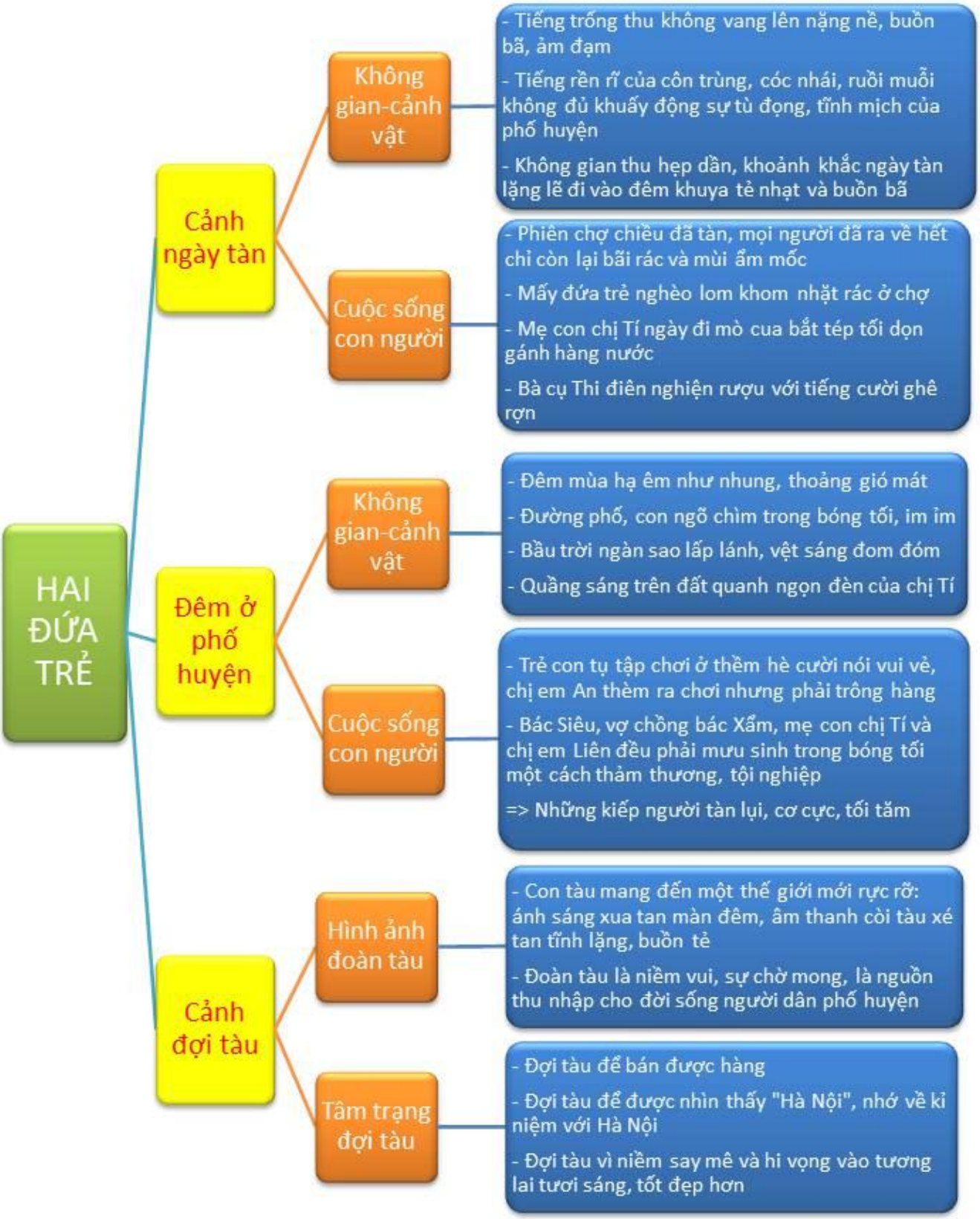

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (Ở nhà)

-Tìm đọc những tác phẩm khác của Thạch Lam và những tài liệu liên quan trên Internet.

- So sánh phong cách của Thạch Lam với phong cách của một số tác giả cùng thời khác.

- Soạn bài: *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân).

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam
- Văn bản văn học 11,…

V. RÚT KINH NGHIỆM TIẾT DẠY

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Tiết 33- 34 : TT KHGD

Tên bài dạy: CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

- Nguyễn Tuân –

Thời lượng: 2 tiết

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1.Kiến thức:

- Cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng Huấn Cao; quan điểm thẩm mĩ và tình cảm yêu nước kín đáo của nhà văn Nguyễn Tuân.

- Thấy được những nét đặc sắc nghệ thuật của thiên truyện.

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Nguyễn Tuân	**Đ1**
2	Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm	**Đ2**
3	Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.	**Đ3**
4	Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thể loại truyện ngắn.	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Chữ người tử tù*	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện ngắn.	**GT-HT**

9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: NHÂN ÁI		
10	Trân trọng, yêu quý cái đẹp, đề cao người có tài thiên lương.	**NA**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10phút)	**Đ1, GQVĐ**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Nguyễn Tuân, tác phẩm *Chữ người tử tù*	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả 2. Tác phẩm II. Đọc hiểu văn bản. 1. Tình huống truyện 2. Nhân vật Huấn Cao 3. Nhân vật quản ngục 4. Cảnh cho chữ III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và

			đề, thực hành; hoạt động nhóm Kỹ thuật: động não.	HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, V1, GQVĐ**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**Đ5, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối

-Ôn lại kiến thức cũ, giới thiệu vấn đề mới.

-Tạo tâm lý hứng khởi, thích thú.

-Khơi gợi sự tò mò, mong muốn khám phá, tìm hiểu kiến thức mới của học sinh.

b. Nội dung: HStrả lời cá nhân

c. Sản phẩm:Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **– GV chiếu ô chữ, HS lựa chọn ô chữ và trả lời các câu hỏi tương ứng. Từ đó, tìm ra ô chữ hàng dọc.** 1. Trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ*, món ăn nào được coi là *thứ quà xa xỉ*? 2. Nguyễn Tuân có sở trường với thể loại văn học nào nhất? 3. Hình ảnh nào được nhà văn Thạch Lam tập trung bút lực miêu tả trong đoạn cuối của truyện ngắn "Hai đứa trẻ"? 4. Trước Cách mạng phong cách của Nguyễn Tuân có thể gói gọn trong một chữ, đó là chữ gì? 5. Truyện ngắn "Chữ người tư tù" ban đầu có tên là gì? 6. Nhân vật chính trong tập truyện " Vang bóng một thời" thường là những Nho sĩ…. điền từ còn thiếu vào ….? 7. Qua truyện ngắn Hai đứa trẻ, nhà văn Thạch Lam muốn gửi tới người đọc một thông điệp đó là: Đừng bao giờ đánh mất ….. **- Học sinh trả lời được câu hỏi.** **Nhận diện được nội dung trọng tâm của tiết học.** **– GV dẫn vào bài mới:** *Nhân vật là kết tinh của cả tác phẩm, là*	1. Phở 2. Tùy bút 3. Đoàn tàu 4. Ngông 5. Dòng chữ cuối cùng 6. Cuối mùa 7.Hi vọng **Ô chữ hàng dọc: Huấn Cao**

nơi hội tụ tài năng của nhà văn. Xây dựng thành công nhân vật là điểm tựa vững chắc cho sự thành công của truyện ngắn. "Chữ người tử tù" đạt đến đỉnh cao vì đã khắc họa thành công nhân vật Huấn Cao- nhân vật được đánh giá là "đẹp nhất trong đời văn Nguyễn Tuân" (Chu Văn Sơn). Tiết học này chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu, khám phá những vẻ đẹp cuả hình tượng nhân vật Huấn Cao.	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ

(Hình tượng nhân vật Huấn Cao.

- Quan điểm thẩm mĩ của nhà văn Nguyễn Tuân.

- Hiểu được một số nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật).

b. Nội dung:trả lời cá nhân, hoạt động nhóm

c. Sản phẩm của học sinh: Câu trả lời qua bảng phụ/phiếu học tập/trả lời cá nhân, đóng kịch tại lớp, sơ đồ tư duy

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	**Dự kiến sản phẩm**
Hoạt động 1: TÌM HIỂU CHUNG	
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **1. GV giao nhiệm vụ:** + Học sinh làm việc theo nhóm đôi, thời gian 5phút + Từ những hiểu biết về Nguyễn Tuân và tác phẩm trong Tiểu dẫn SGK,	**I. Tìm hiểu chung:**

hãy **tạo một tình huống giả định về cuộc trò chuyện giữa một Phóng viên và Nguyễn Tuân**, qua đó vừa giới thiệu được những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp nhà văn Nguyễn Tuân, vừa nêu được rõ hoàn cảnh sáng tác, nhan đề tác phẩm vừa chỉ ra được mối quan hệ giữa nhà văn và thế giới nghệ thuật của ông. **2. Gv mời 02 Hs bất kỳ lên đóng vai.** **3.Gv yêu cầu các học sinh khác đánh giá việc nhập vai của các bạn và bày tỏ ý kiến của bản thân**. **4.GV chốt kiến thức bằng sơ đồ.**	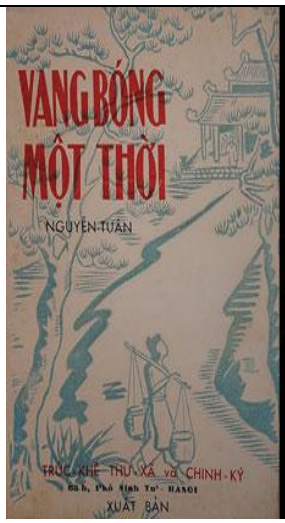 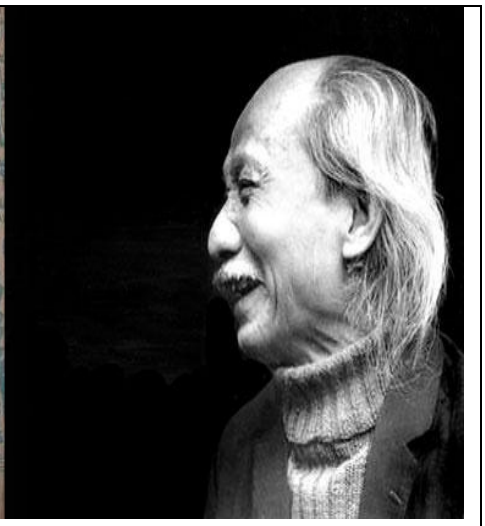 **1. Tác giả.** - Nguyễn Tuân: 1910 - 1987, người Hà Nội. - Sinh ra trong một gia đình nhà nho. - Ông là một nghệ sĩ tài hoa,uyên bác, phong cách nghệ thuật độc đáo: Luôn tiếp cận cuộc sống từ góc độ tài hoa uyên bác ở phương diện văn hoá, nghệ thuật. - Ngòi bút phóng túng và có ý thức sâu sắc về cái tôi cá nhân. - Sở trường là tuỳ bút. **2. Những tác phẩm chính.** - SGK **3. Truyện ngắn: *Chữ người tử tù.*** - Lúc đầu có tên là: *Dòng chữ cuối cùng*, in 1938 trên tạp chí *Tao đàn*, sau đó đổi tên thành: *Chữ người tử tù* và được in trong tập truyện *Vang bóng một thời.* - Là ‘‘ một văn phẩm đạt tới sự toàn thiện, toàn mĩ’’(Vũ Ngọc Phan)
Hoạt động 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN	

<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS tìm hiểu tình huống truyện.** *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Đọc - kể tóm tắt, phân tích bố cục** **-Yêu cầu giọng đọc**: GV đọc hoặc đoạn đầu, hoặc đoạn cho chữ; gọi 3 - 4 HS đọc tiếp một số đoạn khác; nhận xét cách đọc; - **HS đọc**: đọc chậm, trang trọng, cổ kính; chú ý những câu thoại ngắn của các nhân vật, cần đọc với giọng phù hợp. **- GV nhận xét**. **- GV hỏi:** Hiểu khái niệm tình huống và vai trò của tình huống trong truyện? Trong Chữ người tử tù, tác giả đã xây dựng tình huống truyện như thế nào? **- HS suy nghĩ** **- HS trả lời cá nhân** **- GV chuẩn kiến thức.**	**II. Đọc hiểu văn bản:** **1. <u>Tình huống truyện :</u>** * Cuộc gặp gỡ khác thường của hai con người khác thường trong tình thế đối nghịch, éo le: -Xét trên bình diện xã hội: + Quản ngục là người địa diện cho trật tự xã hội, có quyền giam cầm, tra tấn. + Huấn Cao là người nổi loạn, đang chờ chịu tội. -Xét trên bình diện nghệ thuật: + Họ đều có tâm hồn nghệ sĩ. + Huấn Cao là người tài hoa: coi thường, khinh bỉ những kẻ ở chốn nhơ nhuốc. + Quản ngục: biết quý trọng, tôn thờ cái đẹp, yêu nghệ thuật thư pháp, xin chữ Huấn Cao. - Kịch tính lên đến đỉnh điểm khi viên quản ngục nhận lệnh chuyển các tử tù ra pháp trường. → Cuộc hội ngộ diễn ra giữa chốn ngục tù căng thẳng, kịch tính, có ý nghĩa đối đầu giữ cái đẹp cái thiên lương>< quyền lực tội ác. → cái đẹp, cái thiên lương đã thắng thế.
Thao tác 2:Tìm hiểu nhân vật Huấn Cao **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ học tập.** Qua việc đọc và tìm hiểu tác phẩm, em cảm nhận gì về nhân vật Huấn Cao? HS: – là người viết chữ đẹp	**2. Nhân vật Huấn Cao** **a. Vẻ đẹp tài năng.** – Tài năng của Huấn Cao được miêu tả gián tiếp qua lời đồn: " *...hay là người mà vùng tỉnh Sơn vẫn khen là có tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp*" – Lời ngợi ca và mơ ước cháy bỏng của Viên Quản Ngục: " *Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm có được chữ của ông Huấn là như có*

– là người có khí phách – là người có tâm. **Giáo viên chốt 3 vẻ đẹp của hình tượng nhân vật và giao nhiệm vụ cho các nhóm tìm hiểu.** **TIẾN HÀNH HOẠT ĐỘNG NHÓM:** **<u>Nhóm 1</u>**: Tìm những chi tiết trong tác phẩm để chứng minh vẻ đẹp tài năng của Huấn Cao ? **<u>Nhóm 2</u>**: Tìm những chi tiết trong tác phẩm và phân tích để chứng minh vẻ đẹp khí phách của Huấn Cao ? **<u>Nhóm 3</u>**: Tìm những chi tiết trong tác phẩm chứng vẻ đẹp tâm hồn của Huấn Cao? **<u>Nhóm 4</u>**: Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật? Có thể đánh giá khái quát gì về nhân vật Huấn Cao? Qua việc xây dựng hình tượng nhân vật Huấn Cao, nhà văn Nguyễn Tuân muốn gửi gắm những quan niệm gì về cái Đẹp? **<u>Bước 2</u>: Thực hiện nhiệm vụ học tập.** -Học sinh thảo luận, giáo viên quan sát, kịp thời tháo gỡ những khó khăn của học sinh. – Sau khi nghe đại diện nhóm báo cáo, học sinh các nhóm khác bổ sung, phản biện. **<u>Bước 3:</u> Cho hoc sinh báo cáo kết**	*một vật báu trên đời”.* – Qua hành động và thái độ bất chấp tính mạng của Viên Quản ngục. <=>***Huấn Cao là một nghệ sĩ tài hoa trong nghệ thuật thư pháp. Qua đó nhà văn Nguyễn Tuân bộc lộ sự ngưỡng mộ, trân trọng với những người tài hoa và nghệ thuật thư pháp cổ truyền của dân tộc.*** **b. Vẻ đẹp khí phách.** – Trước khi vào ngục: + Là thủ lĩnh trong phong trào chống lại triều đình – Khi vào ngục: + Không thèm chấp, không thèm để ý đến câu nói của những tên lính + Hành động “dỗ gông” -> thái độ coi thường chốn ngục tù. – Thản nhiên nhận rượu thịt như một việc vẫn làm trong cái hứng sinh bình -> phong thái tự do, ung dung, coi thường cái chết. – Trả lời Viên Quản Ngục bằng thái độ khinh miệt: “*Ngươi hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều là nhà ngươi đừng đặt chân vào đây nữa”* -> không quỵ lụy trước cường quyền. **<=> Huấn Cao là trang anh hùng dũng liệt, khí phách hiên ngang, bất khuất.** **c. Vẻ đẹp tâm hồn** *– Không vì vàng ngọc mà ép mình viết câu đối* -> là người trọng nghĩa khinh lợi

quả thảo luận, các nhóm tham gia phản biện và giáo viên chốt ý khắc sâu kiến thức **<u>Bước 4:</u> Đánh giá: Đánh giá chéo và GV đánh giá**	– Khi biết được tấm lòng của Viên Quản Ngục, Huấn Cao đồng ý cho chữ: chỉ cho chữ những người biết trọng cái tài, quí cái đẹp – Câu nói : "*thiếu chút nữa ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ*": thể hiện tấm lòng trân trọng những người có sở thích thanh cao, có nhân cách cao đẹp. **<=> Cái Tâm trong sáng, cao cả** **<=> Bằng bút pháp lãng mạn, Nguyễn Tuân đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật Huấn Cao: một người vừa có Tài, vừa có Tâm. Hiên ngang, bất khuất trước cái xấu, cái Ác; mềm lòng trước cái Đẹp, cái Thiện** **<u>* Quan niệm thẩm mĩ của nhà văn:</u>** – Cái Đẹp và Cái Thiện không thể tách rời. – Một nhân cách đẹp là sự thống nhất cao cả giữa cái Tài và cái Tâm, **-> Đây là quan niệm thẩm mĩ tiến bộ. Qua đó bộc lộ tấm lòng yêu nước thầm kín của nhà văn Nguyễn Tuân.**
Thao tác 3: Tìm hiểu nhân vật viên Quản ngục (VQN) **Trả lời cá nhân:** ? Nhân vật VQN có vẻ đẹp gì mà HC cảm kích coi là "một tấm lòng trong thiên hạ"?Vì sao tác giả coi ngục quan là "một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn, xô bồ"? ?Phát hiện những chi tiết miêu tả nghề nghiệp và ngoại hình của VQN; những chi tiết miêu tả vẻ đẹp tâm hồn của	**<u>3. Nhân vật Quản ngục.</u>** - Làm nghề coi ngục (Cái xấu và cái ác) nhưng lại là người có tâm hồn nghệ sĩ, coi trọng cái đẹp, có tấm lòng "Biệt nhỡn liên tài" - Say mê kính trọng tài hoa và nhân cách anh hùng của Huấn Cao - Dám bất chấp luật pháp, làm đảo lộn trật tự trong nhà tù, biến một kẻ tử tù thành thần tượng để tôn thờ -> Ngục quan có những phẩm chất khiến HC cảm kích coi là " một tấm lòng trong thiên hạ"

ngục quan trong sự so sánh với môi trường làm việc của ông ta? ? Theo em, quản ngục có phải người xấu, kẻ ác không? Vì sao? Vì sao quản ngục lại biệt đãi Huấn Cao như vậy? Có phải chỉ vì ông tìm mọi cách xin chữ của ông Huấn? Em hiểu nghĩa cụm từ *biệt nhỡn liên tài* là thế nào? Câu nói cuối cùng của quản ngục (*Kẻ mê muội này xin bái lĩnh*) có ý nghĩa gì? **-HS suy nghĩ.** **- HS trả lời cá nhân.** **- GV nhận xét, chốt kiến thức.**	và tác giả coi đó là " một thanh âm trong trẻo…".Qua nhân vật này, nhà văn muốn nói, trong mỗi con người đều ẩn chứa tâm hồn yêu cái đẹp, cái tài. Cái đẹp chân chính, trong bất cứ hoàn cảnh nào vẫn giữ được "phẩm chất", nhân cách".
Thao tác 4: Tìm hiểu cảnh cho chữ - **HS đóng vai: Cảnh cho chữ** - **Thảo luận trong bàn:** ? Cảnh cho chữ diễn ra vào lúc nào? ở đâu? Tại sao nói đây là một cảnh tượng xưa nay chưa từng có? **?** Nêu ý nghĩa cảnh cho chữ? **- HS các nhóm thảo luận, trả lời.** **- GV chốt kiến thức.**	**4. Cảnh Huấn Cao cho chữ viên Quản ngục** **a.Cảnh Huấn Cao cho chữ viên quản ngục - một cảnh tượng xưa nay chưa từng có.** *** Hoàn cảnh cho chữ xưa nay chưa từng có.** - Không gian – địa điểm: cho chữ vốn là một việc làm thanh cao nên thường diễn ra ở nơi thư phòng trăng thanh, gió mát hoặc giữa thiên nhiên lộng ngát hương hoa còn ở đây, nó lại diễn ra giữa chốn ngục tù, trong căn buồng gian chật hẹp, ẩm ướt, hôi hám (tường đầy... phân gián). - Thời gian- cách thức cho chữ: thường diễn ra công khai, tự do, đường hoàng giữa "thanh thiên bạch nhật", còn ở đây nó lại diễn ra bí mật, vào lúc đêm khuya khi "trại giam tỉnh Sơn... vọng canh". - Nghệ thuật: + Đối lập, tương phản Cái chật hẹp, ẩm thấp, hôi hám, tối tăm của nhà tù và đêm khuya

	Ánh sáng rực rỡ của bó đuốc tẩm dầu, của vuông lụa trắng tinh, của mùi thơm từ chậu mực →Sự đối lập tương phản giữa ánh sáng và bóng tối; cái thiện và cái ác; cái cao cả và cái thấp hèn; cái đẹp và sự tầm thường, đề tiện... + nhịp điệu chậm rãi, câu văn giàu hình ảnh →Cảnh cho chữ giống như một đoạn phim quay chậm, từng hình ảnh, động tác hiện dần lên dưới ngòi bút "đậm chất điện ảnh" của nhà văn: trên cái nền đen kịt của trại giam là vầng sáng đỏ rực của bó đuốc tẩm dầu. Dưới vầng sáng trang trọng và rực rỡ đó, ba con người đang chụm đầu vào nhau quanh một tấm lụa còn nguyên vẹn lần hồ. Vuông lụa trắng là điểm sáng nhất của vầng sáng ấy. Trên đó, từng nét chữ đang tượng hình, từng con chữ đang ra đời→ <u>Cái đẹp được khai sinh ngay giữa nhà tù, giữa chốn hôi hám, nhơ bẩn, giữa nơi bóng tối và cái ác đang ngự trị.</u> *** Tư thế, vị thế của người cho chữ, người nhận chữ xưa nay chưa từng có.** - Tư thế: + Người cho chữ: người nghệ sĩ tài hoa HC, không phải là một người tự do mà là một kẻ tử tù "cổ đeo gông, chân vướng xiềng" và chỉ sáng sớm tinh mơ ngày mai là đã bị giải vào kinh chịu án tử hình nhưng lại uy nghi, đường bệ, say mê tô từng nét chữ. + Người xin chữ - thầy thơ lại và viên quản ngục: là những người những kẻ hoàn toàn tự do và là những kẻ có quyền hành thì kẻ "khúm núm", người "run run"→Tư thế: xo ro, sợ sệt. - Vị thế: + Kẻ có quyền hành thì không có uy quyền, uy quyền thuộc về HC, kẻ bị tước mọi thứ quyền. + Kẻ nắm quyền sinh quyền sát thì khúm núm,

	sợ sệt, người tử tù thì đường bệ, hiên ngang. + Kẻ có chức năng giáo dục tội phạm thì giờ đây đang được tội phạm giáo dục, còn mình thì thành kính lĩnh nhận từng lời như nhận những lời di huấn thiêng liêng về nhân cách, về lẽ sống của một bậc hiền minh cao cả. ➥Vị thế: đảo lộn hoàn toàn. Điều đó đã nói lên rằng giữa nơi ngục tù tối tăm không phải là nơi cái ác, cái tàn bạo, xấu xa đang thống trị mà cái đẹp, cái thiện, cái dũng, cái tài hoa đang làm chủ. **b. Lời khuyên của Huấn Cao và lời nói, hành động của viên quản ngục.** *** Lời khuyên của Huấn Cao.** - Lời khuyên: "Ta khuyên... lương thiện đi" Huấn Cao khuyên quản ngục từ bỏ chốn ngục tù nhơ bẩn, tìm về chốn thanh tao để có thể tiếp tục sử nguyện cao quý và giữ thiên lương cho vững lành.→Lời khuyên là lời di huấn thiêng liêng của người tử tù. - Quan niệm thẩm mĩ của Nguyễn Tuân: cái đẹp có thể ra đời ở mọi nơi nhưng cái đẹp không thể chung sống với cái xấu xa, cái ác bởi bản chất của cái đẹp là cái thiện. Cái đẹp của văn chương nghệ thuật không thể tách rời cái đẹp của tình người. Vì vậy, muốn chơi chữ trước hết cần phải giữ lấy thiên lương. *** Hành động bái lạy trong lời nó nghẹn ngào của ngục quan trước lời di huấn của người tử tù: "kẻ mê muội này xin bái lĩnh".** →Sức cảm hoá mạnh mẽ của cái thiện, cái đẹp đối với con người. Bằng con đường của trái tim, sức mạnh ấy càng được nhân lên gấp bội.

	➥Tóm lại: Cảnh cho chữ - Thể hiện sâu sắc chủ đề tác phẩm: + Khẳng định sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái đẹp đối với cái xấu xa, nhơ bẩn, của cái thiện đối với cái ác,... + Khẳng định sự bất tử của cái đẹp: cái đẹp có thể bị cầm tù, bức hại nhưng nó không thể bị huỷ diệt. (Việc HC cho chữ là sự bàn giao lại cái đẹp để cái đẹp trở thành bất tử. Ngày mai, HC vào kinh thụ án nhưng di bút và di ngôn của ông để lại cho hậu thế đủ để ông đi vào cõi trường tồn). - Phát huy triệt để sức mạnh của thủ pháp nghệ thuật đối lập tương phản, của bút pháp lãng mạn, sử dụng với tần số cao các từ HV, huy động kiến thức ở nhiều lĩnh vực như hội hoạ, điện ảnh, lịch sử,... cùng ngôn ngữ miêu tả giàu chất tại hình, HC không chỉ làm nổi bật hình tượng HC và VQN mà còn thể hiện tài năng bậc thầy của mình trong việc "phục chế" không khí cổ xưa, hoàn thành tâm nguyện lưu giữ vẻ đẹp "vang bóng một thời" cho muôn đời.
Hoạt động 3: Tổng kết	
- GV nêu câu hỏi: Khái quát lại những nội dung và nghệ thuật của tác phẩm? **HSsuy nghĩ trả lời** **GV chốt lại kiến thức**	**1. Nội dung.** *Chữ người tử tù* khẳng định và tôn vinh sự chiến thắng của ánh sáng, cái đẹp, cái thiện và nhân cách cao cả của con người đồng thời bộc lộ lòng yêu nước thầm kín của nhà văn. **2. Nghệ thuật.** - Tạo dựng tình huống truyện độc đáo, đặc sắc (cuộc gặp gỡ và mối quan hệ éo le, trớ trêu giữa viên quản ngục và Huấn Cao). - Sử dụng thành công thủ pháp đối lập, tương

	phản. - Xây dựng thành công nhân vật Huấn Cao, con người hội tụ nhiều vẻ đẹp. - Ngôn ngữ góc cạnh, giàu hình ảnh, có tính tạo hình, vừa cổ kính, vừa hiện đại.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a)Mục tiêu:Đ4, Đ5, GQVĐ (Làm bài tập để củng cố nội dung bài học; khắc sâu kiến thức).

b) Nội dung: trả lời cá nhân

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
- GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm trên slide, yêu cầu HS trả lời nhanh. - HS suy nghĩ. - HS trả lời cá nhân. - GV nhận xét, đánh giá.	**Câu 1**: **Hành động rỗ rệp thang gông của Huấn Cao là biểu hiện của:** A.Dũng khí, không run sợ trước cường quyền. B. Hành động theo thói quen C. Sợ hãi, run rẩy D. Nhân cách cao đẹp **Câu 2**: **Huấn Cao đồng ý cho chữ Viên Quản ngục vì**: A. Nể thầy thơ lại đã cầu xin B. Cảm ơn quản ngục đã biệt đãi C. Vì muốn được nổi tiếng D. Vì cảm tấm lòng "biệt nhỡn liên tài" của quản ngục. **Câu 3:Nhận định nào đánh giá đầy đủ nhất về nhân**

	vật Huấn Cao? A. Người anh hùng chọc trời khuấy nước. B. Người anh hùng thất thế nhưng vẫn hiên ngang C. Một tấm lòng trong thiên hạ D. Một con người có tài, có tâm, có khí phách hiên ngang. **Câu 4**: **Thủ pháp nghệ thuật tiêu biểu để xây dựng hình tượng nhân vật Huấn Cao?** A. Ẩn dụ B. Nhân hóa C. Tương phản, đối lập D. Liệt kê

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a)Mục tiêu: Đ5, V1, GQVĐ

(-Giúp học sinh vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống.

-Hình thành thái độ với bản thân và với mọi người xung quanh).

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân

c) Sản phẩm: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** * *Nhiệm vụ 1*: Giáo viên gợi mở:	– Nêu được thực trạng những giá trị văn hóa truyền thống đang dần bị mai một.

Cuộc sống hiện đại ngày nay, những giá trị văn hóa truyền thống có còn được xem trọng? Suy nghĩ về trách nhiêm của tuổi trẻ trong việc giữ gìn giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống ấy? – Em học được gì từ hình tượng nhân vật Huấn Cao? - **HS suy nghĩ, trả lời.** - **GV nhận xét câu trả lời của HS** *<u>*Nhiệm vụ 2:*</u>Vẽ bản đồ tư duy bài học	-Từ kiến thức của bài học, học sinh biết trân trọng hơn những vẻ đẹp truyền thống của dân tộc. – Đưa ra được một số giải pháp cụ thể để góp phần lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. – Bài học: – Sống có bản lĩnh, có khí phách. Dù trong bất kì hoàn cảnh nào cũng phải giữ "thiên lương", cái Tâm trong sáng, tốt đẹp. - *HS vẽ sơ đồ tư duy về bài học.

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

– Tìm hiểu thêm một số kiến thức có liên quan đến bài học: Tìm hiểu thêm về nghệ thuật thư pháp và sưu tầm những bức thư pháp cổ hiện nay còn được lưu giữ.

-Tìm đọc những tác phẩm khác trong *Vang bóng một thời* và những tài liệu liên quan trên Internet.

(Học sinh về nhà tìm hiểu.)

IV. <u>TÀI LIỆU THAM KHẢO</u>

- Tuyển tập Nguyễn Tuân.
- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam
- Văn bản văn học 11,…

V. <u>RÚT KINH NGHIỆM TIẾT DẠY</u>

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 35: : TT tiết dạy theo KHDH

LUYỆN TẬP THAO TÁC LẬP LUẬN SO SÁNH

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Củng cố và nâng cao tri thức về thao tác lập luận so sánh.

- Biết vận dụng thao tác lập luận so sánh trong bài văn nghị luận

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Nắm được yêu cầu và cách sử dụng thao tác lập luận so sánh trong văn nghị luận.	**Đ1**
2	Đọc – hiểu văn bản để tìm thao tác lập luận so sánh	**Đ2**
3	Thu thập thông tin liên quan đến thao tác lập luận so sánh	**Đ3**
4	Nhận diện phân tích thao tác lập luận so sánh trong văn bản nghị luận.	**Đ4**
5	Biết cách so sánh một vấn đề chính trị, xã hội hoặc văn học	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thao tác lập luận so sánh	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết về thao tác lập luận so sánh vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết	**GQVĐ**

	vấn đề.	
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Nhận thức sâu sắc vai trò của thao tác so sánh, có ý thức vận dụng sáng tạo hiệu quả vào việc viết văn bản nghị luận . Bài học có ý nghĩa về đạo đức	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (07 phút)	**Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thao tác lập luận so sánh	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	Các bài tập trong sgk	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá

			học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận so sánh	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp:

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Tổ chức dạy và học bài mới:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của Thầy và trò	*Dự kiến sản phẩm*
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** - **GV giao nhiệm vụ**: Hãy so sánh hình ảnh trẻ thơ trong các câu thơ sau: * Hai bức tranh về đời sống trẻ thơ: Miền Bắc thiên đường của các con tôi (Tố Hữu – Bài ca xuân 61) Tôi đã gặp những đứa em còm cõi Lên năm lên sáu tuổi đầu Cơm thòm thèm độn cám và rau Mới tháng ba đã ngóng mong đến tết Để được ăn cơm no có thịt (Phùng Quán – Chống tham ô lãng phí) - **HS thực hiện nhiệm vụ:** - **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**: **- GV nhận xét và dẫn vào bài mới**: Chúng ta đã học xong phần lí thuyết thao tác lập luận so sánh. Hôm nay, chúng ta tiếp tục làm phần thực hành.	- *Tố Hữu nhìn cuộc sống bằng đôi mắt lạc quan của một người làm công tác chính trị, luôn hướng về tương lai tươi sáng và chỉ miêu tả những gì gợi sự phấn chấn, tin tưởng. Trái lại, Phùng Quán quan sát và miêu tả cuộc sống từ những hình ảnh thực đang diễn ra hằng ngày, trước mắt.* ->Nhận xét này có được nhờ có sự so sánh hình ảnh trẻ thơ trong 2 văn bản

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động: TÌM HIỂU CHUNG	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS Ôn tập về lập luận so sánh.** ***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** - Thế nào là so sánh? Có mấy cách so sánh? **- HS làm việc cá nhân.** **- HS báo cáo.** **- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**	**I. Ôn tập về lập luận so sánh.** - So sánh là đối chiếu 2 sự vật, hiện tượng, để thấy được sự giống và khác nhau giữa 2 sự vật, hiện tượng ấy. - So sánh tương đồng: So sánh để thấy được sự giống nhau giữa các đối tượng. - So sánh tương phản: So sánh để thấy được sự khác nhau giữa các đối tượng
Hoạt động 2: LUYỆN TẬP	
<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS LUYỆN TẬP** *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:** **Nhóm 1**: Bài tập 1. **Nhóm 2:** Bài tập 2 **Nhóm 3:** Bài tập 3 **Nhóm 4**: Bài tập 4 **- HS thảo luận khoảng 5-7 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.**	**II. Luyện tập.** **<u>Bài tập1.</u>** - Tình cảm khi về thăm quê của hai tác giả Hạ Tri Chương và Chế Lan Viên trong hai bài thơ: + Điểm giống nhau: + Điểm khác nhau: => Hạ Tri Chương sống trước Chế Lan Viên hơn một nghìn năm nhưng tâm trạng khi xa quê trở về đều có những nét tương đồng **<u>Bài tập 2.</u>** *Học cũng như trồng cây, mùa xuân được hoa, mùa thu được quả.*

- Các nhóm khác nhận xét chéo. **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.**	**Bài tập 3.** So sánh ngôn ngữ trong hai bài thơ của bà Huyện Thanh Quan và Hồ Xuân Hương: + Giống nhau: + Khác nhau: => Phong cách thơ Hồ Xuân Hương rất gần gũi, bình dị tuy có phần chua xót nhưng vẫn tinh nghịch. Thơ Bà Huyện Thanh Quan dùng nhiều từ ngữ Hán Việt trang trọng như : hoàng hôn; mục tử; cô thôn;…và những thi liệu Hán học: ngàn mai; dặm liêu và sử dụng điển cố, điển tích như Chương Đài. => Phong cách thơ Bà Huyện Thanh Quan trang trọng đài các. **Bài tập 4.** - Tham khảo đoạn văn so sánh tương phản: *Các cụ ưa những màu đỏ choét, ta lại ưa những màu xanh nhạt...các cụ bâng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya, ta nao nao vì tiếng gà lúc đúng ngọ. Nhìn một cô gái ngây thơ, xinh xắn, các cụ coi như đã làm một việc tội lỗi; ta thì cho mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. Cái ái tình của các cụ thì chỉ là sự hôn nhân, nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm, cái tình thoảng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi...,cái tình trong giây phút, cái tình ngàn thu...(Lưu Trọng Lư).*

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
- GV giao nhiệm vụ: So với người lính thú thời xưa trong ca dao *Bước chân xuống thuyền nước mắt như* mưa, người nông dân nghĩa sĩ trong bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu có điểm gì khác nhau ?Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) làm rõ sự khác nhau đó. **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** **- GV nhận xét, đánh giá**	Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu : -Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ; -Nội dung: Thấy được sự khác nhau : hình ảnh người lính xưa trong ca dao chỉ chiến đấu cho vua chúa, vì quyền lợi của vua chúa và giai cấp thống trị, bị bắt buộc đi tham gia chiến trận nên mang trong lòng nỗi đau đớn qua tiếng khóc xót xa. Còn người nông dân khoác áo lính trong bài Văn tế chiến đấu với tinh thần tự nguyện, sẵn sàng hi sinh xương máu để đem lại độc lập tự do cho Tổ quốc.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV giao nhiệm vụ:** Xác định câu văn thể hiện lập luận so sánh	- Câu văn thể hiện lập luận so sánh trong đoạn trích*: Nguyễn Trãi không phải là một*

trong đoạn trích sau : *Nguyễn Mộng Tuân, một người bạn của Nguyễn Trãi, đã từng ca ngợi Nguyễn Trãi như sau : "Gió thanh hây hẩy gác vàng, người như một ông tiên ở trong toà ngọc. Cái tài làm hay, làm đẹp cho nước, từ xưa chưa có bao giờ... Nguyễn Trãi không phải là một ông tiên. Nguyễn Trãi là người chân đạp đất Việt Nam, đầu đội trời Việt Nam, tâm hồn lộng gió của thời đại lúc bấy giờ, thông cảm sâu xa với nỗi lòng dân lúc bấy giờ, suốt đời tận tuỵ cho một lí tưởng cao quý. Nguyễn Trãi là khí phách của dân tộc, là tỉnh hoa của dân tộc. Sự nghiệp và tác phẩm của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước và tự hào dân tộc. Nguyễn Trãi rất xứng đáng với lòng khâm phục và quý ượng của chúng ta. Ca ngợi người anh hùng của dân tộc, chúng ta đã rửa mối "hận nghìn năm" của Nguyễn Trãi!* (Phạm Văn Đồng, Nguyễn Trãi, người anh hùng của dân tộc, dẫn theo Nguyễn Trãi - thơ và đòi, Sđd) **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**. **- GV nhận xét, đánh giá.**	*ông tiên. Nguyễn Trãi là người chân đạp đất Việt Nam, đầu đội trời Việt Nam, tâm hồn lộng gió của thời đại lúc bấy giờ, thông cảm sâu xa với nỗi lòng dân lúc bấy giờ, suốt đời tận tuỵ cho một lí tưởng cao quý.*

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiên sản phẩm
GV giao nhiệm vụ: +Sưu tầm những bài tiểu luận, phê bình các tác phẩm văn học có sử dụng thao tác lập luận so sánh **-HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (vào tiết sau)** **- GV nhận xét.**	- Bài sưu tầm của HS. - Xác định đúng các câu văn có sử dụng thao tác lập luận so sánh

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

V. RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 36: : TT tiết dạy theo KHDH

LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH VÀ SO SÁNH

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Nắm được mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận phân tích, so sánh

- Biết cách phân tích một vấn đề chính trị, xã hội hoặc văn học

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Củng cố kiến thức và kỹ năng cơ bản về các thao tác lập luận phân tích, so sánh	**Đ1**
2	Đọc – hiểu văn bản để tìm thao tác lập luận phân tích, so sánh	**Đ2**
3	Thu thập thông tin liên quan đến thao tác lập luậnphân tích, so sánh	**Đ3**
4	Nhận diện phân tích cácthao tác lập luậnphân tích, so sánhtrong văn bản nghị luận.	**Đ4**
5	Biết cách sử dụng hợp lí các thao tác lập luận phân tích, so sánh trong những trường hợp cụ thể	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thao tác lập luận phân tích, so sánh	**N1**
7	Vận dụng các thao tác lập luận phân tích, so sánh đã học để viết được một văn bản nghị luận ngắn về một hiện tượng trong đời sống	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Có ý thức viết văn có sáng tạo, chủ động và nhận diện, phân tích được các thao tác lập luận phân tích, so sánh trong qúa trình viết văn.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (07 phút)	**Đ1, GQVĐ**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thao tác lập luận phân tích, so sánh	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	Các bài tập trong sgk	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5		Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ	Đàm thoại gợi mở;	Đánh giá qua

phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	thêm về thao tác lập luận phân tích, so sánh.	Thuyết trình; Trực quan.	sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp:

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Tổ chức dạy và học bài mới:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	*Dự kiến sản phẩm*
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** - **GV giao nhiệm vụ***:* Tìm câu văn sử dụng thao tác lập luận phân tích và so sánh trong văn bản sau: *"Tiếng suối trong như tiếng hát xa"... Nguyễn Du, Bạch Cư Dị so tiếng đàn với tiếng suối. Thế Lữ lại so tiếng hát trong với nước ngọc tuyền (suối ngọc). Những người này không miêu tả trực tiếp tiếng suối. Chỉ có Nguyễn Trãi cho tiếng suối là tiếng đàn cầm. Có lẽ đó là hình ảnh gần*	- Câu văn sử dụng thao tác lập luận phân tích và so sánh trong văn bản: *+ Nguyễn Du, Bạch Cư Dị so tiếng đàn với tiếng suối. Thế Lữ lại so tiếng hát trong với nước ngọc tuyền (suối ngọc).*

nhất với hình ảnh trong câu thơ này. Có thể chẳng phải ngẫu nhiên. Nguyễn Trãi sành âm nhạc. Bác Hồ cũng thích âm nhạc. Tiếng hát của một danh ca Pháp từng thích nghe thời trẻ, đến tuổi bảy mươi Bác còn nhờ chị Mađơlen Rípphô tìm lại hộ. Tiếng suối ngàn của đất nước hay đó là tiếng hát của trái tim người nghệ sĩ yêu đời. *(Lê Trí Viễn)* **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** **- GV nhận xét và dẫn vào bài mới**: *Trong các tiết học trước các em đã được tìm hiểu hai thao tác lập luận rất phổ biến trong làm văn nghị luận đó là thao tác lập luận phân tích và so sánh. Tuy nhiên trong thực tế nói và viết không phải bao giờ chúng ta cũng chỉ sử dụng một thao tác lập luận riêng lẻ, mà phải biết vân dụng nhuần nhuyễn các thao tác lập luận thì nói, viết mới đạt hiệu quả giao tiếp cao. Vì vậy hôm nay chúng ta sẽ luyện tập vận dụng kết hợp hai thao tác thường được sử dụng trong văn nghị luận là phân tích và so sánh.*	*Những người này không miêu tả trực tiếp tiếng suối. Chỉ có Nguyễn Trãi cho tiếng suối là tiếng đàn cầm.* *+ Nguyễn Trãi sành âm nhạc. Bác Hồ cũng thích âm nhạc.*

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiên sản phẩm
Hoạt động 1: ÔN TẬP LÍ THUYẾT	

<u>* Thao tác 1 :</u> **Hướng dẫn HS ôn lại kiến thức.** **- GV hỏi:** + Thế nào là thao tác lập luận phân tích ? + Cách thực hiện thao tác lập luận phân tích ? + Thế nào là thao tác lập luận so sánh ? + Cách thực hiện một thao tác lập luận so sánh ? **HS tái hiện kiến thức và trình bày.** **GV nhận xét, đánh giá.**	**I. Ôn tập lí thuyết :** **1. Lập luận phân tích:** + Cách phân tích: Chia, tách đối tượng thành các yếu tố theo những tiêu chí, quan hệ nhất định + Yêu cầu của phân tích: ++Khi phântích cần chia tách đối tượng thành các yếu tố theo những tiêu chí, quan hệ nhất định (qhệ giữa các yếu tố tạo nên đối tượng, quan hệ nhân quả, qhệ giữa các đối tượng với các đối tượng liên quan, qhệ giữa người phân tích với đối tượng phân tích,...); đồng thời đi sâu vào từng yếu tố, từng khía cạnh, chú ý đến mối quan hệ giữa các yếu tố trong một chỉnh thể thống nhất ++ Phân tích cụ thể bao giờ cũng gắn liền với tổng hợp và khái quát ++ Khi phân tích bao giờ cũng phải kết hợp giữa nội dung và hình thức. **2. Lập luận so sánh:** + Có hai cách so sánh: so sánh tương đồng và so sánh tương phản. + So sánh phải dựa trên cùng một tiêu chí, chung một bình diện, so sánh phải đi đôi với nhận xét, đánh giá thì sự so sánh mới trở nên sâu sắc.
Hoạt động 2: LUYỆN TẬP	
<u>* Thao tác 1 :</u> *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** HS đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi theo thảo luận nhóm	**II. LUYỆN TẬP** **1. Bài tập 1/tr 120:** * Gợi ý - Đoạn văn sử dụng thao tác phân tích và thao tác so sánh: + Phân tích " Tự kiêu tự đại là khờ dại. Vì mình hay còn

<u>Nhóm 1+2</u>.Bài tập 1/tr 20: -Đoạn trích sử dụng những thao tác lập luận nào? minh họa? -Mục đích, tác dụng kết hợp các thao tác lập luận đó? - Rút ra kết luận về việc vận dụng kết hợp nhiều thao tác lập luận trong một đoạn văn? **<u>Nhóm 3+4</u>.Bài tập 2/tr 20:** HS vận dụng kết hợp phân tích và so sánh, viết đoạn văn trình bày vẻ đẹp của một bài thơ(bài văn) mà mình yêu thích. **- HS thảo luận khoảng 5-7 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.**	nhiều người hay hơn mình. Mình giỏi, còn nhiều người giỏi hơn mình. Tự kiêu tự đại tức là thoái bộ" + So sánh: Người mà tự kiêu tự mãn thì cũng như cái chén, cái đĩa cạn (để thấy sự nhỏ bé, vô nghĩa và đáng thương của thói tự kiêu tự mãn đối với mỗi cá nhân trong tập thể hoặc cộng đồng) -> Thao tác phân tích đóng vai trò chủ đạo, thao tác so sánh có vai trò bổ trợ. Phân tích giúp con người nhận thức bằng tư duy trừu tượng, so sánh giúp con người nhận thứcbằng tư duy cụ thể **2. Bài tập 2/tr 120:** - Xác định chủ đề bài văn cần viết. - Xác định những ý chính nào để làm sáng tỏ chủ đề của bài văn và sắp xếp chúng thành một dàn ý hợp lí, khoa học. - Luận điểm nào được chọn để làm sáng tỏ? Nó nằm ở vị trí nào trong bài dàn ý? - Xác định câu chuyển ý cho phù hợp giữa các ý trong bài văn. - Để làm sáng tỏ luận điểm trên cần phải có những luận cứ nào. Đây là lúc cần sử dụng các thao tác lập luận. Xác định rõ ràng nên sử dụng thao tác phân tích hay so sánh; thao tác nào là chủ đạo.
BT3: GV hướng dẫn HS bài tập ở nhà. **Đề:** Trong *Hai Đứa Trẻ*, Thạch Lam đã làm người đọc xúc động trước tâm trạng của hai chị em Liên và An, đêm đêm chờ đợi chuyến tàu đi qua phố huyện. Hãy phân tích	**3. Bài tập 3/tr 121:** -Cảnh ngày tàn " Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc cuả ngày tàn "; - Buồn nuối tiếc quá khứ, buổi tối khi còn ở Hà Nội, Liên được đi chơi, được uống những cốc nước lạnh xanh đỏ. Buồn trước cuộc sống lam lũ, tù đọng, nghèo

tâm trạng đó và cho biết qua đây ta có thể hiểu gì về tấm lòng của tác giả. - Có thể đọc các đoạn văn tham khảo trong SGK, sách hướng dẫn học bài ngữ văn 11. **- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.**	đói, tăm tối. +“ Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm Tòi . Chúng nhặt nhạnh thanh nứa thanh tre..Liên trông thấy động long thương nhưng chính chị cũng không có tiền để mà cho chúng nó “ +“Tất cả phố xá trong huyện bây giờ thu nhỏ lại nơi hàng nước cuả chị Tý ” +Mẹ con chị Tý dọn hàng chẳng bán được gì. Hôm nay chợ phiên mà Liên bán hàng “ chẳng ăn thua gì ‘. Gia đình bác xẩm lê la ở dưới đấ , tiếng đàn bầu bần bật trong yên lặng. “Đêm ở trong phố tịch mịch và đầy bóng tối ”. **c. Liên mơ ước một thế giới khác:** -Liên thức để chờ tàu là để được nhìn thấy một **thế giới khác**: thế giới đầy ánh sáng , chuyển động , vui vẻ khác với thế giới tăm tối tù đọng hiện tại; “Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm. Hà Nội sáng rực vui vẻ huyên náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn đối với Liên, khác hẳn cái quầng sáng ngọn đèn chị Tý và ánh sáng lửa của bác Siêu. Đêm tối bao bọc xung quanh, đêm của đất quê và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng” . - Thạch Lam tập trung miêu tả **tâm trạng chờ tàu** và cái nhìn cuả Liên lúc đoàn tàu đi qua. Đoàn tàu đến là một “ làn khói bừng sang tắng lên từ xa ”. Khi tàu qua : “các toa đèn sáng trưng.., đồng và kền lấp lánh và các cưả kính sáng”. Khi tàu đi khỏi , “ những đốm than đỏ bay tung trên đường sắt ” . Màu trắng , đỏ, vàng lấp lánh là màu cuả rực rở niềm vui. Những âm thanh nhanh, mạnh , dồn dập : tiếng còi rít lên , tàu rầm rộ đi tới .. tất cả tương phản với thực tại tăm tối cuả Liên.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV giao nhiệm vụ:** Vận dụng kết hợp thao tác lập luận phân tích và so sánh, viết đoạn văn cảm nhận về hình ảnh con cò trong văn bản sau: - Con cò lặn lội bờ sông (Ca dao) - Lặn lội thân cò khi quãng vắng (Thương vợ-Trần tế Xương) **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.**	-Xây dựng đoạn văn vận dụng kết hợp thao tác lập luận phân tích và so sánh. - Làm rõ sự khác nhau giữa hình ảnh con cò trong 2 văn bản

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV giao nhiệm vụ:** Lập dàn ý cho đề bài sau: Phân tích để thấy được sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của người nông dân trong hoàn cảnh đất nước có giặc xâm lược được thể hiện qua Văn tế nghĩa sĩ Cần	-Hình tượng người nghĩa sĩ nông dân trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* được khắc hoạ với những chuyển biến trong nhận thức, hành động và trở thành người anh hùng cứu nước. Sử dụng thao tác lập luận phân tích, so sánh là cần thiết để đáp ứng yêu cầu của đề bài. - Bố cục bài viết rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, biết cách lựa chọn từ ngữ, câu văn diễn đạt mạch lạc ý vân nghị luận.

Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu. - **HS thực hiện nhiệm vụ:** - **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** **- GV nhận xét, đánh giá.**	- Tìm ý và lập dàn ý.

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: **Đ5, GQVĐ**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiên sản phẩm
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **GV giao nhiệm vụ:** - Sưu tầm thêm một số bài phê bình tiểu luận của các nhà nghiên cứu phê bình văn học, tập trung vào những tác phẩm đã học trong chương trình ngữ văn 11 - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	- Tìm đọc các bài viết trong sách đọc thêm, tư liệu trên mạng Internet

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

V. RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Tiết 37 - 38 : TT tiết dạy theo KHDH

HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA

- Vũ Trọng Phụng -

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1.Kiến thức:

- Khái quát những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Vũ Trọng Phụng

- Thấy được bản chất lố lăng, đồi bại của XH thượng lưu thông qua niềm hạnh phúc của những người trong và ngoài gia quyến, cảnh đám ma gương mẫu. Thấy được thái độ phê phán mạnh mẽ và bút pháp châm biếm mãnh liệt, đầy tài năng của VTP.

2.Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Vũ Trọng Phụng	**Đ1**
2	+ Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm	**Đ2**
3	+ Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện	**Đ3**

	nội dung văn bản.	
4	+ Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của tiểu thuyết hiện đại.	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia*.	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: NHÂN ÁI		
10	Yêu mến và trân trọng tài năng, thành tựu văn học của Vũ Trọng Phụng;	**NA**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10phút)	**Đ1, GQVĐ**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Vũ Trọng Phụng, đoạn trích *Hạnh phúc của một tang*	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.

		gia		
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả 2. Tiểu thuyết "Số đỏ" 3. Đoạn trích II. Đọc hiểu văn bản. 1. Nguyên cớ khởi nguồn của niềm hạnh phúc 2. Niềm hạnh phúc của những người trong đám ma 4. Cảnh đám ma gương mẫu III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành; hoạt động nhóm Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, V1, GQVĐ**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh

				giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**Đ5, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: *(Kết hợp trong quá trình dạy bài mới)*

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**

- GV: Cung cấp 1 bài ca dao về hủ tục ma chay thời xưa

Con cò chết rũ trên cây,
Cò con mở lịch xem ngày làm ma.
Cà cuống uống rượu la đà,
Chim ri ríu rít bò ra lấy phần,
Chào mào thì đánh trống quân,
Chim chích cởi trần, vác mõ đi rao.

(Ca dao)

– GV: Sau khi đọc bài ca dao này em hãy nhận xét nội dung bài ca dao đề cập đến vấn đề gì?

– HS trả lời hướng đến vấn đề hủ tục trong ma chay và cái chết đáng thương của người này sẽ là cơ hội cho người khác trục lợi.

– **GV dẫn vào bài**: Từ bài ca dao trên ta thấy ngoài hủ tục lạc hậu của ma chay thơi xưa, cái chết đáng thương của con cò còn là cơ hội cho kẻ bất nhân khác trục lợi. Trong văn học hiện đại có một tác phẩm cũng đề cập đến vấn đề này, đó là tác phẩm Số đỏ của Vũ Trọng Phụng. Tiết học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu trích đoạn "Hạnh phúc của một tang gia".

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
Hoạt động: Tìm hiểu chung	
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH** **Bước 1**: GV giao nhiệm vụ: **GV chia lớp thành 2 nhóm thảo luận, phát phiếu học tập có ghi câu hỏi hướng dẫn phân tích** **Nhóm 1**: Thuyết minh những nét chính về tác giả Vũ Trọng Phụng **Nhóm 2**: Tóm tắt tiểu thuyết truyện Số đỏ **Bước 2**: Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách đọc , ghi lại từ ngữ quan trọng, trao đổi, thảo luận, ghi chép câu trả lời. **Bước 3**: Báo cáo kết quả: HS đại diện 1 nhóm trả lời. Nhóm HS khác lắng nghe, đối chiếu, bổ sung **Bước 4**: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chốt kiến thức: Nhóm HS tự đánh giá, các nhóm đánh giá lẫn nhau.	**I. TÌM HIỂU CHUNG** **1. Tác giả** **a. Cuộc đời** (1912- 1939). - Quê quán: Hưng Yên nhưng ông sinh ra, lớn lên và mất tại Hà Nội. - Xuất thân: sinh ra trong một gia đình "nghèo gia truyền". - Con người: là "một người bình dị, người của khuôn phép, nề nếp" (Lưu Trọng Lư); ông căm ghét sâu sắc xã hội thực dân nửa phong kiến thối nát đương thời; là người có sức sáng tạo dồi dào nhưng tư tưởng thì tương đối phức tạp. **b. Sự nghiệp** - Các tác phẩm chính (sgk) - Sáng tác của ông toát lên niềm căm phẫn mãnh liệt cái xã hội đen tối, thối nát đương thời. →Là "ông vua phóng sự đất Bắc", là nhà tiểu thuyết xuất sắc nhất trong làng tiểu thuyết VN. **2. Tiểu thuyết "Số đỏ"** **a. Tóm tắt:***Số đỏ* là một tiểu thuyết trào phúng đặc sắc gồm 20 chương(sgk)

-GV bổ sung, kết luận, chốt kiến thức.	**b. Giá trị:** * Nội dung: - Dùng tiếng cười làm vũ khí, VTP đã đả kích sâu cay cái xã hội tư sản thành thị chạy theo lối sống nhố nhăng đồi bại đương thời. - Vạch trần bản chất thối nát của các phong trào "Âu hoá", "Thể thao", "Vui vẻ trẻ trung",... do bọn thống trị khuyến khích và lợi dụng, từng lên cơn sốt vào những năm 30 của thế kỉ XX. - Vạch trần bộ mặt thật của xã hội lúc bấy giờ: biến những cái vô lí, cái giả thành thật, đảo điên hết mọi giá trị cuộc sống. - Xây dựng một loạt những chân dung biếm hoạ sâu sắc. * Nghệ thuật: một trình độ viết tiểu thuyết già dặn, bút pháp châm biếm sắc sảo bậc thầy. - Sử dụng tiếng cười truyền thống trong văn học dân gian và làm cho nó sắc bén thêm bằng nghệ thuật cường điệu độc đáo của mình. - Xây dựng được nhiều chi tiết, tình tiết đối lập nhau gay gắt nhưng lại cùng tồn tại trong một đối tượng và sử dụng rộng rãi kiểu nói ngược của dân gian. - Bút pháp biến hoá linh hoạt. - Xây dựng nhân vật điển hình phản diện mang tính chất hí hoạ vào loại sớm nhất trong VHVN. →Mặc dù còn một số hạn chế nhưng Số đỏ là tác phẩm xuất sắc nhất của đời văn VTP và cũng được đánh giá là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của VHHĐVN, nó "có thể làm vinh dự cho mọi nền văn học" (Nguyễn Khải)
- GV cho HS đóng vai: Chọn 1 cảnh trong đoạn trích "Hạnh phúc của một tang gia" để đóng. - GV yêu cầu các học sinh khác đánh giá việc nhập vai của các bạn và bày tỏ ý kiến của bản thân.	**3. Đoạn trích "Hạnh phúc của một tang gia".** **a. Vị trí:** toàn bộ chương XV của tác phẩm Số đỏ. **b. Nhan đề.** - Nhan đề đầy đủ: *Hạnh phúc của một tang gia*-

	Văn minh nữa cũng nói vào- Một đám ma gương mẫu. - Phân tích nhan đề. <table><tr><th>Hạnh phúc</th><th>Tang gia</th></tr><tr><td>Niềm vui, niềm sung sướng, phấn khởi của con người khi đạt được những ý nguyện trong cuộc sống.</td><td>Chỉ nhà có người chết, thường gợi lên nỗi buồn đau khôn xiết khi người thân ra đi mãi mãi.</td></tr></table>→Nhan đề: nêu lên một hiện tượng oái oăm, trái khoáy, mâu thuẫn, nghịch lí, ngược đời. Phản ánh một sự thực mỉa mai, hài hước: mọi người trong gia đình cụ cố tổ thực sự vui sướng, hạnh phúc khi cụ qua đời. Đó là hạnh phúc của một gia đình vô phúc, niềm vui của một lũ con cháu bất hiếu. →Nhan đề: rất lạ, rất giật gân vừa gây sự chú ý của người đọc, vừa phản ánh một sự thật mỉa mai, hài hước và tàn nhẫn, chứa đựng tình huống trào phúng chính yếu (hạnh phúc / tang gia) của toàn bộ chương truyện. **c. Tóm tắt - bố cục.** - Phần 1 (từ đầu đến "*cho Tuyết vậy*"): Niềm vui sướng, hạnh phúc của những người trong và ngoài tang quyến. - Phần 2 (còn lại): cảnh đám ma gương mẫu.
Hoạt động : Đọc – hiểu văn bản	
Thao tác 1. Tìm hiểu nguyên cớ khởi nguồn của niềm hạnh phúc **-GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn:** *Người chết ở đây là ai? Vì sao mà nhà có người chết mà cả gia đình này lại vui sướng, hạnh phúc?* **-Hs thảo luận theo bàn** **-GV gọi đại diện một nhóm lên**	**1. Nguyên cớ khởi nguồn của niềm hạnh phúc** - Cụ cố tổ, cha cụ cố Hồng, người đứng đầu cái gia đình "Văn minh", "Âu hoá": + Già hơn 80 tuổi, có một gia tài giàu có. + Viết chúc thư để lại chỉ được chia tài sản khi cụ đã qua đời. →Đám con cháu ai cũng mong cụ chết. -Ý nghĩa cái chết thật của cụ cố Hồng:

trình bày. **-Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.**	+ Lần trước cụ đã làm cho đám con cháu hụt hẫng, thất vọng khi chúng toan hoá kiếp cụ bằng thứ "thuốc thánh" được trộn lẫn giữa chai nước ruộng và mấy cọng thài lài mà cụ lại không chịu chết. + Lần này, cụ chết thật, "cái chúc thư kia không còn là thứ lí thuyết viển vông nữa" →Đám con cháu của cụ cố sắp được chia nhau cái gia tài kếch xù mà cụ để lại. --> Cái chết của cụ đã đem đến niềm vui khôn xiết cho đám con cháu đang chờ chực để tổ chức đám ma.
<u>Thao tác 2:</u> Tìm hiểu niềm hạnh phúc của những người trong đám tang **- Thảo luận nhóm (4nhóm):** Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, các nhóm thảo luận để tìm những chi tiết tiêu biểu cho thấy niềm hạnh phúc của những người trong đám tang cụ cố Hồng: + Nhóm 1 + 2: Tìm hiểu niềm hạnh phúc của những người trong gia đình cụ cố Hồng. + Nhóm 3 + 4: Tìm hiểu niềm hạnh phúc của những người ngoài gia quyến. **- Thảo luận theo từng nhóm, cử thư kí ghi kết quả thảo luận và đại diện trình bày**. **- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.** **GV chốt kiến thức.**	**2. Niềm hạnh phúc của những người trong đám tang** **2.1. Niềm hạnh phúc của những người trong tang quyến** **a. Niềm hạnh phúc chung** - "Cái chết kia đã làm cho nhiều người sung sướng lắm". - Cái chết của cụ đã làm cho niềm hạnh phúc, phấn khởi bùng lên mạnh mẽ sau bao lần hụt hẫng, chờ đợi "ai ai cũng sung sướng thoả thích". Họ: + Tưng bừng, vui vẻ đi đưa giấy cáo phó. + Náo nức gọi phường kèn. + Tíu tít thuê xe đám ma, ai ai cũng vui mừng phấn chấn. →Tạo cho đám tang một không khí tưng bừng như chuẩn bị vào một ngày hội lớn. **b. Niềm hạnh phúc riêng** *** Cụ cố Hồng, người con giai trưởng "chí hiếu" của chết.** - Mới 50 tuổi, cái tuổi chưa phải là già, nhưng cụ luôn mơ ước mọi người gọi mình là cụ cố →cái chết của cụ cố tổ đã giúp biến ước mơ của cụ trở thành hiện thực thoả lòng ao ước bấy lâu nay. Vì vậy, khi bố chết thay vì tấm lòng đau buồn của

một người con thì cụ sung sướng đến ngất ngây nằm hút thuốc phiện với hơn 1700 câu nói quen thuộc, vô nghĩa lí "biết rồi... mãi" và nhắm nghiền mắt lại mơ màng nghĩ lúc được mặc đồ xô gai, lụ khụ chống gậy, vừa ho khạc, vừa khóc mếu diễn trò già nua ốm yếu giữa phố đông người để cho thiên hạ trầm trồ "Úi kìa, con giai lớn đã già đến thế kia kìa!.. 1 cái gậy như thế".

*** Văn Minh chồng:** Sung sướng hạnh phúc vì cái chúc thư kia giờ không còn là thứ lí thuyết viển vông nữa.

Bề ngoài	Thực chất bên trong
Phân vân, băn khoăn, vò đầu rứt tóc, lúc nào mặt cũn đăm đăm chiêu chiêu →Nỗi đau đớn khi cụ cố tổ qua đời.	Đang nghĩ cách mời luật sư đến chứng kiến nhanh nhất cái chết của cụ cố tổ để cái chúc thư kia sớm đi vào thời kì thực hành; băn khoăn khi chưa biết xử lí thế nào với Xuân Tóc Đỏ. →đem đến cho đám ang một vẻ mặt, rất đúng mốt, "hợp thời trang", "đúng cái mặt một người lúc gia đình đương là tang gia bối rối".

*** Văn Minh vợ:** Sung sướng vì đợi mãi cũng đến ngày được mặc đồ xô gai tân thời và có được cơ hội tốt để lăng-xê, quảng bá, tung ra thị trường những mốt quần áo tang táo bạo nhất do ông TYPN thiết kế "có thể ban cho những ai có tang, đương đau đớn vì kẻ chết cũng được hưởng chút ít hạnh phúc ở đời".

→Một công đôi việc, vừa có lợi cho mình, vừa có lợi cho xã hội.

*** Cô Tuyết (em gái ông Văn Minh, con gái cụ cố Hồng, cháu nội người chết):**

- Đau khổ đến muốn tự tử được nhưng không phải vì cái chết của ông nội mà là vì chưa thấy

	Xuân, bạn giai của mình đâu cả →Trong đám tang của cụ cố tổ, Tuyết mang một vẻ buồn lãng mạn, cũng "rất đúng mốt của nhà có đám". - Bên cạnh nỗi đau riêng đó, Tuyết cũng cảm thấy sung sướng và được an ủi phần nào bởi đám tang là cơ hội để cô được mặc bộ y phục "ngây thơ" với "cái áo dài voan mỏng... xinh xinh" (thực chất là một bộ y phục khiêu dâm) mà cô rất thích và thấy nó rất hợp với mình. Cô mặc nó trong đám tang cụ có tổ cũng là để chứng minh với thiên hạ rằng "mình chưa đánh mất cả chữ trinh". →Biến đám tang thành một "sàn diễn thời trang" để trưng diện. *** Cậu tú Tân:** sướng điên người lên vì nhờ cái chết của ông nội mà cậu được dùng đến mấy cái máy ảnh chuẩn bị đã lâu, được thoả chí biểu diễn thú chơi thời thượng, sở thích chụp ảnh của mình. *** Ông Phán mọc sừng (con rể người chết):** sung sướng vì nhờ vào đôi sừng vô hình trên đầu mình mà ông đã gián tiếp biến cụ cố tổ thành ma, điều mà cả gia đình mong đợi, được cụ cố Hồng "nói nhỏ vào tai rằng sẽ chia cho con gái và con rể thêm một số tiền là vài nghìn đồng". Chính ông cũng không ngờ rằng đôi sừng hươu vô hình trên đầu lại có giá trị đến thế.
	2.2. Niềm hạnh phúc của những người ngoài tang quyến. *** Đám bạn bè cụ cố Hồng:** vui sướng vì đám ma là dịp tốt để các vị khoe đủ mọi thứ huân chương như (...), khoe đủ mọi kiểu râu như (...) và nhất là khi được trông thấy "làn ra trắng thập thò trong làn áo voan mỏng trên cánh tay và ngực Tuyết" các cụ "ai cũng cảm động" thật đúng mốt của những người đến đưa tang →Cái vẻ uy nghi, trực thượng chỉ là cái vỏ để các cụ che giấu cái bản chất xấu xa, vô liêm sỉ của mình. (Phô chương không đúng lúc, biến đám ma thành hội thi râu và ... còn nhiều hơn thế nữa).

	*** Hai viên cảnh sát Min-đơ và Min-toa:** "sung sướng cực điểm" và "vô cùng mẫn cán" vì việc được mời đến giữ trật tự cho đám ma đã chấm dứt tình trạng thất nghiệp kinh niên. →tạo một pha hài hước mỉa mai châm biếm, đánh thẳng vào chính quyền thống trị: cảnh sát mà lại thích thú, hạnh phúc khi được thuê đi giữ trật tự cho đám ma. *** Sư cụ Tăng Phú:** sung sướng và vênh váo vì nhờ đám tang mà sư cụ đã cho thiên hạ biết rằng "sư cụ đã đánh đổ được Hội Phật giáo" →Chi tiết hài hước: Ông sư này không đến để làm lễ, cầu cho vong linh người chết được siêu thoát mà chỉ là đến để khoe thành tích oái oăm của mình. Sư mà lại vui, đắc thắng khi đánh đổ Hội Phật giáo? *** Đám giai thanh, gái lịch đất Hà thành bạn của cô Tuyết, cô Hoàng Hôn:** sung sướng và hạnh phúc vì nhờ có đám tang mà học được "chim nhau", "hẹn hò với nhau", "cười tình với nhau", "đú đởn với nhau",... ➥Gia đình cụ cố Hồng: là cái gia đình đại bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa. Những kẻ được coi là "Văn minh", "Âu hoá" thực chất chỉ là một lũ đồi bại về đạo đức. Cả cái xã hội thượng lưu ấy cũng giả dối, đồi bại, lố lăng, vô đạo đức. - Bút pháp trào phúng bậc thầy của VTP: Bên cạnh giọng văn mỉa mai, VTP đã dựng lên một loạt các chân dung biếm hoạ. Thủ pháp tương phản kết hợp với cường điệu đã được vận dụng hiệu quả tạo tạo nên những cái nghịch dị (nghịch lí, ngược đời, dị thường), qua đó làm bật lên tiếng cười trào phúng.
Thao tác 3: Tìm hiểu Cảnh "đám ma gương mẫu" **Thảo luận:(4nhóm):** + Nhóm 1, 2: Đám tang được tổ chức như thế nào từ lúc *cất đám*	**3. Cảnh "đám ma gương mẫu"** **a. Lúc đưa tang.** *** Hình thức bên ngoài** - Đám tang cụ cố tổ được tổ chức theo cả lối "Tây, Tàu, Ta", có "kiệu bát cống, lợn quay đi

cho tới lúc *hạ huyệt*(quy mô, tính chất, những người đưa đám, phản ứng của hàng phố)? + Nhóm 3, 4: Theo anh (chị), đâu là tiếng cười trào phúng, châm biếm sâu cay của nhà văn? **- Các nhóm thảo luận trong 7 phút** **- Đại diện các nhóm trình bày.** **- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.** **- GV nhận xét, chốt kiến thức.** .	lọng, lốc bốc xoảng" (lối Tàu), có vòng hoa, kèn bú đích (kiểu Tây) và 300 câu đối (kiểu ta). - Đám ma thuê hai viên cảnh sát giữ trật tự và có các tài tử chụp ảnh như ở hội chợ, lại còn có cả máy ghi âm để ghi lại âm nhạc của đám ma. - Người đi đưa: đủ mọi thành phần, từ già đến trẻ, từ các ông tai to mặt lớn bạn cụ cố Hồng đến lớp "giai thanh gái lịch Hà thành", từ sư sãi, giáo sư quần vợt đến nhà thiết kế thời trang →Tất cả họ, ai ai "cũng có vẻ mặt buồn rầu của những người đi đưa đám". →Đám ma cụ cố tổ là "một cái đám ma to", được tổ chức quy mô, long trọng, tưng bừng như đám rước. Đám đi đến đâu là "huyên náo đến đấy", thiên hạ "nhốn nháo khen đám ma to". *** Thực chất bên trong:** Hành trăm con người đi đưa đám không hề tiếc thương đối với người quá cố, họ đi đưa đám là chỉ để tận hưởng những niềm hạnh phúc của riêng mình. **- Đám bạn cụ cố Hồng:** đi đưa đám với thái độ "cảm động" (dễ khiến người ta tưởng lầm là các cụ đang đau buồn tiếc thương người chết khi nghe tiếng kèn xuân nữ ai oán) nhưng kì thực cái "cảm động" đó của các cụ lại bắt nguồn từ những hành động nhìn trộm vào làn da trắng thập thò trên ngực và trên cánh tay Tuyết". **- Đám "gai thanh gái lịch" tân thời đất Hà thành bạn của cô Tuyết, cô HH, bà Văn Minh:** đi đưa đám với những vẻ mặt nghiêm chỉnh, buồn rầu, lặng lẽ nhưng đằng sau đó là những cái bĩu môi, liếc mắt đưa tình với nhau, hẹn hò nhau, bình phẩm nhau, chê bai nhau, ghen tuông với nhau,... bằng thứ ngôn ngữ thô tục, "rất vỉa hè" của giới thượng lưu trí thức. - Tuyết xuất hiện trong đám tang của ông nội

	mình với vẻ mặt "buồn lãng mạn" "hợp thời trang", "đúng mốt của nhà có đám", với "nỗi đau như bị kim châm vào lòng" khiến "có thể tự tử được" nhưng không phải vì đau đớn trước các chết của ông nội mà vì nhìn quanh mãi mà "chưa thấy bạn giai đâu cả". Để rồi khi Xuân xuất hiện, đem đến cái "danh giá nhất" cho đám ma thì Tuyết sung sướng, liếc mắt đưa tình cảm ơn nó. ➥Đám tang cụ cố tổ là nơi để những con người "Văn minh", "Âu hoá" đất Hà thành diễn trò bịp bợm. **b. Khi hạ huyệt** *** Cậu tú Tân:** hạ huyệt là cơ hội "nghìn năm có một" để cậu làm nghệ thuật. Vì vậy: Việc mà cậu làm lúc này không phải là bỏ nắm đất xuống miệng huyệt để vĩnh biệt người đã khuất, cũng không phải là nỗi niềm đau đớn trong cảnh tiễn đưa mà cậu chỉ làm mỗi một việc là "bắt bẻ từng người một... lúc hạ huyệt". →Cậu đang làm đạo diễn cho một màn kịch, nghĩa là cậu đã lập sân khấu ngay trên miệng huyệt của ông mình, biến bãi tha ma thành sân khấu. *** Cụ cố Hồng**: "ho khạc mếu máo đến ngất đi" nhưng không phải vì nỗi đau khi người cha già quá cố mà cụ diễn thế là để cả thiên hạ thấy đích thực cụ đã già yếu lắm. Vậy tâm trạng cụ lúc này là nỗi đau hay là niềm hạnh phúc? →Cụ đã hoàn thành suất sắc vai diễn của mình trong khoảnh khắc hai cha con mãi mãi âm dương cách biệt. *** Ông Phán mọc sừng:** diễn viên tài năng nhất. Lúc hạ huyệt, ông tỏ ra vô cùng đau đớn "cứ oặt người đi mãi không thôi" tưởng chừng như không còn đủ sức mang lòng hiếu thảo đau

	thương của mình nữa, nhưng kì thực, trong lúc oặt mình, kêu khóc thảm thiết "Hứt...", ông đã kín đáo dúi vào tay thằng Xuân tờ giấy bạc 5 đồng gấp tư để trả công cho nó →Làm cuộc mua bán ngay trên miệng huyệt. Làm ăn, kiếm lời nhờ vào cái chết của người thân, hành động của ông là hành động của một kẻ chuyên đi buôn xác chết. →Tiếng cười toát ra từ hành động diễn xuất đại tài của ông Phán mọc sừng. Đây chính là đỉnh điểm của sự trào lộng trong màn hài kịch "đám ma gương mẫu" bởi đằng sau tiếng cười là sự lừa lọc, thô bỉ lên tới mức vô liêm sỉ của bọn "thượng lưu" trong xã hội tư sản thành thị thực dân nửa phong kiến trước cách mạng. **Tóm lại:** Bằng tài năng và con mắt sắc sảo của nhà văn trào phúng bậc thầy, VPT đã lật tẩy được cái "đám ma gương mẫu" kia thực chất chỉ là một trò hề bịp bợm của cái gia đình "Văn minh", "Âu hoá". Đồng thời, thông qua việc miêu tả cảnh đám tang, nhà văn cũng đã vạch trần được bản chất xấu xa, bỉ ổi, lố lăng, đồi bại, vô văn hoá của bọn thượng lưu tha hoá nơi đất Hà thành xưa; gióng lên hồi chuông cảnh tỉnh về sự suy đồi, xuống cấp đạo đức của một bộ phận người dân trong xã hội VN lúc bấy giờ.
Hoạt động : Tổng kết	
- GV nêu câu hỏi: Khái quát lại những nội dung và nghệ thuật của tác phẩm? **HS suy nghĩ trả lời**	**III/ TỔNG KẾT.** **1. Nội dung.** - Đoạn trích là một bi hài kịch, phơi bày bản chất nhố nhăng, đồi bại của một gia đình, đồng thời, phản ánh bộ mặt thật của xã hội thượng lưu

GV chốt lại kiến thức.	thành thị đương thời, một xã hội khoác trên mình tấm áo văn minh, "Âu hóa" nhưng thực chất hết sức giả dối, đồi bại. - Bên cạnh thái độ phê phán mạnh mẽ xã hội tư sản thành thị lố lăng, kệch cỡm đương thời, đoạn trích cũng cho ta thấy nỗi xót xa kín đáo của tác giả trước sự băng hoại đạo đức của con người. **2. Nghệ thuật.** - Tạo tình huống trào phúng cơ bản rồi mở rộng ra những tình huống khác. - Phát hiện những chi tiết đối lập gay gắt cùng tồn tại trong một con người, sự vật, sự việc. - Thủ pháp cường điệu, nói ngược, nói mỉa,... được sử dụng một cách linh hoạt. -Miêu tả biến hóa, linh hoạt và sắc sảo đến từng chi tiết, nói trúng nét riêng của từng nhân vật. →Nét đặc sắc trong nghệ thuật trào phúng của Vũ Trọng Phụng.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**

- Giáo viên giao nhiệm vụ: Hoàn thiện bảng sau để thấy mâu thuẫn trào phúng của truyện:

- HS làm việc cá nhân.

- HS báo cáo.

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

? Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh, phẩm chất của một tác phẩm phụ thuộc vào chỗ tác giả đã dàn dựng được những tình huống trào phúng và xây dựng được những nhân vật trào phúng thành công đến mức nào. Đọc *Số đỏ* người đọc dễ dàng nhận thấy mỗi chương trong tác phẩm là một tình huống trào phúng được dàn dựng như một màn kịch và mỗi màn lại thể hiện một mâu thuẫn trào phúng.

Hoàn thiện bảng sau để thấy mâu thuẫn trào phúng của truyện:

Nhân vật		Bên ngoài – Bình thường	Bên trong – Khác thường
Trong gia đình	……..	….	….
Ngoài gia đình	……..	….	….

Gợi ý

Mâu thuẫn trào phúng

a. Mâu thuẫn trào phúng trong nguyên cớ của niềm hạnh phúc.

Bình thường (Bên ngoài)	**Bất bình thường** (Bên trong)
Cụ cố tổ chết	"Chết thật"
Cụ cố tổ được đem đi chôn	Người ta tưng bừng, vui vẻ đi đưa giấy cáo phó
Tổ chức đám tang	Con cháu vui mừng khôn xiết
Kết quả:	

– Thành thử tang gia ai cũng vui vẻ cả. – Mọi người "sung sướng lắm", "vui sướng thỏa thích", "sung sướng cực điểm", "tưng bừng vui vẻ"…
Nguyên nhân: – Tờ di chúc đi vào "thời kỳ thực hành". – Gia tài mới được chia cho con cháu.
Nhận xét: – Câu văn thông báo về cái chết của cụ cố tổ nhưng hàm chứa một nụ cười mỉa mai, châm biếm, giễu cợt. Đặc biệt, thái độ của tác giả được hé lộ ở từ "thật" cuối câu khiến người đọc hình dung tiếng thở phào sung sướng, khoan khoái, nhẹ nhõm đến vỡ òa, cực điểm, không thể giấu diếm của cả gia đình tang chủ

b. Mâu thuẫn trào phúng ở các nhân vật trong tang gia.

Nhân vật	**Bình thường** (Bên ngoài)	**Bất bình thường** (Bên trong)
Cụ cố Hồng	Gắt gỏng – bối rối của tang gia	Mơ màng nghĩ diễn cảnh già nua, được khen ngợi
	-> Ngu dốt, háo danh	
Ông Văn Minh (Cháu nội)	Phân vân, đăm đăm, chiêu chiêu, vò đầu bứt tóc	– Làm thế nào cái chúc thư kia sớm đi vào thời kỳ thực hành. – Nghĩ cách xử trí Xuân Tóc Đỏ.
	-> Bản chất giả dối, bất nhân với những quan	

	niệm sống vô đạo đức.	
Bà Văn Minh (Cháu dâu)	Sốt cả ruột	Đợi mãi đến lúc được mặc bộ đồ xô gai tân thời và những mốt táo bạo.
	-> Chạy theo lối sống văn minh rởm, lố lăng.	
Cô Tuyết (Cháu gái)	Mang vẻ mặt buồn lãng mạn	– Buồn vì không thấy Xuân đâu. – Mặc trang phục hở hang để chứng tỏ mình chưa đánh mất hẳn chữ trinh.
	-> Hư hỏng, lố lăng, kệch cỡm	
Ông Phán mọc sừng (Cháu rể)		– Sung sướng được chia thêm tiền vì đôi sừng trên đầu
	-> Bất kể danh dự, hám tiền, vô liêm sỉ.	
Cậu Tú Tân (Cháu nội)	Điên người lên	– Mãi không được dùng đến máy ảnh. – Sướng điên cả người vì được dùng cái máy ảnh mới mua
	-> Bất hiếu	
Ông Typn	Bực mình	– Mãi không được ra mắt công chúng.

(Người thân)		– Cơ hội được trình diễn các sản phẩm thời trang
	-> Vô tình	
Nhận xét – Những suốt ruột không liên quan đến người chết mà nếu liên quan chỉ là ở chỗ cái chết xảy ra thì đó là thời điểm để họ thực hiện những toan tính riêng tư của mình, hoặc là tàn nhẫn, hoặc là lố bịch, kệch cỡm. – Mỗi người trong gia đình cụ cố Hồng đều có những hạnh phúc riêng trước cái chết của cụ Tổ. – Lên án, tố cáo những con người trong xã hội tư sản thượng lưu giàu có, nhưng mất hết tình người. Đó quả là đám con cháu đại bất hiếu. -> **Chân dung trào phúng**		

c. Mâu thuẫn trào phúng ở những người ngoài tang gia.

Nhân vật	**Bình thường**	**Bất bình thường**
Xuân Tóc Đỏ	Trực tiếp gây ra cái chết của cụ cố tổ	– Có công lớn với gia đình cụ cố Hồng. – Được chờ đợi bởi Tuyết, được săn đón bởi cụ bà.
	-> Ma mãnh, tàn nhẫn	
Cảnh sát *Min Đơ, Min Toa*	Cảnh sát	– Được thuê giữ trật tự cho đám ma. – Thuê giữ trật tự cho đám ma: sung sướng cực điểm.

	-> Sự suy thoái về đạo đức.	
Bạn cụ cố Hồng	Các quan khách trong đám tang	– Ngực đầy huy chương. – Đủ các kiểu râu. – Cảm động khi nhìn thấy làn da trắng của Tuyết.
	-> Biến đám ma thành hội thi, dâm ô.	
Bạn cô Tuyết, bà Văn Minh – giai thanh, gái lịch	Những người đưa đám vẻ mặt buồn rầu	Chim nhau, cười tình với nhau, bình phẩm nhau, chê bai nhau… bằng vẻ mặt buồn rầu.
	-> Những kẻ hám lợi, dâm ô, vô đạo đức	
Sư cụ tăng phú	Đi đưa đám	Sung sướng vênh váo vì đã đánh đổ được hội Phật giáo…
	-> Trơ trẽn, háo danh	
Hàng phố	Nhốn nháo	– Khen đám mo to. – Chú ý đặc biệt vào những kiểu quần áo tang.
	-> Vô tình,	
Nhận xét – Tất cả đều sung sướng và hạnh phúc không kém gì những người trong tang gia. – Sự xuống cấp trong giá trị đạo đức của con người khi cái chết của người này lại trở thành hạnh phúc của người kia. Và giây phút đau		

thương ấy đã trở thành một ngày hội tưng bừng.
-> **Chân dung trào phúng**

d. Mâu thuẫn trào phúng trong cảnh đưa đám.

	Bình thường	**Bất bình thường**
Cách tổ chức	– Kèn, vòng hoa, câu đối. – Chụp ảnh.	– Theo cả lối Ta, Tàu, Tây. – Thi nhau chụp ảnh như ở hội chợ.
Người đi đưa	Người đi đưa	Đến đưa đám nhưng là để làm những việc riêng.
Nhận xét – Sự lố lăng, phô trương đến mức kệch cỡm, lố bịch của những kẻ háo danh trong xã hội đương thời. – Đám ma to tát, huyên náo và rộn ràng như một đám rước. Nó là một cuộc diễu hành, tự phơi bày tất cả cái xấu xa kệch cỡm của XH thị dân. – Tác giả vừa mỉa mai, châm biếm, vừa đau đớn, chua chát vạch trần bản chất của đám con cháu: đám ma to tác nhưng lại thiếu mọt thứ cần thiết nhất là tình cảm chân thành dành cho người quá cố.		

e. Mâu thuẫn trào phúng trong cảnh hạ huyệt.

	Bình thường	**Bất bình thường**
Cậu Tú tân	Luộm thuộm trong chiếc áo thụng	– Bắt bẻ từng người để chụp ảnh. – Nhảy lên những ngôi mả khác để chụp ảnh khỏi giống nhau.
	-> Nhà đạo diễn đại tài biến đám tang thành sàn	

	diễn. – Kẻ thích phô trương, vô học.	
Phán mọc sừng	Khóc to, muốn lặng đi	Dúi vào tay Xuân cái giấy bạc năm đồng gấp tư.
	-> Một diễn viên hạng sang kiếm tiền trên xác chết, biến đám ma thành nơi buôn bán. -> Đỉnh điểm của sự trào lộng.	
Nhận xét – Lột trần bộ mặt đạo đức giả, vô đạo đức, quái thai, vô liêm sỉ. – Sự suy đồi, băng hoại về đạo đức.		

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **GV giao nhiệm vụ:** 1. Vẽ bản đồ tư duy bài học 2. Đặt trong xã hội ngày nay, vấn đề Vũ Trọng Phụng đặt ra về cách ứng xử của con cái trước cái chết của người thân như thế nào? **- HS làm việc cá nhân.** **- HS báo cáo.**	1. Sơ đồ tư duy bài học 2. - Xã hội tiến bộ, văn minh nên việc tổ chức đám ma cho người đã khuất có nhiều nét tiến bộ: vừa thể hiện thái độ tôn trọng với người đã khuất, vừa văn minh. - Bên cạnh đó vẫn còn nhiều nơi giữ hủ tục ma chay,...

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

-Tìm đọc trọn vẹn tiểu thuyết "Số đỏ" và những tài liệu liên quan trên Internet.

- Soạn bài: Chí Phèo – Nam Cao

III. RÚT KINH NGHIỆM TIẾT DẠY

Tiết 60: TT tiết dạy theo KHDH

CHÍ PHÈO

TÁC GIẢ: NAM CAO

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1.Kiến thức:

- Giúp HS hiểu được những nét chính về con người, quan điểm nghệ thuật, các đề tài chính, sự nghiệp sáng tác và phong cách nghệ thuật của Nam Cao.

- Tạo điều kiện để HS đọc hiểu tốt hơn tác phẩm "Chí Phèo"

2. Bảng mô tả các phẩm chất, năng lực cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Nam Cao	**Đ1**
2	+ Phân tích được các đặc điểm bối cảnh lịch sử - xã hội, gia đình, bản thân ảnh hưởng đến các sáng tác của Nam Cao.	**Đ2**

3	+ Hiểu và phân tích được những đề tài quan trọng trong các sáng tác của Nam Cao.	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được quan điểm sáng tác của Nam Cao.	**Đ4**
5	+ Nhận biết và phân tích được phong cách nghệ thuật của Nam Cao	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình trong các vấn đề về cuộc đời và sự nghiệp của nhà văn Nam Cao.	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	- Trân trọng những đóng góp của tác giả Nam Cao. - Có ý thức hơn trong việc tìm hiểu và gìn giữ các tác phẩm văn học của tác giả Nam Cao.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi	**Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải	- Nêu và giải	Đánh giá qua câu trả lời của cá

động **(7phút)**		nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Nam Cao	quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)	**Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Cuộc đời và con người 1. Cuộc đời 2. Con người II. Sự nghiệp văn học 1. Quan điểm nghệ thuật 2. Các đề tài chính 3. Phong cách nghệ thuật	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); dạy học dự án; Thuyết trình; kĩ thuật phòng tranh; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, V1, GQVĐ**	Liên hệ thực tế để làm rõ thêm vị trí, vai trò của tác giả trong nền văn học Việt Nam cũng như trong đời sống	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.

				Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng **(3 phút)**	**Đ5, V1**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: *(Kết hợp trong quá trình dạy bài mới)*

2. Bài mới

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái, cởi mở; kết nối kiến thức đã học với kiến thức mới.

b. Nội dung: Trò chơi: Ai nhanh hơn? Kể tên các tác phẩm của nhà văn Nam Cao

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

**** Trò chơi: Ai nhanh hơn ?***

GV gọi 2 cặp HS lên bảng. Yêu cầu HS gạch chân tên các tác phẩm của nhà văn Nam Cao xuất hiện trong bài thơ. Cặp nào trả lời đúng nhiều và nhanh nhất sẽ giành chiến thắng. Thời gian tối đa của trò chơi là 1 phút. Nếu 2 đội hoàn thành cùng lúc thì đội nào trả lời đúng nhiều hơn sẽ giành chiến thắng.

Bài thơ như sau:

Cả đời *lão Hạc*chuyên cần

Chắt chiu nhặt nhạnh để phần cho con

Ở đời không thể *sống mòn*

Mà như *giăng sáng*vuông tròn trước sau

*Chí Phèo*cuộc sống đớn đau

Bị lưu manh hóa cơ cầu mà chi!

Vợ con cơm áo xá gì?

*Đời thừa*cơ cực đến khi bạc đầu

Cuộc sống tươi đẹp thấy đâu

*Một bữa no*khiến ta đau đớn lòng!

Mấy ai dò được lòng sông

Phải có *đôi mắt*sáng trong nhìn đời.

(Sưu tầm)

?Em đã được học và được đọc những tác phẩm nào trong số những tác phẩm đã liệt kê của Nam Cao? Em hãy chỉ ra đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm ấy?

Từ đó, GV dẫn vào bài mới: Tác giả Nam Cao

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ
b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

c. **Sản phẩm của học sinh**: Câu trả lời, đóng kịch trước ở nhà và tại lớp, sơ đồ tư duy, các sản phẩm chuẩn bị trên Powerpoint.
c. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	Dự kiến sản phẩm
*** Các bước tiến hành:** **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ (từ tiết trước để HS chuẩn bị ở nhà)** **+ Nhóm 1 :***Khái quát những nét chính về tiểu sử của Nam Cao? Và cho biết những yếu tố nào trong cuộc đời của NC có ảnh hưởng đến sáng tác của nhà văn sau này?* (Kết hợp trình chiếu 1 đoạn clip ngắn về quê hương, khu tưởng niệm NC; vẽ trang Facebook cá nhân và sơ đồ tư duy về cuộc đời, con người NC) **+ Nhóm 2:***Tóm tắt quan điểm nghệ thuật của Nam Cao? Quan điểm nghệ thuật đó được thể hiện qua những câu văn nào, ở những tác phẩm nào?*	

(Phân tích qua những dẫn chứng cụ thể)

+ Nhóm 3: Các đề tài sáng tác chính của Nam Cao

a. Hoàn thành phiếu học tập:

	Người trí thức nghèo	Người nông dân nghèo
1.Tác phẩm tiêu biểu		
2.Kiểu nhân vật chính		
3.Nội dung bao trùm		
4.Đóng góp nghệ thuật		

b. Nhóm 3 quay 1 đoạn clip tự đóng phỏng theo một đoạn ngắn trong truyện Lão Hạc hoặc Chí Phèo.

+ Nhóm 4:*?Hãy nêu những nét chính về phong cách nghệ thuật của nhà văn Nam Cao?* (Lấy dẫn chứng minh họa bằng việc trình chiếu 1 số đoạn văn miêu tả tâm lí nhân vật trong các tác phẩm của Nam Cao và phân tích các đoạn văn đó)

***Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ.

***Bước 3:** HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

***Bước 4:** Đánh giá

Cụ thể các bước được thể hiện qua từng phần như sau:

Tìm hiểu mục I. Cuộc đời và con người.

+ Nhóm 1 thuyết trình, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung. + Các nhóm khác ra thêm câu hỏi cho nhóm 1, chú ý làm rõ những ảnh hưởng của thời đại, quê hương, gia đình và con người NC đến sáng tác của ông. Nhóm 1 giải đáp các câu hỏi của các nhóm (nếu có).	**I. Cuộc đời và con người.** **1. Cuộc đời** - Nam Cao (1917 – 1951), tên khai sinh là Trần Hữu Tri. - Quê quán: làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, tỉnh Hà Nam (nay là xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, Hà Nam). (Ông đã ghép hai chữ của tên tổng và huyện làm bút danh: Nam Cao).

- GV nhận xét, chốt kiến thức qua slide.	- Xuất thân: trong một gia đình công giáo nghèo, đông con. - Cuộc đời: + Thuở nhỏ: học sơ học tại trường làng. + Học hết bậc thành trung, Nam Cao vào Sài Gòn kiếm sống và bắt đầu sáng tác. Sau đó, ông dạy học ở một trường tư thục ở ngoại ô Hà Nội. Nhật vào Đông Dương, trường bị đóng cửa, ông phải sống chật vật, lay lắt bằng nghề viết văn và làm gia sư. + Từ năm 1943, tận tuỵ phục vụ cách mạng và kháng chiến cho tới lúc hi sinh (11 – 1951). **2. Con người** **Bên trong >< Bên ngoài** - Có bề ngoài lạnh lùng, vụng về, ít nói nhưng đời sống nội tâm lại rất phong phú, sôi sục, có khi căng thẳng. Nhà văn là người trí thức "trung thực vô ngần" (Tô Hoài), luôn nghiêm khắc đấu tranh với chính mình để thoát khỏi lối sống tầm thường, nhỏ nhen, khao khát vươn tới một "tâm hồn trong sạch và mơ ước tới cảnh sống, những con người thật đẹp". (Nhật kí ở rừng) - Có tấm lòng đôn hậu, chan chứa yêu thương. Tình cảm đó thể hiện cao nhất ở sự gắn bó sâu nặng với quê hương và những người nông dân nghèo khổ, bị áp bức và khinh miệt trong xã hội cũ. → **Tóm lại**: Cuộc đời lao động sáng tạo nghệ thuật vì lí tưởng nhân đạo và sự hi sinh anh dũng vì sự nghiệp giải phóng

	dân tộc của NC mãi mãi là tấm gương cao đẹp của một nhà văn chân chính. Năm 1996, NC được Nhà nước tặng Giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật.
Tìm hiểu mục II. Sự nghiệp văn học của Nam Cao	
Thao tác 1: Tìm hiểu Quan điểm nghệ thuật của Nam Cao Nhóm 2 thuyết trình (có sơ đồ tư duy), các nhóm khác lắng nghe, đặt câu hỏi cho nhóm 2. Nhóm 2 giải đáp các câu hỏi của các nhóm (nếu có). - GV nhận xét, chốt kiến thức qua slide.	**II. Sự nghiệp văn học.** **1. Quan điểm nghệ thuật.** **a. Trước cách mạng** *** Về vai trò, nhiệm vụ của nghệ thuật đối với đời sống con người.** - Khi mới cầm bút, NC chịu ảnh hưởng của văn học lãng mạn đương thời. Nhưng dần dần, Ông nhận ra thứ văn chương đó rất xa lạ với đời sống lầm than của nhân dân lao động. chính vì vậy, Ông đã đoạn tuyệt với nó và tìm đến với con đường nghệ thuật "vị nhân sinh" của chủ nghĩa hiện thực. - Đến với con đường nghệ thuật "vị nhân sinh" của chủ nghĩa hiện thực, nhà văn lên án thứ văn chương thoát li, thi vị hoá cuộc sống đen tối, bất công và coi đó là thứ "ánh trăng lừa dối". Đồng thời, nhà văn yêu cầu nghệ thuật phải bám sát với cuộc đời, gắn bó với đời sống của nhân dân lao động, nhìn thẳng vào sự thật tàn nhẫn, phải nói lên nỗi khốn khổ, cùng quẫn của nhân dân, phải vì họ mà lên tiếng. Trong tác phẩm *Giăng sáng* (1942), tác phẩm được coi là Tuyên ngôn nghệ thuật của NC trước cách mạng, ông viết: "Chao ôi! Nghệ thuật không cần phải là thứ văn chương lừa dối, không

	nên là ánh trăng lừa dối nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than...” (*Giăng sáng).* - Nhà văn không tán thành loại sáng tác “ chỉ tả được cái bề ngoài của xã hội”. Với NC, “một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng long thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn” (Đời thừa, 1943). Như vậy, trong quan niệm của NC, “một tác phẩm hay”, “một tác phẩm thật giá trị”, phải mang tư tưởng nhân đạo sâu sắc. ➥Quan niệm của NC về vai trò, nhiệm vụ của nghệ thuật đối với đời sống con người: không chỉ phản ánh hiện thực đời sống mà phải ca ngợi những vẻ đẹp của con người, làm cho xã hội tốt đẹp hơn, “người gần người hơn”. *** Đối với nghề văn và người nghệ sĩ.** - Đối với người nghệ sĩ, NC ý thức sâu sắc và đòi hỏi rất cao ở sự tìm tòi sáng tạo trong nghề văn. Theo NC: "*Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo ra cái gì chưa có*" (Đời thừa), ông đòi hỏi nhà văn phải có lương tâm, có nhân cách xứng đáng với nghề nghiệp của mình và cho rằng sự cẩu thả trong văn chương

	chẳng những là "bất lương" mà còn là "đê tiện". **b, Sau cách mạng** Với NC, dùng ngòi bút để phục vụ kháng chiến là cái đích cao nhất của người nghệ sĩ. Với quan niệm đó, nhà văn không những đã tích cực tham gia kháng chiến mà còn sẵn sàng hi sinh thứ "nghệ thuật cao siêu" vì lợi ích của dân tộc. Nhà văn quan niệm "sống đã rồi hãy viết" và "góp sức vào công việc không nghệ thuật lúc này là chính để sửa soạn cho tôi một nghệ thuật cao hơn" (Nhật kí ở rừng, 1948).
Thao tác 2: Tìm hiểu các đề tài chính của Nam Cao? Nhóm 3 thuyết trình, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung, đặt câu hỏi cho nhóm 3. + Nhóm 3 chiếu đoạn clip tự đóng phỏng theo truyện Lão Hạc hoặc Chí Phèo đã quay trước tại nhà + Nhóm 3 giải đáp các câu hỏi của các nhóm (nếu có). - GV nhận xét, chốt kiến thức qua slide.	**2. Các đề tài chính** **2.1. Trước cách mạng.** (Sáng tác: 60 truyện ngắn, 1 truyện vừa "Truyện người hàng xóm", 1 tiểu thuyết, một vài vở kịch, bài thơ). **a. Đề tài người trí thức tiểu tư sản nghèo.** *** Sáng tác chính.** (sgk. 139) *** Nội dung.** Miêu tả sâu sắc tấn bi kịch tinh thần của những người trí thức nghèo trong xã hội cũ như những "giáo khổ trường tư", những nhà văn nghèo, những viên chức nhỏ. Tất cả họ đều là những trí thức có ý thức sâu sắc về giá trị sự sống và nhân phẩm, có hoài bão, có tâm huyết và tài

	năng, muốn xây dựng một sự nghiệp tinh thần cao quý, nhưng lại bị gánh nặng cơm áo và hoàn cảnh xã hội ngột ngạt làm cho "chết mòn", phải sống như "một kẻ vô ích, một người thừa". *** Ý nghĩa** Tập trung miêu tả và phân tích tình trạng "sống mòn" hay "chết mòn" của con người, NC đã phê phán sâu sắc xã hội ngột ngạt, phi nhân đạo bóp nghẹ sự sống, tàn phá tâm hồn con người, đồng thời, thể hiện niềm khao khát một lẽ sống lớn, khao khát một cuộc sống sâu sắc, có ích và thực sự có ý nghĩa, xứng đáng là cuộc sống con người. **b. Đề tài người nông dân.** *** Sáng tác chính** (sgk.140) *** Nội dung.** - Dựng lên một bức tranh chân thực về nông thôn VN nghèo đói, xơ xác, trên con đường phá sản, bần cùng, hết sức thê thảm vào những năm 1940 – 1945. - Nhân vật: những con người thấp cổ bé họng, những số phận bi thảm. Họ càng hiền lành, càng nhẫn nhục thì càng bị chà đạp tàn nhẫn, phũ phàng. Viết về những con người này, ông đặc biệt đi sâu vào tình cảnh và số phận của những con người bị đầy đoạ vào cảnh nghèo đói, cùng đường, bị hắt hủi, lăng nhục một cách tàn nhẫn, bất công (Chí Phèo, Một bữa no, Lang Rận, Nửa đêm,...). - Hiện tượng người nông dân bị tha hoá,

	lưu manh hoá. *** Ý nghĩa.** - Kết án đanh thép cái xã hội tàn bạo đã đẩy người nông dân vào cuộc sống nghèo khổ, cùng cực, "sống không bằng chết", huỷ diệt nhân tính của những con người bản chất vốn hiền lành. - Phát hiện và khẳng định nhân phẩm và phẩm chất lương thiện của người nông dân, ngay cả khi họ bị xã hội vùi dập, cướp mất cả nhân hình, nhân tính. **Tóm lại:** Dù viết về người nông dân hay người trí thức, vượt lên trên ý nghĩa cụ thể của đề tài, sáng tác của NC thường chứa đựng một nội dung triết học sâu sắc, có khả năng khái quát những quy luật chung của đời sống như vật chất và ý thức, hoàn cảnh và con người, môi trường và tính cách,... NC luôn trăn trở về vấn đề nhân phẩm, về thái độ khinh trọng đối với con người, luôn day dứt tới mức đau đớn trước tình trạng xã hội vô nhân đạo đã đầy đoạ con người trong sự nghèo đói, vùi dập những ước mơ, làm chết mòn đời sống tinh thần và lẽ sống cao đẹp của họ; đồng thời cũng đau đớn vô hạn trước tình trạng con người bị xói mòn về nhân phẩm, thậm chí bị hoại cả nhân tính. **2.2 Sau cách mạng.** Là cây bút tiêu biểu của văn học giai đoạn kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) với các tác phẩm tiêu biểu: Nhật kí Ở rừng (48), Đôi mắt (48), tập kí sự Chuyện biên giới (50).

Thao tác 3: Tìm hiểu Phong cách nghệ thuật Nam Cao Nhóm 4 thuyết trình, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, đặt câu hỏi cho nhóm 4. Nhóm 4 giải đáp các câu hỏi của các nhóm (nếu có). - GV nhận xét, chốt kiến thức qua slide.	**3. Phong cách nghệ thuật** - Đề tài: NC thường viết về những cái nhỏ nhặt, xoàng xĩnh, tầm thường trong đời sống hàng ngày, từ đó, đặt ra những vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn, những triết lí sâu sắc về con người, cuộc sống và nghệ thuật. - Cách miêu tả nhân vật: với việc đề cao con người tư tưởng, coi hoạt động bên trong của con người là nguyên nhân của những hành động bên ngoài, nhà văn luôn có hứng thú khám phá "con người trong con người". Trong các sáng tác của mình, NC có khuynh hướng tìm vào nội tâm, đi sâu vào thế giới tinh thần của con người. Ông là nhà văn có biệt tài diễn tả, phân tích tâm lí nhân vật. Và đặc biệt sắc sảo khi phân tích, diễn tả những trạng thái, những quá trình tâm lí phức tạp, những hiện tượng lưỡng tính dở say dở tỉnh, dở khóc dở cười, mấp mé ranh giới giữa thiện với ác, giữa hiền và dữ, giữa con người với con vật,... - Những biện pháp nghệ thuật quen dùng: độc thoại nội tâm, đảo lộn thời gian và không gian trong mạch tự sự của tác phẩm, tạo nên kiểu kết cấu tâm lí vừa phóng túng, linh hoạt, vừa nhất quán, chặt chẽ. - Giọng điệu riêng: buồn thương chua chát, dửng dưng lạnh lùng mà đầy thương cảm, đằm thắm yêu thương,...

GV và Hs trao đổi, thảo luận những vấn đề sau nếu HS các nhóm chưa đề cập đến trong bài thuyết trình hoặc chưa đặt câu hỏi cho nhóm bạn:

- Đi sâu vào chủ đề sự tha hóa, phải chăng Nam Cao đã đánh mất niềm tin vào nhân tính của con người? Em hãy nêu quan điểm và lý giải về vấn đề này.
- Trong khoảnh khắc ngặt nghèo, Nam Cao thường để nhân vật của mình khóc (Lão Hạc, Chí Phèo, Hộ, Thứ…). Em hãy trình bày ý nghĩa hình ảnh giọt nước mắt ấy.

- Truyện ngắn của Nam Cao thường có kết thúc như thế nào? Cách kết như vậy mở ra ý nghĩa gì?
- Trình bày 2 loại kết cấu trần thuật mà em cho là đặc sắc trong truyện ngắn của Nam Cao.
- Trình bày 2 thủ pháp thường được Nam Cao sử dụng để miêu tả tâm lý nhân vật.
- Có ý kiến cho rằng: "Những hình hài dị dạng méo mó trong sáng tác Nam Cao (Thị Nở, chí Phèo, Lang Rận…) là một sự khinh miệt con người". Em hãy bác bỏ ý kiến này (bằng 2 luận điểm).
- Trình bày ý nghĩa hình tượng bát cháo hành (Chí Phèo) và ấm nước đun sôi (Đời thừa).
- Điều gì làm nên sự khác biệt ở Nam Cao, so với các nhà văn hiện thực phê phán khác? (Nêu ít nhất 1 ý).
- Ở đề tài người nông dân, nét sáng tạo của Nam Cao so với các nhà văn hiện thực đi trước (Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan…) là gì?
- Truyện ngắn Nam Cao thường có 2 giọng điệu riêng. Đó là những giọng điệu nào?
- Ở thể loại truyện ngắn, cách miêu tả tâm lý nhân vật của Nam Cao có gì khác với nhà văn Thạch Lam?

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3, Đ4, GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, đóng vai.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng hoặc sai, sản phẩm đóng vai của HS.

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>GV chuyển giao nhiệm vụ:
BT1: Cho HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm về tác giả Nam Cao.
<table><tr><th>STT</th><th>Con người và sự nghiệp văn học</th><th>Đúng/ Sai</th></tr><tr><td>1.</td><td>Là người luôn suy tư về: bản thân, cuộc sống, đồng loại; từ kinh nghiệm thực tế mà khái quát thành</td><td></td></tr></table></td><td>BT1:
1. Đúng
2. Đúng
3. Sai
4. Đúng.
5. Đúng.
6. Đúng.
7. Sai.
BT2: HS đóng vai.</td></tr>
</table>

	những triết lí sâu sắc mà đầy tâm huyết.		
2.	Là nhà văn có 2 giai đoạn sáng tác, những sáng tác của ông chủ yếu xoay quanh 2 đề tài: *người nông dân* và *người trí thức*.		
3.	Ông chỉ viết thể loại "*truyện ngắn*".		
4.	Ngòi bút của Nam Cao không dừng lại ở cái bề ngoài, mà luôn hướng tới cái chiều sâu của thế giới nội tâm con người.		
5.	Theo ông, văn chương là hoạt động sáng tạo, nó phải phán ánh hiện thực, và chan chứa tinh thần nhân đạo.		
6.	Nam Cao có biệt tài trong việc phân tích và diễn tả tâm lí nhân vật, và truyện ngắn của ông thường mang tính triết lí sâu sắc.		
7.	Ông là nhà văn *lãng mạn chủ nghĩa.*		

BT2.Đóng vai: Cuộc trò chuyện với nhà văn Nam Cao
- HS thực hiện nhiệm vụ.
- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- GV nhận xét, chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: **Đ4, Đ5, V1**
b. Nội dung hoạt động: Hoạt động cá nhân
c. Sản phẩm:
d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV giao nhiệm vụ:** Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về biệt tài miêu tả tâm lí nhân vật của Nam Cao **- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ** **- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**	Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu : -Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ; -Nội dung: Ông là nhà văn có biệt tài diễn tả, phân tích tâm lí nhân vật. Và đặc biệt sắc sảo khi phân tích, diễn tả những trạng thái, những quá trình tâm lí phức tạp, những hiện tượng lưỡng tính dở say dở tỉnh, dở khóc dở cười, mấp mé ranh giới giữa thiện với ác, giữa hiền và dữ, giữa con người với con vật...

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: Hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Bài sưu tầm, bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV giao nhiệm vụ:** + Vẽ sơ đồ tư duy bài học + Sưu tầm một số tác phẩm của Nam Cao trước cách mạng. Viết cảm nhận về một trong các tác phẩm đó. **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: (tiết sau)**	+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy + Sưu tầm qua sách, mạng internet. Viết cảm nhận ngắn gọn, cảm xúc chân thành.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Bình giảng tác gia văn học - Nam Cao
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)

V. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Tiết 61- 62: TT tiết dạy theo KHDH

CHÍ PHÈO (TÁC PHẨM)

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1.Kiến thức:

- Hiểu được giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc, mới mẻ của tác phẩm qua việc phân tích các nhân vật, đặc biệt là nhân vật Chí Phèo.

- Thấy được một số nét đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm.

2. Bảng mô tả năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Nam Cao	**Đ1**
2	+ Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm	**Đ2**
3	+ Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thể loại truyện ngắn	**Đ5**

6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm Chí Phèo	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: NHÂN ÁI		
10	- Hiểu rõ hơn cuộc sống khổ cực của người nông dân trong xã hội xưa. Từ đó, có ý thức trân trọng cuộc sống mình đang có.	**NA**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10phút)	**Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm Chí Phèo	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Đọc hiểu khái quát 1. Nhan đề 2. Đề tài 3. Tóm tắt II. Đọc hiểu văn bản. 1. Làng Vũ Đại 2. Hình tượng nhân vật Chí Phèo.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá

		3. Hình tượng nhân vật Bá Kiến III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	duy.	Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não .	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, V1, GQVĐ**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**Đ5, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: *(Kết hợp trong quá trình dạy bài mới)*

2. Bài mới

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a.Mục tiêu: Đ1, GQVĐ

b. Nội dung: HĐ cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d.Tổ chức thực hiện

- GV chuyển giao nhiệm vụ: HS nghe 1 đoạn bài hát Chí Phèo (Bùi Công Nam)

Sau khi nghe bài hát, HS nêu cảm nhận bước đầu về nhân vật Chí Phèo?

Link bài hát: https://www.youtube.com/watch?v=Z8av3gSa6YQ

- HS thực hiện nhiệm vụ: lắng nghe bài hát và cảm nhận.

- HS báo cáo kết quả: nêu cảm nhận của bản thân.

– Gv dẫn dắt về tình thương con và nỗi khổ của người nông dân; dẫn ý kiến của Nguyễn Tuân: "*Kể từ khi Chí Phèo ngật ngưỡng bước ra từ trang sách của Nam Cao người ta mới thấu hiểu một cách đầy đủ về nỗi thống khổ của người nông dân trong xã hội cũ"*

Tại sao vậy? Mời học sinh cùng tìm hiểu tác phẩm Chí Phèo.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ

b. Nội dung: HĐ cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm của học sinh: Câu trả lời cá nhân, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

c. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	**Dự kiến sản phẩm**
Hoạt động I: Tìm hiểu chung	
*** Thao tác 1: Tìm hiểu nhan đề, đề tài** **- GV giao nhiệm vụ:**	**I. Đọc – hiểu khái quát.** **1. Nhan đề tác phẩm.** - Nhan đề đầu tiên của tác phẩm: Cái lò

+ Học sinh làm việc theo nhóm đôi, thời gian 5 phút + Từ những hiểu biết về Nam Cao và tác phẩm (Hoàn cảnh xuất thân, những yếu tố liên quan đến tác phẩm…) hãy **tạo một tình huống giả định về cuộc trò chuyện giữa một nhà văn trẻ và Nam Cao**, qua đó vừa giới thiệu được hoàn cảnh sáng tác, nhan đề tác phẩm vừa chỉ ra được mối quan hệ giữa nhà văn và thế giới nghệ thuật của ông + Gv mời 02 Hs bất kỳ lên đóng vai. **- HS thực hiện nhiệm vụ: suy nghĩ, tạo tình huống** **- HS báo cáo kết quả: lên đóng vai theo yêu cầu** **– Gv yêu cầu các học sinh khác đánh giá việc nhập vai của các bạn và bày tỏ ý kiến của bản thân.** **+ GV chốt kiến thức bằng sơ đồ trên máy chiếu cho học sinh ghi bài.** *** Thao tác 2:** **- GV giao nhiệm vụ: GV tổ chức cho học sinh tham gia vào một trò chơi** để tóm tắt tác phẩm dựa trên những mảnh giấy có chứa thông tin do GV phát. + GV yêu cầu học sinh căn cứ vào kết quả tóm tắt ngắn gọn tác phẩm. **- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả.** **– Gv nhận xét, khích lệ, động viên học sinh và chuyển ý**	gạch cũ. - Khi được in thành sách lần đầu (NXB Đời Mới, Hà Nội, 1941), nhà xuất bản đã tự ý đổi tên thành: Đôi lứa xứng đôi. - Năm 1946, khi được in lại trong tập Luống cày (Hội Văn hoá cứu quốc xuất bản), NC đã đặt lại tên cho tác phẩm là Chí Phèo. →Tên gọi Chí Phèo hợp lí nhất: thể hiện được sâu sắc chủ đề và ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm. **2. Đề tài: N**gười nông dân trước CMT8 **3. Tóm tắt.** Theo nhân vật: Thuở ấu thơ →năm 20 tuổi →sau khi ở tù về →sau khi gặp thị Nở.

Hoạt động 2: Đọc - hiểu chi tiết văn bản

Thao tác 1: Tìm hiểu hình ảnh Làng Vũ Đại

- GV chuyển giao nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm theo các câu hỏi sau: + **Nhóm 1**: *Hãy xác định không gian của truyện? Chỉ ra đội ngũ cường hào địa chủ đàn áp nông dân trong truyện?* + **Nhóm 2**: *Những con người tàn tạ trong làng Vũ Đại là ai? Họ là những con người như thế nào?* + **Nhóm 3**: *Nhân vật nào đại diện cho giai cấp thống trị? Nhân vật nào đại diện cho giai cấp bị trị? Xác định nhân vật chính của truyện?* + **Nhóm 4**: *Dựng lên bức tranh về nông thôn VN trước cách mạng tháng Tám Nam Cao muốn nói gì với bạn đọc?* **- HS thực hiện nhiệm vụ** **- Các nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận theo phân công nhiệm vụ ở trên.** **- Các nhóm lắng nghe và bổ sung cho nhau.** **+ GV nhận xét, chốt kiến thức.**	**II. ĐỌC – HIỂU CHI TIẾT** **1. LÀNG VŨ ĐẠI - hình ảnh thu nhỏ của xã hội nông thôn Việt Nam trước Cách mạnh tháng Tám** - Tác phẩm phân tích mối quan hệ xã hội: Đó là sự mâu thuẫn nội bộ cường hào địa chủ, chúng vừa đu lại đàn áp nhân dân, vừa ngấm ngầm hại nhau giữa các phe cánh (Đội Tảo, Bá Kiến, Tư Đạm, Bát Tùng.) - Nơi đầy rẫy bọn đâm thuê chém mướn: Năm Thọ đi, Binh Chức về. Binh Chức chết, lại nở ra một Chí Phèo. Chí Phèo chết một Chí Phèo con sẽ ra đời. - Xã hội đầy rẫy những con người tàn tạ : Một thị Nở *dòng giống mả hủi*, một Tư Lãng vừa hoạn lợn vừa làm thầy cúng - vợ chết, con chửa hoang. Một bà cô Thị Nở *dở hơi*. Một Chí Phèo *con quỉ dữ của làng Vũ Đại*. - Đại diện cho giai cấp thống trị là Bá Kiến: Nham hiểm, biết cách dùng người thoả mãn sự thống trị, gây bao tang thương cho dân làng. - Đại diện cho giai cấp bị trị là Chí phèo: Từ một người nông dân hiền lành, chất phác- bị đẩy đi ở tù - biến chất - lưu manh - bị cướp quyền làm người, tước đoạt cả nhân hình và nhân tính - trở thành con quỉ dữ. → Nam Cao tố cáo hiện thực xấu xa, tàn ác của xã hội thực dân phong kiến: mâu thuẫn giai cấp gay gắt, âm thầm, quyết liệt, không khí tối tăm, ngột ngạt. Những cảnh đời dữ dội, những con người đáng sợ, nguồn gốc tội ác và đau thương đã và đang xô đẩy bao con người lương thiện vào con đường đau khổ, tội lỗi, bế tắc.

Thao tác 2: TÌM HIỂU HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT CHÍ PHÈO

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

- GV chuyển giao nhiệm vụ:

*** Nhiệm vụ 1:** GV tổ chức cho học sinh đọc sáng tạo văn bản qua việc **đóng kịch**: **Chí Phèo đến nhà Bá Kiến sau khi đi tù về.**

*** Nhiệm vụ 2: Dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà, HS thảo luận nhóm theo các câu hỏi sau:**

? Cách vào truyện của Nam Cao có gì độc đáo?

? Cuộc đời CP chia làm mấy chặng? Đó là những chặng nào?

Câu hỏi thảo luận nhóm riêng:

+ Nhóm 1: *Em hãy phác hoạ chân dung nhân vật Chí trước và sau khi ở tù về?*

+ Nhóm 2: *Những gì diễn ra trong tâm hồn Chí sau cuộc gặp gỡ với Thị Nở? Tại sao Chí Phèo lại có sự thay đổi như vậy?*

+ Nhóm 3: *Diễn biến tâm trạng của Chí Phèo sau khi bị Thị Nở từ chối? Vì sao Chí Phèo lại có hành động như vậy?*

+ Nhóm 4: *Hãy nêu ý nghĩa những câu nói của Chí phèo trước khi giết Bá Kiến và lí giải tại sao CP lại tự sát?*

- HS thực hiện nhiệm vụ

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ.

Cụ thể qua từng phần như sau:

Qua thảo luận ở phần khởi động:

GV yêu cầu HS tái hiện sự xuất hiện của CP và phát hiện sự độc đáo trong cách xuất hiện của nv.

2.HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT CHÍ PHÈO

2.1. Sự xuất hiện độc đáo của nhân vật

- Mở đầu tác phẩm là hình ảnh*: Chí Phèo vừa đi vừa chửi* - tiếng chửi cùng song hành trong cuộc đời Chí- tiếng chửi báo hiệu một Chí Phèo lưu manh, cô độc.

CP chửi	CP nhận được
Chửi trời	Trời có của riêng nhà nào
Chửi đời	Đời là tất ả nhưng chẳng là ai
Chửi cả làng VĐ	Cả làng VĐ tự nhủ

	chắc nó trừ mình ra
Chửi cha đứa nào không chửi nhau ới hắn.	Nhưng cũng không ai ra điều
Chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra hắn cho hắn khổ	Trời không biết, cả làng VĐ cũn không ai biết

→ CP chửi tất cả, rối loạn, tự đặt mình vào thế đối lập với mọi người. Cái mà Chí nhận được chỉ là sự im lặng của mọi người.

- *Nguyên nhân*: Say chỉ một phần; bởi cái say, cái tỉnh luôn song song tồn tại trong con người Chí.

- *Ý nghĩa tiếng chửi*:

+ Tiếng chửi là phản ứng của Chí đối với cuộc đời, bộc lộ tâm trạng bất mãn cao độ khi bị làng xóm, xã hội gạt bỏ.

+ Bộc lộ sự bất lực, tuyệt vọng của một con người cô đơn khủng khiếp muốn giao tiếp với đồng loại nhưng bị đồng loại cự tuyệt. Tiếng chửi của Chí là âm thanh bi thiết của một tâm hồn vừa chống trả, vừa kêu cứu.

- *Nghệ thuật*: Vừa kể, vừa tả, vừa biểu hiện tâm lí rất đặc sắc; ngôn ngữ nhân vật hòa nhập ngôn ngữ tác giả.

2.2. Cuộc đời Chí Phèo

a. Trước khi đi ở tù.

**** Lai lịch, nguồn gốc***

- Xuất thân: mồ côi, bị bỏ rơi ở cái lò gạch cũ

→ bị tước đoạt gốc gác.

**** Lớn lên:***

- Phải đi ở hết nhà này cho nhà khác, sống cuộc sống bơ vơ không nơi nương tựa.

- Năm 20 tuổi: Làm canh điền cho nhà Bá Kiến.

+ Cuộc sống: nghèo khổ.

+ Con người: anh canh điền lương thiện

+ Một người nông dân khỏe mạnh và "hiền lành

Nhóm 1 trình bày kết quả thảo luận: Chân dung CP trước và sau khi đi tù về.

Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét. GV chốt kiến thức.

Anh Chí

↓

Người nông dân lương

⇩

thiện ***(Lưu manh hóa)*** 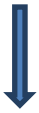 **Thằng lưu manh: Chí Phèo** ***(Tha hóa)*** **Con quỷ dữ**	như đất" thậm chí còn nhút nhát. Chính bá Kiến, khi đó là lí Kiến, đã tận mắt chứng kiến cảnh Chí Phèo "vừa bóp đùi cho bà ba vừa run run". + Là một con người có lòng tự trọng: khi bị bà vợ ba bá Kiến sai làm những "việc không chính đáng", anh nông dân hiền lành hai mươi tuổi ấy mặc dù không phải gỗ đá nhưng "chỉ thấy nhục chứ yêu đương gì". + Chí có ước mơ giản dị về hạnh phúc: "ao ước có một gia đình nho nhỏ. Chồng cuốc mướn, cày thuê. Vợ dệt vải (...)bỏ một con lợn nuôi làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm va sào ruộng làm". → Trước khi đi ở tù: số phận bất hạnh nhưng là người nông dân nghèo, hiền lành, lương thiện. (Mang đầy đủ những phẩm chất tốt đẹp của người nông dân). **b. Bi kịch bị tha hóa** **** Sự tha hóa từ anh canh điền lương thiện trở thành tên lưu manh:*** • ***Nguyên nhân*:** do sự ghen tuông vu vơ của Bá Kiến. Nhà tù không những tước mất của Chí quyền tự do mà còn biến Chí trở thành con người khác. • ***Biểu hiện:*** **- Ngoại hình (Nhân hình):** + Diện mạo: "cái đầu trọc lốc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà lại rất cơng cơng, hai mắt gườm gườm trong gớm chết... Cái ngực phanh đầy những nét chạm trổ rồng phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế". + Trang phục:mặc quần nái đen với cái áo tây vàng. →Ngoại hình: mang hình dáng của một thằng lưu manh. **- Lời nói và hành động (Nhân tính):** + Triền miên trong những cơn say: "*Hắn về hôm trước, hôm sau đã thấy ngồi uống rượu với thịt chó suốt từ trưa đến xế chiều".* + Sống bằng nghề gây gổ, chửi bới, dọa nạt, rạch mặt ăn vạ: "*Say khướt, hắn xách một cái vỏ chai đến cổng nhà bá Kiến gọi tận tên tục ra mà chửi*", đánh nhau với Lí Cường, "*đập cái chai vào cột cổng" "choang một cái*" và sau đó "*lăn lộn dưới đất, vừa lấy mảnh chai cào vào mặt*" vừa kêu làng "Ối làng nước

	ôi! Cứu tôi với...Ối làng nước ôi! Bố con thằng Kiến nó đâm chết tôi! Thằng lí Cường nó đâm chết tôi rồi, làng nước ôi!...”; lúc đang nằm dưới đất, bá Kiến hỏi hắn “lim dim mắt, rên lên: *Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi*”. *** Sự tha hóa từ thằng lưu manh trở thành con quỷ dữ của làng VĐ:** • **Nguyên nhân:** Do bị BK gian xảo lợi dụng • **Biểu hiện**: + Chí trượt dài trên con đường tha hóa. Hắn chìm trong những cơn say dài mênh mông, vô tận. “*Những cơn say của hắn tràn cơn này qua cơn khác, thành một cơn dài, mênh mông, hắn ăn trong lúc say, thức dậy vẫn còn say, đập đầu rạch mặt chửi bới, dọa nạt trong lúc say, uống rượu trong lúc say, để rồi say nữa, say vô tận”* và *“hắn say thì hắn làm bất cứ cái gì người ta sai hắn làm*”. **+** Bàn tay Chí vấy đầy máu**:** hắn trở thành một kẻ đâm thuê, chém mướn, “phá bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao nhiêu cảnh yên vui, đạp đổ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao nhiêu người lương thiện”. + Khuôn mặt của Chí “không còn phải là mặt người” mà nó là “mặt của một con vật lạ”, vừa “vàng vàng mà lại muốn xạm màu gio; nó vằn dọc vằn ngang, không thứ tự, biết bao nhiêu là vết sẹo” →**Tóm lại:** Từ một anh canh điền lương thiện, Chí đã biến thành một “con quỷ dữ của làng Vũ Đại” bị cả xã hội chối bỏ, Chí đã bị cướp đi cả nhân hình lẫn nhân tính. Chí điển hình cho hình ảnh người nông dân lao động bị đè nén đến cùng cực, và cũng là một nhân chứng tố cáo chế độ thực dân phong kiến đã cướp đi quyền làm người của Chí. **c. Sự hồi sinh của CP sau khi gặp thị Nở.** *** Diễn biến tâm trạng của Chí sau khi gặp thị Nở, được thị chăm sóc** • **Sự thức tỉnh trong tâm lí :** - **Tỉnh rượu:**Lần đầu tiên sau hơn mười năm Chí Phèo tỉnh rượu, hết say và hoàn toàn tỉnh táo.

Nhóm 2 trình bày kết quả thảo luận: ***Diễn biến tâm trạng CP sau cuộc gặp gỡ với Thị Nở.*** **Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét. GV chốt kiến thức.**	→ Lần đầu tiên sau hơn mười năm sống kiếp của một con quỷ dữ, Chí được hồi sinh lại tâm lí của một con người. Trong Chí sống lại những cảm xúc đầy nhân tính: + Chí cảm nhận được "Mặt trời đã cao, và nắng bên ngoài chắc là rực rỡ". + Chí nghe thấy, cảm nhận thấy những âm thanh quen thuộc của cuộc sống xung quanh "Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá", Chí lại hình dung, phán đoán cảnh "một người đàn bà hỏi một người đàn bà khác đi bán vải ở Nam Định về" →những hình ảnh, âm thanh ấy là tiếng gọi tha thiết của cuộc sống. + Chí thấy lòng "bâng khuâng" và "mơ hồ buồn". -**Tỉnh ngộ**: Nghĩ về cuộc đời mình: + Trước hết, hắn "nao nao buồn" nhớ về những ngày "rất xa xôi", nhớ một thời hắn đã từng ao ước "có một gia đình nho nhỏ...", mộng ước của Chí thật nhỏ bé, giản dị nhưng trong suốt bao nhiêu năm nó chưa thành hiện thực. + Quay về hiện tại, Chí thấy cuộc đời mình cũng thật đáng buồn bởi hắn thấy mình đã già, "đã tới cái dốc bên kia của cuộc đời" và "cơ thể thì đã hư hỏng nhiều" mà hắn vẫn đang cô độc. + Tương lai: càng đáng buồn hơn, không chỉ buồn mà còn là lo sợ bởi hắn "đã trông thất trước" quá nhiều điều bất hạnh: "tuổi già", "đói rét và ốm đau" và nhất là sự "cô độc" (đối với Chí, "cô độc" còn đáng sợ hơn "đói rét và ốm đau"). →Như vậy, sau những ngày tháng sống trong vô thức, Chí đã tỉnh táo suy nghĩ, nhận thấy tình trạng bi đát, tuyệt vọng của cuộc đời mình. **- Từ tỉnh ngộ, CP khát khao hoàn lương và khát khao hạnh phúc:** Nguyên nhân: nhờ vào bát cháo hành của thị Nở. **Diễn biến tâm trạng:** + Chí hết sức ngạc nhiên và xúc động mạnh. Nhìn "*nồi cháo hành còn nóng nguyên*", Chí thấy "*mắt mình ươn ướt*" bởi một lí do hết sức đơn giản, đây là lần đầu

	tiên "hắn được một người đàn bà cho", "*cả đời hắn chưa bao giờ được săn sóc bởi một bàn tay đàn bà*" (Nếu như xưa kia bà ba chỉ đem đến cho hắn sự nhục nhã, đau đớn thì nay thị Nở không chỉ đem cháo đến cho hắn mà còn múc ra bát và "*giục hắn ăn nóng*", hắn "*húp xong rồi, thị Nở đỡ lấy bát cháo và múc thêm bát nữa*" →hành động chăm sóc đầy tình cảm yêu thương). + Chí bâng khuâng, vui buồn lẫn lộn. Hành động chăm sóc đầy tình thương yêu của thị Nở đã khiến Chí "ăn năn", Chí "*thấy lòng thành trẻ con*", hắn "*muốn làm nũng với thị như với mẹ*", Chí đã trở lại với hình ảnh của anh canh điền ngày xưa →cái bản tính lương thiện của hắn trước đây bị lấp đi đến nay mới có cơ hội được hồi sinh trở lại. Từ đây, Chí đã trút bỏ được cái nốt của một con quỷ dữ và trở lại đúng nghĩa của một con người. + Chí khao khát được trở lại làm người, một người dân hiền lành lương thiện. "*Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao!*" và khao khát "*Họ sẽ lại nhận hắn vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện*". + Chí khao khát hạnh phúc, khao khát có một mái ấm gia đình. Người đọc sẽ làm sao quên được những câu nói đau đáu khao khát nỗi niềm hạnh phúc của Chí Phèo: "*Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ*?" –"cứ thế này" là thế nào? Là cứ được ăn cháo hành, được sống bên cạnh thị Nở, được thị quan tâm, chăm sóc, yêu thương, được làm nũng với thị... được như thế thì "thích nhỉ" – tức là còn sung sướng, hạnh phúc nào bằng. *"Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui*". – tức là về sống chung một nhà, hình thành một mái ấm gia đình vui vẻ, hạnh phúc. Câu nói này giống như một lời cầu hôn của Chí Phèo với thị Nở, một lời cầu hôn rất "canh điền", chất phác, giản dị. + Chí đã tìm ra con đường để thực hiện khao khát mãnh liệt đó của mình: đó là thị Nở. "*Thị Nở sẽ mở đường cho hắn*", thị Nở không chỉ đem tình người thức tỉnh tính người trong Chí mà thị còn là hi vọng duy nhất để giúp Chí thực hiện khao khát được quan trở lại

	thế giới loài người. Tìm được hướng đi cho cuộc đời, Chí "*tự nhiên thấy nhẹ người*" và lòng "*thấy rất vui*" và sự thực thì thị Nở đã đem đến cho Chí năm ngày hạnh phúc, năm ngày được sống cuộc sống của một con người. ***Ý nghĩa cuộc gặp gỡ thị Nở:** Cuộc gặp gỡ với thị Nở (cuộc tình và trận ốm) đã thức tỉnh phần người bấy lâu nay bị vùi lấp ở Chí để hắn trở về sống kiếp người một cách tự nhiên. Chính sự quan tâm, chăm sóc của thị Nở đã giúp Chí Phèo cởi bỏ được cái vỏ "quỷ dữ" để sống lại làm người. ***Giá trị nhân đạo:** Qua sự thức tỉnh hồi sinh kiếp người của CP, NC đã khẳng định sức sống bất diệt của "thiên lương" và khát khao hạnh phúc, đó là bản tính tốt đẹp của con người. Ngay cả khi bị tha hóa thì bản chất lương thiện đó như ngọn lửa cháy âm ỉ, gặp ngọn gió của tình yêu thương sẽ bùng lên mạnh mẽ. **d. Bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người của Chí (Diễn biến tâm trạng của Chí kể từ sau khi bị thị Nở từ chối).** *** Nguyên nhân:** **+** Trực tiếp**:** Do bị thị Nở cự tuyệt + Gián tiếp: Do sự ngăn cản của bà cô thị Nở, cả xã hội làng Vũ Đại đã không chấp nhận Chí. Trong suy nghĩ của họ, Chí không phải là người từ rất lâu rồi, họ không biết, không tin vào sự thức tỉnh, hồi sinh trở lại của phần người lương thiện trong Chí. *** Bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người.** - Khi bị thị Nở giận dữ trút vào mặt tất cả lời của bà cô: + Chí cười bởi tưởng thị Nở đùa với mình, bởi đang say sưa trong hạnh phúc, say sưa với ước nguyện được trở lại làm người lương thiện. + Ngồi nghĩ ngợi rồi ngẩn người: ngỡ ngàng và chợt hiểu ra.
Nhóm 3 trình bày kết quả thảo luận: *Diễn biến tâm trạng của Chí Phèo sau khi*	+ Hắn cứ ngồi ngẩn mặt, không nói gì, trong hắn như thoáng thấy hơi cháo hành: buồn đau, thất vọng. (nhưng chưa tuyệt vọng)

bị Thị Nở từ chối **Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét. GV chốt kiến thức.**	- Khi thị Nở về "Hắn sửng sốt, đứng lên gọi lại", "Hắn đuổi theo thị nắm lấy tay": cố níu giữ niềm hạnh phúc mong manh, cố níu giữ chỗ dựa tinh thần, niềm hi vọng duy nhất của mình →đang khao khát tình yêu, khao khát được làm người lương thiện. - Khi thị Nở dứt khoát, quyết tâm cự tuyệt với Chí: Chí đã uống rượu nhưng không say mà càng uống càng tỉnh ra, hắn cứ thoang thoảng thấy hơi cháo hành và hắn đã "ôm mặt khóc rưng rức" →Chí thực sự đau đớn và tuyệt vọng hoàn toàn. Tiếng khóc của Chí chứng tỏ anh đã ý thức được đầy đủ nhất tấn bi kịch của một con người sinh ra làm người mà không được làm người. - CP giải quyết bi kịch: Trong cơn khủng hoảng và bế tắc, đau đớn, vật vã, Chí đã xách dao ra đi, nhưng không phải đến nhà thị Nở để đâm chết bà cô thị như dự định ban đầu mà Chí đã đến nhà bá Kiến "trợn mắt", "chỉ tay vào mặt lão", đanh thép kết tội tên cáo già này và đòi "làm người lương thiện", đòi lại bộ mặt lành lặn rồi đâm chết kẻ thù và tự kết liễu mình →Việc làm này chứng tỏ Chí đã rơi vào tình cảnh tuyệt vọng, cùng đường, không lối thoát. ***Đánh giá hành động của Chí và lí giải nguyên nhân:** • **Việc Chí đến nhà bá Kiến và đâm chết kẻ thù:** - Đánh giá: Là một hành động bất ngờ (bởi trước đó Chí không hề có ý định đến nhà bá Kiến) nhưng lại hợp lí, việc làm đó không phải là việc làm thiếu suy nghĩ. Vậy nguyên nhân từ đâu mà Chí lại hành động như vậy? - Nguyên nhân: + Như sự bình luận của Nam Cao "những thằng điên và những thằng say không bao gờ làm những cái mà lúc ra đi chúng định làm". + Nguyên nhân xâu xa: chưa bao giờ Chí quên kẻ đã làm hại cuộc đời mình. Chẳng phải ngẫu nhiên mà mấy lần Chí đã xách vỏ chai đến nhà bá Kiến để "đòi nợ". Tuy làm tay sai cho lão cường hào ác bá này nhưng ngọn lửa căm hờn vẫn âm ỉ cháy trong Chí và nó càng bùng lên dữ dội khi Chí thức tỉnh, thấm thía bi kịch của cuộc đời mình.

Nhóm 4 trình bày kết quả thảo luận: ***Ý nghĩa những câu nói của CP trước khi chết? Lý giải việc CP tự sát.*** **Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét. GV chốt kiến thức.**	→Chí Phèo đâm chết bá Kiến không hẳn vì say rượu mà vì mối tù đã bùng cháy. (Không phải là hành động của một thằng say mà là việc làm của một người hoàn toàn tỉnh táo, có suy nghĩ sâu sắc thấu đáo, đó là hành động của tiềm thức đã ăn sâu vào trong tâm chí của Chí Phèo). • **Việc Chí Phèo tự sát.** - Đánh giá: không phải là một hành động mù quáng do hơi men mang đến mà là một kết cục tất yếu. - Nguyên nhân: + Lúc này Chí đã thức tỉnh, Chí không muốn tiếp tục sống cuộc sống thú vật trước kia, Chí muốn làm người lương thiện nhưng mọi con đường để trở về với cuộc sống lương thiện của Chí đã bị chặn lại. (Kẻ thù của Chí đâu chỉ có bá Kiến mà còn là cả cái xã hội thối nát và độc ác đương thời). →Chỉ có cái chết mới giúp Chí giải thoát khỏi kiếp sống của một con quỷ dữ. Nếu như trước kia, để tồn tại, Chí phải bán đi cả nhân hình lẫn nhân tính của mình cho quỷ dữ thì nay, khi linh hồn trở về, Chí phải đổi cả sự sống của mình, Chí chấp nhận tìm đến cái chết chứ quyết không trở lại làm một con quỷ dữ →Với Chí, niềm khao khát được sống lương thiện còn cao hơn cả tính mạng. - Ý nghĩa cái chết của Chí: + Cái chết của Chí Phèo là cái chết của con người trong bi kịch đau đớn trên ngưỡng cửa trở về cuộc sống làm người. + Tố cáo mãnh liệt cái xã hội thực dân nửa phong kiến không những đẩy người nông dân lương thiện vào con đường bần cùng hóa mà còn đẩy họ vào chỗ chết. + Tình trạng xung đột giai cấp ở nông thôn VN trước CMT8 là hết sức gay gắt và chỉ có thể được giải quyết bằng những biện pháp quyết liệt.
Thao tác 3: TÌM HIỂU HÌNH TƯỢNG NHÂN VẬT BÁ KIẾN	
- GV chuyển giao nhiệm vụ: **Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, HS thảo luận nhóm**	**3. Hình tượng nhân vật bá Kiến.** **a. Lai lịch.** - Nhà bá Kiến bốn đời làm tổng lí. Con trai hắn làm lý trưởng. Bản thân hắn làm lí trưởng rồi chánh tổng. - Ở nông thôn làng Vũ Đại, bá Kiến leo lên đến

theo các câu hỏi sau: *?Tìm những chi tiết miêu tả chân dung bá Kiến: Về lai lịch, ngoại hình, tính cách bản chất…? (Chú ý cái cười, giọng nói…)* *? Nét điển hình trong tính cách của Bá là gì? Bá Kiến là con người như thế nào*? HS trao đổi, thảo luận trong bàn theo từng cặp. **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Đại diện 1 số bàn lên trình bày.** **- Các HS khác lắng nghe, nhận xét.** **+ GV nhận xét, chuẩn kiến thức**	đỉnh cao danh vọng: tiên chỉ làng Vũ Đại, chánh hội đồng kì hào, Bắc Kỳ nhân dân đại biểu, phe cánh của hắn mạnh, luôn đối địch với bọn cường hào trong làng. **b. Bản chất.** - Hiện lên qua giọng nói ngọt nhạt, giọng quát rất sang và tiếng cười Tào Tháo. - Một tên địa chủ xảo quyệt, gian hùng: thể hiện qua những "kinh nghiệm" đúc rút được từ "cái nghề làm quan". - Thủ đoạn dùng người: + "*Trị không được thì cụ dùng*", sử dụng họ như một công cụ "*không có những thằng đầu bò thì lấy ai trị những thằng đầu bò*" và sẵn sàng đem đám chân tay ra thí mạng. + "*Mềm nắn rắn buông*", cụ nhận ra rằng "*những thằng có máu mặt, vợ đẹp, con đàn, chính là những thằng sợ quan và dễ bóp; trái lại, những thằng tứ cố vô thân, giết chúng nó thì dễ, nhưng được chỉ còn có xương; mà gây với chúng là mở một dịp tốt để cho các phe nghịch xoay lại mình*". - Trong cuộc đời làm quan của mình, cụ Bá đã nghiệm ra rằng "*Một người khôn ngoan chỉ bóp đến nửa chừng. Hãy ngấm ngầm đẩy người ta xuống sông, nhưng rồi lại dắt nó lên để nó đền ơn. Hãy đập bàn đập ghế đòi cho được năm đồng, nhưng được rồi thì lại vất trả lại năm hào vì thương anh túng quá*" →Lừa lọc, giả dối, xảo quyệt. - Cách kiếm tiền: Không chỉ bóc lột bằng thuế khóa mà còn tìm mọi cách sai lũ đàn em "sinh chuyện" để "có dịp mà ăn". →Đểu cáng, tàn bạo: làm giàu trên mồ hôi, xương máu của người nghèo. * Dâm ô, đê tiện. - Dù đã có bốn vợ nhưng cũng không bỏ lỡ cơ hội ngồi chung xe lên tỉnh với vợ Binh Chức. Tiền của anh lính gửi về chỉ đủ cho bá Kiến chơi bời hành lạc. -Vì ghen vu vơ mà bá Kiến đã đẩy Chí Phèo vào tù và mong muốn "bắt tất cả những thằng trai trẻ đi ở tù". - Suy nghĩ về bà tư "nhìn thì thích nhưng mà tưng tức lạ. Khác gì nhai miếng thịt bò lựt sựt khi rụng gần

	hết răng". **<u>Tóm lại:</u>** Bá Kiến là một nhân vật điển hình, là đại diện tiêu biểu cho giai cấp cường hào, địa chủ đương thời.
Hoạt động 3: HƯỚNG DẪN HS TỔNG KẾT	
- GV yêu cầu HS khái quát lại những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. **- HS suy nghĩ trả lời.** **- HS báo cáo kết quả.** **- GV chuẩn kiến thức.**	**III/ TỔNG KẾT.** **1. Nội dung.** Tố cáo mạnh mẽ xã hội thuộc địa phong kiến tàn bạo đã cướp đi cả nhân hình và nhân tính của người nông dân lương thiện, đồng thời, nhà văn cũng phát hiện và khẳng định bản chất tốt đẹp của con người ngay cả khi tưởng như họ đã bị biến thành quỷ dữ. **2. Giá trị của tác phẩm.** *** Giá trị hiện thực:** phản ảnh tình trạng một bộ phận người nông dân bị tha hóa, mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ, giữa các thế lực ác bá ở địa phương. *** Giá trị nhân đạo:** cảm thương sâu sắc trước cảnh người nông dân cố cùng bị lăng nhục; phát hiện và miêu tả phẩm chất tốt đẹp của người nông dân ngay khi tưởng như họ bị biến thành thú dữ; niềm tin vào bản chất lương thiện của con người. **3. Nghệ thuật.** - Xây dựng những nhân vật điển hình vừa có ý nghĩa tiêu biểu vừa sống động, có cá tính độc đáo và nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo. - Kết cấu truyện mới mẻ, tưởng như tự do nhưng lại rất chặt chẽ, lo gích. - Cốt truyện và các tình tiết hấp dẫn, biến hóa giàu kịch tính. - Ngôn ngữ sống động, vừa điêu luyện lại gần gũi tự nhiên; giọng điệu đan xen biến hóa, trần thuật linh

	hoạt.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nắm chắc bài học, bộc lộ quan điểm cá nhân về hiện tượng Chí Phèo.

b. Nội dung: Hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV& HS	Dự kiến sản phẩm
- GV chuyển giao nhiệm vụ: **? Thay lời Nam Cao trả lời câu hỏi: Ai đẻ ra Chí Phèo?** **? Tạo nên một Chí Phèo, con quỷ dữ của làng Vũ Đại, ai là người phải chịu trách nhiệm?** *GV quan sát học sinh trong quá trình hoạt động nhóm. **– Học sinh làm việc theo nhóm** **– Đại diện nhóm trình bày** **– Các nhóm khác nhận xét, bổ sung** ***GV nhận xét, chốt kiến thức, gợi mở để học sinh tiếp tục cảm nhận tác phẩm.**	***Ai đẻ ra Chí Phèo?** : không phải người mẹ khốn khổ, không phải dân làng mà chính là xã hội thực dân nửa phong kiến bất công. *** Trách nhiệm:** – Người mẹ sinh ra Chí: người mẹ nào phải bỏ con cũng đều khốn khổ, bất hạnh nhưng người mẹ cũng phải chịu trách nhiệm một phần …. – Chính Chí Phèo: phải chịu trách nhiệm về cuộc đời mình và những tội ác mà mình gây ra…. – Xã hội thực dân nửa phong kiến: Nguyên nhân chính đẩy Chí Phèo vào bi kịch….

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: **Đ4, Đ5, V1**

b. Nội dung hoạt động: Hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm:Bài văn của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV giao nhiệm vụ: HS chọn 1 trong 2 bài tập:** **BT1:**Hãy phân tích tác phẩm Chí Phèo để thấy Nam	Bài văn đảm bảo các yêu cầu : - Hình thức: không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành - Nội dung: **Bản chất câu hỏi:** Nêu những sáng tạo

Cao *đã khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có*? **BT2**:Phát hiện vấn đề lạm dụng rượu bia và hậu quả của vấn đề này ở địa phương; đề xuất giải pháp khắc phục. - **HS thực hiện nhiệm vụ:** - **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (có thể vào tiết sau)** - **Nhận xét và chuẩn kiến thức.**	của Nam Cao trong truyện ngắn "Chí Phèo": * **Quan điểm sáng tác của Nam Cao** Trong "Đời thừa", thông qua nhân vật Hộ, Nam Cao đã bày tỏ quan điểm của mình về văn chương. Một trong những yêu cầu quan trọng nhất đối với nhà văn và tác phẩm, theo Nam Cao là "khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có". Quan điểm này gặp gỡ với quan điểm của rất nhiều các nhà văn nổi tiếng trên thế giới bởi nó đề cập tới bản chất của nghệ thuật là sáng tạo. Nói cách khác, sáng tạo là sinh mệnh của văn chương. * **Sáng tạo của Nam Cao trong "Chí Phèo":** ***1. Về nội dung***: a. Giá trị hiện thực mới mẻ: * Chọn một đề tài đã cũ – người nông dân trước cách mạng tháng Tám song: - Chị Dậu ("*Tắt đèn*" – Ngô Tất Tố), Anh Pha ("*Bước đường cùng*" – Nguyễn Công Hoan) bị bóc lột, bị chà đạp, chịu sự đày đọa về thể xác, vật chất. - Nam Cao khơi tìm tận đáy nỗi đau tột cùng của con người – bị hủy hoại về nhân hình, nhân tính. Chí Phèo lâm vào bi kịch không được làm người lương thiện. Trong cõi người bao la, Chí là "con quỷ dữ", chỉ có ba con chó đáp lời. Con người ấy bị thực dân bóp nghẹt, định kiến cô lập và kết quả là sự bế tắc. b. Giá trị nhân đạo độc đáo: - Nếu Ngô Tất Tố ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, trọn vẹn, không tì vết của Chị Dậu - thì Nam Cao miệt mài lật xới tận cùng để gạn lấy "giọt thiên lương" nhỏ nhoi, khuất lấp nhưng trong trẻo, thanh khiết nơi tâm hồn tưởng như đã hoàn toàn méo mó của Chí. Bởi vậy, hành trình từ cõi quỷ trở về cõi người ngỡ giản đơn mà sao nhọc nhằn, khổ đau, quằn quại đến thế. Qua nhân vật Thị Nở, nhà văn gieo trồng hạt nhân tư tưởng và ước mơ về tình thương làm thay đổi thế giới hay ít ra cứu vớt một con người. Có lẽ ít ai như Nam Cao, nhọc công để dừng lại suy tư, khám phá và nuôi giữ mầm sống trong những tâm hồn thoạt nhìn thấy chỉ có tro tàn

	tăm tối. ***2. Về nghệ thuật:*** • Nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình vừa quen, vừa lạ, rất độc đáo: Chí Phèo, bá Kiến, thị Nở. • Nghệ thuật trần thuật linh hoạt,biến hóa. • Nghệ thuật phân tích tâm lí nhân vật: Nhiều trường đoạn tâm lí phức tạp được nhà văn "giải phẫu" thành công. (Lúc Chí Phèo tỉnh dậy sau cơn say, cảm nhận cuộc sống và ý thức về đời mình, khi Thị Nở đem bát cháo hành sang để Chí thấm thía giá trị của tình thương, đoạn Chí Phèo miệng nói trả thù "con khọm già" mà chân lại tìm tới cửa nhà Bá Kiến…) • Ngôn ngữ: giản dị nhưng tinh sắc (ngôn ngữ tâm lí của Bá Kiến khi dụ dỗ Chí Phèo; ngôn ngữ phân tích tâm trạng của người say, vừa say vừa tỉnh)… **BT2:** Viết dưới dạng 1 đoạn văn nghị luận xã hội về một hiện tượng đời sống

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: GQVĐ
b.Nội dung hoạt động: Hoạt động cá nhân
c. Sản phẩm:
- Sơ đồ tư duy bài học.
- Bài sưu tầm của HS

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV giao nhiệm vụ:** + Vẽ sơ đồ tư duy bài học + Sưu tầm thêm một số tác phẩm của Nam Cao trước cách mạng. + Xem phim *Làng Vũ Đại ngày ấy*	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: (tiết sau)** + Vẽ đúng sơ đồ tư duy + Sưu tầm qua sách, mạng internet.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tuyển tập Nam Cao.

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học hiện đại Việt Nam

- Văn bản văn học 11,…

V. RÚT KINH NGHIỆM TIẾT DẠY

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 42. TT tiết dạy theo KHDH

NGỮ CẢNH

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp học sinh:

1-Về kiến thức:

Nắm được khái niệm ngữ cảnh, các yếu tố của ngữ cảnh và vai trò của ngữ cảnh trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Hiểu được khái niệm "ngữ cảnh"	**Đ1**
2	Hiểu được các nhân tố, vai trò của ngữ cảnh	**Đ2**
3	Thu thập thông tin liên quan đến ngữ cảnh	**Đ3**
4	Hiểu và phân tích được các nhân tố của ngữ cảnh trong các văn bản văn học	**Đ4**
5	Phân loại được các bối cảnh ngoài ngôn ngữ của ngữ cảnh.	**Đ5**

6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc ngữ cảnh	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết về ngữ cảnh vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Rèn luyện thói quen biết nói và viết phù hợp đề tài, nội dung, sử dụng ngôn ngữ. Có thái độ yêu quý sự trong sáng, đa dạng của ngôn ngữ tiếng Việt.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10 phút)	**Đ1, GQVĐ**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến ngữ cảnh.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1GT-HT,GQVĐ**	I. Khái niệm II. Các nhân tố của ngữ cảnh 1. Nhân vật giao tiếp. 2. Bối cảnh ngoài	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi

		ngôn ngữ. 3. Văn cảnh III. Vai trò của ngữ cảnh IV. Luyện tập	đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm hai thành phần nghĩa của câu.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp học

2. Bài mới

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

*** CÁC BƯỚC THỰC HIỆN:**

- **GV kể cho HS nghe truyện cười** "*Ai ăn cắp nỏ thần?*" cho HS nghe và hỏi HS: Truyện gây cười vì sao?
- **HS suy nghĩ, trả lời cá nhân**
- **GV dẫn dắt**: Muốn hiểu đúng và chính xác một câu nói thì ta phải đặt câu nói đó vào trong một ngữ cảnh nhất định sản sinh ra câu nói đó.

Vậy *Ngữ cảnh là gì?* Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời câu hỏi đó.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu mục **I. Khái niệm Ngữ cảnh**. *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **HS thảo luận theo nhóm bàn:** **- GV yêu cầu HS đọc ngữ liệu mục I** SGK /Tr 102 và trả lời các câu hỏi:	**I. Khái niệm ngữ cảnh** ***1. Ngữ liệu*** a. Câu nói *"Giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?"* là câu nói vu vơ vì không thể xác định được - Các nhân vật giao tiếp: ai nói, ai nghe, vị trí xã hội của người nói, người nghe,

*Tìm hiểu câu nói: " ***Giờ muộn như thế này mà họ chưa ra nhỉ?"*** (?) Tại sao đột nhiên nghe câu nói này ta lại không hiểu được? (?) Đặt câu nói đó vào bối cảnh phát sinh nó trong truyện ngắn *"Hai đứa trẻ"* của nhà văn Thạch Lam và chỉ ra: - Câu nói của ai? Quan hệ của họ ntn? - Câu nói đó được nói ở đâu?Vào lúc nào? - *Họ* trong câu nói chỉ ai? - *Chưa ra* là hoạt động ntn? Theo hướng từ đâun đến đâu? - *Giờ muộn như thế này* là nói khoảng thời gian nào? … **- HS thảo luận nhóm, ghi câu trả lời vào phiếu học tập.** **- Hết thời gian thảo luận 5 phút, GV sẽ thu 1 số phiếu học tập để nhận xét.** - **GV hỏi**: (?)Muốn lĩnh hội đầy đủ chính xác nội dung của văn bản thì cần phải đặt nó trong một bối cảnh (ngữ cảnh).**Vậy ngữ cảnh là gì ?** **<u>Hoạt động 2:</u>** Tìm hiểu mục **II. Các nhân tô của ngữ cảnh.** *GV: Ngữ cảnh có những nhân tố nào? HS: 3 nhân tố: nhân vật giao tiếp, bối cảnh ngoài ngôn ngữ và văn cảnh. ***GV yêu cầu HS thảo luận nhóm:**	quan hệ giữa người nói và người nghe - Thời gian, không gian giao tiếp câu đó xuất hiện lúc nào, ở đâu - Đối tượng được nói đến: họ là ai? - Thời điểm của sự phủ định: *"chưa ra"* tính từ thời điểm b. Câu ở mục I.2 là câu xác định vì: - Nhân vật xác định: câu nói đó là của chị Tý, chị Tý nói câu đó với những người cùng cảnh như mình: Liên, bác Xẩm, bác Siêu… - Thời gian và không gian xác định: buổi tối nới phố huyện nhỏ - Đối tượng được nói đến xác định: Họ - mấy người phu gạo hay phu xe hoặc mấy chú lính lệ trong huyện hay người nhà thầy Thức đi gọi chân tổ tôm… - Thời điểm của sự phủ định: tính từ buổi tối → Nhờ bối cảnh trên ta mới hiểu ý nghĩa câu nói của chị Tí. ***2. Khái niệm*** - Ngữ cảnh chính là bối cảnh ngôn ngữ, ở đó người nói (viết) sản sinh ra lời nói thích ứng, còn người nghe (đọc) căn cứ vào đó để lĩnh hội được đúng lời **II. Các nhân tố ngữ cảnh** ***1. Nhân vật giao tiếp*** - Khái niệm: NVGT là người tham gia vào hoạt động giao tiếp – người nói

*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ** + **Nhóm 1**: tìm hiểu mục II. 1. Nhân vật giao tiếp (?) Thế nào là nhân vật giao tiếp? Có mấy loại quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp? + **Nhóm 2**: tìm hiểu *Bối cảnh giao tiếp rộng* và *Bối cảnh giao tiếp hẹp*. (?) Thế nào là bối cảnh rộng? (?) Đối với văn bản văn học thì bối cảnh văn hoá là gì? (?) Thế nào là bối cảnh giao tiếp hẹp? +**Nhóm 3**: tìm hiểu *Hiện thực được nói tới* (?)Hiện thực được nói tới ở đây bao gồm hiện thực nào? +**Nhóm 4:** tìm hiểu *Văn cảnh* (?)Nêu khái niệm và vai trò của văn cảnh? (?)Trình bày vai trò của ngữ cảnh đối với quá trình sản sinh văn bản + quá trình lĩnh hội văn bản?	(người viết) và người nghe (người đọc) + Nếu chỉ có một người nói và một người nghe: song thoại + Nếu có nhiều người tham gia và luân phiên vai nói – nghe cho nhau: hội thoại - Mỗi người nói và người nghe đều có một vai nhất định: vai dưới, vai trai, vai bình đẳng. Các vai này có hình thức quan hệ giao tiếp (gần gũi, khách sáo, nhiệt tình…) ***2. Bối cảnh giao tiếp*** *a. Bối cảnh rộng* - Khái niệm: bao gồm toàn bộ những nhân tố xã hội, địa lí, chính trị, kinh tế văn hoá, phong tục tập quán…của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ, tạo thành một môi trường ngôn ngữ, chi phối các nhân vật giao tiếp và cả quá trình sản sinh cũng như lĩnh hội lời nói. - Đối với văn bản văn học là hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm, nó chi phối cả nọi dung và hình thức ngôn ngữ của tác phẩm *b. Bối cảnh giao tiếp hẹp* - Khái niệm: là nơi chốn, thời gian phát sinh câu nói, cùng với những sự việc hiện tượng xảy ra xung quanh - Vai trò: tạo nên những tình huống của từng câu nói. *c. Hiện thực được nói tới*

- HS thảo luận khoảng 5-7 phút **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.**	- Phân loại: + Hiện thực bên ngoài: các sự kiện, biến cố, các sự việc, hoạt động diễn ra trong thực tế đời sống + Hiện thực bên trong (tâm trạng) của nhân vật giao tiếp: vui, yêu, ghét, buồn... - Vai trò: làm nên thông tin miêu tả + thông tin bộc lộ. ***3. Văn cảnh*** - Khái niệm: + Gồm tất cả các yêu tố ngôn ngữ cùng có mặt trong văn bản, đi trước hoặc đi sau một yếu tố ngôn ngữ nào đó + Được xác định ở cả dạng nói và dạng viết, ở cả văn bản đơn thoại và đối thoại - Vai trò: vừa là cơ sở cho việc sử dụng vừa là cơ sở cho việc lĩnh hội đơn vị ngôn ngữ.
<u>Hoạt động 3</u>: Tìm hiểu Vai trò của Ngữ cảnh. GV yêu cầu Hs theo dõi mục **III. Vai trò của ngữ cảnh:** **(?)**Vai trò của Ngữ cảnh đối với quá trình sản sinh văn bản? (?) Vai trò của Ngữ cảnh đối với quá trình lĩnh hội văn bản?	**III. Vai trò của ngữ cảnh** *1. Đối với quá trình sản sinh văn bản*: là môi trường sản sinh ra lời nói, câu văn → chi phối cả nội dung và hình thức của câu *2. Đối với quá trình lĩnh hội văn bản*: là cơ sở để dễ dàng giải mã các phát ngôn để hiểu được các thông tin miêu tả, thông tin bộc lộ => Ngữ cảnh có vai trò quan trọng cả với quá trình tạo lập và quá trình lĩnh hội lới nói.

HS đọc Ghi nhớ: SGK/ tr 105	*Ghi nhớ : SGK/ tr 105.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH: **- Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:** Nhóm 1: bài tập 1 Nhóm 2: Bài tập 2. Nhóm 3: Bài tập 4. Nhóm 4: Bài tập 5. **- Trao đổi, thảo luận nhóm: 5 phút.** **- Đại diện nhóm trình bày.** **- GV chuẩn xác kiến thức.**	* **BT1:** - Các chi tiết trong 2 câu văn đều bắt nguồn từ hiện thực - Câu văn xuất phát từ bối cảnh: Tin tức về kẻ địch đến đã phong thanh mười tháng nay mà lệnh quan (đánh giặc) thì vẫn còn chờ đợi. Người nông dân đã thấy rõ hình ảnh dơ bẩn của kẻ thù và căm ghét chúng mỗi khi thấy bóng dáng tàu xe của chúng * **BT2** - Hai câu thơ của HXH gắn liền với tình huống giao tiếp cụ thể: đêm khuya, tiếng trống canh dồn dập mà người phụ nữ vẫn cô đơn, trơ trọi.. - Câu thơ là sự diễn tả tình huống, còn tình huống là nội dung đề tài của câu thơ - Ngoài sự diễn tả tình huống, câu thơ còn bộc lộ tâm sự của nhân vật trữ tình- của chính tác giả, một người phụ nữ lận đận, trắc trở trong tình duyên * **BT3:** - Những chi tiết trong hoàn cảnh sống của gia đình Tú Xương chính là bối cảnh tình huống cho nội dung của 6 câu thơ đầu - VD: việc dùng thành ngữ " Một duyên hai nợ" không phải chỉ để nói nỗi vất vả của bà Tú mà xuất phát từ chính ngữ cảnh sáng tác: bà Tú phải làm để nuôi cả con và chồng * **BT4:**

	- Hoàn cảnh sáng tác chính là ngữ cảnh: Sự kiện vào năm Đinh Dậu (1897) chính quyền mới do TDP lập nên (nhà nước) đã tổ chức cho các sĩ tử ở HN xuống thi chung ở trường Nam Định. Trong kì thi đó toàn quyền Pháp đã đến dự.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH: **- GV giao nhiệm vụ:** Chỉ ra văn cảnh của câu thơ thứ 3 trong đoạn thơ sau: (1) Quanh năm buôn bán ở mom sông (2) Nuôi đủ năm con với một chồng (3) Lặn lội thân cò khi quãng vắng (4) Eo sèo mặt nớc buổi đò đông **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** **- GV nhận xét, chốt kiến thức.**	- Câu thơ cho thấy hoàn cảnh làm việc của bà Tú gợi sự cô độc, vắng vẻ, nguy hiểm qua từ "thân cò", "quãng vắng".

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- Hệ thống lại kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy

- Chọn 1 đoạn thơ đã học để phân tích các yếu tố của ngữ cảnh.

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 43 đến 48. KHDH:

Chủ đề tích hợp: PHONG CÁCH NGÔN NGỮ BÁO CHÍ

(Chương trình Ngữ văn 11, học kì I)

I. PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA CHỦ ĐỀ VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

1. Chủ đề gồm các bài:

- *Phong cách ngôn ngữ báochí*
- *Phongcáchngônngữbáochí(tiếptheo)*
- *Bảntin*
- *Luyện tập viết bảntin*
- *Phỏng vấn và trả lời phỏngvấn*
- *Luyện tập phỏng vấn và trả lời phỏngvấn*

2. **Thời lượng**: 6 tiết

3. Hình thức:

- Tổ chức dạy học trong lớp.

- Ở nhà thực hành, nghiên cứu.

II. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức: Giúp HS

– Hiểu được khái niệm ngôn ngữ báo chí, các thể loại chủ yếu của văn bản báo chí và đặc điểm của phong cách ngôn ngữ báo chí.

– Nhận biết được 3 thể loại cơ bản của ngôn ngữ báo chí, các yêu cầu cơ bản của các thể loại này.

– Phân biệt được phong cách ngôn ngữ báo chí với các phong cách ngôn ngữ khác đăng tải trên báo

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		

1	+ Năng lực thu thập các tri thức liên quan đến phong cách ngôn ngữ báo chí, bản tin, phỏng vấn và trả lời phỏng vấn.	**Đ1**
2	+ Nhận biết phong cách ngôn ngữ báo chí.	**Đ2**
3	+ Phân tích được những đặc trưng của phong cách ngôn ngữ báo chí, đặc điểm của bản tin.	**Đ3**
4	+ Phân biệt được các phong cách chức năng ngôn ngữ.	**Đ4**
5	Học sinh biết khai thác các văn bản báo chí dưới dạng viết (báo in, báo mạng, tranh ảnh) hay dạng nói (báo phát thanh, báo truyền hình).	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí, thực hiện phỏng vấn và trả lời phỏng vấn.	**N1**
7	+ Biết cách sử dụng các phương tiện diễn đạt của phong cách ngôn ngữ báo chí (từ vựng, ngữ pháp, biện pháp tu từ) để viết một bản tin về những sự kiện xảy ra trong cuộc sống, thực hiện phỏng vấn cũng như trả lời phỏng vấn.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: YÊU NƯỚC, TRÁCH NHIỆM		
10	- Có niềm yêu thích hứng thú với các chương trình báo chí. – Có ý thức quan tâm theo dõi tin tức báo chí để có những hiểu biết xã hội và thái độ sống đúng đắn tích cực. – Biết tích luỹ những kinh nghiệm cần thiết để có thể viết được những bản tin, trước mắt là để phục vụ cac hoạt động trong nhà trường và sau đáp ứng các vấn đề trong cuộc sống.	**TN**

3. Bảng mô tả các mức độ, yêu cầu

Mức độ **Nội dung**		**Nhận biết**	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Vận dụng cao**
Hoạt động trải nghiệm			Hiểu được tầm quan trọng của báo chí trong đời sống nhằm thúc đẩy sự phát triển của xã hội		
Hoạt động hình thành kiến thức mới	**I. Phong cách ngôn ngữ báo chí**	Nhận biết được các dạng, các thể loại báo chí	Hiểu được khái niệm ngôn ngữ báo chí, yêu cầu riêng về sử dụng ngôn ngữ của các thể loại chủ yếu của văn bản báo chí và đặc điểm của phong cách ngôn ngữ báo chí.		Xác định được những thể loại văn bản báo chí trên một tờ báo. Phân tích được đặc trưng phong cách ngôn ngữ báo chí với các phong cách ngôn ngữ khác đăng tải

					trên báo
	II. Bản tin	Nắm được mục đích yêu cầu cơ bản của bản tin	Nắm được các bước cơ bản để viết bản tin, bố cục và yêu cầu của các phần trong 1 bản tin.		Khai thác và lựa chọn tin, xây dựng bố cục cho 1 bản tin

	III. Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn	Thấy được mục đích, tầm quan trọng của phỏng vấn và trả lời phỏng vấn trong đời sống	Nắm được những yêu cầu cơ bản và cách thức thực hiện phỏng vấn cũng như trả lời phỏng vấn		Xác định được chủ đề, mục đích phỏng vấn, xây dựng được hệ thống câu hỏi phỏng vấn
Hoạt động thực hành					Vận dụng kiến thức vừa học để phân biệt các thể loại báo chí, phân tích các đặc trưng cơ bản của 1 văn bản báo chí
Hoạt động ứng dụng – Mở				Vận dụng viết một bản tin, phóng sự hoặc phỏng vấn về một vấn đề xã hội có tính	

rộng				thời sự.	

Tích hợp kiến thức liên môn:

-Tích hợp với các phân môn **Ngữ văn**:

+ Bài hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (SGK Ngữ Văn 10 – Tập 1)

+ Bài: Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết (SGK Ngữ Văn 10 tập 1)

– Tích hợp với các môn:

+ Với môn **GDCD**:

Quan niệm về đạo đức (bài 10, SGK GDCD lớp 10)

Công dân với cộng đồng (bài 13, SGK GDCD lớp 10);

+ Với môn **Tin học**: Sử dụng CNTT để tra cứu và tìm kiếm tài liệu

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, bảng phụ; Phiếu học tập,..

IV. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động	**Đ1, GQVĐ**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến phong cách ngôn ngữ báo chí, bản tin, phỏng vấn và trả lời phỏng vấn.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến	**Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT,**	- *Phong cách ngôn ngữ báochí* - *Phongcáchngônngữbáochí(tiếptheo)* - *Bảntin*	Đàm thoại gợi mở; Dạy học	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ

thức	**GQVĐ**	*- Luyện tập viết bảntin* *- Phỏng vấn và trả lời phỏngvấn* *- Luyện tập phỏng vấn và trả lời phỏngvấn*	hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập	**Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng	**Đ4, Đ5, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.

				Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng	**GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

V. TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ ĐỀ

1. Phương tiện, thiết bị dạy học và học liệu:

1.1. Đối với giáo viên:

– Đọc chuẩn kiến thức kỹ năng, SGK, SBT, SGV, sách tài liệu.

– Tài liệu tập huấn "Dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực học sinh" năm 2014

– Sưu tầm dẫn chứng cụ thể minh họa, tham khảo tài liệu liên quan đến bài giảng để liên hệ mở rộng kiến thức cho HS

– Phiếu học tập A4, bút dạ, băng đĩa…

– Máy chiếu, Máy soi…

1.2. Chuẩn bị của HS

(Phần này yêu cầu HS chuẩn bị ở nhà)

Sưu tầm các thể loại văn bản báo chí dưới dạng viết (báo in, báo mạng, tranh ảnh) hay dạng nói (báo phát thanh, báo truyền hình) có nội dung phê phán lối sống vô cảm hoặc ca ngợi những tấm lòng nhân ái sẵn sàng giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.

+Đọc văn bản, tập trả lời các câu hỏi ở phần luyện tập

2. Tiến trình dạy học

2. 1.Mô tả khái quát quy trình tiến hành dạy – học theo chủ đề:

Tiến trình thực hiện	**Nội dung**	**Thời gian – Hình thức**
Bước 1: Giao dự án	Sưu tầm tư liệu minh họa cho bài học	Trước một tuần – Tại nhà
Bước 2: Tiến hành dạy – học chủ đề	1. Hoạt động khởi động (10 phút) 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới (3 tiết) 3. Hoạt động thực hành (1 tiết) 4. Hoạt động ứng dụng (2 tiết) 5. Hoạt động bổ sung (1 tiết)	Trên lớp Trên lớp Tại nhà Tại nhà
Bước 3:	Luyện tập	2 tiết – Trên lớp

2. 2. Hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực

*** Bước 1:** Giao dự án thực hiện (Thời gian trước một tuần tổ chức hoạt động trên lớp)

(1) Giáo viên: SGK, SBT, SGV, Các phiếu học tập, băng đĩa, máy vi tính trình chiếu

Học sinh: Đọc, soạn bài trước ở nhà, chuẩn bị chu đáo các vấn đề đã được giao

– Sưu tầm các thể loại văn bản báo chí

– Đọc và tìm hiểu:

+ Một số thể loại văn bản báo chí

+ Phương tiện diễn đạt và đặc trưng của ngôn ngữ báo chí.

*** Bước 2: Tiến trình dạy – học chủ đề**

Hoạt động 1: Hoạt động trải nghiệm

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

- GV nêu nhiệm vụ: Đọc 2 văn bản báo chí sau và cho biết ý nghĩa và vai trò của báo chí đối với sự phát triển của xã hội ?

Văn bản 1:

CHẤN ĐỘNG CLIP NGƯỜI GIÚP VIỆC BẠO HÀNH TRẺ EM

Một video clip ghi lại cảnh người giúp việc bạo hành trẻ em đang gây phẫn nộ rất lớn cho cộng đồng mạng.

Theo báo Dân trí, camera của 1 gia đình tại Quảng Nam đã ghi lại cảnh người vú nuôi giúp việc cho gia đình này hành hạ và đánh đập con gái 2 tuổi của họ.

Theo đó, ngày 24/9, bé N.K.L (29 tháng tuổi) được gia đình đưa vào Bệnh viện Nhi Trung ương trong tình trạng li bì, lơ mơ, sưng nề và xây xước ở vùng mặt và lưng, xung huyết vùng mắt. Hiện người vú nuôi độc ác này đang bị giam giữ trong tù và chờ ngày ra tòa vào giữa tháng 12 tới đây.

Clip này vừa được một thành viên đăng tải trên trang mạng xã hội và đã nhận được nhiều chia sẻ, bình luận của cộng đồng mạng. Mọi người đều rất bức xúc trước hành động của người giúp việc này khi hành hạ một đứa trẻ 2 tuổi dã man như vậy.

Theo Hoàng Hải, Báo Dantri.com.vn ngày 1 – 10 – 2014.

Trao hơn 52 triệu đầu năm mới cho bé bị suy tủy 3 dòng hiếm gặp

PV Dân trí đã đến Trung tâm Nhi khoa, Bệnh viện Trung ương Huế để trao quà nhân ái tuần 4 tháng 1/2015 tới mẹ con chị Nguyễn Thị Tỉnh – bé Võ Thị Kiều Oanh (trú huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Bé Kiều Oanh là nhân vật trong bài "Bé 7 tuổi nguy kịch trước bệnh suy tủy 3 dòng hiếm gặp". Những ngày tết vừa rồi, bé và mẹ cũng không được về quê đón tết cùng gia đình chòm xóm do bệnh của Oanh vẫn đang nặng. Hai mẹ con thui thủi ăn tết tại bệnh viện trong nỗi nhớ xa nhà giữa thuốc men và những người bệnh như mình ở xung quanh.

Thấy lại chúng tôi, bé Oanh rất vui mừng. Sắc diện bé bên ngoài hồng hào và khỏe mạnh không như ngày báo vào gặp để viết bài. Được sự chăm sóc tận tình của các y bác sĩ Khoa Nhi Tổng hợp 2, và tấm lòng thơm thảo của bạn đọc trong, ngoài nước hay điện thoại hỏi thăm cũng như gửi về nhà chị Tỉnh hơn 10 triệu đồng, hai mẹ con đã đỡ đần phần nào tiền thuốc, sữa, thức ăn bồi dưỡng.

Trao quà nhân ái tuần 4 tháng 1 với số tiền **52.450.000đ** từ Quỹ Nhân ái báo *Dân trí* do bạn đọc hỗ trợ, TS.BS Trần Kiêm Hảo, PGĐ Trung tâm Nhi khoa đã gửi lời cảm ơn đến báo vì những việc làm ý nghĩa, giúp đỡ rất tốt cho người bệnh nghèo khó điều trị tại đây nhiều năm qua.

Theo Đại Dương, báo Dantri.com.vn, ngày 1 – 3 – 2015.

- **HS phát biểu ý kiến**
- **GV lí giải và dẫn dắt vào bài**: Báo chí là nhân tố, là phương tiện có sức mạnh đặc biệt to lớn trong việc định hướng nhận thức, hình thành dư luận xã hội. Báo chí không chỉ cung cấp thông tin thời sự mà còn phản ánh dư luận và ý kiến của quần chúng đồng thời nêu lên quan điểm, chính kiến của tờ báo. Thông qua báo chí nhiều vấn đề tiêu cực trong cuộc sống được phát hiện đề cập và lên án nhưng cũng có rất nhiều hình ảnh đẹp về lối sống nhân ái sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn được ca ngợi và nêu gương sáng. Thông qua đó báo chí đã góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội.
- **GV yêu cầu HS điền bảng KWL (chỉ viết cột K và cột W):**

K (Điều đã biết)	**W** (Điều muốn biết)	**L** (Điều học được)
Một số thể loại báo chí: bản tin, phóng sự, tiểu phẩm	- Vai trò, chức năng của ngôn ngữ báo chí. - Phân biệt được các thể loại báo chí. - Các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của PCNN báo chí.	

Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới (3 tiết)

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Tiết 1: Phong cách ngôn ngữ báo chí

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
- GV giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 6 nhóm **+ Nhóm 1, 4** sưu tầm ở nhà những văn bản báo chí thuộc thể loại bản tin. GV đưa ra bản tin yêu cầu đại diện nhóm đọc bản tin ? Hãy cho biết 1 bản tin cần có những yêu cầu gì về nội dung cơ bản? Xác định nội dung cơ bản đó trong bản tin sưu tầm được? Báo điện tử Giáo dục Việt Nam ngày 4/12/2013 đã đưa tin: *"Trưa ngày 4/12/2013, xe tải chở 1.500 thùng bia đi từ TP.HCM ra Phan Thiết, khi đến vòng xoay Tam hiệp (TP. Biên Hòa) bất ngờ gặp tai nạn khiến cả ngàn thùng bia trên xe đổ ào xuống đường. Nhân cơ hội đó, người dân xung quanh đã lao ra "hôi của" mặc cho lái xe khóc lóc van xin"* **+ Nhóm 2, 5** sưu tầm ở nhà những văn bản báo chí thuộc thể loại phóng sự GV trình chiếu phóng sự yêu cầu đại diện nhóm đọc phóng sự. Hãy cho biết 1 phóng sự có đặc điểm gì khác so với 1	*** Ngữ liệu 1 (Nhóm 1, 4):** Nội dung bản tin: - Thời gian: Trưa ngày 4/12/2013 - Địa điểm: Thành phố Biên Hòa - Sự kiện: Hiện tượng "hôi của" của người dân khi chứng kiến tai nạn của xe chở bia. =>Một bản tin cần có thời gian, địa điểm, sự kiện chính xác nhằm cung cấp những tin tức mới cho người đọc *** Ngữ liệu 2 (Nhóm 2, 5):** - Nội dung phóng sự: Cung cấp thông tin chi tiết về chiến dịch: Chiếc vòng tử tế (người tham gia, luật

bản tin ? Xác định nội dung cơ bản đó trong phóng sự sưu tầm được ? **“Chiếc vòng tử tế” – chiến dịch lan tỏa những hành động đẹp** *“Chiếc vòng tử tế” là một hoạt động nằm trong chiến dịch “Tử tế là” – do Viện Nghiên cứu Kinh tế, Xã hội và Môi trường chủ trì phát động nhằm hướng mọi người suy nghĩ về giá trị của sự tử tế và thực hành giá trị đó trong đời sống. “Chiếc vòng tử tế” là tên gọi của 100 chiếc vòng đặc biệt trong chiến dịch được trao cho những người có uy tín trong cộng đồng như bà Tôn Nữ Thị Ninh, MC Diễm Quỳnh, ca sĩ Thái Thùy Linh, hot girl Chi Pu… Mỗi chủ nhân của 100 chiếc vòng cam kết sẽ thực hiện một điều tử tế trong vòng bốn ngày từ ngày nhận vòng, đồng thời chia sẻ lại câu chuyện rồi chuyển giao chiếc vòng cho một người khác.* *Luật chơi của chiếc vòng tử tế là trong vòng 4 ngày sau khi nhận được chiếc vòng, bạn phải làm 1 điều tử tế và chia sẻ câu chuyện của mình trên Facebook. Sau đó bạn tặng lại chiếc vòng cho 1 người khác, người cam kết sẽ làm những việc như trên. Cứ như thế, chiếc vòng tử tế sẽ được truyền từ người này sang người khác.* *Trong ngày đầu phát động chiến dịch, 100 “chiếc vòng tử tế” được đánh số từ 1 đến 100 đã được trao cho những chủ nhân đầu tiên ở hai thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Tính tới thời điểm này, đã có rất nhiều việc tốt được thực hiện với những câu chuyện thật sự “tử tế” được chia sẻ trên cộng đồng mạng.*	chơi, hiệu quả lan tỏa) đồng thời kêu gọi mọi người chung tay thực hiện chiến dịch sống tử tế để bản thân cảm thấy vui và hạnh phúc đồng thời giúp xã hội trở nên tốt đẹp hơn. =>So với bản tin phóng sự tường thuật sự kiện và thể hiện cảm xúc thái độ đánh giá của bài báo để cung cấp cho người đọc một cái nhìn đầy đủ, sinh động và hấp dẫn. ***Ngữ liệu 3: (Nhóm 3, 6)** - Nội dung: Phê phán thói vô cảm trong cuộc sống - Mục đích mỉa mai châm biếm =>Tiểu phẩm thường ngắn gọn, giọng văn thân mật, dân dã, thường có sắc thái mỉa mai, châm biếm nhưng hàm chứa chính kiến về thời cuộc.

Đó là chia sẻ của anh Hoàng Đức Minh, Giám đốc Tổ chức Hành động vì tương lai và cũng là một trong những người đứng đầu dự án "chiếc vòng tử tế", khởi xướng chiến dịch này. Anh bày tỏ: "Chúng tôi muốn mọi người suy nghĩ về giá trị sống tử tế, từ đó cố gắng thúc đẩy họ hành động theo giá trị sống tử tế mà họ tự định nghĩa và cuối cùng là làm cho xã hội tử tế hơn. Tên của chiến dịch này xuất phát từ việc Tử tế được hiểu theo những cách khác nhau, tùy từng người, thúc đẩy người ta suy nghĩ về sự tử tế, chứ không đưa ra định nghĩa chính xác về nó." *Đó là những hành động nhỏ thường ngày như vứt rác đúng chỗ, không vượt đèn đỏ, dắt một cụ già, em nhỏ qua đường, dừng xe nhặt hộ đồ bị rơi khi người đi trước không thể vòng lại,... Đó cũng có thể là hành động lớn hơn như kêu gọi bảo vệ môi trường, thành lập tổ chức từ thiện, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn,... Nhưng điều quan trọng hơn cả, việc làm đó xuất phát từ một cách nghĩ đẹp, lối sống văn minh, "tử tế" với chính mình và với những người xung quanh.* *Một hành động tử tế sẽ giúp bản thân cảm thấy vui và hạnh phúc. Nhiều hành động tử tế sẽ giúp xã hội trở nên tốt đẹp hơn. Vậy tại sao chúng ta không chung tay lan tỏa những giá trị* ***sống tử tế****?* Theo Kenh14.vn, ngày 30 – 10 – 2014 + **Nhóm 3, 6** sưu tầm ở nhà những văn bản báo chí thuộc thể loại tiểu phẩm GV trình chiếu tiểu phẩm yêu cầu đại diện nhóm đọc tiểu phẩm. Xác định nội dung cơ bản đó trong tiểu phẩm Từ đó rút ra đặc điểm của thể loại tiểu phẩm **- Các nhóm thảo luận trong 5 phút.**	

- Đại diện nhóm báo cáo. **- Các nhóm nhận xét chéo.** **- GV chốt kiến thức.**	

GV mở rộng và tích hợp với thực tiễn: Chức năng chung của báo chí là cung cấp các thông tin thời sự giúp định hướng dư luận. Việc lên án và phê phán các hành động vô cảm, thờ ơ, lãnh đạm, ích kỷ, chỉ nghĩ đến bản thân của 1 bộ phận xã hội đã có tác động tuyên truyền làm thay đổi nhận thức và hành động. Đồng thời thông qua báo chí nhiều hoàn cảnh khó khăn được giúp đỡ sẻ chia, nhiều việc làm tử tế được nêu gương và nhân rộng.

II. Các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của ngôn ngữ báo chí

Hoạt động của GV – HS	**Dự kiến sản phẩm**
CÁC BƯỚC THỰC HIỆN: *** GV chia lớp thành 6 nhóm** **+ Nhóm 1, 4** tìm hiểu về các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của ngôn ngữ báo chí trong thể loại *bản tin* **+ Nhóm 2, 5** tìm hiểu về các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của ngôn ngữ báo chí trong thể loại *phóng sự* **+ Nhóm 3, 5** tìm hiểu về các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của ngôn ngữ báo chí trong thể loại *tiểu phẩm* **- Các nhóm thảo luận trong 5 phút.** **- Đại diện nhóm báo cáo.** **- Các nhóm nhận xét chéo.** **- GV chốt kiến thức.**	**II. Các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của ngôn ngữ báo chí** **1. Các phương tiện diễn đạt** *** Các phương tiện diễn đạt trong bản tin:** + Về từ vựng:thường dùng danh từ chỉ địa danh, tên người, thời gian, sự kiện,... + Về ngữ pháp: Câu văn thường ngắn gọn, mạch lạc, đảm bảo thông tin chính xác. + Về các biện pháp tư từ: Hạn chế sử dụng biện pháp tư từ. *** Các phương tiện diễn đạt trong phóng sự:** + Về từ vựng:thường dùng nhiều từ ngữ miêu tả sự kiện, hình ảnh địa

	phương, nhân vật,... + Về ngữ pháp: Có thể viết những câu dài có kết cấu phức hợp + Về các biện pháp tư từ: sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ. *** Các phương tiện diễn đạt trong tiểu phẩm:** + Về từ vựng:thường dùng nhiều từ ngữ thân mật, gần gũi, có sắc thái mỉa mai, châm biếm. + Về ngữ pháp: Có thể viết những câu gần với lời nói hàng ngày + Về các biện pháp tư từ: sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ.
2. Đặc trưng của ngôn ngữ báo chí **- GV nêu nhiệm vụ:**Hãy nêu một cách ngắn gọn nhưng đầy đủ đặc trưng ngôn ngữ báo chí? Tại sao phong cách ngôn ngữ báo chí phải đảm bảo tính thông tin thời sự? Tính ngắn gọn trong phong cách ngôn chí được biểu hiện như thế nào? Tính sinh động hấp dẫn được biểu hiện như thế nào? **– HS làm việc nhóm dựa trên văn bản báo chí đã sưu tầm được, viết trên giấy A0, sau khi hoàn thành treo sản phẩm trên bảng.** **– Nhóm trưởng đại diện đọc văn bản sưu tầm được và phân tích** **– Các nhóm khác nghe và nhận xét góp**	**2. Đặc trưng của ngôn ngữ báo chí**

ý. * GV kết luận:	

HS hoàn thành bảng KWL:

<table>
<tr><th>K
(Điều đã biết)</th><th>W
(Điều muốn biết)</th><th>L
(Điều học được)</th></tr>
<tr><td>Một số thể loại báo chí: bản tin, phóng sự, tiểu phẩm</td><td>- Vai trò, chức năng của ngôn ngữ báo chí.
- Phân biệt được các thể loại báo chí.
- Các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của PCNN báo chí.</td><td>- Ngôn ngữ báo chí cung cấp thông tin thời sự, phản ánh dư luận và ý kiến của quần chúng, đồng thời nói lên chính kiến của tờ báo, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội.
- Phân biệt 3 thể loại tiêu biểu của báo chí:
<table>
<tr><th>Bản tin</th><th>Phóng sự</th><th>Tiểu phẩm</th></tr>
<tr><td>-Thông tin sự việc ngắn gọn, cụ thể.
- Kịp thời, cập nhật</td><td>-Thông tin sự việc và miêu tả sinh động, hấp dẫn.
-Gợi cảm xúc, gây hứng thú.</td><td>-Là thể loại gọn nhẹ,giọng văn thân mật, dân dã, sắc thái mỉa mai, châm biếm, hàm chứa chính kiến về thời cuộc.</td></tr>
</table>
-Các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của PCNN báo chí:</td></tr>
</table>

		*Các phương tiện diễn đạt : + Về từ vựng : Phong phú và đa dạng. Mỗi thể loại báo chí thường có một mảng từ vựng chuyên dùng + Về ngữ pháp :Câu văn ngắn gọn, súc tích, chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác của thông tin. + Về các biện pháp tu từ : Sử dụng các biện pháp tu từ linh hoạt và rất hiệu quả. *Đặc trưng cơ bản : + Tính thông tin thời sự. + Tính ngắn gọn. + Tính sinh động , hấp dẫn.

Tiết 2: Bản tin

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
- GV nêu nhiệm vụ:GV đưa ra bản tin, yêu cầu HS đọc và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới: **UNICEF: 'BẤM LIKE KHÔNG CỨU NỔI MẠNG NGƯỜI'** *Quỹ nhi đồng Liên Hiệp Quốc Thụy Điển kêu gọi thay vì bấm Like trên Facebook để an ủi, bày tỏ sự thương cảm cho một số phận hay phản đối một hành động xấu, mọi người nên thực hiện các việc làm thiết thực hơn như là quyên góp tiền bạc.*	**I. Mục đích, yêu cầu cơ bản của bản tin.** **1. Ngữ liệu** - Bản tin có tính thời sự vì nó đưa tin kịp thời chính xác sự kiện có ý nghĩa trong đời sống giúp cho độc giả đặc biệt là các bạn trẻ sử dụng facebook nhận thức được

Đoạn phim ngắn kể về 2 cậu bé bị bệnh nhưng vẫn tràn đầy hy vọng bởi tài khoản Facebook của UNICEF Thụy Điển đã thu hút 177.000 người bấm Like và sẽ sớm đạt 200.000 Like vào mùa hè, do đó mọi thứ sẽ ổn thôi. Nhưng thực tế, không đứa trẻ nào lại khỏi bệnh hay hết nghèo đơn thuần nhờ những lượt Like vô nghĩa trên mạng xã hội. *Video lên án những tài khoản lợi dụng các bức ảnh thương tâm, những câu chuyện cảm động… để "câu Like". Thậm chí, có những kẻ còn khẳng định mỗi lượt Like có giá trị tương tương 1-5 USD để mua thuốc chữa trị hoặc trả viện phí cho nạn nhân. UNICEF cho rằng, nếu Like có thể quy ra thành tiền thì người ta sẽ dùng nó để trả tiền bữa tối, hoặc để mua quần áo… Tương tự, Like cũng không chuyển hóa thành vaccine cứu trẻ nhỏ, mọi người nên quyên góp tiền hơn là mù quáng đi tiếp tay cho những kẻ câu Like.* *Theo vnexpress.net, ngày 2 – 5 – 2014* 1. Bản tin thuộc loại tin nào? Bản tin đã thông báo điều gì? Tin đó có ý nghĩa như thế nào đối với các hoạt động từ thiện nhân đạo cứu người nhất là những trẻ em bị bệnh ra sao? 2. Vì sao tin trên lại có tính chất thời sự (ở thời điểm công bố)? 3. Việc đưa tin cụ thể, chính xác từ thông báo của UNICEF có tác dụng gì? Vì sao? **- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.** **- GV chốt kiến thức:** **- GV hỏi:** Theo anh (chị), yêu cầu cơ bản của một bản tin là gì? **- HS suy nghĩ trả lời cá nhân.**	bấm like để cứu người chỉ là hành động vô nghĩa. Mọi người nên thực hiện các việc làm thiết thực hơn như là quyên góp tiền bạc. **2. Kết luận:** Yêu cầu của bản tin đó là: *+ Bản tin phải có tính thời sự*

- GV chốt kiến thức	*(kịp thời, nhanh, nhậy)* *+ Bản tin phải có ý nghĩa xã hội, thúc đẩy cuộc sống, có tác dụng đối với mọi người mọi ngành.* *+ Bản tin phải chân thực, cụ thể và chính xác mới tạo được niềm tin, mới có giá trị thuyết phục.*
GV yêu cầu HS đọc bản tin số 2 và trả lời những câu hỏi nêu ở dưới: **TUYÊN DƯƠNG 16 THANH NIÊN CỨU NẠN VỤ XE KHÁCH LAO XUỐNG VỰC** Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên Hà Nội đã gặp mặt, tuyên dương 16 thành viên, sinh viên trong nhóm phượt Phong Vân tham gia cứu nạn vụ xe khách lao xuống vực ngày 1/9 vừa qua. *Sáng 6/9, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên thành phố Hà Nội đã gặp mặt, tuyên dương 16 thanh niên, sinh viên tham gia cứu nạn trong vụ tai nạn xe khách xảy ra ngày 1/9 tại xã Tòng Sành, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.* *16 thanh niên, sinh viên được tuyên dương là thành viên của nhóm du lịch mạo hiểm Phong Vân đang trên đường từ Hà Nội lên Sa Pa du lịch. Trực tiếp chứng kiến vụ tai nạn thảm khốc là chiếc xe khách lao xuống vực khiến 13 người tử nạn và 41 người khác bị thương, cả nhóm đã kịp thời thông báo tới các đơn vị chức năng tham gia ứng cứu và dùng đèn pin, điện thoại soi đường, mò mẫm xuống vực sâu gần 200 mét để cấp cứu, hỗ trợ các nạn nhân*	**II. Cách viết bản tin.** **1. Khai thác và lựa chọn tin** * Ngữ liệu: - Bản tin đã lựa chọ sự kiện Tuyên dương 16 thanh niên cứu nạn vụ xe khách lao xuống vực. - Không phải thông tin nào cũng trở thành nguồn tin của bản tin được mà phải là sự kiện có ý nghĩa cụ thể, chính xác

trên chuyến xe gặp nạn. *Bạn Vũ Mạnh Hùng (ở huyện Ứng Hòa, Hà Nội) là thành viên đầu tiên của nhóm du lịch mạo hiểm Phong Vân xung phong xuống vực sâu cứu người. Hùng chia sẻ cảm xúc lúc ấy là khá sợ, trời tối đen, bản thân Hùng cũng chưa biết vực đó sâu bao nhiêu, có những nguy hiểm gì tiềm tàng… Nhưng xuất phát từ suy nghĩ có nhiều người đang gặp nạn, họ rất cần sự hỗ trợ kịp thời để cứu lấy tính mạng, Hùng đã dùng đèn pin của điện thoại soi đường, bám vào vệ cỏ, cành cây để tụt xuống và tham gia cứu giúp các nạn nhân.* *16 thành viên này đến từ nhiều cơ quan, đơn vị, trường học khác nhau nhưng đều chung một tấm lòng nhân ái cao cả. Với tinh thần làm việc quên mình, cả nhóm đã dũng cảm, dám hy sinh, bỏ qua nỗi sợ hãi để cùng phối hợp giúp đỡ người gặp nạn.* **(Theo TTXVN, 6 – 9 – 2014)** **?** Bản tin trên đã lựa chọn đưa tin những sự kiện nào? Có phải mọi sự kiện đều có thể là nguồn tin của bản tin không? Từ việc phân tích trên, anh chị hãy cho biết tiêu chuẩn để lựa chọn tin và những nội dung cơ bản cần làm rõ của bản tin ? **- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.** **- GV nhận xét, chốt kiến thức.** **2. Viết bản tin.** **- GV nêu câu hỏi:** ? Bố cục cơ bản của 1 bản tin thường? Phần tiêu đề có quan hệ như thế nào với nội dung? Vì sao tiêu đề cần gây được chú ý để	**2. Viết bản tin** Tiêu đề và phần mở đầu của bản tin thường được nêu trực tiếp, chưa đựng những thông tin khái quát quan trọng nhất. Phần sau có thể chi tiết hóa, giải thích nguyên nhân hoặc kết quả tường thuật chi

triển khai nội dung chính? Phần mở đầu có tầm quan trọng như thế nào? Phần mở đầu phải đảm bảo những yêu cầu nào về nội dung và hình thức. Phần triển khai được viết cụ thể cho phần tin khái quát ở đầu. Tuy nhiên so với bản tin 1, bản tin 2 có sự triển khai khác nhau. Hãy chỉ ra điều đó. **- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.** **- GV chốt kiến thức**	tiết sự kiện.

Tiết 3: Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn

Hoạt động của GV – HS	**Dự kiến sản phẩm**
GV ĐƯA RA 1 ĐOẠN PHỎNG VẤN CA SĨ PHI NHUNG VÀ YÊU CẦU HS TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI NÊU BÊN DƯỚI: CA SĨ PHI NHUNG: 'TÔI HÁT VÌ KHÁN GIẢ VÀ CÁC CON BẤT HẠNH CỦA MÌNH!…' **Xin chào chị! Được biết chị là người nhiệt huyết trong công tác từ thiện, hiện tại chị có một gia đình với 18 đứa con. Vậy mục đích của chị khi làm những công tác từ thiện này là gì?** *Đã từ lâu rồi, Phi Nhung luôn coi công việc từ thiện là bổn phận của mình.*	**I. MỤC ĐÍCH, TẦM QUAN TRỌNG CỦA PHỎNG VẤN VÀ TRẢ LỜI PHỎNG VẤN** – Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn là một cuộc hỏi đáp nhằm thu thập hoặc cung cấp thông tin về một chủ đề được quan tâm. – Phỏng vấn, trả lời phỏng vấn là hoạt động không thể thiếu trong một xã hội dân chủ, văn minh

Mình đã làm tròn trách nhiệm với những đứa của mình, với những đứa con của chính mình thì trách nhiệm lại càng cao hơn. Đó không chỉ là trách nhiệm của một người mẹ nuôi dạy các con sao cho thật tốt mà phải vừa là một người cha khuyên răn các con đi theo con đường mà chúng đam mê nhưng tuyệt đối không được làm việc gì trái với lương tâm.

Làm từ thiện bằng tiền bạc và tâm sức của mình, có bao giờ chị nghĩ mình sẽ bị lợi dụng lòng tốt không?

Chắc không ai nỡ làm điều đó đâu.

Nhưng sẽ có nhiều người cho là chị khờ. Nhiều người làm ra tiền, họ sẽ cất giữ để làm chuyện lớn. Còn chị, có bao nhiêu làm từ thiện bấy nhiêu.

Không làm được hôm nay thì sẽ làm được vào những dịp khác. Nhưng có nhiều người, hôm nay nếu không được giúp đỡ thì sẽ không kịp. Nói như thế không phải là tất cả mọi người sống nhờ sự hỗ trợ của Nhung. Nhung chỉ làm những gì cần thiết và trong khả năng.

Chị có thể chia sẻ một số dự định âm nhạc trong thời gian tới của chị không?

Sắp tới mình sẽ ra mắt CD ''Mẹ và con'' và tham gia liveshow Sol Vàng. Đây là một liveshow mình sẽ thể hiện tất cả những vai trò mà Phi Nhung đã từng làm. Và ở chương trình này, Phi Nhung sẽ hát lại những ca khúc gắn

liền tên tuổi trong 20 năm qua, bên cạnh đấy mình cũng phát huy thêm các "năng khiếu" đóng kịch, hát cải lương… của chính mình khi tham gia các show diễn trong và ngoài nước. *Cảm ơn chị đã trả lời phỏng vấn, chúc chị sẽ thành công hơn nữa!* **Theo Việt Hoàng, Vtv.vn, ngày 7 – 10 – 2014** ?Mục đích của việc hỏi và trả lời trong đoạn phỏng vấn trên? **- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân** **- GV chốt kiến thức** **- GV nêu câu hỏi:** ? Xác định chủ đề, mục đích, đối tượng, người phỏng vấn trong đoạn phỏng vấn trên? ? Xác định hệ thống câu hỏi phỏng vấn: + Xây dựng câu hỏi phỏng vấn đạt những điều kiện gì ? Trong đoạn phỏng vấn trên những câu hỏi đó đã bám sát chủ đề chưa? Còn có câu nào lạc đề hoặc chưa sát chủ đề không? + Các câu hỏi đã thực sự hợp thành một hệ thống hợp lí chưa? Có cần điều chỉnh lại thứ tự câu hỏi cho mạch lạc và chặc chẽ hơn không? + Để thu thập được nhiều thông tin , người phỏng vấn nên xây dựng những câu hỏi như thế nào và tránh những câu	**II. Những yêu cầu cơ bản đối với hoạt động phỏng vấn.** **1. Chuẩn bị phỏng vấn.** - Xác định: + Chủ đề phỏng vấn + Mục đích phỏng vấn + Đối tượng phỏng vấn + Người thực hiện phỏng vấn + Phương tiện phỏng vấn - Hệ thống câu hỏi phỏng vấn phải: Ngắn gọn, rõ ràng; phù hợp với mục đích và đối tượng phỏng vấn; làm rõ được chủ đề, liên kết với nhau và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí

hỏi như thế nào **?** **- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân** **- GV chốt kiến thức** ***2. Tiến hành phỏng vấn.*** **- GV hỏi:**? Khi phỏng vấn có phải bao giờ người phỏng vấn cũng chỉ sử dụng những câu hỏi đã chuẩn bị sẵn không ?Tại sao ? Trong quá trình phỏng vấn, ngoài sự khiêm tốn, nhã nhặn và chăm chú lắng nghe người phỏng vấn cần có thái độ thế nào? Khi kết thúc phỏng vấn, người phỏng vấn cần nhớ làm việc gì để bày tỏ sự trân trọng đối với người trả lời phỏng vấn? **- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân** **- GV chốt kiến thức** **3. Biên tập sau khi phỏng vấn.** **- GV hỏi**: ? Theo em khi biên tập người phỏng vấn có được phép sửa lại lời nói của người được phỏng vấn cho hay hơn và đứng ý của mình hơn không? Vì sao? **- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân** **- GV chốt kiến thức** **-GV hỏi:** ? Có những yêu cầu nào đối với người trả lời phỏng vấn? Nhận xét về cách trả lời phỏng vấn của ca sĩ Phi Nhung trong đoạn phỏng vấn trên.	**2. Tiến hành phỏng vấn** - Ngoài những câu hỏi đã chuẩn bị sẵn cần có thêm một số câu hỏi gợi mở, đưa đẩy để câu chuyện không rời rạc, không lạc đề - Thái độ thân tình, đồng cảm, lắng nghe và chia xẻ thông tin với người trả lời -Kết thúc cuộc phỏng vấn cần cảm ơn người trả lời phỏng vấn **3. Biên tập sau khi phỏng vấn** - Không được thay đổi nội dung phỏng vấn nhưng có thể thay đổi, sửa chừa một số từ ngữ, sắp xếp lại câu cho rõ ràng mạch lạc - Có thể ghi lại nét mặt, điệu bộ, cử chỉ.. **III. Những yêu cầu cơ bản đối với hoạt động trả lời phỏng vấn.** - Người trả lời phỏng vấn cần có phẩm chất: + Thẳng thắn, trung thực, dám chịu

- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân **- GV chốt kiến thức**	trách nhiệm về lời nĩi của mình. + Trả lời trúng chủ đề, ngắn gọn, sâu sắc, hấp dẫn. Có thể pha chút hóm hỉnh, gây ấn tượng cho công chúng.

Hoạt động 3: Hoạt động thực hành - luyện tập

Hoạt động của GV – HS	**Dự kiến sản phẩm**
GV YÊU CẦU HS ĐỌC ĐOẠN PHÓNG SỰ BÁO CHÍ DƯỚI ĐÂY: GV CHIA 3 NHÓM THỰC HÀNH PHÂN TÍCH CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA PHONG CÁCH NGÔN NGỮ BÁO CHÍ (NHÓM 1: TÍNH THÔNG TIN THỜI SỰ, NHÓM 2: TÍNH NGẮN GỌN, NHÓM 3: TÍNH SINH ĐỘNG HẤP DẪN) **CHUYỆN CỔ TÍCH MANG TÊN NGUYỄN HỮU ÂN** Đến khoa Nội Bệnh viện Ung bướu TPHCM hỏi Nguyễn Hữu Ân thì từ bệnh nhân đến bác sĩ ai cũng biết. Bởi ở chàng trai ấy, nỗi đau mất mẹ chưa kịp nguôi, đành gạt nước mắt để tiếp tục chăm sóc cho người mẹ nuôi mới nhận trong thời gian chăm sóc mẹ ruột. *Ngày tốt nghiệp lớp 12, cũng là ngày mẹ ruột phát bệnh ung thư. Ân phải tức tốc khăn gói xuống Sài Gòn để ôn thi đại học và cũng tiện để chăm sóc mẹ. Số tiền 4 triệu mà cả nhà phải chạy đôn*	**– Tính thông tin thời sự:** Địa điểm: Bệnh viện Ung bướu TP HCM Đối tượng: Nguyễn Hữu Ân Vấn đề: Hành động nhân đạo của chàng trai trẻ Nguyễn Hữu Ân không chỉ chăm sóc người mẹ mắc bệnh ung thư của mình, cảm thông trước hoàn cảnh trớ trêu của bà Phẳng cậu còn nhận bà làm mẹ nuôi và dành thời gian của mình để chăm sóc và nỗ lực thực hiện ước mơ của mình. – **Tính ngắn gọn:** Bản tin ngắn gọn (1 mặt giấy) nhưng lượng thông tin cao giúp người đọc nắm được: hoàn cảnh của Nguyễn Hữu Ân, lí do cậu nhận người phụ nữ cùng phòng làm mẹ nuôi và dành thời gian chăm sóc bà, ước mơ của cậu… **– Tính sinh động, hấp dẫn:** Cách đặt nhan đề mang tính ẩn dụ thu hút được sự chú ý của người đọc. Nội dung tạo được cảm xúc cho người đọc không chỉ đồng cảm trước hoàn cảnh khó khăn của Nguyễn Hữu Ân mà

chạy đáo vay mượn mới hơn tháng đã hết sạch. *Tiền chỉ để mua thuốc, nên hai mẹ con phải sống qua ngày dựa nhờ vào những chén cơm từ thiện của bệnh viện. Một buổi đi học, một buổi vào viện chăm sóc mẹ. Bằng tất cả tình thương và trách nhiệm của mình, Ân đã chăm sóc mẹ ruột bị bệnh ung thư trong Bệnh viện Ung bướu suốt mất tháng trời.* *Những ngày chăm sóc mẹ trong bệnh viện, Ân có dịp chứng kiến bao cảnh đời cơ cực, bất hạnh. Nằm chung phòng với mẹ, có một bệnh nhân mà hoàn cảnh cũng đáng thương tương tự, đó là bà Nguyễn Thị Phẳng quê ở Buôn Mê Thuột. Bà cũng bị bệnh ung thư nhưng ngặt nghèo hơn khi nằm đây đã sáu năm rồi mà chưa bao giờ thấy con cái, người nhà đến thăm hoặc chăm sóc.* *Cảm thông trước hoàn cảnh trớ trêu của bà Phẳng, hằng ngày bên cạnh việc chăm sóc cho mẹ, Ân còn kết hợp chăm lo cho bà Phẳng.* *Chăm sóc mẹ được sáu tháng thì căn bệnh hiểm nghèo đã cướp mất mẹ của Ân. Trước lúc nhắm mắt, người đàn bà bất hạnh nhân hậu đó đã trăn trối lại cậu con trai nhỏ của mình là hãy cố gắng chăm sóc bà Phẳng, và nhận bà*	còn khâm phục trước tấm lòng nhân ái sẻ chia sẵn sàng hi sinh dành thời gian của mình để quan tâm tới những người có hoàn cảnh đặc biệt.

Phẳng làm mẹ, để khi bà có vĩnh viễn ra đi thì vẫn có một người mẹ nữa để chăm sóc, để có dịp gọi tiếng mẹ thiêng liêng như bà vẫn đang ở cạnh con như ngày nào… *Nói về ước mơ sau này, cậu sinh viên năm 4 ngành Du lịch, khoa Đông Nam Á, trường Đại học mở bán công TPHCM cho biết: "Nếu có điều kiện sẽ vận động cùng mọi người lập ra quỹ hỗ trợ cho những bệnh nhân ung thư, nghèo khổ và đơn độc".* **– HS làm việc theo nhóm, ghi kết quả vào phiếu học tập** **– Luân chuyển phiếu học tập cho nhau để cùng nghiên cứu, góp ý với nhóm bạn cho đến khi nhận lại phiếu học tập của nhóm mình** **– Các nhóm cử đại diện lên trình bày kết quả, các nhóm khác có ý kiến đóng góp** *** GV đánh giá, tổng hợp chốt lại vấn đề.**	

Hoạt động 4: Hoạt động ứng dụng

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
HOẠT ĐỘNG NHÓM: **Vận dụng kiến thức đã học về phong**	**GV hướng dẫn HS cách làm:** – Khai thác và lựa chọn thông tin:

cách ngôn ngữ báo chí, bản tin, phỏng vấn và trả lời phỏng vấn, đóng vai một phóng viên để thực hiện các chủ đề sau : ***Trên lớp: Đóng vai** Nhóm 1 + 2: Phỏng vấn nhà tuyển dụng – người đến xin việc Nhóm 3 + 4: Phỏng vấn phóng viên – ca sĩ nổi tiếng ***Về nhà:** – Bản tin về phong trào ủng hộ đồng bào vùng lũ ở trường em. – Phóng sự về những trẻ em mồ côi và khuyết tật bẩm sinh được nuôi dưỡng tại trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Nam Định. – Phỏng vấn một HS trong trường có hoàn cảnh khó khăn biết vươn lên trong học tập đạt thành tích học tập cao được nhà trường tuyên dương. Các nhóm lựa chọn các hình thức thể hiện: – Đăng tải trên trang điện tử của nhà trường . – Làm phóng sự truyền hình bằng video sử dụng CNTT. – Ghi âm và phát thanh trên đài phát thanh nội bộ nhà trường. GV: phân nhóm, bầu nhóm trưởng, giao nhiệm vụ cho từng nhóm.	+ Không phải sự kiện nào cũng cho vào bản tin. Muốn trở thành tin có tính thời sự thì sự kiện đó phải tiêu biểu kích thích suy nghĩ và sự quan tâm của mọi người. + Phản ánh thực tế, nêu biểu hiện, có số liệu thống kê cụ thể. – Tiêu chuẩn lựa chon tin: Việc gì đã xảy ra? Việc xảy ra ở đâu? Việc xảy ra khi nào? Ai làm việc đó? Việc xảy ra như thế nào? . Kết quả ra sao? – Yêu cầu về việc triển khai nội dung và hình thức bài báo: + Đảm bảo đặc trưng của ngôn ngữ báo chí: mang tính thông tin thời sự, ngắn gọn, sinh động hấp dẫn. + Biết cách đặt tiêu đề, viết phần mở đầu đúng nội dung và hấp dẫn thu hút người đọc. + Triển khai bài viết có bố cục logic, câu hỏi phỏng vấn phải sâu sắc, khai thác được nhiều nội dung thông tin và có trình tự hợp lí. + Phân tích được những tác động tích cực của hoạt động từ thiện và ý nghĩa của chúng đối với cộng đồng xã hội. Thể hiện được thái độ đồng cảm sâu sắc trước những số phận còn chưa may mắn trong cuộc sống. Định hướng được thái

	độ và hành động của người đọc để có cái nhìn nhân văn trong cuộc sống: biết vượt qua giới hạn của bản thân và sẵn sàng mở lòng trước những hoàn cảnh khó khăn. – HS về nhà thực hiện dự án trong một tuần và báo cáo kết quả bằng một bài thuyết trình vào tiết học tuần sau.

Hoạt động 5: Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Hoạt động của GV – HS	**Dự kiến sản phẩm**
Câu hỏi: 1. HS sưu tầm những bài báo thuộc các thể loại báo chí nội dung về lòng yêu thương, tinh thần nhân ái sẻ chia. Đặc biệt là các bài viết, các chương trình phát thanh, truyền hình góp phần làm thay đổi hoàn cảnh và số phận của những con người bất hạnh trong cuộc sống. 2. Tự viết kịch bản và đóng vai phỏng vấn giả định một tác giả văn học trong chương trình về tư tưởng nhân đạo yêu thương con người được gửi gắm thông qua tác phẩm của họ	- Bài sưu tầm của HS. - Tự viết kịch bản và đóng vai.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 49- 50: TT tiết dạy theo KHDH

MỘT SỐ THỂ LOẠI VĂN HỌC: THƠ, TRUYỆN.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Nhận biết loại và thể trong văn học

- Hiểu khái quát đặc điểm của một số thể loại văn học: thơ truyện

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Nắm được một số đặc điểm về thể loại thơ, truyện.	**Đ1**
2	Thu thập thông tin liên quan đến thể loạithơ, truyện.	**Đ2**
3	Đọc – hiểu các tác phẩm văn học liên quan đến thể loại thơ, truyện	**Đ3**
4	Nhận diện được thể loại thơ, truyện trong các tác phẩm văn học	**Đ4**
5	Phân tích, so sánh đặc điểm sự khác nhau giữa thể loại thơ, truyện và các thể loại khác	**Đ5**
6	Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về thể loại thơ, truyện	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thể loại thơ, truyện.	**GT-HT**

9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Có ý thức đọc hiểu- cảm thụ đúng đặc trưng của thể loại.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, bảng phụ; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10phút)	**Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Tìm hiểu về thơ 1. Khái lược về thơ 2. Yêu cầu về đọc thơ II. Tìm hiểu về truyện 1. Khái lược về truyện 2. Yêu cầu đọc truyện. III. Luyện tập	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá

			Kỹ thuật: động não .	Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về các thể loại thơ, truyện.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ5, V1**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp:

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp khi dạy bài mới

3. Tổ chức dạy và học bài mới:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

*__Trò chơi: Ai nhanh hơn?__

GV yêu cầu hai dãy (2 đội): ghi nhanh lên bảng tên những bài thơ, những truyện ngắn mà em đã được học từ đầu năm học đến nay. HS lần lượt thay nhau ghi, mỗi HS chỉ được lên bảng 1 lần, mỗi lần chỉ được ghi tên một tác phẩm (+ tác giả),

Trong 3 phút, dãy nào ghi được nhiều tên tác giả, tác phẩm đúng sẽ giành phần thắng.

***GV dẫn vào bài**: Truyện, thơ là hai thể loại văn học chủ yếu của văn học hiện đại nói riêng và văn học Việt Nam nói chung. Vậy, truyện là gì? Có đặc trưng như thế nào? Thơ là gì? Có đặc trưng như thế nào?

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* **Hoạt động 1**:**Tìm hiểu chung về loại và thể văn học.** **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH: GV yêu cầu HS đọc phần mở đầu của bài học trong SGK và định hướng nội dung:** - Loại là gì? Đặc trưng của loại? Có mấy loại hình văn học? Cho ví dụ? - Thể là gì? Mối quan hệ giữa	**I. Quan niệm chung về loại, thể văn học.** - Cơ sở chung để phân chia loại thể văn học là dựa vào phương thức (cách thức phản ánh hiện thực, tình cảm của tác phẩm). **1. Loại.** - Là phương thức tồn tại chung, là loại hình, chủng loại. Tác phẩm văn học được chia làm 3 loại: tự sự, trữ tình, trào phúng

thể với loại? Căn cứ để phân chia thể? Trong từng loại, hãy nêu một số thể chủ yếu? Cho ví dụ? **- HS trao đổi, thảo luận theo cặp.** **-GV gọi đại diện một số cặp trả lời.** **-GV chuẩn xác kiến thức (GV có thể hệ thống hóa sơ đồ loại – thể loại).** *** <u>Hoạt động 2: Tìm hiểu về thể loại thơ</u>** **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **-HS đọc mục II. SGK** **<u>- Nhóm 1</u>**: Đặc trưng cơ bản của thơ: *(?) Thơ bắt nguồn từ đâu? Thơ có từ bao giờ? Cốt lõi của thơ là gì?* *(?) Thơ phân biệt với văn xuôi, kịch, nghị luận ở những đặc điểm nào?* **- <u>Nhóm 2</u>:** Thơ được phân loại như thế nào? Có bao nhiêu loại?	**2. Thể.** - Là hiện thực hóa của loại, nhỏ hơn loại. - Căn cứ để phân chia đa dạng: Có khi dựa vào độ ngắn dài; đề tài; cấu trúc; tính chất mâu thuẫn; cảm hứng chủ đạo… - Có một thể loại tồn tại độc lập: Văn nghị luận (chính trị xã hội, văn hóa.) **<u>II. Thể loại thơ</u>** **1. Khái lược về thơ.** **a/ Đặc trưng của thơ.** - Là một thể loại văn học có phạm vi phổ biến rộng và sâu. - Thơ tác động đến người đọc bằng sự nhận thức cuộc sống, những liên tưởng, tưởng tượng phong phú, - Thơ ca là tấm gương phản chiếu tâm hồn, là tiếng nói của tình cảm con người, những rung động của trái tim trước cuộc đời. - Thơ chú trọng đến cái đẹp, phần thi vị của tâm hồn con người và cuộc sốn khách quan.

- **<u>Nhóm 3</u>**: Nêu yêu cầu chung khi đọc thơ? **-Trao đổi thảo luận nhóm.** **-Đại diện nhóm trình bày.** **-GV chuẩn xác kiến thức.**	- Cốt lõi cơ bản của thơ là trữ tình - Ngôn ngữ thơ cô đọng, hàm xúc, giàu nhịp điệu, hình ảnh sinh động, được tổ chức đặc biệt theo thể thơ. **b/ Phân loại thơ.** - Phân loại theo nội dung biểu hiện có: + Thơ trữ tình + Thơ tự sự + Thơ trào phúng - Phân loại theo cách thức tổ chức có: + Thơ cách luật. + Thơ tự do. + Thơ văn xuôi. **2. Yêu cầu về đọc thơ.** - Cần biết rõ tên bài thơ, tập thơ, tác giả, hoàn cảnh sáng tác... - Đọc kĩ văn bản, cảm nhận ý thơ qua từng dòng, từng câu, từng từ, từng hình ảnh, nhịp điệu… - Lí giải, đánh giá về nội dung và nghệ thuật
*** <u>Hoạt động 3: Tìm hiểu về thể</u>**	

loại truyện **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **-GV hướng dẫn HS đọc phần II.SGK** **-Định hướng nội dung.** - **Nhóm 1**: Nêu đặc trưng của truyện? Truyện khác với thơ tự sự trữ tình ở những điểm nào? Phân tích một ví dụ điển hình? - **Nhóm 2:** Truyện được phân thành bao nhiêu loại ? - **Nhóm 3**: Nêu yêu cầu chung khi đọc truyện? **-Trao đổi thảo luận nhóm.** **-Đại diện nhóm trình bày. GV chuẩn xác kiến thức.**	**III. Truyện.** **1. Khái lược về truyện.** **a/ Đặc trưng của truyện.** - Là thể loại văn học phản ánh đời sống trong tính khách quan của nó qua con người, hành vi, sự kiện được miêu tả và kể lại bởi một người nào đó. - Thường có cốt truyện. - Nhân vật. - Nhân vật được miêu tả chi tiết, sống động gắng vopiws hoàn cảnh. - Phạm vi miêu tả không bị hạn chế bởi thời gian và không gian. - Ngôn ngữ linh hoạt gần với đời sống. **b/ Phân loại truyện.** - Văn học dân gian: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích,.. - Văn học trung đại: có truyện viết bằng chữ Hán và chữ Nôm. - Văn học hiện đại: có truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài. **2. Yêu cầu đọc truyện.** - Tìm hiểu bối cảnh xã hội, hoàn cảnh

	sáng tác… - Phan tích diễn biến cốt truyện. - Phân tích nhân vật: ngoại hình, tính cánh, ngôn ngữ… - Xác định vấn đề của truyện đặt ra, ý nghĩa tư tưởng, giá trị của truyện trên các phương diện: nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ.
*** Hoạt động 4:** HS đọc ghi nhớ SGK.	**III.Tổng kết:** Ghi nhớ. SGK

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH: **-GV hướng dẫn HS làm bài tập SGK.** **Bài tập 1: Tổ chức HĐ nhóm** - **Nhóm 1**: Nghệ thuật tả cảnh, tả tình trong " Thu điếu" (Nguyễn Khuyến). - **Nhóm 2**: Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ trong " Thu điếu" (Nguyễn Khuyến) **-Trao đổi thảo luận nhóm trong 5 phút**	Gợi ý: - Một bức tranh thu cổ điển với thi đề, thi liệu quen thuộc. - Mùa thu trong "Câu cá mùa thu" là điển hình cho mùa thu của làng quê VN vùng đồng bằng Bắc Bộ. - Đường nét trong bức tranh thu thật mảnh mai, tinh tế. - Sự hòa phối màu sắc đã đạt đến độ tinh tế bậc thầy.

-Đại diện nhóm trình bày. **- GV chuẩn xác kiến thức.** **Bài tập 2**: Về nhà	- Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, diễn tả được những biểu hiện tinh tế của sự vật và của tâm trạng con người. Đặc biệt, vần *eo* được tác giả sử dụng thật tài tình, diễn tả một không gian vắng lặng và thu nhỏ dần. - Bút pháp nghệ thuật của thơ cổ điển (lấy động tả tĩnh). => Cảnh chan chứa tình và tình thấm đẫm trong cảnh là nét đặc trưng của mùa thu trong thơ Nguyễn Khuyến

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV nêu nhiệm vụ:** Phân loại các bài thơ đã học trong chương trình Ngữ văn 11 **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** **- GV nhận xét, đánh giá**	**Gợi ý:** - Theo nội dung biểu hiện: thơ trữ tình, thơ tự sự, thơ trào phúng - Theo cách tổ chức bài thơ: thơ cách luật, thơ tự do, thơ văn

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (Ở nhà)

+ Vẽ sơ đồ tư duy bài học

+ Lập bảng hệ thống các bài thơ, các truyện đã học trong HKI phần Ngữ văn 11

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 51. TT tiết dạy theo KHDH:

THỰC HÀNH VỀ SỬ DỤNG MỘT SỐ KIỂU CÂU TRONG VĂN BẢN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

Củng cố và nâng cao thêm những hiểu biết về cấu tạo và cách sử dụng của một số kiểu câu thường dùng trong văn bản tiếng Việt

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Năng lực thu thập thông tin liên quan đến một số kiểu câu trong văn bản: Kiểu câu bị động, kiểu câu có khởi ngữ, kiểu câu có trạng ngữ chỉ tình huống	**Đ1**
2	Đọc – hiểu văn bản để nhận diện được các kiểu câu trong văn bản	**Đ2**
3	Hiểu và phân tích được cấu tạo của một số kiểu câu trong văn bản.	**Đ3**
4	Hiểu và phân tích tác dụng liên kết ý của một số kiểu câu trong văn bản	**Đ4**
5	Phân loại được các kiểu câu trong bài với các kiểu câu tương tự khác	**Đ5**

6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc một số kiểu câu trong văn bản	**N1**
7	Biết lựa chọn kiểu câu thích hợp để diễn đạt khi viết một đoạn văn, bài văn.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Việt;luôn có ý thức cân nhắc, lựa chọn cách sử dụng kiểu câu trong văn bản	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

B. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (7 phút)	**Đ1, GQVĐ**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến một số kiểu câu trong văn bản	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1GT-HT,GQVĐ**	I. Dùng kiểu câu bị động II. Dùng kiểu câu có khởi ngữ III. Dùng kiểu câu có trạng ngữ chỉ tình huống. IV. Tổng kết về	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và

		việc sử dụng ba kiểu câu trong văn bản.	quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm cách sử dụng của một số kiểu câu trong văn bản	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp học

2. Bài mới

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. **Nội dung:** HS hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

- **GV giao nhiệm vụ**:

Câu 1: Điền từ vào dấu "...":

- ***Câu chủ động*** là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hướng vào người, vật khác.

- ***Câu bị động*** là câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hoạt động của vật, người khác hướng vào.

- ***Câu có khởi ngữ*** là câu có thành phần đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu

- ***Câu có trạng ngữ*** là câu có thành phần phụ được thêm vào để xác định thơi gian, nơi chốn, nguyên nhân diễn ra sự việc nêu trong câu.

Câu 2:Các câu sau đây thuộc kiểu câu gì?

a. Nhà chị bị giặc đốt nhiều lần;

b. Kẹo thì con không ăn

(Câu a: Kiểu câu bị động; b. Kiểu câu có khởi ngữ)

- **HS thực hiện nhiệm vụ:**

- **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**:

- **GV nhận xét và dẫn vào bài mới**: Ở các bài 21-22, chúng ta đã học bài Thêm trạng ngữ cho câu, bài 23-24 chúng ta đã học *Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động;* chương trình Ngữ văn lớp 7 ; Ngữ văn 9 có bài Khởi ngữ. Hôm nay, những nội dung này chúng ta sẽ tiếp tục thực hành.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: HĐ cá nhân, HĐ nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1: **DÙNG KIỂU CÂU BỊ ĐỘNG**	
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm với nhiệm vụ cụ thể: **+ Nhóm 1 - 2: BT1.** **+ Nhóm 3 - 4: BT2** **- HS thảo luận khoảng 5 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.**	**I. DÙNG KIỂU CÂU BỊ ĐỘNG:** **1. Bài tập1:** - Câu bị động: Mô hình chung của kiểu câu bị động: Đối tượng của hành động – động từ bị động (Bị, được, phải) - chủ thể của hành động – hành động. - Chuyển sang câu chủ động: Mô hình chung của kiểu câu chủ động: Chủ thể hành động – Hành động – đối tượng của hành động - Thay câu chủ động vào đoạn văn và Nhận xét: **2. Bài tập 2:** - Câu bị động: *Đời hắn chưa bao giờ được săn sóc bởi một bàn tay "đàn bà'.* -Tác dụng: Tạo sự liên kết ý với câu đi trước, nghĩa là tiếp tục đề tài nói về "hắn".
Hoạt động 2: DÙNG KIỂU CÂU CÓ KHỞI NGỮ	
<u>* Thao tác 1 :</u> Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm với nhiệm vụ cụ thể:** **+ Nhóm 1 - 2: BT1.**	**II.DÙNG KIỂU CÂU CÓ KHỞI NGỮ:** **1.Bài tập 1:** *a. Câu có khởi ngữ:* -K/N Khởi ngữ: là thành phần câu nêu lên đề tài của câu, là điểm xuất phát của điều thông báo trong câu -Đặc điểm: +Khởi ngữ luôn luôn đứng đầu +Khởi ngữ tách biệt với phần còn lại của câu bằng từ thì, hoặc từ là, hoặc quãng ngắt (dấu phẩy) +Trước khởi ngữ có thể có hư từ: còn, về,

+ Nhóm 3 - 4: BT3 **- HS thảo luận khoảng 5 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.**	đối với… *b. So sánh câu trên (Câu có khởi ngữ: "Hành thì nhà thị may lại còn") với câu tương đương về nghĩa nhưng không có khởi ngữ: "nhà thị may lại còn hành", ta thấy:* +Hai câu tương đương về nghĩa cơ bản: biểu hiện cùng một sự việc +Câu có khởi ngữ liên kết chặt chẽ hơn về ý với câu đi trước nhờ sự đối lập giữa các từ gạo và hành (Hai thứ cần thiết để nấu cháo hành). Vì thế viết như nhà văn Nam Cao là tối ưu. **2.Bài tập 3:** a.Câu thứ 2 có khởi ngữ: Tự tôi -Vị trí: Ở đầu câu, trước chủ ngữ. -Có quãng ngắt (dấu phẩy) sau khởi ngữ. -Tác dụng của khởi ngữ: Nêu một đề tài có quan hệ liên tưởng (giữa đồng bào – người nghe, và tôi – người nói) với điều đã nói trong câu trước (đồng bào – tôi) *b.Câu hai có khởi ngữ : Cảm giác, tình tự, đời sống cảm xúc.* -Vị trí: Ở đầu câu, trước chủ ngữ (ấy) -Có quãng ngắt (dấu phẩy) sau khởi ngữ -Tác dụng: Nêu một đề tài có quan hệ với điều đã nói trong câu đi trước (thể hiện thông tin đã biết từ câu đi trước): tình yêu ghét, niềm vui buồn, ý đẹp xấu (câu trước)→Cảm giác, tình tự, đời sống cảm xúc (khởi ngữ ở câu sau). **3. BT2. Lựa chọn câu C vì:** Câu A chuyển đề tài, không duy trì đối tượng "tôi". Câu B là câu bị động tạo cảm giác nặng nề. Câu D không giữ được nguyên vă lời nhận xét của mấy anh bộ đội.
- BT2: HĐ cá nhân	
Họat động 3: DÙNG KIỂU CÂU CÓ TRẠNG NGỮ CHỈ TÌNH HUỐNG	
*** Thao tác 1 :**	**III.DÙNG KIỂU CÂU CÓ TRẠNG NGỮ CHỈ TÌNH HUỐNG:**

*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm với nhiệm vụ cụ thể:** **+ Nhóm 1 - 2: BT1.** **+ Nhóm 3 - 4: BT3** **- HS thảo luận khoảng 5 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.**	**1.Bài tập 1:** a.Phần in đậm nằm ở vị trí đầu câu. b. Phần in đậm có cấu tạo là cụm động từ. c.Chuyển: *Bà già kia thấy thị hỏi, bật cười.* Nhận xét: Sau khi chuyển, câu có hai vị ngữ, hai vị ngữ đó cùng có cấu tạo là các cụm động từ, cùng biểu hiện hoạt động của một chủ thể là Bà già kia . Nhưng viết theo kiểu câu có cụm động từ ở trướcchủ ngữ thì câu nối tiếp về ý rõ ràng hơn với câu trước đó. **2.Bài tập 3:** a.Trạng ngữ: b.Đây là câu đầu văn bản nên tác dụng của trạng ngữ này không phải là liên kết văn bản, cũng không phai là thể hiện thông tin đã biết, mà là phân biệt tin thứ yếu (thể hiện ở phần phụ đầu câu) với tin quan trọng (thể hiện ở phần vị ngữ chính của câu: quay lại hỏi thầy thơ lại giúp việc) **3.Bài tập 2:** Ở vị trí trống trong đoạn văn, tác giả đã lựa chọn câu ở phương án C (Nghe tiếng An, Liên đứng dậy trả lời), nghĩa là lựa chọn kiểu câu có trạng ngữ chỉ tình huống mà không chọn các kiểu câu khác vì: -Kiểu câu ở phương án A (Có trạng ngữ chỉ thời gian khi) Nếu viết theo phương án này thì sự việc ở câu này và câu trước đó như xa nhau, cách một quãng thời gian. - Kiểu câu ở phương án B (Câu có ha vế đều có đủ chủ ngữ và vị ngữ). Kiểu câu này lặp lại chủ ngữ (Liên) không cần thiết, gây cho câu văn ấn tượng nặng nề. -Kiểu câu ở phương án D (Câu có 1 chủ ngữ và 2 vị ngữ). Kiểu câu này không tạo được mạch liên kết ý chặt chẽ với câu trước.
Hoạt động 4: TỔNG KẾT	
*** Thao tác 1 :** **- GV yêu cầu HS tổng kết về việc sử dụng ba kiểu câu trong**	**IV.TỔNG KẾT VỀ VIỆC SỬ DỤNG BA KIỂU CÂU TRONG VĂN BẢN:** -Thành phần chủ ngữ trong kiểu câu bị động, thành phần khởi ngữ và thành phần trạng ngữ chỉ tình huống đều chiếm vị trí đầu câu.

văn bản. **- HS Tái hiện kiến thức và trình bày (HĐ cá nhân)** **- GV nhận xét, tổng kết.**	-Các thành phần kể trên thường thể hiện một nội dung dễ dàng liên tưởng từ những điều đã biết ở những câu đi trước, hoặc một thông tin không quan trọng. -Vì vậy, việc sử dụng những kiểu câu bị động, câu có thành phần khởi ngữ, câu có trạng ngữ chỉ tình huống có tác dụng liên kết ý, tạo mạch lạc trong văn bản.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ4, Đ5, GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
GV giao nhiệm vụ: **Xác định thành phần phụ và thành phần chính trong những câu sau:** **1/** *Ngày xưa, trên bến sông quê, vào các buổi chiều mùa hè, chúng tôi thường tổ chức những cuộc thi vượt sông cực kì sôi động và thú vị.* *2/Cuộc đời của anh, cho đến hôm nay, vẫn là một bài học về lòng nhân ái và đức hi sinh* **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** **- GV nhận xét.**	**Câu 1/** - **Thành phần phụ (trạng ngữ):** *Ngày xưa, trên bến sông quê, vào các buổi chiều mùa hè,* ***- Thành phần chính: chủ ngữ: chúng tôi; vị ngữ:*** *thường tổ chức những cuộc thi vượt sông cực kì sôi động và thú vị.* **Câu 2/** **- Thành phần phụ (trạng ngữ):** *cho đến hôm nay* ***- Thành phần chính: chủ ngữ:*** *Cuộc đời của anh**; vị ngữ:*** *vẫn là một bài học về lòng nhân ái và đức hi sinh*

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1, GQVĐ

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **-GV giao nhiệm vụ:** Viết đoạn văn phân tích *bệnh Đam Thiềm* qua đoạn trích bi kịch Vũ Như Tô (trong đó có sử dụng kiểu câu bị động và câu có khởi ngữ **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.** **- Nhận xét.**	- Nội dung: Phân tích bệnh Đan Thiềm - Hình thức: có dùng câu bị động và câu có khởi ngữ.

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Đ5, GQVĐ

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Đoạn văn sưu tầm của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV - HS	Dự kiến sản phẩm
GV giao nhiệm vụ: - Sưu tầm những câu thơ, câu văn (trong văn xuôi) đã học Ngữ Văn 11 HKI có sử dụng kiểu câu bị động và câu có khởi ngữ. Nêu hiệu quả nghệ thuật của những câu đó. **-HS thực hiện nhiệm vụ:**	- **Đọc lại tất cả văn bản đã học. Chọn những câu có** sử dụng kiểu câu bị động và câu có khởi ngữ. - **Nêu hiệu quả nghệ thuật (căn cứ vào văn cảnh)**

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (vào tiết sau)	

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 52 – 53 - 54: TT tiết dạy theo KHDH

VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI

(Trích kịch: *Vũ Như Tô* - Nguyễn Huy Tưởng)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Hiểu và phân tích được xung đột kịch, tính cách, diễn biến tâm trạng và bi kịch của Vũ Như Tô và Đan Thiềm trong đoạn trích *"Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài"*

- Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật đoạn trích.

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến Nguyễn Huy Tưởng	**Đ1**
2	+ Phân tích được các xung đột kịch và vai trò của các mâu thuẫn, xung đột kịch trong đoạn trích.	**Đ2**
3	+ Hiểu và phân tích được tính cách, diễn biến tâm trạng và bi kịch của các nhân vật chính trong vở kịch.	**Đ3**

4	+ Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật của một vở kịch nói chung và đoạn trích nói riêng.	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của vở kịch.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Giáo dục cho HS hiểu đúng về cái đẹp và biết yêu cái đẹp	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (15phút)	**Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thể loại kịch, tác giả Nguyễn Huy Tưởng và đoạn trích.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1,**	I.Tìm hiểu chung. 1. Tác giả	Đàm thoại gợi mở; Dạy	Đánh giá qua

kiến thức (90 phút)	**GT-HT,GQVĐ**	2. Vở kịch *"Vũ Như Tô"* 3. Đoạn trích "Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài" II. Đọc hiểu văn bản. 1. Những mâu thuẫn, xung đột kịch 2. Nhân vật Vũ Như Tô. 3. Nhân vật Đan Thiềm III. Tổng kết	học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (10 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (10 phút)	**Đ5, V1**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: *(Kết hợp trong quá trình dạy bài mới)*

2. Bài mới

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

*** Trò chơi "Mảnh ghép bí ẩn"**

- GV trình chiếu 4 miếng ghép, ẩn chứa 4 bức tranh. HS quan sát bức tranh và đoán tên các vở kịch đã học trong chương trình trung học cơ sở (*Bắc sơn, Quan âm thị kính, Ông Giuốc - đanh mặc lễ phục, Tôi và chúng ta*)

GV đưa ra câu hỏi: Có thể khái quát một vài ý về các tác phẩm kịch đó?

- **HS thực hiện nhiệm vụ:**

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Nguyễn Huy Tưởng cùng thế hệ với Nam Cao, Tô Hoài nhưng có thiên hướng khai thác các đề tài lịch sử và rất thành công trong hai thể loại kịch lịch sử và tiểu thuyết lịch sử như: Đêm hội Long Trì; An Tư; Lá cờ thêu sáu chữ vàng; Sống mãi với thủ đô...Vũ Như Tô là vở kịch đầu tay- bi kịch lịch sử có giá trị nhất của ông. .

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, HĐ nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiên sản phẩm
Hoạt động 1 : Hướng dẫn HS tìm hiểu khái quát.	
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** *** GV yêu cầu HS đọc tiểu dẫn và trả lời câu hỏi :** (?) Phần tiểu dẫn trình bày những nội dung chính nào ? (?) Nêu vài nét về tác giả ?	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả.** - Nguyễn Huy Tưởng (1912 - 1960) - Quê : Làng Dục Tú, Từ Sơn, Bắc Ninh, nay thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội. - Là nhà văn có thiên hướng khai thác về đề tài lịch sử và có nhiều đóng góp về thể loại tiểu thuyết và kịch. - Các tác phẩm chính : + Tiểu thuyết: *Đêm hội Long Trì* (1942); *An Tư công chúa* (1944); *Truyện Anh Lục* (1955); *Bốn năm sau* (1959); *Sống mãi với Thủ Đô* (1961); *Lá cờ thêu sáu chữ vàng về Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản* + Kịch: *Vũ Như Tô* (1943); *Cột đồng*

(?) Nêu vài nét về vở kịch « Vũ Như Tô » ?	*Mã Viện* (1944); *Bắc Sơn* (công diễn 6 tháng 4 1946); *Những người ở lại* (1948); *Anh Sơ đầu quân* (tập kịch, 1949); *Lũy hoa* (1960) - Văn phong Nguyễn Huy Tưởng giản dị, đôn hậu mà thâm trầm sâu sắc. **2. Tác phẩm kịch: *Vũ Như Tô*** **a. Thể loại :** bi kịch lịch sử **b. Hoàn cảnh sáng tác**
(?) Tóm tắt nội dung tác phẩm ?	- Kịch Vũ Như Tô được sáng tác từ sự kiện lịch sử có thật xảy ra ở Thăng Long các năm 1516 – 1517, dưới triều Lê Tương Dực - Vở kịch viết xong vào hè 1941, ban đầu có ba hồi, sau tác giả viết tiếp thành năm hồi **c. Tóm tắt tác phẩm : (SGK)**
(?) Nêu vị trí đoạn trích "*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*" ? **- HS đọc tiểu dẫn và suy nghĩ trả lời.** **- HS trả lời cá nhân.** **- GV nhận xét, chốt kiến thức** ***GV hướng dẫn HS đọc phân vai.** ***HS đọc phân vai theo hướng dẫn của GV.**	**3. Đoạn trích: "*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*".** - Xuất xứ : Đoạn trích thuộc hồi V, hồi cuối cùng của tác phẩm « Vũ Như Tô ». - Đọc đoạn trích.
Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc - hiểu chi tiết	
Thao tác 1 : Tìm hiểu những mâu thuẫn- xung đột cơ bản của vở kịch.	**II. Đọc - hiểu chi tiết**

*** GV nêu vấn đề :** Theo em , vở kịch Vũ Như Tô được xây dựng trên cơ sở những mâu thuẫn, xung đột cơ bản nào ?

- HS suy nghĩ, trả lời

- GV nhận xét, chốt kiến thức

*** GV định hướng HS tìm hiểu 2 mâu thuẫn lớn trong vở kịch, phân công nhiệm vụ thảo luận :**

*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**

- Giáo viên giao nhiệm vụ: 4 nhóm

- Nhóm 1, 2: Phân tích, chỉ ra những biểu hiện của mâu thuẫn giữa nhân dân lao động với hôn quân bạo chúa và phe cánh của chúng?

- Nhóm 3, 4 : Phân tích, chỉ ra những biểu hiện của mâu thuẫn cơ bản giữa quan niệm nghệ thuật cao siêu với lợi ích trực tiếp của nhân dân?

- HS thảo luận khoảng 5phút

- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.

- Các nhóm khác nhận xét chéo.

- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.

1. Những mâu thuẫn- xung đột cơ bản của vở kịch.

- Mâu thuẫn thứ nhất:

Nhân dân lao động	Bạo chúa và phe cánh
- Lầm than, làm việc cật lực, bị ăn chặn ->nghèo đói. - Chết vì tai nạn, chết vì bị chém. - Mất mùa-> nổi loạn	- Bắt xây Cửu Trùng Đài để làm nơi hưởng lạc, sống xa hoa. - Tăng sưu thuế, tróc nã, hành hạ người chống đối. - Lôi kéo thợ làm phản. → Trịnh Duy Sản cầm đầu phe nổi loạn chống triều đình: Giết Lê Tương Dực, Vũ Như Tô, Đan Thiềm, cung nữ, thiêu hủy Cửu Trùng Đài.

- Mâu thuẫn thứ hai:

Quan niệm nghệ thuật thuần túy, cao siêu muôn đời >< Lợi ích thiết thực, trực tiếp của nhân dân.

+ Vũ Như Tô - Kiến trúc sư - nghệ sĩ: Tâm huyết, hoài bão, muốn đem lại cái đẹp cho muôn đời.

+ Mượn uy quyền, tiền bạc của vua để

	thực hiện hoài bão lớn lao: → mục đích chân chính >< con đường thực hiện mục đích sai lầm. → Đẩy Vũ Như Tô vào tình trạng đối nghịch với nhân dân - kẻ thù của nhân dân, nhất là những người thợ. Bi kịch : Muốn thực hiện được lí tưởng nghệ thuật thì đi ngược lại quyền lợi trực tiếp của nhân dân ; nếu xuất phát từ lợi ích của nhân dân thì không thể thực hiện được lí tưởng nghệ thuật cao cả của người nghệ sĩ. → Bi kịch không lối thoát của nghệ sĩ thiên tài Vũ Như Tô.
Thao tác 2 : Tìm hiểu nhân vật Vũ Như Tô. *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ: 4 nhóm** - **Nhóm 1**. Vũ Như Tô là con người có tính cách như thế nào? - **Nhóm 2:** Điều sai lầm của Vũ Như Tô ở chỗ nào? - **Nhóm 3** : Vì sao Vũ Như Tô cương quyết không nghe lời Đan Thiềm chạy trốn? - **Nhóm 4** : Lý do nào khiến Vũ Như Tô trở thành kẻ thù của nhân dân? **- HS thảo luận khoảng 5phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.**	**b. Nhân vật Vũ Như Tô.** - Là một kiến trúc sư tài ba *"ngàn năm chưa dễ có một": "Chỉ vẩy bút là chim, hoa đã hiện lên trên mảnh lụa thần tình biến hoá như cảnh hoá công, có thể sai khiến gạch đá như viên tướng cầm quân, có thể xây dựng lâu đài cao cả, nóc vờn mây mà không hề tính sai một viên gạch nhỏ".* - Nhân cách cao cả, hoài bão lớn lao, nghệ sĩ chân chính, gắn bó với nhân dân, không khuất phục trước uy quyền, kiên quyết không chịu nhận xây lâu đài cho vua Lê Trương Dực. - Không hám lợi, chia hết vàng bạc vua thưởng cho thợ. - Khát khao suốt đời là xây được một tòa lâu đài nguy nga tráng lệ, bền vững muôn đời, để dân ta nghìn thu hãnh diện.

	→ Lí tưởng chân chính, cao đẹp nhưng cao siêu xa rời đời sống nhân dân lao động. → Vũ Như Tô không nhận ra một thực tế: Cửu Trùng Đài xây bằng mồ hôi, nước mắt, xương máu của nhân dân. - Ông nhất mực cho rằng mình không có tội mà chỉ có công. Luôn tin vào việc làm chính đại quang minh của mình, và hi vọng sẽ thuyết phục được An Hòa hầu. - Khát vọng, đam mê sáng tạo nghệ thuật của ông xuất phát từ thiên chức của nghệ sĩ chân chính, nhưng chưa đúng vì đặt nhầm chỗ, vì xa rời thực tiễn, vì lợi dụng giai cấp cầm quyền tàn bạo để thực hiện mục đích chân chính của mình. → Vô hình chung tự đưa ông sang hàng ngũ kẻ thù của nhân dân - ông thất bại - trả giá bằng chính sinh mạng của mình. => Vũ Như Tô - nhân vật bi kịch lịch sử, mang khát vọng lớn, cao cả nhưng lầm lạc trong suy nghĩ và hành động. Chỉ thực sự bừng tỉnh khi biết chính An Hòa ra lệnh đập phá, đốt Cửu Trùng Đài.
Thao tác 3 : Tìm hiểu nhân vật Đan Thiềm *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ: 4 nhóm** - <u>Nhóm 1</u> : Đan Thiềm là người như thế nào? Đan Thiềm có phải là một	**c. Nhân vật Đan Thiềm.** - Dưới con mắt của Vũ Như Tô thì Đan Thiềm là tri kỷ, tri âm duy nhất ở triều đình.(Vũ mê cái đẹp, Đan Thiềm mê cái tài) .

người cung nữ tầm thường trong mắt của Vũ Như Tô không ? - Nhóm 2 : Em hiểu *bệnh Đan Thiềm* là gì ? Quan hệ giữa VNT và Đan Thiềm là quan hệ hệ gì ? - Nhóm 3 : Tại sao trong hồi 5 này, Đan Thiềm một mực khuyên VNT trốn , trong khi trước kia nàng khuyên VNT ở lại kinh thành xây Cửu Trùng Đài ? (Có đến 20 lần Đan Thiềm khuyên VNT trốn. Cả 2 lời khuyên này đều "có ý nghĩa" duy nhất : bảo vệ cái tài, cái đẹp. "Khi trước trốn đi thì ông nguy, bây giờ trốn đi thì ông thoát chết"). - Nhóm 4 : Em thấy nhân vật Đan Thiềm có nét gần gũi với nhân vật nào có tấm lòng « *biệt nhỡn liên tài* » trong tác phẩm mà em đã học ? **- HS thảo luận khoảng 5phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.** **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức.**	- Luôn động viên, khích lệ, giúp đỡ Vũ Như Tô xây đài, bảo vệ đài. - Là con người luôn tỉnh táo: Biết chắc Đài không thành, tìm cách bảo vệ an toàn tính mạng cho Vũ Như Tô, khuyên Vũ bỏ trốn. - Sẵn sàng đổi mạng sống của mình cứu Vũ. Đau đớn khi không thể cứu được người tài. - *Bệnh Đam Thiềm*: Bệnh mê đắm cái đẹp, cái tài. Có tấm lòng *biệt nhỡn liên tài* → Thuyết phục Vũ Như Tô mượn tay Lê Tương Dực để xây Cửu Trùng Đài. => Sống chết hết mình vì cái, cái đẹp
Hoạt động 3 : Tổng kết	
- GV nêu câu hỏi : (?) Nêu đặc sắc nội dung và nghệ thuật của đoạn trích ?	**III. Tổng kết** **1. Nội dung** Đoạn trích « *Vĩnh biệt Cửu Trùng*

- HS suy nghĩ. **- HS trả lời cá nhân.** **- GV chuẩn kiến thức.**	*Đài* » đặt ra vấn đề có ý nghĩa muôn thuở về cái đẹp, và mối quan hệ giữa nghệ sĩ và nhân dân, đồng thời tác giả bày tỏ niềm cảm thông, trân trọng đối với nghệ sĩ tài năng, giàu khát vọng nhưng lại rơi vào bi kịch. **2. Nghệ thuật** - Ngôn ngữ tập trung phát triển cao, hành động dồn dập đầy kịch tính. - Ngôn ngữ cao đẹp có sự tổng kết cao, nhịp điệu lời thoại nhanh. - Tính cách tâm trtangj nhân vật bộc lộ rõ nét qua ngôn ngữ hành động. - Các lớp kịch được chuyển tự nhiên, linh hoạt liền mạch.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Đ4, Đ5, GQVĐ

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

HĐ CỦA GV và HS	Dự kiến sản phẩm

GV ra bài tập : Bài tập phần Luyện tập (sgk, tr.193) **- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả.** **- GV nhận xét, chữa bài.**	Có thể tham khảo một số ý sau: - Thể hiện bi kịch người nghệ sĩ Vũ Như Tô. - Sự băn khoăn đúng sai trong cái chết của Vũ Như Tô. - Mâu thuẫn giữa nghệ thuật cao siêu vĩ đại và lợi ích của nhân dân. - Nhận định của tác giả khi viết vở kịch, khẳng định niềm say mê nghệ thuật giống như Đan Thiềm.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1, GQVĐ**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm của HĐ

HĐ CỦA GV và HS	Dự kiến sản phẩm
GV ra bài tập : + Viết đoạn văn ngắn (10 đến 12 câu) bày tỏ suy nghĩ về *mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống.* **- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả.** **- GV nhận xét, chữa bài.**	Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu : -Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ; -Nội dung: + Nghệ thuật và đời sống luôn có mối quan hệ khăng khít với nhau. Nghệ thuật chân chính phải bắt nguồn từ đời sống, là tấm gương phản ánh đời sống bởi "Văn học là nhân học". Nghệ thuật xa rời cuộc sống, nghệ thuật vị nghệ thuật thì có thể đem lại bi kịch cho người nghệ sĩ. + Người nghệ sĩ cần nhận thức được mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống để cân bằng chúng trong tác phẩm của mình.

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a.Mục tiêu: Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: HĐ cá nhân

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Kết quả sưu tầm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và dự kiến sản phẩm hoạt động:

HĐ CỦA GV và HS	Dự kiến sản phẩm
GV ra bài tập : + Vẽ sơ đồ tư duy bài học. **+** Tìm đọc các tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng và các tài liệu liên quan đến những vấn đề chính của bài học.	**+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy** **+ Tài liệu sưu tầm của HS**

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 11

- Tài liệu trên internet

V. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 55 - 56: TT tiết dạy theo KHDH

TÌNH YÊU VÀ THÙ HẬN.

(Trích *Rô-mê-ô và Giu-li-et*)

- Sếch –xpia -

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

-Tình yêu chân chính và mãnh liệt của tuổi trẻ vượt lên thù hận dòng tộc;

- Hiểu được diễn biến tâm trạng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến U.Sếch-xpia.	**Đ1**
2	+ Phân tích được các xung đột kịch và vai trò của các mâu thuẫn, xung đột kịch trong đoạn trích.	**Đ2**
3	+ Hiểu và phân tích được tính cách, diễn biến tâm trạng và bi kịch của các nhân vật chính trong vở kịch.	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật của một vở kịch nói chung và đoạn trích nói riêng.	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của vở kịch.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Giáo dục cho HS hiểu đúng về cái đẹp và biết yêu cái đẹp	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10phút)	**Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thể loại kịch, tác giả U.Sếch-xpia và đoạn trích *Tình yêu và thù hận*	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I.Tìm hiểu chung. 1. Tác giả 2. Vở kịch *"Rô-mê-ô và Giu-li-ét"* 3. Đoạn trích II. Đọc hiểu văn bản. 1. Nội dung 2. Nghệ thuật III. Tổng kết	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (05 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua

		tác phẩm.		trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (05 phút)	**Đ5, V1**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: *(Kết hợp trong quá trình dạy bài mới)*

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

***CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**

- GV trình chiếu một đoạn phim Video ROMEO VÀ JULIET.

- GV yêu cầu 2 HS tạo thành 1 cặp, quay mặt vào nhau để nêu cảm nhận về trích đoạn vừa xem.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV dẫn vào bài :

Thời đại Phục hưng ở Châu Âu là thời đại *"khổng lồ đẻ ra những con người khổng lồ về tư tưởng, văn hoá nghệ thuật, khoa học.*.". U. Sếch- xpia- nhà viết kịch vĩ đại là tên

tuổi tiêu biểu nhất. Chúng ta sẽ phần nào thấy được thiên tài Sếch – xpia qua đoạn trích « Tình yêu và thù hận »

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

(HS nắm được:

+Tình yêu chân chính và mãnh liệt của tuổi trẻ vượt lên thù hận dòng tộc;

+Hiểu được diễn biến tâm trạng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại)

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 1:Hướng dẫn tìm hiểu chung **Thao tác 1: Tìm hiểu tác giả** *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **+ GV gọi HS đọc phần *Tiểu dẫn* (SGK/Tr 197) và yêu cầu HS nêu những nét chính về tác giả Sếch-xpia.** **+ HS đọc SGK, suy nghĩ, lựa chọn những chi tiết tiêu biểu và trả lời.** **+ GV nhận xét, chốt kiên thức.** **Thao tác 2: Tìm hiểu văn bản**	**A. Tìm hiểu chung:** **1. Tác giả:** Sếch-xpia (1564-1616) - Nhà thơ, nhà viết kịch thiên tài của nước Anh và của nhân loại thời Phục hưng. - Có 37 tác phẩm gồm hài kịch, bi kịch, chính kịch bằng thơ xen văn xuôi, mà phần lớn là kiệt tác của nhân loại. Tp của ông là tiếng nói của lương tri tiến bộ, của khát vọng tự do, của lòng nhân ái bao la và của niềm tin bất diệt vào khả năng hướng thiện và khả năng vươn dậy để khẳng định cuộc sống của con người. **2. Tác phẩm Rô-mê-ô và Giu-li-ét**

tác phẩm **+ GV đặt câu hỏi: Dựa vào phần *Tiểu dẫn* (SGK/3) em hãy cho biết :** (?) Vài nét về tác phẩm *Rô-mê-ô và Giu-li-ét?* GV hướng dẫn học sinh tóm tắt nội dung tác phẩm. (?) Vị trí của đoạn trích *Tình yêu và thù hận?* **-GV hướng dẫn HS phân vai đọc đoạn trích. Yêu cầu đọc phải đúng giọng, diễn cảm và biểu cảm.**	* Tóm tắt(sgk) * Mâu thuẫn cơ bản của vở kịch: khát vọng yêu thương và hoàn cảnh thù địch vây hãm - Chủ đề: tình yêu và lòng chung thuỷ chiến thắng oán thù. **3. Đoạn trích:** Vị trí của đoạn trích: thuộc cảnh 2 hồi 2. Trong đêm hội hoá trang, Rô-mê-ô gặp Giu-li-ét và hai người đã yêu nhau say đắm…
<u>Hoạt động 2</u> : <u>Hướng dẫn HS tìm hiểu chi tiết.</u> ***<u>Thao tác 1:</u> Tìm hiểu nội dung đoạn trích** GV định hướng HS tìm hiểu nội dung đoạn trích: (?) *Đoạn trích có mười sáu lời thoại. Sáu lời thoại đầu có gì khác biệt với những lời thoại sau? Hình thức các lời thoại đó*	**<u>B. ĐỌC- HIỂU CHI TIẾT</u>** **I. Nội dung:** **1. Hình thức các lời thoại.** ** 6 lời thoại đầu*: Về hình thức là những lời thoại của từng người. Họ nói về nhau chứ không nói với nhau-> lời độc thoại nội tâm bày tỏ nỗi lòng suy nghĩ của nhân vật. - Lời độc thoại nội tâm: bày tỏ thành thật, không cần giấu diếm, chứa đựng cảm xúc

là gì? **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **-HS trao đổi, thảo luận theo cặp trong bàn.** **-GV gọi đại diện một số cặp trả lời.** **-GV chuẩn xác kiến thức** **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **-GV định hướng nội dung.** ❖ **<u>Nhóm1:</u>** - Tìm những cụm từ chứng minh tình yêu của Rô-mê-ô và giu-li-ét diễn ra trong bối cảnh hai dòng họ thù địch? - Nỗi ám ảnh hận thù xuất hiện ở ai nhiều hơn? Vì sao? Cả hai đều nhắc đến hận thù trong khi tỏ tình để làm gì? ❖ **<u>Nhóm 2</u>:** - Lời đối thoại, độc thoại nội tâm của Rô-mê-ô và Giu-li-ét diến ra trong bối cảnh thời gian,không gian như thế nào? - Phân tích diễn biến tâm trạng	chân thành, đằm thắm. - Độc thoại có hàm chứa đối thoại: làm cho lời độc thoại thêm sinh động, nhiều màu sắc. ** 10 lời thoại sau*: là lời đối thoại thông thường. **2. Tình yêu trên nền thù hận.** - Sự thù hận của hai dòng họ cứ ám ảnh cả hai người trong suốt cuộc gặp gỡ + Rô-mê-ô: *Tôi thù ghét cái tên tôi... Chẳng phải Rô-mê-ô cũng chẳng phải Môn-ta-ghiu... Tù nay tôi sẽ không bao giờ còn là Rô- mê- ô nữa...* + Giu-li-ét: *Chàng hãy khước từ cha chàng và từ chối dòng họ của chàng đi, Chỉ có tên họ chàng là thù địch của em thôi . Nơi tử địa..họ mà bắt gặp anh..* - Nỗi ám ảnh thù hận xuất hiện ở Giu-li-ét nhiều hơn. Nàng lo lắng day dứt không chỉ cho mình mà còn cả người yêu. - Thái độ Rô-mê-ô quyết liệt hơn, chàng sẵn

của Rô-mê-ô trong đoạn trích (đặc biệt qua lời thoại đầu tiên) ❖ **<u>Nhóm 3:</u>** Phân tích diễn biến tâm trạng của Giu-li-ét? (Đặc biệt qua lời thoại "*Chỉ có tên họ ...)* GV yêu cầu HS đi sâu vào các lời thoại để phân tích. ❖ **<u>Nhóm 4:</u>**Chứng minh rằng " *tình yêu và thù hận*" đã được giải quyết xong trong mười sáu lời thoại này **-HS trao đổi thảo luận nhóm.** **-Đại diện nhóm trình bày.** **-GV chuẩn kiến thức.**	sàng từ bỏ dòng họ mình để đến với tình yêu. Cái chàng sợ là không có được, không chiếm được tình yêu của Giu- li- ét, sợ nàng nhìn mình bằng ánh mắt của sự thù hận ... => Cả hai đều nhắc đến thù hận song không phải để khơi dậy hay khoét sâu hận thù mà chỉ để vượt lên thù hận, bất chấp thù hận -> Quyết tâm xây đắp tình yêu. **3. Tâm trạng của Rô-mê-ô.** - Đêm khuya, trăng sáng. Màn đêm thanh vắng với vầng trăng trên trời cao tạo chiều sâu cho sự bộc lộ tình cảm của đôi tình nhân-> Thiên nhiên được nhìn qua các điểm nhìn của chàng trai đang yêu do đó thiên nhiên là thiên nhiên hoà đồng, chở che, trân trọng. - Trăng trở thành đối tượng để Rô-mê-ô so sánh với vẻ đẹp không sánh được của Giu- li-ét.: + "Vừng dương" lúc bình minh + Sự xuất hiện của "vừng dương" khiến "ả Hằng Nga" trở nên "héo hon", nhợt nhạt... + "Nàng Giu-li-ét là mặt trời" - Mạch suy nghĩ của Rô-mê-ô hướng vào đôi mắt: "Đôi mắt nàng lên tiếng". Đôi môi lấp lánh của Giu-li-ét cảm nhận như sự mấp máy

	của làn môi khi nói-> liên tưởng. - "Hai ngôi sao đẹp nhất trên bầu trời"-> so sánh được đẩy lên cấp độ cao hơn bằng sự tự vấn "Nếu mắt nàng...thế nào nhỉ?" -> khẳng định vẻ đẹp của đôi mắt, của các nét đẹp trên khuôn mặt...-> khát vọng yêu đương hết sức mãnh liệt "Kìa! Nàng tì má...gò má ấy!" - Cảm xúc của Rô-mê-ô là cảm xúc của một con người đang yêu và đang được tình yêu đáp lại, đây cũng là sự cộng hưởng kì lạ của những tâm hồn đang yêu... **4. Tâm trạng của Giu-li-ét** - Qua lời độc thoại nội tâm: + Vừa gặp Rô-mê-ô, trở về phòng đứng bên cửa sổ thổ lộ nỗi lòng của mình " *Chàng hãy khước từ…hãy thề yêu em đi" "chỉ có tên họ chàng là thù địch của em thôi*"-> Tình yêu mãnh liệt không chút che dấu, không chút ngượng ngùng, suy nghĩ chín chắn, cảm nhận được mối tình có thể sẻ trở ngại bởi sự thù hận của hai dòng họ. - Qua lời đối thoại với Rô-mê-ô. *+ Anh tới đây bằng cách nào và tới đây làm gì?* Câu hỏi để giải toả băn khoăn vì chưa thật tin vào tình yêu mới bất ngờ của chàng.

	+ *Anh làm cách nào tới được chốn này..người nhà em bắt gặp nơi đây*. Câu hỏi hướng tới Rô-mê-ô cũng là để thể hiện nỗi lo lắng giằng xé tâm can Giu-li-ét. Liệu tình yêu của Rô-mê-ô có đủ sức mạnh để vượt qua bức tường rào hữu hình ở gia đình Ca-pu-lét hay không? Tình yêu của chàng có đủ sức mạnh vượt qua bức tường thù hận ở hai gia đình hay không? + *Em chẳng đời nào muốn họ bắt gặp anh nơi đây* tế nhị chấp nhận tình yêu của Rô-mê-ô, trái tim nàng đã hoàn toàn hướng về Rô-mê-ô. => Qua ngôn ngữ sống động và đầy chất thơ nhà văn đã thể hiện được diễn biến nội tâm đầy phức tạp nhưng phù hợp với tâm trạng của người đang yêu. Thể hiện một tình yêu mãnh liệt trong trắng vượt lên trên sự hận thù truyền kiếp của hai dòng họ. ***5. Tình yêu bất chấp thù hận.*** - Thù hận không xuất hiện như một thế lực cản trở tình yêu mà thù hận chỉ hiện qua dòng suy nghĩ của các nhân vật, song không phải là động lực chi phối hành động của nhân vật. - Tình yêu trong sáng diễn ra trên cái nền của thù hận. thù hận bị đẩy lùi chỉ còn lại tình đời tình người bao la, phù hợp với lí tưởng nhân
***Thao tác 2: Tìm hiểu nghệ**	

thuật đoạn trích GV định hướng nội dung: (?) *Em có nhận xét gì về ngôn ngữ được tác giả sử dụng ở đây?* *Những diễn biến nội tâm của Giu-li-ét nói lên tài năng gì của nhà văn?* **HS trao đổi theo bàn. HS trả lời** **GV chuẩn xác kiến thức.** **<u>Hoạt động 3</u>: <u>Tổng kết</u>** HS đọc Ghi nhớ: SGK/ Tr 201	văn. **II. Nghệ thuật:** - Miêu tả diễn tâm lí và diễn biến tâm lí nhân vật. - Ngôn ngữ độc thoại và đối thoại thể hiện sự phát triển của xung đột nhân vật. Khẳng định vẻ đẹp của tình người, tình đời theo lí tưởng của chủ nghĩa nhân văn thông qua sự chiến thắng của tình yêu chan chính và mãnh liệt đối với những thù hận dòng tộc. **<u>III. Tổng kết.</u>**

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**

b. Nội dung: HS đóng vai theo nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

? HS nhập vai để diễn lại trích đoạn kịch.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
GV giao nhiệm vụ: Việc giải quyết vấn đề tình yêu và thù hận thể hiện như thế nào qua đoạn trích? - **HS thực hiện nhiệm vụ:** - **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** **- GV nhận xét, đánh giá**	Việc giải quyết vấn đề tình yêu và thù hận: -Vấn đề thù hận dòng họ : thái độ của Rô-mê-ô rất kiên quyết. Ba trên năm lời đối thoại của Rô-mê-ô thể hiện thái độ dứt khoát của chàng trong việc giải quyết dứt điểm vấn đề thù hận : Tôi sẽ thay đổi tên họ ; sẽ xé nát cái tên đó vì nó là kẻ thù của em ; chẳng phải Rô-mê-ô cũng chẳng phải Môn-ta-ghiu, nếu em không ưa tên họ đó. -Tình yêu có sức mạnh to lớn, có thể vượt qua được hận thù thể hiện trong lời thoại thứ 13 và 15 trong đoạn trích. Các câu như cái gì tình yêu có thể làm là tình yêu dám làm ; em hãy nhìn tôi âu yếm là tôi chẳng ngại gì lòng thù hận của dòng họ nữa đâu thể hiện ý chí vượt qua tất cả để đến với tình yêu của Rô-mê-ô. -Như vậy, có thể nói vấn đề tình yêu và thù hận đã được giải quyết dứt khoát qua 16 lời thoại, và trên tinh thần các lời thoại đó của hai nhân vật Rô-mê-ô và Giu-li-ét, thì tình yêu đã chiến thắng hận thù. Đó là bản chất, sức mạn, vẻ đẹp của tình yêu con người mà Uy-li-am Sếch-xpia đã ca ngợi trong đoạn trích cũng như trong toàn bộ vở kịch.

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (Ở nhà)

- HS tìm đọc toàn bộ vở kịch hoặc xem toàn bộ vở bi kịch.
- Tìm đọc thêm các tác phẩm khác của Sêch- pia

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Giáo trình Văn học phương Tây (tập 1)
- Văn bản văn học 11,…

V. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 57 – 58 - 59 : TT tiết dạy theo KHDH

ÔN TẬP NÂNG CAO

GV tùy tình hình của lớp mình dạy, chọn nội dung để ôn tập cho các em đảm bảo kiến thức chuẩn bị thi hết HK.

GỢI Ý MỘT SỐ ĐỀ ÔN TẬP

Đề 1: Phân tích nhân vật viên quản ngục để làm nổi bật nhận định: "Quản ngục là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật của nó đều hỗn loạn, xô bồ".

Gợi ý đề 1:

- ***Viên quản ngục trong tình huống truyện***

Cũng giống như Huấn Cao, nhân vật viên quản ngục được nhà văn xây dựng từ tình huống độc đáo của truyện. Đó là cuộc gặp gỡ khác thường của hai con người khác thường : viên quản ngục – kẻ đại diện cho bạo lực tăm tối nhưng lại rất khát khao ánh sáng của chữ nghĩa với Huấn Cao – người tử tù có tài viết chữ đẹp nổi tiếng. Lẽ ra đây phải là cuộc hội ngộ tương đắc của những kẻ biệt nhỡn liên tài, của hai tâm hồn nghệ sĩ yêu cái đẹp. Nhưng thật oái oăm, họ lại phải gặp nhau giữa chốn ngục tù và trong một tình thế éo le : cuộc chạm trán giữa một tên "đại nghịch", cầm đầu cuộc nổi loạn đang đợi ngày ra pháp trường với kẻ đại diện cho trật tự xã hội đương thời. Như thế, trên bình diện nghệ thuật họ là tri âm, tri kỉ. Trên bình diện xã hội, họ là những kẻ đối địch nhau. Hơn nữa, ở một khía cạnh khác đây còn là sự đối mặt giữa hai loại nhà tù, hai kiểu tù nhân: một người tự do về nhân thân nhưng bị cầm tù về nhân cách, người kia luôn tự do về nhân cách nhưng lại bị cầm tù về nhân thân. Chọn lựa một tình huống như vậy, Nguyễn Tuân đã đặt quản ngục trước một sự lựa chọn có tính xung đột: Hoặc làm tròn bổn phận một viên quan thì phải chà đạp lên tấc lòng tri kỉ. Hoặc muốn trọn đạo tri kỉ thì phản lại bổn phận nhà nước của một viên quan- nghĩa là phải bất chấp những phép tắc, trật tự xã hội. Quản ngục sẽ hành động theo hướng nào? Ẩn số sẽ được nhà văn dần dần giải đáp.

- ***Viên quản ngục – "thanh âm trong trẻo chen vào một giữa bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ"***

Là một người làm nghề quản ngục, sống trong thế giới ngục tù, giữa những gông xiềng, tội lỗi, hàng ngày phải làm và chứng kiến bao điều tàn nhẫn, lừa lọc, ngục quan không thể không chịu những tác động của cái cảnh sống ấy. Việc phải sống "giữa một đống cặn bã", "phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt" đã khiến viên quan coi ngục này ít nhiều bị nhiễm những thói xấu thông thường của chốn tù ngục dù trong tác phẩm điều đó hiện ra một cách kín đáo. Đấy là "cặp mắt hiền lành" "trái với phong tục nhận tù mọi ngày"; là "những mánh khóe hành hạ thường lệ" – những "chiêu" lừa lọc, những thủ đoạn dọa dẫm, những "đòn đánh phủ đầu"… những cái vẫn thường được quản ngục cho thi hành tại cái nhà ngục này và đã thành thói quen đến mức bọn lính hết sức ngạc nhiên khi không thấy ngục quan cho áp dụng với Huấn Cao và "năm bạn đồng chí của ông". Chính sự bất thường trong cách đối xử với Huấn Cao của ngục quan đã cho thấy cái thông thường trong cách hành xử "bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc" ở viên quản ngục và cả cái nhà tù này. Thái độ "ngạc nhiên", "nhìn nhau và không hiểu" của bọn lính trước cách ứng xử trái với lẽ thường của ngục quan là bằng chứng về những tác động tiêu cực của chốn ngục tù "cặn bã" đối với tính cách của viên quan coi ngục này. Nói cách khác, trên bình diện nghề nghiệp, tính cách viên quản ngục đã ít nhiều bị cái hoàn cảnh sống và làm việc của mình chi phối.

Tuy nhiên, Nguyễn Tuân không dành nhiều tâm sức để miêu tả cụ thể những biểu hiện tiêu cực của ngục quan trong công việc quản lao tù hằng ngày mà ông tập trung làm hiện

lên đời sống nội tâm bên trong và bản chất thật của nhân vật. Theo cách miêu tả đầy sức ám gợi của nhà văn thì quản ngục là "một thanh âm trong trẻo chen giữa vào một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn độn xô bồ". Đó là người có "tính cách dịu dàng và lòng biết giá người", một "người thẳng thắn" nhưng "phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt". Nghĩa là quản ngục đã lầm đường khi chọn nghề nghiệp cho mình. Bản chất con người thật của ông ta đúng ra phải ở một chỗ nào khác thanh cao hơn, chứ không phải ở chốn này. Đã không dưới một lần quản ngục suy nghĩ, trăn trở về bi kịch chọn sai nghề của bản thân : "Có lẽ lão bát này cũng là một người khá đây. Có lẽ hắn cũng như mình, chọn nhầm nghề mất rồi, một kẻ biết tiếc, biết trọng người có tài, hẳn không phải là kẻ xấu hay vô tình". Lời than thở, bộc bạch ấy đã cho thấy một sự thật : quản ngục vẫn chưa hoàn toàn đánh mất mình, ở ông ta vẫn còn giữ được những vẻ đẹp thiên lương trong sáng.
Có thể nói, là quản ngục nhưng ông ta cũng chính là *tù nhân chung thân* của cái nhà ngục do chính ông đang cai quản. Cái danh, cái lợi, trách nhiệm, bổn phận của một ông ngục quan là những thứ gông cùm, xiềng xích vô hình xiết chặt tâm hồn quản ngục suốt đời. "Lũ người quay quắt", "cái đống cặn bã" bao quanh ông chẳng khác gì nơi buồng tối giam tử tù. Tuy nhiên, nhân vật quản ngục không chỉ là kẻ thi hành phận sự. Những chi tiết khắc họa đời sống nội tâm của quản ngục với khuôn mặt tỏ rõ sự "nghĩ ngợi đăm chiêu" , "băn khoăn bóp thái dương", "những đường nhăn nheo của một bộ mặt tư lự giờ biến mất hẳn. Ở đấy, giờ chỉ còn là mặt nước ao xuân, bằng lặng, kín đáo và êm nhẹ" cho thấy viên quan "cai tù" này không giống với bất cứ một tên "cai tù" nào trong bộ máy thống trị đương thời. Ẩn sâu trong cái vỏ bọc "cai ngục", đằng sau những "mánh khóe hành hạ thường lệ" còn có một quản ngục với những khoảnh khắc tâm hồn thánh thiện, thanh khiết, dịu êm như mặt nước ao xuân.

- ***Viên quản ngục – người có "sở nguyện cao quý", biết "biệt nhỡn liên tài"***

Là một người làm nghề coi ngục, là công cụ trấn áp của bộ máy thống trị đương thời, nhưng viên quản ngục lại có một thú chơi tao nhã : chơi chữ. Đó là một con người có tâm hồn nghệ sĩ. Ngay từ khi còn trẻ, khi mới "biết đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền", quản ngục đã có cái sở nguyện "một ngày kia được treo ở riêng nhà mình một đôi câu đối do tay ông Huấn Cao viết". "Có được chữ của ông Huấn mà treo là có một vật báu trong đời". Quản ngục sẵn sàng "*biệt đãi*" ông Huấn – điều mà cả ông ta và bất cứ ai cũng thừa hiểu là hành động phạm pháp, thậm chí bị quy vào tội đồng lõa với tội phạm. Với tội danh này, nặng thì bị xử tử giống như những phạm nhân kia, nhẹ thì mất nghiệp, khuynh gia bại sản. Nhưng điều gì đã khiến ngục quan nhẫn nại, hạ mình, dám đánh đổi cả sự nghiệp, thậm chí cả tính mạng của mình đến như vậy ? Rốt cuộc chỉ có một điều cốt lõi, ấy là chữ của Huấn Cao – "vật báu trên đời". Cũng chính vì điều này mà trong những ngày ngắn ngủi khi ông Huấn bị tam giam trong ngục, quản ngục luôn sống trong tình trạng vô cùng căng thẳng. Y thừa biết rằng tính ông Huấn Cao vốn khoảnh "trừ chỗ tri kỉ, ông ít chịu cho chữ". Viên quản ngục luôn sống trong sự dằn vặt, nỗi khổ tâm, lo lắng vì mai mốt "ông Huấn bị hành hình mà không kịp xin được mấy chữ thì ân hận suốt đời". Những tâm trạng ấy của quản ngục cho thấy cái sở nguyện chơi chữ của ông không chỉ dừng lại ở sự thỏa mãn sở thích cá nhân mà quan trọng hơn đó là một con người biết trân trọng những giá trị văn hóa của dân tộc

Là người có "sở nguyện cao quý" quản ngục cũng đồng thời là kẻ biết quý trọng người tài hoa khí phách, "biệt nhỡn liên tài". Chưa gặp Huấn Cao lần nào nhưng lòng ông đã một mực kính phục. Rồi khi nhận tù, trái hẳn với ngày thường, y nhìn tù nhân với con mắt "hiền lành", "lòng kiêng nể". Sự biệt đãi của quản ngục đối với Huấn Cao là một hành động xuất phát từ lòng say mê cái đẹp và mến trọng khí khách. Ngục quan đã tự hạ mình xuống trước người tử tù. Tiếp cận với tử tù, ngục quan chân thành ngỏ ý : "Ngài có cần thêm gì nữa xin cho biết. Tôi sẽ cố gắng chu tất…". Bị tử tù nặng lời "Ngươi đừng bao giờ đặt chân vào đây" với thái độ "khinh bạc đến điều" ngục quan nhẫn nhục chấp nhận mà không hề oán thù, không giở trò tiểu nhân thị oai. Y chỉ lễ phép rút lui ra với một câu "xin lĩnh ý". Y cũng thừa hiểu rằng Huấn Cao là người "chọc trời quấy nước, đến trên đầu người ta, người ta cũng chẳng cần biết có ai nữa, huống chi cái thứ mình chỉ là một kẻ tiểu lại giữ tù". Rõ ràng, quản ngục là một người rất biết "giá người", biết trọng người ngay. Đó là biết mình biết ta, hiểu đời hiểu người, biết nhận ra đâu là cái tài, cái đẹp đích thực. Và đặc biệt ngục quan biết trân trọng, nâng niu những người tài, những cái đẹp mà y biết là "có một không hai" trên đời. Từ đây, có thể nói, ngục quan không "lớn" vì uy quyền mà "đẹp" ở nhân cách, ở tâm thế của một kẻ sĩ biết đọc vỡ ngh ĩa sách thánh hiền

Vẻ đẹp của ngục quan (cũng như Huấn Cao) một lần nữa được tỏa sáng trong cảnh cho chữ. Nhân cách và sở nguyện cao đẹp của quản ngục cuối cùng cũng đã được Huấn Cao thấu hiểu, chia sẻ và trân trọng. Trước khi ra pháp trường, qua lời của viên thơ lại, Huấn Cao đã nói : "Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các ngươi. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ". Trước lời khuyên chân thành của Huấn Cao, quản ngục đã khúm núm vái lạy, nhỏ dòng nước mắt nghẹn ngào: "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh". Cái vái lạy và dòng nước mắt đã không làm cho quản ngục trở nên nhỏ bé, đê hèn mà ngược lại làm cho hình tượng này trở nên đẹp hơn về nhân cách. Theo GS. Nguyễn Đăng Mạnh "Chính Cao Chu Thần, nguyên mẫu của nhân vật Huấn Cao trong *Chữ người tử tù*, có một câu thơ thật đẹp, thật sang: "Nhất sinh đê thủ bái mai hoa" (Một đời chỉ biết cúi đầu vái lạy hoa mai). *Cái cúi đầu của thầy quản ngục vái lạy Huấn Cao chính là cái cúi đầu của Cao Bá Quát trước hoa mai vậy''* .

Có thể nói, diến biến nội tâm hành động và cách ứng xử của viên quản ngục cho thấy quản ngục là một người có nhân cách đẹp, là "một tấm lòng trong thiên hạ", xứng đáng là tri âm, tri kỉ với Huấn Cao. Đó đích thị là "một thanh âm trong trẻo chen lẫn một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn độn xô bồ". Quản ngục là một con người biết giữ "thiên lương", biết trân trọng giá trị văn hóa, tài năng, là người có tâm hồn nghệ sĩ, không có tài nhưng yêu tài, không sáng tạo ra cái đẹp nhưng biết yêu và trân trọng cái đẹp. Quản ngục đúng là một nhân vật của Nguyễn Tuân.

ĐỀ 2: Phân tích, so sánh hai truyện ngắn *Chí Phèovà Lão Hạc*, liên hệ với một số truyện ngắn khác viết về đời sống nông dân nghèo của Nam Cao để thấy nội dung hiện thực và nhân đạo mà ông đã thể hiện trong sáng tác của mình.

- **Bài tập yêu cầu phân tích, so sánh hai tác phẩm quen thuộc của Nam Cao : truyện ngắn *Lão Hạc* (đã học ở Trung học cơ sở) và truyện ngắn *Chí Phèo* để thấy "nội dung hiện thực và nhân đạo" trong từng tác phẩm.**

Một số ý chính có thể tham khảo để thực hiện bài tập này :

a) Điểm chung trong nội dung hiện thực và nhân đạo ở cả hai tác phẩm

− Đều viết về đời sống nông dân nghèo trước Cách mạng với một cái nhìn hiện thực sâu sắc, có tính phát hiện và trên một tinh thần nhân đạo độc đáo đáng quý (nhất là tình cảnh bần cùng, bế tắc trong đời sống của những người dân quê như lão Hạc, Chí Phèo ; qua tình cảnh ấy, Nam Cao khơi sâu hoặc bi kịch của những số phận cùng quẫn, hoặc bi kịch bị tha hoá, bị từ chối quyền làm người).

− Nội dung hiện thực và nhân đạo không tách rời nhau.

− Các nội dung hiện thực và nhân đạo ấy đều được thể hiện một cách sinh động, hiệu quả qua nghệ thuật xây dựng cốt truyện, nhân vật, nghệ thuật trần thuật,… của nhà văn.

b) Điểm khác biệt trong nội dung hiện thực và nhân đạo giữa hai tác phẩm

− Ở *Lão Hạc*, Nam Cao đặt nhân vật vào một tình huống cùng quẫn, buộc phải lựa chọn giữa sinh tồn và nhân cách. Lão Hạc, cuối cùng đã lựa chọn cái chết để giữ gìn nhân cách làm cha. Chiều sâu và ý nghĩa của cái nhìn phê phán hiện thực, nội dung nhân đạo đều toát ra từ tình huống và sự lựa chọn này của nhân vật.

− Ở *Chí Phèo*, nhà văn lại đặt nhân vật vào một loại tình huống cùng quẫn khác. Sự tiếp nối giữa hai trạng thái tinh thần : *say* và *tỉnh*, giữa hai chặng của bi kịch số phận : *bị tha hoá và bị từ chối quyền làm người* ở hình tượng Chí Phèo là một chuỗi tình huống cho thấy cái hiện thực thảm khốc của đời sống nông dân nghèo trong xã hội làng Vũ Đại ngày ấy. Nhưng cũng đồng thời cho thấy sức sống mãnh liệt của nhân tính. Càng bị đẩy vào cảnh nghèo khổ, bế tắc, cùng cực, càng trượt dài trên con dốc tha hoá, những người lao động vốn lương thiện như Chí Phèo càng khát khao trở về cuộc sống lương thiện, khao khát được sống như một con người, ở đây, sự tha hoá hay sự trở về với bản tính lương thiện của Chí Phèo đều mang tính quy luật, đều được nhà văn miêu tả, thể hiện như những quy luật.

Như vậy, nếu lão Hạc chấp nhận sự bần cùng, dùng cái chết để giữ lấy phần sống cho con cùng tư cách làm người của mình, thì Chí Phèo lại bằng sự thức tỉnh nhân tính, bằng cái chết của mình, đã cho thấy cái giá của nhân cách, lương thiện quý và đắt đến mức nào.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 60 - 61: TT tiết dạy theo KHDH

ÔN TẬP PHẦN VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Nắm vững được những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam hiện đại trong chương trình ngữ văn11

- Củng cố và hệ thống hoá những tri thức ấy trên hai phương diện lịch sử và thể loại

2. Bảng mô tả các năng lực, phẩm chất cần phát triển cho HS

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Giúp học sinh củng cố, hệ thống hoá những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam và văn học nước ngoài đã học	**Đ1**
2	Thu thập thông tin liên quan đến giai đoạn văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945; Văn học nước ngoài.	Đ2
3	Đọc – hiểu các tác phẩm văn học giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 ;Văn học nước ngoài.	**Đ3**
4	Thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 ;Văn học nước ngoài.	**Đ4**
5	Phân tích, so sánh đặc điểm của các bộ phận văn học, xu hướng văn học giai đoạn này;	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về vẻ đẹp của tác phẩm văn học	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết về tiếng Việt vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Có ý thức tự giác, chủ động, độc lập trong học tập.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10 phút)	**Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan các tác phẩm văn học.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở -PP trò chơi	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	Các câu hỏi và bài tập sgk	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá

HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về các tác phẩm văn học	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp:

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp khi dạy bài mới

3. Tổ chức dạy và học bài mới:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới của bài học.

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**

Cách 1. Trò chơi « Ai nhanh hơn »

- GV chia lớp thành 2 đội (theo dãy)

  Trong thời gian 3 phút, các thành viên lần lượt lên bảng ghi nhanh tên tác giả và tác phẩm.

  Sau 3 phút, dãy nào có nhiều đáp án đúng nhất sẽ giành phần thắng.

Cách 2 : Trò chơi « Đoán ý đồng đội »

Chia lớp thành 4 nhóm : mỗi nhóm cử 1 đại diện lên chọn gói từ khóa. Trong 5 phút, bạn đó phải gợi ý để các thành viên trong nhóm đoán ra các từ khóa đó.

Hết 4 lượt chơi của 4 nhóm, nhóm nào đoán đúng được nhiều từ khóa nhất sẽ giành chiến thắng.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, sản phẩm hoạt động nhóm của HS.

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
- GV hướng dẫn HS ôn tập các nội dung chính của văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945: **- GV tổ chức HS thảo luận theo bàn:** **1.Bài tập 1/SGK**: (?) Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến cách mạng tháng Tám năm 1945 có sự phân hoá thành nhiều bộ phận, nhiều xu hướng như thế nào? Nêu những nétchính của mỗi bộ phận, mỗi xu hướng văn học đó? (?) Hãy làm rõ nguồn gốc sâu xa của tốc độ phát triển hết sức nhanh chóng và mau lẹ của văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng 8- 1945?	**I. Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 có sự phân hoá phức tạp thành nhiều bộ phận, nhiều xu hướng trong quá trình phát triển.** ***1. Ở bộ phận công khai, có các xu hướng chính.*** * Văn học nô dịch, phản động, chống lại nhân dân, cam tâm làm tay sai cho Pháp, chống lại các phong trào yêu nước, cách mạng.. * Văn học lãng mạn: - Tiếng nói cá nhân, khẳng định cái tôi cá nhân, bất hoà với thực tại, tìm đến

(?) GV yêu cầu hs lấy ví dụ làm rõ các xu hướng phát triển khác nhau của văn học. **HS thảo luận theo bàn.** **GV gọi đại diện một số bàn trả lời.** **GV chuẩn hóa kiến thức.**	thế giới tình yêu quá khứ, nội tâm, tôn giáo. - Thức tỉnh ý thức cá nhân, chống lễ giáo phong kiến, làm cho tâm hồn người đọc thêm phong phú, thêm yêu quê hương đất nước.. - Hạn chế: ít gắn với đời sông chính trị văn hoá, sa vào đề cao chủ nghĩa cá nhân cực đoan.. - Tác giả, tác phẩm tiêu biểu: Thơ Tản Đà, Thế Lữ, Xuân Diệu..Văn xuôi: Hoàng ngọc Phách, Nhất Linh, Khái Hưng, Nguyễn Tuân.. * Văn học hiện thực: - Phản ánh hiện thực khách quan: Đó là xã hội thuộc địa bất công, tố cáo lên án tầng lớp thống trị, phơi bày tình cảnh khốn khổ của nhân dânlao động, trí thức nghèo..Có giá trị nhân đạo sâu sắc. - Hạn chế: Chưa thấy rõ tiền đồ của nhân dân lao động và tương lai của dân tộc. - Tác giả tiêu biểu: Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Nam Cao.. *Ở bộ phận văn học bất hợp pháp. - Văn học yêu nước cách mạng do các sĩ phu yêu nước, các cán bộ, chiến sĩ và

	quần chúng cách mạng.. - Văn chương là vũ khí đấu tranh cách mạng. - Tác giả: Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Hồ Chí Minh, Tố Hữu.. *Nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá phức tạp. - Do sự khác nhau về quan điểm nghệ thuật. - Do sự phức tạp của tình hình xã hội, chính trị, tư tưởng.. ***2. Văn học phát triển với tốc độ hết sức mau lẹ, phi thường.*** - Do sự thúc đẩy của thời đại. - Xã hội mới đòi hỏi văn học phải đặt ra và giải quyết nhiều vấn đề trước đó chưa từng có. - Sức sông của dân tộc tiếp sức, chịu ảnh hưởng của phong trào yêu nước và cách mạng, của Đảng Cộng sản Đông Dương. - Sự thức tỉnh, trỗi dậy mạnh của ý thức cái tôi cá nhân.
<u>*Hoạt động nhóm:</u> **GV phân công nhiệm vụ học tập cho 4**	**II. <u>Phân biệt sự khác nhau giữa tiểu thuyết trung đại và hiện đại.</u>**

nhóm. ❖ **Nhóm 1:** - Tiểu thuyết hiện đại khác với tiểu thuyết trung đại như thế nào? Những yếu tố nào trong tiểu thuyết trung đại tồn tại trong tiểu thuyết *Cha con nghĩa nặng*? - Phân tích những yếu tố trung đại còn tồn tại trong *Cha con nghĩa nặng.* ❖ **Nhóm 2**: - Tình huống truyện là gì? Vai trò của tình huống đối với tác phẩm tự sự? - Phân tích tình huống trong các truyện ngắn " *Vi hành*" (Nguyễn Ái Quốc), *"Tinh thần thể dục*" (Nguyễn Công Hoan), "*Chữ người tử tù"* (Nguyễn Tuân), "*Chí Phèo"* (Nam Cao)? ❖ **Nhóm 3**: Nét đặc sắc về nghệ thuật của các truyện ngắn *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam), *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân), *Chí Phèo* (Nam Cao) ❖ **Nhóm 4**: Quan điểm nghệ thuật của Nguyễn Huy Tưởng được thể hiện như thế nào qua việc triển khai và giải quyết mâu thuẫn kịch trong đoạn " *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài"?*	- Tiểu thuyết trung đại: + Chữ Hán, chữ Nôm + Chú ý đến sự việc, chi tiết. + Cốt truyện đơn tuyến. + Cách kể theo trình tự thời gian. + Tâm lí, tâm trạng nhân vật sơ lược. + Ngôi kể thứ 3. + Kết cấu chương hồi. - Tiểu thuyết hiện đại; + Chữ quốc ngữ. + Chú ý đến thế giới bên trong của nhân vật. + Cốt truyện phức tạp, đa tuyến. + Cách kể theo trình tự thời gian, theo sự phát triển của tâm lí, tâm trạng nhân vật. + Tâm trạng, tâm lí nhân vật phức tạp. + Ngôi kể thứ 3, thứ nhất, kết hợp nhiều ngôi kể. + Kết cấu chương đoạn.

HS trao đổi, thảo luận theo nhóm. **Đại diện các nhóm trình bày.** **Gv nhận xét, chuẩn xác kiến thức.**	**III. Tình huống truyện trong các tác phẩm: *Vi hành, Tinh thần thể dục, Chữ người tử tù, Chí phèo.*** * Tình huống là các quan hệ, những hoàn cảnh, những nhà văn sáng tạo ra để tạo nên sự hấp dẫn, sức sống và thế đứng của truyện. Sáng tạo tình huống đặc sắc là vấn đề then chốt của nghệ thuật viết truyện. - Vi hành: tình huống nhầm lẫn. - Tinh thần thể dục: mâu thuẫn giữa hình thức và nội dung, mục đích và thực chất tốt đẹp và tai hoạ. Bắt buộc dân xem đá bóng, dân trốn chạy, thoái thác. - Chữ người tử tù: tình huống éo le, tử tù sắp bị tử hình- người cho chữ, quản ngục- người xin chữ. Cảnh cho chữ xưa nay chưa từng có. - Chí Phèo: Tình huống bi kịch: mâu thuẫn giữa khát vọng sông lương thiện và không được làm người lương thiện. **IV. Nét đặc sắc trong nghệ thuật của các truyện: Hai đứa trẻ, Chữ người tử tù, Chí Phèo.** - Hai đứa trẻ: Truyện không có truyện- truyện trữ tình. Cốt truyện đơn giản. Tác

	giả chủ yếu đi sâu vào tâm trạng và cảm giác của nhân vật. Ngôn ngữ giàu chất thơ, nhẹ nhàng, tinh tế.. - Chữ người tử tù: Cốt truyện đơn giản, Tạo tình huống éo le. Tình huống cho chữ, xin chữ. Ngôn ngữ kể, tả vừa cổ kính, vừa hiện đại, rất tạo hình. - Chí Phèo: Cốt truyện hấp dẫn, li kì. Cách kể, tả linh hoạt, biến hoá. Xây dựng nhân vật điển hình, miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật.. **V. Quan điểm của Nguyễn Huy Tưởng trong việc triển khai và giải quyết mâu thuẩn trong Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài.** - Tác giả đã giải quyết mâu thuẫn thứ nhất theo quan điểm của nhân dân nhưng không lên án, không cho rằng Vũ Như Tô và Đan Thiềm là người có tội. - Mâu thuẫn thứ hai chưa được giải quyết dứt khoát bởi đó là mâu thuẫn đã mang tính quy luật thể hiện mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, nghệ sĩ và xã hội-> cách giải quyết thoả đáng, tối ưu.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**

(HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
GV giao nhiệm vụ: **<u>Câu hỏi 1:</u>** Tác phẩm nào sau đây được xếp vào loại truyện ngắn trữ tình ? a. *Chữ người tử tù* b. *Cha con nghĩa nặng* c. *Tinh thần thể dục* d. *Hai đứa trẻ* **<u>Câu hỏi 2:</u>** Tác phẩm nào ra đời giai đoạn 1900-1945 nhưng còn mang nhiều yếu tố của tiểu thuyết trung đại? a. *Vi hành* b. *Chí Phèo* c. *Cha con nghĩa nặng* d. *Chữ người tử tù* **<u>Câu hỏi 3:</u>** Tác phẩm /.../ là một vở kịch lịch sử có quy mô hoành tráng? a. *Số đỏ* b. *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* c. *Vũ Như Tô* d. *Rô-mê-ô và Giu-li-ét, Vũ Như Tô* **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** **- GV nhận xét, đánh giá.**	ĐÁP ÁN [1]='d' [2]='c' [3]='c'

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, Đ4, V1**

(HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao)

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện và sản phẩm cần đạt của HĐ

Hoạt động của GV – HS	Dự kiến sản phẩm
GV giao nhiệm vụ: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 3: *"Tàu đỗ, cặp trai gái bước xuống, mắt cứ liếc nhìn trộm tôi, và tôi thì buồn cười quá, bỗng đâm ra nghĩ, và nghĩ đến cô. Tôi như còn trông thấy cái ngày mà cô với tôi, đôi chúng ta, như đôi chim ấy thôi, đậu vắt vẻo trên đầu gối ông bác thân yêu, nghe bác kể chuyện cổ tích. Tôi nhớ chuyện vua Thuấn, vì muốn đích thân tai nghe mắt thấy dân có bằng lòng mình không, nên cải trang làm dân cày đi dò la khắp xứ. Lại nhớ chuyện vua Pie nước Nga đi làm thợ và đến làm việc ở các công trường nước Anh. Bên những bậc cải trang vĩ đại ấy muốn đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, ngày nay, còn có những ông hoàng, ông chúa, để tiện việc riêng và vì những lý do không cao thượng bằng, cũng "vi hành" đấy."* **("Vi hành"**- Trích "Những bức thư gửi cô em họ"- Nguyễn Ái Quốc) 1. Hãy nêu nội dung chính của văn bản ? 2. Văn bản trên có sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp đó là gì? 3. Xác định giọng điệu thể hiện qua văn bản? Qua giọng điệu đó, tác giả bộc lộ tâm trạng gì? **- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** **- GV nhận xét, đánh giá.**	1/Nội dung chính của văn bản: Nhân vật *tôi* bộc lộ cảm xúc khi nhớ về quê hương, xứ sở, liên tưởng đến những vị vua đã từng *vi hành* đích thực, gắn bó với đời sống của nhân dân. 2/Văn bản trên có sử dụng biện pháp nghệ thuật đối lập giữa *vua Thuấn,vua Pie nước Nga* đi vi hành đích thực với *những ông hoàng, ông chúa* cũng *vi hành* nhưng vì *những lý do không cao thượng.* Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp đó: Nhắc lại những tấm gương vi hành cao cả, người viết ngầm so sánh, đối lập với hành động mờ ám, tăm tối, ăn chơi đàng điếm nhằm vạch trần bộ mặt kệch cỡm, giả dối, bán dân hại nước của vua Khải Định. 3. Giọng điệu thể hiện qua văn bản: gồm có giọng văn trữ tình (giọng chủ đạo) và giọng trào phúng (ở cuối văn bản). Qua giọng điệu đó, tác giả bộc lộ có nỗi xúc động sâu sắc của người xa xứ nhớ về quê hương, kỷ niệm, gia đình, đất nước thoáng hiện trong lòng người tha hương, có lòng ưu ái khôn nguôi trong tâm hồn một người yêu nước. Ở đó có cả sự cay đắng của nỗi niềm mất nước, của danh dự quốc thể vì thân phận nô lệ và bị kỳ thị chủng tộc.

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG (Ở nhà)

- Hoàn thành các bài tập GV giao.

- Tìm và đọc thêm những tác phẩm khác thuộc giai đoạn văn học từ đầu thế kỉ XX đến trước Cách mạng tháng Tám 1945.

IV. RÚT KINH NGHIỆM

TIẾT 62 –KHDH

ÔN TẬP HỌC KÌ

CHUYÊN ĐỀ : ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Củng cố , khắc sâu ,rèn luyện kĩ năng làm bài đọc hểu văn bản

- Áp dung kiến thức đã học về đọc hiểu văn bản vào thực tiễn

2. Kĩ năng: Thực hành, viết đoạn văn, phân tích đề.

3. Tư duy, thái độ: Nghiêm túc trong học tập.

B. Phương tiện

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

C. Phương pháp: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thưc hành.

D. Tiến trình tổchức dạy học

1.Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Kt sách vở của hs

3. Bài mới

ĐỀ 1. ***Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:***

Khoảng trời - hố bom

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

Chuyện kể rằng em cô gái mở đường
Để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương Cho đoàn xe kịp giờ ra trận

Em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thắp lên ngọn lửa Đánh lạc hướng thù hứng lấy luồng bom

Đơn vị tôi hành quân qua con đường mòn Gặp hố bom nhắc chuyện người con gáI

Em nằm dưới đất sâu

Như khoảng trời đã nằm yên
trong đất Đêm đêm tâm hồn
em tỏa sáng

Những vì sao ngời chói lung linh

Có phải thịt da em mềm mại
trắng trong Đã hóa thành
những vầng mây trắng Và ban
ngày khoảng trời ngậpnắng

Đi qua khoảng
trời em Vầng
dương thao
thức

Hỡi mặt trời hay chính trái tim em trong ngực

Soi cho tôi ngày hôm nay bước tiếp quãng
đường dài Tên con đường là tên em gửi lại

Cái chết em xanh khoảng trời con gái

Tôi soi lòng mình trong cuộc sống của em

Gương mặt em bạn bè tôi
không biết Nên mỗi người có
gương mặt em riêng.

(Theo www.vnca.cand.com.vn,29/12/2014)

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Nhân vật trữ tình *em* trong bài thơ là ai?

Câu 3. Nêu giá trị nghệ thuật của chuỗi hình ảnh mang tính biểu trưng: *ngọn lửa - vì sao ngời chói lung linh - vầng mây trắng - vầng dương - mặttrời*.

Câu 4. Nêu cảm nhận về hai dòng thơ cuối: *Gương mặt em bạn bè tôi không biết / Nên mỗi người có gương mặt em riêng.*

ĐỀ 2. ***Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:***

Giá trị con người

Người ta chẳng qua là một cây sậy, cây sậy mềm yếu nhất trong tạo hóa nhưng là một cây sậy có tư tưởng.

Cần gì cả vũ trụ phải tòng hành nhau mới đè bẹp cây sậy ấy? Một chút hơi, một giọt nước cũng đủ làm chết được người. Nhưng vũ trụ có đè bẹp người ta, người ta so với vũ trụ vẫn cao hơn vì khi chết thì biết rằng mình chết chứ không như vũ trụ kia, khỏe hơn người nhiều mà không tự biết rằng mình khỏe.

Vậy thì giá trị của chúng ta là ở tư tưởng.

Ta tự cao dựa vào tư tưởng chứ đừng cậy ở không gian, thời gian là hai thứ không bao giờ làm đầy hay đọ kịp. Ta hãy rèn tập để biết tư tưởng cho hay, cho đúng, đó là nền tảng của nhân luận.

Tôi không căn cứ vào không gian để tìm thấy giá trị của tôi, mà tôi trông cậy vào sự quy định tư tưởng một cách hoàn toàn; dù tôi có bao nhiêu đất cát cũng chưa phải là "giàu hơn", vì trong phạm vi không gian này, vũ trụ nuốt tôi như một điểm con, nhưng trái lại, nhờ tư tưởng, tôi quan niệm, bao trùm toàn vũtrụ.

(Theo *Bài tập Ngữ văn 11*, Tập hai, NXB Giáo dục, 2008, tr.93)

Câu 1. Đoạn trích trên đề cập đến vấn đề gì?

Câu 2. Theo tác giả, giá trị của con người là ở đâu?

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về câu: *Người ta chẳng qua là một cây sậy, cây sậy mềm yếu nhất trong tạo hóa nhưng là một cây sậy có tư tưởng*?

Câu 4. Qua đoạn trích, anh/chị suy nghĩ gì về vai trò của tư tưởng đối với cuộc sống của mỗi người?

Hướng dẫn

ĐỀ 1:

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ tự do.

Câu 2. Nhân vật trữ tình *em* trong bài thơ là một nữ thanh niên xung phong.

Câu 3.

- *Ngọn lửa - vì sao ngời chói lung linh - vầng mây trắng - vầng dương - mặt trời* đều là những hình ảnh của thiên nhiên, vũ trụ, mang ý nghĩa vĩnhhằng.

- Với chuỗi hình ảnh đó, Lâm Thị Mỹ Dạ đã bất tử hóa cái chết của *em*. Sự hi sinh của em chính là sự hóa thân vào cuộc đời vĩnh cửu, vào vũ trụ bao la, lung linh, rực rỡ, mênh mông, hằngtồn.

Câu 4. Thí sinh nêu được cảm nhận về hai dòng thơ cuối: sự ghi nhớ, tri ân của những con người đang sống trước *em*. Không ai biết gương mặt của *em* song trong mỗi người, *em* luôn hiện hữu, luôn sống mãi trong tình yêu thương, lòng biết ơn, ngưỡng mộ, mến phục…

ĐỀ 2

Câu 1. Đoạn trích trên đề cập đến vấn đề giá trị của con người là nằm ở tư tưởng.

Câu 2. Theo tác giả, giá trị của con người là ở tư tưởng.

Câu 3. Câu văn *Người ta chẳng qua là một cây sậy, cây sậy mềm yếu nhất trong tạo hóa nhưng là một cây sậy có tư tưởng* có nghĩa là con người vốn là sinh vật nhỏ bé, yếu mềm trong tự nhiên nhưng là sinh vật phát triển cao nhất nhờ có tưtưởng.

Câu 4. Thí sinh phải bày tỏ được suy nghĩ chân thành của mình về vai trò của tư tưởng đối với cuộc sống của mỗi người.

CHUYÊN ĐỀ : VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI 200 CHỮ

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Củng cố , khắc sâu ,rèn luyện kĩ năng làm đoạn văn nghị luận 200 chữ về một tư tưởng đạo lí. (luyện kĩ năng phân tích đề, lập dàn ý…).

- Củng cố , khắc sâu ,rèn luyện kĩ năng làm đoạn văn nghị luận 200 chữ về một hiện tượng đời sống (luyện kĩ năng phân tích đề, lập dàn ý…).

2. Kĩ năng: Viết được bài văn NLXH.

3. Tư duy, thái độ: Nghiêm túc trong học tập.

B. Phương tiện

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

C. Phương pháp: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thưc hành.

D. Tiến trình tổchức dạy học

1.Ổn định lớp

Lớp	Sĩ số	HS vắng	Ngày dạy

11A2			
11A3			

2. Kiểm tra bài cũ: Kt sách vở của hs

3. Bài mới

ĐỀ 1:

Viết đoạn văn Nghị luận xã hội 200 từ trình bày suy nghĩ về ý kiến : ***Nơi nào có ý chí nơi đó có con đường.***

Hướng dẫn:

Cuộc sống đâu phải thảm nhung trải sẵn cho chúng ta qua. Ẩn chứa trong nó là vô vàn những khó khăn thử thách ngăn cản bước đi buộc chúng ta phải tự vượt qua bằng chính sự nỗ lực, ý chí của mình.Đề cao giá trị,vai trò của 'ý chí' trong cuộc đời, sự thành công của mỗi người, Pauline Kael từng nói " Nơi nào có ý chí. Nơi đó có con đường". Vậy chúng ta hiểu câu nói trên như thế nào? 'Ý chí' là khả năng mỗi người tự xác định được mục tiêu và nỗ lực vươn lên khắc phục mọi khó khăn để đạt được mục tiêu ấy. 'Con đường' ở đây được hiểu theo hai nghĩa là đường đi,hướng đi hay chính là sự thành công..Qua đó, P.Kael như đang muốn nhắn gửi rằng : mỗi chúng ta nếu có ý chí sẽ có sự vươn lên, tiến về phía trước, tìm ra và đạt được thành công nhất định cho bản thân mình. Chúng ta cần phải có ý chí bởi cuộc đời là cái hoàn cảnh mà con người buộc phải lựa chọn :Hoặc là quy phục hoặc là vượt qua. Nó luôn đầy rẫy những chông gai, biến cố nên 'ý chí' là yếu tố cần thiết thiết để con người duy trì ước mơ, khát khao , để biến tiêu cực thành tích cực..Người có ý chí là người không ngại thất bại, không chùn bước trước những trở ngại,dùng mọi nỗ lực để khắc phục khó khăn, kiên trì theo đuổi mục đích..Trên thế giới có rất nhiều những tấm gương mang tên 'ý chí' đáng để chúng ta học hỏi: Đó là Jessica Fox- sinh ra tại Mĩ , người phi công đầu tiên trên thế giới chỉ dùng chân lái máy bay. Sinh ra đã không có tay, nhưng chính sự thiếu may mắn ấy đã

tạo cho cô ý chí, động lực để tiến lên đạt được khát khao của mình. Hay Hellen Keller ,20tuổi bị bệnh hoá mù,điếc. Nhưng nhờ có ý chí,vượt lên số phận , bà vẫn học rộng hiểu sâu. Viết được 7 quyển sách. đi diễn thuyết khắp châu Âu , châu Mỹ và được cả thế giới biết đến. Đó là minh chứng cho ý chí,tinh thần vươn lên chiến thắng số phận để tìm ra "con đường". Có ý chí sẽ tạo nên sức mạnh tuyệt đối giúp chúng ta đạp phẳng, san bằng mọi khó khăn để tìm ra hướng đi,tìm ra ánh sáng của sự thành công. Con người có ý chí sẽ thể hiện được bản lĩnh, khẳng định được giá trị của bản thân.Song, bên cạnh đó vẫn tồn tại một số ít những người luôn tiêu cực, không có ý chí tiến lên, chỉ biết đầu hàng chấp nhận số phận. Đó là những người đáng bị phê phán. Tuy nhiên, ý chí phải được tạo nên từ sự xác định đúng đắn mục tiêu, sự quyết tâm chứ không phải "ý chí" mù quáng,tham lam.Biết vươn lên ,vượt qua hoàn cảnh là tốt nhưng phải biết điểm dừng, không nên làm những gì quá khả năng,sức lực của mình nếu không chúng ta chẳng những không thành công mà sẽ nhận thất bại. Nhận thức về vai trò quan trọng ,cần thiết của ý chí trong sự thành công chưa đủ, mỗi chúng ta cần phải có những kế hoạch,hành động để thực hiện; cần có những sự 'dám': dám đương đầu,dám vượt qua, dám đi lên;để cùng 'ý chí' biến mục tiêu thành hiện thực. Để rồi cũng giống như ngọn hải đăng soi sáng cho con thuyền vượt qua những trở ngại trên biển; ý chí sẽ soi sáng ,dẫn lối giúp con người vượt qua mọi biến cố, chông gai,thử thách trên con đường đi tìm thành công của cuộc đời.

ĐỀ 2:

Trong bài "Thơ tự sự", nhà thơ Nguyễn Quang Vũ có viết *"Hạnh phúc như bầu trời này vậy / Không chỉ dành cho một riêng ai".* Hãy bày tỏ quan điểm của anh/chị về ý kiến trên bằng đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ).

Hướng dẫn:

Trong cuộc sống, mỗi chúng ta đều có một mục tiêu, một ước mơ để theo đuổi. Nhưng có lẽ, khát vọng lớn lao nhất đó chính là " Hạnh phúc". Và nhà thơ Nguyễn Quang Vũ đã dành ngòi bút của mình để viết nên những lời nhắn gửi ý nghĩa " Hạnh phúc cũng như bầu trời này vậy / Không chỉ dành cho một riêng ai" – một thông điệp nhẹ nhàng mà sâu sắc về hạnh phúc. "Bầu trời" nếu theo cách lý giải thông thường chính là thực thể rộng lớn, vô thủy vô chung, là của chung tất cả, là

bầu khí quyển mà ta hít thở hàng ngày. Còn khi bạn có cảm giác bình an, hài lòng trong cuộc sống thì đó chính là "hạnh phúc". Quan niệm "Hạnh phúc như bầu trời" chính là muốn nhấn mạnh hạnh phúc là món quà của thượng đế dành cho cả nhân loại và vạn vật trên thế giới. Nhưng cũng vì thế mà không ai có thể ôm trọn được hạnh phúc cho mình. Hạnh phúc luôn bao bọc quanh chúng ta, càng nhiều người hạnh phúc, bầu trời chung ấy càng rộng lớn. Và ta sẽ càng gần bầu trời ấy hơn khi ta biết vươn lên và cố gắng. Như vậy, trong cuộc sống, muốn cảm nhận vầng hào quang rạng ngời của hạnh phúc, chúng ta không chỉ cần nỗ lực, cố gắng mà còn cả sự san sẻ, giúp đỡ mọi người để hạnh phúc đến muôn nơi. Chúng ta vẫn thường nghĩ hạnh phúc là đi liền với sở hữu, nghĩa là gắn liền với chữ "có" : có sức khỏe, có tiền bạc, có công việc ổn định, có gia đình tốt…nhưng chưa chắc những điều đó đã đảm bảo một cảm giác hạnh phúc. Những cái "có" đó phải chăng rất phù phiếm. Nếu bạn cảm thấy hạnh phúc khi mua được căn nhà mới liệu cảm giác ấy có kéo dài 1 tuần hay khi nhận được một vị trí cao trong công việc liệu sẽ hạnh phúc trong bao lâu? Thực tế cho thấy những người hạnh phúc thực sự là người biết cân bằng và san sẻ. Biết cho đi, biết giúp đỡ người khác thì hạnh phúc sẽ tự tìm đến tâm chúng ta. Chắc hẳn các bạn đã nghe đến việc làm thiện nguyện của MC Phan Anh. Anh đã bỏ ra hàng trăm triệu đồng và công sức của mình, đồng nghiệp để mua những món quà cho đồng bào miền Trung bị lũ lụt. Trước hình ảnh nhân dân có cái ăn, cái mặc sau những ngày bão lũ, nhìn những nụ cười của họ, anh đã tâm sự rằng "Tôi thực sự cảm thấy rất vui, dù hành trình có nhiều khó khăn nhưng như có phép màu, tôi chưa từng một lần mệt mỏi". Có lẽ, khi được cho đi, nhìn thấy nụ cười, niềm vui của những người nhận lại, đó chính là giây phút hạnh phúc nhất. Bởi lẽ, khi sở hữu quá nhiều, ta sẽ hao tâm để lo lắng, bảo vệ báu vật của mình, không còn tận hưởng cuộc sống đúng nghĩa. Nhưng khi biết sẻ chia, bau trời hạnh phúc sẽ ngày càng mở rộng, tỏa ánh nắng ấm áp đến muôn nơi. Vì vậy, hãy luôn biết quan tâm, yêu thương đến những người xung quanh, hãy luôn giữ sợi dây liên kết giữa hạnh phúc cá nhân và tập thể. Hãy cùng tôi và mọi người để món quà mang tên Hạnh phúc quý giá đến với muôn nơi, vượt mọi không gian.

ĐỀ 3:

Phải chăng sống ảo có nguy cơ đánh mất giá trị thực? Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị bằng đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ).

Hướng dẫn:

Có lẽ cụm từ "sống ảo" đã không còn xa lạ thậm chí quá quen thuộc và trở thành thói quen của xã hội, đặc biệt là các bạn trẻ. Nhưng hiện nay hiện tượng này càng có xu hướng phát triển thái quá và dường như có những hệ lụy tiêu cực. Phải chăng sống ảo có nguy cơ đánh mất giá trị thực? "Sống ảo" là khái niệm chỉ cách sống trong hoang tưởng, không đúng với thực tại bản thân hay cố ý tự tô vẽ cho mình một cuộc sống tốt đẹp, hoàn hảo trong mắt người khác mà cuộc sống đó khác với thực tại. "Sống ảo" thường thể hiện rõ nhất qua các trang mạng xã hội như Facebook,Instagram,..Còn giá trị thực không chỉ dừng lại là sự thật về mỗi người trong cuộc sống hằng ngày mà còn là những giá trị tinh thần tốt đẹp và chuẩn mực đạo đức của xã hội. Việc xác định hai giá trị giữa "sống ảo" và "giá trị thực" khiến chúng ta phải suy ngẫm. Hiện tượng sống ảo xuất hiện tràn lan dưới nhiều hình thức. Các bạn trẻ có thể kết bạn, nói chuyện, tâm sự những điều thầm kín hay thậm chí là yêu đương với những người mới biết qua mạng xã hội dù chưa hề gặp mặt. Họ còn dùng mạng xã hội như công cụ để khoe khoang những thứ không có thực của bản thân như giàu có, danh tiếng,..Sống ảo còn là gây sự chú ý, khiến mình nổi tiếng bằng những nội dung không lành mạnh hay bịa đặt hay thường xuyên trở thành "anh hùng bàn phím", dùng lời nói hoa mĩ, tỏ ra mình văn minh, nhân ái,…Cách sống này tạo ra một thế hệ chìm đắm trong ảo vọng, thích khoe khoang, dối trá, chỉ cố tô vẽ cho hình ảnh bản thân bằng những thứ không tồn tại, phớt lờ cuộc sống thực tế. Và khi trút bỏ vẻ ngoài hào nhoáng trở về cuộc đời thực, họ lạ lẫm, không xác định được hướng di của chính mình, làm phân tán, ảnh hưởng đến học tập và lao động cũng như các mối quan hệ thực. Sự tăng chóng mặt của các trang mạng xã hội, sức hút của những nút "like", những lời ca tụng ảo khiến "sống ảo" trở thành căn bệnh khó chữa, ảnh hưởng đến nhân cách, tinh thần của giới trẻ. Mỗi chúng ta cần tự ý thức sao cho việc sử dụng mạng xã hội hay công nghệ một các phù hợp. Phải nhìn nhận, đánh giá đúng bản thân và hiện thực cuộc sống, không chạy theo xu hướng. Những mối quan hệ trên mạng có thể đúng đắn nếu ta biết cân bằng, hài hòa với cuộc sống thực tại. Hãy chủ động thay đổi, điều chỉnh lại

cách sống. Công nghệ là con dao hay lưỡi. Nếu biết cách sử dụng đó sẽ là công cụ vô cùng hiệu quả nhưng chỉ cần nhìn nhận sai nó sẽ là con dao giết chết tâm hồn bạn.

CHUYÊN ĐỀ : TỰ TÌNH II – HỒ XUÂN HƯƠNG

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Kiến thức cơ bản về tác giả, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

- Luyện đề phân tích tác phẩm, hình tượng nhân vật trữ tình.

- Luyện các dạng đề: NL về một ý kiến, liên hệ, so sánh.

2. Kĩ năng: Phân tích đề, lập dàn ý cho đề văn nghị luận.

3. Tư duy, thái độ: Nghiêm túc trong học tập.

B. Phương tiện

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

C. Phương pháp: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành.

D. Tiến trình tổchức dạy học

1.Ổn định lớp

Lớp	Sĩ số	HS vắng	Ngày dạy

2. Kiểm tra bài cũ: Kt sách vở của hs

3. Bài mới

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả

- Hồ Xuân Hương (chưa rõ năm sinh năm mất) là một "thiên tài kì nữ" nhưng cuộc đời lại nhiều bất hạnh:

+ Bà là người có nhan sắc, thông minh, sắc sảo, tính tình tự do, phóng khoáng.

+ Muộn chồng và hai lần lấy chồng thì cả hai lần đều làm lẽ.

- Thơ Hồ Xuân Hương là thơ của phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm chất dân gian từ đề tài, cảm hứng đến ngôn ngữ, hình tượng.

2. Văn bản

- Xuất xứ: Bài thơ thuộc chùm thơ Tự tình (gồm ba bài: Tự tình bài I, Tự tình bài II, Tự tình bài III). Nhan đề: Tự tình là bộc lộ tâm tình.

- Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật.

- Bố cục: Đề - thực - luận - kết.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hai câu đề

- Câu thơ đầu tiên vẽ ra bối cảnh không gian, thời gian: Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn.

+ Đêm khuya: khoảng thời gian, không gian thanh vắng, tịch mịch, mọi người đang say giấc nồng. Với người phụ nữ thì lẽ ra đó phải là khoảng thời gian, không gian hạnh phúc, được ngả đầu bên gối tay, bên hơi thở của chồng. Nhưng nhân vật trữ tình lại đang một mình đối diện với chính mình.

+ Âm thanh văng vẳng thể hiện sự tĩnh lặng, tịch mịch của không gian, tiếng trống canh dồn gấp gáp vừa thể hiện bước đi dồn dập của thời gian, sự hối thúc, nhắc nhở con người rằng tình yêu, tuổi trẻ cũng đang tàn lụi vừa cho thấy sự rối bời của tâm trạng nhân vật trữ tình.

- Câu thơ thứ hai khắc sâu vào nỗi cô đơn, buồn tủi và bẽ bàng về duyên phận của nhân vật trữ tình.

+ Từ trơ đặt đầu câu có tác dụng nhấn mạnh. Trơ là tủi hổ, là bẽ bàng. Hai chữ hồng nhan để nói về dung nhan của thiếu nữ, ở đây lại đi với từ cái thì thật rẻ rúng, mỉa mai. Cái hồng nhan trơ với nước non không chỉ là dầu dãi mà còn là cay đắng. Câu thơ chỉ nói về một vế hồng nhan nhưng vẫn gợi lên vế bạc phận, vì vậy nỗi xót xa càng thấm thía, càng ngẫm lại càng đau.

+ Nhịp điệu 1/3/3 nhấn mạnh hơn vào sự bẽ bàng. Lời thơ như một tiếng nấc nghẹn ngào hay lời chì chiết chính mình, đưa cái hồng nhan của mình ra mà mạt sát.

+ Tuy nhiên, bên cạnh nỗi đau Xuân Hương là bản lĩnh Xuân Hương. Bản lĩnh ấy thể hiện ngay trong từ trơ. Trơ không chỉ là tủi hổ, bẽ bàng mà còn là thách thức. Trơ kết hợp với nước non thể hiện sự bền gan, thách đố. Nó giống với trơ trong câu thơ của Bà huyện Thanh Quan (Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt).

→ Hai câu đề thể hiện nỗi niềm cô đơn, buồn tủi và bẽ bàng của nhân vật trữ tình giữa đêm khuya thanh vắng.

2. Hai câu thực

- Câu thơ thứ ba gợi lên hình ảnh người phụ nữ cô đơn trong đêm khuya vắng lặng với bao xót xa, cay đắng.

+ Đem rượu ra uống cho quên mối sầu là giải pháp thường thấy. Thế nhưng rượu cũng không làm khuây được nỗi cô đơn, bởi vì uống say rồi lại tỉnh.

+ Cụm từ say lại tỉnh gợi lên cái vòng quẩn quanh, tình duyên đã trở thành trò đùa của con tạo, càng say càng tỉnh, càng cảm nhận nỗi đau thân phận.

- Câu thơ thứ tư là ngoại cảnh mà cũng là tâm cảnh, tạo nên sự đồng nhất giữa trăng và người. Hình tượng thơ chứa đựng bao sự éo le: trăng sắp tàn (bóng xế) mà vẫn khuyết chưa tròn. Tuổi xuân đã trôi qua mà nhân duyên không trọn vẹn. Hương rượu để lại vị đắng chát, hương tình thoảng qua để chỉ còn phận hẩm duyên ôi. Lời thơ thể hiện nỗi chán chường, đau đớn, ê chề trong nhân vật trữ tình.

3. Hai câu luận

- Cảnh thiên nhiên qua cảm nhận của con người mang sẵn niềm phẫn uất và sự bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu, như muốn thách thức số phận của Hồ Xuân Hương.

+ Những sinh vật nhỏ bé hèn mọn, còn hèn mọn hơn cả cỏ nội hoa hèn như đám rêu kia mà cũng không chịu mềm yếu. Nó phải mọc xiên ngang mặt đất. Đá đã rắn chắc lại phải rắn chắc hơn, lại phải nhọn hoắt lên để đâm toạc chân mây.

+ Biện pháp nghệ thuật đảo ngữ làm nổi bật sự phẫn uất của thân phận đất đá, cỏ cây, cũng là sự phẫn uất của tâm trạng con người.

+ Những động từ mạnh xiên, đâm được kết hợp với bổ ngữ ngang, toạc thể hiện sự bướng bỉnh, ngang ngạnh. Rêu xiên ngang mặt đất, đá đâm toạc chân mây như vạch đất vạch trời mà hờn oán, không chỉ phẫn uất mà còn là phản kháng. Những từ ngữ này còn thể hiện phong cách rất Xuân Hương (cảnh vật trong thơ Xuân Hương bao giờ cũng sinh động và căng đầy sức sống - một sức sống mãnh liệt ngay cả trong tình huống bi thương).

4. Hai câu kết

- Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.

+ Ngán là chán ngán, ngán ngẩm. Hồ Xuân Hương ngán lắm rồi nỗi đời éo le, bạc bẽo. + Xuân đi rồi xuân lại, tạo hoá chơi một vòng quay luẩn quẩn. Từ xuân mang hai nghĩa, vừa là "mùa xuân" vừa là "tuổi xuân". Nhưng mùa xuân đi rồi mùa xuân sẽ trở lại với thiên nhiên, đất trời còn tuổi xuân con người đã qua đi là không bao giờ trở lại.

+ Hai từ lại trong xuân đi xuân lại lại mang hai nghĩa khác nhau. Lại1 nghĩa là thêm lần nữa, lại2 nghĩa là trở lại. Sự trở lại của mùa xuân lại đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân.

+ Thủ pháp nghệ thuật tăng tiến nhấn mạnh vào sự nhỏ bé dần, làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn: mảnh tình - san sẻ - tí - con con. Mảnh tình đã bé lại còn san sẻ thành ra ít ỏi, chỉ còn tí - con con nên càng xót xa, tội nghiệp.

→ Câu thơ không chỉ là tâm trạng của người đã mang thân đi làm lẽ mà nó còn là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa, khi với họ hạnh phúc luôn là chiếc chăn quá hẹp.

III. TỔNG KẾT

1. Nghệ thuật

- Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn: các từ tả âm thanh (văng vẳng trống canh dồn), tả cảm giác (trơ, say lại tỉnh, ngán), tả động thái (xiên ngang, đâm toạc), tả thời gian (xuân đi xuân lại lại), diễn đạt sự bé mọn, tầm thường của tình cảm (mảnh tình san sẻ tí con con).

- Tả cảnh sinh động.

- Đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ (nghệ thuật đảo ngữ, tương phản và sắc thái ý nghĩa của các từ ngữ: trơ, văng vẳng, cái hồng nhan, với nước non).

2. Nội dung: Bản lĩnh của Hồ Xuân Hương được thể hiện qua tâm trạng đầy bi kịch: vừa buồn tủi, phẫn uất trước tình cảnh éo le vừa cháy bỏng khao khát được sống hạnh phúc.

IV. LUYỆN ĐỀ:

Đề 1: Hình ảnh người phụ nữ trong bài thơ "Tự tình II" của Hồ Xuân Hương.

DÀN BÀI CHI TIẾT

1. Mở bài

- Giới thiệu tác giả Hồ Xuân Hương và bài thơ Tự Tình II

- Dẫn dắt vào vấn đề cần phân tích: Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam

2. Thân bài

a. Những nét khái quát:

- Xuất xứ bài thơ: nằm trong chùm thơ "Tự tình" gồm 3 bài của Hồ Xuân Hương

- Thể loại: Thất ngôn bát cú Đường luật

- Chủ đề: Nỗi lòng của tác giả trước duyên phận hẩm hiu

b. Cảm nhận: Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam qua bài thơ Tự Tình II

- Tình cảnh đầy xót xa, bẽ bàng, cay đắng:

o Đêm khuya đối diện với không gian vắng lặng, tĩnh mịch -> cảm thức về sự cô

đơn

o Ý thức rõ về thân phận, sự rẻ rúng, mỉa mai cho thân phận của chính mình: "Trơ cái hồng nhan với nước non"

o Nhận thức rõ về bản thân, bước đi của thời gian và cuộc đời: say – tỉnh, khuyết – tròn….

- Thân phận hẩm hiu, thân phận của người khách hồng nhan bạc mệnh

- Ý thức về hạnh phúc, tình duyên

o Sự phản kháng trước số phận hẩm hiu, tình duyên dang dở: "xiên ngang mặt đất rêu từng đám/ Đâm toạc chân mây đá mấy hòn"

o Xót xa và tiếc nuối, ngao ngán trước số phận, tình duyên và thực tại: "Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại/ Mảnh tình san sẻ tí con con"

- Sự phản kháng, muốn bứt tung khỏi xiềng xích của xã hội phong kiến, nhưng không thể. Không thoát khỏi được, người phụ nữ đành chấp nhận thực tại với một nỗi niềm ngao ngán.

- Nhận xét:

+ Người phụ nữ Việt Nam trong xã hội xưa đã mang biết bao tủi cực và cay đắng bởi những lễ giáo khắt khe. Nhưng có lẽ bao nhiêu đó chưa đủ, hình tượng người phụ nữ trong bài thơ Tự tình làm day dứt trái tim bạn đọc hơn khi mà chính họ ý thức được số phận, nỗi khó khăn, gian khổ, nỗi khổ đầy ngang trái của họ.

+ Không chỉ ý thức về thân phận bẽ bàng, cô độc, tình duyên lận đận, hạnh phúc mong manh. Hình tượng người phụ nữ trong bài thơ còn có cả sự phản kháng –

một sự phản kháng táo bạo và đầy khát khao, mạnh mẽ và sâu sắc dù cho hoàn cảnh bắt buộc họ phải chấp nhận sự thật.

3. Kết bài:

- Nêu nhận xét đánh giá chung về hình ảnh người phụ nữ Việt Nam qua bài thơ Tự

Tình II của Hồ Xuân Hương

- Mở rộng vấn đề (bằng suy nghĩ và liên tưởng của cá nhân).

Đề 2:

Phân tích và làm rõ ý kiến sau: "Bài thơ *Tự tình II* vừa nói lên bi kịch duyên phận vừa cho thấy khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương"

1. Đặt vấn đề

– Trong lịch sử văn học Việt Nam, Hồ Xuân Hương là hiện tượng rất độc đáo: nhà thơ phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm đà chất văn học dân gian từ đề tài, cảm hứng đến ngôn ngữ, hình tượng.

– Nổi bật trong sáng tác thơ Nôm của bà là tiếng nói thương cảm đối với người phụ nữ, là sự khẳng định, đề cao vẻ đẹp và khát vọng của họ.

– Tự tình (bài II) nằm trong chùm thơ Tự tình gồm ba bài của Hồ Xuân Hương. Bài thơ thể hiện hai tâm trạng tưởng chừng trái ngược nhau nhưng thống nhất trong bản lĩnh, tính cách Hồ Xuân Hương: vừa buồn tủi vừa phẫn uất muốn vượt lên trên số phận nhưng cuối cùng vẫn đọng lại nỗi xót xa. Bài thơ vừa nói lên bi kịch duyên phận, vừa cho thấy khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của bà.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Bài thơ Tự tình nói lên bi kịch duyên phận của Hồ Xuân Hương

a) Giải thích khái niệm

– Bi kịch: chỉ cảnh éo le, trắc trở đau thương của cuộc đời con người.

– Bi kịch duyên phận: éo le, trắc trở trong tình duyên.

b) Bi kịch về duyên phận của Hồ Xuân Hương thể hiện ở nỗi niềm buồn tủi của bà.

– Nỗi niềm buồn tủi của Hồ Xuân hương được gợi lên từ sự tĩnh lặng của đêm khuya thanh vắng. "Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn" Cái nhịp gấp gáp liên hồi của tiếng trống canh vừa là sự cảm nhận vừa là sự thế hiện bước đi dồn dập của thời gian và sự rối bời của tâm trạng. Trong đêm khuya thanh vắng, nhà thờ cảm nhận sự bẽ bàng của duyên phận "Trơ cái hồng nhan với nước non". Câu thơ vừa nói lên sự dầu dãi, cay đắng vừa gợi lên sự bạc phận, sự bẽ bàng.

– Nỗi niềm buồn tủi của bà còn thế hiện qua tâm trạng chán chường: Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại Mảnh tình san sẻ tí con con! "Ngán" là chán ngán, là ngán ngẩm. Hồ Xuân Hương ngán cho nỗi đời éo le, bạc bẽo. Từ xuân mang hai nghĩa, vừa là "mùa xuân" vừa là "tuổi xuân". Mùa xuân đi rồi mùa xuân trở lại với thiên nhiên, với muôn nghìn hoa lá cỏ cây, nhưng với con người thì tuổi xuân qua sẽ không bao giờ quay trở lại. Hai từ lại trong cụm từ "xuân đi xuân lại lại" mang hai nghĩa khác nhau. Từ lại thứ nhất nghĩa là thêm lần nữa, từ lại thứ hai nghĩa là quay trở lại. Sự trở lại của mùa xuân đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân. Đặc biệt, bằng biện pháp nghệ thuật tăng tiến, nhấn mạnh vào sự nho bé dần, làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn "Mảnh tình san sẻ tí con con". "Mảnh tình" đã bé lại "san sẻ" thành ra ít ỏi chỉ còn "tí con con" nên càng xót xa tội nghiệp. Tuổi xuân qua đi tuổi xuân không trở lại. Tình cảm thì san sẻ chỉ còn "tí con con" nên Hồ Xuân Hương buồn tủi cho duyên phận cuộc đời mình. Nỗi lòng của bà cũng là nỗi lòng của những người phụ nữ trong xã hội xưa.

c) Bi kịch về duyên phận thể hiện qua nỗi xót xa của Hồ Xuân Hương.

Nhà thơ đã cảm nhận được sự bẽ bàng của duyên phận: Trơ cái hồng nhan với nước non. Trơ là tủi hổ, trơ là bẽ bàng. Thêm vào đó, hai chữ hồng nhan là để nói về dung nhan thiếu nữ mà lại đi với từ trơ thì thật rẻ rúng, mỉa mai. Cái hồng nhan trơ với nước non không chỉ là dầu dãi mà còn là cay đắng. Dù câu thơ chỉ nói về một vế hồng nhan nhưng vẫn gợi lên vế bạc phận. Vì vậy, Hồ Xuân Hương càng thấy xót xa, bẽ bàng và cay đắng.

2. Bài thơ *Tự tình* nói lên khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương.

– Có thể nói bài thơ Tự tình vừa nói lên bi kịch vừa cho thấy khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của nữ sĩ Hồ Xuân Hương. Bi kịch trong bài thơ là bi kịch của tuổi xuân, của duyên phận. Rơi vào hoàn cảnh ấy, nhiều người có thể tuyệt vọng hoặc phó mặc buông xuôi. Thế nhưng, nữ sĩ Hồ Xuân Hương thì không thế. Trước sự trớ trêu của cuộc đời, của số phận, nhà thơ vẫn luôn khát khao hạnh phúc. Lòng khát khao hạnh phúc được thể hiện ở việc tác giả muốn cưỡng lại sự nghiệt ngã của số phận. Từ trơ kết hợp với từ nước non thể hiện sự bền gan thách đố và cũng là thể hiện sự khát vọng vượt lên sự nghiệt ngã của cuộc đời.

– Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc còn thể hiện ở sức sống mãnh liệt của Hồ Xuân Hương: Xiên ngang mặt đất rêu từng đám Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn. Hai câu thơ gợi cảnh thiên nhiên và cảnh được cảm nhận qua tâm trạng như cũng mang nỗi niềm phẫn uất của con người. Những đám rêu thì xiên mặt đất. Mấy hòn đá thì đâm toạc chân mây. Biện pháp đảo ngữ trong hai câu thơ có tác dụng nhấn mạnh nỗi phẫn uất của tác giả. Cách sử dụng từ xiên ngang, đâm toạc thể hiện thể hiện được sức sống mãnh liệt của thiên nhiên cũng là thể hiện sức sống mãnh liệt của nữ sĩ trong tình cảnh bi thương. Khát khao hạnh phúc của Hồ Xuân Hương cũng chính là khát khao hạnh phúc của những người phụ nữ trong xã hội cũ khắt khe và nghiệt ngã.

3. Kết thúc vấn đề

– Qua lời tự tình, bài thơ nói lên cả bi kịch và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương. Bài thơ có ý nghĩa nhân văn sâu sắc: Trong buồn tủi, người phụ nữ gắng vượt lên trên số phận nhưng cuối cùng vẫn rơi vào bi kịch.

– Tác giả sử dụng từ ngữ giản dị mà đặc sắc, hình ảnh giàu sức gợi cảm. Tất cả có tác dụng diễn tả những biểu hiện phong phú, tinh tế của tâm trạng của nữ sĩ. – Bài thơ giúp ta hiểu hơn tại sao Hồ Xuân Hương lại được mệnh danh là "Bà chúa thơ Nôm".

CHUYÊN ĐỀ : CÂU CÁ MÙA THU – NGUYỄN KHUYẾN

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Kiến thức cơ bản về tác giả, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
- Luyện đề phân tích tác phẩm, hình tượng nhân vật trữ tình.
- Luyện các dạng đề: NL về một ý kiến, liên hệ, so sánh.

2. Kĩ năng: Phân tích đề, lập dàn ý cho đề văn nghị luận.

3. Tư duy, thái độ: Nghiêm túc trong học tập.

B. Phương tiện

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…
- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

C. Phương pháp: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành.

D. Tiến trình tổchức dạy học

1.Ổn định lớp

Lớp	Sĩ số	HS vắng	Ngày dạy
11A4			

2. Kiểm tra bài cũ: Kt sách vở của hs

3. Bài mới

I. Vài nét về tác giả, tác phẩm:

a) Tác giả.

– Nguyễn Khuyến (1835 – 1909) tên khai sinh là Nguyễn Thắng, hiệu là Quế Sơn, tự là Miễu Chi . Quê Hà Nam.

– Xuất thân trong một gia đình quan lại, cha là Nguyễn Tông Khởi, đỗ tú tài ba khóa liền và ra dạy học còn mẹ là Trần Thị Thoan con của một vị quan lớn trong triều đình -> điều kiện để cho nhà thơ học tập.

– Con đường thi cử của ông ban đầu cũng không thuận lợi cho lắm nhưng về sau ông đỗ liền kì thi hội thi đình nên được người đời xưng danh là Tam Nguyên Yên Đổ. Nguyễn Khuyến ra làm quan khi đất nước rơi vào hoàn cảnh nước mất nhà tan, ước mong giúp nhân dân sống hòa bình của ông sụp đổ. Biết bao nhiêu cuộc đấu tranh nổ ra nhưng thất bại, Nguyễn Khuyến đành cáo quan về ở ẩn để giữ gìn tấm lòng trong sạch của mình.

– Sự nghiệp của nhà thơ được chia ra làm hai mảng chính:

• Thơ trữ tình với những bài thơ nói về những người nông dân, nói về nông thôn: chùm thơ thu

• Thơ trào phúng: tiến sĩ giấy…

-> Các bài thơ của ông được viết vào trong những tập thơ nổi tiếng như Quế Sơn thi tập, Yến Đổ thi tập, Bách Liêu thi văn tập

==>> Nguyễn Khuyến là bậc túc nho tài, có cốt cách thanh cao, có lòng yêu nước thương dân nhưng bất lực trước thời cuộc. Được mệnh danh là " nhà thơ của dân tình làng cảnh Việt Nam".

b) Tác phẩm:

– Vị trí : Bài thơ " Mùa thu câu cá " một trong chùm ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến.

– Đề tài: Viết về đề tài mùa thu – đề tài quen thuộc.

– Hoàn cảnh sáng tác: Nhà thơ sáng tác bài thơ này khi mùa thu trải rộng trên bầu trời vùng quê nông thôn thanh bình yên tĩnh. Nhà thơ về quê ở ẩn vui những thú vui tuổi già đó là đi câu cá, cảnh tượng mùa thu diễn ra lặng lẽ êm đềm cộng hưởng với tâm trạng buồn bế tắc của nhà thơ lo lắng cho số phận người nông dân đã bật lên tứ thơ thu điếu.

– Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.

– Bố cục: đề – thực – luận – kết.

+ Cảnh thu: 6 câu thơ đầu. +Tình thu: 2 câu thơ cuối.

II. Đọc – Hiểu văn bản.

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,

Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.

Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.

Tựa gối ôm cần lâu chẳng đặng,

Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

1. Cảnh thu:

– Điểm nhìn từ trên thuyền câu -> nhìn ra mặt ao nhìn lên bầu trời -> nhìn tới ngõ vắng -> trở về với ao thu.

-> Cảnh thu được đón nhận từ gần -> cao xa -> gần. Cảnh sắc thu theo nhiều hướng thật sinh động với hình ảnh vừa đối lập vừa cân đối, hài hòa.

– Mang nét riêng của cảnh sắc mùa thu của làng quê Bắc bộ: Không khí dịu nhẹ, thanh sơ của cảnh vật:

+ Màu sắc: Trong veo, sóng biếc, xanh ngắt

+ Đường nét, chuyển động: Hơi gợn tí, khẽ đưa vèo, mây lơ lửng.

-> Hình ảnh thơ bình dị, thân thuộc, không chỉ thể hiện cái hồn của cảnh thu mà còn thể hiện cái hồn của cuộc sống ở nông thôn xưa.

"Cái thú vị của bài Thu điếu ở các điệu xanh, xanh ao, xanh bờ, xanh sóng, xanh trúc, xanh trời, xanh bèo" (Xuân Diệu).

– Không gian thu tĩnh lặng, phảng phất buồn:

+ Vắng teo + Trong veo + Khẽ đưa vèo

+ Hơi gợn tí + Mây lơ lửng

–> Các hình ảnh được miêu tả trong trạng thái ngưng chuyển động hoặc chuyển động khẽ.

– Đặc biệt câu thơ cuối tạo được một tiếng động duy nhất: Cá đâu đớp động dưới chân bèo -> không phá vỡ cái tĩnh lặng, mà ngược lại nó càng làm tăng sự yên ắng, tĩnh mịch của cảnh vật -> Thủ pháp lấy động nói tĩnh.

2. Tình thu:

– Nói chuyện câu cá nhưng thực ra là để đón nhận cảnh thu, trời thu vào cõi lòng.

+ Một tâm thế nhàn: Tựa gối ôm cần

+ Một sự chờ đợi: Lâu chẳng được.

+ Một cái chợt tỉnh mơ hồ: Cá đâu đớp động..

– Không gian thu tĩnh lặng như sự tĩnh lặng trong tâm hồn nhà thơ, khiến ta cảm nhận về một nỗi cô đơn, man mác buồn, uẩn khúc trong cõi lòng thi nhân.

-> Nguyễn khuyến có một tâm hồn hồn gắn bó với thiên nhiên đất nước, một tấm lòng yêu nước thầm kín mà sâu sắc.

3. Đặc sắc nghệ thuật:

– Cách gieo vần đặc biệt: Vần ” eo “(tử vận) khó làm, được tác giả sử dụng một cách thần tình, độc đáo, góp phần diễn tả một không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của nhà thơ.

– Lấy động nói tĩnh- nghệ thuật thơ cổ phương Đông.

– Vận dụng tài tình nghệ thuật đối.

4. Ý nghĩa văn bản : Vẻ đẹp của bức tranh mùa thu, tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng thời thế của tác giả.

III . Kết luận : Nguyễn Khuyến đã mang lại cho chúng ta một bức tranh thơ vô cùng đẹp. Thiên nhiên hiện lên thật sinh động và đặc trưng cho mùa thu của đồng bằng Bắc Bộ tuy nhiên nó lại mang một nét buồn man mác. Nhà thơ dù về ở ẩn nhưng vẫn lo cho vận mệnh của đất nước và nhân dân

IV. LUYỆN ĐỀ:

Đề 1: Cảnh thu và tình thu trong bài “Thu điếu”(Nguyễn Khuyến)

1. Cảnh sắc mùa thu:

a. Điểm nhìn cảnh thu:

- Nếu như trong Thu vịnh, cảnh thu được đón nhận từ cao xa đến gần, rồi từ gần đến cao xa thì ở Thu điếu, cảnh thu được đón nhận từ gần đến cao xa, rồi từ cao xa trở lại gần (điểm nhìn bắt đầu từ chiếc thuyền câu ra mặt ao, nhìn lên bầu trời, nhìn tới ngõ trúc rồi trở về với ao thu, với thuyền câu).

- Bức tranh thu mở ra nhiều hướng sinh động, tác giả đã bao quát bức tranh mùa thu. Cảnh thu hiện lên tĩnh tại, đẹp, tinh khiết đến nao lòng.

b. Nét riêng của cảnh sắc mùa thu:

- *Ao thu* → Hình ảnh quen thuộc, bình dị ở làng quê Bắc Bộ.

- *Nước trong veo*→ đã vắng những cơn mưa mùa hạ, nước trong ao thắm lái lạnh của heo may đã lắng lại, trong vắt đến tận đáy, vần "eo" tạo cảm giác như đứng yên.

→ Cái hay: qua nước thu ta thấy được trời thu (trong sáng), nắng thu (nắng nhiều), gió thu (dịu nhẹ) thể hiện sự hàm súc, tinh tế trong cách dùng từ của NK.

- *Một chiếc thuyền cao bé tẻo teo*→ Sự xứng hợp gợi lên sự xinh xắn, đáng yêu của chiếc thuyền, hình ảnh gắn liền với xóm làng Bình Lục, vần "eo" gợi cảm giác không di động.

- *Sóng biếc theo làn hơi gợn tí*→ con sóng màu xanh biếc theo làn gió nhẹ nên chỉ gợn tí trên mặt ao.

- *Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo*→ chiếc lá rơi khẽ theo gió nhẹ, "vèo" vừa tả ngoại cảnh, vừa gợi tâm cảnh như chữ "vèo" trong thơ Tản Đà "Vèo trong lá rụng đầy sân".

→ Sử dụng từ ngữ tinh tế: từ cực nhỏ về mặt hình khối (*tí*) hô ứng với từ cực nhỏ về âm thanh (*vèo*) → Cả tiếng và hình đều nhỏ.

- *Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt* → Da trời xanh ngắt gợi lên độ tinh khiết, thăm thẳm, tạo cảm giác mông lung, huyền ảo.

→ Bút pháp lấy điểm tả diện cổ điển (nhờ tầng mây lơ lững dưới mái nhà mà nhận ra trời xanh ngắt bên trên).

- *Ngõ trúc quanh co khách vắng teo*→ Hình ảnh đặc trưng của làng quê Bắc Bộ: vào mùa vụ người ra đồng hết, thỉnh thoảng cũng có người bị cái quanh co của ngõ trúc che khuất → KG vắng lặng đến tuyệt đối, vần "eo" gợi cảm giác khép kín.

→ Không khí mùa thu dịu nhẹ, thanh sơ. Màu sắc chủ đạo là màu xanh: xanh ao, xanh sóng, xanh trời, xanh bờ, xanh trúc, xanh bèo, có 1 màu vàng đâm ngang của chiếc lá thu → cảnh tươi mát êm đềm.

→ Cảnh hài hòa giữa màu sắc, đường nét, chuyển động, tạo hình.

→ NK đã sử dụng vần "eo" (tử vận) một cách thần tình góp phần diễn tả một KG thu nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng của nhà thơ → Cảnh thu tĩnh lặng và đượm buồn.

→ NK là bậc thầy trong tả cảnh mùa thu với những chi tiết giàu tính hiện thực → Cảnh thu đẹp, êm đềm, thoáng đãng mang đặc trưng của mùa thu làng quê Bắc Bộ: "điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh VN" (Xuân Diệu).

2. Tâm trạng tác giả:

- Tư thế "tựa gối": ngồi bất động, rất lâu, thu mình lại để trầm tư, mặc tưởng → Câu cá để đón nhận trời thu cảnh thu vào cõi lòng, cảm nhận cái trong, cao, xanh, sóng gợn tí, lá rơi khẽ → tâm hồn yên ắng, tĩnh lặng.

- Nỗi cô quạnh, uẩn khuất trong tâm hồn:

+ Không gian tĩnh lặng, lãnh lẽo cũng chính là tâm hồn nhà thơ đang lạnh lẽo. Cái lạnh buồn của KG thấm vào tâm hồn của nhà thơ thấm vào cảnh vật khó mà tách bạch.

+ Tiếng cá đớp động cũng chính là tiếng động của tâm hồn – từ "đâu" dùng rất thần tình như cái giật mình ngơ ngác kiếm tìm của 1 người mất phương hướng.

→ CCMT thực ra không phải là câu cá mà là cách thể hiện nỗi buồn vì non sông rơi vào tay giặc mà mình không làm được gì để giúp đời, giúp nước.

→ Gợi nhắc điển cố về Khương Tử Nha, bài thơ chuyên chở 1 thông điệp về sự đổi thay.

→ Mượn chuyện câu cá để thể hiện tâm sự: tuy về ở ẩn nhưng không hề thanh thản, luôn dằn dặt, suy tư việc dân việc nước → tấm lòng yêu nước thầm kín nhưng sâu sắc.

3. Thành công nghệ thuật:

- Thể thơ TNBC Đường luật, viết bằng chữ Nôm.

- Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, có khả năng biểu đạt tinh tế.

- Sử dụng vần "eo" (tử vận) một cách thần tính → gợi hình, gợi cảm tạo cảm giác tĩnh lặng.

- Nghệ thuật tả cảnh đặc sắc; Bút pháp thủy mặc Đường thi và vẻ đẹp thi trung hữu họa của bức tranh phong cảnh, lấy động tả tĩnh, tả cảnh ngụ tình…

- Vận dụng nghệ thuật đối tài tình.

- Sáng tạo riêng với những hình ảnh mang vẻ đẹp riêng của mùa thu đồng bằng Bắc Bộ.

Đánh giá:

- Vẻ đẹp của bức tranh mùa thu, tình yêu thiên nhiên, đất nước và tâm trạng thời thế của tg.

- Bài thơ còn thể hiện sự cảm nhận và nghệ thuật gợi tả tinh tế của Nguyễn Khuyến về cảnh sắc mùa thu đồng bằng Bắc Bộ, đồng thời cho thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước, tâm trạng thời thế và tài thơ Nôm của tác giả. NK là 1 con người bình dị, gắn bó sâu sắc với quê hương biết rung động với những vẻ đẹp đơn sơ của chốn thôn quê thanh bình, biết hướng về sự thanh sạch cao quí là luôn có tinh thần trách nhiệm với cuộc đời.

Đề 2: Vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Khuyến qua bài thơ "Thu điếu".

1. Mở bài

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Khuyến và bài thơ Câu cá mùa thu

- Dẫn dắt vào vấn đề: vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ Nguyễn Khuyến

2. Thân bài

- Những nét khái quát chung

• Hoàn cảnh sáng tác, thể loại..

• Nội dung: Bài thơ thể hiện sự cảm nhận và nghệ thuật gợi tả tinh tế của Nguyễn Khuyến về cảnh sắc mùa thu đồng bằng Bắc bộ. Đồng thời cho thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước, tâm trạng thời thế của tác giả.

- Cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Khuyến

• Tình yêu thiên nhiên gắn liền với tình cảm quê hương, đất nước o Nhà thơ đã cảm nhận bằng nhiều giác quan: thị giác, thính giác, xúc giác và thường là sự hoà trộn nhiều cảm giác (thị giác với thính giác: Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo; thị giác vói xúc giác: Ao thu lạnh lẽo nước trong veo).

- Thơ viết về thiên nhiên còn phản ánh tình cảm quê hương đất nước nếu đó là thiên nhiên của quê hương, đất nước mình.

- Phải là người gắn bó sâu sắc và tha thiết vói quê hương, Nguyễn Khuyến mới cảm nhận được vẻ đẹp riêng của cảnh sắc quê hương, đồng thời thể hiện vẻ đẹp ấy bằng nét bút vừa chân thật, vừa tinh tế. Bức tranh Câu cá mùa thu mang được cái hồn dân tộc, vượt khỏi công thức, ước lệ không chỉ bởi bài thơ mà còn bởi tình yêu thiên nhiên đất nước của tác giả.

• Tâm trạng thời thế của một tâm hồn thanh cao

- Tâm trạng tác giả qua bài thơ là một nỗi u hoài, u hoài nên thì khi trầm ngâm khi lại như giật mình thảng thốt: Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo; Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

- Nỗi u hoài từ tam canh toa lan ra ngoại cảnh, phủ lên cảnh vật vẻ thanh sơ đến hiu hắt. Không gian tĩnh lặng ở Câu cá mùa thu đem đến sự cảm nhận về một nỗi cô quạnh, uẩn khúc trong tâm hồn nhà thơ. Vị Tam nguyên Yên Đổ về sống giữa

làng quê, giữa cảnh đời thôn dã nhưng vẫn nặng lòng thời thế, vẫn suy nghĩ về hiện tình đất nước và âm thầm "thẹn" cho sự bất lực của chính mình.

• Mở rộng:

- Đặt Câu cá mùa thu trong chùm thơ thu, với Vịnh mùa thu (Thu vịnh) Uống rượu mùa thu (Thu ẩm) ta càng thấy rõ tâm trạng thời thế của một tâm hồn thanh cao Nguyễn Khuyến, ở bài Vịnh mùa thu, tác giả sống trong tâm trạng buồn đến thẫn thờ, ngơ ngẩn, mất cả ý niệm không gian, thời gian. Hoa nở năm nay mà ngỡ là hoa năm ngoái. Ngỗng kêu trên trời nước mình mà ngỡ ngỗng nước nào. Buồn đến nhân hứng muốn viết thơ mà "nghĩ ra lại thẹn với ông Đào". Nguyễn Khuyến thẹn với Đào Tiềm — danh sĩ đời Tấn vừa có tài thơ, vừa có nhân cách. Đào Bành Trạch không vì năm đấu gạo mà uốn gối khom lưng trước thói tục, đã treo ấn từ quan từ hồi còn trẻ. Tam nguyên Yên Đổ cũng đã vứt miếng đỉnh chung về ở ẩn tại quê nhà, nhưng so với Đào Tiềm ông vẫn tự cho mình là từ quan hơi muộn.

- Ở bài uống rượu mùa thu, Nguyễn Khuyến nói chuyện uống rượu nhưng thực ra là để đón nhận cảnh thu, để quên đi bao sự đời đau buồn, tủi hổ. Mượn chén rượu để thưởng thức thú ngắm cảnh, ngắm trăng, mượn "say" để nói "tỉnh". Say thiên nhiên mà tỉnh trước sự đời. Đằng sau cái "say nhè" sau năm ba chén rượu là một tuý ông nặng lòng trước thời thế. o Như vậy có thể nói, với Câu cá mùa thu, người đọc nhận ra ở Nguyễn Khuyến một tâm hồn gắn bó với thiên nhiên, đất nước, một tấm lòng yêu nước thầm kín nhưng không kém phần sâu sắc.

3. Kết bài: - Nêu cảm nhận chung về tâm hồn của nhà thơ Nguyễn Khuyến - Mở rộng vấn đề bằng suy nghĩ, liên tưởng của bản thân

CHUYÊN ĐỀ : THƯƠNG VỢ – TRẦN TẾ XƯƠNG

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Kiến thức cơ bản về tác giả, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
- Luyện đề phân tích tác phẩm, hình tượng nhân vật trữ tình.
- Luyện các dạng đề: NL về một ý kiến, liên hệ, so sánh.

2. Kĩ năng: Phân tích đề, lập dàn ý cho đề văn nghị luận.

3. Tư duy, thái độ: Nghiêm túc trong học tập.

B. Phương tiện

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…
- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

C. Phương pháp: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành.

D. Tiến trình tổchức dạy học

1.Ổn định lớp

Lớp	Sĩ số	HS vắng	Ngày dạy

2. Kiểm tra bài cũ: Kt sách vở của hs

3. Bài mới

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1.. Tìm hiểu chung

a. Tác giả

- Trần Tế Xương (1870 - 1907) thường gọi là Tú Xương.
- Quê làng Vị Xuyên - Mĩ Lộc - Nam Định.
- Tú Xương sống 37 năm chỉ đỗ tú tài nhưng sự nghiệp thơ ca của ông trở thành bất tử.
- Sáng tác của Tú Xương gồm 2 mảng: trữ tình và trào phúng.

b. Đề tài, vị trí bài thơ

"Thương vợ" là một trong những bài thơ hay nhất và cảm động nhất của Tú Xương.

c. Hoàn cảnh ra đời:

bài thơ ra đời xuất phát từ tình cảm yêu thương quý trọng của Tú Xương dành cho vợ.

2. Nội dung và nghệ thuật:

a. Hai câu đề

Kể về công việc làm ăn và gánh nặng mà bà Tú phải đảm đang:

- *Quanh năm* : Cách tính thời gian vất vả, triền miên, hết năm này sang năm khác.
- *Mom sông* : Địa điểm làm ăn cheo leo, nguy hiểm, không ổn định

- *Nuôi đủ 5 con… 1 chồng* : Bà Tú nuôi 6 miệng ăn. Ông Tú tự coi mình như một thứ con riêng đặc biệt (Một mình ông = 5 người khác).

  => Lòng biết ơn sâu sắc công lao của bà Tú đối với cha con ông Tú. Lòng vị tha cao quí của bà càng thêm sáng tỏ.

b. Hai câu thực

Đặc tả cảnh làm ăn vất vả để mưu sinh của bà Tú.

- *Lặn lội thân cò*: Vất vả, đơn chiếc khi kiếm ăn.
- *Quãng vắng, đò đông*: Cảnh kiếm sống chơi vơi, nguy hiểm.
- *Eo sèo*: Chen lấn, xô đẩy, vì miếng cơm manh áo của chồng con mà đành phải rơi vào cảnh liều lĩnh cau có, giành giật.
- Nghệ thuật đảo ngữ: Sự vất vả, sự hi sinh lớn lao của bà Tú đối với gia đình

  => Nói bằng tất cả nỗi chua xót. Thấm đẫm tình yêu thương.

c. Hai câu luận

- *Một duyên / năm nắng*
- *Hai nợ / mười mưa*
- *Âu đành phận / dám quản công*

  => Câu thơ như một tiếng thở dài cam chịu. Cách sử dụng phép đối, thành ngữ, từ ngữ dân gian, bộc lộ kiếp nặng nề nhưng rất mực hi sinh của bà Tú.

- Dùng số từ tăng tiến: 1-2-5-10: Đức hi sinh thầm lặng cao quí. Bà Tú hiện thân của một cuộc đời vất vả, lận đận. Ở bà hội tụ tất cả đức tính tần tảo đảm đang, nhẫn nại. Tất cả hi sinh cho chồng con.

  => Ông Tú hiểu được điều đó có nghĩa là vô cùng thương bà Tú. Nhân cách của Tú Xương càng thêm sáng tỏ.

d. Hai câu kết

- Tú Xương tự chửi mình vì cái tội làm chồng mà hờ hững, để vợ phải vất vả lặn lội kiếm ăn. Ông vừa cay đắng vừa phẫn nộ.
- Tú Xương chửi cả xã hội, chửi cái thói đời đểu cáng, bạc bẽo để cho bà Tú vất vả mà vẫn nghèo đói.
- Từ tấm lòng Thương vợ đến thái độ đối với xã hội

=> Nhân cách của Tú Xương ân tình, nhân ái, chân thật.

e. Nghệ thuật

- Vận dụng sáng tạo ngôn ngữ và thi liệu văn hóa dân gian.
- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa trữ tình và trào phúng.

3. Tổng kết

Chân dung người vợ trong cảm xúc yêu thương cùng tiếng cười tự trào và một cách nhìn về thân phận người phụ nữ của Tú Xương.

II. LUYỆN ĐỀ:

Đề 1: Cảm hứng nhân đạo trong tác phẩm: *Thương vợ* (Trần Tế Xương)

2. Nội dung khái quát:

a. Khái quát:

- Khái quát về xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm

Giải thích

- Nhân đạo là đạo lí hướng tới con người, vì con người, là tình thương giữa người với người.

- Nhân đạo là một trong hai cảm hứng lớn của văn học tạo nên giá trị của một tác phẩm văn chương chân chính.

Biểu hiện của cảm hứng nhân đạo:

+ Cảm thông với những số phận bất hạnh.

+ Trân trọng và ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của con người.

+ Phê phán, tố cáo những thế lực chà đạp lên quyền sống của con người.

+ Đồng tình với những ước mơ, khát vọng chính đáng của con người

- Cảm hứng nhân đạo cùng với cảm hứng yêu nước là hai sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ nền văn học Việt Nam.

Nội dung cụ thể:

1. Cảm hứng nhân đạo trong bài thơ (thương vợ) Trần Tế Xương, biểu hiện qua các khía cạnh;

1.1. Nhân đạo trước hết là niềm cảm thương chân thành trước nỗi vất vả của bà Tú .

(Phân tích câu 1,3,4, chú ý khai thác các biện pháp nghệ thuật:Lời kể,đảo ngữ,từ láy,vận dụng sáng tạo hình ảnh VHDG)

+ Câu đầu nói về thời gian và không gian làm việc của bà Tú. Bà phải làm việc vất vả "quanh năm", suốt bốn mùa không ngơi nghỉ, cứ hết ngày này sang ngày khác, hết năm này qua năm khác, không kể nắng mưa. Bà làm việc vất vả quanh năm suốt tháng như thế ở "mom sông", nơi có mỏm đất nhô ra ven bờ sông chênh vênh, nguy hiểm. Bà phải cật lực buôn bán ở một nơi nguy hiểm như thế để đảm bảo kinh tế gia đình, "nuôi đủ" chồng và con.

+ Hai câu thơ 3,4 có cấu tạo đặc biệt: đảo vị ngữ lên đầu câu, nhấn mạnh hai từ láy gợi hình. Bà Tú phải "lặn lội" sớm hôm, chạy vạy ngược xuôi "khi quãng vắng". Công việc khiến bà Tú phải thức dậy đi làm từ khi mọi người vẫn đang còn ngủ và trở về nhà khi mọi người đều đã sum họp bên gia đình, khi bên ngoài đường đều là những "quãng vắng" có phần nguy hiểm với một người phụ nữ. Câu thơ đầu sử dụng hình ảnh ẩn dụ quen thuộc của ca dao Việt Nam là "con cò". Trong ca dao, hình ảnh con cò thường tượng trưng cho người lao động, đặc biệt là người phụ nữ lam lũ, nghèo khổ, bất hạnh. Cách sáng tạo hình ảnh "con cò" thành "thân cò" để

chỉ bà Tú vừa cho thấy sự lam lũ, vất vả, cực nhọc đến tội nghiệp, đáng thương của bà Tú, vừa cho thấy tình thương mà ông Tú dành cho bà. Chẳng những phải vất vả thức khuya dậy sớm mà bà Tú còn phải chịu những khó khăn chồng chất trong công việc buôn bán. Khi chợ đã đông, đã lắm kẻ bán người mua, bà không tránh khỏi phải chịu những điều tiếng kêu ca, phàn nàn "eo sèo" của khách hàng. Cả hai câu thơ, với việc sử dụng phép đối, phép đảo và những từ láy gợi hình cùng với hình ảnh ẩn dụ quen thuộc, nhà thơ đã khắc họa những vất vả, khổ cực của bà Tú, từ đó gợi ra hình ảnh một người vợ lam lũ, chịu thương chịu khó vì chồng con. Qua đó cũng cho thấy sự thấu hiểu, tình yêu thương của ông Tú với người vợ tảo tần.

1.2. Nhân đạo thể hiện ở việc ca ngợi, trân trọng vẻ đẹp bà Tú : Đảm đang, tháo vát, giàu đức hy sinh, tri ân vợ .

(Phân tích câu 2, 5, 6 ; chú ý khai thác nghệ thuật :Cách nói dí dỏm,đối thành ngữ, tăng tiến, âm điệu dằn vặt)

+ Câu hai cho thấy gánh nặng gia đình trên vai bà Tú. Đặc biệt, cách nói về gánh nặng gia đình mà bà Tú phải đảm nhiệm thật độc đáo : "năm con với một chồng". Dường như, ông Tú đang tự đặt mình lên bàn cân và thấy một mình ông "nặng" bằng năm đứa con. Bà Tú phải nuôi ông bằng nuôi thêm năm đứa con nữa. Cách nói ấy gợi ra nụ cười mỉa mai chính mình của ông Tú: hóa ra, mình cũng chỉ là một thứ con cần phải nuôi. Nhận ra mình là một gánh nặng trên đôi vai gầy của vợ cho thấy ông Tú hết sức biết ơn người vợ tần tảo của mình.

+ Hai câu thơ 5,6 có đến hai thành ngữ để nói về bà Tú. "Một duyên hai nợ" là thành ngữ cho thấy nỗi vất vả của bà: chỉ có một cái "duyên" may mắn với ông Tú mà bà lại chịu đến "hai nợ", hai gánh nặng là chồng và con. Nhưng bà không hề kêu ca, phàn nàn, không than trời kêu đất mà vui vẻ chấp nhận như đó là số phận của mình, "âu đành phận". Nỗi vất vả và đức hi sinh của bà Tú không chỉ có thế. Dù phải "năm nắng mười mưa", đi trưa về tối thì bà vẫn "dám quản công", bà không kể công lao, không quản ngại gian khó. Bà chịu đựng hi sinh tất cả để lo cho gia đình, bà không nghĩ gì cho riêng bản thân mình. Hai câu luận này, bằng phép đối và vận dụng sáng tạo thành ngữ, nhà thơ đã hoàn thành nốt bức chân dung về phẩm cách cao quý của bà Tú : lòng yêu thương chồng con và đức hi sinh cao cả.

Ở hai câu thơ này, giọng thơ chùng xuống mang âm hưởng dằn vặt, vật vã, gợi ra một tiếng thở dài nặng nề, chua chát của một ông chồng cảm thấy mình vô dụng, phải để vợ một mình gồng gánh việc gia đình. Điều đó chứng tỏ tấm lòng yêu thương vợ rất mực của Tú Xương.

1.3. Giá trị nhân văn thể hiện ở sự tự trách mình, lên án thói đời, bộc lộ tình yêu thương vợ da diết ; (Phân tích câu 7, 8)

Nhà thơ sử dụng khẩu ngữ "cha mẹ" để chửi "thói đời" làm bà Tú khổ. "Thói đời" ấy là cái "thói" phổ biến trong xã hội phong kiến cũ: chồng là nhà nho thì chỉ biết ăn, học, lều chõng thi cử, còn vợ lại một mình lo kinh tế gia đình, chèo chống giang sơn nhà chồng. Chửi thói đời đen bạc chưa hả, ông quay sang chửi chính mình là "chồng hờ hững", là ông chồng vô tích sự, không làm gì được cho vợ đỡ khổ, lại còn "ăn bám" vợ. Có lẽ tự giận mình quá nên ông Tú đã quá lời chửi mình là đồ "chồng hờ hững" chứ thực ra, một người phát hiện ra, biết trân trọng và hết lời ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của vợ, còn tự nhận ra thiếu sót của mình mà tự lên án mình gay gắt như thế thì cũng không phải đến nỗi là "hờ hững". Là một nhà Nho với tính tự trọng cao và đặc biệt là sống trong xã hội mang nặng tư tưởng trọng nam khinh nữ, vậy mà ông vẫn tỏ ra rất kính trọng người vợ của mình, chẳng những thế còn tự nhận khuyết điểm của mình một cách chân thành, tự chửi mình chứng tỏ ông Tú là con người có nhân cách đáng trọng. hai câu thơ cuối bài với ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên, vận dụng khẩu ngữ đời thường, tác giả bộc lộ sự xót xa vì cảnh làm chồng mà để vợ phải nuôi, trở thành gánh nặng cho vợ; đồng thời cũng thể hiện nhân cách cao đẹp của ông Tú.

2. Đánh giá:

- Đến với bài thơ "Thương vợ" của Trần Tế Xương nhìn với góc độ đạo lý, bà Tú đang tuân theo bổn phận làm vợ nhưng nhìn ở góc độ tình cảm, ta thấy bà làm tất cả vì chồng con mà không than thở, ở bà hiện lên vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam. Đó là sự đảm đang, chịu thương, chịu khó và đức hi sinh âm thầm vì chồng con.

- Từ đây ta càng cảm thông sâu sắc cho số phận người phụ nữ Việt Nam xưa, phải chịu nhiều khổ cực, tủi nhục, hiu quạnh, tình duyên hẩm hiu, trắc trở… Cái gốc

của nhà thơ vẫn là tấm lòng. Nhà thơ viết vì cuộc đời, vì con người, là nhà nhân đạo chủ nghĩa.

- Ngày nay thân phận người phụ nữ đã chiếm một vị trí quan trọng trong gia đình. Bởi lẽ cái xã hội "Trọng nam khinh nữ" đã bị xóa bỏ mà thay vào đó là một xã hội "công bằng, bình đẳng, nam nữ bình quyền". Nhưng không vì thế mà người phụ nữ Việt Nam làm mất đi vẻ thuần phong mỹ tục vốn có của mình. Và vẫn giữ được phẩm chất, vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Viêt Nam, đảm đang tháo vác.

- Khẳng định giá trị nhân văn trong bài thơ đó là niềm cảm thông, sẻ chia của Tú Xương dành cho vợ, ông không chỉ thương vợ mà còn ơn vợ, không chỉ lên án thói đời mà còn tự trách mình.

Đề 2:

Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam thời xưa qua bài "Tự tình 2" và "Thương vợ"

1. Mở bài: Giới thiệu hình ảnh người phụ nữ trong văn học nói chung.

2.Thân bài

Các ý chính cần đạt là:

* Cảm hứng về người phụ nữ trong thơ Hồ Xuân Hương và thơ Trần Tế Xương.

* Qua ba bài thơ, hình ảnh người phụ nữ Việt Nam thời xưa được thể hiện nổi bật những phẩm chất sau:

– Người phụ nữ chịu nhiều thiệt thòi, gian nan, vất vả:

+ Ở bài Thương vợ là hình ảnh người phụ nữ chịu thương chịu khó, lặn lội sớm khuya, vất vả quanh năm vì những gánh nặng cơm áo gạo tiền của gia đình.

+ Ở bài Tự tình là nỗi buồn về thân phận, về chuyện tình duyên, về hạnh phúc gia đình – những điều rất quan trọng và vô cùng có ý nghĩa đối với những người phụ nữ. – Người phụ nữ với nhiều phẩm chất tốt đẹp và khao khát yêu thương:

+ Trong hai bài thơ của Hồ Xuân Hương, hình ảnh người phụ nữ còn hiện lên nổi bật với niềm khao khát yêu thương và khao khát được yêu thương mạnh mẽ.

+ Ở bài Thương vợ, hình ảnh bà Tú nổi bật với vẻ đẹp của người phụ nữ truyền thống Việt Nam nhân hậu, đảm đang, giàu đức hi sinh, yêu chồng thương con hết mực.

3. Kết bài: Tổng kết và đánh giá vấn đề nghị luận. Nêu cảm nghĩ của bản thân.

CHUYÊN ĐỀ : BÀI CA NGẤT NGƯỞNG – NGUYỄN CÔNG TRỨ

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Kiến thức cơ bản về tác giả, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

- Luyện đề phân tích tác phẩm, hình tượng nhân vật trữ tình.

- Luyện các dạng đề: NL về một ý kiến, liên hệ, so sánh.

2. Kĩ năng: Phân tích đề, lập dàn ý cho đề văn nghị luận.

3. Tư duy, thái độ: Nghiêm túc trong học tập.

B. Phương tiện

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

C. Phương pháp: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành.

D. Tiến trình tổchức dạy học

1.Ổn định lớp

Lớp	Sĩ số	HS vắng	Ngày dạy
11A4			

2. Kiểm tra bài cũ: Kt sách vở của hs

3. Bài mới

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả

– NCT (1778-1858), hiệu là Hi Văn, quê ở Uy Viễn, Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

– Học giỏi, giàu chí khí, tài hoa, văn võ toàn tài nhưng nhiều thăng trầm trên đường công danh.

– Giàu lòng yêu nước, thương dân.

– Thơ văn: có trên 50 bài thơ, trên 60 bài ca trù và một bài phú Nôm nổi tiếng là *Hàn nho phong vị phú*.

2. Tác phẩm

– HCRĐ: được làm sau năm 1848 khi nhà thơ đã cáo quan về hưu.

– Thể loại: hát nói – một thể thơ tự do, phóng khoáng.

II. Phân tích

1. Ngất ngưởng

– Xuất hiện 4 lần: câu 4,8,12 và câu cuối.

– Tư thế: một con người, một sự vật có chiều cao hơn con người hoặc sự vật khác nhưng ngả nghiêng trực đổ nhưng ko đổ.

ð Gây cảm giác khó chịu cho người xung quanh, như trêu chọc, trêu ngươi.

– Thái độ sống:

+ khác người, xem mình cao hơn người khác.

+ thoải mái, tự do, phóng túng, ko theo một khuôn khổ nào hết.

+ trêu ngươi, chọc tức người khác

ð Bố cục:

– 6 câu đầu : *Ngất ngưởng* chốn quan trường.

– 12 câu tiếp: *Ngất ngưởng* ở chốn hành lạc.

Câu cuối: *Ngất ngưởng* chốn triều chung

2. Ngất ngưởng chốn quan trường.

· Nội dung

– 2 câu đầu: quan niệm về cuộc sống, công danh

+ Tự đề cao vai trò của mình trong cõi trời đất: không có việc gì ko phải phận sự của ta => tuyên ngôn trang trọng về lẽ sống nhập thế.

+ Coi việc nhập thế làm quan như một sự bó buộc, giam hãm trong lồng

ð Chỉ có thể được viết ra khi tác giả đã trải qua những năm tháng thăng trầm *lợm mùi giáng chức với thăng quan*.

– Khoe tài năng hơn người: giỏi văn chương (thủ khoa); tài dùng binh (thao lược) => văn võ song toàn.

– Khoe danh vị xã hội hơn người: tham tán, tổng đốc, đại tướng, phủ doãn Thừa Thiên

– Thay đổi chức vụ liên tục, ko chịu ở yên một vị trí công việc nào quá lâu.
· Nghệ thuật

– Sử dụng nhiều từ Hán Việt mang màu sắc trang trọng.

– Thủ pháp NT: điệp từ kết hợp liệt kê vừa có tác dụng khoe tài, vừa nhấn mạnh các chức danh đã từng trải qua.

ð Thể hiện một ý thức rõ nét, trang trọng về tài năng và địa vị của bản thân.
– Giọng điệu: lúc khoe khoang, phô trương; lúc tự cao tự đại, khinh đời. NCT muốn chơi ngông với thiên hạ dựa trên tài năng và sự nghiệp của bản thân. Khoe khoang chỉ là cái vỏ để dấu bên trong một cái tôi ý thức về tài năng và danh vị của bản thân

Các bptt

– Sử dụng nhiều từ Hán Việt mang màu sắc trang trọng.

– điệp từ *khi* kết hợp liệt kê vừa có tác dụng khoe tài, vừa nhấn mạnh các chức danh đã từng trải qua.

– Cách ngắt nhịp dồn dập, mạnh mẽ thể hiện niềm vui. niềm tự hào về những thành tích mà ông đã đạt được trong thi cử, quan trường

ð Thể hiện một ý thức rõ nét, trang trọng về tài năng và địa vị của bản thân.

Về hình thức:

+ Số đoạn: 1 đoạn

+ Số câu: 8-10 câu

+ Kĩ năng làm văn: Viết đoạn văn, sử dụng thao tác lập luận phân tích

– Về nội dung:

+ Hình ảnh con người ngất ngưởng khi làm quan: tự ý thức trách nhiệm đối với cuộc đời, ý thức về tài năng, địa vị bản than

+ Hình ảnh người quân tử sống bản lĩnh, tự tin, kiên trì lí tưởng

3. 12 câu tiếp: Ngất ngưởng khi đã cáo quan về hưu :

– Ko yến tiệc linh đình, tặng phẩm vua ban mà thay vào đó là: cưỡi bò cái về hưu, đeo đạc ngựa cho bò, đi chùa lại mang theo một vài cô đầu khiến Bụt cũng phải cười => làm việc trái khoáy, khác người, như muốn trêu ngươi người khác.

– *Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng*: thủ pháp liệt kê khiến mạch thơ trở nên dồn dập, liền mạch gợi về những thú vui bất tận.

ð thái độ hành lạc thỏa thích, phóng túng, tự do, thích gì làm nấy, sống theo cách của mình, sống cho thích chí.

– Được – mất (ở đời): vẫn vui như *tái ông thất mã*.

– Khen chê: mặc như gió thổi, bỏ ngoài tai.

ð Thái độ coi thường sự được mất, khen chê ở đời.

– *Không Phật, không Tiên, không tục*

ð Thái độ ko giống ai, nhập tục mà ko vướng tục.

– *Chẳng Trái, Nhạc cũng vào phường Hàn, Phú / Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung*
Thái độ tự khẳng định mình là bề tôi trung thành, tài năng như Trái Tuân, Nhạc Phi….giữ trọn vẹn lòng trung, hết lòng với dân với nước

ð Cái ngất ngưởng thể hiện ở cách sống tự do của bậc tài tử phong lưu,không ngần ngại khẳng định cá tính của mình.

ð NCT ý thức về bản lĩnh và phẩm chất giá trị của bản than

ð Cái tôi ngất ngưởng đáng trọng.

4. Câu cuối: Ngất ngưởng chốn triều chung

– Khẳng định mình là một đại thần *ngất ngưởng* trong triều, ko ai trong triều như ông, bằng ông.

– Nêu bật sự khác biệt của mình với tập đoàn phong kiến đương thời. Đó là một cái tôi

riêng đứng bên ngoài đám quan lại nhợt nhạt.

– Thể hiện ý hướng vượt ra khỏi lễ giáo Nho gia.

– Thể hiện tấm lòng son sắt trước sau như một đối với đất nước.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

Sự phù hợp của thể hát nói với việc bày tỏ tư tưởng, tình cảm tự do phóng túng, thoát ra ngoài khuôn khổ của tác giả.

2. Nội dung

Con người NCT thể hiện trong hình ảnh " ông ngất ngưởng": từng làm nên sự nghiệp lớn, tâm hồn phóng khoáng, bản lĩnh sống mạnh mẽ, ít nhiều có sự phá cách về quan niệm sống, vượt qua khuôn sáo khắt khe của lễ giáo phong kiến.

IV. LUYỆN ĐỀ:

PHÂN TÍCH CÁI TÔI NGẤT NGƯỞNG CỦA NGUYỄN CÔNG TRỨ

I. Mở bài

- Đôi nét về tác giả Nguyễn Công Trứ và *Bài ca ngất ngưởng*: Tác giả là một con người có bản ngã độc đáo, đầy tài năng và tâm huyết với chí làm trai hào hùng. *Bài ca ngất ngưởng* là một tác phẩm tiêu biểu trong số những sáng tác của ông

- Trong bài hát nói, tác giả đã bộc lộ cái tôi ngất ngưởng một cách rõ nét.

II. Thân bài

1. Thế nào là cái "tôi" ngất ngưởng?

- Cái "tôi" : Cá tính, dấu ấn cá nhân của nhà văn trong tác phẩm

- "ngất ngưởng": thế cao chênh vênh, không vững, nghiêng ngã.⇒ tư thế, thái độ cách sống ngang tàng, vượt thế tục của con người.

⇒ Cái tôi ngất ngưởng: Cá tính của tác giả bộc lộ trong tác phẩm: ý thức rất rõ về tài năng và bản lĩnh của mình, kể cả khi làm quan, ra vào nơi triều đình và khi đã nghỉ hưu.

2. Cái tôi ngất ngưởng chốn quan trường

- Sự xuất hiện của con người với tài năng, bản lĩnh và cá tính phóng khoáng

+ " Vũ trụ nội mạc phi phận sự": thái độ tự tin khẳng định mọi việc trong trời đất đều là phận sự của tác giả ⇒ Tuyên ngôn về chí làm trai của nhà thơ.

+ "Ông Hi Văn…vào lồng": Coi nhập thế là việc làm trói buộc nhưng đó cũng là điều kiện để bộc lộ tài năng

- Cái tôi ngất ngưởng được thể hiện tác giả điểm lại việc mình đã làm ở chốn quan trường và tài năng của mình:

+ Tài năng: Giỏi văn chương (khi thủ khoa), Tài dùng binh (thao lược) ⇒ Tài năng lỗi lạc xuất chúng

+ Khoe danh vị, xã hội hơn người: Tham tán, Tổng đốc, Đại tướng (bình định Trấn Tây), Phủ doãn Thừa Thiên

⇒ Khẳng định tài năng và lí tưởng phóng khoáng khác đời ngạo nghễ của một người có khả năng xuất chúng

3. Cái tôi ngất ngưởng trong phong cách, lối sống

- Cái tôi ngất ngưởng thể hiện ở cách sống theo ý chí và sở thích cá nhân

+ Cưỡi bò đeo đạc ngựa.

+ Đi chùa có gót tiên theo sau.

⇒ Sở thích kì lạ, khác thường, thậm chí có phần bất cần và ngất ngưởng

+ Bụt cũng nực cười: thể hiện hành động của tác giả là những hành động khác thường, ngược đời, đối nghịch với quan điểm của các nhà nho phong kiến.

⇒ Cá tính người nghệ sĩ mong muốn sống theo cách riêng

- Cái tôi ngất ngưởng thể hiện trong triết lí tự nhiên , ung dung tự tại, lấy tận hưởng lạc thú làm lẽ tồn tại

+ "Được mất ... ngọn đông phong": Tự tin đặt mình sánh với "thái thượng", tức sống ung dung tự tại, không quan tâm đến chuyện khen chê được mất của thế gian

+ "Khi ca… khi tùng": tạo cảm giác cuộc sống phong phú, thú vị, từ "khi" lặp đi lặp lại tạo cảm giác vui vẻ triền miên .

+ " Không …tục": Khẳng định lối sống riêng độc nhất của bản thân mình

⇒ Con người ngất ngưởng ở đây là con người thoát mình khỏi những tư tưởng phong kiến siêu hình, bảo thủ

4. Tuyên ngôn khẳng định bản lĩnh, cá tính, cái tôi ngất ngưởng

- Khái quát về cái tôi ngất ngưởng được thể hiện trong con người với hai đặc điểm: đạo lí trung quân và cá tính vượt ra ngoài khuôn khổ:

+ "Chẳng trái Nhạc.. Nghĩa vua tôi cho trọn đạo sơ chung": Sử dụng điển cố, ví mình sánh ngang với những người nổi tiếng có sự nghiệp hiển hách như Trái Tuân, Hàn Kì, Phú Bật…

⇒ Khẳng định bản lĩnh, khẳng định tài năng sánh ngang bậc danh tướng. Tự khẳng định mình là bề tôi trung thành.

+ "Trong triều ai ngất ngưởng như ông": vừa hỏi vừa khẳng định vị trí đầu triều về cách sống "ngất ngưởng"

⇒ Lời tuyên ngôn của một cái tôi ngất ngưởng không chịu bó mình theo khuôn khổ, đi theo quan niệm, triết lí của mình và tự tin, ngạo nghễ trước điều đó.

III. Kết bài

- Tổng kết một số nét đặc sắc trên phương diện nghệ thuật thể hiện thành công cái tôi ngất ngưởng của Nguyễn Công Trứ

- Suy nghĩ bản thân về cái tôi ngất ngưởng của tác giả

CHUYÊN ĐỀ : BÀI CA NGẮN ĐI TRÊN BÃI CÁT – CAO BÁ QUÁT

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Kiến thức cơ bản về tác giả, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

- Luyện đề phân tích tác phẩm, hình tượng nhân vật trữ tình.

- Luyện các dạng đề: NL về một ý kiến, liên hệ, so sánh.

2. Kĩ năng: Phân tích đề, lập dàn ý cho đề văn nghị luận.

3. Tư duy, thái độ: Nghiêm túc trong học tập.

B. Phương tiện

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

C. Phương pháp: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành.

D. Tiến trình tổchức dạy học

1.Ổn định lớp

Lớp	Sĩ số	HS vắng	Ngày dạy
11A4			

2. Kiểm tra bài cũ: Kt sách vở của hs

3. Bài mới

- Truyện ngắn "Chí Phèo" ban đầu có tên là "Chiếc lò gạch cũ", khi in thành sách lần đầu, nhà xuất bản đã đổi lại tên là "Đôi lứa xứng đôi". Đến khi in lại trong tập "Luống cày", tác giả đặt lại tên theo nhân vật chính là "Chí Phèo".

- Thiên truyện viết về tấn bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người của nhân vật Chí Phèo. Đó cũng là bi kịch tinh thần của một bộ phận nông dân trước Cách mạng tháng Tám bị bần cùng hóa, rồi bị đẩy vào con đường tha hóa, bị từ chối quyền làm người. Bi kịch này thể hiện sâu sắc nhất qua sự giằng co giữa hai cực nhân cách của Chí Phèo (lương thiện – lưu manh), kết thúc bằng cái chết bi thảm. Bi kịch Chí Phèo có ý nghĩa hiện thực, nhân đạo và nghệ thuật lớn lao.

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả

- Cao Bá Quát (1809 - 1855)
- Quê: làng Phú Thị, Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc quận Long Biên, Hà Nội).
- Là người có tài, nổi tiếng văn hay chữ tốt và có uy tín lớn trong giới trí thức đương thời.
- Là người có khí phách hiên ngang, có tư tưởng tự do, ôm ấp hoài bão lớn, mong muốn sống có ích cho đời.

2. Bài thơ

- Hoàn cảnh sáng tác: Cao Bá Quát đi thi Hội. Trên đường vào kinh đô Huế, qua các tỉnh miền Trung đầy cát trắng (Quảng Bình, Quảng Trị) (hình ảnh bãi cát dài, sóng biển, núi là những hình ảnh có thực gợi cảm hứng cho nhà thơ sáng tác bài thơ này).
- Thể thơ: thể ca hành (thơ cổ Trung Quốc được tiếp thu vào Việt Nam).

II. Phân tích

1. Hình ảnh "bãi cát và con người đi trên bãi cát

- "Bãi cát dài lại bãi cát dài": mênh mông dường như bất tận, nóng bỏng.

→ Hình ảnh tả thực: đẹp nhưng dữ dội, khắc nghiệt đã gợi ý cho nhà thơ sáng tác bài thơ này.

→ Hình ảnh biểu tượng: con đường đầy khó khăn mà con người phải vượt qua để đi đến danh lợi.

- Hình ảnh người đi trên bãi cát:
  + Đi một bước như luì một bước: nỗi vất vả khó nhọc
  + Không gian đường xa, bị bao vây bởi núi sông, biển
  + Thời gian: mặt trời lặn vẫn còn đi.
  + Nước mắt rơi → khó nhọc, gian truân.

=> Sự tất tả, bươn chải dấn thân để mưu cầu công danh, sự nghiệp.

2. Tâm trạng và suy nghĩ của lữ khách khi đi trên bãi cát

"Không học được….giận khôn vơi"

Nhịp điệu đều, chậm, buồn: tác giả tự giận mình không có khả năng như người xưa, mà phải tự hành hạ mình, chán nản mệt mỏi vì công danh- lợi danh.

- "Xưa nay phường….bao người"
- Câu hỏi tu từ, hình ảnh gợi tả (hơi men)

→ Sự cám dỗ của danh lợi đối với con người. Vì công danh, lợi danh mà con người bôn tẩu ngược xuôi.Danh lợi cũng là thứ rượu thơm làm say lòng người.

=> Sự chán ghét, khinh bỉ của Cao Bá Quát đối với phường danh lợi. Câu hỏi nhà thơ như trách móc, như giận dữ, như lay tỉnh người khác nhưng cũng tự hỏi bản thân. Ông đã nhận ra tính chất vô nghĩa của lối học khoa cử, con đường công danh đương thời vô nghĩa, tầm thường.

- " Bãi cát dài…ơi…"

Câu hỏi tu từ cũng là câu cảm thán thể hiện tâm trạng băn khoăn, day dứt giữa việc đi tiếp hay dừng lại?

- Khúc đường cùng: ý nghĩa biểu tượng → nỗi tuyệt vọng của tác giả. Ông bất lực vì không thể đi tiếp mà cũng không biết phải làm gì. Ấp ủ khát vọng cao cả nhưng ông không tìm được con đường để thực hiện khát vọng đó. Hay đó là niềm khao khát thay đổi cuộc sống
- Hình ảnh thiên nhiên: phía bắc, phía nam đều đẹp nhưng đều khó khăn, hiểm trở.
- "Anh đứng làm chi trên bãi cát?.." câu hỏi mệnh lệnh cho bản thân → phải thoát ra khỏi bãi cát danh lợi đầy nhọc nhằn chông gai mà vô nghĩa.

Nhịp điệu thơ lúc nhanh, lúc chậm. lúc dàn trả, lúc dứt khoát → thể hiện tâm trạng suy tư của con đường danh lợi mà nhà thơ đang đi.

=> Hình tượng kẻ sĩ cô độc, lẻ loi đầy trăn trở nhưng kì vĩ, vừa quả quyết vừa tuyệt vọng trên con đường đi tìm chân lí đầy chông gai.

3. Nghệ thuật

- Thơ cổ thể , hình ảnh biểu tượng giàu ý nghĩa.
- Phương pháp đối lập, sáng tạo trong việc dùng điển cố điển tích.

4. Ý nghĩa văn bản

Bài thơ là khúc ca mang đậm tính nhân văn của một người cô đơn tuyệt vọng trên đường đời thể hiện qua hình ảnh bãi cát dài, con đường cùng và hình ảnh người đi trên bãi cát.

III. Luyện đề:

Nhân cách nhà nho chân chính trong bài thơ Bài ca ngắn đi trên bãi cát của Cao Bá Quát

Bài làm 1

1. Mở bài

- Giới thiệu: nhân cách nhà nho chân chính.

2. Thân bài

* Giải thích:

- Nhân cách là gì? Nhân cách là tư cách, phẩm chất của con người.

- Thế nào là nhà nho? Nhà nho là những người tri thức thời xưa, theo Nho học.

Nhà nho là người đã học sách thánh hiền được thiên hạ cần để dạy bảo người đời ăn ở hợp luân thường, đạo lí ….

Nhìn chung "Nho" là một danh hiệu chỉ người có học thức, biết lễ nghĩa, biết "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ".

a. Về nhân cách nhà nho trong Bài ca ngắn đi trên bãi cát của Cao Bá Quát

- Vẻ đẹp nhân cách nhà nho trong bài thơ này chủ yếu được thể hiện ở tầm nhìn xa rộng của Cao Bá Quát.

- Tầm tư tưởng cao rộng của nhà thơ chính là ở chỗ đã nhận ra tính chất vô nghĩa của lối học khoa cử, của con đường công danh theo lối cũ. Từ chuyện đi trên cát mà liên tưởng đến chuyện lợi danh, đến chốn quan trường là một sự liên tưởng sáng tạo mà lô-gíc. Người đi trên cát sa lầy vào trong cát chẳng khác nào cái mồi công danh, bổng lộc lôi kéo con người, làm cho con người mê muội.

- Nhìn thấy con đường danh lợi đầy nhọc nhằn, đầy chông gai, tuy chưa thể tìm ra một con đường đi nào khác, song Cao Bá Quát đã thấy không thể cứ đi trên bãi cát danh lợi đó mãi được.

b. Vẻ đẹp nhân cách nhà nho trong bài Bài ca ngất ngưởng của Nguyễn Công Trứ

- Vẻ đẹp nhân cách nhà nho trong thơ này chủ yếu được thể hiện ở thú chơi "ngông" của con người cậy tài, hiểu sâu sắc cái tài của mình.

- Trên cơ sở ý thức về tài năng và nhân cách bản thân, Nguyễn Công Trứ trong Bài ca ngất ngưởng đã phô trương sự ngang tàng, sự phá cách trong lối sống của ông, lối sống ít phù hợp với khuôn khổ của đạo Nho.

- Nguyễn Công Trứ ngất ngưởng khi hành đạo (khi làm quan, thực hiện các chức phận, ông luôn tỏ ra thẳng thắn, thậm chí dám kiến nghị, góp ý cả cho vua). Có được phong cách ngạo nghễ như vậy vì ông có tài năng và tận tâm với sự nghiệp. Không hề luồn cúi để vinh thân phì gia. Trong đời thực, Nguyễn Công Chứ nhiều lần lập công trạng và là người có tài năng nhiều mặt mặc dù vậy ông vẫn phải chấp nhận một cuộc đời làm quan không mấy thuận lợi (ông bị thăng giáng thất thường).

- Sau khi từ quan, cách ông nghỉ và chơi cũng rất ngông, rất khác thường. Ông đeo mo vào đuôi bò nói là để "che miệng thế gian", ông dẫn các cô gái trẻ lên chùa, ông đi hát ả đào và tự đánh giá cao các việc làm ấy. Ông có quyền ngất ngưởng vì ông về hưu trong danh dự, sau khi đã cống hiến rất nhiều cho đất nước. Theo ông, điều quan trọng nhất của nhà nho là hoạt động thực tiễn chứ không phải nếp sống uốn mình theo dư luận. Ông thích hát nói vì đó là môn nghệ thuật ông say mê từ nhỏ. Vì thế khi về hưu ông vẫn đi hát vì không muốn tỏ ra mình là một bậc phi phàm, khác đời như các thánh nhân.

CHUYÊN ĐỀ :

VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC – NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Kiến thức cơ bản về tác giả, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

- Luyện đề phân tích tác phẩm, hình tượng nhân vật trữ tình.

- Luyện các dạng đề: NL về một ý kiến, liên hệ, so sánh.

2. Kĩ năng: Phân tích đề, lập dàn ý cho đề văn nghị luận.

3. Tư duy, thái độ: Nghiêm túc trong học tập.

B. Phương tiện

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

C. Phương pháp: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành.

D. Tiến trình tổchức dạy học

1.Ổn định lớp

Lớp	Sĩ số	HS vắng	Ngày dạy
11A4			

2. Kiểm tra bài cũ: Kt sách vở của hs

3. Bài mới

I. Những nội dung cơ bản

1. Về tác giả

- Con người Nguyễn Đình Chiểu là tổng hoà của ba khía cạnh:

+ Một nhà nho, nhà giáo mẫu mực.

+ Một thầy thuốc y đức.

+ Một nhà thơ, nhà văn yêu nước.

- Quan điểm sáng tác: Văn thơ để nói đạo lí và chiến đấu cho sự nghiệp chính nghĩa.

2. Tìm hiểu chung về tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác

- Viết trong buổi nhân dân tổ chức truy điệu các **nông dân nghĩa sĩ** đã hi sinh trong trận tấn công đồn Cần Giuộc ngày 16/12/1861.

- Tác phẩm ra đời vào cuối 1861, đầu 1862. Đây là thời điểm cả nước, đặc biệt là nhân dân miền Nam đang sôi sục đứng lên chống lại thực dân Pháp. Ngày 16/12/1861 xảy ra một trận đánh đồn Cần Giuộc, nhiều nghĩa sĩ nông dân đã tập kích, phá đồn, tiêu diệt được nhiều giặc Pháp và tay sai, trong trận này, nghĩa binh chết gần 20 người. Cảm kích trước lòng dũng cảm của nghĩa sĩ, tuần phủ Gia Định giao cho **cụ Đồ Chiểu** viết bài văn tế đọc tại buổi lễ truy điệu các nghĩa sĩ.

b. Thể loại

Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* được viết theo thể phú luật Đường trong đó có cách hiệp vần độc vận (một vần) hoặc liên vận (nhiều vần), cách đặt câu (gồm các kiểu câu: tứ tự, bát tự, song quan, cách cú và gối hạc) và luật bằng trắc.

c. Bố cục: 4 đoạn:

- Lung khởi (câu 1-2): Khái quát bối cảnh bão táp của thời đại và khẳng định ý nghĩa cái chết bất tử của người nông dân - nghĩa sĩ.

- Thích thực (từ câu 3 – 15): Tái hiện chân thực hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ, từ cuộc đời lao động vất vả, tủi cực đến giây phút vươn mình trở thành dũng sĩ đánh giặc và lập chiến công.

- Ai văn (câu16 - 28): Bày tỏ lòng tiếc thương, sự cảm phục của tác giả và nhân dân đối với người nghĩa sĩ

- Kết (2 câu cuối): Ca ngợi linh hồn bất tử của các nghĩa sĩ.

2. Nội dung và nghệ thuật

a. Hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ được tái hiện:

- Xuất thân: Những người chiến sĩ cần giuộc đều xuất thân từ những người nông dân chất phát cần cù làm ruộng, "việc cuốc việc cày việc bừa tay đã làm quen".

– Vẻ bề ngoài chỉ là những người nông dân nhưng họ lại có những phẩm chất rất đáng ngợi khen, do hoàn cảnh nghèo đói túng thiếu những người chiến sĩ này phải chăm chỉ làm ăn và có những chiến công vang dội cho dân cho nước.

– Họ có một tấm lòng rất đáng quý dam xả thân vì đất nước tuy tay cày tay bừa nhưng khi có chiến tranh họ sẵn sàng cầm súng để chiến đấu, không một kẻ thù nào có thể đánh bại ý chí kiên cường của những người chiến sĩ cần giuộc.

– Những biểu hiện của lòng câm thù giặc: bữa thấy bòng bong che trắng lốp, muốn tới ăn gan, ngày xem ông khói chạy đen sì muốn ra cắn cổ… đây là những biểu hiện của lòng căm thù quân giặc không có một hành đọng nào của kẻ thù mà nhân dân ta bỏ qua, muốn tới ăn gan, cắn cổ đây là những biểu hiện thẻ hiện lòng căm thù mọt cách sâu sắc.

– Công cụ chiến đấu và trang bị cá nhân của những người chiến sĩ rất thô sơ và mộc mạc, đối lập với công cụ chiến đâu của ta thì kẻ thù lại có những đạn to đạn nhỏ tàu đồng, ta thì vũ khí thô sơ, nhưng điều đó không làm cho nhân dân ta nản chí và lùi bước những hành động và những động từ mạnh được tác giả sử dụng đó là đam ngang, đâm chéo…

b. Tiếng khóc bi thương của tác giả.

– Tác giả đau xót cho những người đã mất, những người dã hy sinh cho đất nước: những người chiến sĩ nằm lại nơi chiến trường để lại ở nhà con thơ và những người mẹ leo đơn, tác giả đã khóc thương cho số phận của những người chiến sĩ những nỗi đau xót xa không bao giờ nguôi, nối đau này không bao giờ bi bi lụy bởi những sự hy sinh của những người chiến sĩ này rất to lớn, nó có thể để lại suy nghĩa cho bao thế hệ hôm nay và mai sau có thể biết ơn và noi theo tinh thần xả thân của những người chiến sĩ cách mạng.

c. Nghệ thuật

– Hình tượng xây dựng nhân vật của tác giả, tác giả đã rất thành công trong việc kết hợp nhuần nhuyễn chất trữ tình và tính hiện thực, ngôn ngữ của bài văn tế giản

dị gần gũi mang đạm chất Nam Bộ, những hình ảnh người chiến sĩ thật sinh động qua những tấm áo rách, những công cụ chiến đấu thô sơ nhưng tinh thần chiến đấu vẫn rất kiên cường.

– Bài văn tế là tiếng khóc bi tráng cho một thời kì lịch sử đau thương những vĩ dại cho cả một dân tộc, những hình ảnh về người chiến sĩ cần giuộc sẽ còn mãi trong thơ văn việt nam.

II.Luyện đề:

Cảm hứng yêu nước trong "*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*":

1. Tiếng khóc đau thương cho thế nước hiểm nghèo

- Mở đầu bài văn tế là một lời than qua hai câu tứ tự song hành. Hai tiếng "*Hỡi ôi*!" vang lên thống thiết là tiếng khóc nghẹn ngào của nhà thơ đối với nghĩa sĩ Cần Giuộc đã anh dũng hy sinh vì vận mệnh của Tổ quốc, là tiếng nấc đau thương cho thế nước hiểm nghèo: "*Súng giặc đất rền; lòng dântrời tổ*":

-> Khái quát đầy đủ hai mặt của biến cố chính trị lớn lao: một bên là cuộc xâm lăng ào ạt, tàn bạo của kẻ thù với vũ khí tối tân "súng"; một bên là vai trò và ý chí chống giặc ngoại xâm luôn âm ỉ trong nhân dân nay bỗng bùng lên sáng ngời.

2. Khắc họa hình tượng người nghĩa sĩ Cần Giuộc

- Cuộc sống nhỏ lẻ, đời tiếp đời nối cái nghèo khó để tồn tại:

- Có lòng căm thù giặc sâu sắc: *"Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ"*. Dẫn đến hành động: *"Bữa thấy bòng bong che trắng lối, muốn tối ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ"*.

-> Có thể nói, lòng yêu nước từ trong xương, trong máu, không phải từ những khái niệm sách vở nào. Họ yêu nước là yêu tấc đất, ngọn rau của họ, là bảo vệ bát cơm manh áo, bảo vệ bát hương, cái bàn thờ ông bà cha mẹ, cũng như thuần phong mỹ tục của xóm làng.

- Ý chí căm thù còn được nâng cao trong sự gắn bó sâu sắc với ý thức công dân về trách nhiệm bảo vệ giang sơn, bảo vệ chủ quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của Tổ quốc.

- Vũ khí của ta chỉ có "một ngọn tầm vông", hoặc "một lưỡi dao phay", một súng "hoả mai" khai hoả "bằng rơm con cúi". Trái lại, giặc Pháp có đầy đủ các vũ khí tối tân như "tàu thiếc, tàu đồng", "đạn nhỏ, đạn to", có bọn lính đánh thuê "mã tà, ma ní" thiện chiến. Vậy mà, những người "dân ấp, dân lân" vẫn lập được chiến công: "đốt xong nhà dạy đạo kia" và "chém rớt đầu quan hai nọ". Khí giới quyết định của họ là tinh thần tự tôn dân tộc, tình thương yêu giống nòi và ý chí căm thù sâu sắc quân cướp nước và bè lũ bán nước.

- Vượt qua mọi gian nguy, với tinh thần "mến nghĩa", với khí thế hăng hái, và lòng dũng cảm vô song, người nông dân Cần Giuộc đã xông lên mạnh như vũ bão.

=> Hình ảnh người nông dân - nghĩa quân hiện lên như bức tượng đài nghệ thuật hào hùng tới mức hiếm có "vô tiền khoáng hậu", bao nhiêu năm sau chưa có cây bút nào vượt được.

3. Lên án triều đình nhà Nguyễn và thực dân Pháp

- Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, người nông dân mong mỏi một vị phúc tinh: "trông tin quan như trời hạn trông mưa". Nhưng thực tế lịch sử ngày càng chứng tỏ vai trò bất lực, ươn hèn và thái độ vô trách nhiệm của giai cấp phong kiến đương thời mà tiêu biểu là triều đình nhà Nguyễn đối với vận mệnh của nhân dân, đất nước.

- Kể tội ác của giặc và bóc trần những thủ đoạn gian trá gọi rằng khai hóa, gọi rằng đưa lại văn minh. Nguyễn Đình Chiểu dứt khoát xem thực dân Pháp là man rợ:"mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ".

-> Qua bài văn tế, Nguyễn Đình Chiểu đã thể hiện rất rõ thái độ "không đội trời chung" đối với quân xâm lược và bè lũ bán nước.

4. Lòng tiếc thương của tác giả và nhân dân đối với liệt sĩ

- Thể hiện tấm lòng ngưỡng mộ, tiếc thương của tác giả, của nhân dân và của gia đình đối với những người nông dân yêu nước, những nghĩa sĩ, những anh hùng vô danh. Nỗi tiếc thương được nảy sinh từ cảnh ngộ éo le, từ cuộc đời chiến đấu của nghĩa sĩ chưa thỏa chí bình sinh mà cái chết đã phũ phàng ập tới:

"Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo".

- Thiên nhiên quê hương, con người quê hương khóc thương cho sự hi sinh của những người nghĩa sĩ và khóc cho cả Tổ quốc đau thương.

=> Như vậy, Nguyễn Đình Chiểu đã nhân danh lịch sử mà cất tiếng khóc cho những người nông dân - "Nghĩa sĩ Cần Giuộc" - họ đứng trên triều đại, đã làm nên lịch sử. Họ hy sinh vì non sông vì dân tộc, cái chết cao đẹp của họ đã đi vào vĩnh cửu. Cái chết của họ đã nhuộm đau thương, tang tóc trùm lên vạn vật.

Ở đây, nói về nghệ thuật, quả thật không phải chỉ là vấn đề bút pháp mà điều cốt lõi nhất là cảm xúc chân thành và sâu nặng của tâm hồn, đó là gốc của nghệ thuật trữ tình.

5. Ca ngợi linh hồn bất diệt của các liệt sĩ

- Kết thúc bài văn tế, tác giả tập trung ca ngợi linh hồn bất diệt của các liệt sĩ: *"Ôi! Một trận khói tan, nghìn năm tiết rỡ"*

- Khí tiết, tiếng thơm của người trung nghĩa sẽ sống mãi trong lòng mến thương, cảm phục của nhân dân qua các thế hệ:

"Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen; thác mà ưng đền miếu để thờ, tiếng ngay trải muôn đời ai cũng mộ".

- Ca ngợi công ơn lớn lao của người nông dân – nghĩa sĩ Cần Giuộc theo hướng vĩnh viễn hóa thời gian "nghìn năm, muôn đời": *"Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia…"*.

- Trách nhiệm của những người đang sống phải đứng lên, viết tiếp trang sử hào hùng chống giặc cứu nước: *"Cây hương nghĩa sĩ thắp thêm thơm, cám bởi một câu vương thổ"*.

CHUYÊN ĐỀ : HAI ĐỨA TRẺ – THẠCH LAM

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Kiến thức cơ bản về tác giả, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
- Luyện đề phân tích tác phẩm, hình tượng nhân vật trữ tình.
- Luyện các dạng đề: NL về một ý kiến, liên hệ, so sánh.

2. Kĩ năng: Phân tích đề, lập dàn ý cho đề văn nghị luận.

3. Tư duy, thái độ: Nghiêm túc trong học tập.

B. Phương tiện

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…
- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

C. Phương pháp: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành.

D. Tiến trình tổchức dạy học

1.Ổn định lớp

Lớp	Sĩ số	HS vắng	Ngày dạy
11A4			

2. Kiểm tra bài cũ: Kt sách vở của hs

3. Bài mới

I. Kiến thức cơ bản:

1/Vài nét về nhà văn Thạch Lam:

- Thạch Lam (1910 – 1942) ; Ông tên thật là Nguyễn Tường Vinh .Ông là một trong những cây bút viết truyện ngắn tài hoa của nhóm Tự lực văn đòan.
- Tác phẩm của Thạch Lam đậm cảm hứng lãng mạn nhưng không thoát ly hiện thực đời sống : thấm đượm lòng nhân ái với một văn phong nhẹ nhàng, man mác chất thơ.

2/Truyện ngắn "Hai đứa trẻ":

a. Về nội dung :

+ "Hai đứa trẻ" là một truyện ngắn hay, mang đậm chất Thạch Lam .Truyện thể hiện niềm thương cảm sâu xa, thấm thía của nhà văn với cảnh sống quẩn quanh, mòn mỏi, tăm tối của chị em Liên và những người dân nghèo nơi phố huyện. Qua bức tranh thiên nhiên và tâm trạng của nhân vật chính (Liên) trong tác phẩm, nhà văn dẫn người đọc vào thế giới của tâm trạng, cảm giác, bâng khuâng buồn- vui cùng nhân vật.

+ Tác phẩm cũng là truyện ngắn viết bằng cả ký ức tuổi thơ và tình yêu phố huyện của Thạch Lam. Tác phẩm thấm được chất thơ bình dị của cảnh vật và tâm hồn

b. Về nghệ thuật : Cốt truyện không đơn giản (kiểu truyện ngắn trữ tình); giọng văn nhẹ nhàng , trầm tĩnh; lời văn bình dị,tinh tế.

3/ Các nội dung và nghệ thuật trong từng phần:

a/ Bức tranh phố huyện lúc chiều tàn:

- Không gian tạo vật:

+ Được hiện lên với nhiều âm thanh, màu sắc, hình ảnh và đường nét (Tiếng trống thu không, tiếng ếch nhái kêu ran, tiếng muỗi vo ve; phương Tây đỏ rực, đám mây ánh hồng , dãy tre làng đen lại…)

+ Khung cảnh ấy được nhà văn thể hiện qua những câu văn êm dịu, uyển chuyển, tinh tế.Mỗi câu như một nét vẽ đơn sơ , không cầu kỳ kiểu cách nhưng lại gợi được cái hồn của cảnh vật , cái thần thái của thiên nhiên …Mỗi câu văn như mở ra một cảnh : cảnh trước gọi cảnh sau rất độc đáo và ấn tượng…

à Một bức "họa đồng quê" quen thuộc, gần gũi , bình dị và gợi cảm , không kém phần thơ mộng, mang cốt cách của hồn quê Việt Nam.Qua đó thể hiện được tình cảm và gắn bó của nhà văn với một vùng quê nghèo.
- Cuộc sống của người dân:
+ Cảnh chợ tàn : người về hết , tiếng ồn ào không còn, chỉ còn rác rưởi…
+ Hình ảnh người dân xuất hiện với : mấy đứa trẻ con nhà nghèo đang tìm tòi, nhặt nhạnh rác, mẹ con chị Tý nghèo khổ ngày mò cua bắt ốc, tối đến dọn hàng nước nhỏ trên cái chõng tre ; bà cụ Thi.., vợ chồng Bác Xẩm…
à Tất cả… đều thể hiện sự tàn lụi (cảnh chợ tàn và những kiếp người tàn tạ); sự nghèo đói, khó khăn, tiêu điều đến thảm hại của người dân nơi phố huyện.
b/ Bức tranh phố huyện lúc về đêm:
- Không gian, tạo vật :
+ Ngập chìm trong bóng tối mênh mông (đường phố và các ngõ con chứa đầy bóng tối; tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà; các ngõ vào làng lại càng sẫm đen hơn..) à gợi nỗi buồn đầy cảm thương về kiếp sống chìm khuất trong cuộc sống của người dân nghèo quẩn quanh, bế tắc.
+Một vài ánh sáng le lói , yếu ớt lóe lên từ một vài cửa hàng (…với những quầng sáng từ ngọn đèn dầu của chị Tí, chấm lửa nhỏ từ bếp lửa của Bác Siêu; hột sáng, khe sáng lọt qua những phên nứa…)
à Thứ ánh sáng nhỏ bé, le lói như chính cuộc đời , số phận của những người dân phố huyện nghèo.
- Cuộc sống của người dân: với giọng văn đều đều , chậm buồn và tha thiết , Thạch Lam guíp người đọc cảm nhận rất rõ về cuộc sống lặp đi lặp lại ngày nào cũng như thế một cách đơn điệu, buồn tẻ của người dân :
+ Vẫn những động tác quen thuộc của : Chị Tí dọn hàng, bác Siêu thổi lửa, gia đình bác xẩm xuất hiện với cái thau trước mặt…
+ Vẫn "tiếng đàn bầu bần bật" của bác xẩm ế khách
+ Vẫn những mong đợi như mọi ngày : Chờ đợi tàu đi qua…
à Dẫu vậy, họ vẫn không mất hết hy vọng và niềm tin vào cuộc sống : một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hàng ngày .Điều đó chứng tỏ : trong hoàn cảnh nào , con người vẫn không thôi mơ ước những điều tốt đẹp .Bởi lẽ, sống là phải biết ước mơ và hy vọng. Qua đó thể hiện niềm xót thương da diết của nhà văn.
c/ Bức tranh phố huyện huyện khi tàu đến và táu đi:
- Lúc tàu đến : phố huyện bừng sáng , náo nhiệt trong cái im lặng mênh mông của đêm tối. Một phố huyện sáng rực, vui vẻ và huyên náo.
- Khi tàu đi : bóng tối lại dày đặc và để lại bao tiếc nuối của mọi người , đặc biệt là hai chị em Liên.

à Hình ảnh đoàn tàu : là biểu tượng của một thế giới thât đáng sống : sức sống mạnh mẽ, giàu sang và rực rỡ ánh sáng.Nó đối lập với cuộc sống mòn mỏi , nghèo khổ, tăm tối của người dân phố huyện. Đồng thời, hình ảnh đoàn tàu (với riêng Liên và An) còn là hình ảnh của Hà Nội, của hạnh phúc, của những ký ức tuổi thơ êm đềm.

* Tóm lại, tác phẩm là ba bức tranh liên hòan , cảnh mỗi lúc một tối hơn, mỗi lúc một hiu hắt hơn, có sự tương phản giữa : sáng và tối; giữa động và tĩnh, giữa sinh hoạt nhàm chán với khỏanh khắc huyên náo khi đòan tàu đi qua.

4/ Gía trị của tác phẩm :

a. Gía trị hiện thực thể hiện ở :

- Bức tranh phố huyện nghèo nàn, tù túng , như bị bỏ quên.
- Cảnh sống buồn chán lặp lại đơn điệu, tối tăm với những con người lầm than, thiếu thốn cả vật chất lẫn tinh thần.

b.Gía trị nhân đạo:

- Tấm lòng buồn thương, xót xa của nhà văn với những số phận nhỏ bé của người lao động nghèo.
- Tác giả cũng đã phản ánh sự thức tỉnh của ý thức cá nhân con người : học không bằng lòng với hiện thực mà luôn khát khát vươn tới ánh sáng và vượt qua số phận .Cuộc sống của học dù thiếu thốn tất cả nhưng đầy tình người.

è Đây chính là giá trị nhân văn , nhân bản đáng quý của truyện ngắn này

=> Thông điệp mà nhà văn muốn gửi gắm:

+ Đừng bao giờ để cuộc sống của con người chìm vào cái "ao đời phẳng lặng". Con người phải sống cho ra sống , phải không ngừng khát khao xây dựng cho mình một cuộc sống có ý nghĩa.

+ Những người phải sống một cuộc sống tối tăm , mòn mỏi, tù túng hãy cố vươn ra ánh sáng , hướng tới một cuộc sống tươi sáng hơn.

II. Luyện đề:

Đề 1: Phân tích diễn biến tâm trạng trong truyện ngắn Hai đứa trẻ của Thạch Lam. Từ đó nêu những đóng góp mới mẻ của Thạch Lam trong việc thể hiện cảm hứng nhân đạo độc đáo. Nhận xét về một số nét đặc sắc của truyện ngắn này.

I. Đặt vấn đề

- "Xúc cảm của Thạch Lam thường bắt nguồn và nảy nở từ những chân cảm đối với những con người ở tầng lớp dân nghèo thành thị và thôn quê. Thạch Lam là nhà văn quí mến cuộc sống, trang trọng trước cuộc sống của mọi người xung quanh". Chính tình cảm quí mến và trang trọng ấy giúp Thạch Lam cảm nhận sâu

sắc những cảm xúc tinh tế của Hai đứa trẻ trong truyện ngắn cùng tên. Qua đó, tác giả thể hiện cảm hứng nhân đạo mới mẻ, đặc sắc.

II. Giải quyết vấn đề

Khái quát: Tác phẩm Hai đứa trẻ in trong tập Nắng trong vườn, xuất bản năm 1938. Truyện nhưng không có chuyện, chỉ là câu chuyện tâm tình. Câu chuyện không phát triển theo logic sự kiện mà giống như một bài thơ trữ tình đầy xót thương, gói gọn trong không gian nhỏ hẹp nơi phố huyện nghèo hẻo lánh với những con người nhỏ bé, những cảnh đời đơn điệu hắt hiu. Toàn truyện là những cảm xúc và tâm trạng của những đứa trẻ nơi phố huyện đó trong khoảng thời gian từ chiều đến đêm. Ngòi bút của Thạch Lam tỏ ra thật tinh tế trong việc diễn tả những rug động của hai đứa trẻ.

1. Diễn biến tâm trạng

a). Trước hết là tâm trạng của hai đứa trẻ trước cảnh chiều tàn

- Câu chuyện mở ra trong một khung cảnh chiều buồn man mác.
- Liên và An là những đứa trẻ từng sống ở HN, nay theo mẹ về vùng quê hẻo lánh. Liên ngồi trong không gian bóng tối để những nỗi buồn chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ.

+. Liên cảm nhận được cái yên lặng của khung cảnh chiều quê quen thuộc. Đó là tiếng trống thu không, phương Tây đỏ rực như lửa cháy, những áng mây ánh hồng như hòn than sắp tàn…gợi lên cái nhịp thời gian đang trôi, gieo vào lòng người một sự nuối tiếc mơ hồ, có cái gì đó quá khó nắm bắt.

+. Cùng với cảm giác về thời gian còn là âm thanh tiếng ếch nhái văng vẳng ngoài đồng ruộng, tiếng muỗi vo ve, mùi âm ẩm và mùi cát bụi quen thuộc… Đó là những xúc cảm rất quen thuộc, thể hiện sự gắn bó với quê hương.

- Cảnh chợ tàn người về hết và tiếng ồn ào cũng mất…càng khiến lòng Liên thấm đẫm nỗi buồn về một cuộc sống xác xơ, tiêu điều, đang đi vào chiều tàn lụi.

b). Trong bóng tối

- Từ quán hàng chật hẹp nhỏ bé của mình, Liên hướng tầm nhìn ra khung cảnh xung quanh và càng thêm xót thương cho những kiếp người nhỏ bé, mong manh:

+. Thương xót cho những đứa trẻ nghèo phải nhặt nhạnh tất cả những thứ còn xót lại của một phiên chợ tàn.

+. Liên chia sẻ với mẹ con chị Tí bằng sự thấu hiểu cuộc sống tẻ nhạt, quanh quẩn của mẹ con chị.

+. Liên còn chia sẻ với sự ế ẩm của gánh phở bác Siêu, gánh đi gánh về gợi lên một nhịp sống buồn tẻ.

+. Thương xót, thậm chí còn sợ hãi trước tiếng cười khanh khách của bà cụ Thi điên. Đó là cảm nhận về sự mỏng mang của kiếp người.

+. Liên còn cảm nhận được cái tù túng trong cuộc sống của chính bản thân mình: giam hãm trong gian hàng nhỏ, lắm muỗi, chiếc chõng tre sắp gãy, tính nhẩm, "ngày phiên mà bán cũng chẳng ăn thua gì".
→ Liên cảm nhận được nỗi buồn thấm thía trước cảnh quá quen của những kiếp người nhỏ bé, leo lét trong không gian mênh mông tăm tối của phố huyện.
- Tầm hồn nhỏ bé và nhạy cảm của Liên cũng buồn và nuối tiếc một quá khứ xa xăm-những ngày sống ở HN- một HN sáng rực và huyên náo với những cốc nước xanh đỏ. Đó là một quá vãng xa xôi mà giờ đây trong tâm trí Liên tất cả hiện lên đều không rõ ràng.
- Liên có cái nhìn huyền diệu về vũ trụ bao la thăm thẳm và bí ẩn. Đó là một vò trời ngàn sao lấp lánh, dải Ngân Hà, ông thần Nông cùng con vịt. Thế nhưng vũ trụ lại quá xa lạ với tâm hồn trẻ thơ, nó làm "mỏi trí nghĩ" của hai chị em. Nên chỉ một lúc sau, hai chị em "lại cúi nhìn về mặt đất".
- Cảnh đồng quê về đêm thật yên tĩnh, lặng lẽ. Tất cả sự dày đặc của bóng tối đang vây quanh " đường phố và các con ngõ chứa đầy bóng tối" trong khi đó các cửa nhỏ chỉ để hé ra "một khe ánh sáng", những vệt sáng của đom đóm, các "quầng sáng thân mật xung quanh ngọn đèn". Sự đối lập gay gắt giữa bóng tối và ánh sáng tô đậm sự buồn tẻ, lay lắt của phố huyện – một cuộc sóng mù sáng. Điều đó càng khiến tâm hồn Liên thấm thía nỗi buồn.
c). Trong tâm trạng buồn Liên hoài niệm về quá khứ và khao khát, hi vọng đợi chờ: đó là hi vọng chờ đợi một chuyến tàu đêm đi qua. Diễn biến tâm trạng chờ tàu của hai chị em Liên được Thạch Lam miêu tả khá tinh tế.
- Liên chờ tàu không phải để bán hàng mà là nhu cầu tinh thần hàng đêm. Bởi vậy, An mặc dù đã buồn ngủ díu cả mắt vẫn cố dặn chị "tàu đến chị đánh thức em dậy nhé".
→ Hai chị em Liên chời đợi tàu trong tâm trạng háo hức, bồi hồi như chờ đợi phút giao thừa thiêng liêng. Liên lặng lẽ chờ đợi với tâm trạng yên tĩnh trong tâm hồn.
- Đoàn tàu đến trong sự mong chờ của chị em Liên. Liên và An hướng cả hồn mình vào đoàn tàu khi còn ở xa "tiếng còi đã rít lên và tàu rầm rộ đi tới với những toa hạng sang, kèn và đồng lấp lánh, các cửa kính sáng.
→ Con tàu đã đem đến một thế giới khác đi qua, một thế giới rực rỡ, vui vẻ, huyên náo- một thế giới khác hẳn với sự nghèo khốt hàng ngày.
- Đoàn tàu chỉ xuất hiện trong một khoảnh khắc rất ngắn rồi vụt qua đi vào đêm tối. Ta bắt gặp phía sau đoàn tàu một nguồn ánh sáng nhỏ nhoi chỉ trực tan hòa vào bóng tối. An nhận ra tàu hôm nay "kém sáng hơn", nhưng Liên vẫn "lặng theo mơ tưởng". Đoàn tàu không làm thay đổi cuộc sống nơi phố huyện nhưng sự xuất hiện của nó đủ để lại niềm khao khát cho những con người nơi đây "chừng ấy con người…của họ".

2. Những đóng góp mới mẻ của Thạch Lam trong việc thể hiện cảm hứng nhân đạo
- Đọc truyện của Thạch Lam ta thấy nhà văn không đi vào tố cáo sự đàn áp bất công của xã hội, cũng không khiến người đọc phải uất ức, căm giận những cảnh bóc lột, hành hạ của giai cấp thống trị đương thời. Nhưng tác phẩm vẫn chất chứa tư tưởng nhân đạo đặc sắc. Tư tưởng nhân đạo ấy được toát lên trước hết ở niềm thương xót chân thành của nhà văn trước những cảnh đời đơn điệu, hắt hiu nơi phố huyện nhỏ bé. Nhà văn xót xa bởi họ phải sống một cuộc sống vô nghĩa trong "cái ao đời bằng phẳng", cuộc "đời tẻ nhạt như tàu không đổi chuyến". Từ chị em Liên, mẹ con chị Tí đến bà cụ Thi Điên, gia đình bác Sẩm, bác Siêu, họ đang tồn tại chứ không phải đang sống.
+. Họ tồn tại trong một nhịp sống uể oải, tù túng , bế tắc với những công việc tẻ nhạt, buồn chán, lặp đi lặp lại "ngày nào cũng vậy", "chiều nào cũng thế", "đem ra rồi lại dọn vào", "gánh đi rồi lại gánh về"…
+. Đọc thấu được nhịp điệu ấy, nhà văn thương họ, thương cho tất cả những ai phải sống một cuộc đời tẻ nhạt, bằng phẳng như Huy Cận nói:
Quanh quẩn mãi giữa vài ba dáng điệu
Tới hay lui vẫn từng ấy mặt người
Vì quá quen nên quá đỗi buồn cười
Môi nhắc lại chỉ có ngần ấy chuyện. (Quanh quẩn)
→ Thấm đẫm tinh thần xót thương ấy, tác phẩm của Thạch Lam có giá trị nhân đạo mới mẻ, sâu sắc. Đó cũng là điểm gặp gỡ giữa Thạch Lam với các tác giả khác: Xuân Diệu (tỏa nhị Kiều), Nam Cao (Sống mòn).
- Không chỉ dừng lại ở sự xót thương, với hình ảnh đoàn tàu đi qua phố huyện TL dường như còn muốn gióng lên trong tâm trí con người một hi vọng mong manh. Ánh sáng của con tàu hay chính là niềm khao khát đổi thay, khao khát cuộc sống có ý nghĩa hơn, dẫu chỉ là trong mong ước "Chừng ấy con người…họ".
Đặt trong hoàn cảnh XHVN những năm 30- 45, những khao khát ấy cũng chính là sự thức tỉnh ý thức cá nhân mới mẻ. Nói lên điều này, tác phẩm của Thạch Lam đã góp phần làm phong phú hơn cho tư tưởng nhân đạo của văn học giai đoạn này.
3. Một số nét đặc sắc về nghệ thuật
- Cách dựng truyện:
+. Truyện ngắn Hai đứa trẻ là một truyện không có truyện, không có những biến cố căng thẳng dồn nén, những xung đột gay gắt, những tình tiết căng thẳng, thời gian ngắn, nhân vật không nhiều.
+. Nhưng câu chuyện vẫn hấp dẫn người đọc bởi chính mạch tâm tình của nó. Cả truyện được phát triển theo những diễn biến tâm trạng tinh tế, phức tạp của các nhân vật. Từ đó khơi ngợi cho người đọc những xúc cảm thân quen, những nỗi

niềm về quá vãng…Cách kể chuyện tâm tình là một sáng tạo riêng của Thạch Lam góp phần tạo nên sự độc đáo, hấp dẫn .của tác phẩm.
- Xây dựng nhân vật:
Nhân vật trong tác phẩm Hai đứa trẻ không được xây dựng là những tính cách điển hình mà được khám phá ở chiều sâu tâm trạng. Nghệ thuật phân tích tâm lí của ngòi bút Thạch Lam tạo nên sự thành công của thiên truyện.
+. Những đoạn văn miêu tả nỗi buồn của Liên trong buổi chiều tà.
+. Xúc cảm mênh mông trước vũ trụ bao la.
→ Là những đoạn văn rất giàu chất thơ, thể hiện khả năng diễn tả tâm lí nhân vật của Thạch Lam, gợi lên những cảm xúc thân quen trong lòng người.
- Thủ pháp nghệ thuật độc đáo;
+. Đối lập giữa ánh sáng và bóng tối tạo nên những ám ảnh trong lòng người: bóng tối bao trùm toàn tác phẩm. Nó xuất hiện ngay đoạn văn mở đầu, dần lan tỏa khắp thiên truyện: đường phố…bóng tối, tối hết cả…nữa, đêm tối…yên lặng.Thậm chí bóng tối còn ngập dần đầy trong mắt Liên.
→Ngoài ý nghĩa tả thực hình ảnh bóng tối rất ám ảnh. Cảnh phố phường chìm trong bóng tối được diễn tả chi tiết khiến người đọc dễ liên tưởng tới xã hội Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.
+. Nhưng trong bóng tối không phải không có áng sáng:
Ánh sáng xang hắt qua khe cửa những hiệu khách.
Ánh sáng từ những ngôi sao xa xanh.
Ánh sáng từ ngọn đèn chị Tí chỉ là một quầng sáng thân mật.
→ Ánh sáng nhỏ bé, lẻ loi chỉ đủ soi rọi xung quanh. Sự xuất hiện của ánh sáng khiến ta càng thấm thía hơn sự nhỏ bé của kiếp người mong manh. Và người ta càng khát khao biết bao trước ánh sáng rực rỡ, chói lòa – ánh sáng đoàn tàu hay là thứ ánh sáng khác từ cái tăm tối hàng ngày của họ.
⇨ Sự xuất hiện của ánh sáng- bóng tối chính là sự sáng tạo độc đáo làm bật sức sống của tác phẩm.
+. Ngôn ngữ văn xuôi giàu chất thơ:
“chiều chiều rồi…đưa vào”
“Một đêm mùa hạ…gió mát”.
III. Kết thúc vấn đề
Hai đứa trẻ là một truyện ngắn hay của TL. Nó không hấp dẫn người đọc bằng những tính cách sắc nét, tình huống li kì. Nó hấp dẫn người đọc bằng chính vẻ đẹp của cuộc sống đời thường đã được khám phá, cảm nhận bằng chính ngòi bút tinh tế và giọng văn nhẹ nhàng của tác giả.

Hai đứa trẻ là một bài thơ trữ tình đượm buồn thể hiện những giá trị nhân đạo mới mẻ, đặc sắc của TL. Qua đó, chúng ta còn thấy được ngòi bút tài hoa của người nghệ sĩ trang trọng trước sự sống.

Đề 2: Phân tích bức tranh phố huyện trong truyện ngắn hai đứa trẻ. Từ đó nhận xét về giá trị hiện thực và nhân đạo

I. Đặt vấn đề

TL là cây bút nhạy cảm, có khả năng khơi gợi những rung động mong manh, tinh tế.

HĐT là một truyện ngắn tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật độc đáo của TL. Tác phẩm được in trong tập Nắng trong vườn. Qua những rung cảm và dòng suy nghĩ miên man của cô bé Liên, tác giả đã thể hiện niềm xót thương trước cuộc sống tù đọng, bế tắc trong xã hội cũ của người lao động và niềm khao khát của họ về một cuộc sống có ý nghĩa hơn. Thể hiện chủ đề này, TL đã miêu tả những cảnh đầy ấn tượng bằng việc vẽ lên bức tranh phố huyện ám ảnh, day dứt tâm hồn mỗi người.

II. Giải quyết vấn đề

1. Khung cảnh thiên nhiên

- Câu chuyện mở ra bằng khung cảnh một buổi chiều tà gợi buồn chiều chiều rồi. Nhịp điệu câu văn đều đều nhưng vẫn có một chút thảng thốt nghe như một tiếng thở dài.
- Buổi chiều được gợi ra trước hết với những chi tiết thật tinh tế:

+. Tiếng trống: từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều, nhịp trống chậm rãi, thong thả như điểm vào nhịp bước đi của thời gian.

+. Sắc màu: phương Tây đỏ rực như lửa cháy, những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Bức tranh có sắc đỏ rực của mặt trời nhưng không mang đến cho người đọc cảm giác ấm áp mà chỉ là cảm giác vội vã của cảnh ngày sắp tắt.

+. Tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng, tiếng muỗi vo ve càng tô đậm hơn sự yên lặng, vắng vẻ của một phố huyện trong cảnh chiều tàn.

→ không nhiều, chỉ bằng vài nét phác họa nhưng cũng đủ để có một nỗi buồn bâng khuâng, man mác, mơ hồ trong khung cảnh buổi chiều quê.

⇨ Trong một đoạn văn ngắn, 5 từ chiều, hai từ buồn cùng với nhịp điệu câu văn chậm rãi, thong thả, ru hồn người vào nỗi buồn man mác. Bức tranh thiên nhiên ngay từ khúc dạo đầu đã tạo không khí trầm buồn hắt hiu cho toàn thiên truyện.

2. Bức tranh đời sống

- Đặc biệt TL đã chọn một phiên chợ tàn để nói lên được tất cả bộ mặt của phố huyện:

+. Nói đến chợ người ta thường nghĩ ngay đến một nơi đông vui tấp nập. Nó là nơi biểu hiện sức sống của một làng quê, là nơi biểu hiện thuần phong mĩ tục. TL đã khéo léo tả cảnh ngày phiên để nói hết xơ xác, tiêu điều của phố huyện.

+. Cảnh chợ mở ta bằng hình ảnh: người về hết và tiếng ồn ào cũng mất; trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, nhãn và lá mía. Mặc dù thế nhưng lũ trẻ vẫn cố bòn mót trong đám phế thái đó một chút gì còn sót lại. Ngày chợ phiên như thế thì sức sống đã thực kém. Tất cả mọi người đều trông chờ vào nhau nhưng chỉ là sự quẩn quanh, vô vọng, trông chờ vào sự quẩn quanh, vô vọng.
Mùi vị tỏa ra từ khung cảnh ấy là mùi của rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị…một mùi âm ẩm, ngai ngái. Đó là thứ mùi rất đặc trưng để nói tới sự nghèo nàn. Nó đã góp phần làm khung cảnh thêm tàn lụi, héo úa.
+. TL đã sử dụng thật tài tình nghệ thuật đối lập giữa ánh sáng và bóng tối: câu chuyện mở ra trong lúc giao tranh giữa ánh sáng và bóng tối.
Ánh sáng nhạt dần: phương Tây đỏ rực…, ánh ngày sắp tàn rồi bóng tối xuất hiện trên ngọn tre và cuối cùng bao trùm lên cả phố huyện là cái bóng tối mênh mông.
Ánh sáng thu hẹp phạm vi: như ánh sáng của ngôi sao xanh trên bầu trời, ánh sáng yếu ớt, ảm đạm lọt qua khe cửa khép hờ, ánh sáng hắt ra từ ngọn đèn của chị Tí… tất cả đều mờ nhạt,yếu ớt, không đủ soi tỏ.
Bóng tối thì chiếm lĩnh và bao phủ: đường phố và các con ngõ chứa đầy bóng tối, tối hết cả, tối cả con đường ra sông, con đường qua chợ về nhà, thậm chí bóng tối còn ngập dần đầy trong đôi mắt Liên
⇨ ánh sáng >< bóng tối, thể hiện sự ám ảnh về cuộc sống ngột ngạt, tù túng, không lối thoát.
- Trên cái nền ấy, những cảnh đời, những con người – chứng nhân của cuộc sống nghèo nàn, đơn điệu hiện lên thật ám ảnh.
+. Điển hình cho những kiếp người đó là chị Tí với nhịp sống quẩn quanh. Ngày cho mò cua bắt tép, tối đến chị mới dọn hàng nước. Nhưng cái đáng sợ là dẫu biết sớm hay muộn có ăn thua gì chị vẫn dọn. Đây không phải là cuộc sống thật sự mà sự cầm chừng giao tranh với sự sống. Ngay cả cách trả lời Liên " Ôi chao! …gì" cũng góp phần cho ta thấy cuộc sống tẻ nhạt, quẩn quanh của nhân vật.
+. Bà cụ Thi điên: chỉ đủ tiền mua một cút rượu uống một hơi cạn sạch. Đó là một hình ảnh đầy sức ám ảnh với dáng đi lảo đảo và tiếng cười khanh khách tan vào trong bóng đêm.
☞Phải chăng đó chính là sản phẩm của một cuộc sống mòn mỏi, quẩn quanh. Người điên, người thì còn đó nhưng đời đã tàn quá nửa.
+. Bác Siêu- với gánh phở của mình hi vọng sẽ kiếm được chút gì để tồn tại, để cầm cự với sư sống. Nhưng ở nơi phố huyện nghèo này, Phở trở thành một thứ quà xa xỉ, vì vậy nguy cơ ế hàng càng cao.
+. Gia đình bác Xẩm: dùng lời ca tiếng hát của mình để kiếm sống. Nhưng ở nơi cái ăn còn chẳng có thì người dân nghèo làm gì có thời gian để thưởng thức âm nhạc. Vì vậy, cái nghèo, cái đói luôn rình rập gia đình bác.

+ Tiền cảnh bức tranh đời buồn thảm, héo tàn là bóng hai chị em Liên cũng âm thầm không kém với cái cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu, khách hàng là những con người khốn khổ không đủ tiền mua lấy nửa bánh xà phòng. Liên thương cho những kiếp người lay lắt nhưng bản thân cuộc sống của Liên cũng không tránh khỏi cuộc sống nghèo nàn đơn điệu. Trong nỗi buồn chung của mọi người, bi kịch của Liên là ý thức được nỗi buồn và sự đơn điều, bủa vây.
+. Chi tiết ấn tượng nhất là cảnh đoàn tàu: đó là hoạt động cuối cùng của đêm khuya.
(phân tích hình ảnh đoàn tàu)⇨ khát vọng về sự đổi thay trong xã hội.
3. Giá trị hiện thực và nhân đạo
a). Hiện thực
- Bức tranh phố huyện là hình ảnh khái quát đầy đủ cái tăm tối, chật hẹp của xã hội Việt Nam trước cách mạng tháng Tám. Thân phận con người ở đây thật nhỏ bé, đáng thương.
→ Thạch Lam đã thực sự gặp gỡ với nỗi buồn chán, bế tắc trong tâm hồn những người cùng thời.
b). Nhân đạo
- Cảm xúc xót thương của tác giả cho những cảnh đời phải sống không ra sự sống.
- Thức dậy ở con người những khát vọng về một cuộc sống tốt đẹp hơn, khác với cuộc sống tù đọng tối tăm, bế tắc của họ: hình ảnh đoàn tàu.
Đặt trong hoàn cảnh xã hội VN 30-45, khát vọng mà TL hướng tới chính là sự thức tỉnh của ý thức cá nhân sâu sắc. Đây chính là giá trị nhân bản có chiều sâu, gặp gỡ với kgast vọng sống của Xuân Diệu: "Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt/Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm", gặp gỡ với khát vọng xây dựng được một sự nghiệp có ích cho mình và cho xã hội trong những tác phẩm của Nam Cao.
III. Kết thức vấn đề
- HĐT là một bài thơ trữ tình đầy xót thương. Tác phẩm thể hiện đậm chất phong cách TL.
- Với giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc, tác phẩm TL sẽ còn sống mãi trong lòng người đọc.

Đề 3: Phân tích vẻ đẹp tâm hồn cô bé Liên trong "Hai đứa trẻ" của Thạch Lam.

I. Đặt vấn đề
- Giới thiệu tác giả TL.
- HĐT là tác phẩm hay, tiêu biểu cho phong cách TL: sức hấp dẫn của tác phẩm là đã khơi dậy được " những rung động cực điểm của một tâm hồn thơ dại". Đó là vẻ đẹp tâm hồn của Liên và đó cũng là sức hấp dẫn, chất thơ của tác phẩm.
II. Giải quyết vấn đề

1. Giới thiệu truyện, nhân vật- Giới thiệu truyện.
- Giới thiệu nhân vật: Khác với những đứa trẻ nơi phố huyện, Liên và An đã từng sống ở HN ồn ào, náo nhiệt nay phải theo mẹ về vùng quê hẻo lánh. Tâm hồn Liên khác với những cô gái quê khác, luôn có những rung động hết sức tinh tế. Cuộc sống của Liên và An quẩn quanh trong gian hàng đơn điệu, nhưng cuộc sống quanh quẩn không làm mất đi vẻ đẹp phong phú trong tâm hồn Liên.
2. Phân tích
a). Ngòi bút của TL tinh tế trong diễn tả diễn biến tinh vi trong tâm hồn con người
- Tâm hồn Liên thật nhạy cảm tinh tế:
+. Cảm nhận được cảnh buổi chiều quê thật thấm thía.
+. Cảnh chợ tàn.
→ nỗi buồn mong manh mơ hồ nhưng thấm sâu vào đáy tâm hồn con người.
+. Mùi riêng của đất, của quê hương này. Tâm hồn Liên đặc biệt gắn bó, yêu mến chốn quê hương thân thuộc.
+. Bức tranh phố huyện vào đêm….
→ cảm giác mênh mông, bí ẩn. Bầu trời chứa đựng trong đó cái bí mật thăm thẳm, cái huyền diệu của tuổi thơ.
b). Tâm hồn giàu tình thương- nhân ái
- Mặc dù phải bán quán hàng tạp hóa nhỏ…nhưng sự nghèo nàn, tù túng không làm chai sạn tâm hồn Liên. Tâm hồn Liên vẫn rung lên niềm trắc ẩn chân thành:
+. Những đứa trẻ nghèo: Liên rất thương chúng nhưng chính chị cũng không có tiền cho.
+. Chị Tí: hỏi han chân thành, đồng cảm với cuộc đời khó khăn, nghèo khổ, tù túng, quẩn quanh của chị.
+. Thấu hiểu nỗi khổ của bác Siêu.
+. Cụ Thi Điên tuy hơi sợ nhưng vẫn ân cần chu đáo, rót rượu đầy cho cụ.
+. Đối với em: dành cho em những tình cảm yêu thương của người chị lớn chăm sóc em rất ân cần chu đáo. Không phải vô tình tác giả nhắc tới quầng sáng thân mật xung quanh ngọn đèn chị Tí. Quầng sáng ấy chính là tình người ấm áp nơi đây tỏa ra, từ tâm hồn Liên và những người nghèo khổ khác.
c). Biết khao khát một cuộc sống có ý nghĩa hơn
- Thể hiện ở ngay nỗi buồn man mác trong tâm hồn Liên trước giờ khắc của ngày tàn. Liên buồn thấm thía trước cảnh chiều quê đơn điệu. Đó là nỗi buồn của cái tôi có ý thức về cuộc sống, không khỏi nuối tiếc về cuộc sống khi thời gian một đi không trở lại.
- An dễ dàng chìm vào giấc ngủ của tuổi thơ trong khi Liên thao thức chờ đợi một chuyến tàu đêm đi qua. Hình ảnh đoàn tàu chính là niềm mơ ước của chị em Liên về một cuộc sống khác với cuộc sống buồn tẻ nơi đây. (phân tích cảnh chờ tàu).

III. Kết thúc vấn đề

HĐT thực sự như một bài thơ để lại cảm xúc vấn vương, man mác trong lòng người đọc. Trong hoàn cảnh 30 – 45 xã hội đầy rẫy những bất công, mâu thuẫn, ngòi bút Thạch Lam vẫn biết nâng niu, trân trọng những vẻ đẹp tinh tế trong tâm hồn con người. Điều đó chứng tỏ TL là một tâm hồn giàu yêu thương, giàu lòng nhân hậu biết bao với cuộc sống với con người.

Chính điều đó đã tạo nên giá trị lâu bền và sức hấp dẫn riêng biệt của những trang viết TL.

CHUYÊN ĐỀ: CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ – NGUYỄN TUÂN

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Kiến thức cơ bản về tác giả, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

- Luyện đề phân tích tác phẩm, hình tượng nhân vật trữ tình.

- Luyện các dạng đề: NL về một ý kiến, liên hệ, so sánh.

2. Kĩ năng: Phân tích đề, lập dàn ý cho đề văn nghị luận.

3. Tư duy, thái độ: Nghiêm túc trong học tập.

B. Phương tiện

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

C. Phương pháp: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành.

D. Tiến trình tổchức dạy học

1.Ổn định lớp

Lớp	Sĩ số	HS vắng	Ngày dạy
11A4			

2. Kiểm tra bài cũ: Kt sách vở của hs

3. Bài mới

I. Tác phẩm:

- Xuất xứ: Truyện ngắn "*Chữ người tử tù*" được in lần đầu trên tạp chí *Tao đàn* (1938). Có tên là Dòng chữ cuối cùng. Khi được in trong tập truyện *Vang bóng một thời* (1940) tác giả đã đổi tên thành *Chữ người tử tù* .

- *Vang bóng một thời* gồm 11 truyện ngắn được coi là *một văn phẩm đạt gần tới sự toàn thiện, toàn bích* (Vũ Ngọc Phan). Những truyện ngắn trong tập truyện này được viết chủ yếu bằng ngòi bút trữ tình, lãng mạn, bay bổng. Cảm hứng chủ đạo của tập truyện nói chung và "*Chữ người tử tù*" nói riêng là: ca ngợi cái đẹp, cái tài hoa trong cuộc sống xưa nay chỉ còn *vang bóng.*

- Nhân vật chính trong Vang bóng một thời là những nhà nho cuối mùa tài hoa, bất đắc chí, không chạy theo thói đời mưu cầu danh lợi, cố giữ *thiên lương* và *sự trong sạch của tâm hồn,* lấy cái tài hoa, cái đẹp của tâm hồn để đối lập, để phản ứng lại xã hội phàm tục. Trong số những con người tài hoa ấy nổi bật lên hình tượng HC trong Chữ người tử tù. HC vừa có nét chung của nhân vật nhà nho tài tử, vưa có nét riêng không co ở nhân vật khác trong Vang bóng một thời. Đó là nhân vật nổi loạn, chống lại trật tự xã hội, có khí phách hiên ngang, bất khuất. Ở nhân vật này hội tụ ba vẻ đẹp: tài hoa, khí phách, thiên lương (tài- dũng- tâm)- một vẻ đẹp hiếm có trong thế giới nhân vật của Nguyễn Tuân trước CM. Nhân vật này thể hiện rõ quan điểm thẩm mĩ, tư tưởng của nhà văn

II. Nội dung cần nắm:

1. Nhân vật Huấn Cao:

Huấn Cao là nhân vật trung tâm được nhà văn khắc họa thành công bằng bút pháp lãng mạn, lí tưởng hóa, mang vẻ đẹp hiếm co1trong thế giới nhân vật của

Nguyễn Tuân trước CM. Nhân vật được đặt trong một hoàn cảnh đặc biệt, được thể hiện qua hàng loạt sự tương phản.

- *Huấn Cao- một nghệ sĩ tài hoa khác thường*, đây là vẻ đẹp hiếm có ở đời mà Nguyễn Tuân đặc biệt yêu thích.

+ Vẻ đẹp tài hoa, nghệ sĩ đó là tài viết chữ rất nhanh, rất đẹp "*Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm,…"*

+ Chữ viết của ông trở thành bức tranh nghệ thuật và là niềm khát khát của những con người say mê cái đẹp "*có được chữ ông Huấn mà treo là có một báu vật trên đời*".

+ Bởi lẽ, chữ của Huấn Cao không chỉ đẹp ở hình thức bên ngoài mà chủ yếu còn nói lên tấm lòng sáng đẹp và hoài bão tung hoành của một đời con người. Mỗi bức thư họa của HC đều thể hiện một lẽ sống cao cả, một lí tưởng lớn lao và một đạo lí cao đẹp. Người đời bái phục, ao ước có được chữ HC.

+ Nhưng HC là một con người có nhân cách, biết tự trọng. Ông luôn đặt chữ tâm lên trên chữ tài , trên cả bạc vàng, địa vị "*Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ*".

+ Cho nên, việc xin được chữ HC không phải là chuyện dễ, không phải ai cũng xin được, trừ ba người bạn tri âm, tri kỉ của ông "*Tính ông vốn khoảnh trừ chỗ tri kỉ ông ít chịu cho chữ ai".*

- *Huấn Cao- một anh hùng có khí phách phi thường*:

+ Ngòai viết chữ đẹp, HC còn có tài "*bẻ khóa, vượt ngục…văn võ đều toàn tài cả"*, cái dũng khí phá bỏ xiềng gông của ông khiến những kẻ nắm giữ gông xiềng phải e dè, kính sợ.

+ Bình thản trước sự đọa đày, tù ngục: đeo gông, lạnh lùng bước vào buồng tử tù; coi thường cái chết; khinh bỉ những kẻ cam tâm phục vụ chế độ thống trị. Ông thản nhiên rỗ gông, nhận rượu thịt, trả lời VQN với vẻ kinh bạc đến điều "*Ngươi hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là ngươi đừng đặt chân vào đây"* và sẵn sàng đợi một trận lôi đình báo thù của VQN bị sỉ nhục.

+ Trong mọi hoàn cảnh, HC đầu thể hiện là một đấng anh hào coi thường quyền uy, tiền bạc, cái chết. khi nhận được tin sáng mai giải về kinh chịu án, HC chỉ *mỉm cười* và nghĩ tới cái *sở nguyện* một đời của QN. Ông thực sự là một trang anh hùng dũng liệt.

- *Huấn Cao- một con người có thiên lương trong sáng*:

+ HC là người trọng nghĩa khinh lợi. Tính ông vốn "*khoảnh*". Ông xem những con chữ của mình như một thứ quà tặng để đáp lại nhựng tấm lòng, những nhân cách.

+ Suốt nửa tháng trong trại giam, HC luôn tỏ ra cao ngạo, khinh bạc, không thèm đếm xỉa đến sự biệt đãi của VQN. Nhưng cuối cùng, khi biết được tâm sự của Ngục quan, HC đã thay đổi thái độ, ông đã cảm động và chân thành " *Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy Quả đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa ta đã phụ mất một tấm long trong thiên hạ."* Câu nói vừa thoáng chút ân hận, vừa rưng rưng niềm cảm động. Đó là cách ứng xử đầy trân trọng và tôn trọng của một tấm lòng trước một tấm lòng, của một thiên lương trước một thiên lương. Ông coi trọng cái tâm, trân trọng những tấm lòng trong sáng, những con người biết quí, biết thưởng thức, giữ gìn cái đẹp ở đời và ông gọi đó là thiên lương

+ Quyền lực, vàng ngọc không *ép* được HC vho chữ bao giờ, vậy mà ông đã không đắn đokhi quyết định cho chữ VQN ngay trong đêm trước ngày giải vào kinh lĩnh án

+ Thiên lương của HC còn có khả năng làm bừng sáng vẻ đẹp của người khác. Ông đã biến nhà tù thành nơi gặp gỡ của những tấm lòng tri kỉ. con người này có sức cảm hóa rất lớn, khiến ngục quan phải cúi đầu, cảm kích "*Kẻ mê muội này xin bái lĩnh*"

→ Nhận xét:

* Về nội dung:

- Huấn Cao là hình tượng thẩm mĩ tuyệt đẹp. Nhân vật vừa là khát vọng thẩm mĩ vừa là kết quả của một tài năng sáng tạo Nguyễn Tuân.

- Qua nhân vật HC, Nguyễn Tuân bộc lộ rõ quan niêm về cái đẹp: *cái tài phải đi đôi với cái tâm, cái đẹp gắn liền với cái thiện* và lòng yêu nước thầm kính cùng với sự ngưỡng mộ đối với người anh hùng.

* Về nghệ thuật: HC được xây dựng bằng cảm hứng lãng mạn

- Nhà văn đặt nhân vật trong một tình huống độc đáo, trong quan hệ với nhân vật quản ngục và thầy thư lại.

- Khắc họa chân dung nhân vật: gián tiếp- trực tiếp bằng những chi tiết nghệ thuật đặc sắc.

- Sử dụng bút pháp lãng mạn, cường điệu, tương phản đối lập để tả cảnh, dựng không khí và làm nổi bật lí tưởng của nhân vật và bộc lộ tư tưởng của nhà văn

2. Nhân vật Viên Quản Ngục:

- Quản Ngục là một người coi tù- đại diện cho bộ máy cai trị hà khắc, tàn bạo của triều đình. Xét về vị thế xã hội, QN là kẻ thù của Huấn Cao- người cầm đầu cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình. Tuy nhiên, thực chất con người QN với những vẻ đẹp trong tâm hồn và nhân cách đã hiện rõ nét trong cuộc kì ngộ với HC

+ Khi nghe tin HC sắp đến cùng đoàn tử tù, QN đã thăm dò thầy thư lại một cách thận trọng, kín đáo dù không giấu nổi thái độ nể trọng và sự ngưỡng mộ trước tài viết chữ rất nhanh, rất đẹp của một kẻ phản nghịch chống lại triều đình "*có tiếng là nguy hiểm*". Có thể nói điều nể trọng đầu tiên của Qn về Hc là tài viết chữ của ông. Sự chú đặc biệt đó phần nào hé mở đặc điểm con người QN khi ông không quan tâm đến HC ở phương diện chính trị hay tính cách ngang tàng mà trước hết ở phương diện tài hoa

+ Trong đêm đơi đoàn tử tù, QN "*băn khoăn, nghĩ ngợi*" và trăn trở. Hình ảnh "*ngôi sao chính vị muốntừ biệt vũ trụ*" đang nhấp nháy trên bầu trời trong ánh nhìn tư lự của QN không thể không có mối liên hệ với tâm trạng thao thức, chờ đợi của ông đêm nay. Phải chăng sự ngưỡng mộ, nể trọng của QN với HC đã nhập hình ảnh người tù vĩ đại sắp vĩnh biệt cuộc đới với ngôi sao Hôm sắp từ bỏ vũ trụ ấy.

+ Hình ảnh QN "*đầu đã điểm hoa râm*", "*râu đã ngả màu*" gợi cho người đọc cảm giác xót xa: ông đã trãi qua gần hết cuộc đời ở nơi mà cái xấu va cái ác ngự trị. Công việc cai ngục ấy đã giam cầm chính cuộc đời ông. Những hình ảnh so sánh của nhà văn về gương mặt của QN như "*nước ao xuân", "bằng lặng, kín đáo, và êm nhẹ*" hay ông như *"một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ*" hoặc con người ông là một sự "*thuần khiết giữa một đống cặn bã*"…đã cho thấy rõ hơn con người QN Hóa ra ông đã chọn lầm nghề mà sự kiện HC sắp đến đây chính là dịp ông nhìn thấy rõ lòng mình cũng như hiểu hơn về tình cảh đáng buồn của cuộc đời mình.

+ Những xét đoán của của Qn về thầy thư lại cho thấy sự sâu sắc và từng trải của ông . QN đã đánh giá nhân cách con người thông qua tình cảm của họ, lấy tiêu chí biết kính mến khí phách, biết tiếc, biết trọng người có tài để nhận định tốt xấu, vô tình hay hữu ý…Đây không chỉ là tiêu chí đánh giá con người của riêng QN mà còn là cách nhận định của nhà văn – một con người luôn muốn khám phá người khác ở phương diện tài hoa, nghệ sĩ- những người biết trân trọng cái đẹp, cái tài.

- Trong đêm cuối cùng trước ngày HC ra pháp trường, QN đã đươc HC cho chữ. Hình ảnh ông "*khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ trên phiến lụa óng; cảm động vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rĩ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào"* không những làm mêm lòng HC mà làm cho người đọc cảm phục. "*Đúng là có những cái cúi đầu làm cho con người ta trở nên hèn hạ, có những cái vái lạy làm cho con người đê tiện. Nhưng cũng có những cái cúi đầu làm cho con người bỗng trở nên cao cả hơn, lớn lao hơn, lẫm liệt hơn, sang trọng hơn. Đấy là cái cúi đầu trước cái tài, cái đẹp, cái thiên lương*"(Nguyễn Đăng Mạnh) của VQN.

→ Nhận xét:

- Nếu HC là một nghệ sĩ tài ba trong nghệ thuật thư pháp thi VQN tuy không làm nghệ thuật nhưng có một tâm hồn nghệ sĩ: *say mê và quí trọng cái đẹp*

- Nếu HC là người có khí phách hiên ngang, bất khuất thì VQN là kẻ không biết sợ cường quyền bởi việc biệt đãi tử tù là *một hành vi rất dũng cảm*.

- HC không chỉ dũng cảm, không sợ cái chết, coi khinh tiền bạc và cường quyền phi nghĩa mà còn mến yêu cái thiện, mềm lòng trước thiên lương trong sạnh của VQN (sẵn lòng cho chữ khi hiểu rõ thiện tâm của VQN). VQN cũng vậy, vẻ đẹp của ông thể hiện ở việc sùng kính HC- *hiện thân của cái tài, cái đẹp, cái thiên lương cao cả.*

Tóm lại, trong hoàn cảnh của QN, vẫn giữ được sở nguyện cao quý, vẫn yêu và quý trọng cái tài, vẫn khát khao được thưởng thức cái đẹp như ông là điều không dễ. Đồng thời, việc sẵn sàng bỏ công việc và quyền lực để giữ "*thiên lương cho lành vững*" càng cho thấy ông là người đáng được nể trọng và ca ngợi. Bởi đó là điều không ai đủ dũng cảm để thực hiện nó.

3. Cảnh cho chữ:

- Cảnh cho chữ diễn ra ở thời điểm đêm đã về khuya và trong một cái không gian chật hẹp, tối tăm của nhà ngục với "*một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột, phân gián"*

- Trong cảnh này, tác giả đã khéo tạo nên những hình ảnh đối lập :

+ Sự đối lập giữa cái đẹp của "*tấm lụa trắng tinh*", "*phiến lụa óng*", "*nét chữ vuông tươi tắn*", "*thỏi mựcthơm*" với cái dơ dáy, bẩn thỉu của "*buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột phân gián"*

→ Giữa cái ác, nơi tăm tối của nhà ngục cái đạp vẫn sống, không hề bị tiêu diệt.

+ Sự đối lập giữa hình ảnh người tù "*cổ đeo gông, chân vướng xiềng đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng trên mảnh ván*" với hình ảnh QN "*khúm núm*" và thầy thư lại gầy gò "*run run bưng chậu mực"*

→ Sự chuyển hóa của quyền lực, VQN nắm trong tay quyền hành hạ đánh đập HC lại trở nên khúm núm trước tử tù. Đó phải chăng là sức mạnh của cái đẹp, cái thiện đã chiến thắng cái xấu, xái ác.

- Điều cuối cùng trong cảnh cho chữ là lời Hc khuyên bảo VQN "*Thầy Quản nên tìm về nhà quê mà ở đã, thầy hãy thoát cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến việc*

chơi chữ. Ở đây khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cả đời lương thiện đi" và thái độ cảm động của QN trước lời khuyên đó và hứa nghe theo "kẻ mê muội này xin bái lĩnh. Đây là một điều có ý nghĩa vô cùng sâu sắc và độc đáo, phải chăng với điều này, tác giả muốn nói với chúng ta rằng: giữa cái ác, cái đẹp vẫn không bị tiêu diệt; nhưng cái đẹp không thể sống chung với cái ác, cái xấu; cái đẹp phải đi đôi với cái thiện. Muốn thưởng thức cái đẹp tâm hồn con người phải lương thiện, trong sáng, thanh cao.

- Đây đúng là "*cảnh tượng xưa nay chư từng có*" vì:

+ Việc cho chữ vốn là việc thanh cao, một sáng tạo nghệ thuật lại diễn ra trong không gian buồng giam tử tù. Cái đẹp được sản sinh giữa chốn hôi hám, nhơ bẩn; thiên lương lại tỏa sáng ở chính nơi bóng tối và cái ác ngự trị. Người nghệ sĩ lại trong vị thế của tử tù.

+ Trật tự trong nhà tù bị đảo ngược hoàn toàn: tù nhân trở thành người ban phát cái đẹp, răn dạy ngục quan; ngục quan thì khúm núm vái lạy tử tù.

→ Từ cảnh tượng này, chủ đề tác phẩm được thể hiện sâu sắc: ánh sáng chiến thắng bóng tối, cái đẹp chiến thắng sự xấu xa, nhơ bẩn; thiên lương chiến thắng cái ác…Đó là sự tôn vinh cái đẹp, cái thiện và nhân cách cao cả của con người bằng một bức tranh đầy ấn tượng.

III. Luyện đề:

Đề 1: Phân tích cảnh Huấn Cao cho chữ viên quản ngục trong truyện ngắn "Chữ người tử tù" của Nguyễn Tuân để nêu rõ đây là sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối; của cái đẹp, cái cao thượng đối với sự phàm tục, sự nhơ bẩn; của tinh thần bất khuất trước thái độ cam chịu nô lệ.

(Đề tham khảo – Mười năm tạp chí Văn học và tuổi trẻ, NXB Giáo Dục)

1. Sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối

- Bóng tối trong nhà giam đêm khuya đối lập với ánh sáng đỏ rực của bó đuốc tẩm dầu (nghĩa đen)

- Bóng tối của sự tàn bạo, phi nghĩa; ánh sáng của lòng nhân từ, chính nghĩa (nghĩa bóng)

→ Ánh sáng của bó đuốc đã xua đi bóng tối phòng giam gợi chúng ta nghĩa về sự chiến thắng của ánh sáng chính nghĩa với bóng tối phi nghĩa trong cuộc sống con người.

2. Sự chiến thắng của cái đẹp, cái cao thượng đối với sự phàm tục, sự nhơ bẩn

- Cảnh nhà giam bẩn thỉu, tối tăm, hôi hám (buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, tổ rệp, đất bừa bãi phân chuột, phân gián) đối lập với màu trắng tinh khôi của phiến lụa óng (nghĩa đen).

- Cảnh nhà giam bẩn thỉu, hôi hám tượng trưng cho sự phàm tục, nhơ bẩn; màu trắng tinh khiết của phiến lụa và mùi thơm của thoi mực là biểu tượng của cái đẹp, cái cao thượng (nghĩa bóng).

→ Trong cảnh cho chữ, giờ đây chỉ còn lại màu trắng tinh khiết và mùi thơm nồng nàn ấy, có nghĩa là cái cao đẹp, cái cao thượng đã chiến thắng sự phàm tục, sự nhơ bẩn trong cuộc đời.

3. Sự chiến thắng của tinh thần bất khuất trước thái độ cam chịu nô lệ

- Thái độ cam chịu, nô lệ ở đây là viên quản ngục và thầy thơ lại; còn tinh thần bất khuất được miêu tả rất đẹp ở nhân vật Huấn Cao (cử chỉ đường hoàng, lời nói đĩnh đạc, nhất là cái tâm sáng)

- Sự chiến thắng thể hiện rõ ràng, sâu sắc trong sự thay bậc đổi ngôi giữa người cho chữ và người xin chữ: người tù lại như người làm chủ, còn quản lý nhà giam lại khúm núm và xúc động trước lời khuyên của tù nhân.

→ Đó là chiến thắng của thiên lương, tình người – và cảm hóa con người quay về với cuộc sống lương thiện, khích lệ con người trân trọng cái đẹp.

Đề 2: Phân tích thái độ của nhân vật Huấn Cao ở đầu truyện và cuối truyện đối với viên quản ngục trong truyện ngắn " Chữ người tử tù" của Nguyễn Tuân

Mb:
-Nguyễn Tuân là nhà văn nổi tiếng của nền văn xuôi ViệtNamhiện đại. "Vang bóng một thời" là tập truyện ngắn đặc sắc của ông viết trước Cách mạng tháng Tám. Trong tập truyện đó người đọc bắt gặp hình ảnh về một nhà nho tài hoa, khí tiết. Nhà nho đó là Huấn Cao nhân vật chính trong " Chữ người tử tù". Sự chuyển biến về tâm lí của nhân vật là một trong những nết hấp dẫn và lí thú của thiên truyện.
Tb:
a) Thái độ khinh bạc lúc đầu của Huấn Cao trước thiện ý của viên quản ngục
– Thiện ý của viên quản ngục:
+ Cho người "dâng rượu với đồ nhắm", đây là những thứ không dành cho tử tù.
+ Trực tiếp bày tỏ thiện ý với Huấn Cao.
+ Quản ngục…khép nép hỏi ông Huấn Cao
– Đối với những người như ngài, phép nước ngặt lắm. Nhưng biết ngài là một người có nghĩa khí tôi muốn châm trước ít nhiều. Miễn là ngài giữ kín cho.
-> Quản ngục rất kính trọng người tù: "khé nép", gọi người tù là"ngài" tức là người "có nghĩa khí" và như muốn tâm sự. "Miễn là ngài giữ kín cho". Khi ông Huấn từ chối, quản
ngục"lễ phép" lui ra.
– Thái độ của Huấn Cao:
+ Lời chối từ ngắn gọn, dứt khoát và đầy miệt thị:
+ "Người hỏi ta muốn gì?…nhà ngươi đừng đặt chân vào đây"
-> Ông Huấn Cao từ chối là hợp lí bởi ở nơi tu2ngu5c, người ta sống tàn nhẫn và lừa lọc, Huấn Cao không thể biết ngay được ý đồ của viên quản ngục, người đại diện cho quyền lực, mặt khác thái độ của quản ngục vẫn đáng ngờ. (tâm sự, dặn dò giữ bí mật…)
-> Ông Huấn Cao từ chối còn bởi khí tiết và nhân cách của ông: không quỵ lụy, nhờ vả.
Vì vậy thái độ của ông tỏ ra rất khinh bạc.
Trong tình cảnh này, ông Huấn Cao không thể lường trước được rằng viên quản ngục là một người có chữ nghĩa, trọng khí phách và rất say mê thư pháp (mà những điểm này không phù hợp chút nào với nghề nghiệp và khung cảnh sống của một quản ngục)
Viên quản ngục có lẽ cũng hiểu tâm trạng và thái độ của ông HUấn Cao nên không tỏ ra bất bình, tự ái và đã trả lời rất điềm tĩnh "xin lĩnh ý".
b) Ông Huấn Cao tặng chữ và khuyên bảo viên quản ngục:
+ Sự thay đổi thái độ bắt đầu từ chỗ ông Huấn Cao hiểu con người thật và tấm lòng của quản ngục.

+ “Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa ta đã phụ mật một tấm lòng trong thiên hạ”.
+ Ông Huấn Cao đã viết tặng viên quản ngục những dòng chữ rất đẹp.
– Đây là một sự kiện đặc biết bởi ông Huấn Cao chọn người mới cho chữ. Ông nói “đời ta cũng mới viết hai bô tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi”. Vậy quản ngục có vinh dự là một trong số ít người được đối xử như bạn thân của ông Huấn.
– Cảnh cho chữ thật cảm động: “ Một người tù, cổ đeo gông, chân vướng xiềng đang đậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng trên mảnh ván:.
– Ông Huấn Cao có thái độ và lời nói rất thân ái, tôn trọng: “đỡ viên quản ngục đứng thẳng người dậy”, lúc nào cũng gọi là “thầy quản”. Ông còn có những câu nói thân mật như với một người quen biết lâu ngày “thoi mực thầy mua ở đâu tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?”
– Và nhất là ông Huấn Cao đã nói với viên quản ngục những lời tâm huyết có liên quan đến phẩm giá một đời người “thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã rồi nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây khó giữ thiên lương cho lành vững”. Viên quản ngục nghẹn ngào, xúc động vái người tù một cái và nói “kẻ mê muội n ày xin bái lĩnh”. Đây không chỉ là hành động tạ ơn người cho mình chữ mà còn thể hiện thái độ bái phục một nha6nca1ch đẹp, một khí phách dũng liệt là một thiên lương trong sáng và cao cả.
-> Như vậy, thái độ của Huấn Cao đối vời viên quản ngục hoàn toàn khác trước vì ông đã hiểu rõ thầy quản , ông ân hận chút nữa đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ. Thái độ của ông chính là để đáp lại tấm lòng “ biệt nhỡn liên tài” của viên quản ngục.
c) Đánh giá nhân vật:
– Huấn Cao là một con người tài hoa khác thường và ông cũng là một người có khí phách khác thường. Tuy nhiên, Huấn Cao không phải là con người có trái tim bằng thép. Đúng là tiền bạc và quyền thế không lung lạc được ông, nhưng khi hiểu được một tâm hồn trong sáng bị lạc vào giữa đám người “cặn bã”, ông đã trân trọng và sẵn sàng cho chữ, những dòng chữ cuối cùng của một đấng tài hoa và một bậc anh hùng nghĩa sĩ.
Kb:
– Với thủ pháp đối lập, qua hai đoạn đối thoại Nguyễn Tuân đã vẽ nên một hình ảnh Huấn Cao:
+ Vừa cao ngạo, bất khuất, chọc trời khuấy nước.
+Vừa chân tình tài hoa, biết chân trọng những tấm lòng tốt trong thiên hạ, biết đề cao thiên lương đẹp đẽ của con người, biết yêu quý nghệ thuật.

CHUYÊN ĐỀ : HẠNH PHÚC MỘT TANG GIA – VŨ TRỌNG PHỤNG

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Kiến thức cơ bản về tác giả, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
- Luyện đề phân tích tác phẩm, hình tượng nhân vật trữ tình.
- Luyện các dạng đề: NL về một ý kiến, liên hệ, so sánh.

2. Kĩ năng: Phân tích đề, lập dàn ý cho đề văn nghị luận.

3. Tư duy, thái độ: Nghiêm túc trong học tập.

B. Phương tiện

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…
- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

C. Phương pháp: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành.

D. Tiến trình tổchức dạy học

1.Ổn định lớp

Lớp	Sĩ số	HS vắng	Ngày dạy
11A4			

2. Kiểm tra bài cũ: Kt sách vở của hs

3. Bài mới

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả Vũ Trọng Phụng (1912 – 1939)

**** Cuộc đời:***

- Sinh tại Hà Nội, quê ở làng Hảo, huyện Mĩ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Gia đình: nghèo.

- Bản thân:

+ Sau khi tốt nghiệp tiểu học, Vũ Trọng Phụng đi kiếm sống.

+ Ông sống chật vật bằng nghề viết báo, viết văn chuyên nghiệp.

+ Khoảng năm 1937 – 1938, Vũ Trọng Phụng mặc bệnh lao và mất ở Hà Nội.

**** Sự nghiệp:***

- Quan điểm sáng tác: Văn chương phải phản ánh hiện thực đời sống - *Các ông cho tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và những người cùng chí hướng với tôi muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời.*

- Phong cách nghệ thuật:

+ Phản ánh trực diện, lạnh lùng cái xấu, cái ác.

+ Sử dụng tài tình thủ pháp đối lập, phóng đại, tạo tình huống trào phúng, xây dựng những chân dung biếm họa,…

- Tác phẩm tiêu biểu:

+ Phóng sự: *Kĩ nghệ lấy Tây* (1934), *Cơm thầy cơm cô* (1936),…

+ Tiểu thuyết: *Giông tố, Số đỏ* (1936).

2. Tiểu thuyết *Số đỏ* và đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia*

2.1 Tiểu thuyết "Số đỏ"

- Hoàn cảnh sáng tác: 1936 - chính quyền thực dân khuyến khích các phong trào như *Âu hoá, vui vẻ trẻ trung, thể dục thể thao*…để lừa mị quần chúng. Thời kì này Mặt trận Dân chủ Đông Dương hoạt động mạnh mẽ.

- Cốt truyện: SGK.

2.2 Đoạn trích "Hạnh phúc của một tang gia"

- Vị trí: Thuộc chương XV trong tổng số XX chương của tác phẩm.

- Bố cục: 2 phần

+ Phần 1: Niềm vui của những người trong và ngoài tang quyến.

+ Phần 2: Cảnh đám ma gương mẫu.

II. Phân tích

1. Nhan đề đoạn trích

- Giải nghĩa:

+ *Hạnh phúc*: sự vui mừng, sung sướng.

+ *Tang gia*: gia đình có tang (thường là đau buồn, thương tiếc).

→ *Hạnh phúc của một tang gia* là sự vui mừng, sung sướng của gia đình có tang.

- Ý nghĩa:

+ Đây là một nhan đề chứa đựng nghịch lý, hé mở tình huống trào phúng cho đoạn trích.

+ Gợi sự hấp dẫn cho người đọc.

+ Làm bật lên tiếng cười phê phán, phơi bày thực chất của tầng lớp thượng lưu tư sản thành thị.

2. Niềm hạnh phúc của những người trong tang quyến

2.1 Niềm hạnh phúc chung

- Chia nhau tài sản: *cái chúc thư kia đã đi vào thời kì thực hành chứ không còn là lí thuyết viễn vông nữa…*

- Khoe mình với thiên hạ: *Cái chết kia làm cho nhiều người sung sướng lắm…*

2.2 Niềm hạnh phúc riêng

- Cụ cố Hồng – con trai trưởng

+ Biểu hiện bên ngoài:

• Mới 50 tuổi mà thích gọi bằng cố;

• Luôn miệng gắt: *Biết rồi, khổ lắm, nói mãi…*(1872 câu);

• Nhắm nghiền mắt, mơ màng đến lúc mặc đồ xô gai, chống gậy, ho khạc, khóc mếu, ….

+ Thực chất bên trong:

• Muốn thiên hạ khen cái sự già của mình, khen cái gậy, khen đám ma to…..

• Coicái chết của cha như một sân khấu để diễn trò, để được thiên hạ khen ngợi.

+ Bản chất: ***Điển hình cho loại người ngu dốt, háo danh, khoe mẽ, vô trách nhiệm, đại bất hiếu.***

- Vợ chồng văn Minh:

+ Văn Minh chồng - cháu đích tôn:

• Dáng vẻ bên ngoài: đăm đăm, chiêu chiêu, phân vân, vò đầu rứt tóc rất hợp với nhà có tang …

• Thực chất bên trong: Sung sướng vì chúc thư sớm đi vào thực hành; không biết xử trí với Xuân ra sao… Mang ơn Xuân vì đã gây ra cái chết của ông nội.

• Bản chất: ***Hám tiền, thực dụng, bất nhân, bất hiếu.***

+ Văn Minh vợ - cháu dâu trưởng:

• Dáng vẻ bên ngoài: Sốt ruột vì chưa được mặc bộ đồ xô gai tân thời….

• Thực chất bên trong: Sung sướng vì được dịp lăng xê những mốt y phục táo bạo nhất. Kiếm tiền, khoe mình từ cái chết của người thân…

• Bản chất: ***Điển hình cho loại người hám lợi, bất hiếu, vô văn hóa, thiếu tình người.***

- Cô Tuyết - cháu gái:

+ Biểu hiện bên ngoài:

• Được dịp mặc bộ y phục Ngây thơ, hở hang nhằm chứng minh mình chưa hư hỏng….

• Tâm trạng: buồn, đau khổ, muốn tự tử, như bị kim châm vào lòng vì không thấy bạn giai đâu.

+ Thực chất bên trong: Biến đám tang ông thành một buổi dạ hội để hẹn hò, liếc mắt đưa tình, để chứng minh mình còn trinh,…

+ Bản chất: ***Là cô gái bất hiếu, hư hỏng, chỉ thích đong đưa, thích ve vãn đàn ông, lẳng lơ, xuống cấp về mặt đạo đức, lối sống.***

- Cậu Tú Tân – cháu trai:

+ Biểu hiện bên ngoài:

• Chịu tang ông nhưngcứ sốt cả ruột, bực mình vì chưa được dùng đến mấy cái máy ảnh chuẩn bị từ lâu.

• Sướng điên người vì được dịp trổ tài chụp ảnh và tài đạo diễn đám ma….

• Nhảy cả lên mả người khác để chụp ảnh…..

+ Thực chất bên trong:Biến đám tang của ông thành nơi để khoe mình với thiên hạ…

+ Bản chất:***Là đứa cháu bất hiếu, vô học, thích thể hiện chỉ lo thú vui, sở thích cá nhân.***

- Phán mọc sừng:

+ Biểu hiện bên ngoài:

• Có vợ ngoại tình nhưng lại không cảm thấy nhục nhã;

• Khóc oặt người đi, khóc mãi không thôi…

+ Thực chất bên trong:

• Hạnh phúc, hãnh diện vì đôi sừng hươu vô hình trên đầu đã giúp hắn có thêm vài nghìn bạc.

• Mượn đám tang để tính toán công việc doanh thương với Xuân tóc đỏ.

+ Bản chất: ***Con người tồi tệ, trơ trẽn, đốn mạt, bất kể danh dự, ham tiền, vô liêm sỉ.***

3. Niềm hạnh phúc của những người ngoài tang quyến

3.1 Xuân Tóc Đỏ

- Danh giá và uy tín càng cao vì nhờ hắn mà cụ cố Tổ chết một cách nhanh chóng….

- Trở thành đại ân nhân của gia đình, trở thành con rể cụ cố Hồng. Được ông Phán trả tiền như đã hứa…

→ Là kẻ bất tài, hám tiền, thực dụng, bắt nhịp với cuộc sống thượng lưu nhanh.

3.2 Hai cảnh sát Min Đơ và Min Toa

Đương buồn rầu thì nay sung sướng đến cực điểm vì có việc làm, trông nom trật tự cho đám ma rất nhiệt tình.

→ Thật hài hước và lố bịch! Cảnh sát mà lại thích thú, cảm thấy vinh dự với việc được thuê giữ trật tự cho đám ma.

3.3 Ông Typn - họa sĩ thiết kế mẫu thời trang cho tiệm may Âu hóa

Vui mừng, phấn khởi khi được trình làng các mốt tang phục mới.

→ Đám tang trở thành dịp để ông khoe mẽ tài năng thiết kế của mình.

3.4 Đám bạn cụ cố Hồng

- Được dịp khoe các loại huy chương, phẩm hàm, các loại râu ria trên mép dưới cằm (lún phún, loăn xoăn, hung hung…….)

- Ngồi bên linh cữu mà xúc động, sung sướng khi nhìn thấy làn da trắng thập thò trong cánh tay và ngực Tuyết.

→ Thích phô trương, háo sắc, háo danh, vô học…

3.5 Sư cụ Tăng Phú

Sung sướng và vênh váo, khoe với thiên hạ chiến tích đánh đổ hội Phật giáo của mình.

→ Trái đạo lí của người tu hành.

3.6 Đám giai thanh gái lịchvà hàng phố

- Được dịp hẹn hò, tán tỉnh, ghen tuông, chim chuột, bình phẩm nhau…

- Vui vẻ vì lâu lắm rồi mới được chiêm ngưỡng một đám ma to như vậy…

→ Vô văn hóa, thiếu tình người.

* Nhận xét: Vũ Trọng Phụng vạch trần xã hội thượng lưu giả nhân, giả nghĩa, vô đạo đức. Tác giả đã khai thác những yếu tố mâu thuẫn để gây cười, cái cười phê phán đầy mỉa mai châm biếm.

4. Cảnh đám ma gương mẫu

4.1 Cảnh chuẩn bị

Tưng bừng, vui vẻ đi đưa giấy cáo phó, gọi phường kèn, thuê xem đám ma…

4.2 Cảnh đưa tang

- Quy mô: Đám ma to chưa từng thấy ở đất Hà Thành, có đủ kiệu bát cống, lợn quay đi lọng, vài ba trăm câu đối.. vài ba trăm người đi đưa đám, tiếng kèn huyên náo...→ Khoe sang, khoe giàu một cách lố bịch và hợm hĩnh.

- Hình thức: Theo cả lối Ta, Tàu, Tây.→ Đám ma hổ lốn, khoa trương lố bịch, kệch cỡm. Đám ma như đám rước.

- Người đi đưa:đông đảo, sang trọng.Hành vi, dáng điệu, ngôn ngữ của hai đám người: bạn cụ cố Hồng và giai thanh gái lịch thể hiện sự lố lăng, đồi bại về văn hóa.

- Đi qua bốn phố; đi đến đâu làm huyên náo đến đó.

→ Thật là một đám ma to tát "khiến người nằm trong quan tài cũng phải gật gù cái đầu. Điệp khúc *đám cứ đi* diễn tả tốc độ chậm chạp, dềnh dàng của đám tang, khoe danh giá, giàu sang, đoàn người vô tâm.

4.3 Cảnh hạ huyệt: một màn hài kịch nhỏ

- Cậu tú Tân: chỉ huy bắt bẻ từng người tạo dáng để chụp ảnh kỉ niệm sao cho đúng nhà có tang.

- Cụ cố Hồng:diễn trò ho khạc mếu máo, gần như ngất đi.

- Xuân tóc đỏ:cầm mũ nghiêm trang một cách giả tạo; nắm chặt tay cho mọi người khỏi trông thấy đồng tiền.

- Ông Phán mọc sừng:khóc đến độ oặt cả người, nhưng vẫn tỉnh táo dúi vào tay Xuân tờ giấy bạc nhằm thanh toán món nợ và chuẩn bị công việc doanh thương mới.

→ Tác giả như một nhiếp ảnh gia tài tình, một bác sĩ giỏi đã chụp lại được tất cả những khoảnh khắc xuất thần nhất, đã mổ xẻ, bóc trần những gì tinh vi nhất cho người đọc thấy được bộ mặt thật của những con người đểu giả, phi nhân tính, một đám ma gương mẫu nhất, to nhất của một gia đình giàu sang nhất nhưng bất hiếu, bất nhân nhất.

III. Luyện đề:

Phân tích nghệ thuật trào phúng trong đoạn trích "Hạnh phúc của một tang gia" trích tác phẩm "Số đỏ" của Vũ Trọng Phụng

DÀN Ý CHI TIẾT

1. **Mở bài:**

– Giới thiệu tác giả Vũ Trọng Phụng: nhà văn hiện thực phê phán có sức viết hăng say, được mệnh danh là "Ông vua phóng sự Bắc Kì".

– Phong cách nghệ thuật: khai thác những mâu thuẫn trong cuộc sống, phê phán lối sống giả dối của giai cấp tư cho là thượng lưu trong xã hội.

– Thành công của tác phẩm chính là vạch trần bộ mặt xấu xa, giả dối của những người văn minh, âu hóa thông qua tiếng cười trào phúng sâu cay.

2. **Thân bài:**

2.1. Luận điểm 1: Nghệ thuật trào phúng là gì? Nghệ thuât trào phúng chính là nghệ thuật tạo nên những mâu thuẫn trong tình huống truyện, từ đó tạo nên tiếng cười mang dụng ý phê phán, lên án xã hội.

2.2. Luận điểm hai: Mâu thuẫn trào phúng

– Mâu thuẫn trào phúng thể hiện trong nhan đề của tác phẩm. Theo lẽ thường, tang gia phải gắn với đau khổ nhưng trong trường hợp này, tang gia lại mang đến hạnh phúc.

– Cả gia đình đều cho rằng việc sống thọ của cụ cố Tổ là "trái lẽ thường", là "bệnh nặng vì không bệnh gì cả" (cụ cố Hồng mơ màng nghĩ đến lúc mặc đồ xô gai, vừa chống gậy vừa ho khạc, gia đình Văn Minh mong ông cụ chết để được ra mắt sản phẩm mới, cô Tuyết muốn gặp được Xuân trong đám tang của ông cụ, ông Phán muốn ông cụ chết để được chia gia tài). Một gia đình tự cho là văn minh, hiện đại nhưng chính gia đình ấy là tập hợp của những con người "đại bất hiếu".

– Sự vắng mặt của Xuân Tóc Đỏ khiến mọi người lo lắng bởi "*Thiếu ông đốc tờ Xuân là thiếu tất cả, những ông thầy thuốc chính hiệu đã thất bại hoàn toàn"*.

– Chi tiết cụ Cố Hồng cứ luôn mồm nói: "*Biết rồi, khổ lắm, nói mãi*" mặc dù bản thân mình chả biết gì.

2.3. Luận điểm 3: Cảnh "đám ma gương mẫu" diễn ra đầy những sự giả dối

– Cảnh đám cứ đi:

+ Bề ngoài đám tang được tổ chức long trọng nhưng chẳng khác nào đám rước nhố nhăng, hổ lốn: có đủ kiệu bát cống, lợn quay đi lọng, kèn Tây, kèn Ta, kèn Tàu, vòng hoa, câu đối….; người đưa tang rất đông nhưng chẳng ai thương xót cho người quá cố.

+ Điệp khúc "Đám cứ đi" thể hiện sự quyến luyến giả dối, cốt yếu chần chừ, chậm chạp để khoe mẽ sự giàu có và hoành tráng của đám tang.

+ Đoàn phúng viếng của Xuân Tóc Đỏ và sư cụ Tăng Phú chen ngang đám tang một cách vô học nhưng lại đem đến sự mừng rỡ và tự hào cho gia đình.

– Cảnh hạ huyệt: đỉnh điểm của tiếng cười trào phúng:

+ Cậu Tú Tân biểu diễn cảnh chụp ảnh, mọi người trong gia đình "diễn" rất phù hợp, trở thành những diễn viên đại tài.

+ Ông Phán Mọc sừng khóc to những âm thanh lạ đến lả người đi. Sự giả dối, lố bịch lên để cực điểm khi bên huyệt của người chết, ông Phán thực hiện "cuộc giao thương" với Xuân khi vừa khóc vừa đưa tờ năm đồng gấp tư với mong muốn sẽ có nhiều cơ hội "hợp tác" kiếm tiền đơn giản như thế.

2.4. Luận điểm 4: Đánh giá

– Nghệ thuật: lựa chọn chi tiết đắt giá, phát hiện những đối lập gay gắt, cường điệu, nói ngược, nói mỉa.

– Nội dung: Nghệ thuật trào phúng đã tạo nên tiếng cười sâu cay, mỉa mai, khinh bỉ.

3. **Kết bài:**

– Vũ Trọng Phung đã rất thành công khi vạch trần bộ mặt xã hội đầy những giả dối, bất nhân, bất hiếu.

– Đó là tiếng cười vừa thông minh sắc sảo, vừa đầy khinh bỉ của tác giả dành cho một tầng lớp xã hội nhố nhăng, lố bịch.

CHUYÊN ĐỀ: CHÍ PHÈO – NAM CAO

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Kiến thức cơ bản về tác giả, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
- Luyện đề phân tích tác phẩm, hình tượng nhân vật trữ tình.
- Luyện các dạng đề: NL về một ý kiến, liên hệ, so sánh.

2. Kĩ năng: Phân tích đề, lập dàn ý cho đề văn nghị luận.

3. Tư duy, thái độ: Nghiêm túc trong học tập.

B. Phương tiện

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…
- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

C. Phương pháp: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thực hành.

D. Tiến trình tổchức dạy học

1.Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Kt sách vở của hs

3. Bài mới

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả

Nam Cao (1917 – 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo ở làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Xam Sang phủ Lí Nhân, tỉnh Hà Nam. Ông là một trong những cây bút viết truyện ngắn rất thành công của dòng văn học hiện thực phê phán thời kì trước Cách mạng.

Con người Nam Cao nhìn bề ngoài có vẻ lạnh lùng, ít nói nhưng đời sống nội tâm thì rất phong phú. Nam Cao là người có tấm lòng đôn hậu, chan chứa yêu thương. Ông gắn bó sâu nặng, giàu ân tình với quê hương và những con người nghèo khổ bị áp bức, khinh miệt trong xã hội cũ. Ông từng quan niệm, không có tình thương đồng loại thì không đáng gọi là người. Đó chính là một trong những lí do dẫn Nam Cao đến với con đường nghệ thuật "vị nhân sinh" và tạo nên những tác phẩm thấm đượm tư tưởng nhân đạo sâu sắc.
Sáng tác của Nam Cao trước Cách mạng tập trung vào hai đề tài chính người trí thức nghèo và người nông dân nghèo.

2. Tác phẩm

Hoàn cảnh ra đời:

"Chí Phèo" là truyện viết về người thật, việc thật ở làng Đại Hoàng – quê hương của tác giả trước Cách mạng tháng Tám.

Truyện ngắn "Chí Phèo" lúc đầu có tên là "Cái lò gạch cũ". Khi in thành sách lần đầu (1941), Nhà xuất bản Đời mới Hà Nội tự ý đổi tên là "Đôi lứa xứng đôi". Năm 1946, khi in trong tập "Luống cày", tác giả đặt lại tên là "Chí Phèo". Chí Phèo là tác phẩm thành công của Nam Cao viết về đề tài người nông dân. Nhân vậtChí Phèo thể hiện tấn bi kịch tinh thần lớn nhất của con người, đó là bi kịch bị tha hoá. Những thế lực tàn bạo đã tước đoạt của người nông dân chất phác hiền lành những khát vong và ước mơ về một cuộc sống lương thiện, biến họ thành kẻ lưu manh.

Và khi lương tâm thức tỉnh, họ đã phải tự kết thúc đời mình khi nhận ra rằng mình không còn con đường trở về với cuộc sống lương thiện.

Giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm đều được tập trung ở nhân vật Chí Phèo. Tác phẩm phản ánh hai mâu thuẫn gay gắt và tiêu biểu nhất trong xã hội nông thôn Việt Nam trước cách mạng tháng Tám là: Mâu thuẫn giữa giai cấp thống trị với nhau và mâu thuẫn giữa bọn cường hào ác bá và người nông dân. Nhân vật đều đạt đến trình độ điển hình.

Tóm tắt đoạn trích

Chí Phèo vốn không cha không mẹ, được dân làng truyền tay nhau nuôi lớn. Rồi đến làm canh điền cho nhà Bá Kiến. Bá Kiến ghen tuông nên đã đẩy anh vào tù. Bảy tám năm sau, Chí ra tù và trở về làng với bộ dạng của một tên lưu manh. Hắn chuyên uống rượu, rạch mặt ăn vạ. Cả làng lánh xa hắn, Chí bị Bá Kiến lợi dụng thành công cụ cho hắn.
Chí gặp Thị Nở, hai người ăn nằm với nhau. Chí tỉnh rượu rồi ốm, được Thị Nở chăm sóc. Bát cháo hành và những cử chỉ chân thật của Thị Nở đã làm sống dậy khát vọng sống cuộc đời lương thiện của Chí. Nhưng bà cô Thị Nở ngăn cấm. Chí tuyệt vọng khi bị Thị Nở từ chối. Anh xách dao đến nhà Bá Kiến đòi lương thiện. Anh đâm chết Bá Kiến và tự vẫn.

II. Phân tích nhân vật Chí Phèo

a. Cuộc đời cùng quẫn của Chí Phèo

+Hoàn cảnh của Chí Phèo

– Chí Phèo là một đứa con hoang bị bỏ rơi ở một cái lò gạch cũ. Một người đi đánh ống lươn nhặt được Chí Phèo ‘!trần truồng và xám ngắt trong một váy đụp để bên cái lò gạch bỏ không”.

– Sau đó, anh đánh ống lươn đem cho bà goá mù, rồi bà goá mù lại cho bác phó cối.
– Khi bác phó cối chết, Chí Phèo làm canh điền cho nhà Lí Kiến.

+Chí Phèo trước khi đi tù

– Là người canh điền khỏe mạnh, siêng năng. Chí Phèo cũng có những ước mơ giản dị như bao người lao động hiền lành khác: Chí *"ao ước có một gia đình nho nhỏ. Chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm".*

– Chí phèo là người có lòng tự trọng. Bà ba nhà Lí Kiến cứ hay gọi Chí lên để bóp chân. Chí Phèo lấy đó làm nhục.

– Lí Kiến (khi đó chưa là Bá Kiến) ghen bóng gió và đã đẩy Chí Phèo vào nhà tù. Một người thanh niên hiền lành vô tội đã bị đẩy vào tù.

+Chí Phèo sau khi ở tù về

– Diện mạo bên ngoài của Chí hoàn toàn thay đổi, khiến cho cả làng lúc đầu không ai biết hắn là ai. *"Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cơng cơng. Hai mắt gườm gườm trông gớm chết! Hắn mặc quần nái đen với cái áo tây vàng. Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng phượng với một ông tướng cầm chuỳ, cả hai cánh tay cũng thế. Trông gớm chết!"*

– Hành động của Chí cũng hoàn toàn thay đổi. *"Về hôm trước, hôm sau đã thấy ngồi ở chợ uống rượu với thịt chó suốt từ trưa đến xế chiều"*. Hành vi này quả thật không bình thường đối với một người bình thường. Đúng là như vậy, sau khi bị Bá Kiến biến thành tay sai. Chí Phèo trở thành kẻ đâm thuê, chém mướn, rạch mặt ăn vạ. Không mua được rượu vì chủ quán không bán chịu, Chí Phèo liền đốt quán ngay. Người dân làng Vũ Đại coi Chí Phèo là một "con quỷ" không hơn không kém. Không ai coi Chí là một con người. Thấy Chí Phèo, người ta tránh như gặp phải một con quỷ. Chí Phèo vẫn triền miên trong cơn say. Say trong lúc ăn, say trong lúc ngủ…

– Khi gặp Thị Nở, Chí Phèo mới thức tỉnh muốn được làm người lương thiện.

+ Thị Nở đã ngoài 30 tuổi, dở hơi và lại xấu "ma chê quỷ hờn".

+ Thị Nở quan tâm đến Chí Phèo, nấu cháo hành cho Chí ăn khi hắn bị ốm. Sự quan tâm ấy đã thức tỉnh Chí Phèo. Bưng bát cháo hành thị Nở đưa cho *"hắn thấy mắt mình hình như ươn ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hắn được một người đàn bà cho. Xưa nay, nào hắn có thấy tự nhiên ai cho cái gì. Hắn vẫn phải dọa nạt hay*

giật cướp hắn mới có cái để ăn. "Hắn nhìn bát cháo hành bốc khói mà bâng khuâng"".

+ Hình ảnh bát cháo hành có giá trị đặc sắc. Nó thể hiện tình thương của con người đối với đồng loại.

+ Với Chí Phèo, năm ngày sống với thị Nở là năm ngày hạnh phúc của đời Chí. Hạnh phúc ấy quá ngắn ngủi so với cuộc đời một con người. Đó cũng là những ngày Chí Phèo không say. Chính thị Nở đã làm cho Chí Phèo thức tỉnh.

+ Tính lương thiện trong Chí Phèo không hề mất đi mà chỉ ngủ mê trong cái vỏ bề ngoài của một con quỷ dữ. Bản chất ấy khi có được tình người sẽ thức tỉnh. Tình yêu, sự quan tâm của thị Nở sẽ là cơn gió lành thổi bùng lên đốm lửa thiên lương còn âm ỉ trong Chí Phèo. Chính thị Nở đã suy nghĩ về Chí Phèo: *"Ôi sao mà hắn hiền, ai dám bảo đó là cái thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt mà đâm chém người"*. Bản tính thiên lương của Chí Phèo được miêu tả khá thành công trong buổi sáng hôm sau khi Chí tỉnh dậy. *"Hắn bâng khuâng như tỉnh dậy sau một cơn mê rất dài", "Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá. Những tiếng quen thuộc ấy hôm nào chả có. Nhưng hôm nay hắn mới nghe thấy".* Những ngày trước đây làm sao Chí Phèo có thể nghe được những âm thanh của cuộc sống vì trước khi gặp thị Nở, cuộc sống của Chí Phèo là những cơn say dài bất tận. Ăn trong lúc say, ngủ trong lúc say, hung dữ trong lúc say, chửi trong lúc say… Vì thế mà hắn phải thốt lên: *"Chao ôi là buồn!", "Hắn lại nao nao buồn", "hình như có một thời hắn đã ao ước có một gia đình nho nhỏ. Chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm".* Một ước muốn thật chính đáng và giản dị, đời thường.

b.Bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người của Chí Phèo

– Tình yêu, sự quan tâm chăm chút của thị Nở đã thức tỉnh Chí Phèo, làm bùng lên đốm sáng lương tri còn sót lại trong Chí. Chí Phèo khát vọng được quay trở về với cuộc sống lương thiện, được hoà mình trong xã hội loài người mà thị Nở sẽ là cây cầu nối.
– Chí Phèo không còn đường để trở về làm người lương thiện được nữa. Bà cô thị Nở ngăn cấm không cho cháu mình lấy Chí Phèo.

– Chí Phèo bị cự tuyệt về tình yêu. Nguyên nhân trực tiếp là thị Nở và bà cô của thị. Nhưng nguyên nhân sâu xa chính là do xã hội phong kiến tàn ác, bất công đã biến Chí thành một "con quỷ dữ" của làng Vũ Đại. Tuyệt vọng, Chí Phèo tìm đến rượu. Nhưng lần này, càng uống, Chí Phèo càng tỉnh ra. *"Hắn ôm mặt khóc rưng rức"*.Điều đó chứng tỏ rằng Chí Phèo luôn khát khao được trở về làm người lương thiện. Khi không còn tình yêu, không còn con đường trở về làm người lương thiện, Chí Phèo quyết trả hận.
– Hắn quyết định đến nhà thị Nở *"để đâm chết cả nhà nó, đâm chết cái con khọm già nhà nó"*. Chí Phèo ra đi với một con dao cầm trong tay. Nhưng *"hắn không rẽ vào nhà thị Nở mà thẳng đường đến nhà Bá Kiến và nói thẳng với Bá Kiến; "Tao muốn làm người lương thiện", "Ai cho tao lương thiện?"* Chí Phèo giết Bá Kiến và tự kết liễu đời mình. Chí Phèo giết Bá Kiến nghĩa là Chí Phèo đã nhận đúng kẻ thù của mình. Hai cái chết thể hiện mâu thuẫn đối kháng gay gắt trong xã hội có giai cấp. Đó là mâu thuẫn giữa người nông dân với giai cấp phong kiến mà đại diện là bọn địa chủ, cường hào, ác bá ở nông thôn.
-> Chí Phèo chết ngay trước ngưỡng cửa bước vào cuộc sống lương thiện. Đó là bi kịch của Chí Phèo cũng là bi kịch của của những người nông dân bị bần cùng, bị lưu manh hoá. Quá thực, Chí Phèo không có lối trở về. Đứng trước hai con đường, Chí Phèo chỉ được chọn một mà thôi.

Thứ nhất, Chí Phèo tiếp tục trở về sống cuộc sống của một *"con quỷ dữ"*. Hai là, Chí Phèo chết để giữ lại phần hiền lương còn sót trong tâm hồn. Chí Phèo đã chọn con đường thứ hai. Chí Phèo đã chết vì ý thức về nhân phẩm đã trở về trong anh. Anh không thể chấp nhận cuộc sống thú vật được nữa.

Chí Phèo đã chết quằn quại trên vũng máu trong niềm đau thương vô hạn vì khát khao được làm người lương thiện đã bị từ chối một cách lạnh lùng. Lời nói cuối cùng của Chí Phèo vừa đanh thép vừa chất chứa phẫn nộ:*"Ai cho tao lương thiện?"*. Phải chăng câu nói ấy đã được đặt ra một cách bức thiết khi tác phẩm ra đời. Làm thế nào, bằng con đường nào để người nông dân không rơi vào tấn bi kịch như Chí Phèo.

Ý nghĩa hình tượng Chí Phèo : Qua truyện ngắn này, Nam Cao khái quát một hiện tượng xã hội ở nông thôn Việt Nam trước cách mạng: một bộ phận nông dân lao động lương thiện bị đẩy vào con đường tha hoá, lưu manh hoá. Nhà văn đã kết

án đanh thép cái xã hội tàn bạo tàn phá cả thế xác lẫn tâm hồn người nông dân lao động, đồng thời khẳng định bản chất lương thiện của họ, ngay khi họ bị vùi dập mất cả nhân hình, nhân tính.

III. Đặc sắc nghệ thuật

a. Tiếng chửi của Chí Phèo

– Hắn chửi tất cả : từ trời đời cả làng Vũ Đại "cha đứa nào không chửi nhau với hắn" "đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn"=> đối tượng chửi đã được xác định : xã hội thực dân nửa phong kiến đã sinh ra cái thằng Chí Phèo, đối tượng chửi qua đó cũng thu hẹp dần chứng tỏ Chí đang rơi vào ngõ cụt của sự bế tắc.

– Cái mà Chí nhận được là : "trời có của riêng nhà nào" "đời là tất cả nhưng chẳng là ai" "không ai lên tiếng cả" "không ai ra điều" "nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo". Đáp lại tiếng chửi ấy trớ trêu thay lại là "tiếng chó cắn lao xao".

• Ý nghĩa tiếng chửi của Chí Phèo:

Chí chửi tức là Chí muốn giao tiếp với mọi người nhưng tất cả đều im lặng, chỉ có "ba con chó dữ với một thằng say rượu") Chí đã bị đánh bật ra khỏi xã hội loài người, tiếng chửi trở nên vật vã, tuyệt vọng.

Tiếng chửi của Chí là tiếng nói đau thương của một con người ý thức về bi kịch của mình: sống giữa cuộc đời nhưng đã mất quyền làm người Đó chính là sự đau xót của nhà văn đối với nhân vật của mình.

b. Chi tiết bát cháo hành

***** Sự xuất hiện: Hình ảnh này xuất hiện ở phần giữa truyện. Chí Phèo say rượu, gặp Thị Nở ở vườn chuối. Khung cảnh hữu tình của đêm trăng đã đưa đến mối tình Thị Nở – Chí Phèo. Sau hôm đó, Chí Phèo bị cảm. Thị Nở thương tình đã về nhà nấu cháo hành mang sang cho hắn.

* Ý nghĩa:

– Về nội dung:

+ Thể hiện tình yêu thương của Thị Nở dành cho Chí phèo

+ Là hương vị của hạnh phúc, tình yêu muộn màng mà Chí Phèo được hưởng

+ Là liều thuốc giải cảm và giải độc tâm hồn Chí : gây ngạc nhiên, xúc động mạnh, khiến nhân vật ăn năn, suy nghĩ về tình trạng thê thảm hiện tại của mình. Nó khơi dậy niềm khao khát được làm hoà với mọi người, hi vọng vào một cơ hội được trở về với cuộc sống lương thiện. Như vậy, bát cháo hành đã đánh thức nhân tính bị vùi lấp lâu nay ở Chí Phèo.
– Về nghệ thuật:

+ Là chi tiết rất quan trọng thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện, khắc họa sâu sắc nét tính cách, tâm lí và bi kịch của nhân vật.

+ Góp phần thể hiện sinh động tư tưởng Nam Cao: tin tưởng vào sức mạnh cảm hoá của tình người.

c. Ý nghĩa đoạn kết, hình ảnh cái lò gạch cũ

Sau khi Chí Phèo chết, ở phần kết thúc tác phẩm, Thị Nở lại xuất hiện. Thị "nhớ lại lúc ăn nằm với hắn… rồi nhìn nhanh xuống bụng", "Đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa và vắng bóng người lại qua…".

– Cử chỉ và ý nghĩ của thị khiến người ta nghĩ tới: sẽ lại có một Chí Phèo con ra đời (…).

– Hình ảnh "cái lò gạch cũ" xuất hiện trong ý nghĩ của Thị ở đây nằm trong ý đồ nghệ thuật của nhà văn: Một kiểu kết cấu tác phẩm đầu cuối tương ứng – kết cấu vòng tròn. Mâu thuẫn giai cấp giữa nông dân và địa chủ cường hoà một lần nữa được nhấn mạnh tô đậm. Bá Kiến chết thì có lí Cường, Chí Phèo chết thì có một Chí Phèo con sẽ xuất hiện. Mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ cường hào khi âm ỉ, khi bùng lên dữ dội, song không thể giải quyết. Vấn đề những con người lao động lương thiện bị xã hội đẩy vào con đường lưu manh cùng quẫn quay lại chống trả với xã hội bằng chính sự lưu manh của mình là vấn đề thuộc về bản chất, là quy luật tất yếu khi xã hội thực dân phong kiến còn tồn tại.
Hình ảnh "cái lò gạch cũ" nằm trong ý đồ nghệ thuật và là một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc của nhà văn Nam Cao.Với hình ảnh này, chủ đề của thiên truyện được khơi thêm những chiều sâu mới.

IV. Bài tập tự luyện:

Giá trị hiện thực và nhân đạo trong truyện Chí Phèo

Hướng dẫn:

Giá trị hiện thực: là sự tái hiện một cách chân thực những điều đang diễn ra trong cuộc sống; mà ở đây là bức tranh cuộc sống một làng quê trong xã hội thuộc được nửa phong kiến.
*Giá trị hiện thực được thể hiện qua:

5.1. Bộ mặt giai cấp thống trị:

a. Phong kiến:

– Chúng cấu kết với nhau cùng bóc lột, sống xa hoa trên sức lao động của nhân dân.
– Mặt khác, chúng "ngầm cho nhau ăn bùn", chia thành nhiều phe cánh để đấu đá nhau, tranh giành quyền lợi của nhau ở mảnh đất "quần ngư tranh thực"

– Để làm rõ hơn bộ mặt của giai cấp phong kiến, có thể phân tích vài nét về gia đình Bá Kiến mà Lão Bá là chủ nhà:

+ Bá Kiến xuất thân trong một gia đình giàu có, mấy đời làm chánh tổng, bá hộ, sống sung túc phè phỡn với nhiều đất đai, của cải.

+ Mặc dù không được đặc tả ngoại hình, nhưng qua tiếng cười và tiếng quát, ta có thể tưởng tượng phần nào sự bề thế, uy quyền của Bá Kiến.

+ Con người Bá Kiến được thể hiện trong nhiều mối quan hệ:

> Hắn là con mọt già chuyên đục khoét và tìm mọi cách vắt kiệt sức của người dân

> Là con cáo già gian xảo quỷ quyệt với những đường đi nước bước được tính toán cẩn thận để áp bức nhân dân (Điều này được thể hiện rõ qua những lần Chí Phèo đến nhà Bá Kiến)
b. Thực dân:

– Ảnh hưởng của chế độ thực dân được thể hiện gián tiếp qua sự xuất hiện của nhà tù ~~> Làm con người biến dạng về ngoại hình, méo mó nhân cách

5.2. Miêu tả cuộc sống khốn cùng của người dân lao động:

– Người nông dân phải sống trong cảnh bần cùng cơ cực (không có của cải, nghề nghiệp; chỉ biết làm thuê để kiếm sống)

– Người nông dân bị tha hóa, lưu manh, mất nhân phẩm (Chí Phèo, Năm Thọ, Binh Chức) (Nguyên nhân: do cuộc sống khó khăn,..; họ bị chính đồng loại của mình quay lưng; làm mất "sức đề kháng")

Giá trị nhân đạo:

*Giá trị nhân đạo: Sự quan tâm đến những người có hoàn cảnh không may; thông cảm, chia sẻ và phát hiện những phẩm chất tốt đẹp ở họ.

*Biểu hiện:

– Thấu hiểu hoàn cảnh của người lao động; bày tỏ sự thương cảm sâu sắc.
+ Sự xót xa với thân phận một sinh linh bé nhỏ (Chí Phèo từ lúc bị bỏ rơi ở cái lò gạch cũ đã được nhiều người dân chuyền tay nhau nuôi nấng)

+ Cảm nhận được thế giới nội tâm của Chí với nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau

+ Hiểu được tâm trạng phẫn uất, tuyệt vọng của Chí (khi bị cự tuyệt tình yêu và đòi lương thiện)

– Phát hiện những phẩm chất tốt đẹp của họ

+Chí Phèo: hiền lành, cần cù lao động, ước mơ trong sáng, giàu lòng tự trọng
+Thị Nở: giàu tình người (thể hiện ở sự chăm sóc với Chí Phèo, bát cháo hành)

-Khẳng định chất lương thiện trong con người tưởng chừng đã hóa quỷ dữ (qua lời đối thoại và độc thoại nội tâm của Chí.

4. Củng cố:

- Kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm
- Nắm vững giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

5. Dặn dò:

- Ôn lại bài
- Làm bài tập tự luyện theo hướng dẫn.

6. Rút kinh nghiệm:

CHUYÊN ĐỀ : CHÍ PHÈO – NAM CAO

(Tiếp theo)

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Kiến thức cơ bản về tác giả, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

- Luyện đề phân tích tác phẩm, hình tượng nhân vật trữ tình.

- Luyện các dạng đề: NL về một ý kiến, liên hệ, so sánh.

2. Kĩ năng: Phân tích đề, lập dàn ý cho đề văn nghị luận.

3. Tư duy, thái độ: Nghiêm túc trong học tập.

B. Phương tiện

- GV: SGK, SGV, thiết kế dạy học, tài liệu tham khảo…

- HS: Vở soạn, sgk, vở ghi.

C. Phương pháp: Nêu vấn đề, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm, thưc hành.

D. Tiến trình tổchức dạy học

1.Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Kt sách vở của hs

3. Bài mới

- Truyện ngắn "Chí Phèo" vừa là tác phẩm tiêu biểu cho những sáng tác viết về người nông dân nghèo vừa thể hiện nét riêng trong nghệ thuật viết truyện của nhà văn. Trong tác phẩm, NCao đã rất thành công khi miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật Chí Phèo kể từ khi gặp thị Nở đến khi kết thúc cuộc đời để làm nổi rõ bi kịch của nhân vật này.

V. Luyện đề:

<u>Đề 1</u>: ***Phân tích tấn bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người của Chí Phèo trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao.***

Mở bài:

- Ncao là nhà văn hiện thực xuất sắc, tràn đầy tinh thần nhân đạo. Sáng tác của ông trước cách mạng thường xoay quanh hai đề tài chính là nông dân nghèo và trí thức nghèo. Bao trùm lên sáng tác của NCao là nỗi đau đớn dai dẳng trước tình trạng nhân cách con người bị hủy hoại.
- Truyện ngắn "Chí Phèo" vừa là tác phẩm tiêu biểu cho những sáng tác viết về người nông dân nghèo vừa thể hiện nét riêng trong nghệ thuật viết truyện của nhà văn. Trong tác phẩm, NCao đã rất thành công khi miêu tả tấn bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người ở nhân vật Chí Phèo.

Thân bài:

Giới thiệu khái quát:

- Truyện ngắn "Chí Phèo" ban đầu có tên là "Chiếc lò gạch cũ", khi in thành sách lần đầu, nhà xuất bản đã đổi lại tên là "Đôi lứa xứng đôi". Đến khi in lại trong tập "Luống cày", tác giả đặt lại tên theo nhân vật chính là "Chí Phèo".

- Thiên truyện viết về tấn bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người của nhân vật Chí Phèo. Đó cũng là bi kịch tinh thần của một bộ phận nông dân trước Cách mạng tháng Tám bị bần cùng hóa, rồi bị đẩy vào con đường tha hóa, bị từ chối quyền làm người. Bi kịch này thể hiện sâu sắc nhất qua sự giằng co giữa hai cực nhân cách của Chí Phèo (lương thiện – lưu manh), kết thúc bằng cái chết bi thảm. Bi kịch Chí Phèo có ý nghĩa hiện thực, nhân đạo và nghệ thuật lớn lao.

Phân tích quá trình bi kịch của Chí Phèo:

a. Bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người ở Chí Phèo được nhà bắt đầu ngay từ khi hắn mới lọt lòng:

- Chí Phèo vốn là một đứa trẻ bị bỏ rơi. Một anh đi thả ống lươn nhặt được Chí "trần truồng và xám ngắt" trong chiếc váy đụp ở một lò gạch bỏ hoang vắng người qua lại. Anh ta đem Chí về cho một bà góa mù, bà này lại bán Chí cho một bác phó cối. Có thể nói ngay từ khi còn nhỏ, Chí Phèo đã trở thành món hàng hóa trao tay từ người này đến người khác. Khi bác phó cối chết, Chí trở thành kẻ bơ vơ, không cha mẹ, không nhà cửa, không một tấc đất cắm dùi.

- Lớn lên, hắn làm thuê cho nhà bá Kiến, sống kiếp trâu ngựa của người nông dân trước cách mạng tháng Tám. Anh canh điền lực lưỡng ấy chỉ có một mong ước nho nhỏ về gia đình hạnh phúc "chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải". Thế nhưng, vì lòng ghen của bá Kiến mà Chí bị đẩy vào tù. Từ đây, những chuỗi ngày bi kịch của Chí càng đau đớn hơn, dai dẳng hơn.

b. Sau khi ở tù, Chí Phèo bị tha hóa biến chất cả về nhân hình lẫn nhân tính trở thành kẻ lưu manh không được đồng loại công nhận quyền làm người:

- Ngay từ phần mở đầu của tác phẩm, Nam Cao đã gây ấn tượng với người đọc bằng hình ảnh Chí Phèo vừa say, vừa đi, vừa chửi. Đó là cảnh tượng quen thuộc đối với làng Vũ Đại kể từ khi Chí ra tù. Ban đầu hắn chửi trời nhưng có hề gì bởi "trời chẳng của chung nhà nào". Hắn lại chửi đời song "đời là tất cả nhưng lại chẳng là ai". Hắn "chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn" nhưng cũng không ai ra điều. Tức mình, hắn chửi "đúa chết mẹ nào"đã sinh ra cái thân Chí Phèo nhưng cả làng Vũ Đại và chính bản thân hắn cũng không ai biết. Kết cục, chỉ còn lại Chí với mấy con chó. Đó là một tiếng chửi vật vã, đau đớn của một thân phận con người ít nhiều nhận thức được bi kịch của chính mình. Chửi cũng là một cách để giao tiếp nhưng đớn đau thay đáp lại tiếng chửi của Chí Phèo là một sự im lặng đến rợn người. Điều ấy đã phản ánh một hiện thực nhức nhối: Chí đã bị cả làng Vũ Đại quay lưng lại, chối bỏ quyền làm người.

- Nhưng đau đớn hơn, Chí đã bị mua chuộc và trở thành tay sai cho bá Kiến. Hắn tự hủy hoại nhân hình và nhân tính của mình mà không hay biết. Chí đã "phá vỡ biết bao cảnh yên vui", "làm chảy máu và nước mắt biết bao người dân lương thiện". Hắn làm những việc ấy trong lúc say *" ăn trong lúc say, ngủ trong lúc say, thức dậy vẫn còn say... đập đầu, rạch mặt, giết người trong lúc say để rồi say nữa say vô tận"*. Chưa bao giờ hắn tỉnh để thấy mình tồn tại trên đời bởi vì *"những cơn*

say của hắn tràn từ cơn này sang cơn khác thành những cơn dài mênh mang". Trong mắt người dân làng, Chí còn hơn cả một kẻ lưu manh, hắn là "con quỷ dữ của làng Vũ Đại". Sau những lần rạch mặt ăn vạ, cái mặt của hắn giờ đây vằn ngang vằn dọc những vết sẹo "trông giống như mặt một con vật lạ". Nam Cao đã cho người đọc thấy một thực tế đau lòng về cuộc sống của nhân dân ta trước cách mạng tháng Tám. Đó chính là cuộc sống bị bóp nghẹt ước mơ và khát vọng, người nông dân bần cùng hóa dẫn đến lưu manh hóa, một cuộc sống tối tăm không ánh sáng. Nhà văn xót thương cho nhân vật, cay đắng và đau đớn cùng nhân vật. Đây chính là vẻ đẹp của tấm lòng nhân đạo và yêu thương của nhà văn dành cho những kiếp người như Chí Phèo.

c. Gặp Thị Nở, Chí Phèo quẫy cựa vươn lên khát vọng lương thiện mà vẫn bị vùi dập:

- Nam Cao không trách giận Chí Phèo, ngòi bút của ông dành cho nhân vật vẫn nồng nàn yêu thương. Ông phát hiện trong chiều sâu của nhân vật là bản tính tốt đẹp, chỉ cần chút tình thương chạm khẽ vào là có thể sống dậy mãnh liệt, tha thiết. Sự xuất hiện của nhân vật Thị Nở trong tác phẩm có một ý nghĩa thật đặc sắc. Con người xấu đến *"ma chê quỉ hờn"*, kỳ diệu thay, lại là nguồn ánh sáng duy nhất đã rọi vào chốn tối tăm của tâm hồn Chí Phèo để thức tỉnh, gợi dậy bản tính người nơi Chí Phèo, thắp sáng một trái tim đã ngủ mê qua bao ngày tháng bị dập vùi, hắt hủi. Chính cuộc tình ngắn ngủi với Thị Nở trong một đêm trăng đã vô tình thắp lên ngọn lửa cuộc sống trong Chí:

+ Lần đầu tiên trong cuộc đời Chí tỉnh dậy. Chợt nhận ra nơi căn lều ẩm thấp là ánh nắng ngoài kia rực rỡ biết bao, nghe được "tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá", "tiếng anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá", tiếng lao xao của người đi chợ bán vải về... Những âm thanh ấy ngày nào chả có. Nhưng hôm nay Chí mới nghe thấy. Chao ôi là buồn! Âm thanh cuộc sống này khiến ta liên tưởng đến tiếng sáo của đêm tình mùa xuân trong tác phẩm ***Vợ chồng A Phủ***. Tiếng sáo đã lay động tiềm thức xa xôi của Mị, đánh thức tâm hồn Mị, thức dậy cả một quá khứ đẹp tươi. Và ở đây, chính cuộc sống đã lay động trong tiềm thức xa xôi của Chí. Hơn hết, nó làm sống dậy ước mơ một thời trai trẻ :*"có một gia đình nho nhỏ*".

+ Rồi cũng trong cái phút giây tỉnh táo ấy, Chí Phèo đã cô đơn hơn bao giờ hết. Hắn như đã thấy *"tuổi già của hắn, đói rét, ốm đau và cô độc - cái này còn sợ hơn đói rét và ốm đau"*. Phải chăng Chí đang hối hận và ăn năn những việc mà mình đã làm? Chẳng biết có phải hay không mà Chí thấy lòng buồn man mác. Và nếu như Thị Nở không qua, chắc là hắn đã khóc được mất.

+ Chính bàn tay ân cần của Thị Nở cùng với tình yêu của thị đã khơi dậy trong Chí phần người. Bát cháo hành là liều thuốc giải độc góp phần thức tỉnh phần người trong con quỷ dữ. Chí Phèo quen sống với một kiểu định nghĩa : Muốn có cái ăn hắn phải kêu làng, phải rạch mặt ăn vạ, hắn phải thực sự hóa thân vào con quỷ dữ... Mỗi miếng ăn hàng ngày của Chí đều có máu và nước mắt của những người dân lương thiện làng Vũ Đại. Với hắn, cháo hành có hương vị đặc biệt - hương vị của tình người, hương vị của tình yêu. Mắt hắn lần đầu tiên ươn ướt. Đó cũng là giây phút Chí *"thèm lương thiện và khát khao làm hòa với mọi người"*. Rồi đến khát vọng hạnh phúc với Thị Nở *"Giá cứ như thế này mãi thì thích nhỉ?... Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui"*. Một chút tình thương, dù là tình thương của một con người dở hơi, bệnh hoạn, thô kệch, xấu xí,... cũng đủ để làm sống dậy cả một bản tính người nơi Chí Phèo. Thế mới biết sức cảm hóa của tình thương kỳ diệu biết nhường nào!

- Những tưởng, cuộc đời của Chí có thể rẽ sang một trang mới tươi đẹp hơn

song bi kịch và đau đớn thay, rốt cuộc thì ngay Thị Nở cũng không thể gắn bó với Chí Phèo. Lời nói của bà cô Thị Nở làm tắt ngúm ngọn lửa lòng vừa được nhen lên trong Chí:*"Ai lại đâm đầu đi lấy một thằng không cha không mẹ như cái thằng Chí Phèo"* đã trở thành định kiến khắc nghiệt lấp mất lối về của Chí. Phải chăng đây chính là bi kịch của một con người chết trên ngưỡng cửa trở về với cuộc sống lương thiện. Thật nghiệt ngã biết bao, khi bản tính người nơi Chí Phèo trỗi dậy, cũng là lúc Chí Phèo hiểu rằng mình không còn trở về với lương thiện được nữa.

d. **Đỉnh điểm của bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người là khi Chí tuyệt vọng vác dao đến nhà bá Kiến:**

- Chí Phèo tìm đến rượu nhưng rượu không phải bao giờ cũng làm cho người ta say. Một khi rượu không còn đủ sức để làm lu mờ lí trí con người thì nó sẽ quay ngược trở lại thức tỉnh lý trí ấy. Càng uống Chí càng tỉnh, càng tỉnh càng nhận ra bi

kịch của cuộc đời mình. Chí đau đớn khi thấy "thoang thoảng mùi cháo hành" rồi Chí ôm mặt khóc rưng rức. Phẫn uất, Chí xách dao đi, định đến nhà Thị Nở. Trong ý định, Chí định đến nhà đâm chết con "khọm già", con "đĩ Nở" nhưng sự thức tỉnh ý thức về thân phận và bi kịch đã đẩy chệch hướng đi của Chí dẫn Chí đến thẳng nhà Bá Kiến. Hơn ai hết lúc này Chí hiểu ra rằng: kẻ đã làm cho mình phải mang lốt quỷ, kẻ đã làm mình ra nỗng nỗi khốn cùng này chính là Bá Kiến. Hắn càng thấm thía tội ác kẻ đã cướp đi quyền làm người, cướp đi cả bộ mặt và linh hồn của mình. Chí Phèo đến nhà Bá Kiến với tư cách là một nô lệ thức tỉnh, đòi quyền làm người:

- *Tao muốn làm người lương thiện ?*

- *Ai cho tao lương thiện* ?

Đó là những câu hỏi vút lên đầy cay đắng và không lời giải đáp. Câu hỏi chất chứa nỗi đau của một con người thấm thía được nỗi đau khôn cùng của bi kịch cá nhân. Câu hỏi đánh thẳng vào bộ mặt của xã hội bất lương. Câu hỏi như cứa vào tâm can người đọc về một thân phận con người đầy đắng cay trong xã hội cũ. Cái chết bi thảm của Chí Phèo là lời kết tội đanh thép cái xã hội vô nhân đạo, là tiếng kêu cứu về quyền làm người, cũng là tiếng gọi thảm thiết cấp bách của nhà văn: Hãy cứu lấy con người! Hãy yêu thương con người!

Đánh giá:

- Bi kịch Chí Phèo có ý nghĩa hiện thực, nhân đạo và nghệ thuật sâu sắc:

+ Tác phẩm đã lên án, tố cáo tội ác của chế độ thực dân nửa phong kiến đã đàn áp và bóc lột nhân dân lao động. Qua đó nhà văn đồng cảm với những nỗi khổ đau, bị đày đọa và lăng nhục của người nông dân. Đồng thời nhà văn cũng kịp thời phát hiện và trân trọng trước vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật và khao khát thay đổi thực tại để mang đến một cuộc sống tốt đẹp hơn.

+ Nhân vật CP đã trở thành một sáng tạo nghệ thuật đặc biệt, một điển hình nghệ thuật xuất sắc của ngòi bút Nam Cao, rất sinh động cá tính mà giàu tính khái quát.

- "Chí Phèo" xứng đáng là kiệt tác của Nam Cao, đưa ông vào vị trí hàng đầu của văn xuôi Việt Nam hiện đại.

Kết bài:

Đề 2: Phân tích diễn biến tâm trạng Chí Phèo (truyện ngắn: "Chí Phèo" của Nam Cao) từ buổi sáng sau khi gặp Thị Nở đến khi kết thúc cuộc đời để làm nổi rõ bi kịch của nhân vật này.

Hướng dẫn làm bài

Mở bài:

- NCao là nhà văn hiện thực xuất sắc, tràn đầy tinh thần nhân đạo. Sáng tác của ông trước cách mạng thường xoay quanh hai đề tài chính là nông dân nghèo và trí thức nghèo. Bao trùm lên sáng tác của NCao là nỗi đau đớn dai dẳng trước tình trạng nhân cách con người bị hủy hoại.
- Bên cạnh đó nhà văn còn gây ấn tượng bởi khuynh hướng hiện thực đào sâu vào thế giới tâm lý nhân vật.
- Truyện ngắn "Chí Phèo" vừa là tác phẩm tiêu biểu cho những sáng tác viết về người nông dân nghèo vừa thể hiện nét riêng trong nghệ thuật viết truyện của nhà văn. Trong tác phẩm, NCao đã rất thành công khi miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật Chí Phèo kể từ khi gặp thị Nở đền khi kết thúc cuộc đời để làm nổi rõ bi kịch của nhân vật này.

Thân bài:

Giới thiệu khái quát:

- Truyện ngắn "Chí Phèo" ban đầu có tên là "Chiếc lò gạch cũ", khi in thành sách lần đầu, nhà xuất bản đã đổi lại tên là "Đôi lứa xứng đôi". Đến khi in lại trong tập "Luống cày", tác giả đặt lại tên theo nhân vật chính là "Chí Phèo".

- Thiên truyện viết về tấn bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người của nhân vật Chí Phèo. Bi kịch của Chí Phèo gồm hai bi kịch nối tiếp nhau: bi kịch bị tha hóa, đầy đọa lăng nhục, từ một con người nông dân lương thiện bị xã hội biến thành một kẻ bất lương, thậm chí thành "con quỷ dữ" và bi kịch bị từ chối quyền làm người. Đoạn mô tả Chí Phèo từ buổi sáng sau khi gặp Thị Nở đến khi kết thúc cuộc đời thuộc bi kịch thứ hai.

Phân tích cụ thể diễn biến tâm trạng Chí Phèo.

a. Trước hết, ta nhận thấy thay đổi đầu tiên trong diễn biến tâm lý nhân vật là sự thức tỉnh: NC đãphát hiện trong chiều sâu của nhân vật là bản tính tốt đẹp, chỉ cần chút tình thương chạm khẽ vào là có thể sống dậy mãnh liệt, tha thiết. Sự xuất hiện của nhân vật Thị Nở trong tác phẩm có một ý nghĩa thật đặc sắc. Con người xấu đến *"ma chê quỉ hờn",* kỳ diệu thay, lại là nguồn ánh sáng duy nhất đã rọi vào chốn tối tăm của tâm hồn Chí Phèo để thức tỉnh, gợi dậy bản tính người nơi Chí Phèo, thắp sáng một trái tim đã ngủ mê qua bao ngày tháng bị dập vùi, hắt hủi. Chính cuộc tình ngắn ngủi với Thị Nở trong một đêm trăng đã vô tình thắp lên ngọn lửa cuộc sống trong Chí. Từ đây, nhà văn đánh dấu quá trình phục sinh tâm hồn ở nhân vật. Đó cũng là biểu hiện của tấm lòng trân trọng của nhà văn đối với phẩm giá của người lao động.

*** Bắt đầu, Nam Cao mới chỉ đơn thuần miêu tả cảnh CP tỉnh rượu:**

- Lần đầu tiên sau bao nhiêu năm, Chí thực sự tỉnh rượu. Hắn "bâng khuâng" như "tỉnh dậy sau một cơn say rất dài", "lòng mơ hồ buồn".

- Chí đã có những cảm nhận về không gian, thời gian: bên ngoài mặt trời đã lên cao nhưng "trong cái lều ẩm thấp mới chỉ hơi lờ mờ" và cả những cảm nhận về cuộc sống xung quanh với những âm thanh quen thuộc hàng ngày: "tiếng chim hót ríu rít bên ngoài", "tiếng cười nói của những người đi chợ", "tiếng anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá"…

- Đặc biệt khi tỉnh rượu, Chí đã nhận ra tình tạng thê thảm của bản thân:

+ Nghe câu chuyện của hai người đàn bà đi chợ về, hắn lại "nao nao buồn" vì nhớ tới quá khứ xa xôi một thời với những mơ ước lương thiện về "một gia đình nho nhỏ. Chồng cày thuê cuốc mướn, vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng".

+ Thực tại, hắn thấy "hắn già mà vẫn còn cô độc", "đói rét và ốm đau".

*** Từ tỉnh rượu, Chí dần dần thấy tỉnh ngộ:**

- Được sự chăm sóc ân tình của Thị Nở, Chí Phèo thấy rất ngạc nhiên(vì đây là lần đầu tiên hắn được người khác cho, nhất là cho từ tay một người đàn bà. Xưa nay, những gì hắn có, hắn chỉ toàn đi cướp giật của người khác). Hết ngạc nhiên, Chí lại

thấy "mắt hình như ươn ướt". Hắn nhận ra thực tế đau lòng là mình chưa từng được chăm sóc như thế.

- Hắn nhận bát cháo hành từ Thị Nở và thấy rằng: "những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo hành rất ngon. Nhưng tại sao mãi đến tận bây giờ hắn mới nếm mùi vị cháo?". Hương vị của bát chào hành hay hương vị của tình yêu chân thành và cảm động, hạnh phúc giản dị và thấm thía lần đầu tiên Chí Phèo được hưởng ? Chi tiết bát cháo hành và hình ảnh Chí Phèo khóc là những dấu hiệu của nhân tính bị vùi lấp đang trở lại.

b. Như một quy luật tâm lý tất yếu, hết tỉnh ngộ, Chí lại hy vọng:

- Ước mơ lương thiện trở về, Chí Phèo thèm lương thiện và hy vọng lớn vào Thị Nở. Ncao đã diễn tả thật cảm động mong ước của nhân vật: "Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao! Thị Nở sẽ mở đường cho hắn".

- Chí đã có những hình dung về tương lai sống cùng Thị Nở và ngỏ lời với thị bằng một câu nói rất canh điền: "Hay là mình sang đây ở một nhà với tớ cho vui".

- Tâm trạng trông đợi Thị Nở về thưa chuyện với bà cô cũng được nhà văn khắc họa tinh tế. Vì sốt ruột nên hắn lại lôi rượu ra uống và "lầm bầm chửi thị về nhà lâu". Tất cả những sự thay đổi ở tâm lý Chí Phèo cho thấy khát khao lương thiện và hy vọng hạnh phúc là biểu hiện mạnh mẽ nhất trong nhân tính nhân vật.

c. Những tưởng, cuộc đời của Chí có thể rẽ sang một trang mới tươi đẹp hơn song bi kịch và đau đớn thay, rốt cuộc thì ngay Thị Nở cũng không thể gắn bó với Chí Phèo, hắn lâm vào tâm trạng thất vọng đau đớn:

- Chí đau khổ vì bà cô Thị Nở không đồng ý cho thị lấy hắn; Thị Nở lại vô tình cự tuyệt. Nhưng nguyên nhân sâu xa hơn là do CP đã bị cả xã hội quay lưng lại. Lời nói của bà cô Thị Nở làm tắt ngúm ngọn lửa lòng vừa được nhen lên trong Chí: *"Ai lại đâm đầu đi lấy một thằng không cha không mẹ như cái thằng Chí Phèo"* đã trở thành định kiến khắc nghiệt lấp mất lối về của Chí.

- Những làn sóng tình cảm trong Chí trỗi dậy:

+ Ban đầu, khi thấy Thị Nở chửi, CP thú vị quá "lắc lư cái đầu cười". Khi hắn nghĩ ngợi và hiểu ra lời thị, "hắn bỗng nhiên ngẩn người" và thoáng thấy hơi cháo hành.

+ Thị Nở bỏ đi, hắn "sửng sốt đứng lên gọi lại", chạy theo nắm lấy tay thị như một nỗ lực cuối cùng để níu thị ở lại với mình. Nhưng Thị Nở đã đẩy Chí ngã, tỏ sự cắt đứt dứt khoát. Đau đớn và căm hận mù quáng, Chí nguyền rủa sẽ giết chết bà cô Thị Nở và thị. Nỗi đau đớn của Chí chính là nỗi niềm tuyệt vọng của một con người vừa khát khao lương thiện đã bị cự tuyệt.

d. Bi kịch cuộc đời đẩy lên đỉnh điểm, Chí trở nên phẫn uất, tuyệt vọng:

- Sau khi bị Thị Nở cự tuyệt, Chí tìm đến rượu nhưng lạ thay "càng uống càng tỉnh", "tỉnh ra, chao ôi, buồn". Hơi rượu không sặc sụa mà "thoang thoảng thấy hơi cháo hành". Hắn "ôm mặt khóc rưng rức". Đây cũng là lúc đau đớn nhất trong bi kịch của Chí Phèo.

- Đau đớn, cùng cực, hắn xách dao đi, miệng vẫn nói đâm chết "nó" mà "chân lại đi đến nhà bá Kiến". Tác giả lý giải: "những thằng điên và những thằng say rượu không bao giờ làm những cái mà lúc nó đi chúng định làm".

- Có thể nói, đến đây, CP đã nhận ra bi kịch của cuộc đời mình. Hắn đến nhà bá Kiến "dõng dạc" đòi lương thiện. Hắn thấy rõ tình thế đầy bi kịch của mình là "không thể còn lương thiện được nữa". CP đã đâm chết bá Kiến rồi tự sát. Mâu thuẫn giai cấp đã lên tới đỉnh điểm, người nông dân bị đẩy vào bi kịch lớn nhất của đời mình, không có lối thoát đành phải tự kết liễu. Đó là bi kịch của những con người "sinh ra là người mà không được làm người".

Đánh giá:

- Thông qua viếc phân tích, ta cũng nhận thấy sự am hiểu sâu sắc của nhà văn về đời sống cũng như tâm lý của người nông dân Biệt tài miêu tả tâm lý nhân vật của ngòi bút Ncao là đã đi sâu vào mọi ngõ ngách, phản ánh những diễn biến sâu thẳm nhất trong tâm hồn.

- Tấm lòng nhân đạo sâu sắc của nhà văn được biểu hiện rõ nét. Ncao khám phá những phẩm chất lương thiện của con người ngay cả khi bị vùi dập. Nhà văn trân trọng những ước mơ, khát vọng hướng thiện với hy vọng : "Cái đẹp cứu rỗi con người". Đồng thời, qua diễn biến tâm lý nhân vật CP, Ncao còn "vạch khổ" cho người lao động. Đúng như nhà phê bình NĐăng Mạnh nhận xét: "Chị Dậu bán con, bán chó, bán sữa nhưng vẫn được làm người … CP phải bán cả nhân hình lẫn nhân tính mà không được làm người".

<u>Đề 3:</u> Phân tích sự hồi sinh ý thức người, hơn thế là ý thức người lao động ở nhân vật Chí Phèo qua đoạn văn sau, từ đó khái quát chiều sâu giá trị nhân đạo của tác phẩm:

"...Khi Chí Phèo mở mắt thì trời sáng đã lâu. Mặt trời chắc đã lên cao và nắng bên ngoài chắc là rực rỡ (...)Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá. Những tiếng quen thuộc ấy hôm nào chả có. Nhưng hôm nay hắn mới nghe thấy. Chao ôi là buồn!

- *Vải hôm nay bán mấy?*
- *Kém 3 xu dì ạ!*
- *Thế thì còn ăn thua gì!*
- *Có khéo co mới được một tấm 5 xu.*
- *Thật thế đấy! Nhưng chẳng lẽ rằng lại chơi…*

Chí Phèo đoán chắc rằng có một người đàn bà hỏi một người đàn bà khác đi bán vải ở Nam Định về. Hắn lại nao nao buồn, là vì mẩu chuyện ấy nhắc cho hắn một cái gì rất xa xôi. Hình như có một thời hắn đã ao ước có một gia đình nho nhỏ, chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm.

Tỉnh dậy, hắn thấy hắn già mà vẫn còn cô độc. Buồn thay cho đời (...) Chí Phèo hình như đã trông thấy trước tuổi già của hắn, đói rét và ốm đau, và cô độc, cái này

còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau."

("***Chí Phèo***"- Nam Cao)

Mở bài:

- NCao là nhà văn hiện thực xuất sắc, tràn đầy tinh thần nhân đạo. Sáng tác của ông trước cách mạng thường xoay quanh hai đề tài chính là nông dân nghèo và trí thức nghèo. Bao trùm lên sáng tác của NCao là nỗi đau đớn dai dẳng trước tình trạng nhân cách con người bị hủy hoại.
- Truyện ngắn "Chí Phèo" vừa là tác phẩm tiêu biểu cho những sáng tác viết về người nông dân nghèo vừa thể hiện nét riêng trong nghệ thuật viết truyện của nhà văn. Trong tác phẩm, NCao đã rất thành công khi miêu tả sự hồi sinh ý thức

người, ý thức người lao động ở nhân vật Chí Phèo qua một đoạn văn ngắn thấm đẫm tinh thần nhân đạo.

Thân bài:

Giới thiệu khái quát:

- Truyện ngắn "Chí Phèo" ban đầu có tên là "Chiếc lò gạch cũ", khi in thành sách lần đầu, nhà xuất bản đã đổi lại tên là "Đôi lứa xứng đôi". Đến khi in lại trong tập "Luống cày", tác giả đặt lại tên theo nhân vật chính là "Chí Phèo".

- Thiên truyện viết về tấn bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người của nhân vật Chí Phèo. Bi kịch của Chí Phèo gồm hai bi kịch nối tiếp nhau: bi kịch bị tha hóa, đầy đọa lăng nhục, từ một con người nông dân lương thiện bị xã hội biến thành một kẻ bất lương, thậm chí thành "con quỷ dữ" và bi kịch bị từ chối quyền làm người. Đoạn văn đã cho ở đề bài mô tả những thay đổi của Chí Phèo từ buổi sáng sau khi gặp Thị Nở. Qua đó người đọc có thể khái quát chiều sâu giá trị nhân đạo của tác phẩm.

Phân tích cụ thể đoạn văn:

a. Trước hết, ta nhận thấy thay đổi đầu tiên ở CP là sự thức tỉnh:

NC đãphát hiện trong chiều sâu của nhân vật là bản tính tốt đẹp, chỉ cần chút tình thương chạm khẽ vào là có thể sống dậy mãnh liệt, tha thiết. Sự xuất hiện của nhân vật Thị Nở trong tác phẩm có một ý nghĩa thật đặc sắc. Con người xấu đến *"ma chê quỉ hờn"*, kỳ diệu thay, lại là nguồn ánh sáng duy nhất đã rọi vào chốn tối tăm của tâm hồn Chí Phèo để thức tỉnh, gợi dậy bản tính người nơi Chí Phèo, thắp sáng một trái tim đã ngủ mê qua bao ngày tháng bị dập vùi, hắt hủi. Chính cuộc tình ngắn ngủi với Thị Nở trong một đêm trăng đã vô tình thắp lên ngọn lửa cuộc sống trong Chí. Từ đây, nhà văn đánh dấu quá trình phục sinh tâm hồn ở nhân vật. Đó cũng là biểu hiện của tấm lòng trân trọng của nhà văn đối với phẩm giá của người lao động.

*** Bắt đầu, Nam Cao mới chỉ đơn thuần miêu tả cảnh CP tỉnh rượu:**

- Lần đầu tiên sau bao nhiêu năm, Chí thực sự tỉnh rượu. Hắn "bâng khuâng" như "tỉnh dậy sau một cơn say rất dài", "lòng mơ hồ buồn".

- Chí đã có những cảm nhận về không gian, thời gian: bên ngoài mặt trời đã lên cao nhưng "trong cái lều ẩm thấp mới chỉ hơi lờ mờ" và cả những cảm nhận về cuộc sống xung quanh với những âm thanh quen thuộc hàng ngày: "tiếng chim hót ríu rít bên ngoài", "tiếng cười nói của những người đi chợ", "tiếng anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá"…

- Đặc biệt khi tỉnh rượu, Chí đã nhận ra tình tạng thê thảm của bản thân:

+ Nghe câu chuyện của hai người đàn bà đi chợ về, hắn lại "nao nao buồn" vì nhớ tới quá khứ xa xôi một thời với những mơ ước lương thiện về "một gia đình nho nhỏ. Chồng cày thuê cuốc mướn, vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng".

+ Thực tại, hắn thấy "hắn già mà vẫn còn cô độc", "đói rét và ốm đau".

*** Từ tỉnh rượu, Chí dần dần thấy tỉnh ngộ:**

- Phần quỷ dữ như bị lấp đi, ở Chí phần người đang dần hồi sinh. Những cảm nhậncủa Chí về cuộc sống xung quanh đầy màu sắc âm thanh mà lại rất đời thường. Chỉ cần vài chi tiết nhỏ như vậy, Ncao đã biểu hiện rõ lòng yêu cuộc sống ở nhât vật.

- Ý thức sống bộc lộ qua tâm trạng của Chí trong đoạn văn. Xuyên suốt mạch văn là tâm trạng buồn. Ban đầu thì "Chao ôi là buồn!", cái buồn của một con người đã bỏ quên cuộc sống, hay chính xác hơn là bị cuộc sống lãng quên. Rồi Chí lại "nao nao buồn", lần này là nỗi buồn cho quá khứ của một thời trai trẻ lương thiện. Khép lại đoạn văn, tác giả viết "Buồn thay cho đời", đó là tiếng buồn thốt lên từ đáy lòng nhân vật than thở cho hiện thực cuộc sống đầy nghiệt ngã. Không phải ngẫu nhiên mà CP lại sợ nhất sự "cô độc", sợ hơn cả "tuổi già và đói rét". Phải chăng không có nỗi đau nào hơn nỗi đau không được xã hội thừa nhận? Có thể nói đây là lần đầu tiên sau khi ra tù, Chí nhìn nhận về bi kịch cuộc đời sự tha hóa của bản thân. Bản chất lương thiện của người lao động thật mạnh mẽ. Qua những đày đọa, vùi dập của xã hội, nó vẫn nhen nhóm và chờ đợi giây phút phục sinh.

b. Từ đoạn văn, người đọc có thể hiểu về chiều sâu giá trị nhân đạo của tác phẩm:

- Ncao khám phá những phẩm chất lương thiện của con người ngay cả khi bị vùi dập. Cùng viết về đề tài tha hóa, trong "Bỉ vỏ", Nguyên Hồng đã không cho nhân vật Tám Bính giây phút hối hận, với "Số đỏ" VTP lên án gay gắt sự tha hóa của xã hội thượng lưu…NC có cái nhìn rất riêng của mình. Nhà văn luôn trân trọng những ước mơ, khát vọng hướng thiện với hy vọng : "Cái đẹp cứu rỗi con người".

- Đồng thời, qua đoạn văn, Ncao còn "vạch khổ" cho người lao động. Đúng như nhà phê bình NĐăng Mạnh nhận xét: "Chị Dậu bán con, bán chó, bán sữa nhưng vẫn được làm người … CP phải bán cả nhân hình lẫn nhân tính mà không được làm người". Ta thấy vút lên một lời kêu cứu: hãy cứu lấy nhân phẩm con người và thái độ phê phán xã hội phi nhân tính chà đạp lên quyền sống của con người.

*** Đặc sắc nghệ thuật:**

- Chỉ qua một đoạn văn ngắn mà ngòi bút miêu tả tâm lý của nhà văn đã biểu lộ thật sắc sảo đi sâu vào mọi ngõ ngách, phản ánh những diễn biến sâu thẳm nhất trong tâm hồn người lao động.

- Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa độc thoại nội tâm, lời nhân vật và lời tác giả khiến người đọc không chỉ cảm nhận được tâm trạng của nhân vật mà còn nhận thấy tình cảm chan chứa của nhà văn. Ncao là vậy, bên ngoài ông luôn tỏ ra lạnh lùng nhưng bên trong lại sôi sục yêu thương.

- Nghệ thuật tả cảnh để bộc lộ tình cảm nhân vật cũng được NC vận dụng thành công, tạo nên ấn tượng nhất định cho đoạn văn.

<u>Đề 4:</u>

Phân tích con đường hoàn lương của nhân vật Chí Phèo trong truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao.

Mở bài:

Thân bài:

- *Số phận và cảnh ngộ của Chí Phèo*

+ Một cố nông, không nhà cửa, không họ hàng thân thích

+ Bị áp bức bóc lột, bị đẩy vào con đường lưu mạnh

+ Bị lợi dụng, tha hoá mất cả nhân hình, nhân tính

- *Những thay đổi của Chí Phèo từ khi gặp Thị Nở*

+ Thay đổi từ tâm tính đến hành xử: thoát khỏi cơn say triền miên, nhận thức được thế giới bên ngoài, cảm nhận được những hạnh phúc đơn sơ, giản dị của cuộc sống đời thường.

+ Thị Nở khơi dậy khát vọng hoàn lương của Chí Phèo: bát cháo hành của Thị Nở đã làm Chí Phèo ngạc nhiên, xúc động, nhận ra hoàn cảnh cô độc, đáng sợ của mình, nhận ra ý nghĩa vô giá của cuộc sống lương thiện và tình người trong cuộc sống. Từ đó thức tỉnh khát vọng lương thiện ở Chí Phèo

- *Cái chết và ước mơ hoàn lương không thành của Chí Phèo*

+ Định kiến của xã hội (sự ngăn cản của bà cô Thị Nở) đã cắt đứt con đường hoàn lương của Chí Phèo.

+ Sự vùng lên đòi quyền làm người của Chí Phèo (giết chết Bá Kiến) và sự bất lực bế tắc (Chí Phèo tự kết liễu cuộc đời mình).

- Đánh giá:

Qua việc miêu tả con đường hoàn lương và sự bế tắc của Chí Phèo tác phẩm đã lên án xã hội thực dân phong kiến tước đoạt quyền sống làm người của những người nông dân khốn khổ.

- Nam Cao đã đào sâu thế giới nội tâm của nhân vật, phát hiện và ngợi ca những phẩm chất tinh thần tốt đẹp của người nông dân ngay cả khi họ đã bị tha hoá.

- Khẳng định sức mạnh của tình người trong việc đánh thức tình người ở những con người bị tha hoá.

VI. Đề tự luyện

<u>Đề 5:P</u>hân tích tính điển hình của nhân vật CP?

Hướng dẫn:

Mở bài:

Thân bài:

Khái niệm tính điển hình:

-Nhân vật điển hình hay còn gọi là hình tượng điển hình, tính cách điển hình chỉ hình tượng nghệ thuật được sáng tạo ra bằng phương pháp điển hình hóa vừa có cá tính sắc nét vừa phản ánh một số bản chất của đời sống xã hội, thể hiện tính xã hội của con người,

-Như vậy một nhân vật điển hình vừa mang những nét riêng biệt lại mang những điểm chung của cả xã hội.Nhà văn Nga Bi-E-Lin-ski khẳng định nhân vật điển hình là kiểu nhân vật "vừa quen vừa lạ".

Biểu hiện của tính điển hình ở nhân vật CP

a.CP được coi là n/vật điển hình bởi ở Chí mang những đặc điểm hoàn toàn riêng biệt từ ngoại hình, xuất xứ lai lịch đến ngôn ngữ và tính cách:

**CP có một lai lịch khá đặc biệt:*

-Hắn là một đứa trẻ bị bỏ rơi ngay từ khi mới lọt lòng.Một anh đi thả ống lươn nhặt được Chí "trần truồng và xám ngắt" trong một chiếc váy đụp ở một cái lò gạch bỏ hoang vắng người qua lại.

-Anh thả ống lươn đem Chí về cho một bà góa mù.Bà này lại bán Chí cho một bác phó cối về sau bác phó cối chết, hắn trở thành kẻ bơ vơ không cha, không mẹ, không nhà cửa, không một tấc đất cắm dùi.

-Lớn lên, Chí làm canh điền cho nhà bá Kiến.Anh chàng nông dân nghèo, lương thiện lúc ấy thật giàu lòng tự trọng và chỉ dám ước mơ về một gia đình nho nhỏ "chồng cày thuê cuốc mướn, vợ dệt vải".

=>Ngay từ lúc mới sinh ra, CP đã trở thành một món hàng hóa trao tay từ hết người này đến người khác.Lúc trưởng thành, Chí lại sống kiếp trâu ngựa của người nông dân trước cách mạng, trở thành công cụ làm giàu cho bá Kiến và công cụ để thỏa mãn nhục dục của bà Ba.

**Không chỉ vậy, CP còn gây ấn tượng vs người đọc bởi ngoại hình xấu xí, lưu manh do bị tha hóa:*

-Trước khi ở tù,Chí là một anh trai điền lực lưỡng được bà Ba nhà bá Kiến để ý tới, bị bá Kiến ghen ghét đẩy vào tù.

-Sau khi từ nhà tù thực dân trở về, Chí đã trở thành một kẻ có ngoại hình trông "gớm chết".Nhìn hắn đặc như một thằng "săng đá", "cái đầu thì trọc lốc", "cái răng thì cạo trắng hớn"…Sau những lần rạch mặt ăn vạ, cái mặt của hắn giờ đây "vằn ngang dọc những vết sẹo" trông giống mặt "một con vật lạ"

**Ngay cả lời ăn tiếng nói của nhân vật này cũng mang nét cá tính đặc trưng:*

-CP xuất hiện ban đầu trong tác phẩm vs lời chửi đầy phẫn uất.Như thành lệ, cứ rượu xong là hắn chửi. Ban đầu, hắn "chửi trời",rồi chửi "đời", chửi cả làng Vũ Đại, chửi những ai không chịu chửi nhau vs hắn và thậm chí chửi "đứa chết mẹ nào đã sinh ra hắn".Song điều CP nhận được là ko ai thềm đáp lại.Hiện thực đau đớn cùng quẫn của Chí được biểu hiện qua tiếng chửi: Chí đã bị cả xã hội loài người quay lưng lại.

-Trong quá khứ, ngôn ngữ của Chí lại là lời ăn tiếng nói của một anh canh điền mộc mạc, tốt tính.Điều đó được bộc lộ một lần nữa qua lời Chí tỏ tình vs Thị Nở: "Hay là mình sang đây ở một nhà vs tớ cho vui".

=>Lời nhân vật phần nào biểu hiện đc tính cách, nội tâm, bản chất làm nên cái riêng ,độc đáo.

**Một trong những đặc điểm tạo nên tính điển hình cho nhân vật CP mà ta cần phải đề cao là cá tính sắc nét của nhân vật này:*

- Trước khi ở tù, Chí là một anh chàng nông dân chất phác, trung thực. Khi bị bà Ba nhà bá Kiến bắt bóp chân mà lại cứ đòi bóp lên cao nữa, Chí không thấy đó là niềm sung sướng mà chỉ thấy nhục. "Hai mươi tuổi người ta không thích những gì mà người ta khinh".

- Nhưng rồi sự xô đẩy của XHTDPK trước CMT8 đã khiến CP bị tha hóa:

+ Sau khi ở tù về, Chí không chỉ thay đổi về nhân dạng mà còn hoàn toàn biến đổi về nhân tính. Hắn đã trở thành một kẻ lưu manh say triền miên và chuyên rạch mặt ăn vạ la làng, không còn hiền như cục đất mà trở nên "hung hăng, liều lĩnh". Hắn hành động như một tên đầu bò chính cống. Mới về làng, Chí đã đến nhà bá Kiến gây sự và dẫn đến xô xát với lý Cường con trai cụ bá.

+ Hơn cả vậy từ một kẻ lưu manh, Chí Phèo đã bị lợi dụng, tha hóa biến chất thành "con quỷ dữ của làng Vũ Đại". Bá Kiến mua chuộc và Chí trở thành tay sai đắc lực. Hắn có thể làm bất cứ điều gì mà người khác sai, làm "tan vỡ bao cảnh yên vui" và làm chảy máu, nước mắt của bao người dân lương thiện. Chí chìm đắm trong những cuộc đâm thuê chém mướn, trong men rượu. Thậm chí, hắn còn say trong ảo tưởng: "Anh hùng làng này cóc thằng nào bằng ta".

- Tưởng chừng, Chí đã trở thành kẻ cặn bã đáy cùng của xã hội nhưng thật bất ngờ cho người đọc khi hắn lại đột ngột tỉnh ngộ và thèm lương thiện:

+ NC đãphát hiện trong chiều sâu của nhân vật là bản tính tốt đẹp, chỉ cần chút tình thương chạm khẽ vào là có thể sống dậy mãnh liệt, tha thiết. Sự xuất hiện của nhân vật Thị Nở trong tác phẩm có một ý nghĩa thật đặc sắc. Con người xấu đến *"ma chê quỉ hờn"*, kỳ diệu thay, lại là nguồn ánh sáng duy nhất đã rọi vào chốn tối tăm của tâm hồn Chí Phèo để thức tỉnh, gợi dậy bản tính người nơi Chí Phèo, thắp sáng một trái tim đã ngủ mê qua bao ngày tháng bị dập vùi, hắt hủi. Chính cuộc tình ngắn ngủi với Thị Nở trong một đêm trăng đã vô tình thắp lên ngọn lửa cuộc sống trong Chí. Từ đây, nhà văn đánh dấu quá trình phục sinh tâm hồn ở nhân vật. Đó cũng là biểu hiện của tấm lòng trân trọng của nhà văn đối với phẩm giá của người lao động.

+ Chí đã nhận ra tình tạng thê thảm của bản thân sau một lần tỉnh rượu. Nghe câu chuyện của hai người đàn bà đi chợ về, hắn lại "nao nao buồn" vì nhớ tới quá khứ xa xôi một thời với những mơ ước lương thiện về "một gia đình nho nhỏ. Chồng cày thuê cuốc mướn, vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng". Thực tại, hắn thấy "hắn già mà vẫn còn cô độc", "đói rét và ốm đau".

+ Được sự chăm sóc ân tình của Thị Nở, Chí Phèo thấy rất ngạc nhiên(vì đây là lần đầu tiên hắn được người khác cho, nhất là cho từ tay một người đàn bà. Xưa

nay, những gì hắn có, hắn chỉ toàn đi cướp giật của người khác). Hết ngạc nhiên, Chí lại thấy "mắt hình như ươn ướt". Hắn nhận ra thực tế đau lòng là mình chưa từng được chăm sóc như thế. Chi tiết bát cháo hành và hình ảnh Chí Phèo khóc là những dấu hiệu của nhân tính bị vùi lấp đang trở lại.

+ Ước mơ lương thiện trở về, Chí Phèo thèm lương thiện và hy vọng lớn vào Thị Nở. Ncao đã diễn tả thật cảm động mong ước của nhân vật: "Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao! Thị Nở sẽ mở đường cho hắn". Chí đã có những hình dung về tương lai sống cùng Thị Nở và ngỏ lời với thị bằng một câu nói rất canh điền: "Hay là mình sang đây ở một nhà với tớ cho vui".

b. Không chỉ mang những nét riêng, CP còn mang những nét chung bản chất đời sống xã hội:

- Có thể nói, ở Chí Phèo hội tụ tất cả mọi nỗi thống khổ của người dân lao động dưới ách áp bức của XHPKTD trước CMT8:

+ Cuộc đời của Chí là một chuỗi dài những bi kịch. Ngay từ khi mới lọt lòng đã bị bỏ rơi, lớn lên lại sống kiếp trâu ngựa ở mướn, ở đợ. Vì lòng ghen của cụ bá mà hắn bị đẩy vào tù – nguyên nhân chính bắt đầu con đường tha hóa.

+ Đau đớn nhất ở Chí là hai bi kịch: bị tha hóa và bị tước đoạt quyền làm người. Dù sau khi tha hóa, Chí đã có khát vọng lương thiện nhưng hắn lại nhanh chóng tuyệt vọng. Lý do sâu xa là những định kiến nghiệt ngã, là sự chối bỏ của xã hội. Đau đớn, phẫn uất, hắn xách dao đến nhà bá Kiến và nhận ra bi kịch của mình: "Không ai cho tao lương thiện". Kết cục, Chí đam chết bá Kiến và tự sát. Số phận cùng cực, không lối thoát của người nông dân nghèo đã được Ncao phản ánh chân thật, đầy kịch tính.

=> Nhà phê bình Nguyễn Đăng Mạnh từng khẳng định: "Khi "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố và "Bước đường cùng" của Nguyễn Công Hoan ra đời, chắc ít ai nghĩ rằng, thân phận nông dân dưới ách đế quốc phong kiến lại có thể có một nỗi khổ nào hơn nhưng nỗi khổ của chị Dậu, anh Pha. Nhưng khi CP ngật ngưỡng bước ra từ trang sách của Nam Cao thì người ta liền nhận ra rằng đây mới là hiện thân đầy đủ những gì gọi là khốn khổ, tủi nhục nhất của người dân cùng ở một nước thuộc

địa…Chị Dậu bán con, bán chó, bán sữa nhưng chị vẫn còn được gọi là người, CP phải bán cả diện mạo và linh hồn đi để trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại".

- CP cũng điển hình cho quy luật của làng quê VN trươc CM:

+ Trước CP ở làng VĐại có Năm Thọ, Binh Chức là những kẻ lưu manh. Sau CP nhà văn lại dự báo về một "CP con" sẽ ra đời qua hình ảnh "Thị Nở nhìn nhanh xuống bụng và trong óc thị thoáng hiện lên hình ảnh chiếc lò gạch cũ bỏ hoang".

+ Qua nhân vật CP, Ncao muốn nói lên một hiện thực đau đớn đang diễn ra ở nông thôn VN lúc bấy giờ: một bộ phận người nông dân bị tha hóa cả về mặt nhân hình lẫn nhân tính.Ta thấy vút lên một lời kêu cứu: hãy cứu lấy nhân phẩm con người và thái độ phê phán xã hội phi nhân tính chà đạp lên quyền sống của con người.

Đánh giá:

- Tác phẩm đã lên án, tố cáo tội ác của chế độ thực dân nửa phong kiến đã đàn áp và bóc lột nhân dân lao động. Qua đó nhà văn đồng cảm với những nỗi khổ đau, bị đày đọa và lăng nhục của người nông dân. Đồng thời nhà văn cũng kịp thời phát hiện và trân trọng trước vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật và khao khát thay đổi thực tại để mang đến một cuộc sống tốt đẹp hơn.

- Nhân vật CP đã trở thành một sáng tạo nghệ thuật đặc biệt, một điển hình nghệ thuật xuất sắc của ngòi bút Nam Cao, rất sinh động cá tính mà giàu tính khái quát.

- "Chí Phèo" xứng đáng là kiệt tác của Nam Cao, đưa ông vào vị trí hàng đầu của văn xuôi Việt Nam hiện đại.

4. Củng cố:

- Các dạng đề liên quan đến tác phẩm
- Nắm vững phương pháp làm bài.

5. Dặn dò:

- Ôn lại bài
- Làm bài tập tự luyện theo hướng dẫn.

6. Rút kinh nghiệm:

TIẾT 66,67,68 –KHDH

VĂN HỌC ĐỊA PHƯƠNG

Tiết 69 -70 :TT theo KHDH

TÊN BÀI HỌC :

NGHĨA CỦA CÂU

Thời lượng : 2 tiết

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Hiểu được khái niệm " nghĩa sự việc", "nghĩa tình thái" – hai thành phần nghĩa của câu.	**Đ1**
2	Đọc – hiểu văn bản để tìm nghĩa của câu	**Đ2**
3	Thu thập thông tin liên quan đến nghĩa của câu	**Đ3**
4	Nhận diện phân tích nghĩa tình sự việc, nghĩa tình thái trong câu.	**Đ4**
5	Phân loại được các nghĩa sự việc và các nghĩa tình thái	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc nghĩa của câu	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết về nghĩa của câu vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**

NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Việt;ý thức vận dụng viết câu văn đoạn văn biểu lộ nghĩa tình thái	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

3. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…
4. **Học liệu:** SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10 phút)	**Kết nối - Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến nghĩa của câu	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1GT-HT,GQVĐ**	I. Hai thành phần nghĩa của câu. II. Nghĩa sự việc 1. Các biểu hiện của nghĩa sự việc. 2. Luyện tập III. Nghĩa tình	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình

		thái 1. Sự nhìn nhận, đánh giá và thái độ của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu 2. Tình cảm, thái độ của người nói, đối với người nghe 3. Luyện tập	trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành.Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm hai thành phần nghĩa của câu.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá

HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp học

2. Bài mới

HĐ Khởi động (cả 2 tiết).

a. Mục tiêu: Kết nối - **Đ1, Đ3, GQVĐ**
b. Nội dung: 3 câu văn có dấu 3 chấm.

c. Sản phẩm:

(1) **Thành phần tình thái** *được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.*

(2. **Thành phần cảm thán** *được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận...).*

(3.). **Các thành phần tình thái, cảm thán***là những bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập.*

d. Các bước dạy học:

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
***GV giao nhiệm vụ**: Dựa vào kiến thức đã học về cac thành phần câu trong chương trình Ngữ văn 9, em hãy điền vào chỗ trống các câu sau: (1)…….*được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối*	**** HS thực hiện nhiệm vụ:*** **** HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:***

với sự việc được nói đến trong câu. *(2)……..được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận...).* *(3)……là những bộ phận không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu nên được gọi là thành phần biệt lập.* **-GV nhận xét và chuẩn kiến thức.**	

Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài*: *Trong phần Ghi nhớ sách Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục Hà Nội, 2005 đã tổng kết tác dụng thành phần tình thái và thành phần cảm thán trong câu. Để thấy rõ hơn 2 thành phần nghĩa này, chúng ta đi vào tìm hiểu bài NGHĨA CỦA CÂU.*

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HĐ 1: Tìm hiểu hai thành phần nghĩa của câu

b. Mục tiêu: **Đ1, Đ2, N1, GT-HT, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: Trả lời câu hỏi làm nổi bật 2 thành phần nghĩa của câu.

c. Sản phẩm:

- Mỗi câu thường có hai thành phần nghĩa: Thành phần nghĩa sự việc và thành phần nghĩa tình thái.

- Các thành phần nghĩa của câu thường có quan hệ gắn bó mật thiết. Trừ trường hợp câu chỉ có cấu tạo bằng từ ngữ cảm thán, nghĩa tình thái.

***. Tìm hiểu ngữ liệu:.**

+ Cặp câu a_1/ a_2 đều nói đến một sự việc.

Câu a_1 có từ *hình như:* Chưa chắc chắn.

Câu a_2 không có từ *hình như:* thể hiện độ tin cậy cao.

+ Cặp câu b_1/ b_2 đều đề cập đến một sự việc.

Câu b_1 bộc lộ sự tin cậy.

Câu b_2 chỉ đề cập đến sự việc

*** Kết luận:** - Mỗi câu thường có hai thành phần nghĩa: Thành phần nghĩa sự việc và thành phần

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	**HĐ CỦA HỌC SINH**
Trước hoạt động : Em biết gì về Hai thành phần nghĩa của câu ?	HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**
Trong hoạt động :Em hãy đọc mục I.1 SGK và trả lời câu hỏi tìm hiểu.	HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**
Các em hãy chuẩn bị để : - ***Hoạt động nhóm :*** *** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ** **- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.** **NHIỆM VỤ CỤ THỂ GV GIAO (chiếu sile)** + Nhóm 1 : So sánh cặp câu a1- a2 + Nhóm 2 : So sánh cặp câu b1- b2	**HS làm việc nhóm.** + Nhóm 1 : So sánh cặp câu a1- a2 + Nhóm 2 : So sánh cặp câu b1- b2 **- HS thảo luận khoảng 5 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**
- **Từ sự so sánh trên em rút ra nhận định gì?** **- GV chuẩn kiến thức.**	HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**

Sau hoạt động: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi. - Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ	

HĐ 2.TÌM HIỂU NGHĨA SỰ VIỆC :

b.Nội dung hoạt động:

- Nghĩa sự việc của câu là thành phần nghĩa ứng với sự việc mà câu đề cập đến.

- Nghĩa sự việc trong câu rất đa dạng:

- Nghĩa sự việc của câu thường được biểu hiện nhờ những thành phần như chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ, khởi ngữ và một số thành phần phụ khác.

c. Sản phẩm:

- Nghĩa sự việc của câu là thành phần nghĩa ứng với sự việc mà câu đề cập đến.

- Nghĩa sự việc trong câu rất đa dạng:

+ Câu biểu hiện hành động.

+ Câu biểu hiện trạng thái, tính chất, đặc điểm.

+ Câu biểu hiện quá trình.

+ Câu biểu hiện tư thế.

+Câu biểu hiện sự tồn tại.

+ Câu biểu hiện quan hệ.

d. Tổ chức dạy học:

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
Trước hoạt động: Em tìm nghĩa sự việc bằng cách nào? **Trong hoạt động :** Em hãy đọc mục II. SGK và trả lời các câu hỏi:	- HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)** HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**

- Nghĩa sự việc là gì? - Có những nghĩa sự việc nào? **-GV chuẩn xác kiến thức.** ***Bài tập trả lời nhanh:*** GV treo bảng phụ ghi những câu văn, câu thơ. GV yêu cầu HS trả lời nhanh nghĩa sự việc trong các câu. - Nghĩa sự việc của câu thường được biểu hiện nhờ những thành phần ngữ pháp nào của câu? **<u>Sau hoạt động</u>**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi. - Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ - GV yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ - sgk	HS suy nghĩ và trả lời nhanh **(cá nhân)** HS suy nghĩ và trả lời nhanh **(cá nhân)** **- HS đọc to, rành mạch**

HĐ LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT

b. Nội dung hoạt động: HS làm 3 bài tập

c. Sản phẩm:

c1.Bài tập1:

- câu 1: Sự việc – trạng thái
- câu 2: Sự việc - đặc điểm
- câu 3: Sự việc - quá trình
- câu 4: Sự việc - quá trình
- câu 5: Trạng thái - đặc điểm

- câu 6: Đặc điểm - tình thái

- câu 7: Tư thế

- câu 8: Sự việc - hành động

c2. Bài tập 2:

* - Nghĩa sự việc: Xuân là người danh giá nhưng cũng đáng sợ.

- Nghĩa tình thái: thái độ dè dặt khi đánh giá về Xuân qua từ :*kể, thực, đáng*

*Nghĩa sự việc: hai người đều chọn nhầm nghề.

Nghĩa tình thái: sự phỏng đoán về sự việc chưa chắc chăn qua từ " *có lẽ"*

* Nghĩa sự việc: mình và mọi người đề phân vân về đức hạnh của con gái mình

Nghĩa tình thái: khẳng định sự phân vân về đức hạnh sự phân vân về đức hạnh của cô gái mình: "*dễ, chính ngay mình"*

c3. **Bài tập 3.**

- Phương án 3.

d. Tổ chức dạy học.

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
-GV giao nhiệm vụ cho các nhóm. **- GV nhận xét và cho điểm.** **- GV phân công nhiệm vụ:** - Nhóm 1: Bài tập 1 - 4 câu đầu - Nhóm 2: Bài tập 1- 4 câu cuối - Nhóm 3: Bài tập 2 - Nhóm 4: Bài tập 3.	**-Các nhóm thảo luận và cử đại diện trình bày.** - Nhóm 1: Bài tập 1 - 4 câu đầu - Nhóm 2: Bài tập 1- 4 câu cuối - Nhóm 3: Bài tập 2 - Nhóm 4: Bài tập 3.

TIẾT 2 :

HOẠT ĐỘNG 1 : TÌM HIỂU NGHĨA TÌNH THÁI.

a. Mục tiêu : Đ1, Đ2, Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động : Trả lời câu hỏi :

c.Sản phẩm :

1. Khái niệm.

- Nghĩa tình thái biểu hiện thái độ, sự đánh giá của người nói đối với sự việc hoặc đối với người nghe.

2.Hai trường hợp biểu hiện của nghĩa tình thái.

a. Sự nhìn nhận đánh giá và thái độ của người nói đối với sự việc được đề cập đến trong câu.

- Khẳng định tính chân thực của sự việc

VD : *Thật hồn !Thật phách ! Thật thân thể.*

- Phỏng đoán sự việc với độ tin cậy cao hoặc thấp.

VD : *Trời lại phê cho : « Văn thật tuyệt »*

Văn trần được thế chắc có ít.

- Đánh giá về mức độ hay số lượng đối với một phương diện nào đó của sự việc.

- Đánh giá sự việc có thực hay không có thực đã xảy ra hay chưa xảy ra.

VD : *Những áng văn con in cả rồi.*

- Khẳng định tính tất yếu, sự cần thiết hay khả năng của sự việc.

VD : *Bẩm quả có tên Nguyễn Khắc Hiếu*.

b. *Tình cảm, thái độ của người nói đối với người nghe.*

- Tình cảm thân mật, gần gũi.

- Thái độ bực tức, hách dịch.

- Thái độ kính cẩn.

1. Khái niệm:

2. Các trường hợp biểu hiện của nghĩa tình thái.

a. Sự nhìn nhận đánh giá và thái độ của người nói đối với sự việc được đề cập đến trong câu.

b. Tình cảm, thái độ của người nói đối với người nghe.

d. Các bước dạy học.

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
- **Trước hoạt động** : Khi nói hoặc viết, em có thường bộc lộ thái độ của mình về vấn đề mình nói không ?	- HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân).**
- Trong hoạt động : Em hãy đọc mục III.SGK và trả lời câu hỏi. - Nghĩa tình thái là gì ?	- HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân).**
- Các trường hợp biểu hiện của nghĩa tình thái?	- HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân).**
GV hướng dẫn HS các ví dụ SGK và lấy thêm các ví dụ trong *« Hầu trời »* - Tản Đà. **- Sau hoạt động** : GV lấy thêm vài ví dụ để HS tìm nghĩa tình thái. - GV yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ	**- HS suy nghĩ và tìm nghĩa tình thái trong ví dụ.** **HS đọc to, rõ ràng.**

HOẠT ĐỘNG 2 : THỰC HÀNH - LUYỆN TẬP (RIÊNG VÀ CHUNG CẢ CHỦ ĐỀ)

a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT
b. Nội dung hoạt động: HS làm 4 bài tập
c. Sản phẩm :

Bài tập 1.

Nghĩa sự việc	Nghĩa tình thái
a. Hiện tượng nắng mưa ở hai miền khác nhau.	*Chắc:* Phỏng đoán độ tin cậy cao
b. ảnh của mợ Du và thằng Dũng	*Rõ ràng là*: Khẳng định sự việc
c. cái gông	*Thật là*: Thái độ mỉa mai
d. Giật cướp, mạnh vì liều	*Chỉ:* nhấn mạnh; *đã đành*: Miễn cưỡng.

Bài tập 2.

- *Nói của đáng tội:* Rào đón đưa đẩy.

- *Có thể:* Phóng đoán khả năng

- *Những:* Đánh giá mức độ cao(tỏ ý chê đắt).

- *Kia mà:* Trách móc(trách yêu, nũng nịu)

Bài tập 3.- câu a: *Hình như*

- câu b: *Dễ*

- câu c: *Tận*

Bài tập 4:

Đặt câu:

- ***Bây giờ chỉ 8h là cùng.***

→ phỏng đoán mức độ tối đa.

- Chả lẽ nó làm việc đó.

→ chưa tin vào sự việc.

d. Các bước dạy học :

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
GV PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ Nhóm 1 : Bài tập 1. Nhóm 2 : Bài tập 2 Nhóm 3 : Bài tập 3. Nhóm 4: Bài tập 4. **-GV nhận xét, chuẩn kiến thức.**	**-Trao đổi, thảo luận nhóm làm bài tập.** **-HS thảo luận, cử đại diện trình bày.**

HĐ Luyện tập cho cả chủ đề

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ4, Đ5, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: Xác định nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu văn.

c. Sản phẩm:

Nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu sau: *"Tiếng trống thu không trên cái chòi canh của phốhuyện. Từng tiếng một vang xa gọi buổi chiều"*

+ Nghĩasự việc: Câu thông báo sự việc tiếng trống thu không điểm để báo hiệu chiều sắp tàn.

+ Nghĩa tình thái: cho thấy thái độ man mác buồn của người viết trước cảnh chiều tàn.

d. Các bước dạy học:

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
GV ra bài tập : Xác định nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu sau: *"Tiếng trống thu không trên cái chòi canh của phốhuyện. Từng tiếng một vang xa gọi buổi chiều"* **-GV nhận xét, chuẩn kiến thức.**	**- HS suy nghĩ làm bài.** **- Trình bày sản phẩm.**

HĐ Vận dụng.

a.Mục tiêu: **Đ5,V1**

b. Nội dung hoạt động: viết đoạn văn

c.Sản phẩm: hoàn thiện 1 đoạn văn 200 chữ cảm nhận về chi tiết bát cháo hành (trong đó sử dụngdụng đa dạng các nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong quá trình lập luận).

d. Các bước dạy học:

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
GV ra bài tập : Viết đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ cảm nhận chi tiết bát cháo hành trong truyện ngắn *Chí Phèo* (Nam Cao). Chú ý các câu văn có sử dụng đa dạng các nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong quá trình lập luận. **-GV nhận xét, chuẩn kiến thức.**	**- HS suy nghĩ làm bài.** **- Trình bày sản phẩm.**

HĐ Tìm tòi, mở rộng.

a. **Mục tiêu: Đ2, GQVĐ**
b. **Nội dung hoạt động:** Hướng dẫn HS tìm tòi, mở rộng kiến thức có liên quan.
c. **Sản phẩm:**
   - Sơ đồ tư duy bài học.
   - Một số câu thơ, bài thơ, đoạn trích văn xuôi

c. Các bước dạy học:

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
GV ra bài tập : + Vẽ sơ đồ tư duy bài học. + Sưu tầm thêm một số câu thơ, bài thơ, đoạn trích văn xuôi . Chỉ ra nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong ngữ liệu đã sưu tầm. **-GV nhận xét, chuẩn kiến thức.**	**- HS suy nghĩ làm bài.** **- Trình bày sản phẩm vào tiết học sau.**

III. <u>TÀI LIỆU THAM KHẢO</u>

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Ngữ pháp tiếng Việt.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn

Ngày dạy:

Tiết 71: TT tiết dạy theo KHDH

Ôn tập nâng cao: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức :

Ôn tập, củng cố kiến thức về văn nghị luận xã hội

2. Kĩ năng

- Kĩ năng viết bài văn nghị luận xã hội.
- Rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản có đủ bố cục ba phần, có liên kết về hình thức và nội dung.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái.

- Chăm chỉ.

- Trách nhiệm

- Trung thực

* Cụ thể: Có thái độ học tập nghiêm túc biết nhận ra cái sai và sữa sai để làm bài sau tốt hơn.

4. Định hướng các năng lực cần hình thành

*** NL chung**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực tự quản bản thân, năng lực sáng tạo, năng lực công nghệ thông tin truyền thông…

*** NL đặc thù:**

- Năng lực đọc hiểu văn bản ngoài sgk

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội.

- Năng lực đánh giá bản thân.

II. HÌNH THỨC ÔN TẬP

GV CHO HS LÀM ĐỀ VÀ CHỮA

ĐỀ: **Biết tự hào về bản thân là cần thiết nhưng biết xấu hổ còn quan trọng hơn.**
Hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ về ý kiến trên.
GV GỢI Ý
a. Đảm bảo hình thức bài văn ngắn

b. *Xác định đúng vấn đề nghị luận:* Vai trò, ý nghĩa của việc biết tự hào về bản thân và biết xấu hổ về bản thân.
c. Triển khai vấn đề nghị luận
d. HS lựa chọn thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ vai trò, ý nghĩa của việc biết tự hào về bản thân và biết xấu hổ về bản thân.
*** Giải thích ý kiến:**

– Biết tự hào về bản thân là thái độ hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có, về những đóng góp của mình cho cuộc sống; biết xấu hổ là cảm thấy hổ thẹn về sự kém cỏi và những lỗi lầm của mình trước người khác.
– Nội dung ý kiến: Đề cao việc nhận thức đầy đủ, sâu sắc về bản thân, hướng đến sự hoàn thiện mình.

*** Luận bàn về ý kiến:**

– Khẳng định sự cần thiết của việc biết tự hào: biết tự khẳng định mình, giúp bản thân tự tin hơn trong cuộc sống và trong công việc, có thêm động lực để vươn tới những ước mơ lớn hơn.
– Phê phán thái độ tự cao, tự đại (tự đánh giá mình quá cao, quá lớn vì thế mà trở nên hợm hĩnh).
– Khẳng định sự cần thiết của việc biết xấu hổ: giúp con người có ý thức điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với những chuẩn mực đạo đức; biết xấu hổ còn quan trọng hơn biết tự hào bởi nó là biểu hiện của ý thức hoàn toàn tự giác, xuất phát từ lương tâm, giúp con người nâng cao năng lực và hoàn thiện nhân cách.
– Phê phán thái độ tự ti, mặc cảm (tự đánh giá thấp bản thân nên thiếu tự tin).

*** Bài học nhận thức và hành động:**

- Nhận thức sâu sắc về những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

- Nghiêm khắc đối với chính mình; không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng đạo đức nhân cách.

III. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 72: TT tiết dạy theo KHDH

HẦU TRỜI

- TẢN ĐÀ -

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thơ Tản Đà	**Đ1**
2	+ Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm	**Đ2**
3	+ Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ thất ngôn trường thiên.	**Đ5**
6	Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Hầu Trời* và các tác phẩm khác của Tản Đà nói riêng.	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành	**GT-HT**

	nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ.	
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	- Nhìn nhận đúng những dấu hiệu đổi mới thơ ca theo hướng hiện đại. - Trân trọng ý thức cá nhân, ý thức nghệ sĩ của nhà thơ Tản Đà.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (7phút)	**Kết nối -Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm *Hầu Trời*.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I.Tìm hiểu chung. 1. Tác giả 2. Tác phẩm II. Đọc hiểu văn bản. 1. Giới thiệu câu	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi);	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua

		chuyện 2. Thi nhân đọc thơ cho Trời và chư tiên nghe 3. Thi nhân trò chuyện với trời 4. Bức tranh cuộc sống văn nhân dưới hạ giới. III.Tổng kết:Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não .	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo

				luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ5, V1**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a.Mục tiêu: Đ1, GQVĐ

- HS hứng khởi, có động lực, nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới về tác phẩm **Hầu Trời.**

b. Nội dung hoạt động: trả lời câu hỏi thông qua việc quan sát 2 bức tranh.

c. Sản phẩm:

- Những hình ảnh trên khiến em nhớ tới tác phẩm ***Muốn làm thằng cuội*** của tác giả Tản Đà

- Bài thơ chính là tâm sự của một con người bất hòa sâu sắc với thực tại tầm thường, muốn thoát li bằng mộng tưởng lên cung trăng bầu bạn với chị Hằng để

thoát khỏi những thứ tầm thường ấy. Qua đó, cho ta thấy được một Tản Đà phóng túng, hóm hỉnh pha lẫn chút *ngông.*

d. Các bước dạy học:

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HS
Chiếu 2 bức tranh. Đặt 2 câu hỏi:Trả lời đúngnhững hình ảnh khiến em nhớ tới tác phẩm nào đã học của tác giả Tản Đà ? Qua bài thơ đó, em hiểu mong muốn gì của tác giả ? Mong muốn đó thể hiện con người tác giả là người như thế nào ? - Nhận xét, cho điểm.	- Quan sát, trả lời nhanh.

➔GV dẫn vào bài : Ở lớp dưới , các em đã được làm quen với thi sĩ Tản Đà với ước muốn được *làm thằng Cuội* để hằng năm mỗi rằm tháng tám lại *tựa vai trông xuống thế gian cười*. Hôm nay các em một lần nữa sẽ bắt gặp cái chất ngông của nhà thơ của sông Đà núi Tản đó khi nghe ông kể lại câu chuyện hầu trời vừa lạ, vừa dí dỏm qua bài thơ *Hầu trời* .

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. HOẠT ĐỘNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỚI TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

a. Mục tiêu:**Đ1, Đ2, GQVĐ**

b. Nội dung: 2 nội dung.

c. Sản phẩm :

1. Tác giả Tản Đà :

- Tản Đà (1889 – 1939), tên khai sinh là Nguyễn Khắc Hiếu.

- Quê: Khê Thượng – Bất Bạt – Hà Tây

(Bút danh Tản Đà là do nhà thơ ghép tên của các địa danh của quê hương ông: núi Tản, sông Đà).

- Tản Đà là "*người của hai thế kỷ*" – "người dạo bản đàn cho một cuộc hòa nhạc tân kì đang sắp sửa" (Hoài Thanh):

+ Sinh ra trong buổi giao thời, khi Hán học suy tàn, Tây học mới bắt đầu.

+ Xuất thân trong gia đình quan lại phong kiến nhưng lại sống theo phương thức của tư sản thành thị.

+ Học chữ Hán nhưng lại viết văn bằng chữ Quốc ngữ và ham học để tiến kịp thời đại.

+ Là nhà nho nhưng ít chịu khép mình trong khuôn phép nho gia.

+ Vừa sang tác theo các thể loại cũ (tứ tuyệt, bát cú, lục bát,…) ; vừa cho ra đời những bài thơ tự do theo hướng hiện đại hóa.

- Phong cách thơ Tản Đà:

+ Lãng mạn, bay bổng, vừa phóng khoáng, ngông nghênh, vừa cảm thương, ưu ái.

+ Có t hể xem thơ văn Tản Đà như gạch nối giữa hai thời đại văn học viết dân tộc: trung đại và hiện đại.

+ Tác phẩm tiêu biểu : (sgk)

2. Tác phẩm "Hầu trời"

- Xuất xứ : In trong tập « Còn chơi » (1921).

- Thể thơ : Thất ngôn cổ phong trường thiên.

Thể thơ này gồm 4 câu/7 tiếng/khổ ; kéo dài không hạn định số câu, số khổ ; vần nhịp tương đối tự do, phóng khoáng. Có khổ vần bằng, có khổ vần trắc. Thơ tự sự trữ tình, có cốt truyện mở đầu, phát triển, kết thúc, có các nhân vật và tình tiết… nhưng được kể bằng thơ và thấm đẫm cảm xúc trữ tình.

- Bố cục :

Phần 1: Từ đầu → "Truyền cho văn sĩ ngồi chơi đấy" :Giới thiệu câu chuyện

Phần 2. Tiếp →"…ta chưa biết": Thi nhân đọc thơ cho Trời và chư tiên nghe.

Phần 3: Còn lại: Thi nhân trò chuyện với Trời.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
Trước hoạt động: Anh chị ấn tượng với đặc điểm nào về tác giả Tản Đà khi học bài Muốn làm thằng Cuội?	**- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.**
Trong hoạt động:*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà :	**- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**
- **HS theo dõi phần tiểu dẫn SGK và cho biết những nét chính về tác giả Tản Đà và bài thơ *Hầu trời.***	
- Tại sao nóiTản Đà là "*người của hai thế kỷ" – "người dạo bản đàn cho một cuộc hòa nhạc tân kì đang ắp sửa*" (Hoài Thanh)?	
- GV nhận xét và kết luận.	
- Hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm	**- HS suy nghĩ và trả lời**
Em hãy nêu hoàn cảnh xuất xứ, thể thơ, bố cục của bài thơ?	**HS sử dụng sgk**

2. HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

Nội dung 1: Giới thiệu câu chuyện

a.Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: HS thảo luận để làm nổi bật 2 nội dung:

+ Câu chuyện được kể.

+ Nghệ thuật giới thiệu câu chuyện

c. Sản phẩm:

- Khổ thơ mở đầu 4 câu có tác dụng gây nghi vấn, gợi sự tò mò: Chuyện kể về một giấc mơ nhưng tác giả lại khẳng định nó là sự thật tác giả đã trải qua khiến cho câu chuyện mang không khí vừa thực vừa ảo.

- Điệp từ "*thật*" (*Thật hồn! Thật phách!Thật thân thể! Thật được lên Tiên*…): 4 lần / 2 câu;

- Câu cảm thán, ngắt nhịp 2/2/3: khẳng định chắc chắn, củng cố niềm tin, gây ấn tượng là chuyện có thật hoàn toàn.

Ngay khổ thơ mở đầu, người đọc đã cảm nhận thấy một "cái tôi" cá nhân đầy chất lãng mạn, bay bổng pha lẫn nét "ngông" trong phong cách thơ của thi nhân.

=> Với lối vào đề thật độc đáo và có duyên làm cho câu chuyện tác giả sắp kể đầy lôi cuốn, hấp dẫn, gợi tò mò nơi người đọc.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: Nêu cảm nhận ban đầu về cách vào đề của Tản Đà? **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp trong bàn: + Tác giả kể lại câu chuyện nằm mơ xảy ra vào lúc nào và nói về việc gì?Nhân vật trong câu chuyện là ai? Tâm trạng của nhân vật? + Nhận xét về nghệ thuật giới thiệu câu chuyện của tác giả trong phần 1 của bài thơ? (Điệp từ "thật" cùng với cách ngắt nhịp trong câu 3 -4 có	- HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân) **HS sử dụng sgk** **- HS thảo luận theo cặp 3p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.**

tác dụng gì?) HS thảo luận, cử đại diện từng 1 số bàn trả lời. **GV yêu cầu HS sử dụng sgk**	**- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**

Nội dung 2: Cảnh đọc thơ cho Trời và chư tiên nghe:

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ

b.Nội dung hoạt động : Trả lời câu hỏi tập trung vào 2 nội dung :

+ Thái độ của thi nhân khi đọc thơ.

+ Thái độ của trời và chư tiên khi nghe thơ.

c. Sản phẩm:

a.Thái độ của thi nhân khi đọc thơ:

- Thi nhân đọc thơ một cách cao hứng và có phần tự đắc.*(đọc hết văn vần → văn xuôi…).*

-Thi nhân kể tường tận từng chi tiết về các tác phẩm của mình *(Hai quyển khối tình…)*

- Giọng đọc thơ của thi nhân vừa truyền cảm, vừa hóm hỉnh, vừa sảng khoái → cuốn hút người nghe.

→ Tản Đà là một người rất "**ngông**" khi dám lên tận trời để khẳng định tài năng của mình.

Bởi lẽ,Tản Đà là một nhà thơ biết ý thức về tài năng và thơ văn clên Trời để khẳng định tài năng thơ văn của mình.ủa mình, dám đường hoàng bộc lộ cái "TÔI" cá thể của mình.

***b. Thái độ của trời và chư tiên khi nghe thơ*:**

- Thái độ của Chư Tiên:

Tâm như nở dạ, Cơ lè lưỡi

Hằng Nga, Chức Nữ chau đôi mày

Song Thành, Tiểu Ngọc lắng tai đứng

Đọc xong mỗi bài cùng vỗ tay.

→ Chư Tiên (Tâm, Cơ, Hằng Nga, Chức Nữ, Song Thành, Tiểu Ngọc)nghe thơ của thi nhân một cách xúc động, tán thưởng và hâm mộ.

- *Thái độ của Trời:* - Đánh giá cao;

- Không tiếc lời tán dương:

Văn thật tuyệt, Văn trần được thế chắc có ít / Nhời văn chuốt đẹp như sao băng ! / Khí văn hùng mạnh như mây chuyển! / Êm như gió thoảng, tinh như sương! / đẫm như mưa sa, lạnh như tuyết!"....

→Tóm lại cả Trời và các Chư tiên đều rất thich thú, ngưỡng mộ trước tài năng của thi nhân.

Câu chuyện hư cấu, tưởng tượng được kể một cách chân thực y như chuyện có thật,thể hiện tư tưởng thoát li của tác giả trước thời cuộc.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: Đọc kĩ văn bản sgk, gạch chân vào những từ ngữ và hình ảnh đặc sắc **Trong hoạt động: GV chia lớp hoạt động nhóm:** ***Nhóm 1, 2***: *Tìm hiểu thái độ của thi nhân khi đọc thơ:*	- HS đọc kĩ văn bản, gạch chân những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc theo yêu cầu. HS làm việc cá nhân **HS sử dụng sgk**

+ Thái độ và giọng đọc của thi nhân khi đọc thơ cho Trời và Chư Tiên nghe như thế nào? + Từ thái độ và giọng đọc thơ của thi nhân, em có cảm nhận gì về tâm hồn và tính cách của nhà thơ? ***Nhóm 3, 4:*** *Tìm hiểu thái độ của trời và chư tiên khi nghe thơ*: + Thái độ của trời và chư tiên khi nghe thơ như thế nào? *Gv đặt câu hỏi chung cho các nhóm? - Nguồn cảm hứng chủ đạo của bài thơ là lãng mạn hay hiện thực? - So với thơ ca trung đại, gần nhất là các bài thơ của những chí sĩ yêu nước hồi đầu thế kỷ vừa mới được học, bài thơ này có gì mới lạ không? - GV nhận xét, chốt kiến thức	**- HS làm việc cá nhân** **- HS làm việc nhóm khoảng 5p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)**

Nội dung 3 : Thi nhân trò chuyện với Trời

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động :thảo luận theo bàn2 nội dung

+ Cách xưng danh của Tản Đà trong cuộc trò chuyện

+ Trách nhiệm và khát vọng của thi nhân

c. Sản phẩm :

a. Xưng danh:

- Thi nhân công khai lí lịch rất rành mạch, hiện đại: tên, họ, quê, châu lục, hành tinh:

"Con tên Khắc Hiếu, họ là Nguyễn

Quê ở A Châu về Địa cầu

Sông Đà núi Tản nước Nam Việt"

→Cách xưng danh đầy trang trọng, đĩnh đạc chứng tỏ một giá trị không thể phủ nhận trong hoàn cảnh đất nước mất chủ quyền.

➔ Cách tự xưng danh trong thơ văn cũng khẳng định hơn về cai tôi ca nhân của tác giả.

b.<u>Trách nhiệm và khát vọng của thi nhân:</u>

"...Trời định sai con một việc này

Là việc "thiên lương"của nhân loại

Cho con xuống thuật cùng đời hay".

→ Nhiệm vụ Trời giao cho thi nhân : Truyền bá "thiên lương" cho hạ giới - một trách nhiệm nặng nề nhưng rất vinh dự vì có ý nghĩa với cuộc đời.

Với TĐ, công việc dưới trần gian của ông không chỉ là viết văn, chơi văn mà ông còn tự chất lên vai mình gánh nặng "*văn chương tải đạo thiên lương".* Ông đã ý thức được trách nhiệm của mình với đời, đây cũng là một cách để tự khẳng định mình.

=> Từ trách nhiệm này, chứng tỏ nhà thơ dù *lãng mạn nhưng vẫn không thoát ly hiện thực* cuộc sống.Tác giả *vẫn ý thức về trách nhiệm và nghĩa vụ của mình với cuộc đời* , mong giúp đời tốt đẹp hơn.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS

Trước hoạt động: Đọc kĩ phần 3 của văn bản trong sgk; gạch chân những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc. **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi và yêu cầu hs thảo luận các câu hỏi theo cặp trong bàn**: + Em có nhận xét gì về cách xưng danh của tác giả? Cách xưng danh ấy có ý nghĩa gì? + Theo Tản Đà, ông được Trời giao cho nhiệm vụ? Nhiệm vụ đó có ý nghĩa - GV nhận xét, chốt kiến thức.	- HS đọc kĩ phần 3 của văn bản; gạch chân những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc. HS làm việc cá nhân. **HS sử dụng sgk** **- HS làm việc theo cặp khoảng3p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)**

Nội dung 4: Bức tranh đời sống của văn nhân dưới hạ giới

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: 1 nội dung: Bức tranh đời sống của văn nhân dưới hạ giới.

c. Sản phẩm:

- Tản Đà đã vẽ ra bức tranh hiện thực về cuộc sống của mình và nhiều nhà văn khác:

" Bẩm Trời cảnh con thực nghèo khó

{...}

Biết làm có được mà dám theo"

+ Cảm hứng hiện thực bao trùm cả đoạn thơ vẽ ra bức tranh cuộc sống nghèo khó, cùng quẫn của tác giả và nhiều cây bút khác(Tản Đà còn nhiều bài thơ khác nói về tình cảnh của mình: *Cảnh vui của nhà nghèo*, ...)

+ Thực tế phũ phàng: *Văn chương hạ giới rẻ như bèo*, thân phận nhà văn bị rẻ rúng, ông không tìm được tri âm nên phải lên tận trời để thỏa nguyện nỗi lòng

=> Đây cũng chính là thực tế đời sống của lớp văn nghệ sĩ nói chung thời bấy giờ với bi kịch "*áo cơm ghì sát đất":* Tản Đà, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng , Xuân Diệu (*Nỗi đời cơ cực*...).

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: Đọc kĩ phần 4 của văn bản; gạch chân những từ ngữ, hình ảnh về cuộc sống của văn nhân dưới hạ giới **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:** + Tác giả để trần tình cảnh ngộ của bản thân cũng là của chung nhiều nhà văn khác dưới hạ giới như thế nào?	- HS thực hiện theo yêu cầu (HS làm việc cá nhân) **HS sử dụng sgk** **- HS làm việc cá nhân**

Nội dung 5: Tổng kết

a. Mục tiêu: Đ4, Đ5, GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: trả lời câu hỏi để tìm ra2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

c. Sản phẩm

****. Về nội dung:***

- Bài thơ thể hiện một "cái tôi" ngông nghênh, phóng túng, tự ý thức về tài năng, giá trị đích thực của mình và khao khát được khẳng định mình giữa cuộc đời.

. Về nghệ thuật:

Bài thơ có nhiều yếu tố nghệ thuật mới mẻ:

- Thể thơ thất ngôn trường thiên khá tự do, không bị trói buộc bởi khuôn mẫu;

- Ngôn ngữ thơ: ít tính cách điệu, ước lệ mà gần với tiếng nói đời thường;

- Giọng thơ: tự sự hóm hỉnh, có duyên, lôi cuốn

- Biểu hiện cảm xúc: phóng túng, tự do, không bị gò ép.

- Tác giả hiện diện trong bài thơ với tư cách người kể chuyện, đồng thời là nhân vật chính.

*GV nâng cao: Tác giả tưởng tượng, hư cấu nên cả một câu chuyện như muốn đưa thơ trữ tình thoát dần sứ mệnh "thi dĩ ngôn chí" của thơ xưa.

⇨ **Những dấu hiệu đổi mới của thơ ca VN theo hướng HĐH.** Đó là lý do khiến TĐà được đánh giá là "*dấu gạch nối giữa hai thời đại thi ca*" (Hoài Thanh).

d.Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	**HĐ CỦA HS**
Trước hoạt động: GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:** **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?	- HS đọc lại bài vừa học **HS sử dụng sgk** **- HS làm việc cá nhân** **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để so sánh cái *ngông* của Tản Đà với cái *ngông* trong văn chương trung đại qua các tác phẩm đã học

c. Sản phẩm:

*Trong *Bài ca ngất ngưởng* - Nguyễn Công Trứ: đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưởng, gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì, Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng... khen chê phơi phới ngọn đông phong...

* Trong *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân): Huấn Cao ngông trong tù, khoảnh, ít chịu cho chữ ai, coi thường quản ngục, coi thường cái chết, nhận ra người tốt sẵn sàng cho chữ... Quản ngục cũng ngông theo cách của ông ta khi dám liều xin chữ Huấn Cao.

* Trong *Hầu Trời*: Đọc thơ cho Trời và tiên nghe, tự hào về tài thơ văn của mình, về nguồn gốc quê hương đất nước của mình, về sứ mạng vẻ vang đi khơi dậy cho cái thiên lương của mọi người bằng thơ văn.).

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	HĐ của HS
- GV giao nhiệm vụ: *Cái ngông trong văn chương trung đại, qua các văn bản đã học được thể hiên như thế nào?* **- GV nhận xét, chốt kiến thức**	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: **Đ5, V1**

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu

- Đọc ghi nhớ, tư duy, trình bày vấn đề để trả lời vấn đề mà GV đưa ra.

c. Sản phẩm:

.1/ Văn bản có ý chính: Thi sĩ Tản Đà trả lời Trời để bộc lộ quan điểm về nghề văn và cuộc sống nhà văn nơi hạ giới.

2/ Biện pháp tu từ (về từ): so sánh

Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ so sánh: Tản Đà đã vẽ ra một bức tranh hiện thực trần trụi, nghiệt ngã về nghề văn bằng ngôn ngữ đời thường, thể hiện thân phận bọt bèo, rẻ mạt của nhà văn trong xã hội giao thời. Câu thơ đã gián tiếp lên án xã hội bất công đã đẩy người có tài, có tâm vào hoàn cảnh bi đát nhất.

3/ Cảm hứng chính trong văn bản trên là cảm hứng hiện thực.

Hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng cảm hứng hiện thực trong văn bản :Tản Đà không trực tiếp phát biểu quan niệm của mình về văn chương và nghề văn, tuy vậy người đọc vẫn có thể hình dung ra phần nào về nội dung của hoạt động tinh thần đặc biệt này. Trong mắt Tản Đà, văn chương lúc này là một nghề kiếm sống mới, có người bán, kẻ mua, có thị trường tiêu thụ và bản thân thị trường cũng hết sức phức tạp. Đồng thời, nhà thơ cũng ý thức được sự cần thiết phải chuyên tâm với nghề văn. Sau cùng, ông cũng nhận thấy rằng: sự đa dạng về loại, thể là một đòi hỏi thiết yếu của hoạt động sáng tác và với những sáng tác mới, tiêu chí đánh giá cũng phải khác xưa.

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**
GV giao nhiệm vụ: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi: *"Bẩm Trời, cảnh con thực nghèo khó* …… *Biết làm có được mà dám theo".* *(* Trích *Hầu trời*, Tản Đà, Tr 15, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007) 1/ Nêu ý chính của văn bản?	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

2/ Xác định biện pháp tu từ (về từ) trong câu thơ *Văn chương hạ giới rẻ như bèo* ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó ? 3/ Cảm hứng chính trong văn bản trên là cảm hứng lãng mạn hay cảm hứng hiện thực ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng cảm hứng đó của nhà thơ ?	

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a.Mục tiêu:Đ4, Đ5, V1
b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; viết đoạn văn
c. Sản phẩm:
- Sơ đồ tư duy bài học.
- Một số câu văn, đoạn văn.

d. Các bước dạy học:

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
GV ra bài tập : + Vẽ bản đồ tư duy bài học. **-GV nhận xét, chuẩn kiến thức.** + Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về *nghề văn trong cuộc sống hôm nay.*	**- HS suy nghĩ làm bài.** **+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy** **+ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu về nội dung và hình thức.**

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)

- Văn bản văn học 11,…

VI. RÚT KINH NGHIỆM

Tiết 73: TT tiết dạy theo KHDH

VỘI VÀNG

- XUÂN DIỆU -

Thời lượng : 1 tiết

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Cảm nhận được niềm khát khao sống mãnh liệt, sống hết mình và quan niệm về thời gian, tuổi trẻ, hạnh phúc của Xuân Diệu được thể hiện qua tác phẩm.	**Đ1**
2	Thấy được sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa mạch cảm xúc, mạch luận lí chặt chẽ cùng những sáng tạo nghệ thuật.	**Đ2**
3	+ Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà	**Đ4**

	văn bản gửi gắm.	
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ hiện đại	**Đ5**
6	Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Vội vàng* và các phẩm khác của Xuân Diệu	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Biết quý trọng thời gian, yêu tuổi trẻ, yêu cuộc sống, góp phần làm cho cuộc sống thêm tươi đẹp.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (7phút)	**Kết nối -Đ1, GQVĐ**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Xuân Diệu, văn bản Vội vàng.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở - PP trò chơi.	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.

HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả 2. Tác phẩm II.Đọc hiểu văn bản. 1. Tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết. 2. Nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi của kiếp người 3. Lời giục giã sống cuống quýt để tận hưởng tuổi xuân. III.Tổng kết:Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ4, Đ5, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV

				và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình;	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HĐ KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: **Đ1, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: tham gia trò chơi7 hàng ngang và 1 ô chữ hàng dọc

c. Sản phẩm:

- 7 từ hàng ngang:VŨ ĐÌNH LIÊN, Ô KÌA, THI SĨ, VỚI, TRÀNG GIANG, CHINH PHỤ NGÂM, TẢN ĐÀ.

- Từ hàng dọc: **VỘI VÀNG**

d. Các bước dạy học:

GV TỔ CHỨC TRÒ CHƠI Ô CHỮ

Có 7 hàng ngang, tương ứng 7 câu hỏi. HS tìm ra ô chữ hàng dọc;

Câu 1: Bài thơ "Ông đồ" của nhà thơ nào?

Đáp án: VŨ ĐÌNH LIÊN.

Câu 2: Điền vào dấu ba chấm….

… bóng nguyệt trần truồng tắm

Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe

(Hàn Mặc Tử)

Đáp án: **Ô kìa**

Câu 3: Nhà thơ trong từ Hán Việt gọi là gì?

Đáp án: Thi sĩ.

Câu 4: Điền vào dấu ….

Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già

…. tiếng gió gào ngàn…giọng cười hét núi.

(Thế Lữ).

Đáp án: Với

Câu 5: Huy Cận là tác giả của bài thơ nào?

Đáp án: *Tràng giang*

Câu 6: Đặng Trần Côn là tác giả của tác phẩm nào?

Đáp án: *Chinh phụ ngâm*.

Câu 7: Nhà thơ được mệnh danh là "người của hai thế kỉ"?

Đáp án: Tản Đà

Ô chữ hàng dọc: VỘI VÀNG

GV dẫn vào bài:

Ai ai cũng yêu quý mùa xuân. Và có một thi sĩ vì thiết tha với mùa xuân quá nên luôn giục giã mọi người hãy sống vội vàng, hãy cuống quýt để tận hưởng tất cả vẻ đẹp của mùa xuân và cuộc đời. Thi sĩ đó chính là Xuân Diệu.

"*Đó là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới… Thơ XD là nguồn sống dạt dào chưa từng thấy ở chốn non nước lặng lẽ này. XD say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, cuống quýt, muôn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui, khi buồn , người đều nồng nàn, tha thiết".*

Nhận định ấy của Hoài Thanh sẽ được chứng minh đầy thuyết phục ở bài thơ "Vội vàng".

HĐ HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

1. HOẠT ĐỘNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

a. Mục tiêu:**Đ1, Đ2, N1, GQVĐ**

b. Nội dung: trả lời câu hỏi cho2 nội dung: tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm :

1. Tác giả:

- Xuân Diệu (1916 – 1985), có bút danh là Trảo Nha.

- Ông là nghệ sĩ lớn, nhà văn hóa lớn có sức sáng tạo mãnh liệt, bền bỉ và sự nghiệp văn học phong phú.

2. Tác phẩm:

* **Xuất xứ**: Rút từ tập "Thơ thơ" (1938), tập thơ đầu tay cũng là tập thơ khẳng định vị trí của Xuân Diệu – thi sĩ "mới nhất trong các nhà thơ mới".

*** Bố cục:** gồm ba phần

- Đoạn một (13 câu đầu): bộc lộ tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết.

- Đoạn hai (câu 14 đến câu 29): nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi của kiếp người, trước sự trôi qua nhanh chóng của thời gian.

- Đoạn ba (còn lại): lời giục giã cuống quýt, vội vàng để tận hưởng những giây phút tuổi xuân của mình giữa mùa xuân của cuộc đời, của vũ trụ.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
Trước hoạt động: Em đã đọc những tác phẩm nào của Xuân Diệu? Ấn tượng của em khi đọc những tác phẩm này?	**- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.**
Trong hoạt động:*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà :	**- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**
? Tìm hiểu tiểu dẫn SGK và trình bày những nét chính về tác giả ?	
- GV nhận xét và kết luận.	
- Hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm.	
+Hãy nêu xuất xứ và vị trí bài thơ ?	
+ Theo em, bài thơ có thể chia làm mấy đoạn? Hãy nêu nội dung chính của từng đoạn ?	**- HS suy nghĩ và trả lời** **HS sử dụng sgk.**
GV cho HS đọc bài thơ, hướng dẫn cách đọc	**HS đọc bài thơ.**

2. NỘI DUNG 2 : ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

Nội dung 1 : Tình yêu cuộc sống « trần thế » tha thiết (Câu 1->13)

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3,Đ4 ,Đ5, N1, DH-HT

b. Nội dung hoạt động : thảo luận về 2 nội dung

+ Khát vọng của nhà thơ

+ Bức tranh thiên đường trên mặt đất.

c. Sản phẩm

Câu 1-13:*Tình yêu cuộc sống trần thế "tha thiết".*

a. Câu 1-4: Khát vọng của nhà thơ.

- Niềm ước muốn kì lạ, táo bạo, liều lĩnh:

+ tắt nắng

+ buộc gió

- Mục đích : Giữ lại sắc màu, mùi hương.

- Thực chất: Sợ thời gian trôi chảy, muốn níu kéo thời gian, muốn tận hưởng mãi hương vị của cuộc sống. Bất tử hóa cái đẹp.

- Nghệ thuật:

+ Thể thơ ngũ ngôn ngắn gọn, rõ ràng như lời khẳng định, cố nén cảm xúc và ý tưởng.

+ Điệp ngữ: *Tôi muốn / tôi muốn* gợi một cái tôi cá nhân khao khát giao cảm và yêu đời đến tha thiết.

b. Câu 5-13: Cảm nhận thiên đường trên mặt đất.

- Được cảm nhận ở thời điểm ban đầu:

+ Buổi sáng – khởi đầu một ngày mới.

+ Tuần tháng mật – khởi đầu cuộc sống lứa đôi.

+ Tháng giêng – khởi đầu cho một năm mới.

Thời khắc đẹp đẽ, tinh khôi, tươi mới.

- Hình ảnh, màu sắc, âm thanh đẹp đẽ, tươi non, trẻ trung:

+ *Ong bướm tuần tháng mật*

+ *Hoa của đồng nội xanh rì*

+ *Lá của cành tơ phơ phất*

+ *Khúc tình si của yến anh*

+ *Ánh sáng chớp hàng mi*

Cảnh vật quen thuộc, gần gũi, mang nét đặc trưng của mùa xuân.

Hấp dẫn, gợi cảm như một người thiếu nữ trẻ trung, đầy sức sống.

- So sánh cuộc sống thiên nhiên như người đang yêu, như tình yêu đôi lứa đắm say, tràn trề hạnh phúc.

Tháng giêng ngon như một cặp môi gần

+So sánh mới mẻ, độc đáo và táo bạo: lấy con người làm chuẩn mực cho mọi vẻ đẹp trên thế gian – điều mà trong thơ cổ điển chưa có được.

+Thể hiện sự chuyển đổi cảm giác tài tình từ thị giác sang vị giác để ca ngợi vẻ đẹp tình yêu đôi lứa, hạnh phúc tuổi trẻ.

- Tâm trạng đầy mâu thuẫn nhưng thống nhất: *Sung sướng >< vội vàng:* Câu thơ như tách ra làm 2:

+ Trên: hình ảnh tươi nguyên của cuộc sống vui, háo hức.

+ Dưới: nỗi buồn, bâng khuâng, quấn quít.

=> Cảm nhận được sự trôi chảy của thời gian. Muốn sống gấp, sống nhanh, sống vội để chạy đua với thời gian.

- Các câu thơ kéo dài thành 8 chữ để dễ dàng vẽ bức tranh cuộc sống thiên đường chính ngay trên mặt đất, ngay trong tầm tay của mỗi chúng ta.

- Điệp từ: *Này đây*

Tất cả như được bày sẵn, mời gọi mọi người thưởng thức một bữa tiệc trần gian.

- Nhịp thơ nhanh, gấp biểu hiện hơi thở sống, nhịp điệu sống, nhịp thở phập phồng.

-TIỂU KẾT: Thông qua những điệp từ, điệp ngữ, những phép láy vần, điệp thanh, những biện pháp so sánh, ẩn dụ, hoán dụ đặc biệt là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác đặc sắc, Xuân Diệu đã làm hiện lên một bức tranh, một hình ảnh cuộc đời tràn đầy âm thanh, màu sắc

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	**HĐ CỦA HS**
Trước hoạt động: Nêu cảm nhận ban đầu về bức tranh đời sống mà Xuân Diệu đề cập đến trong bài thơ? **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: **(Nhóm 1)** ***Hình ảnh thiên nhiên, sự sống quen thuộc được tác giả cảm nhận và diễn tả ở những thời điểm nào trong đoạn thơ? Những hình ảnh, màu sắc, âm thanh trong đoạn thơ đều có đặc điểm gì?*** **(Nhóm 2)** ***Câu thơ nào theo em là mới mẻ và hiện đại nhất? Vì sao?*** **(Nhóm 3)** ***2 câu cuối đoạn thể hiện tâm trạng như thế nào?Vì sao tác giả bộc lộ tâm trạng đó?*****Hai câu thơ cuối đoạn có tác dụng gì?** **(Nhóm 4)** ***Tác giả đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào trong khổ thơ ? Ý nghĩa của các***	- HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân) **HS sử dụng sgk** **- HS thảo luận theo nhóm 5p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)**

biện pháp nghệ thuật đó? **GV yêu cầu HS sử dụng sgk** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	

Nội dung 2: Nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi của kiếp người

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1,GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: thảo luận cho2 nội dung

+ Quan niệm về thời gian

+ Tâm trạng của thi nhân

c. Sản phẩm

2. Mười bảy câu thơ tiếp theo:*Nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi của kiếp người*

- Triết lí về thời gian:

+ *Xuân tới - xuân qua*

+ *Xuân non - xuân già*

+ *Xuân hết - tôi mất.*

+ *Lòng rộng - đời chật.*

+ *Xuân tuần hoàn – tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại*

+ *Còn trời đất – chẳng còn tôi*

- Nỗi băn khoăn về sự ngắn ngủi, mong manh của kiếp người trong sự chảy trôi nhanh chóng của thời gian.

+Quan niệm về thời gian tuyến tính, một đi không trở lại (so sánh với quan niệm thời gian tuần hoàn của người xưa).

+Cảm nhận đầy bi kịch về sự sống, mỗi khoảnh khắc trôi qua là một sự mất mát, phai tàn, phôi pha, mòn héo.

+Cuộc sống trần gian đẹp như một thiên đường; trong khoảnh khắc đó, thời gian một đi không trở lại, đời người ngắn ngủi – nên chỉ còn một cách là phải sống vội.

- Thiên nhiên:

+ *Năm tháng …chia phôi*

+ *Sông núi…tiễn biệt.*

+ *Gió…hờn*

+ *Chim…sợ*

-Thiên nhiên, cảnh vật đều nhuốm màu chia phôi, li biệt, đều mang tâm trạng lo âu, phấp phỏng trước thời gian. Không còn chất vui tươi, tự nhiên như những câu thơ trước nữa. Nói thiên nhiên nhưng là nói lòng người. Người buồn cảnh buồn.

-XD là người luôn tha thiết cháy bỏng với cuộc đời nhưng lại luôn hoài nghi, bi quan, chán nản.

- *Mau đi thôi!Mùa chưa ngả chiều hôm* : Muốn níu kéo thời gian nhưng không được. Vậy chỉ còn một cách là hãy sống cao độ giây phút của tuổi xuân. Nhà thơ như giục giã chính bản thân tận hưởng cuộc sống: hãy mau lên, vội vàng lên, gấp gáp lên, hãy vượt qua thời gian mà sống, mà cống hiến. Bởi giờ đây vẫn trẻ trung, vẫn đủ sức sống cống hiến tuổi xuân cho cuộc đời.

4. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	**HĐ CỦA HS**
Trước hoạt động: Tại sao Xuân Diệu lại nói "Tôi sung sướng nhưng vội vàng một nửa" **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận	- HS nêu suy nghĩ của cá nhân HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân)

theo cặp trong bàn: + Tâm trạng của tác giả trước thời gian, tuổi trẻ và hạnh phúc được thể hiện quan những câu thơ nào? + Hình ảnh thiên nhiên được miêu tả như thế nào? có gì khác với cảm nhận trong khổ thơ trên? **GV yêu cầu HS sử dụng sgk**	**HS sử dụng sgk** **- HS thảo luận theo cặp 3p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**

Nội dung 3: Lời giục giã cuống quýt vội vàng để tận hưởng tuổi xuân của mình...

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ5, N1,GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: trả lời câu hỏi làm nổi bật nội dung và nghệ thuật của 9 câu cuối.

c. Sản phẩm

Chín câu thơ cuối: *Lời giục giã cuống quýt vội vàng để tận hưởng tuổi xuân của mình…*

- Điệp ngữ "Ta muốn"

→ chuyển từ cái tôi cá nhân sang cái ta mang ý nghĩa tình cảm chung, có tính phổ quát (không chỉ là nhà thơ mà tất cả mọi người)

- Các động từ mạnh kết hợp với nghệ thuật tăng tiến (ôm, riết, say, thâu, hôn, cắn) và một chuỗi câu được lặp lại:

- Ta muốn – ôm – sự sống mơn mởn

- Riết – mây đưa, gió lượn

-Say – cánh bướm, tình yêu

-Thâu – hôn nhiều

- Cắn – xuân hồng

Cho: Chếnh choáng

Đã đầy

No nê.

+Từ chỉ mức độ: *Chếnh choáng…đã đầy…no nê…*

+Điệp từ: *và...và...và; cho...cho...cho.*

→ Tình cảm ngày càng mãnh liệt, cuồng nhiệt của chủ thể trữ tình.

Hàng loạt các hình ảnh thơ tươi mới, đầy sức sống : *sự sống mơn mởn; mây đưa, gió lượn; cánh bướm – tình yêu; cái hôn nhiều; non nước, cỏ cây…*

→ Hãy sống vội vàng, ra sức tận hưởng tuổi trẻ, mùa xuân, tình yêu, những gì mà cuộc đời ban tặng thật hết mình; Bộc lộ sự ham hố, say mê, vồ vập, yêu đời, khao khát hòa nhập của tác giả với thiên nhiên và tình yêu tuổi trẻ.

- Câu thơ cuối là đỉnh điểm của cảm xúc:

"*Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi*"

→ sự kết hợp giữa cái trừu tượng, thanh cao (xuân hồng) với cái cụ thể, tầm thường: đem lại sự bất ngờ, sáng tạo, thú vị.

→ Sống vội vàng, cuống quít không có nghĩa là ích kỷ, tầm thường, thụ động, mà đó là cách sống biết cống hiến, biết hưởng thụ. Quan niệm nhân sinh của thi sĩ.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	**HĐ CỦA HS**
Trước hoạt động: Với tâm trạng, cảnh vật như trên, Xuân Diệu phải làm gì? **Trong hoạt động:** - GV đặt ra câu hỏi: + Tác giả đã tận hưởng cuộc sống như thế nào?	- HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân)

+ Em có nhận xét gì về dấu hiệu nghệ thuật ở đoạn thơ này? Tác dụng của nó? (Gợi ý: Giọng thơ, nhịp thơ có sự thay đổi như thế nào? + Phân tích tác dụng các điệp từ cho, và, điệp ngữ ta muốn, các động từ chỉ cảm xúc, tình cảm mạnh: ôm, riết, thâu, say, cắn, các từ chếnh choáng, đã đầy, no nê,.) + Nói đoạn thơ này thât tiêu biểu cho hồn thơ Xuân Diêu có đúng không? Vì sao? + Bình giảng câu thơ cuối cùng. **GV yêu cầu HS sử dụng sgk.** **GV nhận xét, chốt kiến thức**	**HS sử dụng sgk** **- HS suy nghĩ, phân tích, bình giảng, trình bày trước lớp.**

Nội dung 4: Tổng kết

a. Mục tiêu: Đ5, N1.

b.Nội dung hoạt động: trả lời câu hỏi tổng kết2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

c. Sản phẩm

1. Nghệ thuật

- Sự kết hợp giữa mạch cảm xúc và mạch luận lí.

- Cách nhìn cách cảm mới và những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ.

2. Ý nghĩa văn bản

Quan niệm nhân sinh, quan niệm thẩm mĩ mới mẻ của Xuân Diệu – nghệ sĩ của niềm khát khao giao cảm với đời.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:** **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?	- HS đọc lại bài vừa học **HS sử dụng sgk** **- HS làm việc cá nhân** **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: **Đ4, Đ5, V1**

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Các bước dạy học

- Giáo viên giao nhiệm vụ: - Quan niệm sống vội vàng của nhà thơ xuất phát từ quan niệm thái độ, tình cảm gì đối với cuộc sống? (bi quan, chán nản hay thiết tha yêu đời?)

- Giãi bày về tập "*Thơ thơ*", XD có bộc bạch: "*Đây là hồn tôi vừa lúc vang ngân, đây là lòng tôi đang thời sôi nổi, đây là tuổi xuân của tôi,và đây là sự sống của tôi nữa*".

Theo em, những bộc bạch đó đã in dấu như thế nào trong "*Vội vàng*"?

- HS làm việc cá nhân.

- HS báo cáo.

- GV nhận xét và chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: **Đ4, Đ5, V1**

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

-Nội dung: Từ triết lí sống khao khát giao cảm với đời của nhà thơ Xuân Diệu, thí sinh bày tỏ suy nghĩ về một hiện tượng xấu của một bộ phận giới trẻ hiện nay, đó là *sống gấp, sống ích kỉ*. Cần trả lời các câu hỏi : *sống gấp, sống ích kỉ* là gì ? Hậu quả của lối sống đó ? Nguyên nhân và biện pháp khắc phục ?

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
GV giao nhiệm vụ cho HS: Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng một bộ phận giới trẻ có lối sống gấp, sống ích kỉ trong cuộc sống hôm nay.	**- HS suy nghĩ làm bài.** **+ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu về nội dung và hình thức.**

HĐ TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; vẽ tranh

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Tranh vẽ của HS

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS

GV giao nhiệm vụ: + Vẽ sơ đồ tư duy bài học + Chọn một hình ảnh, đoạn thơ nào đó trong bài thơ và tái hiện bằng nghệ thuật hội họa.	- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:(tiết sau) + Vẽ đúng sơ đồ tư duy + Tái hiện bằng tranh vẽ dựa trên ngôn ngữ bài thơ.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)
- Văn bản văn học 11,…

V. RÚT KINH NGHIỆM

Tiết 74: TT tiết dạy theo KHDH

TRÀNG GIANG

- Huy Cận -

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		

1	- Cảm nhận được nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước tạo vật thiên nhiên mênh mông hiu quạnh. - Cảm nhận được lòng yêu quê hương đất nước thầm kín đượm trong nỗi sầu đó.	**Đ1**
2	+ Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, mối liên hệ giữa các hình ảnh trong bài thơ.	**Đ2**
3	+ Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ hiện đại	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Tràng giang* và các phẩm khác của Huy Cận	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Biết trân trọng tình yêu quê hương đất nước của nhà thơ	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá

(Thời gian)				
HĐ 1: Khởi động (07phút)	**Kết nối - Đ1, GQVĐ**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Huy Cận, văn bản Tràng giang.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)	**Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả 2. Tác phẩm II.Đọc hiểu văn bản. 1. Bức tranh thiên nhiên và tâm trạng của nhà thơ 2. Tâm sự yêu nước thầm kín của nhà thơ III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ4, Đ5, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình;	Đánh giá qua sản phẩm graphics

		gửi gắm trong tác phẩm.	Trực quan.	qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HĐ 1. KHỞI ĐỘNG.

a. Mục tiêu: **Đ1, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: vấn - đáp (HĐ cá nhân)

c. Sản phẩm

+ Bài thơ "*Đoàn thuyền đánh cá*" (Chương trình Ngữ văn 9)

+ Bài thơ này được sáng tác năm 1958 nhân chuyến đi thực tế của tác giả ở Hồng Gai.

Bài thơ thể hiện cái nhìn lạc quan, yêu đời của Huy Cận sau cách mạng.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- Trước hoạt động: HS về tìm đọc lại bài thơ đã học của Huy Cận trong chương trình THCS **- Trong hoạt động**: GV đặt câu hỏi: + Ở chương trình THCS, các em đã được học tác phẩm nào của Huy Cận? Nhận xét về thời điểm sáng tác của tác phẩm và cảm xúc chủ đạo của Huy Cận trong tác phẩm đó? + Vậy trước cách mạng, hồn thơ của Huy Cận là hồn thơ như thế nào?	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

=> Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong tập thơ "Lửa thiêng" viết trước cách mạng 1945, nhà thơ Huy Cận có làn tự họa chân dung tâm hồn mình:* *"Một chiếc linh hồn nhỏ* *Mang mang thiên cổ sầu"* *Nỗi sầu ấy có bao trùn cả tập "Lửa thiêng" và hội tụ ở bài "Tràng giang"- một trong những bài thơ tiêu biểu của hồn thơ Huy Cận trước cách mạng Tháng Tám.*	

(TL của nhóm Nam Định)

HĐ 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. HOẠT ĐỘNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

a. Mục tiêu:Đ1,Đ2, GQVĐ

b. Nội dung: trả lời câu hỏi cho2 nội dung: tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm :

1. Tác giả :

- Huy Cận (1919- 2005), tên khai sinh : Cù Huy Cận
-Quê: làng Ân Phú –Hương Sơn –HàTĩnh một trong những nhà thơ xuất sắc của phong trào Thơ Mới với hồn thơ áo não.
-Thơ HC hàm súc, giàu chất suy tưởng, triết lí.

- Đặc trưng hồn thơ :

- **Trước CMT8:** thơ Huy Cận mang nỗi buồn nhân thế, nỗi buồn của người dân mất nước ý thức sâu sắc về cảnh ngộ non sông và thân phận con người. Yêu đời và đau đời như là âm bản và dương bản trong tâm hồn Huy Cận.

→ Trước CMT8, Huy Cận là nhà thơ lớn, một đại biểu xuất sắc của phong trào Thơ Mới với hồn thơ ảo não.

• **Sau CMT8:** Thơ Huy Cận vừa giàu cảm xúc tươi mới của cuộc đời vừa mang đậm nội dung triết lý về sự sống bất diệt, về tình yêu đất nước, về sức mạnh nhân dân và vẻ đẹp tâm hồn dân tộc Việt Nam.

- Tác phẩm : xem SGK

2. Bài thơ : ***Tràng giang.***

a.Xuất xứ (sgk) Viết vào mùa thu 1939 in trong tập thơ "Lửa thiêng"

- Cảm xúc từ cảnh sông Hồng

b.Thể loại: thất ngôn trường thiên, đề tài: tả cảnh thiên nhiên (cổ điển+hiện đại)

c.Bố cục: (4 khổ) 2 phần

+Phần 1: (3 khổ đầu):bức tranh TG.

+Phần 2 :(khổ cuối) Tâm trạng nhà thơ.

d. Nhan đề : Tràng giang →Gợi hình ảnh con sông dài , rộng ; điệp vần "ang" gợi âm hưởng vang xa , trầm buồn → Âm hưởng chung cho giọng điệu bài thơ.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
Trước hoạt động:Điểm ấn tượng nhất trong cuộc đời của Huy Cận đối với em là gì?	**- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.**
Trong hoạt động:*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà : ? Tìm hiểu tiểu dẫn SGK và trình bày những nét chính về tác giả ?	**- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**
- GV nhận xét và kết luận.	
- Hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm. +Hãy nêu xuất xứ, thể loại, cách chia bố cục và ý nghĩa	**- HS suy nghĩ và trả lời** **HS sử dụng sgk.**

nhan đề của bài thơ **+ GV cho HS đọc bài thơ, hướng dẫn cách đọc**	**HS đọc bài thơ.**

2. HOẠT ĐỘNG 2 : ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

Nội dung 1: Bức tranh thiên nhiên và tâm trạng của nhà thơ (3 câu thơ đầu)

a. Mục tiêu : Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, N1, GT-HT

b.Nội dung hoạt động : 3 nội dung : khổ 1, khổ 2 và khổ 3

c. Sản phẩm

***a. khổ 1:** - Hình ảnh : sóng gợn,thuyền, nước song song , cành củi khô.

→ Bức tranh được mở ra bằng hình ảnh của một dòng tràng giang phẳng lặng, một con thuyền lặng lẽ trôi, một cành củi khô nhỏ bé.
- Cảm giác buồn của con người hiện đại:
+ Sóng gợn tràng giang nhưng lại buồn điệp điệp (điệp từ điệp điệp – từ cái hữu hình của sóng trên tràng giang mà nhận ra cái vô hình là nỗi buồn của con người).
+ Thuyền và nước bên nhau nhưng giữa thuyền và nước là sự xa cách hững hờ. Thuyền và nước theo hai chiều đối nghịch (về – lại), nổi lên giữa cuộc chia li là sầu trăm ngả.
+ Cành củi bé nhỏ giữa tràng giang mênh mông, nhà thơ còn cố tình làm rõ: củi – một cành – khô. Đã thế, như có điều vô lí: một cành củi – lạc mấy dòng. Cành củi ở đây không chỉ là cành củi mà còn là cảm nhận về thận phận bé nhỏ của con người.

+ Nhạc điệu khổ thơ:

Âm điệu nhịp nhàng 2/2/3.

Thanh điệu có sự hoán vị bằng trắc đều đặn:

~ BTT – TBB

~ BB – TT

~ TBB – TTB

Cấu trúc đăng đối:

~ buồn điệp điệp – nước song song

~ thuyền về – nước lại

~ một cành khô – lạc mấy dòng

Hai từ láy nguyên "điệp điệp", "song song" cộng hưởng với độ ngân của vần "ang", đã mở ra hình ảnh dòng sông mênh mông những con sóng cứ loang ra, lan xa, gối lên nhau, dòng nước thì cứ cuốn đi xa tận nơi nào, miên man miên man, dấy lên trong ta một dư vị buồn man mác ở hồn thơ Huy Cận.

⇨*Với khổ thơ giàu hình ảnh,nhạc điệu , cách gieo vần nhịp nhàng và dùng nhiềuu từ láy,khổ thơ đã diễn tả nỗi buồn trầm lắng của tác giả trước thiên nhiên.*

*** <u>b. Khổ 2</u>:**

Cảnh sông nước được hoàn chỉnh hơn bằng những chi tiết mới như: Cồn nhỏ lơ thơ,gió đìu hiu, chợ chiều, làng xa, trời chiều, bến cô liêu. Bằng những nét vẻ mềm mại, uốn lượn, nhịp nhàng bởi các vần lưng liên tiếp : *lơ thơ, nhỏ, gió, đìu hiu*→ gợi tả cảnh vật nhỏ bé, cô độc, thoáng lên cái vắng lặng, lạnh lẽo cô đơn đến rợn ngợp.

-Âm thanh: Tiếng chợ chiều gợi lên cái mơ hồ, âm thanh yếu ớt gợi thêm không khí tàn tạ,vắng vẻ tuy thoáng chút hơi người.

- *Trời sâu chót vót*→cách dùng từ tài tình,ta như thấy bầu trời được nâng cao hơn, vẽ ra cái thiên địa vô thủy vô chung, vô cùng vô tận→bút pháp Đường thi đối lập giữa cái vô hạn (sông nước, bầu trời) với cái hữu hạn (cồn nhỏ, bến cô liêu)

- Sông dài,trời rộng><bến cô liêu→Sự tương phản giữa cái nhỏ bé và cái vô cùng của vũ trụ gợi lên cảm giác trống vắng,cô đơn → bút pháp "họa vân hiển nguyệt"

(vẽ trăng nẩy trăng), tả không gian thiên địa vô cùng nhưng nhằm biểu hiện sự cô đơn, trống trải của cái tôi lãng mạn.

⇨*Với cách gieo vần tài tình, âm hưởng trầm bổng,HC như muốn lấy âm thanh để xoá nhoà không gian buồn tẻ hiện hữu nhưng không được.Nhà thơ cố tìm sự giao cảm với vũ trụ cao rộng nhưng tất cả đều đóng kín*

***c. Khổ 3:**

-Hình ảnh ước lệ: "bèo" để diễn tả thân phận,kiếp người chìm nổi

-Câu hỏi: "về đâu" gợi cái bơ vơ,lạc loài của kiếp người vô định

-Không cầu,không đò:không có sự giaolưu kết nối đôi bờ

→ Tô đậm cái mênh mông, cô đơn của cảnh vật, niềm khao khát mong chờ đau đáu những dấu hiệu của sự sống trong tình cảnh cô độc.

⇨*Ba khổ thơ biểu hiện cho niềm tha thiết với thiên nhiên tạo vật. Đó là một bức tranh thiên nhiên thấm đượm tình người,mang nặng nỗi buồn bâng khuâng,nỗi bơ vơ của kiếp người. Nhưng đằng sau nỗi buồn về sông núi là nỗi buồn của người dân thuộc địa trước cảnh giang sơn bị mất chủ quyền.*

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: Nêu cảm nhận ban đầu về bức tranh thiên nhiên Tràng giang và tâm trạng của nhà thơ? **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: **+ Nhóm 1:**	- HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân) **HS sử dụng sgk**

- GV đặt câu hỏi cho HS tìm hiểu : + Cảnh tràng giang được tác giả miêu tả như thế nào? + Nêu những nét chính về nghệ thuật + Nét hiện đại trong khổ thơ +**Nhóm 2:** - GV cho Hs trao đổi 2 nội dung : + Cảnh tràng giang + Cảm xúc của tác giả **+Nhóm 3:** - GV : Bức tranh tràng giang trong khổ thơ 3 có gì đặc biệt ?Tâm trạng của tác giả như thế nào ? **+Nhóm 4:** - GV nêu câu hỏi : Em có nhận xét gì về cảnh tràng giang trong khổ thơ 4 ? Tại sao tác giả nói " Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà" ? **GV yêu cầu HS sử dụng sgk** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	**- HS thảo luận theo nhóm 5p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **<u>(Nhóm dùng giấy A0, PP...)</u>**

Nội dung 2: Tâm sự yêu nước thầm kín của nhà thơ (khổ 4)

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động : 1 nội dung.

c. Sản phẩm:

Khổ 4: ***Tâm sự yêu nước thầm kín***

- Hình ảnh ước lệ, cổ điển: Mây, chim → bức tranh chiều tà đẹp kì vĩ, êm ả,thơ mộng được gợi lên bằng bút pháp nghệ thuật cổ điển với hình ảnh mây trắng ,cánh chim chiều; đồng thời mang dấu ấn tâm trạng tác giả.

-Tâm trạng: *Không khói... nhớ nhà*: âm hưởng Đường thi nhưng tình cảm thể hiện mới mẻ. Nỗi buồn nhớ trong thơ xưa là do thiên nhiên tạo ra, còn HC tấm lòng thương nhớ quê hương tha thiết tìm ẩn và bộc phát tự nhiên vì thế mà nó sâu sắc và da diết vô cùng.

⇨ Đằng sau nỗi buồn, nỗi sầu trước không gian và vũ trụ là tâm sự yêu nước thầm kín của một trí thức bơ vơ,bế tắc trước cuộc đời.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: Bài thơ có đơn thuần là nỗi buồn, nỗi sầu trước không gian thiên nhiên không? Vì sao? **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu nhóm 4 lên báo cáo kết quả thảo luận (GV đã giao nhiệm vụ thảo luận cùng thời gian với 3 nhóm còn lại) **GV yêu cầu HS sử dụng sgk** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	- HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân) **HS sử dụng sgk** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Các nhóm khác nhận xét sản phẩm** **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)**

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

c. Sản phẩm

1. **Nội dung:**

Vẻ đẹp bức tranh thiện nhiên, nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, niềm khát khao hòa nhập với đời và lòng yêu quê hương đất nước tha thiết.

2. <u>Nghệ thuật:</u>

- Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển và hiện đại.

- Nghệ thuật đối, bút pháp tả cảnh giàu tính tạo hình, hệ thống từ láy giàu giá trị biểu cảm.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:** **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?	- HS đọc lại bài vừa học **HS sử dụng sgk** **- HS làm việc cá nhân** **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

1/ Nội dung chính của đoạn thơ : Đoạn thơ thể hiện không gian vắng lặng cô đơn và niềm khao khát giao hoà với con người.

2/ Hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ láy *Lơ thơ, đìu hiu* : Hai từ láy này gợi sự buồn bã, quạnh vắng, cô đơn trong tâm hồn nhà thơ.

3/ Nhà thơ không dùng từ *cao chót vót* mà lại dùng *sâu chót vót* : vì từ *sâu* tả chiều cao thăm thẳm, vô cùng. *Chót vót* khắc hoạ chiều cao dường như vô tận. Càng rộng, càng sâu, càng cao thì cảnh vật càng thêm vắng lặng.

4/ Qua đoạn thơ, nhân vật trữ tình bộc lộ tâm trạng buồn cô đơn, trống vắng, một niềm khao khát tìm đến cõi nhân thế để giao hoà với con người.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV giao nhiệm vụ:** Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi : *Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu* *Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều* *Nắng xuống, trời lên sâu chót vót* *Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.* *(* Trích *Tràng giang*, Huy Cận, Tr 29, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007) 1/ Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên? 2/ Nêu hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng từ láy *Lơ thơ, đìu hiu* ? 3/ Tại sao nhà thơ không dùng từ *cao chót vót* mà lại dùng *sâu chót vót* ? 4/ Qua đoạn thơ, nhân vật trữ tình bộc lộ tâm trạng gì ?	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: **Đ4, Đ5, V1**

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

-Nội dung: Thí sinh cảm nhận được vẻ đẹp hình thức và nội dung của câu thơ. Về hình thức, câu thơ sử dụng phép đảo từ, đưa từ *cửi* lên đầu câu thơ để nhấn mạnh hình ảnh. Sự phối hợp các từ *cửi, khô, lạc* tạo nên hình ảnh gần gũi, đậm chất

dân tộc và gợi tâm trạng. Về nội dung, câu thơ gợi hình ảnh cành củi khô nhỏ nhoi, vô nghĩa, cô đơn trôi bềnh bồng trên dòng sông mênh mông sông nước dễ gợi nỗi buồn về kiếp người nhỏ bé vô định.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV giao nhiệm vụ:** Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về vẻ đẹp câu thơ *Củi một cành khô lạc mấy dòng.* **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.**	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HĐ TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; sưu tầm và viết bài cảm nhận.

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Bài sưu tầm, bài viết của HS

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- GV giao nhiệm vụ:** + Vẽ sơ đồ tư duy bài học + Sưu tầm thêm một số bài thơ của Huy Cận trước cách mạng. Viết cảm nhận về các bài thơ đó.	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: (tiết sau)** + Vẽ đúng sơ đồ tư duy + Sưu tầm qua sách, mạng internet. Viết cảm nhận ngắn gọn, cảm xúc chân thành.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Huy Cận – Tác phẩm và lời bình
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)
- Văn bản văn học 11,…

V. RÚT KINH NGHIỆM

Tiết 75 - 76: TT tiết dạy theo KHDH

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

- HÀN MẶC TỬ -

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	+ Cảm nhận được bài thơ là bức tranh phong cảnh và cũng là tâm cảnh, thể hiện nỗi buồn cô đơn của Hàn Mặc Tử trong một mối tình xa xăm, vô vọng. Qua đó hiểu được lòng yêu thiên nhiên, cuộc sống và khát vọng hạnh phúc thiết tha của	**Đ1**

	Hàn Mặc Tử.	
2	+ Nhận biết sự vận động của tứ thơ, tâm trạng chủ thể trữ tình và bút pháp độc đáo, tài hoa của một nhà thơ mới.	**Đ2**
3	+ Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ hiện đại	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Đây thôn Vĩ Dạ* và các phẩm khác của Hàn Mặc Tử.	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: NHÂN ÁI		
10	+ Đồng cảm trước số phận và khát vọng hạnh phúc thiết tha của thi sĩ. + Bồi đắp lòng yêu thiên nhiên, yêu quê hương cho HS.	**NA**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10phút)	**Đ1, GQVĐ**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Hàn Mặc Tử, văn bản *Đây thôn Vĩ Dạ*.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả 2. Tác phẩm II.Đọc hiểu văn bản. 1. Cảnh ban mai thôn Vĩ và tình người tha thiết. 2. Cảnh hoàng hôn thôn Vĩ và nỗi niềm khổ đau, chia lìa. 3. Nỗi niềm thôn Vĩ. III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật:	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua

			động não.	quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ4, Đ5, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: *(Kết hợp trong quá trình dạy bài mới)*

2. Bài mới

TIẾT 1 :

HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG (CHO CẢ 2 TIẾT HỌC)

a. Mục tiêu: **Đ1, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: xem clip, nghe bài hát và trả lời câu hỏi

c.Sản phẩm :

+ Xứ Huế đẹp, mộng mơ; người xứ Huế dễ mến thân thương.

+ Cuộc đời tài hoa nhưng đầy bất hạnh, đau thương.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
 - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu 1 clip ngắn về xứ Huế trên nền bài hát "*Hàn Mặc Tử"*+ Câu hỏi thảo luận: *Em có cảm nhận gì về thiên nhiên xứ Huế và cuộc đời nhà thơ?* Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong phong trào thơ Mới, Hàn Mặc Tử là một nhà thơ khá đặc biệt. Nhớ đến Hàn Mặc Tử là nhớ đến một cuộc đời ngắn ngủi mà đầy bi kịch, nhớ đến một con người tài hoa mà đau thương tột đỉnh. Nhớ đến Hàn Mặc Tử cũng là nhớ đến những vần thơ như dính hồn và nhớ đến những câu thơ đau buồn mà trong sáng, tuy đầy hư ảo mà đẹp một cách lạ lùng. "Đây thôn Vĩ Dạ" là một bài thơ trong số không nhiều bài thơ như thế của Hàn Mặc Tử.*	**-HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. HOẠT ĐỘNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

a. Mục tiêu:Đ1, Đ2, Đ3, Đ5, GQVĐ

b. Nội dung: 2 nội dung: tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm :

1) Tác giả:

- Là nhà thơ có sức sáng tạo mãnh liệt trong phong trào Thơ mới *" Ngôi sao chổi trên b*

ầu trời thơ Việt Nam"(Chế Lan Viên)

- Ông có cảnh ngộ bất hạnh, sớm mất cha, mắc bệnh hiểm nghèo.

- Tác phẩm chính (SGK)

2) Tác phẩm

- Trích từ tập "thơ điên".

- Hoàn cảnh sáng tác: trong tập "Thơ điên "sáng tác năm 1938 được khơi nguồn từ mối tình đơn phương của Hàn Mặc Tử với Hoàng Thị Kim Cúc.

- Bố cục:

+ Khổ 1: cảnh Thôn Vĩ và niềm hy vọng tình yêu, hạnh phúc.

+ Khổ 2: Cảnh xứ Huế và nỗi buồn chia xa.

+ Khổ 3: Người con gái Huế, cảnh mộng và nỗi hoài nghi tuyệt vọng.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Trước hoạt động: Tìm đọc các tư liệu liên quan đến cuộc đời Hàn Mặc Tử? Ấn tượng của em về tác giả này? **Trong hoạt động**:*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà : ? Tìm hiểu tiểu dẫn SGK và trình bày những nét chính về tác giả ? **- GV nhận xét và kết luận.**	**- HS huy động kiến thức và trả lời.** **- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**

- Hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm. +Hãy nêu xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác của bài thơ? + Xác định nội dung chính cua từng khổ thơ trong bài thơ? **GV cho HS đọc bài thơ, hướng dẫn cách đọc**	**- HS suy nghĩ và trả lời** **HS sử dụng sgk.** **HS đọc bài thơ.**

2. HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

Nội dung 1: Tìm hiểu khổ 1 (Cảnh ban mai thôn Vĩ và tình người tha thiết)

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, DH-HT

b.Nội dung hoạt động: Tìm hiểu khổ 1 của bài thơ.

c.Sản phẩm:

Khổ 1: Cảnh ban mai thôn Vỹ và tình người tha thiết (15 phút)

- "*Sao anh....*" : Câu hỏi tu từ nhiều sắc thái : lời trách nhẹ nhàng hay cũng là lời mời gọi tha thiết.

- Cảnh thôn Vĩ: vẻ đẹp trữ tình, thơ mộng:

+ vẻ đẹp của nắng hàng cau - nắng mới lên gợi đúng đặc điểm của cái nắng miền Trung : nắng nhiều và chói chang , rực rỡ lúc hừng đông.

+ Vẻ đẹp mượt mà, tươi tốt ,dầy sức sống *Vườn ai mướt qua ,xanh như ngọc*.

- *Lá trúc .... mặt chữ điền:* bóng dáng con người xuất hiện tạo nên sự hấp dẫn cho lời mời gọi

=> *Vẻ đẹp hữu tình của thiên nhiên thôn Vĩ,* *cảnh xinh xắn , con người phúc hậu ,thiên nhiên và con người hài hòa với nhau trong vẻ đẹp kín đáo dịu dàng.* ***Đằng sau bức tranh phong cảnh là tình yêu thiên nhiên, con người tha thiếtvà niềm băn khoăn day dứt của tác giả***

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: Nêu cảm nhận ban đầu về bức tranh thiên người xứ Huế trong khổ 1? **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp trong bàn: + Câu hỏi mở đầu bài thơ có gì đặc biệt? + Cảnh Thôn Vĩ hiện lên như thế nào ? Bóng dáng của người con gái Huế xuất hiện gây thêm ấn tượng gì cho lời mời gọi?	- HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân) **HS sử dụng sgk** **- HS thảo luận theo cặp 5p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.**

3. HOẠT ĐỘNG 3: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CỦA TIẾT 1

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ

b. Nội dung: Quan sát 2 câu văn. Mỗi câu đều bị lược đi một số từ.

- Điền vào dấu 3 chấm.

c. Sản phẩm:

1. Cảnh thiên nhiên thôn vĩ hiện lên qua các hình ảnh: **nắng hàng cau, vườn ai, lá trúc che ngang mặt chữ điền**

*2.Vẻ đẹp hữu tình của thiên nhiên thôn Vĩ,cảnh**xinh xắn** , con người **phúc hậu**,thiên nhiên và con người **hài hòa** với nhau trong vẻ đẹp kín đáo dịu dàng.*

d. Các bước dạy học

GV chiếu câu văn chứa dấu "..." lên slide:

1. Cảnh thiên nhiên thôn Vĩ hiện lên qua các hình ảnh:....,....,....

2. Vẻ đẹp hữu tình của thiên nhiên thôn Vĩ,cảnh.... , con người...,thiên nhiên và con người... với nhau trong vẻ đẹp kín đáo dịu dàng.

HS quan sát, gấp sách lại và trả lời câu hỏi.

TIẾT 2:

HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN (TIẾP TIẾT 1)

Nội dung 2: Tìm hiểu cảnh hoàng hôn thôn Vĩ với nỗi niềm cô lẻ, chia lìa và nỗi niềm thôn Vĩ (Khổ 2, khổ 3).

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT

b. Nội dung hoạt động: thảo luận 2 nội dung: khổ 2 và khổ 3.

c. Sản phẩm:
Khổ 2 : Cảnh hoàng hôn thôn Vĩ và niềm đau cô lẻ , chia lìa

- Cảnh thôn Vĩ thật êm đềm thơ mộng , nhịp điệu khoan thai ,êm đềm : Gió mây nhè nhẹ bay đi ,dòng chảy lững lờ ,cây cỏ khẽ đung đưa

- Hình ảnh: Gió lối gió, mây đường mây biểu hiện của sự chia cách.

- Nhân hóa: Dòng nước làm nổi lên bức tranh thiên nhiên chia lìa buồn bã. Thể hiện sự chuyển biến về trạng thái cảm xúc của chủ thể trữ tình cảnh đẹp như lạnh lẽo, dường như phảng phất tâm trạng thờ ơ xa cách cuộc đời đối với mình

- Bến sông trăng: hình ảnh lạ, gợi lên vẻ đẹp lãng mạn,nhẹ nhàng,tất cả đang đắm chìm trong bồng bềnh mơ mộng,như thực như ảo

- Câu hỏi: Có chở.....→sáng lên hivọng gặp gỡ nhưng lại thành ra mông lung, xa vời

⇨ Cảm xúc chuyển biến đột ngột từ niềm vui của hi vọng gặp gỡ sang trạng thái lo âu đau buồn thất vọng khi tác giả nhớ và mặc cảm về số phận bất hạnh của mình. Ở đó ta còn thấy được sự khao khát tha thiết đợi chờ một cách vô vọng

3. Khổ 3: Nỗi niềm thôn Vĩ

- Mơ khách .....: Khoảng cách về thời gian, không gian.

- Áo em .....:hư ảo,mơ hồ→hình ảnh người xưa xiết bao thân yêu nhưng xa vời,không thể tới được nên t/g rơi vào trạng thái hụt hẫng,bàng hoàng, xót xa.

- Ai biết .....: biểu lộ nỗi cô đơn trống vắng trong tâm hồn của t/g đang ở thời kì đau thương nhất.Lời thơ bâng khuâng hư thực gợi nỗi buồn xót xa trách móc

⇨ Khi hoài niệm về quá khứ xa xôi hay ước vọng về những điều không thể nhà thơ càng thêm đau đớn. Điều đó chứng tỏ tình yêu tha thiết cuộc sống của một con người luôn có khát vọng yêu thương và gắn bó với cuộc đời.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: Đọc kĩ lại khổ thơ 2, 3; gạch chân những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc theo cảm nhận của anh/chị **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: **Nhóm 1:** Cảnh thôn Vĩ hiện lên như thế nào ở khổ 2, nó có sự khác biệt gì so với khổ 1? **Nhóm 2**: Nhận xét nghệ thuật miêu tả qua hình ảnh "gió", "mây", "sông", chỉ ra nét độc đáo của nó ? **Nhóm 3**: Nhận xét về cách sử dụng biện pháp tu từ trong khổ này ?Tâm trạng của chủ thể trữ tình thay đổi thế nào ? **Nhóm 4**: Hình ảnh bến sông trăng gợi cho em cảm giác gì về vẻ đẹp của thiên nhiên ? Đằng sau phong cảnh ấy là tâm sự gì của nhà thơ ?	HS hiện theo yêu cầu của GV. (HS suy nghĩ và làm việc cá nhân) **HS sử dụng sgk** **- HS thảo luận theo nhóm 5p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)**

GV yêu cầu HS sử dụng sgk - GV nhận xét, chốt kiến thức.	

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Đ4, Đ5, N1, GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: HS tư duy, động não để rút ra được:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

c. Sản phẩm

1. Nghệ thuật:

- Trí tưởng tượng phong phú.

- Nghệ thuật so sánh nhân hóa; thủ pháp lấy động gợi tĩnh, sử dụng câu hỏi tu từ,..

- Hình ảnh sáng tạo, có sự hòa quyện giữa thực và ảo.

2. ***Ý nghĩa văn bản:***

Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uổn khúc của nhà thơ.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:** **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?	- HS đọc lại bài vừa học **HS sử dụng sgk** **- HS làm việc cá nhân** **(Có thể sử dụng sơ đồ tư**

	duy để tổng kết)

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ4, N1

b. Nội dung hoạt động: Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

1/ Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên?

2/Xác định phép điệp trong câu thơ:*Mơ khách đường xa khách đường xa,*

Nêu hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng phép điệp đó ?

3/ Câu thơ *Ai biết tình ai có đậm đà?* đạt hiệu quả nghệ thuật như thế nào trong việc thể hiện tâm trạng của nhà thơ ?

Trả lời :

1/ Nội dung chính của đoạn thơ: Đoạn thơ thể hiện nỗ nhớ hình ảnh người thiếu nữ Huế và sự tuyệt vọng của thi nhân.

2/ Phép điệp trong câu thơ: điệp ngữ *khách đường xa* hai lần

Hiệu quả nghệ thuật: nhấn mạnh thêm nỗi xót xa, như lời thầm tâm sự của nhà thơ với chính mình. Trước lời mời của cô gái thôn Vĩ (Sao anh không về chơi thôn Vĩ), có lẽ nhà thơ chỉ là người khách quá xa xôi, hơn thế, chỉ là người khách trong mơ mà thôi. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự suy tư ấy, nhưng ở đây chủ yếu là mặc cảm về tình người.

3/ Câu thơ *Ai biết tình ai có đậm đà?* đạt hiệu quả nghệ thuật: nhà thơ đã sử dụng rất tài tình đại từ phiếm chỉ *ai* để mở ra hai ý nghĩa của câu thơ: nhà thơ làm sao mà biết được tình người xứ Huế có đậm đà không, hay cũng mờ ảo, dễ có chóng tan như sương khói kia; tuy vậy, người xứ Huế có biết chăng tình cảm của nhà thơ với cảnh Huế, người Huế hết sức thắm thiết, đậm đà? Dù hiểu theo nghĩa nào thì câu thơ cũng chỉ làm tăng nỗi cô đơn, trống vắng trong một tâm hồn tha thiết yêu thương con người và cuộc đời.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-GV giao nhiệm vụ: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi : *Mơ khách đường xa khách đường xa,* *Áo em trắng qúa nhìn không ra;* *Ở đây sương khói mờ nhân ảnh* *Ai biết tình ai có đậm đà?* (Trích Đây thôn Vĩ Dạ , Hàn Mặc Tử, Tr 39, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD 2007)	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

-Nội dung:Hàn Mặc Tử là con người dẫu chịu nhiều đau thương trong cuộc sống mà vẫn khát khao yêu thương, khát khao yêu cuộc đời. Từ đó, thí sinh bàn luận ý nghĩa của niềm khát khao đó, phê phán một bộ phận giới trẻ có tư tưởng bi quan, chán nản, mất phương hướng. Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-GV giao nhiệm vụ: Tình yêu cuộc sống của nhà thơ bất hạnh Hàn Mặc Tử đã gợi cho anh chị có suy nghĩ gì? Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng)	**- HS thực hiện nhiệm vụ** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

bày tỏ suy nghĩ của mình **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.**	

HOẠT ĐỘNGTÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: GQVĐ
b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; vẽ tranh
c. Sản phẩm:
- Sơ đồ tư duy bài học.
- Bài sưu tầm của HS

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV - HS	Hoạt động của HS
-GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Tìm đọc thêm một số bài thơ cùa Hàn Mặc Tử **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.**	- HS thực hiện nhiệm vụ. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (tiết sau).

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)
- Văn bản văn học 11,…

V. RÚT KINH NGHIỆM

Tiết 77: : TT tiết dạy theo KHDH

THAO TÁC LẬP LUẬN BÁC BỎ

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Thu thập thông tin liên quan đến thao tác lập luận bác bỏ	**Đ1**
2	Đọc – hiểu văn bản để tìm thao tác lập luận bác bỏ	Đ2
3	Nắm được yêu cầu và cách sử dụng thao tác lập luận bác bỏ trong văn nghị luận.	**Đ3**
4	Nhận diện phân tích thao tác lập luận bác bỏ trong văn bản nghị luận.	**Đ4**
5	Biết cách bác bỏ một ý kiến sai, thiếu chính xác về xã hội	**Đ5**

	hoặc văn học.	
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thao tác lập luận bác bỏ	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết về thao tác lập luận bác bỏ vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Nhận thức sâu sắc vai trò của thao tác bác bỏ, có ý thức vận dụng sáng tạo hiệu quả vào việc viết văn bản nghị luận . Bài học có ý nghĩa về đạo đức	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1.Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (07 phút)	**Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thao tác lập luận bác bỏ	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh

				giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận bác bỏ. II. Cách bác bỏ	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận bác bỏ	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo

				luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HĐ 1. KHỞI ĐỘNG.

a. Mục tiêu: **Đ1, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: HS vận dụng các thao tác lập luận đã học để giải quyết vấn đề.

c. Sản phẩm: Quan điểm và cách lập luận để bảo về quan điểm của HS

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- Trước hoạt động: Em hãy nhắc lại những thao tác lập luận đã học? **- Trong hoạt động**: GV đưa ra tình huống: Có người cho rằng *con người sống để ăn*. Nhưng có người nói ngược lại: *Ăn để sống*. Em đồng ý quan niệm nào? Hãy lập luận để bảo vệ quan điểm của mình. Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Lập luận bác bỏ rất cần thiết trong đời sống hiện nay, khi mà trong xã hội không khỏi những nhận định sai lầm, lệch lạc thậm chí phản cả các vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội…Vì vậy chúng ta phải kịp thời bác bỏ nhận định đó để bảo vệ các chân lí. Muốn bác bỏ ý kiến người khác cần phải có tri thức, biết cách bác bỏ.Để làm được điều này, ta tìm hiểu bài: thao tác lập luận bác bỏ.*	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

NỘI DUNG 1: MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU CỦA THAO TÁC LẬP LUẬN BÁC BỎ

a. Mục tiêu: **Đ1, Đ2, Đ3, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: gồm các nội dung: khái niệm thao tác lập luận bác bỏ, mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận bác bỏ.

c. Sản phẩm

1/ Khái niệm thao tác lập luận bác bỏ:

- Bác bỏ: bác đi,gạt đi,không chấp nhận ý kiến.
- Phản bác: Gạt bỏ bằng lí lẽ ý kiến,quan điểm của người khác

⇨ Bác bỏ là dùng lí lẽ và chứng cứ để gạt bỏ những quan điểm, ý kiến sai lệch hoặc thiếu chính xác,...từ đó nêu lên ý kiến của mình để thuyết phục người nghe, người đọc.

2/ Mục đích:

- Nhằm phê phán cái sai để bảo vệ chân lí của đời sống và chân lí của nghệ thuật.

3/ Yêu cầu:

- Chỉ ra cái sai hiển nhiên đó
- Dùng lí lẽ và dẫn chứng khách quan, trung thực để bác bỏ ý kiến, nhận định sai trái.
- Cần có thái độ khách quan, đúng mực, có văn hóa tranh luận.

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
Trước hoạt động : Em đã gặp tình huống nào sử dụng thao tác lập luận bác bỏ trong đời sống ? Hãy lấy một ví dụ cụ thể ?	HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**
Trong hoạt động :GV yêu cầu HS tìm hiểu mục I trong SGK **-GV yêu cầu hs tra từ điển Tiếng Việt nghĩa của từ bác bỏ,phản bác** Từ sự tra cứu đó, gv hình thành khái niệm cho hs bằng cách xét ví dụ trong sách(thảo luận theo cặp)	HS làm việc cá nhân **- HS làm việc theo cặp trong 4p** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

1.Thế nào là bác bỏ? Trong cuộc sống cũng như viết bài nghị luận, ta dùng thao tác bác bỏ nhằm mục đích gì? 2. Để bác bỏ thành công, cần nắm vững những yêu cầu nào? 3.Vì sao ta lại dùng thao tác lập luận bác bỏ? 4. Thái độ của chúng ta khi bác bỏ ý kiến của một ai đó phải ntn? **- GV chuẩn kiến thức.** **<u>Sau hoạt động</u>**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi. - Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ	

NỘI DUNG 2: CÁCH BÁC BỎ

a. Mục tiêu: Đ2, Đ4, Đ5, N1, GT-HT

b. Nội dung hoạt động: Sử dụng phương pháp hoạt động nhóm, kĩ thuật động não, trình bày một phút để giải quyết các nội dung: bố cục bài văn nghị luận bác bỏ, cách thức bác bỏ và giọng điệu của văn nghị luận bác bỏ.

c. Sản phẩm

* <u>Nl 1</u>:

Luận điểm bác bỏ:

Nguyễn Du là con bệnh thần kinh.

- Bác bỏ bằng cách phối hợp nhiều loại câu, nhất là câu hỏi tu từ và cách so sánh trí tưởng tượng của Nguyễn Du và trí tưởng các thi sĩ khác.

* <u>Nl2</u>:

- Nguyễn An Ninh bác bỏ ý kiến sai trái: Tiếng nước mình nghèo nàn.
- Bác bỏ bằng cách khẳng định ý kiến không có cơ sở mà bằng so sánh hai nền văn học Việt Trung để nêu câu hỏi tu từ: *"Phải quy lỗi cho sự nghèo nàn của ngôn ngữ hay sự bất tài của con người"*.

* <u>Nl3</u>:

- Ông Nguyễn Khắc Viện bác bỏ quan niệm sai trái: *"Tôi hút, tôi bị bệnh mặc tôi"*.
- Bác bỏ: bằng cách phân tích tác hại đầu đọc môi trường của những người hút thuốc lá gây ra cho những người xung quanh.

=> Kết luận:

1/ Bố cục bài văn nghị luận bác bỏ:
- Mở bài:Nêu rõ ý kiến sai lệch
- Thân bài:Dùng dẫn chứng kết hợp lí lẽ để bác bỏ
- Kết bài:Nêu ý kiến,quan điểm đúng hoặc rút ra bài học,việc làm cần thiết

2/ Cách thức bác bỏ:
- Nêu và phân tích quan điểm và ý kiến sai lệch, dẫn chứng minh hoạ tác hại của sai lầm,dẫn chứng trái ngược để phủ nhận,hoặc dùng lí lẽ trực tiếp phê phán sai lầm
- Khẳng định ý kiến,quan điểm đúng đắn của mình

3/ Giọng điệu của văn NL bác bỏ:
- Rắn rỏi,dứt khoát
- Mang tính chiến đấu,có tính thuyết phục cao

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Trước hoạt động : GV cho hs đọc tất cả những ví dụ trong SGK và tìm hiểu nội dung cơ bản của chúng. và trả lời những câu hỏi nêu bên dưới sau khi đã thảo luận thống nhất. **- Trong hoạt động :** Gv chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm nghiên cứu một ngữ liệu dựa vào việc trả lời các câu hỏi sau: Cho biết trong ba đoạn trích trên, luận điểm (ý kiến, nhận định, quan niệm…) nào bị bác bỏ? Bác bỏ bằng cách nào? - Hãy nêu cách thức làm một bài văn nghị luận bác bỏ? **- Sau hoạt động :** Khuyến khích HS xung phong trả lời và đưa ra kết luận.	HS làm việc cá nhân **- HS làm việc theo nhóm trong 5p** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: **Đ4,Đ5, N1, GT-HT**

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

Bài tập 1:

(1) Đoạn văn a:

− Tác giả bác bỏ quan niệm "đổi cứng ra mềm" của những kẻ sĩ cơ hội, cầu an.

− Bác bỏ bằng lí lẽ và dẫn chứng.

(2) Đoạn văn b:

− Tác giả bác bỏ quan niệm cho rằng "thơ là những lời đẹp".

− Bác bỏ bằng những dẫn chứng cụ thể.

* **Bài tập 2:**

− Khẳng định đây là một quan niệm sai về việc kết bạn trong lứa tuổi học trò.

− Phân tích "học yếu" không phải là một "thói xấu", mà chỉ là một "nhược điểm" chủ quan hoặc do những điều kiện khách quan chi phối (sức khoẻ, khả năng, hoàn cảnh gia đình…); từ đó phân tích nguyên nhân và tác hại của quan niệm sai trên.

− Khẳng định quan niệm đúng đắn là kết bạn với "những người học yếu" là trách nhiệm và tình cảm bạn bè nhằm giúp đỡ nhau cùng tiến bộ về mọi mặt, trong đó có mặt học tập.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-GV giao nhiệm vụ: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1+2: Bài tập 1** * Yêu cầu phân tích: − Vấn đề bị bác bỏ ở mỗi đoạn văn? − Cách bác bỏ của mỗi tác giả? **Nhóm 3+4: Bài tập 2** Trong lớp có bạn cho rằng: Không kết bạn với những người học yếu. Anh (chị) hãy bác bỏ quan niệm đó. **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.**	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: **Đ4, Đ5, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

-Nội dung:Suy nghĩ đó hoàn toàn sai lầm. Đội mũ bảo hiểm giúp bảo vệ chính bản thân người đội mũ khi đi lại ừên đường nếu chẳng may gặp phải tai nạn rủi ro. Các số liệu thống kê cũng cho thấy đội mũ bảo hiểm giúp giảm 30% thương vong do chấn thương sọ não ừong các vụ tai nạn giao thông. Vi vậy việc đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy là hết sức cần thiết.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-GV giao nhiệm vụ: Có người nói: "*Đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy là không cần thiết*". (Hoặc: "*Đã là đàn ông phải biết uống rượu*") Em hãy viết đoạn văn bác bỏ ý kiến đó. **- Nhận xét.** **(NL giải quyết vấn đề)**	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HĐTÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a. Mục tiêu: Đ5, GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Bài sưu tầm của HS

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Sưu tầm những đoạn văn nghị luận xã hội tiêu biểu có sử dụng thao tác lập luận bác bỏ (Tìm kiếm qua sách báo, mạng internet. Chú ý những ngữ liệu liên quan đến đời sống xã hội gần gũi với tuổi trẻ)	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau:** tư duy

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

V. RÚT KINH NGHIỆM

Tiết 78 : TT tiết dạy theo KHDH

LUYỆN TẬP THAO TÁC LẬP LUẬN BÁC BỎ

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Nắm được yêu cầu và cách sử dụng thao tác lập luận bác bỏ trong văn nghị luận.	**Đ1**
2	Đọc – hiểu văn bản để tìm thao tác lập luận bác bỏ	Đ2
3	Thu thập thông tin liên quan đến thao tác lập luận bác bỏ	**Đ3**
4	Nhận diện phân tích thao tác lập luận bác bỏ trong văn bản nghị luận.	**Đ4**
5	Biết cách bác bỏ một ý kiến sai, thiếu chính xác về xã hội hoặc văn học.	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thao tác lập luận bác bỏ	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết về thao tác lập luận bác bỏ vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Nhận thức sâu sắc vai trò của thao tác bác bỏ, có ý thức vận dụng sáng tạo hiệu quả vào việc viết văn bản nghị luận . Bài	**TN**

	học có ý nghĩa về đạo đức	

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1.Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu (STT của YCCĐ)	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (07 phút)	**Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thao tác lập luận bác bỏ	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Lí thuyết II. Bài tập	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ	Vấn đáp, dạy học nêu	Đánh giá qua hỏi đáp; qua

		năng	vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận bác bỏ	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.

a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: HS vận dụng các thao tác lập luận đã học để giải quyết vấn đề.

c. Sản phẩm

Thao tác lập luận bác bỏ

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- GV giao nhiệm vụ: *" ...Nhiều đồng bào chúng ta, để biện minh việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ, đã than phiền rằng tiếng nước mình nghèo nàn. Lời trách cứ này không có cơ sở nào cả. Họ chỉ biết những từ thông dụng của ngôn ngữ và còn nghèo những từ An Nam hơn bất cứ người phụ nữ và nông dân An Nam nào. Ngôn ngữ của Nguyễn Du nghèo hay giàu?* *Vì sao người An Nam có thể dịch những tác phẩm của Trung Quốc sang nước mình, mà lại không thể viết những tác phẩm tương tự?* *Phải quy lỗi cho sự nghèo nàn của ngôn ngữ hay sự bất tài của con người?* *Ở An Nam cũng như mọi nơi khác, đều có thể ứng dụng nguyên tắc này:* *Điều gì người ta suy nghĩ kĩ sẽ diễn đạt rõ ràng, và dễ dàng tìm thấy những từ để nói ra. ..."* (Nguyễn An Ninh, Tiếng mẹ đẻ – nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức Theo SGK Ngữ văn 11, Tập hai, NXB Giáo dục, 2014, tr. 90) Đoạn văn trên sử dụng thao tác lập luận gì? **Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài**: Ở tiết trước, chúng ta đã tìm hiểu kiến thức về thao tác lập luận bác bỏ. Hôm nay, chúng ta sẽ thực hành thao tác này để củng cố và khắc sâu kiến thức.	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

HĐ2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: lí thuyết và thực hành bài tập

c. Sản phẩm

I. Lí thuyết:

- Thế nào là bác bỏ?
- Mục đích, yêu câu của thao tác lập luận bác bỏ?
- Cách thực hiện thao tác lập luận bác bỏ?

II.Bài tập:

Bài tập 1:

1/Đoạn 1:Có quan niệm cho rằng cuộc sống riêng của mỗi người là đầy đủ tiện nghi, được bao bọc cẩn thận trong êm ấm và tuyệt đối không cần phải hiểu biết gì nhiều về xung quanh.

Ý kiến bác bỏ: Cho đó là sai lầm bởi vì nó làm nghèo nàn đi tâm hồn con người,con người sẽ không có khả năng tự bảo vệ mình khi đối diện với muôn vàn khó khăn của cuộc sống và như thế con người sẽ không thấy được giá trị của hạnh phúc

2/Đoạn 2: Ý bác bỏ thứ nhất thể hiện qua dạng câu hỏi tu từ biểu hiện cho thái độ khiêm tốn của QT

Ý bác bỏ thứ hai cho thấy rằng QT chỉ rõ được thái độ chưa hợp tác của các sĩ phu Bắc Hà chứ một đất nước không thể không có người tài,không có người trung thành tín nghĩa.

Bài tập 2:

1/Bác bỏ quan niệm thứ nhất:Nếu học thuộc nhiều sách,học thuộc nhiều thơ thì chỉ làm cho kiến thức chúng ta thêm phong phú chứ không thể rèn luyện tư duy,khả năng sáng tạo của người viết vì thế khi viết văn dễ sa vào rập khuôn,máy móc,thói khoe chữ cầu kì

2/Đề xuất vài kinh nghiệm:

-Đọc nhiều sách,nhớ những dẫn chứng hay

-Rèn khả năng hành văn

-Tìm tòi,phát hiện cái mới

Bài tập 3:Lập dàn ý:

a, Mở bài: Dẫn dắt nêu nhận xét khái quát về quan niệm cần bác bỏ.

b, Thân bài

- Khẳng định tính đúng sai của quan niệm: Quan niệm trên là hoàn toàn sai.

- Nguyên nhân dẫn đến quan niệm sai.

- Biểu hiện của quan niệm sai và tác hại của nó.

- Khẳng định một quan niệm về cách sống đúng: cách sống "sành điệu" của tuổi trẻ thời hội nhập là không ngừng học tập để có tri thức hiện đại, không ngừng rèn luyện để có sức khỏe tốt, có vốn hiểu biết và thích ứng nhanh với cuộc sống.

c, Kết bài

- Bài học rút ra từ kinh nghiệm trên.

- Mở rộng, liên hệ thực tế.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Trước hoạt động: GV yêu cầu HS ôn lại lí thuyết đã học 1.Thế nào là bác bỏ? Trong cuộc sống cũng như viết bài nghị luận, ta dùng thao tác bác bỏ nhằm mục đích gì? 2. Để bác bỏ thành công, cần nắm vững những yêu cầu nào? 3.Vì sao ta lại dùng thao tác lập luận bác bỏ? 4. Thái độ của chúng ta khi bác bỏ ý kiến của một ai đó phải ntn?	**I. Lí thuyết:** - Thế nào là bác bỏ? - Mục đích, yêu câu của thao tác lập luận bác bỏ? - Cách thực hiện thao tác lập luận bác bỏ?
Trong hoạt động : Gv hướng dẫn Hs làm **bài tập 1**(tr 31,sgk) theo nhóm : **Nhóm 1, 2** : tìm hiểu nội dung của đoạn 1 và chỉ ra cách thức bác bỏ Người viết bác bỏ vấn đề gì? Chứng minh cho vấn đề đó người viết đã dùng những luận cứ nào? **Nhóm 3, 4 :** Ở đoạn 2 ý kiến bác bỏ nhằm mục đích gì? Luận cứ đưa ra để bác bỏ vấn đề dựa trên suy nghĩ gì? **Bài tập 2 :** HS thảo luận theo nhóm	- HS thảo luận theo nhóm trong 5p. - Đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm. - Nhận xét chéo. - HS thảo luận theo cặp trong 5p.

bàn : Chọn một trong hai quan niệm để bác bỏ, rồi đề xuất thêm một vài kinh nghiệm khác. **Bài tập 3 :** HS tự lập dàn ý và viết bài nghị luận bác bỏ quan niệm trên **(HS về nhà làm)**	- 1-2 nhóm lên báo cáo kết quả thảo luận. - Nhận xét chéo. - HS về nhà làm bài tập 3 và báo cáo sản phẩm vào tiết sau.

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

Vũ Trọng Phụng đã phản bác trước ý kiến phê bình của Nhất Chi Mai:

+ Theo ông, tiểu thuyết là sự thực ở đời...

+ Không phải thơ văn của ông mang tư tưởng hấc ám, nhỏ nhen mà do thực trạng xã hội lúc bấy giờ thật sự đồi bại và o uế. Vì thế, ông không thể chỉ nói những lời hay ho, ca tụng cho văn chương được. Nếu như thế thì văn chương chỉ là giả dối, lừa gạt mà thôi.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: Chỉ ra cách lập luận bác bỏ của nhà văn Vũ Trọng Phụng trước ý kiến phê bình của Nhất Chi Mai (Nhất Linh) - Gv nhận xét, chuẩn kiến thức	**- Hs thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

a. Nhất Chi Mai (Nhất Linh) phê bình Vũ Trọng Phụng, năm 1937.

Đọc xong một đoạn văn, tôi thấy trong lòng phẫn uất, khó chịu, tức tối.
Không phải phẫn uất, khó chịu cái vết thương xã hội tả trong câu văn, mà chính là vì cảm thấy tư tưởng hắc ám, căm hờn nhỏ nhen ẩn trong đó.
... Đọc văn Vũ Trọng Phụng, thực không bao giờ tôi thấy một tia hy vọng, một tư

tưởng bi quan. Đọc xong ta tưởng nhân gian là một nơi địa ngục và xung quanh mình toàn là những kẻ giết người, làm đĩ, ăn tục, nói càn, một thế giới khốn nạn vô cùng.
Phải chăng đó là tấm gương phản chiếu tính tình, lí tưởng của nhà văn, một nhà văn nhìn thế giới qua cặp mắt kính đen và một cội nguồn văn cũng đen nữa.
b. Vũ Trọng Phụng đã phản bác lại cùng năm đó, 1937.
Khi dùng một từ bẩn thỉu tôi chẳng thấy khoái trá như khi các ông tìm được một kiểu áo phụ nữ mới mẻ, những lúc ấy, tôi chỉ thương hại cái nhân loại ô uế bẩn thỉu, nó bắt tôi phải viết như thế, và nó bắt các ông phải chạy xa sự thực bằng những danh từ điêu trá của văn chương. Các ông quen nhìn một cô gái nhảy là một phụ nữ tân thời, vui vẻ trẻ trung, hi sinh cho ái tình hoặc cách mạng lại gia đình. Riêng tôi, tôi chỉ thấy đó là một người đàn bà vô học, chẳng có thị vị, lại hư hỏng, lại bất hiếu bất mục nữa, lại có nhiều vi trùng trong người nữa. Tôi không biết gọi gái đĩ là nàng - chữ ấy nó thi vị lắm - hoặc tô điểm cho gái đĩ ấy những cái thi vị mà gái đĩ ấy không có, đến nỗi đọc xong truyện người ta chỉ thấy một gái đĩ làm gương cho thế gian noi theo!
... Đó, thưa các ông, cái chỗ bất đồng ý kiến giữa chúng ta!... Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi, muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời...
Hắc ám, có! Vì tôi vốn là người bi quan, căm hờn cũng có, vì tôi cho rằng cái xã hội nước nhà mà lại không đáng căm hờn, mà lại cứ "vui trẻ trung", trưởng giả, ăn mặc tân thời, khiêu vũ v.v...như các ông chủ trương thì một là không muốn cải cách gì xã hội, hai là ích kỉ một cách đáng sỉ nhục.
Còn bảo nhỏ nhen thì thì thế nào?
Tả thực cái xã hội khốn nạn, công kích cái xa hoa dâm đãng của bọn người có nhiều tiền, kêu ca những sự thống khổ của nhân dân nghèo bị bóc lột, bị áp chế, bị cưỡng bức, muốn cho xã hội công bình hơn nữa, đừng có chuyện ô uế, dâm đãng, mà bảo là nhỏ nhen, thì há dễ Zôla (Dôla), Hugo (Huygô), Mabraux (Mabrô), Dostoievski (Đôtstôiepski), Maxime Gorki (Maxim Gorki) lại không cũng là nhỏ nhen?
Nếu các ông không muốn sờ lên gáy thì thôi, bao nhiêu chuyện thanh cao, tao nhã, cao thượng của loài người xin các ông cố mà hương hoa khấn khứa. Tôi xin để cái phần ấy cho các ông. Riêng tôi, xã hội này, tôi chỉ thấy khốn nạn, quan tham lại những, đàn bà hư hỏng, đàn ông dâm bôn, một tụi văn sĩ đầu cơ xảo quyệt, mà cái xa hoa chơi bời của bọn giàu thì thật là những câu chửi rủa vào cái xã hội dân quê, thợ thuyền bị lầm than, bị bóc lột. Lạc quan được cho đời là vui, là không cần cải cách, cho cái xã hội này là hay ho tốt đẹp, rồi ngồi mà đánh phấn bôi môi hình

quả tim để đi đua ngựa, chợ phiên, khiêu vũ, theo ý tôi, thế là giả dối, là tự lừa mình và di hoạ cho đời, nếu không là vô liêm sỉ một cách thành thực.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức: đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

-Nội dung:Suy nghĩ đó hoàn toàn sai lầm. Người "ngáo đá" có triệu chứng của tâm thần dưới góc độ khoa học. Nhưng dưới góc độ pháp luật, "ngáo đá" chính là hậu quả của hành vi sử dụng ma túy gây ảo giác. Một khi đã xác định đây chính là hậu quả của hành vi sử dụng ma túy gây ảo giác thì phải giám định rất kỹ để đánh giá được việc sử dụng ra sao, mức độ ảnh hưởng thần kinh đến đâu. Vì thế, khi họ gây ra hậu quả thì cũng phải xử lí bình thường.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-GV giao nhiệm vụ: Có người nói: "*Những người phạm tội do ngáo đá gây ra thì không xử lý hình sự"*. Hãy nêu quan điểm của anh/ chị bằng một đoạn văn ngắn. Em hãy viết đoạn văn bác bỏ ý kiến đó.	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HĐ 5.TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a.Mục tiêu: GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.

- Bài sưu tầm của HS

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Sưu tầm những đoạn văn nghị luận xã hội tiêu biểu có sử dụng thao tác lập luận bác bỏ	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.**

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

V. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 79: TT tiết dạy theo KHDH

Ôn tập nâng cao: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp học sinh:

1. Kiến thức:

Vận dụng những kiến thức về bài học và các thao tác đã học: phân tích, so sánh,.. để làm bài

2. Kĩ năng:

- Củng cố, nâng cao các kĩ năng làm văn nghị luận văn học về các mặt: xác định vấn đề nghị luận, lập dàn ý, diễn đạt.

- Nâng cao khả năng cảm thụ văn học.

- Viết được bài văn nghị luận xã hội thể hiện ý kiến của mình một cách rõ ràng, mạch lạc**.**

3. Phẩm chất:

- Nhân ái.

- Chăm chỉ.

- Trách nhiệm

- Trung thực

* Cụ thể: Có thái độ học tập nghiêm túc biết nhận ra cái sai và sữa sai để làm bài sau tốt hơn.

4. Định hướng các năng lực cần hình thành

*** NL chung**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực tự quản bản thân, năng lực sáng tạo, năng lực công nghệ thông tin truyền thông…

*** NL đặc thù:**

- Năng lực đọc hiểu văn bản ngoài sgk

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội.

- Năng lực đánh giá bản thân.

B. THIẾT KẾ DẠY HỌC

I. Chuẩn bị của GV và HS

- Giáo viên: Đề bài ôn tập cho HS.

- Học sinh: SGK, vở viết trên lớp.

II.Tổ chức dạy và học

1.Ổn định lớp

2. Trả bài

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu của đề và lập dàn ý theo đáp án trình bày ở bài viết số 6. - Yêu cầu học sinh đọc lại đề bài - Xác định dạng đề, vân đề cần nghị luận và phạm vi dẫn chứng của vấn đề? - Với những yêu cầu trên bài viết đảm bảo những yêu cầu nào về kĩ năng, kiến	**I. Tìm hiểu đề, lập dàn ý bài văn:** **Đề bài**: **Biết tự hào về bản thân là cần thiết nhưng biết xấu hổ còn quan trọng hơn.** **Hãy viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ về ý kiến trên**. **1. Xác định yêu cầu đề:** - Dạng đề: nghị luận xã hội. - Vấn đề nghị luận: **Biết tự hào và biết xấu hổ trong cuộc sống** - Phạm vi dẫn chứng: Đời sống **2.Yêu cầu về kĩ năng** : - Biết cách làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí. - Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. **3. Yêu cầu về kiến thức**: *** Giải thích ý kiến:** – Biết tự hào về bản thân là thái độ hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có, về những đóng góp của mình cho cuộc sống; biết xấu hổ là cảm thấy hổ thẹn về

thức? - GV chốt lại các ý trọng tâm cần đạt. **<u>Hoạt động 2</u>:** GV nhận xét ưu khuyết điểm của học sinh.	sự kém cỏi và những lỗi lầm của mình trước người khác. – Nội dung ý kiến: Đề cao việc nhận thức đầy đủ, sâu sắc về bản thân, hướng đến sự hoàn thiện mình. *** Luận bàn về ý kiến:** – Khẳng định sự cần thiết của việc biết tự hào: biết tự khẳng định mình, giúp bản thân tự tin hơn trong cuộc sống và trong công việc, có thêm động lực để vươn tới những ước mơ lớn hơn. – Phê phán thái độ tự cao, tự đại (tự đánh giá mình quá cao, quá lớn vì thế mà trở nên hợm hĩnh). – Khẳng định sự cần thiết của việc biết xấu hổ: giúp con người có ý thức điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với những chuẩn mực đạo đức; biết xấu hổ còn quan trọng hơn biết tự hào bởi nó là biểu hiện của ý thức hoàn toàn tự giác, xuất phát từ lương tâm, giúp con người nâng cao năng lực và hoàn thiện nhân cách. – Phê phán thái độ tự ti, mặc cảm (tự đánh giá thấp bản thân nên thiếu tự tin). *** Bài học nhận thức và hành động:** - Nhận thức sâu sắc về những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. - Nghiêm khắc đối với chính mình; không ngừng rèn luyện, bồi dưỡng đạo

	đức nhân cách.

III.Hướng dẫn HS tự học

- Hoàn thiện bài viết và nộp đúng hạn.

IV. Rút kinh nghiệm

Tiết 80: TT tiết dạy theo KHDH

XUẤT DƯƠNG LƯU BIỆT

- Phan Bội Châu -

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	+ Cảm nhận được vẻ đẹp lãng mạn, hào hùng của nhà chí sĩ cách mạng đầu thế kỉ XX;	**Đ1**
2	+ Thấy được những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ, nhất là giọng thơ tâm huyết, sôi sục cua Phan Bội Châu	**Đ2**
3	+ Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ hiện đại	**Đ5**

6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Lưu biệt khi xuất dương* và các phẩm khác của Phan Bội Châu.	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	+Sống có lí tưởng hoài bão phấn đấu để đạt được lí tưởng ấy, bồi dưỡng lòng yêu nước nhiệt huyết cách mạng và có trách nhiệm trong xây dựng đất nước; + Ý thức về trách nhiệm của công dân với cộng đồng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc…	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (7phút)	**Đ1, GQVĐ**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Phan Bội Châu, văn bản *Lưu biệt khi xuất dương*.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.

HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)	**Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả 2. Tác phẩm II.Đọc hiểu văn bản. 1. Quan niệm về chí làm trai 2. khẳng định ý thức, trách nhiệm của cái tôi cá nhân trước thời cuộc. 3. Thái độ quyết liệt trước tình cảnh đất nước và những tín điều xưa cũ 4. Khát vọng và tư thế lên đường III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (5 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não.; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm)	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ4, Đ5, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá.

				Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng quan sát, kĩ thuật động não, trình bày một phút để đoán đúng tên tác giả và tên tác phẩm.

c. Sản phẩm

Phan Bội Châu

Phan Châu Trinh

- Ghép tên tác giả và tác phẩm: Phan Bội Châu - Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác; Phan Châu Trinh - Đập đá ở Côn Lôn.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép *** HS:** + Nhìn hình đoán tác giả *Phan Bội Châu* + Lắp ghép tác phẩm với tác giả Từ đó, giáo viên giới thiệu **Vào bài**: *Phan Bội Châu câu thơ dậy sóng/ Bạn cùng ai đất khách dãi dầu?*(Tố Hữu, Theo chân Bác) *Đó là những lời đánh giá rất cao về con người và thơ văn của nhà cách mạng Viêt Nam kiêt xuất nhất 25 năm đầu thế kỉ XX. Trong buổi từ biêt anh em đồng chí, trước khi bí mật lên đường sang Nhật Bản tổ chức và chỉ đạo phong trào Đông du (1905 - 1908), Phan Bội Châu đã cảm hứng viết bài thơ này.*	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC
1. HOẠT ĐỘNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

a. Mục tiêu:Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ

b. Nội dung:trả lời câu hỏi cho2 nội dung: tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm :

1. Tác giả:

- Phan Bội Châu (1867 - 1940)
- Quê: Đan Nhiễm – Nam Đàn – Nghệ An.
- Là một người yêu nước và cách mạng "vị anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập"
- Là nhà thơ, nhà văn, là người khơi nguồn cho loại văn chương trữ tình.

2. Tác phẩm:

- ***Hoàn cảnh ra đời:*** Năm 1905, trước lúc lên đường sang Nhật Bản, ông làm bài thơ này để từ giã bạn bè, đồng chí.
- ***Hoàn cảnh lịch sử:*** Tình hình chính trị trong nước đen tối, đất nước đã mất chủ quyền, tiếng mõ Cần Vương đã tắt, các phong trào yêu nước thất bại, ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản từ nước ngoài tràn vào.
- Thể thơ: Chữ Hán, Thất ngôn bát cú Đường luật
- Đề tài: Lưu biệt
- Bố cục: đề, thực, luận, kết

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
Trước hoạt động: Qua bài Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác, em có ấn tượng gì về nhà thơ, nhà yêu nước Phan Bội Châu?	**- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.**
Trong hoạt động:*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà :	**- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**
? Tìm hiểu tiểu dẫn SGK và trình bày những nét chính về tác giả ?	
- GV nhận xét và kết luận.	
- Hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm.	
+Hãy nêu hoàn cảnh ra đời, đề tài, thể thơ của bài thơ ?	
+ Theo em, bài thơ có thể chia bố cục như thế nào?	
GV cho HS đọc bài thơ, hướng dẫn cách đọc	**- HS suy nghĩ và trả lời** **HS sử dụng sgk.**

	HS đọc bài thơ.

2. HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật động não để tìm hiểu chi tiết bài thơ theo bố cục Đề - thực - luận - kết.

c. Sản phẩm

1. Hai câu đề: quan niệm mới về "Chí làm trai"

- Tác giả nêu lên quan niệm mới: là đấng nam nhi phải sống cho ra sống, mong muốn làm nên điều kì lạ " yếu hi kì" túc là phải sống cho phi thường hiển hách, dám mưu đồ xoay chuyển càn khôn.

→ Câu thơ thể hiện một tư thế, một tâm thế đẹp về chí nam nhi phải tin tưởng ở mức độ và tài năng của mình.

=> Tuyên ngôn về chí làm trai.

* Phiếu học tập:

Tác giả	Chí làm trai
Phạm Ngũ Lão	*Công danh nam tử còn vương nợ...chuyện Vũ Hầu*
Nguyễn Công Trứ	*Chí làm trai nam, bắc, đông tây*
Phan Bội Châu	*Làm trai phải lạ...*

2. Hai câu thực: khẳng định ý thức trách nhiệm của *cái tôi* cá nhân trước thời cuộc

- Câu 3: *"Tu hữu ngã"* (phải có trong cuộc đời) → ý thức trách nhiệm của cái tôi cá nhân trước thời cuộc, không chỉ là trách nhiệm trước hiện tại mà còn trách nhiệm trước lịch sử của dân tộc "thiên tai hậu" (nghìn năm sau)
- Câu 4: tác giả lại chuyển giọng nghi vấn (cánh vô thuỳ - há không ai?). Đó chỉ là cách nói nhằm khẳng định cương quyết hơn khát vọng sống hiển hách, phi thường, phát huy hết tài năng trí tuệ dâng hiến cho đời.

→ Đó là ý thức sâu sắc thể hiện vai trò cá nhân trong lịch sử: sẵn sàng gánh vác mọi trách nhiệm mà lịch sử giao phó.

3. Hai câu luận: thái độ quyết liệt trước tình cảnh đất nước và những tín điều xưa cũ.

- Nêu lên tình cảnh của đất nước: *"non sông đã chết"* và đưa ra ý thức về lẽ vinh nhục gắn với sự tồn vong của đất nước, dân tộc.
- Đề xuất tư tưởng mới mẻ, táo bạo về nền học vấn cũ: *"hiền thánh còn đâu học cũng hoài"*

=> Bộc lộ khí phách ngang tàng, táo bạo, quyết liệt của một nhà cách mạng tiên phong: đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết.

* Hoàn thành phiếu học tập:

Tác giả	Quan niệm Sống-Chết
Trần Quốc Tuấn (trong Hịch tướng sĩ)	*Nay các ngươi ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo; thân chịu quốc sỉ mà không biết thẹn*
Nguyễn Đình Chiểu (trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)	*Sống làm chi theo quân tà đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc, thấy lại thêm buồn - Sống làm chi ở lính mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ...*
Phan Bội Châu	*Non sông đã mất, sống thêm nhục*

4. Hai câu kết: Tư thế và khát vọng buổi lên đường.

- *"Trường phong"*(ngọn gió dài)
- *"Thiên trùng bạch lãng"* (ngàn lớp sóng bạc)

→ Hình tượng kì vĩ.

- Tư thế: *"nhất tề phi"(*cùng bay lên)

=> Hình ảnh đầy lãng mạn hào hùng, đưa nhân vật trữ tình vào tư thế vượt lên thực tại đen tối với đôi cánh thiên thần, vươn ngang tầm vũ trụ. Đồng thời thể hiện khát vọng lên đường của bậc đại trượng phu hào kiệt sẵn sàng ra khơi giữa muôn trùng sóng bạc tìm đang cứu sống giang sơn đất nước.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**
- Trước hoạt động*:* Đọc cả bản phiên âm chữ Hán, bản dịch nghĩa và bản dịch thơ. Trọng tâm là bản dịch thơ. Chú ý thể hiện giọng thơ tâm huyết, lôi cuốn, hào hùng nhưng vẫn giữ đúng vần, nhịp của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.	<u>HS làm việc cá nhân</u> **HS sử dụng sgk**

+ Giải thích từ khó: Theo chú thích dưới chân trang. **- Trong hoạt động:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1:** -Tư duy mới mẻ, khát vọng hành động của nhà chí sĩ cách mạng trong buổi ra đi tìm đường cứu nước được biểu lộ trong 2 câu thơ đầu như thế nào? - Quan niệm của cụ Phan về chí làm trai có gì mới mẻ, táo bạo so với tiền nhân? (trả lời qua PHT)	**- HS thảo luận theo nhóm 5p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **<u>(Nhóm dùng giấy A0, PP...)</u>**

Tác giả	Chí làm trai
Phạm Ngũ Lão	
Nguyễn Công Trứ	
Phan Bội Châu	

Nhóm 2: Em hiểu *khoảng trăm năm* (ư bách niên) là gì? Cái "tôi" xuất hiện như thế nào?Đây có phải là cái "tôi" hoàn toàn mang tính chất cá nhân hay không? Vì sao?Sự chuyển đổi giọng thơ đang từ khẳng định (câu 3) sang giọng nghi vấn (câu 4: *há không ai? - cánh vô thuỳ?)* có ý nghĩa gì?

Nhóm 3: -Tác giả đặt ra những vấn đề gì mới *ở* hai câu 5-6?Tại sao nói quan niệm và tư duy của Phan Bội Châu hết sức mới mẻ?Có phải tác giả hoàn toàn phủ <u>nh</u>ận thánh hiền trong khi bản thân là bậc nhà Nho?

- GV cho HS hoàn thành phiếu học tập. Từ đó, HS phát hiện sự mới mẻ trong tư tưởng của PBC

Tác giả	Quan niệm Sống- Chết
Trần Quốc Tuấn (trong *Hịch tướng sĩ)*	

	Nguyễn Đình Chiểu (trong *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)*		
	Phan Bội Châu		
Nhóm 4: - Hai câu kết thể hiện khát vọng hành động và tư thế của người ra đi như thế nào? (Chú ý không gian được nói đến, hình tượng thơ có gì đặc biệt, biện pháp tu từ và so sánh phần dịch thơ với nguyên tác ở câu 8).			

3. HOẠT ĐỘNG 3: TỔNG KẾT

a. Mục tiêu*:* Đ4, Đ5, N1

b.Nội dung hoạt động: 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

c. Sản phẩm

1. Nghệ thuật:
-Ngôn ngữ khoáng đạt: hình ảnh kì vĩ sánh ngang tầm vũ trụ -> chí khí, quyết tâm, khát vọng.
-Giọng thơ tâm huyết sâu lắng mà sục sôi, hào hùng →động từ mạnh, ngắt nhịp dứt khoát, câu khẳng định, từ tình thái -->lời thơ rắn rỏi, cảm xúc mãnh liệt.
2. Ý nghĩa văn bản:
Bài thơ thể hiện lí tưởng cứu nước cao cả, nhiệt huyết sôi sục, tư thế đẹp đẽ và khát vọng lên đường cháy bỏng của nhà chí sĩ cách mạng trong buổi đầu ra đi tìm đường cứu nước.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học	- HS đọc lại bài vừa học **HS sử dụng sgk**

Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi: **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?	**- HS làm việc cá nhân** **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: **Đáp án: 1d,2b,3b**

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
B1: GV chia lớp thành 4 nhóm,cùng làm bài tập trắc nghiệm, nhóm nào có tín hiệu trước sẽ trả lời. **B2:** Các nhóm thảo luận thống nhất đáp án. **B3**: Nhóm có đáp án nhanh nhất cử đại diện trình bày,nhóm khác nhận xét bổ sung. **GV giao nhiệm vụ:** 1.Câu nào dưới đây có ý nghĩa giống với câu "Há để càn khôn tự chuyển dời" ? a. Chí làm trai nam, bắc, tây, đông - Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn biển (Nguyễn Công Trứ) b. Công danh nam tử còn vương nợ - Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu (Phạm Ngũ Lão)	**- HS thực hiện nhiệm vụ** **- HS báo cáo kết quả và thảo luận**

c. Làm trai cho đáng nên trai - Phú Xuân đã trải, Đồng Nai đã từng (Ca dao) d. Giang sơn còn tô vẽ mặt nam nhi - Sinh thời thế phải xoay nên thời thế (Phan Bội Châu) 2.Câu thơ nào nói đến khát vọng lưu danh thiên cổ ? a. ư bách niên trung tu hữu ngã b. Khởi thiên tải hậu cánh vô thùy c. Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế d. Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si 3. Câu thơ nào bộc lộ khát vọng tìm con đường mới để cứu nước của một nhà nho ngang tàng, táo bạo ? a. Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế b. Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si c. Nguyện trục trường phong Đông hải khứ d. Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi **- GV nhận xét, tổng kết**	

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: **Đ5, V1, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

1/ Văn bản trên có chủ đề: Bài thơ thể hiện chí làm trai tiến bộ, khát vọng mãnh liệt, ý thức cá nhân và trách nhiệm cao cả, tư thế hăm hở ra đi hoà với vũ trụ…của nhà chí sĩ cách mạng trong buổi ra đi tìm đường cứu nước.

Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật.

2/ Nhân vật trữ tình trong bài thơ là Phan Bội Châu. Những cung bậc tình cảm chính của nhân vật trữ tình : đau đớn trước việc đất nước chìm đắm trong cảnh nô lệ ; lạc quan, quyết tâm hành động để giải phóng dân tộc.

3/ Chất thơ hùng tráng trong hai câu thơ kết :

- Chất thơ thể hiện ở không gian hết sức hùng vĩ:*bể Đông;muôn trùng sóng bạc*

- Chất thơ còn thể hiện ở hình ảnh con người với những hành động hết sức hăm hở, mạnh mẽ, cùng bay lên với hàng ngàn con sóng bạc đầu. Con người không

bị chìm khuất, biến mất trong không gian cao rộng. Trái lại, họ vượt lên rất chủ động, mạnh mẽ với một nội lực hùng hậu để thực hiện khát vọng làm nên điều kì lạ mà nhà thơ đã nói đến trong câu thơ mở đầu.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
- Nhiệm vụ 1: Từ bài thơ, em có suy nghĩ gì về trách nhiệm của tuổi trẻ hiện nay với Tổ quốc? ***- Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi từ 1 - 3:*** 1/ Nêu chủ đề và thể thơ của văn bản? 2/ Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?Hãy chỉ ra những cung bậc tình cảm chính của nhân vật trữ tình ấy. 3/ Trình bày chất thơ hùng tráng trong hai câu thơ kết ?	***- Thực hiện nhiệm vụ*** ***- Báo cáo kết quả và thảo luận***

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a.Mục tiêu: Đ5, V1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; viết đoạn văn

c. Sản phẩm:

+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy

+ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

-Nội dung : Từ quan niệm mới mẻ của Phan Bội Châu về *chí làm trai* trong văn bản là phải thấy rõ trách nhiệm của mình với cộng đồng, biết dứt khoát từ bỏ cái học từ chương, sách vở, học sinh bày tỏ suy nghĩ của bản thân về *chí làm trai* đối với tuổi trẻ hôm nay. Đó là sống có lí tưởng, ước mơ, gắn trách nhiệm giữa cá nhân với Tổ quốc, đất nước...Phê phán một bộ phận thanh niên sống không có lí tưởng, xa rời thực tế, thờ ơ với vận mệnh dân tộc. Rút ra bài học nhận thức và hành động.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học**	- HS thực hiện nhiệm vụ. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

+ Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về *chí làm trai* đối với thanh niên ngày nay.	

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giáo trình *Văn học hiện đại Việt Nam*
- *Giảng văn văn học Việt Nam*
- *Phan Bội Châu – Tác giả và tác phẩm*
- *Thiết kế bài giảng Ngữ văn 11, tập hai*

V. RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY

Tiết 81: TT tiết dạy theo KHDH

CHIỀU TỐI

- Hồ Chí Minh -

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	+Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thơ Hồ Chí Minh + Cảm nhận được lòng nhân ái đến mức quên mình và tinh thần lạc quan cách mạng luôn luôn hướng về sự sống ánh sáng tương lai .Sự kết hợp giữa chiến sĩ và thi sĩ	**Đ1**
2	+ Phân tích được hoàn cảnh sáng tác, đề tài, giá trị tập thơ *Nhật kí trong* tù và bài thơ *Chiều tối.*	**Đ2**
3	+ Nhận xét được những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong việc thể hiện nội dung văn bản. Thấy rõ được vẻ đẹp của thơ	**Đ3**

	HCM: sự kết hợp hài hòa giữa màu sắc cổ điển và hiện đại, giữa chất thép và chất tình.	
4	+ Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.	**Đ5**
6	Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Chiều tối* và các tác phẩm khác trong tập *Nhật kí trong tù*	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	- Sống có lí tưởng hoài bão phấn đấu để đạt được lí tưởng ấy, bồi dưỡng lòng yêu nước nhiệt huyết cách mạng và có trách nhiệm trong xây dựng đất nước; - Ý thức về trách nhiệm của công dân với cộng đồng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc…	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (7phút)	**Kết nối - Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả Hồ Chí Minh, tác phẩm *Chiều tối*.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I.Tìm hiểu chung. 1. Tác giả 2. Tác phẩm II. Đọc hiểu văn bản. 1. Bức tranh thiên nhiên chiều muộn nơi núi rừng 2. Bức tranh cuộc sống ở vùng sơn cước III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ

			.	của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ5, V1**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình;	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: HS vận dụng các kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm

+ Một số tác phẩm thơ của HCM:
++ Lớp 7: *Cảnh khuya* và *Rằm tháng giêng*
++ *Lớp 8: Tức cảnh Pác Pó - Ngắm trăng- Đi đường*
Mở đầu tập "Nhật kí trong tù", HCM viết:

"Ngâm thơ ta vốn không ham

Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây

Ngày dài ngâm ngợi cho khuây

Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do."

Đó chính là những lời tâm sự mộc mạc khiêm nhường của chiến sĩ, thi sĩ HCM trong tập "Ngục trung nhật kí". Song nói như nhà văn Lỗ Tấn: "*Bắt nguồn từ mạch nước chảy ra đều là nước, bắt nguồn từ mạch máu chảy ra đều là máu*"; bắt nguồn từ một tâm hồn lớn, một nhân cách lớn thì dù không chủ ý trở thành nhà thơ song những vần thơ của Bác trong tập "Nhật kí trong tù" vẫn ngời sáng vẻ đẹp của truyền thống và hiện đại.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	***Hoạt động của HS***
- GV giao nhiệm vụ: + Kể tên những tác phẩm thơ của Hồ Chí Minh mà em đã được học trong các lớp dưới? + Qua những bài thơ đó, em thấy những vẻ đẹp nào trong tâm hồn Người? +Trong số các bài thơ đó, những bài thơ nào được trích trong tập thơ *Nhật kí trong tù*? Trình bày hoàn cảnh sáng tác và nội dung chính của tập *Nhật kí trong tù*? GV dẫn vào bài: Hôm nay, cô và các em sẽ tìm hiểu bài thơ "Chiều tối" để thấy được vẻ đẹp cổ điển và hiện đại cũng như tinh thần lạc quan yêu đời vượt lên trên hoàn cảnh của Hồ Chí Minh.	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, GQVĐ

b. Nội dung: trả lời câu hỏi cho2 nội dung: tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm :

1/ Tác giả

- Hồ Chí Minh (1890-1969), *lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân Việt Nam, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, Người đã hiến dâng toàn bộ cuộc đời mình cho độc lập của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân.*

2/ Tác phẩm

a. Giới thiệu về tập thơ "Nhật kí trong tù"

- Hoàn cảnh sáng tác:
- Giá trị nội dung:
+ Giá trị hiện thực:
+ Giá trị tinh thần:
- Giá trị nghệ thuật:
+ Đậm màu sắc cổ điển.
+ Thể hiện tinh thần hiện đại.

b. Bài thơ "chiều tối"

- Hoàn cảnh sáng tác:Bài thơ thứ 31 gợi cảm hứng từ một buổi chiều tối tác giả bị giải từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
- Trước hoạt động: GV yêu cầu HS giới thiệu sơ nét về tác giả Hồ Chí Minh, nhấn mạnh những kiến thức cần nắm về tác giả.	**- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.**
- Trong hoạt động:*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà : + Những hiểu biết của em về tập thơ " Nhật kí trong tù" ? + GV: Nêu hoàn cảnh sáng tác	**- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút** **- HS suy nghĩ và trả lời**

bài thơ "Chiều tối" ? **GV cho HS đọc bài thơ, hướng dẫn cách đọc**	**HS sử dụng sgk.** **HS đọc bài thơ.**

Nội dung 2: Đọc hiểu chi tiết văn bản

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2,Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: Kết hợp hoạt động nhóm và hoạt động cá nhân để tìm hiểu chi tiết văn bản với hai nội dung: Bức tranh thiên nhiên chiều muộn nơi núi rừng và bức tranh cuộc sống vùng sơn cước.

c. Sản phẩm

1/ Bức tranh thiên nhiên chiều muộn nơi núi rừng

- Bức tranh thiên nhiên chiều muộn:

+ Hình ảnh: cánh chim mệt mỏi tìm chốn ngủ, chòm mây cô đơn trôi lững lờ giữa tầng không.

+ "quyện điểu", "cô vân" thể hiện chất liệu cổ điển của bài thơ.

- Sự vận động: "Tầm túc thụ, độ thiên không" là sự di chuyển có định hướng

→ Câu thơ có sự kết hợp giữa cổ điển và hiện đại.

- **Vẻ đẹp tâm hồn, tình yêu thiên nhiên và phong thái ung dung, tự tại trong mọi hoàn cảnh.**

⇨Với cách miêu tả chấm phá, thiên nhiên buổi chiều tối được gợi lên đẹp nhưng đượm buồn. Thể hiện lòng yêu thiên nhiên và phong thái ung dung, tự tại trong mọi hoàn cảnh.

2. Bức tranh cuộc sống ở vùng sơn cước.

- *Cô em xóm núi xay ngôtối*: vẻ đẹp khỏe khoắn của người con gái xóm núi đang xay ngô bên lò than. Cuộc sống đời thường đem lại cho người tù hơi ấm, niềm vui.

- Biện pháp điệp vòng - vòng quay của công việc. Câu thơ không nói đến cái tối mà vẫn gợi được tối.

- **Sự vận động của tự nhiên cũng là sự vận động của tư tưởng, hình tượng thơ HCM:Chiều chuyển dần sang tối nhưng bức tranh thơ lại mở ra bằng ánh sáng rực hồng.**

- Nghệ thuật sử dụng nhãn tự ***"hồng"*** làm ta có cảm giác cái nóng ấm bao trùm bài thơ, câu thơ rực lên sắc màu tha thiết tin yêu cuộc sống.

- Cùng với sự vận động của thời gian là sự vận động của mạch thơ, tư tưởng người làm thơ: từ tối đến sáng, từ tàn lụi đến sinh sôi, từ buồn sang vui, từ lạnh lẽo cô đơn sang ấm nóng tình người.

⇨ Lòng yêu thương cuộc sống, con người của Bác; sự vận động có chiều hướng lạc quan bởi luôn hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Trước hoạt động*:* Đọc cả bản phiên âm chữ Hán, bản dịch nghĩa và bản dịch thơ. Trọng tâm là bản dịch thơ. **+ Giải thích từ khó**: Theo chú thích dưới chân trang. **- Trong hoạt động:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: + **Nhóm 1:***Bức tranh thiên nhiên được miêu tả thông qua hình ảnh nào ở 2 câu thơ đầu ? Hình ảnh đó có ý nghĩa như thế nào?* **+ Nhóm 2:***Hình ảnh ở câu thơ thứ ba có gì khác so với hình ảnh trong hai câu thơ đầu ? So với thơ cổ điển, hình ảnh đó có điểm gì giống và khác nhau?Ý nghĩa của hình ảnh ấy?* **+ Nhóm 3:***Cụm từ "ma bao túc – bao túc ma" sử dụng biện pháp nghệ thuật gì ? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy?* **+ Nhóm 4:** *Phân tích ý nghĩa từ "hồng" khép bài thơ?* - GV nhận xét, chuẩn kiến thức	HS làm việc cá nhân **HS sử dụng sgk** **- HS thảo luận theo nhóm 5p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)**

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu*:* **Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**

b.Nội dung hoạt động: 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

c. Sản phẩm

1. Nghệ thuật:

- Từ ngữ cô đọng, hàm súc.
- Thủ pháp đối lập, điệp liên hoàn,..

2. ***Ý nghĩa văn bản:***

Vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách nghệ sĩ- chiến sĩ Hồ Chí Minh: yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu cuộc sống; kiên cường vượt lên hoàn cảnh, luôn ung dung, tự tại lạc quan trong mọi cảnh ngộ đời sống

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:** **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?	- HS đọc lại bài vừa học **HS sử dụng sgk** **- HS làm việc cá nhân** **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm

1/ Thể của bài thơ: thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

2/ Phép điệp ở hai câu thơ 3 và 4 phần phiên âm : *ma bao túc-bao túc ma.* Đó là phép điệp ngữ bắt cầu vắt dòng.

Hiệu quả nghệ thuật của phép điệp đó :

-Diễn tả vòng quay cối xay ngô của *sơn thôn thiếu nữ*, một động tác lao động nặng nhọc, đều đều, thể hiện sự kiên nhẫn, cần cù của người lao động ;

- Sự thu nhỏ không gian từ bầu trời cao rộng thu vào cảnh bếp lửa hồng ;
- Sự chuyển vận của thời gian tự nhiên từ chiều sang tối qua sự chuyển vận của những vòng quay cối xay ngô ;

-Mang lại chút hơi ấm của cuộc sống con người cho người tù cả ngày vất vả.

3/ Trong hai câu thơ cuối, những hình ảnh đã làm cho tâm trạng tác giả thay đổi : hình ảnh con người và ánh sáng.

Ý nghĩa của những hình ảnh đó :

- Con người: đó là người con gái xay ngô chuẩn bị cho bữa ăn chiều. Cô là hình ảnh trung tâm trong bức tranh chiều tối. Dáng dấp của cô, động tác của cô mang đến một màu sắc khoẻ khoắn cho bức tranh thơ.

- Hình ảnh : đó là lò than *rực hồng*. Đây là hình ảnh kết thúc bài thơ đã làm toả sáng cả không gian, làm ấm nóng tâm trạng nhà thơ, không còn cảm giác mệt mỏi, buồn bã, thay vào đó là một niềm vui với sự sống.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-GV giao nhiệm vụ: 1/ Nêu thể thơ của bài thơ ? 2/ Xác định phép điệp ở hai câu thơ 3 và 4 phần phiên âm. Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép điệp đó. 3/ Trong hai câu thơ cuối, những hình ảnh nào đã làm cho tâm trạng tác giả thay đổi ? Nêu ý nghĩa của những hình ảnh đó. **- Nhận xét, chuẩn kiến thức.**	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: **Đ2, Đ4, Đ5, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:.

+ Chim mỏi cũng giống với hình ảnh người tù, đầy mỏi mệt trong một chặng đường xa khi chiều buông xuống. Chòm mây cô đơn là hình ảnh người tù không có ai bên cạnh, không có người đồng điệu với nhịp điệu tâm hồn.

+ Có được một chốn nghỉ ngơi, biết nơi mình sẽ đến, dù mệt mỏi nhưng chắc chắn sẽ đến nơi. Chòm mây cô độc nhưng chòm mây được tự do, được ung dung tự tại

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-GV giao nhiệm vụ: Có ý kiến cho rằng cảnh thiên nhiên trong 2 câu thơ đầu vừa tương phản, vừa tương đồng với nhân vật trữ tình. Ý kiến của em như thế nào? **- Nhận xét, chuẩn kiến thức.**	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a. Mục tiêu: Đ5, V1

b.Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; sưu tầm, xem phim, viết cảm nhận

c.Sản phẩm:

+ Vẽ đúng bản đồ tư duy

+ Bài cảm nhận về Hồ Chí Minh khoảng 1 trang giấy vở.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-GV giao nhiệm vụ: + Vẽ sơ đồ tư duy bài học + Sưu tầm, xem phim *Chân dung một con người*. Viết bài cảm nhận sau khi xem phim	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau.**

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)

- Văn bản văn học 11,…

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Tiết 82: TT tiết dạy theo KHDH

TỪ ẤY

- Tố Hữu -

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến thơ Tố Hữu + Thấy rõ niềm vui sướng, say mê mãnh liệt của Tố Hữu trong buổi đầu gặp gỡ lí tưởng cộng sản và tác dụng kì diệu của lí tưởng cộng sản với cuộc đời nhà thơ.	**Đ1**
2	+ Phân tích được hoàn cảnh sáng tác, đề tài, sự kiện và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm	**Đ2**
3	+ Nhận xét được những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong việc thể hiện nội dung văn bản: Hiểu được sự vận động của các yếu tố trong thơ trữ tình: tứ thơ, hình ảnh, ngôn ngữ, nhịp điệu,…trong việc làm nổi bật tâm trạng của cái tôi nhà thơ.	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ ca cách mạng.	**Đ5**
6	Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề	**N1**

	thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Từ ấy*và các tác phẩm khác của Tố Hữu nói riêng.	
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	- Nhận thức vai trò của Đảng; - Sống có lí tưởng hoài bão phấn đấu để đạt được lí tưởng ấy, bồi dưỡng lòng yêu nước nhiệt huyết cách mạng và có trách nhiệm trong xây dựng đất nước; - Ý thức về trách nhiệm của công dân với cộng đồng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc…	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (7phút)	**Kết nối -Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm

		giả, tác phẩm *Từ ấy*.		nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I.Tìm hiểu chung. 1. Tác giả 2. Tác phẩm II. Đọc hiểu văn bản. 1. Khổ 1: Niềm vui sướng mãnh liệt của nhà thơ khi gặp ánh sáng lí tưởng . 2. Khổ 2: Nhận thức mới về lẽ sống . 3. Khổ 3: Chuyển biến sâu sắc trong tình cảm III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não .	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận		Liên hệ thực tế đời	Đàm thoại	Đánh giá qua

dụng (5 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**	sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan.	sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ5, V1**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Dạy học hợp tác Thuyết trình;	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng quan sát, kĩ thuật động não, trình bày một phút để đoán đúng tên tác giả và tên tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- GV giao nhiệm vụ: Theo em, *Đảng có vai trò như thế nào trong cuộc sống của chúng ta, đặc biệt là với thế hệ trẻ?* Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:Trong văn học Việt Nam, Tố Hữu được xem là lá cờ đù của thơ ca cách mạng. Từ một thanh niên trí thức tiểu tư sản, được giác ngộ lí tưởng, Tố Hữu trở thành*	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**:

một chiến sĩ cộng sản. Tập thơ "Từ ấy" là tập thơ đầu tay đánh dấu thời điểm bừng sáng của tâm hồn và lí tưởng cách mạng. Bài thơ "Từ ấy" có ý nghĩa như một tuyên ngôn về lẽ sống của người chiến sĩ cách mạng và tuyên ngôn của một nhà thơ.Để hiểu hơn bài thơ này, ta tìm hiểu bài thơ.	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:Đ2, Đ3, GQVĐ

b. Nội dung: trả lời câu hỏi cho2 nội dung: tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm :

1) Tác giả:

- Vị trí: Tố Hữu là một trong những nhà thơ lớn của văn học Việt Nam hiện đại, luôn được xem là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng.

- Sáng tác: Những chặng đường thơ Tố Hữu song hành với những chặng đường cách mạng.

2) Bài thơ **Từ ấy:**

a/Hoàn cảnh sáng tác :

- Được viết vào tháng 7 – 1938 khi Tố Hữu được kết nạp vào Đảng
- Bài thơ mở đầu cho phần thơ " Máu lửa" trong tập thơ " Từ ấy" .

b**) Bố cục** : 3 phần

- Khổ 1: Niềm vui sướng mãnh liệt của nhà thơ khi gặp ánh sáng lí tưởng .
- Khổ 2: Nhận thức mới về lẽ sống .
- Khổ 3: Chuyển biến sâu sắc trong tình cảm .

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
Trước hoạt động: Qua bài Khi con tu hú, em có ấn tượng gì về nhà thơ, nhà yêu nước Tố Hữu? **Trong hoạt động**:*HS trả lời	**- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.** **- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**

cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà : ? Tìm hiểu tiểu dẫn SGK và trình bày những nét chính về tác giả ? **- GV nhận xét và kết luận.** **- Hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm.** +Hãy nêu hoàn cảnh ra đời, xuất xứ, bố cục của bài thơ ? **GV cho HS đọc bài thơ, hướng dẫn cách đọc**	**- HS suy nghĩ và trả lời** **HS sử dụng sgk.** **HS đọc bài thơ.**

Nội dung 2: Đọc hiểu chi tiết văn bản

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật động não để tìm hiểu chi tiết bài thơ theo bố cục 3 khổ thơ.

c. Sản phẩm

1.Khổ 1: ***Niềm vui sướng mãnh liệt của nhà thơ khi gặp ánh sáng lí tưởng .***

- 2 câu đầu là mốc thời gian có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong cuộc đời tác giả : Được kết nạp vào Đảng Cộng Sản.

+ Động từ : bừng

+ Các hình ảnh ẩn dụ : nắng hạ , mặt trời chân lí

→Ánh sáng lí tưởng mở ra trong tâm hồn tâm hồn nhà thơ một chân trời mới của nhận thức , tư tưởng , tình cảm .

- 2 câu sau : Cụ thể hóa ý nghĩa , tác động của ánh sáng , lí tưởng (so sánh).

→ Vẻ đẹp , sức sống mới của tâm hồn và của hồn thơ Tố Hữu.

2/ **Khổ 2 : Nhận thức mới về lẽ sống .**

- Nhà thơ đã thể hiện " cái tôi" cá nhân gắn bó với " cái ta" chung của mọi người, chan hòa với mọi người .

+ " Buộc" : quyết tâm cao độ vượt qua giới hạn của cái tôi

+ " Trang trải" : tâm hồn nhà thơ trải rộng với cuộc đời .

- " Để hồn tôi .... mạnh khối đời"

→ Tình cảm giai cấp , sự quan tâm đặc biệt đến quần chúng lao khổ .

3. Khổ 3 : Chuyển biến sâu sắc trong tình cảm .

- Điệp từ " là" cùng với các từ: con , anh , em → tình cảm gia đình đằm ấm mà tác giả là 1 thành viên .

- Tác giả đặc biệt quan tâm tới những " kiếp phôi pha" , những em nhỏ không áo cơm .

→ Lòng căm giận trước bao bất công , ngang trái của xã hội cũ, Tố Hữu sẽ hăng say hoạt động Cách mạng .

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**
- Trước hoạt động*:* Hướng dẫn HS cần đọc kĩ, vừa đọc vừa suy ngẫm và cảm nhận giọng điệu, ngôn ngữ , hình ảnh trong bài thơ. **+ Giải thích từ khó**: Theo chú thích dưới chân trang. **- Trong hoạt động:** Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản **+ Tổ chức cho HS tìm hiểu khổ thơ 1:** - "Từ ấy" là thời điểm nào trong cuộc đời nhà thơ Tố Hữu? Tại sao không dùng từ *đó,*từ *khi* mà dùng từ *ấy*? - GV yêu cầu Hs xác định những biện pháp tu từ trong khổ thơ 1 . **+ Tổ chức cho HS thảo luận nhóm khổ thơ 2 và 3:** + **Nhóm 1:***Khi được ánh sáng của lí tưởng soi rọi, nhà thơ đã có những nhận thức mới về lẽ sống như thế nào? Quan niệm sống đó có gì khác với quan niệm của tầng lớp trí thức tiểu tư sản đương thời?* +**Nhóm 2:***Tìm và phân tích những từ ngữ trong khổ 2 để thấy sự gắn bó hài hoà giữa* ***cái***	**HS làm việc cá nhân** **HS sử dụng sgk** **HS làm việc cá nhân** **- HS thảo luận theo nhóm 5p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **<u>(Nhóm dùng giấy A0, PP...)</u>**

tôi cá nhân *và* ***cái ta chung*** *của mọi người.* **+Nhóm 3:***Sự chuyển biến sâu sắc trong tâm hồn nhà thơ được biểu hiện ra sao trong khổ thơ thứ 3?* **+Nhóm 4:***Mức độ chuyển biến tình cảm ở khổ thơ 3 so với khổ thơ 2. Sự chuyển biến ấy nói lên điều gì?* - **Sau hoạt động:** *GV nhận xét, chuẩn kiến thức*	

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

c. Sản phẩm

1. Nghệ thuật:
- Hình ảnh thơ tươi sáng, ngôn ngữ giàu tính dân tộc;
- Ngôn ngữ gợi cảm, giàu nhạc điệu
- Giọng thơ chân thành, sôi nổi, nồng nàn.
- Thơ gần gũi với hình thức thơ mới, dùng nhiều hình ảnh tượng trưng…

2. Ý nghĩa văn bản: Bài thơ là lời tuyên ngôn cho tập " Từ ấy" , là lời tâm nguyện của người thanh niên yêu nước giác ngộ lí tưởng Cộng Sản .

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:**	- HS đọc lại bài vừa học **HS sử dụng sgk**

? Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?	**- HS làm việc cá nhân** **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động:HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

1/ Nội dung chính của đoạn thơ: nhà thơ trẻ thể hiện niềm vui sướng, say mê khi gặp lí tưởng của Đảng.

2/Đoạn thơ được viết theo phương thức biểu đạt miêu tả và biểu cảm.

3/Biện pháp tu từ về từ trong đoạn thơ:

Hai câu đầu : Ẩn dụ : *nắng hạ ; mặt trời chân lí*

Hiệu quả nghệ thuật: nhấn mạnh ánh sáng lí tưởng mở ra trong tâm hồn nhà thơ một chân trời mới của nhận thức, tư tưởng và tình cảm ; nhà thơ có niềm xúc động thành kính, thiêng liêng.

Hai câu tiếp : so sánh: *hồn tôi- vườn hoa lá...đậm hương...tiếng chim*

Hiệu quả nghệ thuật: Tác giả đón nhận lí tưởng bằng cả tình cảm rạo rực, say mê, sôi nổi. Niềm vui hoá thành âm thanh rộn ràng như chim hót, thành sắc lá, sắc hoa tươi xanh, rực rỡ, hương thơm lan toả ngọt ngào.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- GV giao nhiệm vụ: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi: *Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ,* *Mặt trời chân lí chói qua tim.* *Hồn tôi là một vườn hoa lá,* *Rất đậm hương và rộn tiếng chim.* *(* Trích *Từ ấy*, Tố Hữu, Tr 44, SGK Ngữ văn 11,Tập II, NXBGD	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

2007) 1/ Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên? 2/ Đoạn thơ được viết theo phương thức biểu đạt nào? 3/Xác định biện pháp tu từ về từ trong đoạn thơ và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó. **-Nhận xét, chuẩn kiến thức.**	

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: **Đ4, Đ5, V1**

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

-Nội dung: thí sinh bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng xấu : một bộ phận giới trẻ sống xa rời lí tưởng, thực dụng trong cuộc sống hôm nay. Cụ thể : Thế nào là sống xa rời lí tưởng, thực dụng ? Hậu quả, nguyên nhân của lối sống đó ? Nêu biện pháp khắc phục ?

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: Qua đoạn thơ 1 của bài thơ *Từ ấy*, viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng một bộ phận giới trẻ sống không có lí tưởng, sống thực dụng trong cuộc sống hôm nay.	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.**

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; viết bài cảm nhận

d. Sản phẩm:

+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy

+ Tìm đọc qua sách tham khảo, xử lí thông tin trên mạng. Viết bài cảm nhận riêng với tình cảm chân thành.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ sơ đồ tư duy bài học + Sưu tầm thêm một số bài thơ của Tố Hữu trong tập *Từ ấy*. Viết bài cảm nhận về vẻ đẹp của bài thơ mà anh chị tâm đắc	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.**

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11

- Thiết kế bài giảng 11

- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)

- Văn bản văn học 11,…

V. RÚT KINH NGHIỆM

Tiết 83 - 84 : TT tiết dạy theo KHDH

ĐẶC ĐIỂM LOẠI HÌNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Nắm được thuật ngữ loại hình ngôn ngữ và đặc điểm loại hình ngôn ngữ tiếng Việt.	**Đ1**
2	Đọc – hiểu văn bản liên quan đến ngôn ngữ	Đ2
3	Thu thập thông tin liên quan đếnloại hình ngôn ngữ tiếng Việt.	**Đ3**
4	Nhận diện phân tích đặc điểm loại hình ngôn ngữ tiếng Việt	**Đ4**
5	Phân tích, so sánh đặc điểm của các loại hình ngôn ngữ giữa các nước.	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc loại hình ngôn ngữ tiếng Việt	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết vềcác loại hình ngôn ngữ vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		

10	Yêu tiếng Việt, có ý thức sử dụng tiếng Việt đúng, hay để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10 phút)	**Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến đặc điểm loại hình tiếng Việt	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Loại hình ngôn ngữ II. Đặc điểm loại hình tiếng Việt	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ	Vấn đáp, dạy học nêu	Đánh giá qua hỏi đáp; qua

		năng	vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về đặc điểm loại hình tiếng Việt.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TIẾT 1:
HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Đ1. GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc hiểu văn bản để giải quyết bài tập.

c. Sản phẩm

Văn bản cung cấp thông tin**:** Cảnh báo về khả năng biến mất ngôn ngữ trên thế giới.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	***Hoạt động của HS***
- GV giao nhiệm vụ: Văn bản sau cung cấp thông tin gì? *Theo tạp chí Daily Mail, các nhà nghiên cứu thuộc Đại học bang Pennsylvania (Mỹ) vừa cảnh báo, nếu con người không tăng cường bảo vệ môi trường thì đến cuối thế kỷ này, có khoảng 50% đến 90% các ngôn ngữ trên thế giới sẽ bị biến mất.* *Nền văn hóa đặc thù có liên quan đến những ngôn ngữ này cũng không thể tồn tại, mà được thay thế bằng văn hóa và ngôn ngữ mang tính toàn cầu với màu sắc công nghiệp hóa.* (Theohttp://khoahoc.tv/90-ngon-ngu-tren-the-gioi-bien-mat-trong-the-ky-21) =>Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài:*Các em thân mến! Từ khi ra đời tiếng Việt luôn là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất, là công cụ tư duy của người Việt. Hiểu rõ về tiếng Việt không chỉ giúp người sử dụng ngôn ngữ Việt hiệu quả, vận dụng linh hoạt trong từng hoàn cảnh giao tiếp cụ thể và phát triển hơn khả năng ngôn ngữ trong đời sống. Để hiểu rõ hơn tiếng Việc thuộc loại hình ngôn ngữ nào, các đặc điểm của loại hình tiếng Việt chúng ta cùng tìm hiểu bài Đặc điểm loại hình tiếng Việt.*	- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Loại hình ngôn ngữ.

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: Dựa vào việc đọc hiểu thu thập thông tin, kĩ thuật động não, trình bày một phút để giải quyết vấn đề.

c. Sản phẩm:

I. LOẠI HÌNH NGÔN NGỮ:

1. Khái niệm :

a. Loại hình

-Một tập hợp những sự vật , hiện tượng cùng có chung những đặc trưng cơ bản nào đó

Ví dụ : Loại hình nghệ thuật , Loại hình báo chí,Loại hình ngôn ngữ …..

b. Loại hình ngôn ngữ :

Là cách phân loại ngôn ngữ trên thế giới dựa trên những đặc trưng cơ bản nhất của các ngôn ngữ đó **.**

2. Loại hình ngôn ngữ tiếng Việt :

- Tiếng Việt thuộc ngữ hệ Nam Á
- Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV – HS	Hoạt động của HS
- Trước hoạt động: Em đã biết gì về các loại hình ngôn ngữ trên thế giới? **- Trong hoạt động:** ? Dựa vào phần I trong SGK và hiểu biết của em, hãy cho biết loại hình ngôn ngữ là gì? ? Theo em có mấy loại hình ngôn ngữ? Hãy lấy ví dụ của từng loại đó.	**- HS tái hiện kiến thức và trình bày.(cá nhân)**

Nội dung 2: Đặc điểm loại hình của tiếng Việt

a. Mục tiêu:Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b.Nội dung: Vận dụng kĩ thuật tư duy, động não, trình bày một phút để tìm hiểu về đặc điểm loại hình tiếng Việt.

c. Sản phẩm

II. ĐẶC ĐIỂMCƠ BẢN CỦALOẠI HÌNH NGÔN NGỮ TIẾNG VIỆT:

Mang đặc trưng của loại hình ngôn ngữ đơn lập với các đặc trưng sau:

1/-Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp (Tính phân tiết):

Ví dụ : Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?

- Mỗi tiếng trên cũng có thể là yếu tố cấu tạo từ : trở về, ăn chơi , thôn xóm

→- Về mặt ngữ âm :tiếng → âm tiết .

- Về mặt sử dụng :tiếng → từ hoặc yếu tố cấu tạo

2) Từ không biến đổi hình thái

Ví dụ 1 : Xác định chức năng ngữ pháp của từ được gạch dưới trong câu ca dao sau:

"Cười **người**$_1$chớ vội cười lâu.

Cười **người**$_2$hôm trước, hôm sau **người**$_3$ cười".

➡ Thay đổi về mặt ngữ pháp, không thay đổi về hình thái từ (vỏ bọc bên ngoài).

Ví dụ 2:

Tôi (1)tặng anh ấy(1) một cuốn sách , anh ấy(2) cho tôi(2) một quyển vở .

- Tôi (1): chủ ngữ ; tôi (2): phụ ngữ bổ nghĩa cho động từ "cho''
- Về ngữ âm và chữ viết : không có sự khác biệt nào giữa các từ
- Có thể thấy như vậy đối với các từ " anh ấy''.

3) Biện pháp chủ yếu biểu thị ý nghĩa ngữ pháp là sắp đặt từ theo trật tự trước sau và sử dụng hư từ :

Ví dụ : Tôi ăn cơm .

Nếu thay đổi trật tự từ trong câu và sử dụng thêm một số hư từ (đã; đang, sẽ sắp,…)➔ý nghĩa ngữ pháp trong câu sẽ thay đổi theo.

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
- **Trước hoạt động** : Trong quá trình sử dụng, anh/chị thấy tiếng Việt có đặc điểm gì khác với tiếng Anh ? - **Trong hoạt động** : Gọi HS đọc ngữ liệu 1 và tiến hành thảo luận nhóm bàn (trong vòng 3 phút) với các yêu cầu sau: ? Hãy cho biết câu thơ có mấy tiếng, mấy từ và các tiếng, các từ đó được đọc, viết như thế nào. ? Nếu bỏ một tiếng bất kì trong câu thì cấu trúc ngữ	- HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân).** **- HS thảo luận theo yêu cầu của GV.** **- HS báo cáo sản**

pháp và ý nghĩa ngữ pháp của câu như thế nào. GV: Lấy 1 câu tiếng Anh "I am a student" để so sánh với câu tiếng Việt. t. Việt | t. Anh - Cách viết tách rời: "Tôi là .. | - Cách viết nối từ: "I'm .. - Cách đọc tách rời " sinh viên" | - Cách đọc có âm gió: "student"-> "Z" ? Câu thơ có mấy tiếng, mấy từ. ? Qua phân tích ngữ liệu 1 ở trên, em nào có thể kết luận "tiếng" trong tiếng Việt có những đặc điểm, chức năng gì?Từ đó khái quát lên đặc điểm đầu tiên của tiếng Việt. ➲ Kết luận lại đặc điểm đầu tiên. *GV:* Gọi HS đọc 2 câu ca dao ở mục II.2 (SGK). ? Hãy nhận xét về mặt chức năng ngữ pháp và hình thái của 3 từ "người" trong 2 câu ca dao trên? Gợi mở: Về ngữ pháp và hình thái có gì khác nhau không? Kết luận nội dung *GV* đưa bảng phụ VD2. Sau đó nêu ra yêu cầu: ? Hãy nhận xét về mặt vai trò ngữ pháp và hình thái của các từ được gạch chân ở bảng phụ trên. <u>*Gợi mở*</u>: So sánh xem ở 2 câu t. Việt và t.Anh có gì khác nhau (vai trò ngữ pháp như chủ ngữ, vị ngữ và hình thái bên ngoài của từ đó). Từ đó rút ra kết luận ở sự khác nhau đó. ? Qua việc phân tích VD1 và VD2, em hãy rút ra kết luận về hình thái từ của tiếng Việt? ➲ Đây là điểm khác biệt rõ nét của ngôn ngữ đơn lập (tiếng Việt) và ngôn ngữ hòa kết (tiếng Anh).	**phẩm.** **- HS hoạt động cá nhân.**

?Gọi học sinh đọc ngữ liệu ở mục II.3 (SGK) và lưu ý các hư từ được in đậm trong ngữ liệu. GV:Tổ chức thảo luận nhóm. Thời gian thảo luận là 3'. ? Bên cạnh những hư từ đã được dùng, các em hãy thêm hoặc thay thế một số hư từ (*không, sẽ, mà, còn, có, nhé…)* vào vị trí thích hợp trong ngữ liệu trên, sau đó rút ra nhận xét về ý nghĩa ngữ của các câu vừa tạo? ? Hãy thêm hoặc thay đổi trật tự một số từ trong ngữ liệu trên và nhận xét về ý nghĩa ngữ của các câu vừa tạo? *GV*: Nhắc lại khái niệm về hư từ và trật tự từ cho HS hiểu rõ hơn vai trò của chúng trong câu. Quan sát, hướng dẫn các nhóm thảo luận và cùng HS rút ra nhận xét với bảng phụ 2 & 3. Từ đó cho ta thấy trật tự các từ và hư từ rất quan trọng nếu vị trí của chúng thay đổi thì ý nghĩa của câu thay đổi theo. ➲ Kết luận lại nội dung đặc đểm. ? Từ việc phân tích và nhận xét các ngữ liệu ở trên, các em hãy khái quát lại những đặc điểm cơ bản của loại hình tiếng Việt? ➲ Kết luận nội dung 3 đặc điểm bằng bảng phụ. *GV*: Gọi HS đọc to phần ghi nhớ (SGK- Tr 57). **- Sau hoạt động** : GV lấy thêm vài ví dụ để HS tìm nghĩa tình thái. - GV yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ	**- HS hoạt động nhóm 3p.** **- HS báo cáo sản phẩm**

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CỦA TIẾT 1

a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để làm bài tập theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

- Nụ tầm xuân 1 là phụ ngữ cho ĐT hái, đứng sau ĐT hái; nụ tầm xuân 2 là chủ ngữ , trước ĐT nở.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Gv giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân: Phân tích câu ca dao (1) trong BT1 (tr 58, sgk) để chứng minh tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.**	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

TIẾT 2 :

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH - LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT**

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm

Bài tập 1:

- Bến 1:phụ từ đứng sau ĐT nhớ; bến 2 là chủ ngữ , đứng trước cụm từ "khăng khăng đợi thuyền"
- Trẻ, già →tương tự vd1 và 2.
- Bống 1,2,3 và 4 : phụ ngữ của các ĐT trước nó nên đều đứng sau ĐT; chỉ khác nhau về hư từ kèm theo (ko có hư từ hoặc có hư từ " cho")

Bống 5 và 6:→chủ ngữ →đứng trước các ĐT (ngoi ,lớn)

→ Ở vị trí ngữ pháp nào các từ vẫn không biến đổi hình thái

Bài tập 2:

VD1: Cho 2 câu tiếng Việt và tiếng Anh như:

1/ Cây thước của tôi ngắn hơn **cây thước của anh**→ My ruleris shorter than **yours**

2/ Bài học này khó hơn **bài tập kia**→ This lesson is more difficult than **one**.

Bài tập 3: **Các hư từ và ý nghĩa của nó:**

- **Đã:** chỉ hoạt động xảy ra trong quá khứ (việc đã làm).
- **Các:** chỉ số nhiều (các xiềng xích là các thế lực bị áp bức).
- **Để:** chỉ mục đích.
- **Lại:** chỉ hoạt động tái diễn, đáp lại (vừa đánh đổ đế quốc, vừa đánh đổ giai cấp phong kiến).
- **Mà:** chỉ mục đích (lập nân Dân chủ Cộng Hòa).

➡ Hư từ không biểu thị ý nghĩa từ vựng nhưng nó biểu hiện ý nghĩa ngữ pháp khi kết hợp với các từ loại khác và có tác dụng làm cho câu mang nội dung biểu đạt hoàn chỉnh.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-GV giao nhiệm vụ: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1+2: Bài tập 1** * Yêu cầu phân tích: − Vấn đề bị bác bỏ ở mỗi đoạn văn? − Cách bác bỏ của mỗi tác giả? **Nhóm 3+4: Bài tập 2** Trong lớp có bạn cho rằng: Không kết bạn với những người học yếu. Anh (chị) hãy bác bỏ quan niệm đó. **- Bài tập 3:** HS làm việc cá nhân **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.**	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: **Đ4, Đ5, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

- Vai trò ngữ pháp:

+"***Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta"*** (1) ☛ Chủ ngữ.

+"***Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta"***(2) ☛ Bổ ngữ chỉ đối tượng chịu sự tác động của đồng từ "**làm rạng rỡ"**

- Có sự khác nhau là do trật tự sắp đặt từ qui định.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: Chỉ ra sự khác nhau về chức năng ngữ pháp của các thành phần câu: *Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta*	- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

HĐ 5.TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a. Mục tiêu: Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

c. Sản phẩm:

+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy

+ Trong câu trên, nếu chỗ ngắt ở trước từ **mới** *thì từ* **mới** *có quan hệ với các từ đi sau nó và chỉ điều kiện, câu có nghĩa là "cái quan trọng là phương pháp làm việc, chứ không phải cái gì khác". Còn nếu quãng ngắt ở sau từ* **mới,** *thì* **mới** *là tính từ trái nghĩa với cũ (quen thuộc) và câu có nghĩa là "cái quan trọng là phương pháp làm viêc phải mới, chứ không thể là các phương pháp cũ đã kém hiêu quả".*

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: **+ Vẽ sơ đồ tư duy bài học** + Nếu cách ngắt nhịp thay đổi thì câu văn sau có mấy cách hiểu và hiểu như thế nào?: *Phương pháp làm việc mới là điều quan trọng.*	- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Ngữ pháp tiếng Việt.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

V. RÚT KINH NGHIỆM

Tiết 85 - 86: TT tiết dạy theo KHDH

- **TIỂU SỬ TÓM TẮT**
- **LUYỆN TẬP VIẾT TIỂU SỬ TÓM TẮT**

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Hiểu được mục đích yêu cầu của tiểu sử tóm tắt, cách viết tiểu sử tóm tắt.	**Đ1**
2	Năng lực đọc – hiểu các văn bản liên quan đến tiểu sử tóm tắt.	**Đ2**
3	Thu thập thông tin liên quan đến tiểu sử của tác giả văn học.	**Đ3**

4	Cách sử dụng từ ngữ, kiểu câu trong tiểu sử tóm tắt	**Đ4**
5	Phân tích, so sánh đặc điểm của văn thuyết minh về tác giả văn học với dạng bài tiểu sử tóm tắt;	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về tác giả văn học	**N1**
7	Biết viết tiểu sử tóm tắt về tác giả văn học hoặc nhân vật nổi tiếng,..	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRUNG THỰC		
10	Bồi dưỡng ý thức thận trọng, chân thực khi viết tiểu sử tóm tắt.	**TT**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1.Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10 phút)	**Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tiểu sử tóm tắt.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh

				giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Mục đích, yêu cầu của tiểu sử tóm tắt II. Cách viết tiểu sử tóm tắt	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận bác bỏ	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo

				luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**Đ2, Đ5, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: **Đ1, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: HS vận dụng kĩ năng đọc, kĩ thuật tư duy, động não, trình bày một phút để giải quyết bài tập.

c. Sản phẩm
- Phần Tiểu dẫn cung cấp những tri thức liên quan đến tác giả, tác phẩm.
- Từ ngữ cô đọng, trong sáng; cách viết ngắn gọn

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- **GV giao nhiệm vụ**: HS đọc phần Tiểu dẫn trong bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu và trả lời câu hỏi: + Nội dung của phần Tiểu dẫn là gì? + Nhận xét về cách trình bày, cách sử dụng từ ngữ trong phần Tiểu dẫn? => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trước khi đi vào phần văn bản đọc văn, bao giờ SGK cũng đưa ra ngữ liệu gọi là TIỂU DẪN, trong đó cung cấp những tri thức liên quan đến tác giả, tác phẩm. Ngữ liệu đó là một phần trong nội dung tóm tắt tiểu sử của một tác giả văn học. Vậy tiểu sử tóm tắt là gì? Thực hiện như thế nào?*	- **HS thực hiện nhiệm vụ.** - **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC
Nội dung 1: Mục đích, yêu cầu của tiểu sử tóm tắt

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, N1, GT-HT, GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: vận dụng phương pháp thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, trình bày một phút để tìm hiểu về nội dung mục đích, yêu cầu của văn bản tóm tắt.

c. Sản phẩm

I. <u>MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA TSTT</u>:

1.<u>Khái niệm</u>: TSTT: Là văn bản thông tin một cách khách quan trung thực những nét cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp của một cá nhân.

2.<u>Mục đích</u>: G/thiệu cho người đọc, người nghe về cuộc đời, sự nghiệp, cống hiến của người được nói tới.

3. <u>Yêu cầu</u>:

- Thông tin một cách khách quan, chính xác về người được nói tới.
- Nội dung và độ dài của văn bản cần phù hợp với mục đích viết TSTT
- Văn phong cô đọng, trong sáng, không sử dụng các biện pháp tu từ.

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
<u>Trước hoạt động</u> : Dựa theo phần Tiểu dẫn của những bài mà em đã học trong sách giáo khoa, em hãy nêu mục đích và yêu cầu của tiểu sử tóm tắt ?	HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**
<u>Trong hoạt động</u> : GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp trong bàn: - TSTT là gì ?Nêu những trường hợp cần viết TSTT ? yêu cầu và mục đích viết TSTT? GV: Đọc cho HS nghe tiểu sử tóm tắt nhà thơ Nguyễn Du. GV: Hãy cho biết những yêu cầu cơ bản của TSTT là gì? **- GV chuẩn kiến thức.** **<u>Sau hoạt động</u>**: khuyến khích HS xung	**- HS làm việc theo cặp trong 4p** **- Đại diện 1 - 2 cặp báo cáo sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

phong trả lời câu hỏi. - Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ	

Nội dung 2: Cách viết tiểu sử tóm tắt

a. Mục tiêu: Đ3,Đ4, Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng viết, kĩ thuật tư duy, động não để tìm hiểu nội dung cách viết tiểu sử tóm tắt.

c. Sản phẩm

II. CÁCH VIẾT TIỂU SỬ TÓM TẮT:

1. <u>Chọn tài liệu để viết TSTT</u>:

- Cần chọn các tài liệu: Chân thực, chính xác, đầy đủ, tiêu biểu.

2. <u>Viết TSTT</u>: Bản TSTT thường có các phần:

- Giới thiệu khái quát: Họ tên, ngày tháng năm sinh, quê quán, gia đình, học vấn…của người được giới thiệu.
- Hoạt động XH: làm gì, ở đâu, mối quan hệ với mọi người…
- Những đóng góp, những thành tựu tiêu biểu .
- Đánh giá chung.

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
<u>Trước hoạt động</u> : GV gọi 1 HS đọc to phần văn bản. Những HS còn lại chú ý lắng nghe **<u>Trong hoạt động</u> :** **+ GV yêu cầu HS sau khi nghe đọc văn bản, trả lời câu hỏi a, b, c (sgk, tr 54)** **+ Gv hỏi HS :** Hãy cho biết bản tiểu sử tóm tắt thường gồm những phần nào? GV yêu cầu HS luyện cách viết nhan đề văn bản, lần lượt viết các nội dung	HS làm việc cá nhân - HS làm việc cá nhân

chính của văn bản nhân thân, các hoạt động chính, những đóng góp chủ yếu, lời đánh giá chung **- GV chuẩn kiến thức.** **<u>Sau hoạt động</u>**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi. - Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ	

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CHO TIẾT 1

a.Mục tiêu: Đ4,Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

<u>3. Luyện tập</u>:

Bài 1: Những trường hợp cần viết TSTT: c,d.

Bài 2:

*Giống nhau: Đều có thể viết về một nhân vật nào đấy.

* Khác nhau:

- TSTT và điếu văn: Khác nhau về mđ và hoàn cảnh gt đoạn văn được viết để đọc trong lễ truy điệu bên ngoài TS còn có: lời chia buồn với gia quyến, tiếc thương người đã mất…

- Sơ yếu lí lịch: Là VB hành chính, thường có mẫu cố định, nội dung thường nhấn mạnh đến nhân thân và các mối quan hệ, Bản lí lịch cần có xác nhận của cơ quan thẩm quyền.

- TSTT và VB thuyết minh: VB TM có đối tượng rộng hơn (người, vật, danh lam…) văn TM diễn đạt phong phú, giàu hình ảnh và có tính biểu cảm.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-GV giao nhiệm vụ: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm**

Nhóm 1+2: Bài tập 1 * Yêu cầu phân tích: − Vấn đề bị bác bỏ ở mỗi đoạn văn? − Cách bác bỏ của mỗi tác giả? **Nhóm 3+4: Bài tập 2** Trong lớp có bạn cho rằng: Không kết bạn với những người học yếu. Anh (chị) hãy bác bỏ quan niệm đó. **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.**	**vụ.**

TIẾT 2 :

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH - LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, N1, V1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm

III. <u>LUYỆN TẬP VIẾT TIỂU SỬ TÓM TẮT</u>:

<u>1.Phân nhóm và giao đề tài</u>

- Phân 6 nhóm đồng đều.
- Bên cạnh đề tài trong sách giáo khoa thì cần lựa chọn các đề tài gần gũi thiết thực trong đời sống. Có thể đưa ra các đề tài chính như sau:

+ Tổ 1, tổ 2: Chi đoàn anh chị sẽ giới thiệu một đoàn viên ứng cử vào Ban chấp hành Hội liên hiệp Thanh niên của tỉnh thành phố. Anh chị hãy viết về tiểu sử tóm tắt của đoàn viên đó.

+ Tổ 3, tổ 4: Viết tiểu sử tóm tắt về một nhà thơ,nhà văn

+ Tổ 5, tổ 6: Viết tiểu sử tóm tắt về bản thân mình trong hồ sơ trúng tuyển đại học.

2. **<u>Xác định những yêu cầu của tiểu sử tóm tắt</u>**

- Mục đích, yêu cầu của văn bản tiểu sử tóm tắt: để làm gì, nội dung cần đạt được.
- Chọn người sẽ giới thiệu và tìm hiểu để có những thông tin cần thiết, những tài liệu đã chuẩn bị.

- Xác định nội dung, kết cấu trình bày trong bản tiểu sử của người sẽ giới thiệu: gồm những phần nào,mức độ giới thiệu ra sao cho phù hợp với mục đích của bài tiểu sử tóm tắt.
- Văn phong: cô đọng, trong sáng, khách quan.

3. **Tiến hành viết tiểu sử**
- Đảm bảo không quá mất trật tự khi trao đổi ý kiến trong nhóm.
- Viết ngắn gọn đầy đủ trong thời gian cho phép.

Trình bày bài tiểu sử tóm tắt
- Các bài trình bày cần rõ ràng, người trình bày tự tin, đảm bảo những yêu cầu về nội dung, kết cấu như sau:

a, Đề tài giới thiệu đoàn viên ưu tú
- Họ và tên…
-Giới tính…
- Bí danh…
- Ngày tháng năm sinh….
- Quê quán…
- Gia đình…
- Dân tộc…
- Tôn giáo…
- Tư tưởng, lập trường, đạo đức, tác phong.
- Năng lực đặc biệt.
-Thành tích

b. Đề tài tiểu sử bản thân
- Họ và tên….giới tính… Bí danh…
- Ngày tháng năm sinh…
- Quê quán…
- Gia đình…
- Dân tộc…
- Tôn giáo…
- Sở trường…
- Tính tình…
- Ước mơ…
- Quá trình học tập
- Khen thưởng
- Kỉ luật

c, Đề tài tiểu sử nhà văn, nhà thơ

- Họ tên, tên hiệu, tên chữ…
- Năm sinh (mất)
-Gia đình
- Quê quán
- Cuộc đời
- Các tác phẩm chính
- Nội dung sáng tác
- Đánh giá

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-*** CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **- Giáo viên giao nhiệm vụ:** Giáo viên yêu cầu lớp chia làm 6 nhóm. - Mỗi nhóm bầu ra một nhóm trưởng - Mỗi nhóm được giao một đề tài nhất định. *** Phân nhóm và giao đề tài** - Phân 6 nhóm đồng đều. - Bên cạnh đề tài trong sách giáo khoa thì cần lựa chọn các đề tài gần gũi thiết thực trong đời sống. Có thể đưa ra các đề tài chính như sau: + Tổ 1, tổ 2: Chi đoàn anh chị sẽ giới thiệu một đoàn viên ứng cử vào Ban chấp hành Hội liên hiệp Thanh niên của tỉnh thành phố. Anh chị hãy viết về tiểu sử tóm tắt của đoàn viên đó. + Tổ 3, tổ 4: Viết tiểu sử tóm tắt về một nhà thơ,nhà văn + Tổ 5, tổ 6: Viết tiểu sử tóm tắt về bản thân mình trong hồ sơ trúng tuyển đại học. **- GV nhận xét vàchuẩn kiến thức:**	**- HS thảo luận khoảng 5-7 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. (Gọi HS đọc tiểu sử tóm tắt của nhóm mình)** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

GV đưa ra ngữ liệu về kết cấu bài tiểu sử của ba đề tài trên để học sinh tham khảo.	

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: **Đ2, Đ4, Đ5, V1**

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm: Tham khảo

Ngô Tất Tố (1893 - 1954) quê ở làng Lộc Hà, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Đông Anh, ngoại thành Hà Nội); xuất thân là một nhà nho gốc nông dân. Ong là một học giả có nhiều công trình khảo cứu về triết học, văn học cổ có giá tri; một nhà báo nổi tiếng với rất nhiều bài báo mang khuynh hướng dân chủ tiến bộ và giàu tính chiến đấu; một nhà văn hiện thực xuất sắc chuyên viết về nông thôn trước Cách mạng. Sau Cách mạng, nhà văn tận tuỵ trong công tác tuyên truyền văn nghệ phục vụ kháng chiến chống Pháp. Ngô Tất Tố được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996). Tác phẩm chính của ông: các tiểu thuyết Tắt đèn (1939), Lều chõng (1940); các phóng sự Tập án cái đình (1939), Việc làng (1940),.

(Ngữ văn 8, tập một, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005)

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: **Viết tiểu sử tóm tắt nhà văn Ngô Tất Tố**	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

HOẠT ĐỘNGTÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a.Mục tiêu: Đ5, V1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

c. Sản phẩm:

+ Vẽ đúng bản đồ tư duy

+ Bài sưu tầm qua sách báo, truy cập mạng.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS

GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Sưu tầm một vài tiểu sử tóm tắt của nhà văn hoá, nhà văn, nhà thơ mà anh chị tâm đắc.	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau.**

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng
- Thiết kế bài giảng

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy

CHỦ ĐỀ: VĂN NGHỊ LUẬN (TIẾP)

Tiết 87: TT tiết dạy theo KHDH điều chỉnh:

Ôn tập nâng cao: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Giúp học sinh:

1. Kiến thức:

Vận dụng những kiến thức về bài học và các thao tác đã học: phân tích, so sánh,.. để làm bài

2. Kĩ năng:

- Củng cố, nâng cao các kĩ năng làm văn nghị luận văn học về các mặt: xác định vấn đề nghị luận, lập dàn ý, diễn đạt.

- Nâng cao khả năng cảm thụ văn học.

- Viết được bài văn nghị luận văn học thể hiện ý kiến của mình một cách rõ ràng, mạch lạc**.**

3. Phẩm chất:

- Nhân ái.

- Chăm chỉ.

- Trách nhiệm

- Trung thực

* Cụ thể: Có thái độ học tập nghiêm túc biết nhận ra cái sai và sữa sai để làm bài sau tốt hơn.

4. Định hướng các năng lực cần hình thành

*** NL chung**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực tự quản bản thân, năng lực sáng tạo, năng lực công nghệ thông tin truyền thông…

*** NL đặc thù:**

- Năng lực đọc hiểu văn bản ngoài sgk

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội.

- Năng lực đánh giá bản thân.

B. THIẾT KẾ DẠY HỌC

I. Chuẩn bị của GV và HS

II.Tổ chức dạy và học

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu của đề và lập dàn ý theo đáp án trình bày ở bài viết số 5.	**I. Tìm hiểu đề, lập dàn ý bài văn:** **Đề bài :** Có ý kiến cho rằng: "***Đây thôn Vĩ Dạ*** *của Hàn Mặc Tử vừa đem đến*

- Yêu cầu học sinh đọc lại đề bài - Theo em đề bài này có những yêu cầu gì về nội dung, kĩ năng, tài liệu? - Với những yêu cầu trên bài viết đảm bảo những yêu cầu nào? - Gv chốt lại các ý trọng tâm cần đạt.	*cho người đọc bức tranh thiên nhiên đặc trưng cho hoa cỏ núi sông một vùng miền Trung nước Việt, vừa cho người đọc thấy được vẽ đẹp lãng mạn của tình yêu thời thơ mới".* Anh (chị) hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. **1. Xác định yêu cầu đề:** - Dạng đề: nghị luận văn học. - Yêu cầu về nội dung: Bức tranh thiên nhiên và vẻ đẹp lãng mạn của tình yêu thơ mới trong "Đây thôn Vĩ Dạ". - Yêu cầu về tài liệu: Tác phẩm "Lưu biệt khi xuất dương" **2. Lập dàn ý:** Cần đảm bảo các ý sau: - Cảnh ban mai thôn Vĩ gợi lên vẻ đẹp hữu tình trong khoảnh khắc hừng đông qua chi tiết: Nắng hàng câu, nắng mới lên. Vườn mướp quá xanh như ngọc… (học sinh phân tích cụ thể hình ảnh và chỉ ra được nghệ thuật sử dụng). → Trước vẻ đẹp của thiên nhiên tác giả cảm thấy nuối tiếc xót xa: Câu hỏi tu từ "sao anh không về chơi thôn Vĩ"? - Cảnh Vĩ Dạ có sự chia lìa tan tác và cảm nhận được nỗi buồn của tác giả - Tâm trạng của tác giả: + Niềm vui, niềm hy vọng về tình yêu và hạnh phúc. + Nỗi buồn, gợi cảm gác chia lìa. + Sự tuyệt vọng, hòa nghi về hạnh phúc về cảnh và con người xứ Huế.

	- Nghệ thuật: cách sử dụng từ ngữ độc đáo, hình ảnh thơ lãng mạng, giàu trí tưởng .

IV. Rút kinh nghiệm:

Tiết 88: TT tiết dạy theo KHDH

TÔI YÊU EM

(A. Puskin)

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	+ Cảm nhận được vẻ đẹp trong sáng của bài thơ cả về nội dung tâm tình lẫn ngôn ngữ ghệ thuật: + Tình yêu đẹp đẽ, trong sáng đầy vị tha và cao thượng	**Đ1**
2	+ Phân tích được hoàn cảnh sáng tác, đề tài, văn hóa Nga và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm	**Đ2**
3	+ Nhận xét được những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong việc thể hiện nội dung văn bản: Hình thức giản dị, không tô điểm rất phù hợp với tình yêu chân thành.	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**

5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của thơ trữ tình nước ngoài.	**Đ5**
6	Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Tôi yêu em*và các tác phẩm khác của Puskin.	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về vẻ đẹp tình yêu trong bài thơ của Puskin;	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của bài thơ.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: NHÂN ÁI		
10	Giáo dục cho học sinh tình cảm chân thành, vị tha, cao thượng trong cuộc sống và trong tình yêu	**NA**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (7phút)	**Kết nối - Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại,	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm

		có liên quan đến tác giả, tác phẩm *Tôi yêu em*..	gợi mở	nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I.Tìm hiểu chung. 1. Tác giả 2. Tác phẩm II. Đọc hiểu văn bản. 1.4 câu đầu : những mâu thuẫn trong tâm trạng của nhân vật trữ tình. 2. 2 câu giữa : nỗi khổ đau 3. 2 câu sau : sự cao thượng chân thành. III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5	**Đ3, Đ4, Đ5, N1,**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ	Đàm thoại gợi mở;	Đánh giá qua sản phẩm

phút)	**GQVĐ**	thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Thuyết trình; Trực quan.	graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ5, V1**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu: Đ1, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: Hs vận dụng kiến thức, kĩ thuật tư duy nhanh để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm:

- Quan niệm tình yêu trong thơ Xuân Diệu: Cần phải sống hết mình, yêu hết mình với thanh xuân. Sống với đúng cảm xúc của mình, hãy sống và yêu như thể ngày mai mình không còn nữa, mãnh liệt, thiết tha và chân thành.
- Trong thơ Xuân Diệu, chỗ cho tình đơn phương không nhiều nhưng vẫn xuất hiện trong các bài thơ *Yêu thầm, Rao tình, Mời yêu,..*

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- **GV giao nhiệm vụ**: HS trình bày quan niệm về tình yêu trog thơ Xuân Diệu? Trong thơ Xuân Diệu có chỗ cho tình yêu đơn phương không? => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Nhà thơ Xuân Diệu – ông hoàng của thơ tình Việt Nam đã từng viết: *Làm sao sống được mà không yêu* *Không nhớ không yêu một kẻ nào.* Có lẽ tình yêu ngự trị trong mỗi chúng ta, nó trở thàng một " kiệt tác của con người"(Gác- xông), không biết con người biết yêu từ khi nào, và cũng không biết tình yêu đến với con người như thế nào? Chỉ biết khi bước vào vườn thơ tình của nhân loại, ta bắt gặp muôn vàn những bông hoa tình yêu với muôn vàn màu sắc. Có tình yêu tầm thường, tình yêu cao cả, tình yêu ích kỉ, vẩn đục, tình yêu trong sáng… và "Tôi yêu em" của Pus-kin là một trong nhưng tình yêu ấy.	- **HS thực hiện nhiệm vụ:** - **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**:

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: **Đ2,Đ3, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về nội dung khái quát tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm

I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả.

- A-lếch-xan-đrơ Pus-kin (1799-1837), "Mặt trời cùa thi ca Nga".
- Là nhà thơ vĩ đại "có ý nghĩa to lớn không chỉ trong lịch sử văn chương mà cả trong lịch sử thức tỉnh của dân tộc Nga.

2. Tác phẩm

- Hoàn cảnh sáng tác : một trong những bài thơ nổi tiếng được khơi gợi cảm xúc từ mối tình không thành của tác giả với Ô-lê-nhi-na- con gái vị Chủ tịch Viện hàn lâm Nghệ thuật Nga.; được coi là viên ngọc vô giá trong kho tàng thi ca Nga.

- Bố cục:

+ 4 câu đầu : những mâu thuẫn trong tâm trạng của nhân vật trữ tình.

+ 2 câu giữa : nỗi khổ đau

+ 2 câu sau : sự cao thượng chân thành.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Trước hoạt động: Em biết tác phẩm nào của văn học Nga? Đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác phẩm đó?	**- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.**
Trong hoạt động:GV đặt câu hỏi thảo luận theo nhóm bàn: + Nêu những nét chính về tác giả Pu –skin ? + Các thể loại sáng tác và nội dung tác phẩm của Puskin ? vị trí và tài năng của Puskin trong nền VH Nga ? + Bài thơ viết về đề tài gì ? đó là đề tài như thế nào trong thơ ca? + Hoàn cảnh sáng tác bài thơ? + Chia bố cục bài thơ và nêu nội dung từng phần? **GV nhận xét, chốt lại ý chính.** **GV cho HS đọc bài thơ, hướng dẫn cách đọc**	**- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút.** **- HS thảo luận theo cặp 3p.** **- Đại diện 1 - 2 nhóm báo cáo sản phẩm.** **- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung** **HS sử dụng sgk.** **HS đọc bài thơ.**

Nội dung 2: Đọc hiểu chi tiết văn bản

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2,Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:gồm 3 nội dung: Những mâu thuẫn trong tâm trạng (4 câu đầu), nỗi khổ đâu của nhân vật trữ tình (2 câu tiếp), sự cao thượng chân thành (2 câu cuối)

c. Sản phẩm

II. Đọc - hiểu:

1. Những mâu thuẫn trong tâm trạng (4 câu đầu)

- Tình cảm : *Tôi yêu…ngọn lửa*

tình chưa hẳn đã tàn phai , tình yêu trong tâm hồn chưa lụi tắt, vẫn còn dai dẳng cháy, vẫn được ấp ủ thú nhận tình yêu chân thành.

- Thể hiện tình yêu say đắm, mãnh liệt, biết là đơn phương nhưng vẫn yêu.

- Tuy rất yêu nhưng luôn biết tự kiềm chế " không để em bận lòng thêm nữa", chẳng muốn em buồn vì bất cứ lẽ gì.

+ Lý trí: *nhưng không để em* bận lòng thêm nữa

+ quyết định dứt khoát, vì hạnh phúc của em Vị tha, cao thượng, tình yêu đơn phương.

2. Nỗi khổ đau của nhân vật trữ tình (2 câu giữa)

- Một tình yêu cũng với nhiều cung bậc cảm xúc: lúc rụt rè, lòng ghen, yêu say đắm…

- Điệp khúc tôi yêu em kết hợp với những trạng thái cảm xúc dồn nén, dày vò chìm ẩn dưới đáy sâu của tâm hồn hành hạ con tim. Đó là những cung bậc, những trạng thái cảm xúc của người đang yêu.

3. Sự cao thượng chân thành (2 câu cuối)

- Khẳng định: Tôi yêu em chân thành đằm thắm

cảm xúc được giải tỏa dâng cao, tiết điệu nhanh, gấp diễn tả tính chất tươi sáng dạt dào cảm xúc.

- tác giả tỉnh táo, biết là tình yêu vô vọng nên đã ứng xử một cách cao thượng " cầu em được người tình như tôi đã yêu em" tình cảm cao thượng đầy chất nhân văn.

d. Các bước dạy học:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS

Trước hoạt động: Nêu cảm nhận ban đầu về tình yêu của Puskin trong bài thơ? **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm. GV chia lớp thành 04 nhóm và phát phiếu học tập. **Nhóm 1:** Điệp khúc nào làm nổi bật cảm xúc chủ đạo của bài thơ ? Tâm trạng nhân vật trữ tình được biểu hiện trong hai câu đầu như thế nào? **Nhóm 2:** Giọng điệu trữ tình được chuyển biến như thế nào từ câu 1, 2 sang câu 3, 4? Mâu thuẫn trong tâm trạng của nhân vật ? Gợi ý: - cách diễn đạt, tâm trạng gì của tác giả? - Giọng điệu trữ tình có gì thay đổi so với 2 câu trên ? **Nhóm 3:** Tâm trạng nhân vật trữ tình trong hai câu thơ thứ ba ? (biện pháp tu từ, tâm trạng cảm xúc…) **Nhóm 4:** Lời cầu chúc thể hiện điều gì ở nhân vật trữ tình ? Cảm nhận, suy nghĩ về tình yêu đơn phương trong bài thơ ? **GV yêu cầu HS sử dụng sgk** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	- HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân) **HS sử dụng sgk** **- HS thảo luận theo nhóm 5p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)**

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

c. Sản phẩm

1. Nghệ thuật:

- Ngôn ngữ thơ giản dị, trong sáng, hàm súc.
- Giọng điệu thơ chân thực, sinh động, lúc phân vân, ngập ngừng khi kiên quyết, day dứt…

2. *Ý nghĩa văn bản:*

Dù trong hoàn cảnh và tình yêu nào, con người phải sống chân thành, mảnh liệt, cao thượng và vị tha.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:** **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?	- HS đọc lại bài vừa học **HS sử dụng sgk** **- HS làm việc cá nhân** **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

1/ Bài thơ cần được đọc bằng một giọng điệu : Câu 1-2 đọc chậm, ngập ngừng, vừa như thú nhận vừa tự nhủ ; câu 3-4 đọc mạnh mẽ, dứt khoát như lời hứa, lời thề ; câu 5-6 đọc day dứt, buồn đau, chiêm nghiệm ; câu 7-8 : mong ước thiết tha mà điềm tĩnh.

2/ Có thể chia tách bài thơ thành 03 phần :

-Bốn câu đầu : Những tâm tư giằng xé ;

-Hai câu giữa : Nỗi khổ đau tuyệt vọng ;

-Hai câu cuối : Lời cầu chúc cao thượng, chân thành.

3/So sánh mạch cảm xúc ở 6 câu thơ đầu và 2 câu thơ cuối :

- Ở 6 câu thơ đầu, nhân vật trữ tình như bị giằng xé, xáo trộn bởi rất nhiều cung bậc cảm xúc của một trái tim yêu say đắm nhưng dường như không được đáp lại. Tình yêu âm thầm vô vọng cùng nỗi ghen tuông khiến nhân vật trữ tình rơi vào đáy sâu của nỗi khổ đau. Và ta tưởng cảm giác tuyệt vọng sẽ ngày càng giày vò nhân vật trữ tình.

- Nhưng đến 2 câu thơ cuối, mạch cảm xúc đã thay đổi đột ngột. Vượt lên nỗi buồn đau u ám, lòng ghen tuông ích kỉ, nhân vật trữ tình cầu chúc cho người yêu *được người tình như tôi đã yêu em*. Lời cầu chúc như một cảm xúc thăng hoa của một tình yêu chân thành, cao thượng.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: 1/ Bài thơ cần được đọc bằng một giọng điệu như thế nào? 2/ Có thể chia tách bài thơ thành các phần như thế nào ? Đặt tên cho mỗi phần. 3/ So sánh mạch cảm xúc ở 6 câu thơ đầu và 2 câu thơ cuối ?	- **HS thực hiện nhiệm vụ.** - **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

Mở bài : Dẫn dắt ý liên quan. Nêu vấn đề cần nghị luận. Nhận định hiện tượng cuồng yêu là hiện tượng xấu, cần lên án.

Thân bài :

+ Giải thích: Cuồng yêu là gì là gì ? Biểu hiện của hiện tượng cuồng yêu ?

+ **Phân tích** Hậu quả, nguyên nhân của cuồng yêu ?

+ Biện pháp khắc phục hiện tượng cuồng yêu ?

Kết bài : Tóm lược hiện tượng xấu

- Liên hệ bản thân

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: Từ bài thơ *Tôi yêu em* của Pusin, viết bài văn ngắn (khoảng 400 từ) bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng sau được đăng trên báo http://giadinh.vnexpress.net: *Thạc sĩ giáo dục Phạm Phúc Thịnh cho rằng giới trẻ ngày nay yêu thoáng, sống vội mà quên mất giá trị cốt lõi của tình yêu là sự hy sinh. Họ đề cao cái tôi quá mức nên khi bị phụ tình thường tìm cách trả thù, thậm chí giết chết người yêu.*	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau.**

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; vẽ tranh

c. Sản phẩm:

+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy

+ Bài viết chân thành, cảm xúc;

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: **+ Vẽ sơ đồ tư duy bài học** **+ Sưu tầm và viết cảm nhận về một số bài thơ tình nổi tiếng của Puskin**	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau.**

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)
- Văn bản văn học 11,…

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn: /5/2021

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: TRUYỆN NƯỚC NGOÀI

Tiết 89 - 90: TT tiết dạy theo KHDH điều chỉnh:

NGƯỜI TRONG BAO
(Sê- khốp)

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		

1	Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện ngắn Sê-khốp	**Đ1**
2	+ Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm	**Đ2**
3	+ Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm: Hiểu được giá trị tư tưởng của truyện ngắn Người trong bao: phê phán lối sống sống ích kỉ, hèn nhát, hủ lậu của một bộ phận trí thức Nga ở TK XIX qua hình tượng người trong bao: Bê- li- cốp	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của truyện ngắn Sê-khốp.	**Đ5**
6	Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Người trong bao*và các tác phẩm khác của Sê - khốp.	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học: trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về đặc trưng truyện ngắn của Sê khốp	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện ngắn.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**

PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Có thái độ trân trọng tài năng của tác giả và căm ghét đấu tranh với lối sống thu mình trong bao.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10phút)	**Kết nối - Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm *Người trong bao.*	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I.Tìm hiểu chung. 1. Tác giả 2. Tác phẩm II. Đọc hiểu văn bản. 1. Chân dung Bê-li-cốp 2. Hình tượng cái bao III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá

HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não .	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**Đ5, V1**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TIẾT 1:
HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu: Đ1, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: 4 câu điền khuyết và 1 câu hỏi khái quát.

c. Sản phẩm:

1/ Sống như **rùa** rụt cổ, như **rắn** rụt đầu.

2/ Xăm xăm bước tới cây chanh

Thò tay định bẻ sợ cành có **gai**

3/ Nhát như **thỏ đế**

4/ Nước trong không có **cá,** khép nép không có **bạn**

→ Những câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao trên đề cập đến những người hèn nhát, luôn lo sợ, sống thu mình, sống khép nép, ngại va chạm

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	***Hoạt động của HS***
- GV tổ chức: Giáo viên đọc hết câu hỏi hiển thị trên màn hình, trong khoảng thời gian 10 giây học sinh nào giơ tay đầu tiên trả lời đúng sẽ có phần quà. Trả lời sai chỉ ưu tiên cho một người khác, nếu sai thì không có quà.GV chuyển sang câu hỏi tiếp theo. 1/ Sống như **...** rụt cổ, như ...rụt đầu. 2/ Xăm xăm bước tới cây chanh Thò tay định bẻ sợ cành có **...** 3/ Nhát như **...** 4/ Nước trong không có **...,** khép nép không có... - Những câu tục ngữ, ca dao trên đều đề cập đến vấn đề gì? => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Thế kỉ XIX là thời kì hoàng kim của văn học Nga với các tên tuổi như Puskin, Gô-gôn, Tuốc-ghê-ni-ép, Lép-tôn-xtôi, sê-khốp,..Chúng ta đã biết một nhà thơ Pusikn trong sáng, giản dị với tình yêu chân thành, cao thượng qua bài thơ "Tôi yêu em". Hôm nay, ta sẽ làm quen với "một Puskin trong văn xuôi". Đó là*	- HS tích cực tham gia trò chơi. - HS làm việc cá nhân

Sê-khốp với tác phẩm "Người trong bao".	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: **Đ2, Đ3, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về nội dung khái quát tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm

1.Tác giả:

– An-tôn Páp-lô-vích Sê-khốp (1860-1904), nhà văn Nga kiệt xuất.- Sê-khốp để lại hơn 500 truyện ngắn và truyện vừa, trong đó có nhiều tác phẩm đặc sắc: Anh béo và anh gầy, Con kì nhông, Phòng số 6…

* Đặc điểm truyện ngắn của Sê – khốp

Từ những cốt truyện giản dị, tác phẩm Sê-khốp đã đặt ra được những vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn, ý nghĩa nhân văn sâu xa.

2. Tác phẩm:

a. Hoàn cảnh sáng tác: Người trong bao, truyện ngắn nổi tiếng của Sê-khốp được sáng tác trong thời gian nhà văn dưỡng bệnh ở thành phố I-an-ta, trên bán đảo Crưm, biển Đen 1898.

Tác phẩm ra đời trong bầu không khí ngạt thở của nền chuyên chế Nga hoàng cuối thế kỉ XIX. Môi trường ấy đẻ ra lắm kiểu người kì dị, chẳng hạn Bê-li-cốp _người trong bao.

b. Bố cục truyện:

-Mở truyện: cuộc trò chuyện ở gần nhà kho giữa hai người bạn: bác sĩ thú y và thầy giáo.

-Thân truyện: về cuộc đời và tính cách của Bê-li-cốp.

- Kết truyện: nhận xét của bác sĩ thú y – người nghe chuyện.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Trước hoạt động: GV cho hs đọc tiểu dẫn và hệ thống lại những ý	**- HS làm việc cá nhân**

chính về tác giả,tác phẩm. **Trong hoạt động:** - GV giới thiệu nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Sê-khốp ?Tác phẩm được sáng tác trong hoàn cảnh nào? ?Truyện thiên về chủ đề nào trong những sáng tác của ông? ***GV Tích hợp kiến thức Lịch sử nước Nga cuối thế kỉ XIX hướng dẫn học sinh tìm hiểu hoàn cảnh ra đời truyện Người trong bao*** - Em hãy tóm tắt ngắn gọn cốt truyện ? **GV nhận xét, chốt lại ý chính.**	**-HS Tái hiện kiến thức và trình bày.** **HS sử dụng sgk.** **HS tóm tắt cốt truyện**

Nội dung 2: Đọc hiểu chi tiết văn bản

Mục II.1: Chân dung của Bê-li-cốp

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: Hs làm việc cá nhân, vaanjd ụng kĩ thuật tư duy, động não, trình bày một phút để tìm hiểu chân dung của Bê-li-cốp.

c. **Sản phẩm**

II/ Đọc - hiểu văn bản:

1/ <u>Chân dung của Bê-li-cốp</u>:

****Ngoại hình:***

– Gương mặt nhợt nhạt, nhỏ bé, choắt lại như mặt chồn.

– Cách ăn mặc phục sức: Đi gày cao su, cầm ô, nhất thiết phải mặt áo bành cặp kính đen trên gương mặt nhợt nhạt.

* ***Vật dụng hằng ngày:*** Cái ô, đồng hồ quả quýt, chiếc dao nhỏ để gọt bút chì … đều được để trong bao.

****Ngôn ngữ:*** "nhỡ lại xãy ra chuyện gì thì sao" à Nhút nhát, im lặng.

**** Hành động, sinh hoạt của cuộc sống hằng ngày:***

– Trời rất đẹp vẫn đi giày cao su, cầm ô, mặc áo bành tô ấm cốt bông, đeo kính râm…

**** Tính cách, suy nghĩ:***

– ý nghĩ giấu trong bao, luôn thõa mãn, hài lòng, hạnh phúc, mãn nguyện với lối sống của mình.

– Lối sống của Bê-li-cốp ảnh hưởng sâu sắc.

Khi Bêlicốp còn sống: anh chị em giáo viên trong trường nơi y làm việc, dân cư trong thành phố nơi y sống, tất cả mọi người đều sợ y, ghét y, tránh xa y.

* Như vậy Bê-li-cốp xuất hiện gây ấn tượng mạnh mẽ về kiểu người có lối sống lập dị, khát vọng mãnh liệt thu mình vào trong bao để tránh tiếp xúc, ảnh hưởng từ cuộc sống bên ngoài.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: Nêu cảm nhận ban đầu về hình ảnh Bê-li-cốp trong tác phẩm? **Trong hoạt động:** + Chân dung nhân vật chính được cụ thể hóa bằng những chi tiết nào? + Từ những chi tiết trên em nhận thấy có gì đặc biệt trong bức chân dung ấy? **GV yêu cầu HS sử dụng sgk** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	- HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân) **HS sử dụng sgk**

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CỦA TIẾT 1

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ

b. Nội dung: 3 câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm:

1. Các đồ vật của Bê-li-cốp có gì giống nhau?

A. Đều rất tiện dụng
B. Đều rất giản dị
C. Đều rất sang trọng
D. Đều để trong bao

Đáp án: D

Câu 2:Dòng nào nói đúng ý nghĩ xuất hiện thường xuyên trong đầu của Bê-li-cốp?

A.Sợ có ai làm hắn giật mình

B.Sợ có chuông điện thoại reo trong đêm

C. Sợ nhỡ lại xẩy ra chuyện gì

D. Sợ có ai đến nhà không báo trước

Đáp án: C

Câu 3: Tính cách hèn nhát của Bê-li-cốp được bộc lộ qua câu nói nào của hắn?

A. "Ồ ,tiếng Hi Lạp nghe thật tuyệt vời"

B. "Anh đã đi xe đạp điều đó không đúng với nhà giáo dục thiếu niên"

C. "Tôi chẳng làm điều gì sơ suất để cho mọi người diễu cợt như vậy"

D. "Vả lại nếu không có chỉ thị nào cho phép thì ta không được làm"

Đáp án: D

d. Các bước dạy học

GV chiếu lên slide 3 câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Các đồ vật của Bê-li-cốp có gì giống nhau?

A. Đều rất tiện dụng

B. Đều rất giản dị

C. Đều rất sang trọng

D. Đều để trong bao

Câu 2:Dòng nào nói đúng ý nghĩ xuất hiện thường xuyên trong đầu của Bê-li-cốp?

A.Sợ có ai làm hắn giật mình

B.Sợ có chuông điện thoại reo trong đêm

C. Sợ nhỡ lại xẩy ra chuyện gì

D. Sợ có ai đến nhà không báo trước

Câu 3: Tính cách hèn nhát của Bê-li-cốp được bộc lộ qua câu nói nào của hắn?

A. "Ồ ,tiếng Hi Lạp nghe thật tuyệt vời"

B. "Anh đã đi xe đạp điều đó không đúng với nhà giáo dục thiếu niên"

C. "Tôi chẳng làm điều gì sơ suất để cho mọi người diễu cợt như vậy"

D. "Vả lại nếu không có chỉ thị nào cho phép thì ta không được làm"

TIẾT 2:

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Mục II. 2: Cái chết của Bê-li-cốp

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: HS thảo luận nhóm để tìm hiểu cái chết của Bê-li-cốp

c. Sản phẩm

II.2. Về cái chết của Bê-li-cốp.

a. Nguyên nhân:

+ Vì bị ngã đau, lại mắc bệnh nặng lại không chịu chữa.

+ Vì bị sốc nặng trước thái độ và hành động của chị em Va-ren-ca.

+ Sâu xa hơn, đó là cái chết tất yếu.Tạng người và cách sống của y, trước sau gì cũng bị hoặc tự tiêu diệt.

– Thái độ của hắn khi đi vào cõi chết : vẻ mặt hiền lành, dễ chịu, tươi tỉnh à mãn nguyện

– Hắn mừng rằng cuối cùng hắn đã được chui vào trong cái bao mà từ đó không bao giờ phải thoát ra nữa…*hắn đã đạt được mục đích của cuộc* .

b. Khi Bê- li -cốp chết

+ Khi y chết, mọi người thấy nhẹ nhàng, thoải mái.

+ Một tuần sau người ta thấy xuất hiện nhiều người như hắn. Cuộc sống chẳng tốt đẹp gì hơn trước.

→ Bê- li-cốp không phải là một con người cụ thể, một trường hợp duy nhất mà đã trở thành nhân vật điển hình trong xã hội. Lối sống, kiểu người Bê-li-cốp đã đầu độc không khí trong sạch, lành mạnh của đạo đức, văn hoá nước Nga đương thời.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: Theo em, vì sao Bê-li-cốp lại chết? **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn và trả lời các câu hỏi: + Vì sao Bê-li-cốp chết? + Tìm chi tiết miêu tả về Bê-li-cốp khi hắn chết? + Thái độ của mọi người trước cái chết của Bê-li-cốp như thế nào? + Lấy ví dụ về tính cách, hành vi ứng xử, suy nghĩ giống với Bê-li-cốp trong cuộc sống xung quanh ta. + Theo em, chúng ta phải làm gì để loại bỏ kiểu người như Bê-li-cốp ra khỏi cộng đồng? **GV yêu cầu HS sử dụng sgk** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	- HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân) **HS sử dụng sgk** **- HS thảo luận theo nhóm 5p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)**

Mục II.3 Hình tượng "cái bao" trong tác phẩm

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ

b. Nội dung: Hs thảo luận nhóm để tìm hiểu về hình tượng cái bao trong tác phẩm

c. Sản phẩm:

3. Hình ảnh biểu tượng cái bao.

a. Khái niệm và vai trò của chi tiết nghệ thuật.

+ Chi tiết nghệ thuật không chỉ là yếu tố cấu thành tác phẩm mà còn là nơi gửi gắm những quan niệm nghệ thuật về con người, về cuộc đời…của nhà văn, nơi kí thác niềm ưu tư,

trăn trở của nhà văn trước cuộc đời.

- Nhà văn chỉ thực sự là "người thư kí trung thành của thời đại" (H.Balzac) khi anh ta có khả năng làm sống dậy cuộc đời trên trang sách bắt đầu từ những chi tiết nhỏ.

+ Trong tác phẩm văn chương, chi tiết có thể nhỏ về quy mô, tầm vóc nhưng nó chứa đựng tư tưởng lớn, tình cảm lớn. Không nhà văn vĩ đại nào không tập trung xây dựng hình tượng nghệ thuật từ những chi tiết nhỏ, đặc sắc.

b. Chi tiết *cái bao* trong tác phẩm.

– Chi tiết cái bao được miêu tả 12 lần. Hình ảnh cái bao là một trong những sáng tạo nghệ thuật độc đáo của tác giả, gợi cho người đọc nhiều ý nghĩ:

+ Nghĩa đen: Vật dụng để bao, gói đồ vật , hàng hóa..

+ Nghĩa bóng: Cuộc đời và số phận của Bê-li-cốp

+ Nghĩa biểu tượng: kiểu người, lối sống trong bao đã và đang tồn tại ở nước Nga. Nước Nga thời ấy phải chăng cũng là một cái bao khổng lồ vây hãm, ngăn chặn tự do..?

* Ảnh hưởng từ lối sống của Bê-li-cốp:

⇒ Bê- li- cốp là một nhân vật độc đáo, sản phẩm sáng tạo NT của thiên tài Sê khốp.

***. Chủ đề tư tưởng của truyện.**

– Chủ đề của tác phẩm là lên án, phê phán mạnh mẽ kiểu người trong bao, lối sống trong bao và tác hại của nó đối với XH. Đây là chủ đề lớn xuyên suốt những sáng tác của Sê – Khốp giai đoạn sau những năm 80. Tác giả có hẳn một bộ ba tác phẩm viết về chủ đề phê phán lối sống phê phán thói tầm thường dung tục, cuộc sống tiểu tư sản ngột ngạt và ngưng đọng với ảnh hưởng độc hại của nó: *Người trong bao, Khóm phúc bồn tử, câu chuyện tình yêu.*

– Cảnh báo, kêu gọi mọi người thay đổi cuộc sống, cách sống, không thể mãi sống hèn nhát, vô vị tự mãn như thế mãi.

– Bài học: trong cuộc sống cần phải tự tin, bản lĩnh, sống chan hoà với mọi người.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm chi tiết nghệ thuật, chủ đề và vai trò của chủ đề đối với một tác phẩm. **Trong hoạt động:** - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: + Chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong tác phẩm Người trong bao là gì? Chi tiết này được lặp lại bao nhiêu lần? + Qua hình tượng cái bao em hãy phát biểu chủ đề tư tưởng của truyện? **GV yêu cầu HS sử dụng sgk** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	- HS nêu suy nghĩ của cá nhân HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân) **HS sử dụng sgk** **- HS thảo luận theo nhóm 5p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)**

Mục III. Tổng kết

a. Mục tiêu: Đ4, Đ5, GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

c. Sản phẩm

1. Đặc sắc nghệ thuật.

– Ngôi kể thứ 3: khách quan, truyện lồng trong truyện.
– Giọng kể : Mỉa mai, châm biếm mà bình thản.
– Xây dựng nhân vật điển hình
– Xây dựng biểu tượng: cái bao
– Kết thúc truyện có lời bình luận và làm nổi rõ chủ đề cuả truyện

2. Ý nghĩa văn bản:

Thể hiện cuộc đấu tranh giữa con người với cái "bao"chuyên chế và khát vọng sống là mình, loại bỏ lối sống "trong bao", thức tỉnh "con người không thể sống mãi như thế này được".

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:** **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?	- HS đọc lại bài vừa học **HS sử dụng sgk** **- HS làm việc cá nhân** **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5,GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

1) Nội dung chính của văn bản:

- Diễn tả cái chết mãn nguyện của nhân vật *Người trong bao Bê-li-cốp*;
- Nhà văn cảnh báo sức ảnh hưởng của cái chết đó đối với nước Nga đương thời.

2) Chi tiết Bê-li-cốp *nằm trong quan tài, vẻ mặt hắn trông hiền lành, dễ chịu, thậm chí còn có vẻ tươi tỉnh* nữa có ý nghĩa cái chết chính là sự giải thoát và hạnh phúc của Bê –li-cốp. Bởi vì, y được nằm trong cái bao tốt nhất, bền vững nhất, mà từ lâu đó vẫn là mong muốn thành thực nhất của y.

Giọng văn của tác giả : mỉa mai, châm biếm mà trầm tĩnh, chậm buồn.

3) Biệp pháp tu từ liệt kê : *nặng nề, mệt nhọc, vô vị, chẳng bị chỉ thị nào cấm ,chẳng được tự do hoàn toàn,chẳng tốt đẹp gì hơn trước*

- Hiệu quả: Bằng phép liệt kê, nhà văn khái quát ảnh hưởng, tác động sâu rộng, dai dẳng, nặng nề của kiểu người Bê-li-cốp, lối sống trong bao đã ám ảnh, đầu độc bầu không khí trong sạch, lành mạnh của đạo đức, văn hoá và tiến bộ nước Nga đương thời. Qua đó, nhà văn Sê-khốp nhấn mạnh rằng Bê-li-cốp chính là điển hình cho một kiểu người, một hiện tượng xã hội đáng báo động trong tầng lớp trí thức Nga cuối thế kỉ XIX. Nó chỉ chấm dứt khi có một cuộc cách mạng xã hội thay đổi tận gốc rễ quan niệm sống, nếu không thì cũng giống như cái xác Bê-li-cốp nằm trong quan tài kia thôi. Mặc dù Bê-li-cốp chết nhưng lối sống "trong bao" của anh ta vẫn tồn tại.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**
GV giao nhiệm vụ: *Một tháng sau, Bê-li-cốp chết. Bấy giờ, khi nằm trong quan tài, vẻ mặt hắn trông hiền lành, dễ chịu, thậm chí còn có vẻ tươi tỉnh nữa, cứ hệt như hắn mừng rằng cuối cùng hắn đã được chui vào trong cái bao mà từ đó không bao giờ phải thoát ra nữa. Phải rồi, thế là hắn đã đạt được mục đích của đời! […]* *Từ nghĩa địa trở về, lòng chúng tôi đều cảm thấy nhẹ nhàng, thoải mái. Nhưng chưa đầy một tuần sau, cuộc sống đã lại diễn ra như cũ, nặng nề, mệt nhọc, vô vị, một cuộc sống chẳng bị chỉ thị nào cấm đoán nhưng cũng chẳng được tự do hoàn toàn, chẳng tốt đẹp gì hơn trước. Trên thực tế, Bê-li-cốp đã chầu âm phủ*	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**.

nhưng hiện còn bao nhiêu người trong bao, trong tương lai cũng sẽ còn bao nhiêu kẻ như thế nữa! (Trích *Người trong bao*, Sê-khốp) ***Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu sau:*** 1) Nêu nội dung chính của văn bản? Phương thức biểu đạt của văn bản là gì? 2) Chi tiết Bê-li-cốp *nằm trong quan tài, vẻ mặt hắn trông hiền lành, dễ chịu, thậm chí còn có vẻ tươi tỉnh* nữa có ý nghĩa gì? Hãy xác định giọng văn của tác giả qua chi tiết đó. 3) Xác định biệp pháp tu từ cú pháp trong câu văn *Nhưng chưa đầy một tuần sau, cuộc sống đã lại diễn ra như cũ, nặng nề, mệt nhọc, vô vị, một cuộc sống chẳng bị chỉ thị nào cấm đoán nhưng cũng chẳng được tự do hoàn toàn, chẳng tốt đẹp gì hơn trước.* Nêu ý nghĩa nghệ thuật của biện pháp tu từ đó. **-Nhận xét, chuẩn kiến thức.** **(NL giải quyết vấn đề)**	

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

Mở bài:

– Giới thiệu về truyện ngắn "Người trong bao", giới thiệu câu nói của bác sĩ :"không thể sống mãi như thế được".

– Dẫn dắt vào vấn đề nghị luận: lối sống trong bao của Bê-li-cốp

Thân bài:

1.Phân tích ngắn gọn nhân vật Bê li cốp và lối sống trong bao: hèn nhát, cô độc, máy móc, giáo điều, thu mình trong "bao", tách biệt với thế giới bên ngoài.

2.Phân tích ý nghĩa câu nói của bác sĩ "không thể sống mãi như thế được":

-Phê phán mạnh mẽ kiểu "người trong bao", "lối sống trong bao" cùng tác hại của nó đối với hiện tại và tương lai nước Nga.

-Cảnh báo và kêu gọi mọi người cần phải thay đổi cách sống, không thể sống tầm thường, hèn nhát, ích kỉ, vô vị và hủ lậu mãi như thế.

3.Bàn về hiện tượng

+Bàn về nguyên nhân dẫn tới lối sống đó:

-Khách quan: do chế độ xã hội

-Chủ quan: Do tính cách, quan điểm sống của mỗi người

+Bàn về tác hại của lối sống

+Phê phán những biểu hiện của lối sống trong xã hội ngày nay.

+Bàn về phương pháp khắc phục, sửa đổi bản thân để tự hoàn thiện mình…

Kết bài : bài học về nhận thức và hành động

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**
GV giao nhiệm vụ: ***Cuối tác phẩm "Người trong bao" (A.P.Sê khốp), nhân vật bác sĩ Ivan nứt nói câu: "không thể sống mãi như thế được". Câu nói ấy có ý nghĩa gì? Hãy viết một bài văn nghị luận bàn về hiện tượng sống đó?***	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.**

HĐ TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; vẽ tranh chân dung nhân vật

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Tranh vẽ của HS(thể hiện trí tưởng tượng phong phú để vẽ tranh biếm hoạ)

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**

GV giao nhiệm vụ: + Vẽ sơ đồ tư duy bài học + Vẽ lại chân dung nhân vật người trong bao.	- **HS thực hiện nhiệm vụ:** - **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.**

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)
- Văn bản văn học 11,…

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:
Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: TRUYỆN NƯỚC NGOÀI
Tiết 91 - 92 – TT tiết dạy theo KHDH
NGƯỜI CẦM QUYỀN KHÔI PHỤC UY QUYỀN
(Trích: Những người khốn khổ - V. Huy Gô)

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Năng lực thu thập thông tin liên quan đến V.Huy-gô và tiểu thuyết *Những người khốn khổ*	**Đ1**
2	+ Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm	**Đ2**

3	+ Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được chủ đề tư tưởng, thông điệp mà văn bản gửi gắm: Cảm nhận được thông điệp của nhà văn về sức mạnh của tình người và tình thương như là một trong những giải pháp cứu vãn, thay đổi xã hội.	**Đ4**
5	Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật tiêu biểu của tiểu thuyết nước ngoài.	**Đ5**
6	Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Người cầm quyền khôi phục uy quyền*và tiểu thuyết *Những người khốn khổ*	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học: trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về truyện nước ngoài	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của văn bản.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: NHÂN ÁI		
10	Học sinh biết đồng cảm thương yêu những người khốn khổ từ đó chủ động lên án, phê phán sự cường quyền, bạo ngược xuất hiện trong cuộc sống.	**NA**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10phút)	**Kết nối - Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I.Tìm hiểu chung. 1. Tác giả 2. Tiểu thuyết *Những người khốn khổ* *3. Đoạn trích* II. Đọc hiểu văn bản. 1. Nhân vật Gia-ve 2. Nhân vật Giăng-van-giăng III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá

			hành. Kỹ thuật: động não .	Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở;Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**Đ5, V1**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TIẾT 1:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (CHO CẢ 2 TIẾT)

a. **Mục tiêu: Kết nối - Đ1, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: xem video và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm:

Những người khốn khổ là câu chuyện về xã hội nước Pháp trong khoảng hơn 20 năm đầu thế kỷ 19 kể từ thời điểm Napoléon I lên ngôi và vài thập niên sau đó. Nhân vật chính của tiểu thuyết Giăng-van-giăng, một cựu tù khổ sai tìm cách chuộc lại những lỗi lầm gây ra thời trai trẻ. Bộ tiểu thuyết không chỉ nói tới bản

chất của cái tốt, cái xấu, của luật pháp, mà tác phẩm còn là cuốn bách khoa thư đồ sộ về lịch sử, kiến trúc của Paris, nền chính trị, triết lý, luật pháp, công lý, tín ngưỡng của nước Pháp nửa đầu thế kỷ 19. Chính nhà văn Victor Hugo cũng đã viết cho người biên tập rằng: "Tôi có niềm tin rằng đây sẽ là một trong những tác phẩm đỉnh cao, nếu không nói là tác phẩm lớn nhất, trong sự nghiệp cầm bút của mình".

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	***Hoạt động của HS***
- GV chiếu cho HS một đoạn video về tiểu thuyết *Những người khốn khổ*. Sau đó, GV đưa ra câu hỏi: Nội dung của tiểu thuyết *Những người khốn khổ* là gì? Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Nhắc tới nền văn học Pháp, độc giả trên thế giới luôn ngưỡng mộ về thiên tài V. Huy- gô, người đã làm nên tên tuổi và sự nghiệp của mình không chỉ do những kiệt tác, mà còn do những hoạt động không ngừng nghỉ vì sự tiến bộ của con người. Hơn một thế kỉ qua, người yêu văn học ở mọi nơi trên thế giới đã làm quen với bộ tiểu thuyết lãng mạn tuyệt vời "Những người khốn khổ". Cuộc đời khốn khổ người tù khổ sai và tâm hồn cao cả, thánh thiện của nhân vật chính Găng van-Giăng khiến chúng ta vô cùng cảm phục và xúc động. Đoạn trích kể lại chiến công đầu tiên của Găng van- Găng trong cuộc quyết đấu với cường quyền và cái ác. Để hiểu rõ hơn về nội dung tác phẩm chúng ta cùng tìm hiểu đoạn trích sau.*	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về nội dung khái quát tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm

I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả:

- Victo Huy-gô (1802-1885) nhà văn thiên tài của nước Pháp, danh nhân văn hóa nhân loại, người bạn lớn của những người khốn khổ luôn hoạt động động vì sự tiến bộ của con người.

2. Sự nghiệp:

- Nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà soạn kịch lãng mạn nổi tiếng của nước Pháp của thế kỷ XIX
- Những tác phẩm tiểu biểu: Nhà thờ đức bà Pari, Những người khốn khổ, Tia sáng và bống tối…

3. Tác phẩm:

a. Tóm tắt: (SGK)

b. Đoạn trích:

- Vị trí đoạn trích nằm ở cuối phần thứ nhất: Phăng-ti, thị trưởng Ma-đơ-len (Giăng Van-giăng) rơi vào tay Gia-ve. Phăng-tin tắt thở trước khi biết sự thật về ông thị trưởng và con gái mình.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Trước hoạt động: GV cho hs đọc tiểu dẫn và hệ thống lại những ý chính về tác giả,tác phẩm. **Trong hoạt động: Gv yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi:** ? Nét chính trong cuộc đời và sự nghiệp của V. Huy-gô? ? Nội dung chính của tiểu thuyết *Những người khốn khổ*? ? Nêu vị trí đoạn trích? **GV nhận xét, chốt lại ý chính.**	**- HS làm việc cá nhân** **HS Tái hiện kiến thức và trình bày.** **HS sử dụng sgk.**

Nội dung 2: Đọc hiểu chi tiết văn bản

Mục II.1 Nhân vật Gia-ve

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: Tìm hiểu 1 nội dung là nhân vật Gia-ve.

c. Sản phẩm

1. Nhân vật Gia-ve:

- Là một thanh tra, cảnh sát
- *Diện mạo:*
  + Cập mắt như cái móc sắt
  + Bộ mặt góm giếc
  + Cái cười ghê tởm nhe tất cả hai hàm răng.

=> Hiện lên một con người ác thú.

- *Ngôn ngữ:* Thô lỗ tục tằn, vô văn hoá.
- *Hành động:*

+ Đối với Giăng-Van-Giăng: giậm chân phát khùng và hét lớn.

+ Đối với P.Tin: độc ác vô cảm trước nỗi đau của đồng loại.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: Nêu cảm nhận ban đầu về nhân vật Gia-ve trong tác phẩm? **Trong hoạt động:** + Em có nhận xét gì về diện mạo, ngôn ngữ, hành động và diễn biết thái độ của Gia – Ve? - GV nhận xét, chốt kiến thức.	- HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân) **HS sử dụng sgk**

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CỦA TIẾT 1

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ

b. Nội dung: 3 câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm:

Câu 1: Ai được xem là "nhà thơ, nhà soạn kịch, nhà tiểu thuyết nổi tiếng của nước Pháp?

A. Ban-dắc B. Ta-go

C. Puskin **D. Huy-gô**

Câu 2: Chi tiết nào cho thấy V. Huy-gô miêu tả Gia-ve trong đoạn trích như một con thú dữ đang thôi miên con mồi?

A. "Gia-ve tiến vào giữa phòng hét lên"

B. "Trong cái điệu hắn nói lên hai tiếng ấy có cái gì man rợ và điên cuồng[...]Không còn là tiếng người nói mà là tiếng thú gầm"

C. " Hắn đứng lì một chỗ mà nói; hắn phóng vào Giăng-van-giăng cặp mắt nhìn như cái móc sắt."

D. "Gia-ve đã túm cổ áo Giăng-van-giăng. Gia-ve phá lên cười, cái cười ghê tởm phô ra tất cả hai hàm răng."

Câu 3: Trong đoạn trích, khi Gia-ve quát "Mau lên!", lời bình của người kể chuyện như thế nào?

A. Không còn tiếng người mà là tiếng thú gầm.

B. Tiếng thét đó mới uy lực làm sao.

C. Tiếng thét đó đã chứng tỏ sự uy quyền của Gia-ve trước những thân phận khốn khổ.

D. Tiếng thét thật thô bạo.

Câu 4:Trong đoạn trích, Gia-ve được khắc họa với diện mạo như thế nào?

A. Ác thú B. Chó dữ

C. Cọp **D. Cả ba đáp án trên**

d. Các bước dạy học

Gv chiếu lên slide 5 câu hỏi trắc nghiệm. Gv đọc lần lượt các câu hỏi. Trong 10 giây, HS nào trả lời nhanh đầu tiên sẽ nhận được quà.

TIẾT 2: CÁC HĐ:

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

NỘI DUNG 2: ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

Mục II.2 Nhân vật Giăng-van-giăng

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4,Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: Thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn để tìm hiểu nhân vật Giăng-van-giăng

c. Sản phẩm:

2. Nhân vật Giăng Van Giăng:

a. Hoàn cảnh - số phận:

- Vì nghèo đói nên lấy cắp bánh mì nuôi cháu, bị phạt tù khổ sai 19 năm.
- Ra tù trở thành người tốt, được làm thị trưởng luôn giúp đỡ mọi người.
- Gia-Ve ganh ghét tố giác bị vào tù .
- Ra tù tiếp tục giúp` đỡ mọi người, cuối cùng chết trong cảnh cô đơn.

=> Giăng-Van-Giăng là con người của tình thương, của sự nghèo khổ và kém may mắn.

b. Tính cách - phẩm chất:

* Con người của tình thương:

- Quyết định ra đầu thú để cứu nạn nhân bị Gia-Ve bắt oan.
- Đối với Phăng-Tin:

+ Đều quan tâm nhất lúc này là bệnh tình và tìm được đứa con gái cho Phăng-Tin

+ Nói với Gia-Ve giọng nhún nhường nnhẹ nhàng xin hoản lai 3 ngày để tìm con cho Phăng Tin.

→ Con người đầy tình thương và trách nhiệm.

+ Khi Phăng-tin chết → Giăng-Van-Giang như chết lặng đi, một nỗi đau xót khôn tả, sửa sang lại tóc, vuốt mắt cho chị, đặt lên tay chị một nụ hôn, thì thằm với chị những lời cứu cánh.

=> Những hành động và việc làm cao cả đầy tình nghĩa lòng nhân ái sống hết mình cho tình thương đồng thời thể hiện giá trị thẩm mỹ giàu chất nhân văn trong một con người nghèo khổ.

* Con người kiên cường dũng cảm chống lại cường quyền áp bức:

- Lúc đầu: Điềm tĩnh đoán nhận sự thật, từ tốn, nhún nhường, nhỏ nhẹ, cầu xin Gia-Ve hoãn lại 3 ngày.
- Về sau: Người cầm quyền khôi phục uy quyền.

+ Giọng điệu: Lạnh lùng đầy thách thức.

+ Hành động: Cầm thanh sắt như bất chấp, căm thù, dũng cảm.

*** Yếu tố nghệ thuật lãng mạn:**

- Cái chết bi thảm đầy thương tâm nhưng không gợi sự bi luỵ.
- Gương mặt sáng rỡ, nụ cười trên môi → Khẳng định sức mạnh của tình thương yêu con người có thể đẩy lùi cường quyền và áp bức, nhen nhóm niềm tin ở tương lai.
- Cái chết thật bi thảm nhưng chị đi vào cõi chết thật đẹp đẽ.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: Dựa vào tóm tắt truyện và đoạn trích, hãy cho biết hoàn cảnh và số phận của Giăng-Văn-Giăng? **Trong hoạt động: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm:** **Nhóm 1 :** Nhân vật Giăng Van-giăng được miêu như thế nào đối với Phăng-tin? Qua đó cho em thấy vẻ đẹp gì ở Giăng-van-giăng? **- Nhóm 2:** Nhân vật Giăng Van-giăng được miêu như thế nào đối với Gia-ve?. + Trước khi Phăng-tin chết? + Sau khi Phăng-tin chết? Qua đó em thấy Giăng Van-giăng hiện lên là người như thế nào? **- Nhóm 3, 4:** Tìm những chi tiết để thấy Giăng-van-giăng được miêu tả gián tiếp + Qua thái độ của Phăng-tin? + Bà xơ Xem-pli-xơ? + Trữ tình ngoại đề? Qua đó em có nhận xét gì về Giăng Van-giăng? **GV yêu cầu HS sử dụng sgk** - GV nhận xét, chốt kiến thức. - Em có nhận xét gì về yếu tố lãng mạn trong đoạn trích?	- HS nêu suy nghĩ ban đầu của cá nhân HS suy nghĩ và trả lời (cá nhân) **HS sử dụng sgk** **- HS thảo luận theo nhóm 5p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)** **HS trả lời cá nhân.** **HS trả lời cá nhân.**

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

c. Sản phẩm

1. Nghệ thuật:

- Khắc họa tính cách nhân vật và đối lập nhân vật(Gia-ve >< Giăng Van-giăng).
- Xung đột giàu kịch tính.

2. Ý nghĩa văn bản:

- Uy quyền mà người cầm quyền khôi phục chỉ là cái tạm thời, "*Trên đời chỉ có một điều ấy thôi, đó là thương yêu nhau*" mới là vĩnh viễn

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:** **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?	- HS đọc lại bài vừa học **HS sử dụng sgk** **- HS làm việc cá nhân** **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ3,Đ4, Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: **1a,2a,3c.**

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: 1. Vích-to Huy-gô là :	- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm

a. Thiên tài văn học của nước Pháp thế kỉ XIX. b. Nhà thơ, nhà tiểu thuyết, nhà viết kịch vĩ đại của nước Anh thế kỉ XIX. c. Đại văn hào của nước Anh thế kỉ XIX. d.Thiên tài văn học của nước Đức thế kỉ XIX. 2. Ai là nhân vật chính của bộ tiểu thuyết "Những người khốn khổ" ? a. Giăng Van-giăng b. Mi-ri-en c. Phăng-tin d.Ga-vơ-rốt 3. Trong đoạn trích "Người cầm quyền khôi phục uy quyền", dụng ý của nhà văn khi xây dựng nhân vật Gia-ve là gì ? a. Xây dựng nhân vật Gia-ve như một ông thanh tra mật thám mẫn cán, tận tụy với công việc. b. Xây dựng nhân vật Gia-ve như một công cụ vô ý thức của nhà cầm quyền. c. Xây dựng nhân vật Gia-ve như một con thú dữ. d. Xây dựng nhân vật Gia-ve như một con người có ý chí sắt đá.	vụ:

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

1/ Đoạn văn từ câu *"Ông nói gì với chị...có thể là những sự thực cao cả"* là lời củatác giả Huy-gô. Thuật ngữ văn học dùng để chỉ tên loại ngôn ngữ này là trữ tình ngoại đề.

2/ Đoạn văn sử dụng biện pháp nghệ thuật câu hỏi tu từ là chủ yếu.

Hiệu quả:

+ Khẳng định niềm tin vào sức mạnh của cái thiện.

+ Như một niềm trân trọng, an ủi của tác giả.

+ Thể hiện tư tưởng, quan điểm của nhà văn : trong bất kỳ khó khăn và tuyệt vọng nào, con người chân chính bằng ánh sáng tình thương có thể đánh đuổi được cường quyền và nhen nhóm niềm tin vào tương lai.

3/ Từ láy khi kể về nhân vật *Giăng Van-giăng* trong đoạn văn: *thì thầm.* Ý nghĩa của từ láy này: đây là từ láy tả âm thanh gợi không gian lặng lẽ khi nói với người đã chết của *Giăng Van-giăng* . Qua đó, ta thấy Giăng Van-giăng lại là một người đàn ông sống có trách nhiệm và luôn thường trực một tình thương cao cả đối với những người nghèo khổ. Với một tâm hồn cao thượng như vậy, Giăng Van-giăng luôn cận kề bên cạnh bao cảnh sống cơ hàn. Lẽ sống của ông dã che chở và nâng đỡ bao cảnh đời tủi nhục. Đối với Giăng Van-giăng, tình người, tình đời thật lớn lao. Ông chính là đại diện của lẽ sống vì tình thương.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**
GV giao nhiệm vụ: *Ông nói gì với chị? Người đàn ông bị ruồng bỏ ấy có thể nói gì với người đàn bà đã chết? Những lời ấy là lời gì vậy? Chẳng ai trên thế gian này nghe được. Kẻ đã chết có nghe thấy không? Có những ảo tưởng cảm động có thể là những sự thực cao cả. Điều mà chẳng ai nghi ngờ là bà xơ Xem-pli-xơ, người độc nhất chứng kiến cảnh ấy, thường kể lại rằng lúc Giăng Van-giăng thì thầm bên tai Phăng-tin bà trông thấy rõ ràng một nụ cười không sao tả được hiện trên đôi môi nhợt nhạt và trong đôi mắt xa xăm, đầy ngỡ ngàng của chị khi đi vào cõi chết*.. (*Trích* Người cầm quyền khôi phục uy quyền, Ngữ văn 11,tập 2, NXB Giáo dục, 2007, tr.79). ***Đọc văn bản trên và thực hiện những yêu cầu sau từ câu 1 đến câu 4:*** 1/ Đoạn văn từ câu *"Ông nói gì với chị...có thể là những sự thực cao cả" là lời của ai?*Thuật ngữ văn học dùng để chỉ tên	**- HS thực hiện nhiệm vụ** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

loại ngôn ngữ này là gì? 2/ Đoạn văn sử dụng biện pháp nghệ thuật gì là chủ yếu ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp nghệ thuật đó ? 3/ Xác định từ láy khi kể về nhân vật *Giăng Van-giăng* trong đoạn văn. Từ láy đó nói lên điều gì về con người của nhân vật *Giăng Van-giăng ?*	

HOẠT ĐỘNGTÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; tìm đọc các tác phẩm liên quan

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Tìm qua sách tham khảo

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của GV
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Tìm đọc toàn bộ tiểu thuyết Những người khốn khổ và một số bài thơ lãng mạn của Huy go	**- HS thực hiện nhiệm vụ** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.**

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại (tập 1)
- Văn bản văn học 11,…

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:
Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: VĂN NGHỊ LUẬN (TIẾP)
Tiết 93– TT tiết dạy theo kế hoạch:
THAO TÁC LẬP LUẬN BÌNH LUẬN

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Nắm được yêu cầu và cách sử dụng thao tác lập luận bình luận trong văn nghị luận.	**Đ1**
2	Đọc – hiểu văn bản để tìm thao tác lập luận bình luận	Đ2
3	Thu thập thông tin liên quan đến thao tác lập luận bình luận	**Đ3**
4	Nhận diện phân tích thao tác lập luận bình luận trong văn bản nghị luận.	**Đ4**
5	Biết cách phân tích một vấn đề chính trị, xã hội hoặc văn học	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thao tác lập luận bình luận	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết về thao tác lập luận bình luận vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**

NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Nhận thức sâu sắc vai trò của thao tác bình luận, có ý thức vận dụng sáng tạo hiệu quả vào việc viết văn bản nghị luận . Bài học có ý nghĩa về đạo đức	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (07 phút)	**Kết nối - Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thao tác lập luận bình luận	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Mục đích, yêu cầu của thao tác lập luận bình luận II. Cách bình luận	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá

			thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận bình luận	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp:

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Chi tiết ***cái bao*** trong tác phẩm Người trong bao của Sê khôp có ý nghĩa gì?

3. Tổ chức dạy và học bài mới:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.

a. Mục tiêu: Kết nối - Đ1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: HS vận dụng các thao tác lập luận đã học để giải quyết vấn đề.

c. Sản phẩm

Đoạn văn bình luận về cái chết của Chi Phèo.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- **GV giao nhiệm vụ**: Đoạn văn sau đây bình luận vấn đề gì? *Trong cơn khủng hoảng và bế tắc, Chí càng thấm thía hơn tội ác của kẻ đã cướp đi của mình cả bộ mặt lẫn linh hồn con người. Chí xách dao ra đi và đâm chết bá Kiến, đồng thời kết liễu cuộc đời mình. Ban đầu ai cũng nghĩ Chí cầm dao đi đến nhà thị Nở, nhưng bước chân đã đưa Chí đến nhà bá Kiến. Việc giết bá Kiến và tự sát không phải là hành động mù quáng do hơi men mang đến. Thực sự Chí đã thức tỉnh. Khi thức tỉnh, Chí biết mình không thể đập phá, chém giết như trước. Chí muốn lương thiện nhưng ai cho Chí lương thiện? Kẻ thù của Chí đâu phải chỉ là một mình bá Kiến hay bà cô thị Nở, mà là cả xã hội thối nát, tàn bạo đương thời. Đồng thời, chỉ có cái chết mới giúp Chí thoát khỏi kiếp sống của một con người - quỷ dữ. Trước đây, để tồn tại, Chí phải bán bộ mặt người và linh hồn cho quỷ dữ;*	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

đến nay, khi linh hồn đã trở về, Chí lại phải đánh đổi cả sự sống của mình. Với Chí, niềm khát khao được sống lương thiện còn cao hơn cả mạng sống. => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong bài nghị luận xã hội hoặc NLVH, việc bình luận về những vấn đề theo yêu cầu đề ra đòi hỏi phải nắm vững kĩ năng mới thuyết phục được người đọc, người nghe. Nắm vững thao tác lập luận bình luận là để củng cố thêm sự hiểu biết về kĩ năng bình luận của người viết.*	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. HOẠT ĐỘNG 1: MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU CỦA THAO TÁC LẬP LUẬN BÌNH LUẬN

a. Mục tiêu: **Đ1, Đ2, Đ3, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: gồm các nội dung: khái niệm thao tác lập luận bình luận, mục đích và yêu cầu của thao tác lập luận bình luận.

c. Sản phẩm

1. <u>Mục đích</u>:

Đánh giá, bàn luận→ xác định phải trái, dở hay, đúng sai, phải có sự trao đổi ý kiến với người đối thoại.

3. <u>Yêu cầu:</u>

- Bàn luận và đánh giá với những ai biết và quan tâm về điều cần bình luận.
- Chỉ bình luận khi có ý kiến riêng về điều được nêu ra và thật lòng muốn thuyết phục mọi người nghe theo sự đánh giá bàn luận của mình

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
<u>Trước hoạt động</u> : Em đã gặp tình huống nào sử dụng thao tác lập luận bình luận trong đời sống ? Hãy lấy một ví dụ cụ thể ? **<u>Trong hoạt động</u> : HS thảo luận theo cặp trong bàn :** -Trong đời sống, chúng ta có thường	HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)** **- HS làm việc theo cặp trong 4p**

gặp từ bình luận không? Thử giải thích ý nghĩa của từ bình luận trong các trường hợp ấy. -Bình luận khác giải thích và chứng minh ở điểm nào? -Yêu cầu để bình luận có sức thuyết phục là gì? -Vai trò và tầm quan trọng của việc thành thạo kĩ năng bình luân. **GV yêu cầu HS tìm hiểu mục I trong SGK** **-- GV chuẩn kiến thức.** **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi. - Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ	**- Đại diện 1 -2 cặp trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

NỘI DUNG 2: CÁCH BÌNH LUẬN

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3,Đ4,Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: Sử dụng phương pháp hoạt động nhóm, kĩ thuật động não, trình bày một phút để giải quyết các nội dung: bố cục bài văn nghị luận bác bỏ, cách thức bác bỏ và giọng điệu của văn nghị luận bác bỏ.

c. Sản phẩm

1. Bước thứ nhất: Nêu hiện tượng cần bình luận.

- Đảm bảo yêu cầu trung thực, khách quan, nhưng chỉ nêu ngắn gọn, rõ ràng những điều cơ bản theo yêu cầu bình luận .

2. Bước thứ hai: Đánh giá hiện tượng cần bình luận.

- Đề xuất chứng tỏ được ý kiến nhận định đánh giá của mình là xác đáng.

3. Bước thứ 3: Bàn về hiện tượng cần bình luận.

- Có những lời bàn sâu rộng về chủ đề bình luận.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Trước hoạt động : GV cho hs đọc tất cả những nội dung trong SGK và trả lời những câu hỏi nêu bên dưới sau khi đã thảo luận thống nhất. **- Trong hoạt động :** thảo luận theo nhóm bàn :	HS làm việc cá nhân **- HS làm việc theo nhóm trong 5p** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm**

+ Một bài bình luân thường có mấy bước? Nội dung của mỗi bước là gì?- Sau hoạt động : **- Sau hoạt động :** Khuyến khích HS xung phong trả lời và đưa ra kết luận.	**của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5, N1, V1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

Bài tập 1 - Bình luận không phải là sự -kết hợp của hai kiểu lập luận giải thích và chứng minh. Vì mục đích của bình luận là giúp người đọc, người nghe đánh giá hiện tượng được chính xác, toàn diệncông bằng và bình luận cùng họ về những ý kiến sâu rộng bằng ý sắc sảo chặt chẽ của riêng mình.

- Bình luận chỉ dành cho những người đã biết đã có những ý kiến của họ khác với ý kiến của người bình luận.
- Yêu cầu bình luận: trôi chảy, hấp dẫn, giaù nhiệt tình thuyết phục.

Bài tập 2: Đây là đoạn bình về vấn đề tai nạn giao thông hiện nay vì:

- Người viết nêu rõ chủ kiến của mình trước vấn đề tai nạn giao thông hiện nay.
- Nội dung bình luận được triển khai:

+ Phân tích đúng sai, đánh giá, tìm nguyên nhân (đoạn 1,2,3)

+ Mở rộng vấn đề (tác hại sâu xa đối với đất nước và hội nhập quốc tế) đoạn 4,5.

- Đề xuất giải pháp (đoạn 6).

Tổng kết bài học theo những câu hỏi của GV.

Bài tập 3:

Đối với con người thì việc hiểu biết và tôn trọng pháp luật chính là đạo đức. Đạo đức không thể là những lời hô hào suông, không phải là những lời nói văn vẻ tầm chương trích cú, không phải là bằng cấp cao, địa vị cao... Bởi vì có những "nhà nho suốt đời đọc sách" mà đối nhân xử thế lại "còn tệ hơn những người quê mùa chất phác". Những kẻ mù luật thì càng ở địa vị cao càng dễ phạm tội và càng gây ra nhiều nỗi oan khiên, đau khổ cho muôn dân. Vì vậy, tiêu chí hàng đầu để cất nhắc ai đó phải là tiêu chí giỏi luật, chí công vô tư. Chí công vô tư là đức trời cao cả mà con người phải suốt đời phấn đấu, rèn luyện mới có được!

Giáo dục pháp luật cho học sinh nói riêng, mọi công dân nói chung là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất trong hệ thống giáo dục của một xã hội văn minh bởi "trong

luật cái gì cũng công bằng, hợp với đức trời". Khi con người biết sống và làm việc "hợp với đức trời" tức là khi họ đã sống hài hoà với môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội, tức là khi họ đã biết tự phán xử những lỗi lầm của mình để kịp thời dừng lại, trước khi có ý nghĩ hoặc hành vi phạm tội!

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-GV giao nhiệm vụ: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1+2: Bài tập 1** * Yêu cầu phân tích: − Vấn đề bị bác bỏ ở mỗi đoạn văn? − Cách bác bỏ của mỗi tác giả? **Nhóm 3+4: Bài tập 2** Trong lớp có bạn cho rằng: Không kết bạn với những người học yếu. Anh (chị) hãy bác bỏ quan niệm đó. **- Bài tập 3:** HS làm việc cá nhân **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.**	**- HS thảo luận khoảng 5-7 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

- Mỗi người phải biết sống khẩn trương, mãnh liệt, tận hưởng và cống hiến trong từng khoảnh khắc thời gian hiện tại.

+ Thời gian luôn là kẻ thù của con người. Thời gian theo quan niệm của Xuân Diệu: trôi chảy vĩnh viễn, không bao giờ trở lại. Tuổi trẻ của con người cũng chỉ có một lần rồi tàn phai.

+ Vì vậy mỗi người phải biết quý trọng thời gian, biết tận dụng thời gian để sống và làm việc, biết sống có ý nghĩa cho mình, cho gia đình và xã hội. Tránh

lãng phí thời gian vào những việc vô bổ, ăn chơi, đắm mình trong những trò chơi vô nghĩa, sa vào những tệ nạn nghiện hút, cờ bạc, rượu chè,...

+ Muốn làm được điều đó, mỗi người phải xác định cho mình mục đích, lí tưởng sống và hành động đúng đắn.

+ Có sống hết mình, sống có ích, biết quý trọng thời gian, con người mới tránh khỏi sự hối hận tiếc nuối về những quãng đời đã qua.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn bình luận ý sau: ***Mỗi người phải biết sống khẩn trương, mãnh liệt, tận hưởng và cống hiến trong từng khoảnh khắc thời gian hiện tại.***	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.**

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a. Mục tiêu:Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Bài sưu tầm của HS

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: **+ Vẽ bản đồ tư duy bài học** + Sưu tầm những đoạn văn bình luận hay. Phân tích thao tác bình luận thể hiện qua đoạn văn đó	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.**

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn: /5/2021
Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: VĂN NGHỊ LUẬN (TIẾP)

Tiết 94 – TT tiết dạy theo kế hoạch điều chỉnh:
LUYỆN TẬP THAO TÁC LẬP LUẬN BÌNH LUẬN

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		

1	Nắm được yêu cầu và cách sử dụng thao tác lập luận bình luận trong văn nghị luận.	**Đ1**
2	Đọc – hiểu văn bản để tìm thao tác lập luận bình luận	**Đ2**
3	Thu thập thông tin liên quan đến thao tác lập luận bình luận	**Đ3**
4	Nhận diện phân tích thao tác lập luận bình luận trong văn bản nghị luận.	**Đ4**
5	Biết cách phân tích một vấn đề chính trị, xã hội hoặc văn học	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thao tác lập luận bình luận	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết về thao tác lập luận bình luận vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Nhận thức sâu sắc vai trò của thao tác bình luận, có ý thức vận dụng sáng tạo hiệu quả vào việc viết văn bản nghị luận . Bài học có ý nghĩa về đạo đức	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (07 phút)	**Kết nối - Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thao tác lập luận bình luận	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	Các bài tập trong sgk	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật:	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá

			động não.	
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận bình luận	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.

a. Mục tiêu: Đ4, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: HS vận dụng các thao tác lập luận đã học để giải quyết vấn đề.

c. Sản phẩm: *Đó chính là cái thiện giành lại uy quyền, sức mạnh để đẩy lùi cái ác.*

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- **GV giao nhiệm vụ**: Xác định câu văn bình luận trong đoạn văn sau: *Khi Phăng-tin đã trút hơi thở cuối cùng mà Gia-ve vẫn điên khùng chà đạp lên*	- **HS thực hiện nhiệm vụ.** - **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

tình người thiêng liêng, mất hết cả tính người, tác giả đã để cho Giăng Van-giăng chuyển biến đột ngột trong hành động : "ông cầm lăm lăm cái thanh giường trong tay và nhìn Gia-ve trừng trừng". Hành động đó làm Gia-ve phải lùi ra phía cửa, hắn thật sự "run sợ". Đó chính là cái thiện giành lại uy quyền, sức mạnh để đẩy lùi cái ác. => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Người viết đã bình luận ý nghĩa hành động của *Giăng Van-giăng.* Tiết trước, chúng ta đã nắm vững lí thuyết về thao tác lập luận bình luận. Tiết này, chúng ta sẽ thực hành	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Đ3,Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: lí thuyết và thực hành bài tập

c. Sản phẩm

Bài tập 1:

a. Xác định những vấn đề cần thiết:

- Bài viết nên là một bài bình luận vì tham gia diễn đàn tức là phát biểu ý kiến riêng của mình. Mà ý kiến riêng thì phải có nhận xét, đánh giá đúng sai, đề xuất cách giải quyết…→ bàn luận về vấn đặt ra.

- Chọn vấn đề cho bài viết: chọn vấn đề mà mình tâm đắc, am hiểu nhất. Nên chọn chủ đề đang được tranh luận.

- Dàn ý của bài viết nên theo ba phần:

+ Nêu vấn đề cần bình luận.

Vấn đề cần quan tâm của tuổi trẻ học đường là xây dựng phong cách văn hoá. Một trong những nội dung cần rèn luyện, cần phải tập trung "là lời ăn tiếng nói của một học sinh văn minh, thanh lịch".

+ Giải quyết vấn đề

* Chỉ ra vấn đề cần bình luận là gì?

Rèn luyện lời ăn tiếng nói để đảm bảo lối sống văn minh, thanh lịch là yêu cầu bức xúc hiện nay.

* Khẳng định vấn đề: đúng

* Mở rộng vấn đề:

+ Tại sao rèn luyện lời ăn tiếng nói hằng ngày để đảm bảo lối sống văn minh thanh lịch là yêu cầu bức xúc hiện nay? (thực tiễn trong cuộc sống hàng ngày, yêu cầu về giao tiếp, những đòi hỏi vè văn hoá ứng xử trong thời kỳ hội nhập, phát huy bản sắc, truyền thống văn hoá của cha ông từ ngàn xưa để lại- chứng minh bằng một số dẫn chứng tiêu biểu như giúp đỡ người già yếu, tàn tật, nói lời cảm ơn, giúp đỡ bạn khi gặp khó khăn…)

+ Làm thế nào để rèn luyện lối sống văn hoá (Mỗi người phải có ý thức rèn luyện, cả tập thể rèn luyện. Gia đình từ người trên đến người dưới đều rèn luyện, sao cho tất cả đều trở thành nếp sống trong xã hội. Trước khi nói phải xác định: Nói cho ai nghe, nói với ai? Nói ở đâu? Nói trong trường hợp nào? Không ngừng đấu tranh phên bình những người thực hiện chưa tốt).

* Nêu ý nghĩa vấn đề

+ Kết thúc vấn đề

* Liên hệ tới cuộc sống hiện tại

* Ý thức trách nhiện của bản thân.

b. Diễn đạt một luận điểm trong phần thân bài cho dàn ý vừa lập.

Viết một luận điểm trong phần thân bài

- Tại sao chúng ta phải rèn luyện phong cách học sinh văn minh, thanh lịch. Thực tiễn hằng ngày diễn ra xung quanh ta biết bao vấn đề mà những ai có lối sống văn hoá không thể nào không quan tâm. Bên cạnh những cử chỉ, lời nói có văn hoá, lịch sự còn có cách nói thô tục, mở miệng là nói tục. Nói thế, họ có biết đã xúc phạm tới người sinh ra mình như thế nào? Lại có cách gọi thật buồn về bố, mẹ hoặc thầy, u- là những từ đã đi sâu vào tiềm thức của người Việt Nam bao đời. Ông cho truyền cho con cháu cũng bằng những tiếng ấy. Đứa trẻ học nói cũng bắt đầu bằng những tiếng ấy. Vậy mà khi lớn lên ta lại gọi các bậc sinh thành bằng "ông bô", "bà bô", "cụ khốt" nghe lạ lẫm mà chẳng lọt vào lỗ tai chút nào.

Lẽ nào, một dân tộc đã chiến đấu và chiến thắng những kẻ thù lớn, đã từng chinh phục những nền văn minh lớn của châu Âu, châu Mĩ lại không thể chứng minh vẻ đẹp của của văn hoá? Một dân tộc đã có 4.000 năm lịch sử dựng nước và giữ nước tất phải có nền văn hoá lâu đời. Chẳng lẽ ngày nay lớp con cháu chúng ta lại làm mất đi vẻ đẹp ấy.

Hội nhập kinh tế toàn cầu là điều kiện để ta tiếp thu nền văn minh nhân loại. Chỉ có thể học được cái tốt khi mình có ý thức tốt. Làm sao để bè bạn khắp nơi hiểu ta hơn vì sự văn minh và thanh lịch.c. Tham gia bài viết có chủ đề tương tự.

c. Tham gia bài viết có chủ đề tương tự.
d. Trình bày trước lớp.
Bài tập 2:
a. Trình bày một luận điểm trong dàn bài mà các em vừa xây dựng trên lớp.
b. Bàn về một hiện tượng đang được dư luận xã hội quan tâm.
- Vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Bảo vệ môi trường.
- Phòng chống thiên tai.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-GV giao nhiệm vụ: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1+2: Bài tập 1** làm theo các yêu cầu a,b,c trong sgk (tr81, 82) − **Nhóm 3+4: Bài tập 2** Chọn một vấn đề tâm đắc để viết một đoạn văn bình luận. **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.**	**- HS thảo luận khoảng 5-7 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu:**Đ3,Đ4, Đ5, V1, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

B1- Xác định vấn đề cần bình luận, thể khí, thể lỏng và sự sống của muôn loài. Một trong những vấn đề xã hội ngày nay đặt ra là bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường đã trở thành vấn đề bức xúc với mỗi người, mỗi đơn vị, mỗi cộng đồng. Bảo vệ môi trường chính là bảo vệ sự sống, duy trì sự sống.

B2- khẳng định vấn đề

Bảo vệ môi trường là bảo vệ và duy trì sự sống. Điều ấy đặt ra hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của sự phát triển loài người, là đáp ứng đòi hỏi chính đáng của chúng ta.

B3- Mở rộng

- Tại sao phải đặt ra vấn đề bảo vệ môi trường

+ Không khí chúng ta hít thở đòi hỏi phải trong sạch. Bầu khí quyển hiện nay ra sao? Khói những nhà máy lớm, khí thải của các động cơ, hệ thống lò gạch nhan nhản ở khắp nơi thực sự là mối nguy cơ cho bầu không khí.Tất cả đòi hỏi chúng ta phải có ý thức bảo vệ môi trường.

+ Nguồn nước cung cấp để duy trì sự sống ngày càng bị thu hẹp lại. Nước ngọt ở ai, hồ, sông, suối bị ô nhiễm vẩn đục, lẽ nào chúng ta không thấy.

+ Rừng và cây xanh là lá phổi tự nhiên bảo vệ con người. Lượng oxy thả ra và thu về cacbonnic chỉ có cây xanh mới làm được. Thế mà rừng đầu nguồn bị khai thác bừa bãi. Nạn lâm tặc hoành hành. Những hàng tre hun hút, những hàng tre xanh làng tôi làng anh đâu còn nữa. Làm sao, ta không thấy.

+ Tất cả mọi cơ sở, nguồn cung cấp của môi trường ngày một mất dần đi, thu hẹp lại, nhưng con người thì cứ sinh sôi phát triển. Nhu cầu cung cấp cho đời sống con người đã vượt qua con số tính toán và tất nhiên nó phải vi phạm vào môi trường sống là điều không tránh khỏi. Chất thải của con người mỗi ngày không biết xử lý bằng cách nào. Nhiều địa phương đang lúng túng. Những có sở chế biến chất thải còn nhỏ hẹp không đáp ứng và chưa có tính phổ biến trên diện rộng.

+ Chất vô cơ sử dụng trong sản xuất nông nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu, diệt cỏ làm mất đi một số loài có lợi. Nguồn đất, nguồn nước bị ô nhiễm bởi thuốc trừ sâu. Một số cơ sở công nghiệp chế biến thức ăn gia súc đang gây ô nhiễm trong vùng lân cận.

+ Vấn đề xử lí nước thải của các nhà máy đang đặt ra nhiều khó khăn. Vùng hạ lưu các sông ở tỉnh Hà Nam, Ninh Bình đang kêu cứu./

Tất cả những vấn đề trên đây đặt ra cho chúng ta nhiệm vụ khẩn cấp phải bảo vệ môi trường sống.

- Bảo vệ môi trường bằng cách nào?

+ Xây dựng ý thức bảo vệ môi trường cho mỗi người, mỗi đơn vị, tập thể cộng đồng.

+ Đầu tư cho kế hoạch, có diện tích, có chiều sâu, những phương tiện bảo vệ môi trường. Đó là nhà máy phải được quy hoạch, xử lý nước thải và khí đọc làm ảnh hưởng môi trường xung quanh.

+ Trồng cây gây rừng, khai thác phải đi đôi với trồng trọt.

+ Nghiêm cấm những việc làm có hại tới môi trường.

+ Khu dân cư đông đúc phải có hệ thống cống rãnh thông thoáng.

+ Khuyến khích, phổ biến trồng vườn cây ăn trái vừa có thu hoạch vừ tạo cảnh quan, vừa góp phần làm trong sạch môi trường.

B4- Nêu ý nghĩa tác dụng của vấn đề bảo vệ môi trường.

- Duy trì sự sống của muôn loài

+ Con người

+ Loài vật

+ Cây cối

Vật nuôi, cây trồng lại có tác dụng trở lại môi trường.

- Bảo vệ môi trường làm đẹp thêm cảnh

+ Núi phủ cây xanh không còn phơi đầu trọc

+ Bãi biển sạch, nơi nghỉ mát của du khách

+ Hồ, ao, sông ngòi không còn bị ô nhiễm

+ Làng xóm đẹp thêm

- Cuộc sống con người cũng tăng thêm tuổi thọ, hạnh phúc nào bằng.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: Vấn đề bảo vệ môi trường **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.**	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ5, V1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

- Con đường lập nghiệp của thanh niên hiện nay rộng mở hơn, không chỉ giới hạn ở việc thi đỗ đại học ra làm "thầy", mà có thể học làm "thợ", thành những thợ lành nghề trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ mà nước ta đang rất thiếu.
- Nếu không được đến trường, bạn vẫn có thể tự học hoặc vừa học vừa làm, học cách lao động tự kiếm sống và vươn lên làm giàu. "Trường đời là trường học lớn nhất" (Lấy một vài dẫn chứng thực tế để minh hoạ về việc nhiều cá nhân đã đi lên

làm giàu bằng con đường tự học, tự lao động kiếm sống)...

- Từ bài *Sa hành đoản ca,* từ thực tế đời sống, thanh niên có thể thay đổi cách học "từ chương, giáo điều"; "nhai văn nhá chữ", coi trọng học đi đôi với hành, phát huy sáng tạo của người học (Liên hệ đến thực tế nhiều người không có bằng cấp mà đã sáng chế, sáng tạo ra nhiều công trình, công cụ lao động khoa học)...
- Học không chỉ để mưu cầu danh lợi cho bản thân mà còn phải gắn với yêu cầu của gia đình, xã hội và quê hương, đất nước.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của GV
GV giao nhiệm vụ: *Từ bài thơ Sa hành đoản ca (Bài ca ngắn đi trên bãi cát) của Cao Bá Quát, viết đoạn văn ngắn bình luận về con đường lập nghiệp của thanh niên hiện nay?*	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau.**

HOẠT ĐỘNGTÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a. Mục tiêu: Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

c. Sản phẩm:

- Bài sưu tầm của HS

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-GV giao nhiệm vụ: + Tìm đọc thêm một số ngữ liệu nghị luận xã hội và nghị luận văn học có sử dụng thao tác lập luận	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau**

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:
Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: VĂN NGHỊ LUẬN (TIẾP)

Tiết 95 – TT tiết dạy theo kế hoạch
LUYỆN TẬP VẬN DỤNG KẾT HỢP CÁC THAO TÁC LẬP LUẬN

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Củng cố kiến thức và kỹ năng cơ bản về các thao tác lập luận đã học.	**Đ1**
2	Đọc – hiểu văn bản để tìm thao tác lập luận.	**Đ2**
3	Thu thập thông tin liên quan đến thao tác lập luận.	**Đ3**
4	Nhận diện phân tích cácthao tác lập luận trong văn bản nghị luận.	**Đ4**
5	Biết cách sử dụng hợp lí các thao tác lập luận trong những trường hợp cụ thể	**Đ5**

6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thao tác lập luận.	**N1**
7	Vận dụng các thao tác lập luận đã học để viết được một văn bản nghị luận ngắn về một hiện tượng trong đời sống	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Có ý thức viết văn có sáng tạo, chủ động và nhận diện, phân tích được các thao tác lập luận trong qúa trình viết văn.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (07 phút)	**Kết nối - Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến thao tác lập luận	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	Các bài tập trong sgk	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công

(25 phút)			(Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận bình luận	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.

			tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.

a. Mục tiêu: Đ1, Đ4, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: HS vận dụng các thao tác lập luận đã học để giải quyết vấn đề.

c. Sản phẩm

Nội dung: Mục đích xây dựng nhân vật Thị Nở của Nam Cao. Người viết sử dụng kết hợp các thao tác phân tích, giải thích, so sánh, bình luận

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- **GV giao nhiệm vụ:** Đoạn văn sau bàn về nội dung gì? Sử dụng các thao tác lập luận nào? Sử dụng thao tác đó một cách rời rạc hay kết hợp? *Mục đích lớn nhất của Nam Cao khi xây dựng nhân vật thị Nở là tạo ra một chất "xúc tác" để thể hiện trọn vẹn vấn đề trung tâm của tác phẩm: tính chất bi thảm trong bi kịch cuộc đời của Chí Phèo.* *Khi xuất hiện với tư cách một con người có tình thương ở bên cạnh Chí, thị Nở khiến Chí hồi sinh: thoạt đầu là tỉnh rượu, tiếp đó là tỉnh ngộ rồi cuối cùng khát khao làm người lương thiện, khát khao hoàn lương. Nghĩa là, trong mối quan hệ với thị Nở, Chí Phèo đã trở lại với tính người toàn vẹn.* *Sự từ chối của thị Nở đẩy Chí từ đỉnh cao của khát khao hạnh phúc xuống đến tận cùng của*	- **HS thực hiện nhiệm vụ.** - **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

nỗi bất hạnh, tủi nhục, khốn khổ vì bị một người đàn bà xấu ma chê quỷ hờn từ chối. Chí đau đớn, tuyệt vọng vì cánh cửa mở vào thế giới lương thiện đã bị đóng lại, con đường trở lại làm người lương thiện đã bị chặn đứng. Chí uất ức, hận thù vì bị khinh bỉ, coi thường, bị tước đi cơ hội sống như một con người,... Tất cả những yếu tố tâm lí ấy đẩy Chí đến chỗ tự sát một cách nhanh chóng, quyết liệt và bi thảm. *(Theo Đỗ Ngọc Thống)* => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Trong các tiết học trước, các em đã được tìm hiểu các thao tác lập luận rất phổ biến trong làm văn nghị luận đó là thao tác lập luận phân tích, so sánh, bình luận, bác bỏ…. Tuy nhiên trong thực tế nói và viết không phải bao giờ chúng ta cũng chỉ sử dụng một thao tác lập luận riêng lẻ, mà phải biết vân dụng nhuần nhuyễn các thao tác lập luận thì nói, viết mới đạt hiệu quả giao tiếp cao. Vì vậy hôm nay chúng ta sẽ luyện tập vận dụng kết hợp các thao tác lập luận trên.*	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

a. Mục tiêu: Đ2,Đ3,Đ4,Đ5, N1, GT-HT

b. Nội dung hoạt động: lí thuyết và thực hành bài tập

c. Sản phẩm

I. Đọc-tìm hiểu

1. Đọc đoạn trích trả lời câu hỏi

- Đoạn trích viết về ảnh hưởng của một số nhà thơ mới lãng mạn như: Thế Lữ, Xuân Diệu, Chế Lan Viên với cá nhà thơ Pháp Bô-đơ-le, Đơ Nô-ai, Gi- đơ, Véc-len. Nhà văn Mĩ như: Ét-ga Pô.

- Quan điểm của tác giả là ảnh hưởng trong giao lưu là ngẫu nhiên. Song thơ Pháp không làm ảnh hưởng tới thơ Việt, không làm mất bản sắc thơ Việt. Các nhà thơ Việt vẫn có phong cách riêng.

- Thao tác so sánh và phân tích

Cuối đoạn tác giả sử dụng thao tác bác bỏ và bình luận

Việc áp dụng nhiều thao tác chưa hẳn đã tốt. Áp dụng kết hợp nhiều thao tác phải phù hợp mới có hiệu quả.

- Xuất phát từ vấn đề đặt ra mà chọn các thao tác. Dựa vào cách lập luận, giải quyết vấn đề đó có trọn vẹn không. Cách dùng từ, diễn đạt có hấp dẫn không.

2. Xây dựng đề cương, vận dụng các thao tác lập luận.

Bước 1: Chọn vấn đề cần nghị luận:

Thanh niên ta ngày nay cần có ý chí vươn lên trong học tập và công tác.

Bước 2: Lập dàn ý

Bước 3: Viết 1 đoạn văn trình bày trước lớp

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**
Gv giao nhiệm vụ: **Bài tập 1:** HS làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi: a. Đoạn trích viết về vấn đề gì? Quan điểm tác giả đối với vấn đề đó ra sao? b. Tác giả sử dụng thao tác lập luận nào là chủ yếu? ngoài ra còn có thao tác nào? **c. (sgk,tr 113)** **Bài tập 2:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1:** Lập dàn ý **Nhóm 2:** Xác định áp dụng thao tác lập luận nào? **Nhóm 3:** Trình bày 1 luận điểm **Nhóm 4:** Viết 1 đoạn trình bày trước lớp **- Nhận xét và chuẩn kiến thức.**	**- HS làm việc cá nhân.** **- HS thảo luận khoảng 5-7 phút** **- Đại diện mỗi nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ2, Đ3,Đ4, Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

Thao tác giải thích, phân tích, so sánh, bình luận.

Hoạt động của GV	Hoạt động của GV
-GV giao nhiệm vụ: **Hãy xác định các thao tác lập luận trong đoạn văn sau của Hồ Chí Minh:** *"Liêm là trong sạch, không tham lam.* *Ngày xưa, dưới chế độ phong kiến, người làm quan không đục khoét dân, thì gọi là liêm, chữ liêm ấy có nghĩa hẹp. Cũng như ngày xưa trung là trung với vua, hiếu là hiếu với cha mẹ mình thôi.* *Ngày nay, chữ liêm có nghĩa rộng hơn; là mọi người đều phải liêm. Cũng như trung là trung với Tổ quốc, hiếu là hiếu với nhân dân.* *Chữ liêm phải đi đôi với chữ kiệm. Có kiệm mới liêm được, vì xa xỉ sẽ sinh tham lam.* *Tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng, tham ăn ngon, sống yên đều là bất liêm.* *Người cán bộ, cậy quyền thế mà khoét dân, ăn của đút, hoặc trộm của công thành của tư; người buôn bán, mua một bán mười hoặc mua gian bán lậu chợ đen chợ đỏ, tích trữ đầu cơ; người có tiền, cho vay cắt cổ, bóp hầu bóp họng đồng bào; người cờ bạc, chỉ mong xoay của người làm của mình,.. đều là tham lam, đều là bất liêm.* **- Nhận xét, chuẩn kiến thức.**	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

+ Có thể triển khai đoạn theo bố cục sau:

- Thực trạng của bệnh quay cóp trong HS ngày nay.
- Tác hại của bệnh quay cóp.
- Lời khuyên .

+ Có thể chọn 1 trong các ý trên để dựng đoạn.

***** Về kĩ năng: Vận dụng kết hợp ít nhất 2 th/tác lập luận

d. Các bước dạy học

	Hoạt động của GV
GV giao nhiệm vụ: *Hãy bàn về bệnh quay cóp của HS trong thi kiểm tra.*	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNGTÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a. Mục tiêu: Đ5, V1

b.Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Bài sưu tầm của HS

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	**Hoạt động của GV**
-GV giao nhiệm vụ: **+** Vẽ sơ đồ tư duy bài học + Tìm đọc thêm một số Ngữ liệu thuộc kiểu bài NLXH và NLVH có sử dụng kết hợp tác thao tác lập luận. Phân tích biểu hiện sự vận dụng kết hợp đó.	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS nộp sản phẩm vào tiết học sau.**

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

IV. RÚT KINH NGHIỆM

CHỦ ĐỀ: NGHỊ LUẬN VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI
Tiết 96 – TT tiết dạy theo kế hoạch
VỀ LUÂN LÍ XÃ HỘI NƯỚC TA
(Trích: Đạo đức và luân lí Đông Tây của Phan Châu Trinh)

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến Phan Châu Trinh + Hiểu và nắm được tinh thần yêu nước và mối quan tâm đặc biệt của Phan Châu Trinh tới vấn đề dân trí khi kêu gọi nhân dân gây dựng nền luân lí xã hội ở nước ta	**Đ1**
2	+ Đọc hiểu văn bản nghị luận hiện đại Việt Nam	**Đ2**
3	+Thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của văn nghị luận của Phan Chu Trinh.	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Phân tích, so sánh đặc điểm của văn nghị luận của Phan Châu Trinh với các tác tác giả khác	**Đ5**

6	Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Về luân lí xã hội ở nước ta*và các tác phẩm khác của Phan Châu Trinh.	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của văn bản.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: YÊU NƯỚC		
10	Giáo dục lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và tôn trọng những tư tưởng tiến bộ.	**YN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (7phút)	**Kết nối-Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh

				giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (20 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I.Tìm hiểu chung. 1. Tác giả 2. Tác phẩm II. Đọc hiểu văn bản. 1. Đoạn 1: Khẳng định nước ta chưa có luân lí xã hội (hiện trạng) 1. Đoạn 2: Sự thua kém về luân lí xã hội của ta so với phương Tây (biểu hiện) 1. Đoạn 3: Chủ trương truyền bá XHCN cho người Vệt nam (giải pháp) III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não .	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá

HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ5, V1**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: **Kết nối -Đ1, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng quan sát, kĩ thuật động não, trình bày một phút để đoán đúng tên tác giả và tên tác phẩm.

c. Sản phẩm:

- Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết Đại cáo bình Ngô để tuyên bố về nền độc lập của đất nước sau khi đánh thắng giặc Minh xâm lược.
- Tác động sâu sắc tới tư tưởng người đọc: Khơi gợi lòng tự hào dân tộc, củng cố lòng yêu nước, quyết tâm cùng Lê Lợi xây dựng triều đại vững mạnh và thái bình.

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- GV giao nhiệm vụ: "Đại cáo bình Ngô" được coi là áng văn chính luận kiệt xuất của Nguyễn Trãi. Vậy tác phẩm đó được viết nhằm mục đích gì? Có tác dụng ra sao đối với tư	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

tưởng của người đọc? **Từ đó, giáo viên giới thiệu***Vào bài: Các em đã được học hai tác phẩm chính luận là "Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em" và tác phẩm "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi nên đã biết văn chính luận viết nhằm mục đích gì? Có tác dụng ra sao đối với tư tưởng người đọc? Ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, các nhà hoạt động chính trị như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, ... đều ít nhiều dùng văn chính luận để tuyên truyền, phổ biến, thể hiện chủ trương, đường lối cách mạng của mình. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu một đoạn trích tiêu biểu của một tác phẩm chính luận để cảm nhận tinh thần yêu nước, tư tưởng tiến bộ của Phan Châu Trinh và hiểu sâu hơn về nghệ thuật viết văn chính luận. Trước hết chúng ta tìm hiểu vài nét về tác giả Phan Châu Trinh.*	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

a. Mục tiêu:Đ2, Đ3, GQVĐ

b. Nội dung: 2 nội dung: tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm :

1. Tác giả:

- Phan Châu Trinh (1872-1926).
- Ông là nhà yêu nước và cách mạng lớn của Việt Nam đầu thế kỉ XX, ông luôn có ý thức dùng văn chương để làm cách mạng.
- Thơ văn của Phan châu Trinh là thơ văn tuyên truyền, vận động đồng bào làm cách mạng cứu nước, cứu dân.

2. Tác phẩm

a. Vị trí: phần 3 của bài diễn thuyết Đạo đức và luân lí Đông Tây (5 phần) được ông diễn thuyết vào đêm 19-11-1925 tại Sài Gòn.

b. Bố cục: 3 đoạn

- Đoạn 1: Khẳng định nước ta chưa có luân lí xã hội (hiện trạng)
- Đoạn 2: Sự thua kém về luân lí xã hội của ta so với phương Tây (biểu hiện)
- Đoạn 3: Chủ trương truyền bá XHCN cho người Vệt nam (giải pháp)

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
Trước hoạt động: Qua bài *Đập đá ở Côn Lôn*, em có ấn tượng gì về nhà thơ, nhà yêu nước Phan Châu Trinh?	**- HS nhớ lại kiến thức và trả lời.**
Trong hoạt động:*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà :	**- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút**
Trình bày những hiểu biết của em về tác giả ? **- GV nhận xét, chốt lại ý chính.**	**- HS suy nghĩ và trả lời** **HS sử dụng sgk.**
GV đặt câu hỏi: ? Tác phẩm thuộc thể loại gì ? Những hiểu biết của em về tác phẩm trên ? ? Vị trí đoạn trích? ? Bố cục đoạn trích ?	**HS đọc đoạn trích.**
GV cho HS đọc đoạn trích, hướng dẫn cách đọc	

NỘI DUNG 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật động não để tìm hiểu chi tiết đoạn trích theo bố cục 3 phần.

c. Sản phẩm

1. Đoạn 1: Nêu hiện trạng ở nước ta, khẳng định nước ta tuyệt nhiên không có luân lí xã hội. (10phút)

- Tác giả khẳng định: "Xã hội luân lí ở nước ta tuyệt nhiên không có".

- Cách đặt vấn đề trực tiếp, trực diện, nhấn mạnh và phủ định: tuyệt nhiên không ai biết đến xã hội luân lí.

- Tác giả còn phủ nhận sự ngộ nhận, sự xuyên tạc vấn đề của không ít người:

+ Quan hệ bạn bè không thể thay cho luân lí xã hội.

+ Quan niệm Nho gia bị hiểu sai, hiểu lệch và mấy ai hiểu đúng bản chất của vấn đề "bình thiên hạ"

cách vào đề bộc lộ quan niệm tư tưởng của một nhà Nho uyên bác, sắc sảo và thức thời

2. Chỉ ra những biểu hiện cụ thể để làm sáng tỏ ý đã khẳng định. (10 phút)

-Hiện trạng: Không hiểu, chưa hiểu, điềm nhiên như ngủ, chẳng biết gì (Ta) >< Rất thịnh hành và phát triển (C. Âu)

- Dẫn chứng: phải ai tai nấy, ai chết mặc ai…(Ta) >< quyền lợi riêng của cá nhân hay đoàn thể bị xâm hại thì họ tìm mọi cách lấy lại công bằng.

- Nguyên nhân: do chưa có đoàn thể, ý thức dân chủ.

- Nguyên nhân của việc dân không biết đoàn thể, không trọng công ích:

+ ông cha ta đã có ý thức đoàn thể, cũng biết đến công đức.

+ Lũ vua quan phản động, thối nát đã tìm cách "phá tan tành đoàn thể của quốc dân".

- Tác giả đả kích vào bản chất phản động, thối nát của vua quan: Không quan tâm đếndân, muốn dân tối tăm để dễ dàng thống trị, vơ vét.

- Tác giả dùng những từ ngữ, hình ảnh gợi tả, lối so sánh ví von sắc bén thể hiện thái độ căm ghét cao độ đối với chế độ vua quan chuyên chế.

Tấm lòng của người có lòng yêu nước thiết tha, xót xa trước tình cảnh khốn khổ của dân, quan tâm đến vận mệnh dân tộc, căm ghét bọn quan lại xấu xa thối nát. Dưới mắt tác giả, chế độ vua quan chuyên chế thật tồi tệ, cần phải xoá bỏ triệt để.

3. Nêu giải pháp

- Muốn nước Việt Nam độc lập tự do:

+ Dân Việt Nam phải có đoàn thể

+ Đẩy mạnh truyền bá tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong nhân dân giải pháp rõ ràng, ngắn gọn, thuyết phục.

c. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS

- Trước hoạt động: Theo em, luật pháp có vai trò quan trọng như thế nào đối với sự tồn tại và phát triển của đất nước? + Yêu cầu HS đọc kĩ lại văn bản + Giải thích từ khó: Theo chú thích dưới chân trang. **- Trong hoạt động:** Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản. Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **1. Đoạn 1** **Nhóm 1:** Luân lí xã hội là gì? Mở đầu đoạn trích tác giả khẳng định vấn đề gì ? Nhận xét cách nêu và phân tích luận điểm của tác giả ? **Nhóm 2:** Em hiểu câu "một tiếng bè bạn không thể thay cho luân lí xãhội được" thế nào ? Qua đó cho thấy tác giả là người như thế nào ? **2. Đoạn 2** **Nhóm 3:** Tác giả so sánh hai nền luân lí xã hội của ta và phương Tây như thế nào? Nêu mục đích, dẫn chứng và tác dụng của nó ? **Nhóm 4:** nguyên nhân nào dân ta không biết đoàn thể, không trọng công ích ? Nhận xét về nghệ thuật lập luận trong đoạn này ? **3. Đoạn 3: Câu hỏi cá nhân** Giải pháp của Phan Châu Trinh là gì ? Nhận xét về giải pháp đó ? **- Sau hoạt động:** GV nhận xét, chuẩn kiến thức	**HS làm việc cá nhân** **HS sử dụng sgk** **HS làm việc cá nhân 2p** **- HS thảo luận theo nhóm 5p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)**

NỘI DUNG 3: TỔNG KẾT

a. Mục tiêu: **Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ**

b.Nội dung hoạt động:trả lời câu hỏi2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

c. Sản phẩm

1. Nghệ thuật:

Lập luận chặt chẽ, lời văn sinh động, độc đáo: lúc từ tốn, lúc mềm mỏng; lúc kiên quyết, lúc đanh thép; lúc mạnh mẽ, lúc nhẹ nhàng.

2. Ý nghĩa văn bản:

Tinh thần yêu nước, tư tưởng tiến bộ và ý chí quật cường của Phan Châu Trinh: dũng cảm vạch trần thực trạng đen tối của xã hội đương thời, đề cao tư tưởng đoàn thể vì sự tiến bộ, hướng về một ngày mai tươi sáng của đất nước.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:** **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?	- HS đọc lại bài vừa học **HS sử dụng sgk** **- HS làm việc cá nhân** **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

Trả lời:

1/ Văn bản trên có hai ý chính: Khái quát về tiểu sử tác giả, sự nghiệp sáng tác của *Phan Châu Trinh* và hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ bài diễn thuyết *Về luân lí xã hội ở nước ta*.

2/ Phương thức biểu đạt của văn bản trênlà thuyết minh.

3/ *Diễn thuyết* là hình thức giao tiếp với công chúng, thường được các nhà chính trị dùng để khẳng định, phổ biến một tư tưởng, một quan niệm, một đường lối chính trị, kinh tế, văn hoá nào đó. Người diễn thuyết có sức thuyết phục, diễn giả phải nắm chắc đối tượng người nghe, xác định chủ đề của bài nói rõ ràng, lập luận khúc chiết, ngôn ngữ có thể dung dị hay bóng bẩy nhưng không quá trừu tượng, khó hiểu. Đặc biệt, tâm huyết của người diễn thuyết phải được thể hiện rõ trong giọng điệu, nhịp điệu, ngữ điệu của bài nói. Như vậy, tài hùng biện phải đi đôi với sự sâu sắc của tư tưởng và sự nồng nhiệt của cảm xúc.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của Hs
GV giao nhiệm vụ: *Phan Châu Trinh (1872 – 1926) tự Tử Cán, hiệu Tây Hồ, biệt hiệu Hi Mã, người làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kì (nay là thôn Tây Hồ, xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh), tỉnh Quảng Nam.Ông đỗ Phó bảng năm Tân Sửu (1901), làm quan một thời gian rồi từ quan, đi làm cách mạng. Phan Châu Trinh chủ trương cứu nước bằng cách lợi dụng thực dân Pháp, cải cách đổi mới mọi mặt (duy tân), làm cho dân giàu, nước mạnh, trên cơ sở đó tạo nên nền độc lập quốc gia. Tuy con đường ấy có phần ảo tưởng nhưng nhiệt huyết cứu nước của Phan Châu Trinh rất đáng khâm phục. Năm 1908, ông bị bắt và đày đi Côn Đảo. Ba năm sau, khi được trả tự do, Phan Châu Trinh sang Pháp tìm cách thúc đẩy cải cách chính trị ở Đông Dương nhưng công việc không thành. Năm 1925, ông về Sài Gòn, diễn thuyết được vài lần, sau đó ốm nặng rồi mất(...)* *Phan Châu Trinh luôn có ý thức dùng văn chương để làm cách mạng. Những áng văn chính luận của ông đậm chất hùng biện, lập luận chặt chẽ, đanh thép; những bài thơ của ông dạt dào cảm xúc về đất nước, đồng bào ; tất cả đều thấm nhuần tư tưởng yêu nước và tinh*	- HS thực hiện nhiệm vụ. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

thần dân chủ. *Các tác phẩm chính: Đầu Pháp chính phủ thư* (1906), *Tỉnh quốc hồn ca I, II* (1907, 1922), *Tây Hồ thi tập* (1904 – 1914), *Xăng-tê thi tập* (1914 – 1915), *Giai nhân kì ngộ diễn ca* (1915),*Thất điều trần* (1922), *Quân trị chủ nghĩa và Dân trị chủ nghĩa* (1925), *Đạo đức và luân lí Đông Tây* (1925)... Về luân lí xã hội ở nước ta *là một đoạn trích trong phần ba của bài* Đạo đức và luân lí Đông Tây *(gồm năm phần chính, kể cả nhập đề và kết luận), được Phan Châu Trinh diễn thuyết vào đêm 19-11-1925 tại nhà Hội Thanh niên ở Gài Gòn(nay là Thành phố Hồ Chí Minh) (...)* *(Trích* Về luân lí xã hội ở nước ta, Tr 85, SGK Ngữ văn 11, Tập II, NXBGD 2007) ***Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:*** 1/ Văn bản trên có mấy ý chính ? Đó là những ý gì ? 2/ Phương thức biểu đạt của văn bản trênlà gì ? 3/ Văn bản *Về luân lí xã hội ở nước ta* được gọi là bài diễn thuyết. Anh(chị) hiểu thế nào là *diễn thuyết ?*	

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

-Hình thức : đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, trôi chảy ;

-Nội dung: Từ chủ trương cứu nước có phần ảo tưởng nhưng nhiệt huyết cứu nước của Phan Châu Trinh đã được nêu trong văn bản, học sinh bày tỏ suy nghĩ về về mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh của

Đảng ta hôm nay. Cụ thể : Giải thích mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là gì ? Ý nghĩa của mục tiêu đó ? Tuổi trẻ phải nhận thức và hành động cụ thể như thế nào để góp phần thực hiện mục tiêu đó ?

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV – HS	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh* trong cuộc sống hôm nay. **- Nhận xét, chuẩn kiến thức.**	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; viết bài cảm nhận

c. Sản phẩm:

+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy

+ Tìm đọc qua sách tham khảo, xử lí thông tin trên mạng. Viết bài cảm nhận riêng với tình cảm chân thành.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV - HS	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: **+ Vẽ sơ đồ tư duy bài học** **+ Tìm đọc toàn bộ văn bản**	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết học sau.**

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Tham khảo thêm một số tài liệu trên internet,…

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:
Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: NGHỊ LUẬN VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI
Tiết 97 – TT tiết dạy theo kế hoạch

Đọc thêm:

TIẾNG MẸ ĐẺ- NGUỒN GIẢI PHÓNG CÁC DÂN TỘC BỊ ÁP BỨC
(Nguyễn An Ninh)

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả Nguyễn An Ninh + Hiểu được vai trò quan trọng của tiếng mẹ đẻ trong việc giữ vững chủ quyền và độc lập quốc gia. Đồng thời thấy được sự phê phán của tác giả trong việc sử dụng ngôn ngữ.	**Đ1**
2	+ Đọc hiểu văn bản nghị luận hiện đại Việt Nam	**Đ2**

3	+Thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của văn nghị luận của văn bản..	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Phân tích, so sánh đặc điểm của văn nghị luận Nguyễn An Ninh với các tác tác giả khác	**Đ5**
6	Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm *Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức*.	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của văn bản.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: YÊU NƯỚC		
10	Giáo dục ý thức giữ gìn, trân trọng ngôn ngữ mẹ đẻ.Từ đó, giáo dục lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và tôn trọng những tư tưởng tiến bộ.	**YN**

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động	Mục tiêu	Nội dung dạy học	PP/KTDH	Phương án

học (Thời gian)	(STT của YCCĐ)	trọng tâm	chủ đạo	đánh giá
HĐ 1: Khởi động (7phút)	**Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I.Tìm hiểu chung. 1. Tác giả 2. Tác phẩm II. Đọc hiểu văn bản Các câu hỏi hướng dẫn học bài trong sgk III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não .	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5	**Đ3, Đ4, Đ5, N1,**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ	Đàm thoại gợi mở;	Đánh giá qua sản phẩm

phút)	**GQVĐ**	thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Thuyết trình; Trực quan.	graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ5, V1**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng quan sát, kĩ thuật động não, trình bày một phút để đoán đúng tên tác giả và tên tác phẩm.

c. Sản phẩm:
- Một bộ phận rất yêu tiếng Việt và có ý thức trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Một bộ phận chưa có ý thức: sử dụng nhiều tiếng lóng, lạm dụng tiếng nước ngoài, các kí tự ngôn ngữ khi nhắn tin,...

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- **GV giao nhiệm vụ**: Em có suy nghĩ gì về việc giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt của giới trẻ hiện nay? => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Các em thân mến, tiếng Việt luôn luôn là niềm tự hào của người Việt. Trải qua bao bể dâu, tiếng Việt ngày càng phong phú và giầu có. Đề cao vai trò của tiếng Việt, nhà văn, nhà báo,	- **HS thực hiện nhiệm vụ.** - **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

nhà yêu nước tiến bộ Nguyễn An Ninh đã viết một áng văn chính luận đặc sắc: "Tiếng mẹ đẻ, nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức". Đây là một tư tưởng mới mẻ và tiến bộ của tác giả trong hoàn cảnh hiện thời. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu rõ hơn tác giả Nguyễn An Ninh và áng văn chính luận đặc sắc đó.	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

a. Mục tiêu:Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ

b. Nội dung: 2 nội dung: tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm :

1. Tác giả: Nguyễn An Ninh (1899- 1943)

- Nguyễn An Ninh là một người trí thức yêu nước tiến bộ, một nhà văn, nhà báoViệt Namhoạt động cách mạng đầu thế kỷ XX.
- Ông là người sáng lập tờ báo "Tiếng Chuông rè" và "Tranh đấu"
- Sáng tác:
+ Có nhiều bài diễn thuyết sôi động
+ Nhiều bài báo nổi tiếng
+ Soạn vở tuồng: Hai Bà Trưng
+ Dịch: "Khế ước xã hội của Ru – xô
- Văn phong khúc chiết, trong sáng có độ sâu về tư tưởng văn hóa và tràn đầy nhiệt huyết của nhà yêu nước.

2. Tác phẩm:

* Xuất xứ: Xuất hiện trên báo "Tiếng chuông rè" tháng 12/1925 với bút danh Nguyễn Tịnh.
* Giá trị của vb:
+ Tác phẩm là một trong những bài văn chính luận xuất sắc.
+ Tác phẩm giàu tính luận chiến

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS

Trước hoạt động: Đọc kĩ văn bản và phần chú thích. **Trong hoạt động**:*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà : Trình bày những hiểu biết của em về tác giả, tác phẩm ? **- GV nhận xét, chốt lại ý chính.** GV đặt câu hỏi: ? xuất xứ và giá trị văn bản của tác phẩm?	**- HS làm việc cá nhân.** **- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút** **- HS suy nghĩ và trả lời** **HS sử dụng sgk.**

NỘI DUNG 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Đ1, Đ2, Đ3,Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật động não để tìm hiểu chi tiết đoạn trích theo bố cục 3 phần.

c. Sản phẩm

1/ **Câu 1:**

- Ông chống lại thói "Tây hoá" lố lăng của không ít người An Nam lúc bấy giờ làm tổn thương đến tiếng mẹ đẻ.
- Ông phê phán quan niệm sai lầm cho rằng tiếng nước mình nghèo nàn nhưng vẫn khuyến khích giới trí thức học tiếng nước ngoài.

2/Câu 2: Ông đề cao sức mạnh của tiếng nói dân tộc. "Như là người bảo vệ nền độc lập của dân tộc".

3/ **Câu 3:**

- Tác giả trực tiếp phê phán lời trách cứ này không có cơ sở nào cả d/c.
- Tác giả chỉ ra nguyên nhân: sự bất tài của con người. (dẫn chứng)

4/ **Câu 4:** Việc biết thêm ngôn ngữ nước ngoài là sự cần thiết nhưng không kéo theo việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ. Việc học ngôn ngữ nước ngoài phải làm giàu cho ngôn ngữ nước mình

5/Câu 5: Trong hoàn cảnh nước nhà đang bị thực dân thống trị thì câu nói này không hoàn toàn đúng. Bởi vì nói như vậy là đặt tiếng nói lên một vị trí quá cao,

tách rời khỏi nhiều yếu tố quan trọng khác trong sự kiện CM GPDT như đường lối CM, sức mạnh tự cường, vai trò lãnh đạo của Đảng CM…

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- **Trước hoạt động**: Theo em, ngôn ngữ có vai trò như thế nào đối với sự tồn tại và phát triển của một đất nước. - **Trong hoạt động:** Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản. Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1: Câu 1** **Nhóm 2: Câu 2** **Nhóm 3: Câu 3** **Nhóm 4: Câu 4** Câu 5: **HS trả lời cá nhân** - **Sau hoạt động:** *GV nhận xét, chuẩn kiến thức*	**HS làm việc cá nhân** **HS sử dụng sgk** **HS làm việc cá nhân 2p** **- HS thảo luận theo nhóm 5p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **(Nhóm dùng giấy A0,...)**

NỘI DUNG 3: TỔNG KẾT

a. Mục tiêu: **Đ3, Đ4, GQVĐ**

b.Nội dung hoạt động: 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

c. Sản phẩm

1. Nghệ thuật: Luận điểm, luận cứ rõ ràng, lập luận chặt chẽ, sử dụng ngôn ngữ chính luận sắc sảo.

2. Ý nghĩa văn bản:Từ mối tương quan giữa tiếng mẹ đẻ và nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức, bài viết đã thể hiện lập trường dân tộc và yêu nước của Nguyễn An Ninh. Ngày nay, tư tưởng ấy vẫn còn nguyên giá trị.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học **Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi:** **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?	- HS đọc lại bài vừa học **HS sử dụng sgk** **- HS làm việc cá nhân** **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ3, Đ4,Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

Câu 1.Câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: *Nhiều đồng bào chúng ta, để biện minh việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ, đã than phiền rằng tiếng nước mình nghèo nàn.*

Câu 2.Thao tác lập luận bác bỏ/phản bác *hoặc* thao tác bác bỏ/phản bác

Câu 3. Tác giả cho rằng:*"Chúng ta không thể tránh né châu Âu, vai trò hướng đạo của giới trí thức chúng ta buộc họ phải biết ít nhất là một ngôn ngữ châu Âu để hiểu được châu Âu"* vì nếu như thế "chúng ta" sẽ "hiểu được châu Âu", "*có khả năng phổ biến tại An Nam các học thuyết đạo đức và khoa học của châu Âu*" để "*giải phóng dân tộc An Nam*".

d. Các bước dạy học

- GV giao nhiệm vụ: (bên dưới)

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Nhận xét, chuẩn kiến thức.

NHIỆM VỤ:

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi :

(1)*Nhiều đồng bào chúng ta, để biện minh việc từ bỏ tiếng mẹ đẻ, đã than phiền rằng tiếng nước mình nghèo nàn. Lời trách cứ này không có cơ sở nào cả. Họ chỉ biết những từ thông dụng của ngôn ngữ và còn nghèo những từ An Nam hơn bất cứ người phụ nữ và nông dân An Nam nào. Ngôn ngữ của Nguyễn Du nghèo hay giàu?*

(2)Vì sao người An Nam có thể dịch những tác phẩm của Trung Quốc sang nước mình, mà lại không thể viết những tác phẩm tương tự?

Phải quy lỗi cho sự nghèo nàn của ngôn ngữ hay sự bất tài của con người?

Ở An Nam cũng như mọi nơi khác, đều có thể ứng dụng nguyên tắc này:

"Điều gì người ta suy nghĩ kĩ sẽ diễn đạt rõ ràng, và dễ dàng tìm thấy những từ để nói ra". […]

(3)Chúng ta không thể tránh né châu Âu, vai trò hướng đạo của giới trí thức chúng ta buộc họ phải biết ít nhất là một ngôn ngữ châu Âu để hiểu được châu Âu. Nhưng những kiến thức thu thập được, họ không được giữ cho riêng mình. Đồng bào của họ cũng phải được thông phần nữa. Tuy nhiên, sự cần thiết phải biết một ngôn ngữ châu Âu hoàn toàn không kéo theo chuyện từ bỏ tiếng mẹ đẻ. Ngược lại, thứ tiếng nước ngoài mà mình học được phải làm giàu cho ngôn ngữ nước mình. […]

(Nguyễn An Ninh, *Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng các dân tộc bị áp bức*

Theo SGK *Ngữ văn 11*, Tập hai, NXB Giáo dục, 2014, tr. 90)

Câu 1. Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn (1).

Câu 2. Thao tác lập luận chính nào được tác giả sử dụng trong đoạn ***Nhiều đồng bào chúng ta… những từ để nói ra"[…]***ở đoạn trích trên?

Câu 3. Dựa vào đoạn trích, hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng: *"Chúng ta không thể tránh né châu Âu, vai trò hướng đạo của giới trí thức chúng ta buộc họ phải biết ít nhất là một ngôn ngữ châu Âu để hiểu được châu Âu"*?

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

Nêu được quan điểm, thái độ củangười viết đối với "*tiếng mẹ đẻ*" (đề cao, coi trọng tiếng mẹ đẻ; thể hiện lòng tự hào, tự tôn dân tộc; phê phán những người từ bỏ tiếng mẹ đẻ với những lí do không thuyết phục; coi trọng việc học tiếng nước ngoài nhưng chỉ coi đó là cách để làm giàu cho tiếng mẹ đẻ).

Từ đó, rút ra một bài học có ý nghĩa đối với bản thân về việc sử dụng tiếng Việt hoặc học tiếng nước ngoài.Câu trả lời phải chặt chẽ, có liên quan đến nội dung của văn bản, có tính thuyết phục cao.

Hoạt động của GV	Hoạt động của GV
-GV giao nhiệm vụ: Từ quan điểm, thái độ củangười viết đối với "tiếng mẹ đẻ" trong đoạn trích trên, hãy rút ra một bài học mà anh/chị cho là có ý nghĩa đối với bản thân về việc sử dụng tiếng Việt hoặc học tiếng nước ngoài. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. **- Nhận xét, chuẩn kiến thức.**	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; viết bài cảm nhận

c. Sản phẩm:

+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy

+ Tìm đọc qua sách tham khảo, xử lí thông tin trên mạng. Viết bài cảm nhận riêng với tình cảm chân thành.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
- GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

+ Sưu tầm một số bài viết, bài thơ viết về vai trò của tiếng Việt. So sáng với quan điểm của Nguyễn An Ninh về tiếng Việt	**vào tiết sau.**

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Tham khảo thêm một số tài liệu trên internet,…

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:
Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: VĂN NGHỊ LUẬN VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI

Tiết 98 - 99– TT tiết dạy theo kế hoạch điều chỉnh:

MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA

(Hoài Thanh)

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến Hoài Thanh + Hiểu được quan niệm của Hoài Thanh về tinh thần thơ mới trong ý nghĩa văn chương và xã hội.	**Đ1**
2	+ Đọc hiểu văn bản phê bình văn học Việt Nam	**Đ2**
3	+Thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của văn bản phê bình văn học Việt Nam của Hoài Thanh	**Đ3**
4	+ Phân tích và đánh giá được thông điệp mà văn bản gửi gắm.	**Đ4**
5	Phân tích, so sánh đặc điểm của văn bản phê bình văn học của Hoài Thanh với các tác tác giả khác	**Đ5**
6	Biết cảm nhân, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Một thời đại trong thi ca*và các tác phẩm khác của Hoài Thanh.	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của văn bản.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Có ý thức gìn giữ và đánh giá đúng mực những giá trị mới của thơ ca dân tộc.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10phút)	**Kết nối - Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I.Tìm hiểu chung. 1. Tác giả 2. Tác phẩm II. Đọc hiểu văn bản. 1. Nguyên tắc để xác định tinh thần thơ mới 2. Tinh thần thơ mới: chữ tôi 3. Sự vận động của thơ mới xung quanh cái tôi và bi kịch của nó. III.Tổng kết: Rút ra những thành công đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá

HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não .	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm thông điệp tác giả gửi gắm trong tác phẩm.	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ5, V1**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TIẾT 1:
HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối -Đ1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng quan sát, kĩ thuật động não, trình bày một phút để đoán đúng tên tác giả và tên tác phẩm.

c. Sản phẩm:

Hàn Mặc Tử (Mùa xuân chín) **Xuân Diệu (Đây mùa thu tới)** **Huy Cận (Đoàn thuyền đánh cá)** **Nguyễn Bính (Tương tư)**

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- GV giao nhiệm vụ: * HS: + Nhìn hình đoán các tác giả *tiêu biểu trong phong trào thơ Mới* + Lắp ghép tác phẩm với tác giả. GV nhận xét, chốt kiến thức. =>Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* *"Cuộc đời của Hoài Thanh từ thuở thiếu thời cho đến lúc trái tim ngừng đập là một chuỗi dài của những cuộc tìm kiếm đầy thích thú mê say cái hay và vẻ đẹp của văn chương. Như một nhà địa chất cần mẫn và yêu nghề, Hoài Thanh đã phát hiện được không ít vàng ngọc của thơ ẩn trong lớp bụi thời gian hoặc trong các mạch chìm nổi của cuộc đời, nhất là trong hiện tại" (Từ Sơn). Và cũng đúng như lời thơ bất hủ của Nguyễn Du: "Sống là thể phách, thác là tinh anh", với Hoài Thanh, cái tinh anh mà ông để lại cho đời chính là những tác phẩm phê bình văn học tài hoa và tinh tế, mà đỉnh cao là cuốn "Thi nhân Việt Nam".*	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

Đoạn trích "Một thời đại trong thi ca" là đoạn trích tiêu biểu cho tài năng thẩm bình văn học của con người tài hoa này.	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC
NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

a. Mục tiêu:Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ

b. Nội dung: 2 nội dung: tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm :

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1.Tác giả:

- Xuất thân trong gia đình nhà nho nghèo, sớm tham gia phong trào yêu nước. Viết văn từ những năm mới ngoài 20 tuổi. Hoạt động chủ yếu trong ngành văn hoá nghệ thuật: là nhà văn học xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hiện đại.
- Tác phẩm nổi tiếng nhất là "Thi nhân Việt Nam". Ông được tặng giải thưởng HCM.

2. Một thời đại trong thi ca:

- Văn bản nghị luận về 1 vấn đề văn học
- Là bài tiểu luận đặt ở đầu cuốn *Thi nhân Việt Nam*
- Nội dung: tổng kết 1 cách sâu sắc về phong trào Thơ mới

3. Đoạn trích:

a.Xuất xứ và vị trí

- Tiểu luận mở đầu Thi nhân Việt Nam

=> Sự khám phá và đánh giá đầu tiên; là công trình tổng kết có giá trị về phong trào thơ mới.

b. Bố cục : 3 phần

- Nguyên tắc để xác định tinh thần thơ mới
- Tinh thần thơ mới: chữ tôi
- Sự vận động của thơ mới xung quanh cái tôi và bi kịch của nó.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS

Trước hoạt động: Đọc kĩ Tiểu dẫn và tài liệu tham khảo về tác giả Hoài Thanh. **Trong hoạt động**:*HS trả lời cá nhân dựa trên bài soạn ở nhà : Trình bày những hiểu biết của em về tác giả ? **- GV nhận xét, chốt lại ý chính.** GV đặt câu hỏi: ? Tác phẩm thuộc thể loại gì ? Những hiểu biết của em về tác phẩm trên ? ? Xuất xứ và vị trí đoạn trích? ? Bố cục đoạn trích ? **GV cho HS đọc đoạn trích, hướng dẫn cách đọc**	**- HS làm việc cá nhân.** **- HS làm việc cá nhân khoảng 2 phút** **- HS suy nghĩ và trả lời** **HS sử dụng sgk.** **HS đọc đoạn trích.**

NỘI DUNG 2: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

a. Mục tiêu: Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: Thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn để giải quyết vấn đề.

c. Sản phẩm:

1. Cách nhận diện "tinh thần thơ mới" của tác giả:

- Cái khó trong việc tìm ra tinh thần thơ mới là ranh giới giữa thơ cũ và thơ mới không phải rạch ròi dễ nhận ra.
- Cách nhận diện:

+ Không thể căn cứ vào những bài thơ dở, thời nào chả có mà phải so sánh bài hay với bài hay.

+ Vả chăng cái mới và cái cũ vẫn tiếp nối qua lại cho nên phải so sánh trên đại thể.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Trước hoạt động: + Yêu cầu HS đọc kĩ lại văn bản + Giải thích từ khó: Theo chú thích dưới chân trang. **- Trong hoạt động:** Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản. Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1, 2**: Em hiểu tinh thần thơ mới là gì? Có cách nói nào khác không? Để giải quyết nó, người viết gặp khó khăn gì và cách khắc phục của ông ra sao? Nhận xét cách vào đề của tác giả. **Nhóm 3, 4**: Làm thế nào để nhân diện chuẩn xác? Làm thế nào để nhận diên tinh thần thơ mới? **GV nhận xét, chuẩn kiến thức.** - **Sau hoạt động:** *GV nhận xét, chuẩn kiến thức*	**HS làm việc cá nhân** **HS sử dụng sgk** **HS làm việc cá nhân 2p** **- HS thảo luận theo nhóm 5p** **- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)**

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CỦA TIẾT 1

a. Mục tiêu: Đ4,Đ5, GQVĐ

b. Nội dung: 2 câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm:

Câu 1: Tác phẩm phê bình văn học được đánh giá là xuất sắc nhất của Hoài Thanh
a. Văn chương và hành động **b. Thi nhân Việt Nam**
c. Có một nền văn hóa Việt Nam d. Nói chuyện thơ kháng chiến.
Câu 2: Bài tiểu luận "Một thời đại trong thi ca" nằm ở phần nào trong tác phẩm?
a. Phần giới thiệu **b. Phần đầu**
c. Phần thứ hai d. Phần thứ ba

d. Các bước dạy học

d. Các bước dạy học

Gv chiếu lên slide 2 câu hỏi trắc nghiệm. Gv đọc lần lượt các câu hỏi. Trong 10 giây, HS nào trả lời nhanh đầu tiên sẽ nhận được quà.

TIẾT 2:

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

NỘI DUNG 2: ĐỌC HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN

Mục 2, 3:**Điều cối lõi mà thơ mới đưa đến cho thi đàn VN lúc bấy giờ**; **Bi kịch của "cái tôi" trong thơ mới và hướng giải toả bi kịch.**

a. Mục tiêu: Đ2,Đ3, Đ4,Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: Thảo luận nhóm, kĩ thuật khăn trải bàn để tìm hiểu vấn đề.

c. Sản phẩm:

2. Điều cối lõi mà thơ mới đưa đến cho thi đàn VN lúc bấy giờ

- Tinh thần thơ mới là chữ "Tôi".

+ Cái khác ở chữ "Tôi" và chữ "Ta" . Ngày trước là thời chữ "Ta", bây giờ là thời chữ "Tôi".

+ Chữ "Tôi" trước đây nếu có thì cũng phải ẩn mình sau chữ "Ta". Chữ "Tôi" bây giờ là chữ "tôi" theo ý nghĩa tuyệt đối của nó.

3. Bi kịch của "cái tôi" trong thơ mới và hướng giải toả bi kịch

- "Cái tôi" bây giờ đáng thương và tội nghiệp ở chỗ nó không còn cái cốt cách hiện ngang ngày trước: (dẫn chứng). Thơ mới đang diễn ngấm ngầm dưới những phù hiệu dễ dãi trong hồn người thanh niên.

- Họ giải quyết bi kịch bằng cách giữ cả vào Tiếng Việt là vong hồn các thế hệ đã qua. d/c trang. 103.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Trước hoạt động: + Yêu cầu HS đọc kĩ lại văn bản đoạn 2, 3. + Giải thích từ khó: Theo chú thích dưới chân trang. **- Trong hoạt động:** Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản. Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1, 2**: ở đoạn tiếp theo, theo tác giả, tinh thần của Thơ mới là gì? Nhận xét cách diễn đạt của tác giả.Em hiểu thời đại chữ tôi và thời đại chữ ta như thế nào? **Nhóm 3, 4**: đoạn văn "*Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi... cùng Huy Cận",* khái quát	**HS làm việc cá nhân** **HS sử dụng sgk** **HS làm việc cá nhân 2p** **- HS thảo luận theo nhóm 5p**

vấn đề gì và khái quát như thế nào? Ấn tượng và cảm xúc của em khi đọc đoạn văn đó? Vì sao lại như vậy? **GV nhận xét, chuẩn kiến thức.** - **Sau hoạt động:** *GV nhận xét, chuẩn kiến thức*	**- Đại diện báo cáo sản phẩm.** **- Nhận xét sản phẩm cho nhóm bạn.** **(Nhóm dùng giấy A0, PP...)**

NỘI DUNG 3: TỔNG KẾT

NỘI DUNG 3: TỔNG KẾT

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, GQVĐ

b.Nội dung hoạt động: 2 nội dung:

+ giá trị nội dung

+ giá trị nghệ thuật.

c. Sản phẩm

1. Nghệ thuật nghị luận:

- Tính khoa học:

+ Cách lập luận chặt chẽ, từ khái quát đến cụ thể, từ xa đến nay, từ xa đến gần. Điều này đã được phản ánh tư duy khoa học, sự am hiểu thấu đáo đối tượng phân tích của tác giả.

+ Luôn gắn những nhận định khái quát với luận cứ cụ thể, đa dạng, có sức thuyết phục; có sự so sánh giữa thơ mới với thơ cũ;

- Tính nghệ thuật: cách dẫn dắt ý theo mạch cảm xúc tinh tế, uyển chuyển và bằng ngôn ngữ hình ảnh, nhịp điệu.

2. Ý nghĩa văn bản:

Nhận thức tinh tế, sâu sắc về tinh thần thơ mới, động lực thúc đẩy sự phát triển của thi ca Việt Nam hiện đại.

d. Các bước dạy học

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HĐ CỦA HS
Trước hoạt động: GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học	- HS đọc lại bài vừa học **HS sử dụng sgk**

Trong hoạt động: GV đặt câu hỏi: **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?	**- HS làm việc cá nhân** **(Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ3,Đ4, Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

1. Đoạn văn được trích từ bài *Một thời đại trong thi ca*, là bài tổng luận cuốn Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh và Hoài Chân, được viết năm 1942.

2. Đoạn văn đề cập đến cái tôi cá nhân - một nhân tố quan trọng trong tư tưởng và nội dung của thơ mới (1932 - 1945), đồng thời, nêu ngắn gọn những biểu hiện của cái tôi cá nhân ở một số nhà thơ tiêu biểu.

Tác giả đã có cách diễn đạt khá đặc sắc, thể hiện ở:

- Cách dùng từ ngữ giàu hình ảnh (mất bề rộng, tìm bề sâu, càng đi sâu càng lạnh, phiêu lưu trong trường tình, động tiên đã khép, ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta...).
- Câu văn ngắn dài linh hoạt, nhịp nhàng, thể hiện cảm xúc của người viết. Hình thức điệp cú pháp thể hiện ở một loạt vế câu (ta thoát lên tiên... ta phiêu lưu trong trường tình... ta điên cuồng... ta đắm say...) tạo nên ấn tượng mạnh ở người đọc.
- Nghệ thuật hô ứng: ta thoát lên tiên - động tiên đã khép; ta phiêu lưu trong trường tình - tình yêu không bền; ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử- điên cuồng rồi tỉnh; ta đắm say cùng Xuân Diệu - say đắm vẫn bơ vơ. Nghệ thuật hô ứng làm cho các ý quấn bện vào nhau rất chặt chẽ.

3. Bề rộng mà tác giả nói đến ở đây là cái ta. Nói đến cái ta là nói đến đoàn thể, cộng đồng, dân tộc, quốc gia. Thế giới của cái ta hết sức rộng lớn.

Bề sâu là cái tôi cá nhân. Thế giới của cái tôi là thế giới riêng tư, nhỏ hẹp, sâu kín. Thơ mới từ bỏ cái ta, đi vào cái tôi cá nhân bằng nhiều cách khác nhau.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
-GV giao nhiệm vụ: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4: *Đời chúng ta nằm trong vòng chữ tôi. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu.Nhưng động tiên đa khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận.* 1. Đoạn văn trên thuộc văn bản nào? Tác giả của văn bản đó là ai? Viết trong thời gian nào? 2. Đoạn văn nói về vấn đề gì? Cách diễn đạt của tác giả có gì đặc sắc? 3. Anh (chị) hiểu như thế nào về *bề rộng* và *bề sâu* mà tác giả nói đến ở đây?	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: **Đ4, Đ5, V1**

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

Nội dung của đoạn văn trên giúp ta có cơ sở để đọc - hiểu một số bài thơ thuộc phong trào Thơ mới (1932 - 1945) trong chương trình Ngữ văn Trung học phổ thông. Trước hết, đoạn văn nhắc ta một điều quan trọng: Thơ mới là tiếng nói trữ tình của cái tôi cá nhân. Cũng qua đoạn văn trên, ta sẽ hiểu biết hơn về nét nổi bật của một số nhà thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của Hs
GV giao nhiệm vụ: Nội dung của đoạn văn giúp gì cho anh (chị) trong việc đọc - hiểu các bài thơ mới trong chương trình Ngữ văn Trung học phổ thông?	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- Nhận xét và chuẩn kiến thức.	

HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG

a.Mục tiêu: Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; viết bài cảm nhận

c. Sản phẩm:

+ Vẽ đúng sơ đồ tư duy

+ Tìm đọc qua sách tham khảo, xử lí thông tin trên mạng. Viết bài cảm nhận riêng với tình cảm chân thành.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ sơ đồ tư duy bài học + Tìm đọc toàn bộ bài tác phẩm phê bình thơ Mới. Viết cảm nhận về thơ Mới.	**-HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tuần sau.**

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11.-
- Thiết kế bài giảng 11 .
- Cuốn *Thi nhân Việt Nam (Hoài Thanh).*
- Tham khảo thêm một số tài liệu trên internet,…

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:
Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: NGHỊ LUẬN VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI
Tiết 100 - 101 – TT tiết dạy theo kế hoạch

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Nắm được các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận.	**Đ1**
2	Đọc – hiểu văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận	Đ2
3	Thu thập thông tin liên quan đến phong cách ngôn ngữ chính luận	**Đ3**

4	Nhận diện phân tích văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận	**Đ4**
5	Biết bảo vệ quan điểm chính trị của bản thân	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về các vấn đề thuộc thao tác lập luận bác bỏ	**N1**
7	Vận dụng kiến thức đã học vào việc phân tích và xây dựng văn bản chính luận.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Có ý thức viết văn bản đúng phong cách.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10 phút)	**Kết nối -Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến phong cách ngôn ngữ chính luận	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;

				Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận II. Các phương tiện diễn đạt và đặc trưng phong cách ngôn ngữ chính luận	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về phong cách ngôn ngữ chính luận	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ

				của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TIẾT 1:

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (cả 2 tiết)

a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: HS vận dụng các thao tác lập luận đã học để giải quyết vấn đề.

c. Sản phẩm:

Đó là sự kiện lịch sử kiên quan đến kỉ niệm 70 năm ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946_19-12-2016)

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- GV giao nhiệm vụ: Văn bản sau đây viết về sự kiện chính trị gì? *Thắng lợi của quân và dân trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến mà tiêu biểu là Thủ đô Hà Nội là sự cổ vũ rất lớn để quân và dân ta liên tiếp đánh thắng thực dân Pháp làm nên thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu", buộc thực dân Pháp phải ngồi vào bàn thương lượng và ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, công nhận độc lập, chủ*	**- HS thực hiện nhiệm vụ.** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, kết thúc 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. (Nguồn http://dantri.com.vn/chinh-tri/thu-do-70-nam-truoc-moi-ngoi-nha-la-mot-phao-dai-20161210144308322.htm, ngày 10-12-2016) => Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Trong những ngày cuối năm 2016, cả nước chúng ta hướng về kỉ niệm 70 năm ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946_19-12-2016). Đây là một sự kiện chính trị quan trọng, giáo dục truyền thống tự hào dân tộc, uống ngước nhớ nguồn. Đoạn văn trên được thể hiện bằng phong cách ngôn ngữ chính luận. Vậy phong cách này có những đặc trưng gì?	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: thảo luận nhóm, dùng kĩ thuật tư duy, động não để tìm hiểu ngữ liệu và rút ra nhận xét.

c. Sản phẩm

1/ <u>Tìm hiểu văn bản chính luận</u>:

a.Văn bản chính luận:

-*Thời xưa:*Hịch, cáo, chiếu, biểu...

- *Hiện đại:* Cương lĩnh, tuyên bố, tuyên ngôn, báo cáo, tham luận...

b. Tìm hiểu ngữ liệu (SGK)

**** Đoạn trích:****Tuyên ngôn độc lập*

-Tuyên ngôn, tuyên bố … nhằm trình bày quan điểm chính trị của một đảng phái hay quốc gia nhân dịp một sự kiện trọng đại

**** Đoạn trích:*** Cao trào chống Nhật cứu nước

- Trích đoạn mở đầu trong tác phẩm chính luận CMDTDCND Việt Nam, tập I của đồng chí Trường Chinh Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam.

**** Đoạn trích:*** Việt Nam đi tới →Xã luận →trên báo

2/<u>Nhận xét chung về văn bản chính luận và ngôn ngữ chính luận</u>:

<u>a. Văn bản chính luận</u>:

- Ngôn ngữ chính luận còn được dùng trong các tài liệu chính trị khác, trong những tác phẩm lí luận có quy mô khá lớn: SGK.
- Ngôn ngữ chính luận tồn tại ở dạng viết mà cả ở dạng nói.
- Mục đích: Trình bày ý kiến hoặc bình luận, đánh giá một sự kiện, một vấn đề chính trị, một chính sách, chủ trương về văn hoá xã hội theo một quan điểm chính trị nhất định.

b. Phân biệt giữa nghị luận và chính luận:

- Nghị luận: Dùng để chỉ một loại thao tác tư duy; Một loại văn bản một kiểu làm văn trong nhà trường.
- **Chính luận**: Chỉ một phong cách ngôn ngữ văn bản nhằm trình bày những quan điểm chính trị của quốc gia, đoàn thể, quan điểm chính trị…

c. Ngôn ngữ chính luận:

-Ngôn ngữ chính luận là ngôn ngữ được dùng trong các văn bản chính luận hoặc lời nói miệng trong các hội nghị hội thảo…nhằm trình bày bình luận đánh giá những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xãhội, văn hoá… theo một quan điểm chính trị nhất định.

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
Trước hoạt động : Em đã gặp tình huống nào sử dụng thao tác lập luận bình luận trong đời sống ? Hãy lấy một ví dụ cụ thể ?	HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)**
Trong hoạt động : HS thảo luận theo nhóm :(3nhóm)	
Nhóm 1: a. Tuyên ngôn độc lập - Thể loại của văn bản? - Mục đích viết văn bản? - Văn chính luận	**- HS làm việc theo nhóm trong 5p** **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**
Nhóm 2: b. Cao trào chống Nhật - Thể loại? -Mục đích?	

-Thái độ? Quan điểm của người viết?

Nhóm 3: *c. Việt Nam đi tới*

- Thể loại?
- Mục đích?
- Thái độ người viết?

- Làm việc cá nhân: Em có nhận xét chung gì về 3 văn bản vừa khảo sát?

Hoàn thành bảng phân biệt giữa nghị luận và chính luận

Nghị luận	Chính luận

-- GV chuẩn kiến thức.

Sau hoạt động: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.

- Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CỦA TIẾT 1

a. Mục tiêu: Đ3, Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung: 2 câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm:

BT1: đã chữa ở trên.

BT2: Vì:

- Dùng nhiều từ ngữ chính trí.
- Câu văn mạch lạc, chặt chẽ, tuy có thể dùng câu dài (câu thứ 3 ở ví dụ trong SGK)
- Thể hiện rõ quan điểm chính trị về lòng yêu nước, đánh giá cao lòng yêu nước của nhân dân ta.
- Đoạn văn có sức hấp dẫn và truyền cảm: nhờ lập luận chặt chẽ, nhờ những hình ảnh so sánh cụ thể, sát hợp.

BT3:

- *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ:

+ Tình thế nào buộc chúng ta phải chiến đấu?

"Chúng ta.. đứng lên".

Bác sử dụng lớp từ chính trị: *hoà bình, cướp nước, hi sinh, mất nước, nô lệ.* Sử dụng lớp từ này thể hiện rõ lập trường quan điểm của người viết chỉ rõ âm mưu, dã tâm của thực dân Pháp. Đặc biệt từ ngữ được lặp lại: chúng ta, nhân nhượng thể hiện thiện chí hoà bình. Hai từ "càng" đặt trong mối quan hệ làm rõ thiện chí của nước ta. Vậy một bên kẻ thù lấn tới, một bên là quyết tâm của dân tộc ta. Tình thế ấy buộc chúng ta phải chiến đấu.

+ Chúng ta chiến đầu bằng vũ khí gì?

"Bất kì đàn ông… giữ gìn đất nước"

Các từ ngữ: súng, gươm, cuốc, thuổng, gậy gộc khẳng định chúng ta đánh giặc bằng mọi vũ khí có trong tay. Đó là sức mạnh của cuộc chiến tranh nhân dân.

+ Niềm tin chiến thắng như thế nào?

"Dù phải gian lao kháng chiến… muôn năm"

Những từ nhất định thắng lợi, độc lập, thống nhất đã khẳng định niềm tin của dân tộc chúng ta.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của Hs
GV giao nhiệm vụ: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1, 2: Bài tập 2** **Nhóm 3, 4: Bài tập 3** **GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.**	- HS thực hiện nhiệm vụ. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

TIẾT 2: HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Đ1,Đ 2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:Sử dụng phương pháp hoạt động nhóm, kĩ thuật động não, trình bày một phút để giải quyết các nội dung của bài học.

c. Sản phẩm

II. CÁC PHƯƠNG TIỆN DIỄN ĐẠT VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA PHONG CÁCH NGÔN NGỮ CHÍNH LUẬN:

1. Các phương tiện diễn đạt:

a. Về từ ngữ:

- Văn bản chính luận sử dụng ngôn ngữ thông thường nhưng có khá nhiều từ ngữ chính trị: độc lập, đồng bào, dân chủ…

b. Về ngữ pháp:

- Câu văn trong văn bản chính luận có kết cấu chuẩn mực gần với những phán đoán logic trong một hệ thống lí luận chặt chẽ.

VD: SGK.

- Câu phức thường dùng những từ ngữ liên kết như: Do vậy, bởi thế, cho nên… Cho lí luận được chặt chẽ.

c. Về biện pháp tu từ:

- Sử dụng rộng rãi các biện pháp tu từ.
- Ngôn ngữ chính luận sử dụng các biện pháp tu từ đúng chỗ. Làm cho bài viết sinh động dễ hiểu, khắc sâu ấn tượng.

2. Đặc trưng của ngôn ngữ chính luận:

a. Tính công khai về quan điểm

- Ngôn ngữ chính luận không chỉ thông tin một cách khách quan mà phải thể hiện đường lối, quan điểm, thái độ chính trị của người viết (người nói) một cách công khai dứt khoát, không che dấu, úp mở.
- Từ ngữ phải được cân nhắc kỉ càng, đặt biệt những từ thể hiện lập trường, quan điểm chính trị.

b. Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận:

Hệ thống luận điểm chặt chẽ, từng ý, từng câu, từng đoạn được phối hợp với nhau một cách hài hoà, mạch lạc.

c. Tính truyền cảm, thuyết phục:

- Giọng văn hùng hồn tha thiết, bộc lộ nhiệt tình của người viết.
- Đối với người nói (diễn thuyết, tranh luận) thì nghệ thuật hùng biện là điều quan trọng để truyền cảm, thuyết phục trong đó ngữ điệu, giọng nói được coi là phương tiện cần thiết để hỗ trợ cho lí lẽ, ngôn từ.

d. Các bước dạy học

Trước hoạt động : Đặc điểm của văn bản chính luận, ngôn ngữ chính luận ? **Trong hoạt động :** HS thảo luận theo nhóm bàn: a./ Về mặt từ ngữ văn bản chính luận sử dụng ngôn ngữ như thế nào? b/Câu văn trong văn bản chính luận có kết cấu như thế nào ? c/Việc sử dụng cá biện pháp tu từ trong phong cách ngôn ngữ chính luận ra sao ? HS đọc văn bản *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* và phân tích việc dùng từ ngữ, cách kết cấu giản dị, dễ hiểu của tác giả. Lần lượt phân tích theo 3 phần của bài để trả lời các câu hỏi gợi ý của GV. -Sau khi HS phát biểu, GV sửa chữa , nhận xét bổ sung hoàn chỉnh kiến thức. -GV: Nêu những đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận. - Tính công khai thể hiện như thế nào ? - Khi lựa chọn từ ngữ cần lưu ý điều gì ? -GV: Em cho biết ngôn ngữ chính luận có những đặc trưng gì ? -HS đọc lại VB (T1) và trả lời theo câu hỏi của GV HS phát biểu cá nhân theo sgk **-- GV chuẩn kiến thức.** **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi. - Giải thích, cung cấp thêm một số ví dụ	HS suy nghĩ và trả lời **(cá nhân)** **- HS làm việc theo nhóm bàn trong 5p** **- Đại diện 1 - 2 nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo** **HS làm việc cá nhân**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: **Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

Bài tập 1: Các phép tu từ.

- Điệp ngữ kết hợp điệp cú: Ai có ... dùng ...
- Liệt kê: súng, gươm, cuốc, thuổng, gậy gộc.
- Ngắt đoan câu (phối hợp với các phép tu từ trên) để tạo giọng văn dứt khoát, mạnh mẽ.

Bài tập 2: Có thể nêu một số ý:

- Luận cứ: Ở thời điểm nào thì thanh niên cũng gánh vác nhiệm vụ quan trọng của đất nước, là trụ cột, là người chủ tương lai của đất nước.
- Các luận chứng:

+ Thế hệ thanh niên trong CMT8

+ Thế hệ thanh niên trong kháng chiến chống Pháp và Mĩ.

+ Thế hệ thanh niên trong công cuộc xây dựng CNXH, hội nhập với thế giới.

- Kết luận: Thanh niên phải học tập để xây dựng đất nước.

Bài tập 3:

*****. Lòng yêu nước có thể giáo dục từ truyền thống nhưng một phần khác bắt nguồn từ những tình cảm thiết thực"Nhỏ bé" của mỗi người.: Yêu người thân: cha, mẹ, ông, bà; Yêu làng quê và những kỉ niệm thời thơ ấu.

*****.Tình cảm cụ thể và nhỏ bé nhưng sâu sắc, thiết tha, lòng yêu nước trở thành một thứ tình cảm thiêng liêng và có ý thức thường trực trong mỗi con người.

*****. Yêu nước là phải bảo vệ xây dựng đất nước

Bài tập bổ trợ:

1/Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận.

2/ Biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất trong văn bản trên là điệp (lặp) cấu trúc câu (Bài học về...). Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó: nhấn mạnh những bài học quý giá được rút ra từ chiến thắng Điện Biên Phủ.

3/ Cụm từ "...một mốc son chói lọi trong lịch sử" có ý nghĩa ca ngợi chiến thắng Điện Biên Phủ đã đi vào lịch sử dân tộc và thế giới, mở ra thời kì mới cho cách mạng Việt Nam.

4/ Đặt tiêu đề cho văn bản trên (ví dụ: Bài học lịch sử từ chiến thắng Điện Biên)

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của Hs
GV giao nhiệm vụ: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: **Nhóm 1: Bài tập 1** **Nhóm 2: Bài tập 2** **Nhóm 3: Bài tập 3** **Nhóm 4: Bài tập bổ trợ:** Đọc văn bản sau: *"Thời gian đã lùi xa, nhưng Chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu mãi mãi là một mốc son chói lọi trong lịch sử và niềm tự hào của dân tộc Việt Nam, là sức mạnh tinh thần, nguồn cổ vũ, động viên to lớn, đồng thời để lại nhiều 0bài học quý giá đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.* *Đó là bài học về tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, vừa chống giặc đói, giặc dốt, vừa chống giặc ngoại xâm, tạo nên sức mạnh tổng hợp đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, dù cho chúng có mạnh tới đâu.* *Bài học về phát huy tinh thần yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.* *Bài học về phát huy tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường và sáng tạo, tìm tòi, xác định đúng*	- HS thảo luận nhóm trong 5p - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

đường lối cách mạng và nghệ thuật quân sự Việt Nam. *Bài học về xây dựng sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nòng cốt là liên minh công nhân - nông dân - trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.* *Bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế. "* *(Trích Diễn văn của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tại Lễ Mít tinh, diễu binh, diễu hành kỷ niệm 60 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 - 7/5/2014).* 1/Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì? 2/ Biện pháp tu từ nào được sử dụng nhiều nhất trong văn bản trên ? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó? 3/ Cụm từ "...một mốc son chói lọi trong lịch sử" nói lên điều gì? 4/ Đặt tiêu đề cho văn bản trên. **GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.**	

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:HS vận dụng đặc trưng phong chách ngôn ngữ chính luận để viết đoạn văn cho phù hợp.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS

GV giao nhiệm vụ: Viết một đoạn văn (khoảng 200 từ) kêu gọi các bạn học sinh trong trường ủng hộ giúp đỡ đồng bào miền Trung bị lũ lụt năm 2016.	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

HĐ 5.TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a. Mục tiêu: GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Bài sưu tầm của HS

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: **+ Vẽ sơ đồ tư duy bài học** **(NL tự học)**	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau.**

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên
- Ngữ pháp tiếng Việt.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng
- Thiết kế bài giảng

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: ÔN TẬP

Tiết 102 - 103: : TT tiết dạy theo KHDH

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ

		HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Củng cố, hệ thống hoá những kiến thức về tiếng Việt đã học.	**Đ1**
2	Đọc – hiểu văn bản liên quan đến tiếng Việt	Đ2
3	Thu thập thông tin liên quan đến tiếng Việt	**Đ3**
4	Nắm bắt được các kiến thức về hoạt động giao tiếp, phong cách ngôn ngữ văn bản	**Đ4**
5	Phân tích, so sánh đặc điểm của Tiếng Việt với loại hình ngôn ngữ khác;	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về vẻ đẹp của tiếng Việt.	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết về tiếng Việt vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Ý thức về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10 phút)	**Kết nối -Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tiếng Việt.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	Các câu hỏi và bài tập sgk	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật:	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá

			động não.	
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về tiếng Việt	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TIẾT 1:
HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.

a. Mục tiêu: Kết nối - Đ1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: 9 từ hàng ngang và 1 từ chìa khóa.

c. **Sản phẩm**

Câu 1: Xuân Diệu, Huy Cận là những nhà thơ tiêu biểu cho phong trào **Thơ mới**

Câu 2: Phong cách ngôn ngữ **chính luận** thể hiện quan điểm chính trị của người viết.

Câu 3: Văn học Việt Nam gồm 2 bộ phận: văn học dân gian và **văn học viết**

Câu 4: Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ làm cơ sở cho việc sử dụng từ ngữ và tạo lập lời nói. đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội được nội dung, ý nghĩa của lời nói.

Câu 5: Nghĩa tình thái là nghĩa thể hiện thái độ, sự đánh giá của người nói đối với sự việc hoặc đối với người nghe

Câu 6: Vội vàng thê hiện quan niệm về thời gian của Xuân Diệu.

Câu 7: Mộdịch ra tiếng Việt là ***Chiều tối***

=> Từ chìa khóa: TIẾNG VIỆT

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	***Hoạt động của HS***
- GV giao nhiệm vụ: GV tổ chức TRÒ CHƠI Ô CHỮ liên quan đến tiếng Việt để tạo không khi sôi động cho HS. => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Như vậy, Tiếng Việt là một trong 3 phân môn quan trọng trong quá trình đọc hiểu văn bản. Hôm nay, chúng ta sẽ tổng kết lại toàn bộ nội dung phần TV đã học ở Ngữ văn 11.*	- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: trả lời tìm ra đáp số ô chữ thích hợp do GV gợi ý.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung bài học: gồm các nội dung: ôn tập bài *Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân; Ngữ cảnh; Phong cách ngôn ngữ báo chí*

c. Sản phẩm

a/Ngôn ngữ là tài sản chung của XH:

-Bao gồm những yếu tố chung cho mọi thành viên trong XH như: âm vị, tiếng, từ, cụm từ cố định.

-Những quy tắc NP chung cho mọi người cần tuân theo như: tổ chức câu, trật tự từ, dấu câu,...

-Ngôn ngữ là sản phẩm chung của hoạt động giao tiếp xã hội.

b/Lời nói cá nhân:

-Sự vận dụng các yếu tố chung để tạo thành lời nói cụ thể.

-Vận dụng linh hoạt các quy tắc ngữ pháp.

-Mang dấu ấn cá nhân về nhiều phương diện như: trình độ, hoàn cảnh sống, sở thích cá nhân,...

Câu 2: -Bài thơ gồm 56 tiếng, đều là ngôn ngữ chung

-Sự vận dụng sáng tạo của Tú Xương:

+ "Lặn lội thân cò" lấy từ ngôn ngữ chung, nhưng đã đảo trật tự từ

+ "Eo sèo mặt nước" (tương tự)

+ "Năm nắng mười mưa" (vận dụng thành ngữ)

Tất cả: thể hiện sự chịu thương, chịu khó, tần tảo đảm đang của bà Tú.

Câu 3: (Đáp án :B)

Câu 4:

- Bối cảnh rộng: hoàn cảnh đất nước bị xâm lược
- Bối cảnh hẹp: Nghĩa sĩ nông dân tự vũ trang tập kích giặc ở đồn Cần Giuộc. Trong cuộc chiến đấu không cân sức ấy: 21 nghĩa sĩ đã hi sinh→ bài văn tế ra đời trong bối cảnh chung và cụ thể đó.

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	**HĐ CỦA HỌC SINH**
<u>Trước hoạt động</u> : Ôn tập lại các kiến thức lí thuyết đã học : Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân ; Ngữ cảnh. **<u>Trong hoạt động</u> :** GV tổ chức HS thảo luận nhóm và lên bảng trình bày phần ôn tập dựa theo hệ thống câu hỏi trong sgk đã cho chuẩn bị trước ở nhà , kết hợp cho điểm thực hành . **Nhóm 1, 2**: Câu 1, 2 **Nhóm 3, 4:** Câu 3, 4 **Lưu ý : Câu 1, 3 cho thêm ví dụ minh họa.** **-- GV chuẩn kiến thức.** **<u>Sau hoạt động</u>**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi. - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập.	HS làm việc cá nhân **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p** **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

TIẾT 2:

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

Câu 5:

a/**Nghĩa sự việc**: nghĩa tương ứng với sự việc được đề cập đến trong câu

- Sự việc có thể là hành động, trạng thái, quá trình, tư thế, sự tồn tại, quan hệ
- Do CN, VN, trạng ngữ, khởi ngữ, thành phần phụ khác của câu biểu hiện

b/Nghĩa tình thái: thái độ, sự đánh giá của người nói → sự việc ; người nghe.

- Biểu hiện qua các từ ngữ tình thái.

Câu 6 :"Dễ họ không phải đi gọi đâu"

Nghĩa sự việc là: câu biểu hiện hành động

Nghĩa tình thái là: phỏng đoán sự việc

Câu 7:

1. Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp
2. Từ không biến đổi hình thái
3. Ý nghĩa ngữ pháp : ở chỗ sắp đặt từ theo thứ tự trước sau và cách dùng hư từ

Ví dụ minh hoạ

1. "Thôn/ Đoài/ ngồi/ nhớ/ thôn /Đông"
2. "Con ngựa đá con ngựa đá"
3. ở đây cấm không được câu cá; ở đây được câu cá không cấm;

Câu 8:

PCNN Báo chí :

****Các phương tiện diễn đạt:***

+Từ vựng (phong phú) cho từng loại

+Ngữ pháp: câu đa dạng, ngắn gọn

+Biện pháp tu từ: không hạn chế

**** Đặc trưng cơ bản:***

+Tính thông tin, thời sự

+Tính ngắn gọn

+Tính sinh động hấp dẫn

PCNN Chính luận

Các phương tiện diễn đạt:

+Từ ngữ chung, lớp từ chính trị

+NP: câu chuẩn mực

+Biện pháp tu từ: sử dụng nhiều

* ***Đặc trưng cơ bản:***

+Tính công khai về quan điểm chính trị

+Tính chặt chẽ trong diễn đạt suy luận

+Tính truyền cảm, thuyết phục.

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
Trước hoạt động : Ôn tập lại các kiến thức lí thuyết đã học : Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân ; Ngữ cảnh. **Trong hoạt động :** GV tổ chức HS thảo luận nhóm và lên bảng trình bày phần ôn tập dựa theo hệ thống câu hỏi trong sgk đã cho chuẩn bị trước ở nhà , kết hợp cho điểm thực hành . **Nhóm 1:** Câu 5 **Nhóm 2:** Câu 6 **Nhóm 3:** Câu 7 **Nhóm 4:** Câu 8 **-- GV chuẩn kiến thức.** **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi. - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập.	HS làm việc cá nhân **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p** **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:*ríu rít* gợi ra cảm giác đông vui, nhộn nhịp; *sừng sững* gợi ra vóc dáng về chiều cao bề thế của sự vật; *lóng lánh, lung linh* gợi ra vẻ đẹp huyền ảo của sự vật.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của GV
GV giao nhiệm vụ: Thống kê các từ láy trong đoạn văn sau và cho biết giá trị biểu cảm của các từ láy ấy. Viết đoạn văn có sử dụng từ láy mang giá trị biểu cảm. *Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim ríu rít. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ: hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi, hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh, tất cả đều lóng lánh lung linh trong nắng. Chào mào, sáo sâu, sáo đen... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. Chúng nó gọi nhau, trò chuyên, trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn mà vui không thể tưởng tượng được. Ngày hội mùa xuân đấy. (Vũ Tú Nam)*	- HS thực hiện nhiệm vụ. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

HOẠT ĐỘNGTÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a. Mục tiêu: GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Bài sưu tầm của HS

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS

GV giao nhiệm vụ: + Lập bảng thống kê toàn bộ nội dung phần tiếng Việt đã học ở lớp 11 + Tìm thêm các ngữ liệu liên quan đến các bài tiếng Việt đã học + Vận dụng tích hợp phần tiếng Việt làm bài tập Đọc hiểu văn bản	- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Phong cách học tiếng Việt.

- Ngữ pháp tiếng Việt.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 11.

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:
Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: NGHỊ LUẬN VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI

Tiết 104- 105 – TT tiết dạy theo kế hoạch điều chỉnh:
MỘT SỐ THỂ LOẠI VĂN HỌC: KỊCH, NGHỊ LUẬN

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA

NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Nắm được một số đặc điểm về thể loại Kịch: xung đột, hành động, ngôn ngữ kịch, một số đặc điểm của văn nghị luận	**Đ1**
2	Thu thập thông tin liên quan đến thể loại kịch, nghị luận.	**Đ2**
3	Đọc – hiểu các tác phẩm văn học liên quan đến thể loại kịch, nghị luận;	**Đ3**
4	Nhận diện được thể loại kịch, nghị luận trong các tác phẩm văn học	**Đ4**
5	Phân tích, so sánh đặc điểm sự khác nhau giữa thể loại kịch, nghị luận;	**Đ5**
6	Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về thể loại kịch, nghị luận;	**N1**
7	Có khả năng tạo lập một văn bản nghị luận văn học.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công. Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thể loại kịch, nghị luận.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Có ý thức đọc hiểu- cảm thụ đúng đặc trưng của thể loại.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm; Phiếu học tập,…

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10phút)	**Kết nối - Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tác giả, tác phẩm.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Tìm hiểu về kịch 1. Khái niệm 2. Yêu cầu về đọc kịch bản II. Tìm hiểu về văn nghị luận 1. Khái niệm 2. Yêu cầu đọc văn nghị luận	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (10 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Kỹ thuật: động não .	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận		Liên hệ thực tế đời	Đàm thoại	Đánh giá qua

dụng (5 phút)	**Đ3, Đ4, Đ5, N1, GQVĐ**	sống để làm rõ thêm về các thể loại kịch, nghị luận	gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ5, V1**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức.	Thuyết trình; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TIẾT 1:
HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (CHO CẢ 2 TIẾT)

a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm**

- Kịch: Tình yêu và thù hận, Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài
- Văn nghị luận: Về luân lí xã hội ở nước ta, Tiếng mẹ đẻ - nguồn giải phóng dân tộc bị áp bức, Một thời đại trong thi ca

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- GV giao nhiệm vụ: Kể tên tác phẩm kịch, văn nghị luận đã học ở chương trình Ngữ Văn 11? => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài: Mỗi tác*	- **HS thực hiện nhiệm vụ.** - **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

phẩm văn học bao giờ cũng được xếp vào một thể loại nhất định. Tìm hiểu thể loại sẽ giúp ta hiểu rõ hơn đặc điểm hình thức tổ chức của tác phẩm. Ở HKI, chúng ta đã tìm hiểu Truyện và Thơ.Hôm nay, chúng ta hãy tìm hiểu hai thể loại nữa, đó là Kịch và nghị luận;	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC
NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU VỀ KỊCH

a. Mục tiêu:Đ1, Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVD

b. Nội dung hoạt động: gồm 2 nội dung: Khái lược về kịch và yêu cầu về đọc kịch bản văn học.

c. Sản phẩm

I/Kịch:

1. Khái niệm:

a/Khái niệm: (SGK)

b/Đặc trưng của nghệ thuật kịch:

-Xung đột và cách giải quyết xung đột kịch:

+Đối tượng mô tả của kịch là những xung đột trong đời sống; ở đó, những vấn đề thuộc bản chất của hiện thực được dồn nén, quy tụ , nổi bật

+Xung đột kịch được giải quyết , cụ thể hoá bằng hành động kịch →được thực hiện bởi các nhân vật kịch.

- Nhân vật kịch bộc lộ đặc điểm, tính cách của mình qua ngôn ngữ kịch (lời thoại).Có 3 loại : đối thoại; độc thoại và bàng thoại .

-Ngôn ngữ kịch mang tính hành động và tính khẩu ngữ cao.

c/.Phân loại:

- Xét theo nội dung và ý nghĩa của xung đột → : bi kịch, hài kịch, chính kịch.

-Xét theo hình thức ngôn ngữ:→kịch thơ, kịch nói, ca kịch

2.Yêu cầu về đọc kịch bản văn học: 4 bước

- Đọc kĩ lời giới thiệu, tiểu dẫn→ hiểu tg, tp, thời đại và vị trí đoạn trích.

- Tập trung vào lời thoại →xác định mối quan hệ, hiểu đặc điểm, tính cánh nhân vật

- Phân tích hành động kịch→ xác định xung đột, phân tích diễn biến, kết quả các xung đột

- Từ xung đột và nhân vật→ xác định Chủ đề tư tưởng

+ Ý nghĩa xã hội.(xung đột là cơ sở của kịch)

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
<u>Trước hoạt động</u> : Đọc sgk mục I. **<u>Trong hoạt động</u> :** GV tổ chức HS thảo luận nhóm và lên bảng trình bày phần ôn tập dựa theo hệ thống câu hỏi trong sgk đã cho chuẩn bị trước ở nhà , kết hợp cho điểm thực hành . **Nhóm 1, 2**: Khái lược về kịch -Nội dung kịch bắt nguồn từ đâu? -Sự thât cuộc sống - con người trong kịch có gì đặc biệt? -Hành động kịch có đặc điểm gì? Ví dụ. -Nhân vât kịch có đặc điểm gì? Ví dụ. -Ngôn ngữ kịch có mấy loại? Ví dụ. -Nhìn chung, ngôn ngữ kịch phải đảm bảo những yêu cầu gì? Ví dụ. -Những từ, câu, đoạn in chữ nghiêng, hoặc trong dấu (...) nhằm mục đích gì? **Nhóm 3, 4:** yêu cầu đọc kịch bản kịch - Nêu những yêu cầu cơ bản khi đọc kịch bản văn học? **<u>Sau hoạt động</u>**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi. - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập.	HS làm việc cá nhân **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p** **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP CỦA TIẾT 1

a. Mục tiêu: HS nhớ và hiểu nội dung kiến thức đã học để giải quyết bài tập

b. Nội dung: 1 câu hỏi trả lời nhanh

c. Sản phẩm:

Xung đột kịch trong "Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài"(bi kịch)

+ Giữa nhân dân và triều đình phong kiến

+ Quan niệm nghệ thuật cao siêu và lợi ích thiết thực của nhân dân

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của Hs
GV giao nhiệm vụ: Đoạn trích "Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài" thuộc loại kịch nào? Phân tích những mâu thuẫn, xung đột trong đoạn kịch đó? **GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.**	- HS thực hiện nhiệm vụ. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

TIẾT 2:

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

NỘI DUNG 2: TÌM HIỂU VỀ NGHỊ LUẬN

a. Mục tiêu:Đ1,Đ2,Đ3,Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: gồm 2 nội dung: Khái lược về văn nghị luận và yêu cầu về đọc văn nghị luận.

c. Sản phẩm

II. Văn Nghị luận:

1. Khái lược về văn nghị luận:

a./ Khái niệm: Nghị luận là thể loại văn học đặc biệt, dùng lập luận; luận điểm; luận cứ, để bàn luận về một vấn đề xã hội , chính trị hay văn học nghệ thuật.

b./ Đặc điểm:

- Sâu sắc về tư tưởng và tình cảm
- Suy nghĩ và trình bày mạch lạc, chặt chẽ
- Lập luận thuyết phục.
- Ngôn ngữ giàu hình ảnh, biểu cảm, mang tính học thuật và xã hội cao.

c./ Phân loại:

- Xét nội dung: Văn chính luận; Văn phê bình văn học
- Theo Trung đại: Chiếu, cáo, hịch, bình sử, điều trần...
- Hiện đại: Tuyên ngôn, kêu gọi, phê bình, tranh luận...

2.Yêu cầu đọc văn nghị luận:

-Tìm hiểu tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm

-Chú ý đến luận đề, luận điểm, luận cứ và lập luận của bài nghị luận.

- Phân tích nghệ thuật lập luận, nêu chứng cứ, dùng ngôn ngữ và các biện pháp tu từ.

- Khái quát giá trị tác phẩm về nội dung và hình thức; rút ra bài học và tác dụng của tp với cuộc sống.

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
<u>Trước hoạt động</u> : Đọc sgk mục I. **<u>Trong hoạt động</u> :** GV tổ chức HS thảo luận nhóm và lên bảng trình bày phần ôn tập dựa theo hệ thống câu hỏi trong sgk đã cho chuẩn bị trước ở nhà , kết hợp cho điểm thực hành . **Nhóm 1, 2**: Khái lược về văn nghị luận Nghị luận là thể văn có đặc điểm chủ yếu gì? Thế nào là vấn đề? Mục đích của văn nghị luân? Làm thế nào để đạt mục đích ấy? Các thao tác chủ yếu của văn nghị luân là gì? Xưa nay, người ta đã căn cứ vào đâu để phân loại văn nghị luân và phân loại như thế nào? Ví dụ. **Nhóm 3, 4:** yêu cầu về đọc văn nghị luận ? Ngoài các yêu cầu chung như đối với một văn bản văn học, cần chú ý những yêu cầu đặc thù, riêng biêt gì khi đọc - hiểu văn bản nghị luân? **<u>Sau hoạt động</u>**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi. - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập.	HS làm việc cá nhân **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p** **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ3,Đ4, Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

Thời/ Thể	***Trung đại***	***Hiện đại***
Nghị luận	Chiếu, biểu, cáo, hịch, bình sử, điều trần, bài luận (*Chiếu dời đô, Chiếu cầu hiền, Hịch tướng sĩ, Đại Cáo bình Ngô*).	Tuyên ngôn, lời kêu gọi, bài bình luận, xã luận trên báo, phê bình, tranh luận, bút chiến,… (*Tuyên ngôn Độc lập là lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Đạo đức và luân lí Đông Tây, Một thời đại trong thi ca…*)

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	**Hoạt động của HS**
GV giao nhiệm vụ: **- HS thực hiện nhiệm vụ: hoàn thành bảng thống kê.** **(bên dưới)**	**- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Hoàn thành bảng sau

Thời/ Thể	***Trung đại***	***Hiện đại***
Nghị luận		

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

Thực ra trong đoạn trích không hề có xung đột giữa tình yêu và thù hận, chỉ có tình yêu vượt lên trên thù hận mà thôi. Xung đột ở đoạn trích Tình yêu và thù hận là xung đột tâm trạng.

+ Với Giu-li-ét

* Tại sao chàng lại tên là Rô-mê-ô nhỉ?

* Chàng hãy khước từ cha chàng và từ chối dòng họ của chàng đi hoặc nếu không chàng hãy thề là yêu em đi.

* Em không là con cháu của nhà Ca-piu-lét nữa

* Chỉ có tên họ của chàng là thù địch của em thôi. Chàng ơi hãy mang tên họ khác đi. Cái tên ấy có nghĩa gì đâu. Bông hồng kia nếu chúng ta gọi bằng tên khác thì hương thơm vẫn ngọt ngào. Vậy nếu chàng Rô-mê-ô chẳng mang tên Rô-me-ô nữa thì mười phân chàng vẫn vẹn mười. Rô-mê-ô chàng ơi chàng hãy vứt bỏ tên họ của chàng đi. Chàng hãy đem tên họ ấy, nó đâu phải xương thịt của chàng đổi lấy cả em đây.

* Em chẳng đời nào muốn họ bắt gặp anh nơi đây.

+ Với Rô-mê-ô:

* Ca ngợi sắc đẹp của Giu-li-ét

* Sẵn sàng đổi tên họ

* Thể hiện sức mạnh của tình yêu

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: **Viết đoạn văn phân tích x**ung đột kịch ở đoạn trích *Tình yêu và thù hận* (Sechxpia)	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

HOẠT ĐỘNGTÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a. Mục tiêu: Đ5, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Bài sưu tầm của HS

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ sơ đồ tư duy bài học + Tìm đọc thêm một số vở kịch nổi tiếng của Sechxpia, Molie, Lưu Quang Vũ…; một số bài nghị luận trong VH hiện đại. Từ đó, nêu ngắn gọn biểu hiện đặc trưng thể loại qua tác phẩm.	**- HS thực hiện nhiệm vụ:** **- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ vào tiết sau.**

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên
- Giáo trình : Lý luận văn học.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng
- Thiết kế bài giảng

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: ÔN TẬP

Tiết 106 - 107: TT tiết dạy theo KHDH:

ÔN TẬP VĂN HỌC

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Giúp học sinh củng cố, hệ thống hoá những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam và văn học nước ngoài đã học	**Đ1**
2	Thu thập thông tin liên quan đến giai đoạn văn học nửa cuối thế kỷ XIX và từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945; Văn học nước ngoài.	Đ2
3	Đọc – hiểu các tác phẩm văn học giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX và từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 ;Văn học nước ngoài.	**Đ3**
4	Thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX và từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 ;Văn học nước ngoài.	**Đ4**
5	Phân tích, so sánh đặc điểm của các bộ phận văn học, xu hướng văn học giai đoạn này;	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về vẻ đẹp của tiếng Việt.	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết về tiếng Việt vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**

PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Có ý thức tự giác, chủ động, độc lập trong học tập.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (10 phút)	**Kết nối - Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan các tác phẩm văn học.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở -PP trò chơi	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (60 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	Các câu hỏi và bài tập sgk	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV

			hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về các tác phẩm văn học	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (5 phút)	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

TIẾT 1: Các hoạt động

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.

a. Mục tiêu: Kết nối -Đ1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: Hs vận dụng kiến thức đã học để tham gia trò chơi.

c. **Sản phẩm: 4 bức ảnh của 4 tác giả: Tản Đà, Hàn Mặc Tử, Tố Hữu, Sê-khốp**

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh các tác giả tiêu biểu Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX đến cách mạng tháng tám năm 1945, tác giả VHNN, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép => GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Như vậy là chúng ta đã thực hiện nội dung đọc hiểu Văn bản Ngữ văn 11 Hôm nay, chúng ta ôn lại văn học giai đoạn này để khắc sâu kiến thức.	+ Nhìn hình đoán các tác giả, tác phẩm; - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:Đ1, Đ2,Đ3,Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung bài học: gồm các nội dung:

- Tập trung vào phần ôn tập văn học Việt Nam (Các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5)
- HS tự tìm hiểu Văn học nước ngoài (Các câu 6, 7, 8)

c. Sản phẩm

*** CÂU 1:**

+Thơ mới nảy sinh trong hoàn cảnh XH thực dân nửa PK.

+Tác giả thơ mới: tri thức Tây học (thơ trung đại: Nho sĩ và quan lại)

+Thơ mới thể hiện cái tôi cá nhân một cách tuyệt đối (thơ trung đại cái ta -tính phi ngã)

+Thơ mới ảnh hưởng thi pháp VH Phương Tây (thơ trung đại ảnh hưởng thi pháp VH trung đại Trung Hoa)

Câu 2:

Lập bảng thống kê về 2 tác phẩm		
	Lưu biệt khi xuất dương	**Hầu Trời**
Nội dung	- Lí tưởng của trang nam nhi là chủ động xoay trời chuyển đất, làm việc kì lạ, không để cuộc sống chỉ đạo mình. - Khẳng định sự đóng góp của cá nhân với	-Một cái tôi tài hoa, phóng túng, khẳng định tài năng văn chương hơn người và khao khát được thể hiện giữa cuộc đời.

	cuộc đời và tin tưởng vào thế hệ mai sau theo dòng lịch sử. - Xót xa trước tình cảm đất nước, phê phán học vấn nền thi cử đạo Nho. - Khát vọng mạnh mẽ lên đường	- Phần nào nêu được cuộc sống của người cầm bút.
Nghệ thuật	- Xây dựng được hình tượng mang vẻ đẹp lãng mạn, hào hùng - Thể hiện thơ tuyên truyền của Phan Bội Châu → hướng ngoại xây dựng hình ảnh kì vĩ, mạnh mẽ.	- Có nhiều sáng tạo. giọng điệu tự nhiên, ngôn ngữ giản dị, hóm hỉnh.

Câu 3: - *Lưu biệt khi xuất dương* và *Hầu Trời* là hai bài thơ ra đời vào đầu thế kỉ XX. Cụ thể là Phan Bội Châu viết *Lưu biệt khi xuất dương* năm 1905 và Tản Đà viết *Hầu Trời* năm 1921. Đây là thời kì mở đầu cho quá trình hiện đại hoá. Thành tựu chưa có gì nổi bật. Cả hai bài thơ mới chỉ đề cập được phần nào cái tôi- ý thức cá nhân → khẳng định mạnh mẽ để tạo nên vẻ đẹp lãng mạn hào hùng ở Phan Bội Châu, tài hoa, phóng túng, ngông nghênh hơn người ở Tản Đà. Hai bài thơ này chỉ là điểm giao thời, một gạch nối của hai thời đại thi ca.

- Phải đến *Vội vàng* của Xuân Diệu thì ý thức cá nhân của con người mới thực sự trỗi dậy mạnh mẽ. Đó là sự cuồng nhiệt đến hết mình khi giao cảm với thiên nhiên và con người. Nhà thơ bộc lộ khát vọng: "tôi muốn tắt nắng đi… bay đi". Giao cảm hết mình với đời, Xuân Diệu đã xây dựng một thiên đường mặt đất và có quan niệm mới mẻ về nhân sinh, về thời gian và đời người. Một chút buồn thi sĩ gửi cùng thiên nhiên, chia sẻ với con người. Để từ đó bộc lộ cách sống vội vàng.

- Phải đến Xuân Diệu quá trình hiện đại hoá văn học mới vươn tới đỉnh cao của sự hoàn tất.

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
<u>Trước hoạt động</u> : Đọc lại các tác phẩm văn học đã học trong chương trình 11. **<u>Trong hoạt động</u> :** GV tổ chức HS thảo luận nhóm và lên bảng trình bày phần ôn tập dựa theo hệ	HS làm việc cá nhân

thống câu hỏi trong sgk đã cho chuẩn bị trước ở nhà , kết hợp cho điểm thực hành . **Nhóm 1, 2**: Câu 1, 2 **Nhóm 3, 4:** Câu 3. **-- GV chuẩn kiến thức.** **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi. - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập.	**- HS làm việc theo nhóm trong 10 p** **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

TIẾT 2:

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (TIẾP)

a. Mục tiêu:Đ1, Đ2,Đ3,Đ4,Đ5, N1, GT0HT, GQVĐ

b. Nội dung bài học: gồm các nội dung:

- Tập trung vào phần ôn tập văn học Việt Nam (Các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5)
- HS tự tìm hiểu Văn học nước ngoài (Các câu 6, 7, 8)

c. Sản phẩm

Câu 4:

	Nội dung	Nghệ thuật
Vội vàng của Xuân Diệu	- Sự giao cảm hết mình với thiên nhiên, với con người, với cái đẹp của thiên nhiên, cái vẻ đẹp của con người. Từ đó có quan niệm mới mẻ về nhân sinh. Nỗi buồn về thời gian một đi không bao giờ trở lại, đời người hữu hạn. Để từ đó có cách sống vội vàng.	- Giọng điệu say mê sôi nổi, có nhiều sáng tạo về ngôn ngữ và hình ảnh. - Kết hợp giữa cảm xúc và mạch luận lí.
Tràng giang của Huy Cận	- Huy Cận gửi nỗi buồn của mình, cái tôi cô đơn trước thiên hiên sông dài trời rộng và cả những vật hữu hình nhỏ bé, trôi nổi. Đồng thời đọng lại trong tình yêu quê hương đất nước.	- Bài thơ mang màu sắc cổ điển mà vẫn có giọng điệu gần gũi thân thuộc ở hình ảnh trong thơ.
Đây thôn Vĩ	- Bức tranh đẹp trong sự giao cảm với thiên nhiên và con người, để từ đó nhà	- Giàu hình ảnh biểu hiện nội tâm. Ngôn ngữ

Dạ của Hàn Mặc Tử	thơ bộc lộ nỗi buồn gợi nhớ đến bâng khuâng. Một nỗi buồn với bao uẩn khúc trong lòng. Một tình cảm tha thiết với đời, với người.	tinh tế, giàu sức liên tưởng.
Tương tư của Nguyễn Bính	- Diễn tả tâm trạng của chàng trai lúc tương tư. Để từ đó thấy được hồn quê hoà lẫn với cảnh quê. Từ thương nhớ đến hờn giận, trách móc, chàng trai bộc lộ khát vọng hạnh phúc lứa đôi.	- Miêu tả diễn biến tâm trạng. Kết hợp giữa hồn quê và cảnh quê. Thể thơ lục bát, ngôn ngữ giản dị, giọng thơ ngọt ngào, tha thiết làm sống dậy hồn xưa đất nước.
Chiều xuân của Anh Thơ	- Bức tranh chiều xuân tiêu biểu ở đồng bằng Bắc bộ hiện lên với không khí và nhịp sống ở nông thôn. - Với cảnh vật của mùa xuân êm ả.	- Thủ pháp gợi tả làm nổi bật không khí, nhịp sống ở nông thôn. - Dùng cái động để tả cái tĩnh.

Câu 5:

	Nội dung	**Nghệ thuật**
Chiều tối Hồ Chí Minh	Tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, ý chí vươn lên hoàn cảnh khắc nghiệt của người tù cộng sản. Bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan của Bác.	Bài thơ là sự kết hợp giữa vẻ đẹp cổ điển mà hiện đại. Mạch thơ có sự vận động mạnh mẽ.
Lai Tân Hồ Chí Minh	- Bài thơ như một tứ cười hóm hỉnh đày tính chất trào lộng thâm thuý vào xã hội Trung Hoa dân quốc thời Tưởng	Tạo nên kết cấu đặc biệt ở câu cuối để giọng điệu châm biếm nhẹ mà đau.
Từ ấy - Tố Hữu	Lời tâm nguyện của người thanh niên trong bước đường giác ngộ lý tưởng Đảng. Đồng thời bộc lộ niềm vui,	Vận động về tâm trạng thể hiện qua ngôn ngữ, hình ảnh, nhạc điệu.

Nhớ đồng Tố Hữu	say, tràn trề sức sống khi đón nhận lý tưởng Đảng. Nỗi nhớ da diết của nhà thơ với quê hương, con người, Qua đó bộc lộ niềm say mê lý tưởng, khát khao tự do.	Sử dụng thơ có kết câu điệp thể hiện diễn biến tâm trạng

d. Các bước dạy học

<u>Trước hoạt động</u> : Đọc lại các tác phẩm văn học đã học trong chương trình 11. **<u>Trong hoạt động</u> :** GV tổ chức HS thảo luận nhóm và lên bảng trình bày phần ôn tập dựa theo hệ thống câu hỏi trong sgk đã cho chuẩn bị trước ở nhà , kết hợp cho điểm thực hành . **Nhóm 1, 2**: Câu 4 **Nhóm 3, 4:** Câu 5. **-- GV chuẩn kiến thức.** **<u>Sau hoạt động</u>**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi. - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập.	HS làm việc cá nhân **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p** **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

TIẾT 2: CÁC HĐ:

HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ3,Đ4,Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

Hình tượng nhân vật trữ tình : con người trước bao la trời rộng, sông dài, con người khao khát tình đời, tình người, cảm nhận thấm thía mối sầu cô đơn "Mênh

mông không một chuyến đò ngang - Không cầu gợi chút niềm thân mật - Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng". Nỗi buồn nhân thế vốn có cơ sở thực tại, khi nó tìm thấy những đồng điệu ấy là khi nó thể hiện được tiếng nói cúa một thế hệ, thế hệ "Băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời" trong hoàn cảnh đất nước mất chủ quyền. Nỗi "nhớ nhà" như thế không cần một hình ảnh tương đồng, nó sẵn chất chứa trong lòng người, phản chiếu tình cảm lớn : tình cảm với Tổ quốc, đất nước.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn ngắn cảm nhận về hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ Tràng giang (Huy Cận)	- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ4, Đ5, N1, V1

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:

1.Giải thích : "mới" : là mới mẻ, hiện đại. Ở đây bao hàm sự so sánh giữa thơ Việt Nam hiện đại đầu thế kỉ XX với thơ Việt Nam thời kì trung đại ; "mới nhất" : là từ chỉ tính chất hiện đại được thể hiện ở mức độ cao nhất, nhiều nhất ; "Xuân Diệu là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới" là ý kiến khẳng định Xuân Diệu là nhà thơ hàng đầu trong phong trào Thơ mới với các đặc điểm nội dung (quan niệm, đề tài, chủ đề tư tưởng,...) và nghệ thuật (thể loại, ngôn ngữ thơ, cách thể hiện ý, tình trong thơ,...).

2.Phân tích :

- Quan niệm về thời gian, tuổi trẻ, hạnh phúc và khát vọng sống mãnh liệt của nhà thơ Xuân Diệu trong bài thơ (ngợi ca mùa xuân, ngợi ca cuộc đời, ngợi ca tuổi trẻ, sự tiếc nuối thời gian, tiếc nuối tuổi xuân đi qua không trở lại, lời kêu gọi sống hết mình, sống cuồng nhiệt, sống đến kiệt cùng của cảm giác, cám xúc,...) so với xúc cảm và quan niệm của một số tác giả tiêu biểu của phong trào Thơ mới mà các em đã biết (Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Huy Cận,...).

- Những cách tân về thể loại, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm xúc và quan niệm mang tính triết lí; giọng điệu trữ tình sôi nổi, mê say (vui vẻ, ngập tràn hạnh phúc trước vẻ đẹp của mùa xuân, cuộc đời, nhạy cảm trước sự trôi chảy của thời gian, giục giã, hối hả tận hưởng cuộc sống tuổi trẻ,...), ngôn ngữ nghệ thuật giàu tính hình tượng, giàu cảm xúc,... so với những cách tân nghệ thuật ở một số tác phẩm của tác giả tiêu biểu trong phong trào Thơ mới mà các em đã biết (Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Huy Cận,...).

3. Khẳng định giá trị của tác phẩm và những đóng góp to lớn của Xuân Diệu cho công cuộc cách mạng thơ ca Việt Nam hiện đại. Vội vàng là tuyên ngôn về lẽ sống và thể hiện đặc điểm phong cách nghệ thuật của Xuân Diệu, là một minh chứng cho vị trí của nhà thơ trong thơ hiện đại "mới nhất trong các nhà thơ mới".

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Theo nhà văn Hoài Thanh, Xuân Diệu là nhà thơ "mới nhất trong các nhà thơ mới". Đặc điểm đó của thơ Xuân Diệu được thể hiện như thế nào ở bài thơ Vội vàng?	- HS thực hiện nhiệm vụ. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

HOẠT ĐỘNGTÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a. Mục tiêu: GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Bài sưu tầm của HS

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ:	-HS thực hiện nhiệm vụ:

+ Vẽ sơ đồ tư duy bài học + Chọn một bài thơ cách mạng của Bác Hồ, Tố Hữu (ngoài SGK) hoặc của tác giả khác; học thuộc và viết lời bình khoảng l - 2 trang.	- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng 11
- Thiết kế bài giảng 11
- Tham khảo thêm một số tài liệu trên internet,…

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: VĂN NGHỊ LUẬN (TIẾP)

Tiết 108: : TT tiết dạy theo KHDH

TÓM TẮT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

& LUYỆN TẬP TÓM TẮT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Hiểu được mục đích, yêu cầu của việc tóm tắt văn bản nghị luận	**Đ1**
2	Đọc – hiểu và tóm tắt văn bản nghị luận; - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản nghị luận; - Năng lực hợp tác khi - Năng lực tạo lập văn bản tóm tắt.	**Đ2**
3	Thu thập thông tin liên quan đến các bước tóm tắt văn bản nghị luận.	**Đ3**
4	Nhận diện văn bản nghị luận và tiến hành tóm tắt được theo các bước.	**Đ4**
5	Phân tích, so sánh các bước tóm tắt văn bản nghị luận với việc tóm tắt văn bản tự sự, văn bản thuyết minh.	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về văn bản nghị luận.	**N1**
7	Biết tạo lập văn bản tóm tắt.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Có ý thức tự giác, chủ động, độc lập trong làm văn.	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (07 phút)	**Kết nối -Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến tóm tắt văn bản nghị luận	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2: Khám phá kiến thức (25 phút)	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1, GT-HT,GQVĐ**	I. Mục đích, yêu cầu của việc tóm tắt văn bản nghị luận II. Cách tóm tắt văn bản nghị luận	Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	Đánh giá qua sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ

			(Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm việc tóm tắt văn bản nghị luận	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ2, Đ5, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG.

a. Mục tiêu: Kết nối - Đ1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng những kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Tóm tắt văn bản tự sự, thuyết minh

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	***Hoạt động của HS***

- **GV giao nhiệm vụ**: Ở lớp 10, các em đã học cách tóm tắt những loại văn bản nào? => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Văn bản nghị luận thường chứa đựng dung lượng nội dung rất lớn. Muốn nắm được các nội dung đó, ngoài phương pháp đọc – hiểu văn bản, chúng ta cần phải biết tóm tắt văn bản để đúc rút những nội dung cơ bản được phản ánh trong văn bản đó. Vậy để đáp ứng được những yêu cầu vừa nêu, nội dung của tiết học này sẽ cung cấp cho chúng ta cách tóm tắt văn bản nghị luận.	- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:Đ1, Đ2,Đ3, Đ4, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung bài học: gồm các nội dung: mục đích, yêu cầu của việc tóm tắt văn bản nghị luận; cách tóm tắt văn bản nghị luận

c. Sản phẩm

I.ÔN TẬP CHUNG :

1-Tóm tắt→viết; kể lại một cách ngắn gọn, khách quan những nội dung chính của văn bản. Khi tóm tắt- rút ngắn, cần giữ được những nội dung cơ bản, quan trọng của văn bản gốc.

-Tóm tắt văn bản nghị luận : một hình thức làm văn kết hợp kĩ năng đọc - hiểu với kĩ năng diễn đạt, đáp ứng nhu cầu học tập suy nghĩ trong thực tế.

2. Mục đích, yêu cầu của tóm tắt VBNL

(Khuyến khích HS tự đọc)

- Mục đích:

+ Giúp ta có những hiểu biết khái quát, chính xác và sâu sắc về VB gốc.

+ Tích lũy tư liệu và kiến thức cần thiết làm tài liệu.

+ Học tập cách tư duy và diễn đạt trong văn NL.

+ Rèn luyện kĩ năng đọc – hiểu, tiếp nhận văn bản và tóm tắt VBNL.

- Yêu cầu:

+ Phản ánh trung thành các tư tưởng, luận điểm của VB gốc; không tự ý thêm bớt.
+Diễn đạt ngắn gọn, súc tích, loại bỏ những thông tin không phù hợp với mục đích tóm tắt.

II/CÁCH TÓM TẮT VBNL: - Ghi nhớ (sgk)

- Bước 1:Đọc kĩ văn bản gốc. Dựa vào nhan đề,phần mở đầu và kết thúc →lựa chọn những ý, những chi tiết phù hợp với mục đích tóm tắt.

-Bước 2: Đọc từng đoạn trong phần triển khai (thân bài)→nắm được các luận điểm, luận cứ làm sáng tỏ vấn đề.

- Bước 3: Lập dàn ý trình bày lại một cách hệ thống những luận điểm của văn bản được tóm tắt.

- Bước 4: Dùng lời văn của mình để thuật lại nội dung cơ bản của văn bản được tóm tắt nhưng cần giữ lại bố cục và những câu văn quan trọng của văn bản gốc.

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
Trước hoạt động : Đọc kĩ sách giáo khoa mục I, II	HS làm việc cá nhân
Trong hoạt động : **Mục I. HS hoạt động cá nhân** - Tóm tắt là gì ? -Thế nào là tóm tắt VBNL?- Nêu mục đích, yêu cầu của tóm tắt VBNL ? - Vì sao khi tóm tắt VBNL yêu cầu ta phải trung thành với các tư tưởng, luận điểm của VB gốc ?	HS làm việc cá nhân
Mục II. (HĐ nhóm bàn) GV yêu cầu HS đọc văn bản Về luân lí xã hội ở nước ta (Phan Châu Trinh), sau đó tìm hiểu và trả lời các câu hỏi ở mục II trong SGK tr.117 - 118. **-- GV chuẩn kiến thức.** **Sau hoạt động**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi.	**- HS làm việc theo nhóm trong 10 p** **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

- Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập.	

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: **Đ4, Đ5, N1, V1 GT-HT, GQVĐ**

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

III/LUYỆN TẬP: (sgk-118-119)

-BT1:

a)Chủ đề NL :Bàn về đặc trưng tổng thể của đất nước Indonesia.

b)CĐ NL :nói về tài năng của Xuân Diệu trong việc nghiên cứu , phê bình VH.

BT2:

a.V/đề NL: Tình trạng sử dụng nguồn nước ngọt không hợp lý và tình trạng nguồn nước ngày càng bị cạn kiệt và ô nhiễm.

b.Mục đích NL: nhằm nhắc nhở mọi người nhân thức giá trị và tầm quan trọng của tài nguyên nước ➔kêu gọi mọi người hãy tiết kiệm và tránh làm ô nhiễm nguồn nước.

c.Các LĐ chính:

LĐ 1:Đặt v/đ: nước là tài sản quý báu nhưng đang bị hủy hoại và lãng phí nhiều nhất.

LĐ 2:CM và PT ➔Tài nguyên nước trong tương lai sẽ không đáp ứng đủ cho yêu cầu của đ/s con người.

LĐ 3:CM➔Tình trạng khan hiếm và ô nhiễm môi trường nước trên thế giới.

LĐ 4: Lời kêu gọi của LHQ về việc bảo vệ nguồn nước ngọt, chống ô nhiễm môi trường**.**

d.Tóm tắt VBNL trong ba câu:

Tài sản bị huỷ hoại và lãng phí nhiều nhất là nước ngọt. Nước ngọt trên trái đất có hạn, người tăng lên, công nghiệp phát triển, nước sử dụng nhiều và nước thải

làm ô nhiễm hồ, ao, sông, ngòi. Chúng ta phải biết tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch.

bài tập 1(trang 122-123):

HS có thể bổ sung 2 ý:

-Nhược điểm của thơ mới là không nói đến đấu tranh cách mạng.

-Thơ mới đã đổi mới sự biểu hiên của cảm xúc, góp phần vào sự phát triển của tiếng Việt.

-Những nội dung mà bạn HS dự định tóm tắt văn bản cần sửa chữa như sau:

+**L/Đ 1**: "Thơ mới là phong trào văn học phong phú, một phong trào sáng tạo dồi dào , có nhiều yếu tố tích cực"

+**L/Đ 2:** Phong trào Thơ mới có nhiều đóng góp về nghệ thuật thơ; đã góp phần trau dồi tiếng Việt.

+**LĐ 3**: Thơ mới xứng đáng mệnh danh là "một thời đại trong thi ca"

=> **KẾT LUẬN**:

1/Khi tóm tắt văn bản nghị luận cần nắm vững những yêu cầu của việc tóm tắt văn bản nghị luận .

2/Lưu ý : tránh sa vào phân tích dài dòng, lan man, xa nội dung của văn gốc .

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH
Trước hoạt động : Ôn tập lại các kiến thức lí thuyết đã học về tóm tắt văn bản nghị luận **Trong hoạt động :** GV tổ chức HS thảo luận nhóm : **Nhóm 1:** Bài tập 1(tr 118) **Nhóm 2:** Bài tập 2(tr 119) **Nhóm 3:** Bài tập 1 (tr 122,123) **Nhóm 4:** Câu 8 **-- GV chuẩn kiến thức.**	HS làm việc cá nhân **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p** **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ2,Đ4, V1

b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập
c. Sản phẩm: Bài tóm tắt của HS
d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: (bên dưới)	- HS thực hiện nhiệm vụ. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Tóm tắt văn bản nghị luận sau:

"Con gái là con người ta"; "Đàn bà xây tổ ấm" ;" Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô"– đó là những câu đúc kết xưa và đến nay vẫn còn nguyên giá trị với không ít gia đình Việt Nam. Hay nói cách khác, rất nhiều gia đình Việt xem đó nhưng là chuẩn mực văn hóa, chuẩn mực xã hội để điều chỉnh gia đình mình. Và cũng từ đây, không ít những câu chuyện đau lòng đã xảy ra.

Từ chối tiền mừng vì "con gái là con người ta" - đó là phong tục tại nhiều xóm chài ở Nghệ An. Theo thông tin từ báo chí, xóm Kim Liên, xã Diễn Kim, Nghệ An có gần 100% hộ gia đình duy trì phong tục này vì nhiều người cho rằng trước cha ông từng dạy, vì con gái khi đi lấy chồng là mất con, mất họ nên nhà gái không lấy quà mừng. Trong khi đó, con trai lấy vợ là được thêm người, thêm của nên nhà trai được phép lấy tiền mừng của mọi người.

Luật tục này tồn tại từ nhiều đời nay đã vô tình làm nhiều gia đình có con gái rơi vào tình trạng khó khăn hơn về kinh tế, cũng như khoét sâu thêm sự bất bình đẳng nam nữ tại các vùng quê. Ở một câu chuyện khác, một cô gái đi lấy chồng cô luôn bị chồng bạo hành, đánh đập, nhưng mẹ cô không cho phép trở về quê hương vì "con gái là con người ta", dù cô đã nhiều lần cầu xin do không chịu nổi sự ngược đãi. Bản thân người mẹ của cô gái, lúc còn trẻ chồng mất sớm vì bệnh tật, cũng đã cầu xin cha mẹ mình cho về quê ngoại để kiếm sống nuôi con, nhưng tất cả những gì nhận được là cái lắc đầu bởi "con gái là con người ta, con gái gả đi lấy chồng là đi hẳn, quay về xóm làng dị nghị". (Theo Hồng Minh-http://baophapluat.vn/rubic-cuoc-song/chuan-muc-van-hoa-lac-hau-tiep-tay-cho-bao-luc-gia-dinh-310516.html)

HOẠT ĐỘNGTÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a.Mục tiêu: Đ2, Đ5, V1

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

c. Sản phẩm:

- Bài tóm tắt của HS

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: + Tóm tắt những văn bản nghị luận đã học trong chương trình Ngữ văn 11	- HS thực hiện nhiệm vụ. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng

- Thiết kế bài giảng

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Ngày soạn: **Ngày dạy:**

Tiết 109 -110:

ÔN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN NGOÀI SÁCH GIÁO KHOA

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Về kiến thức:

- Nắm vững các tri thức cần huy động để giải quyết các yêu cầu đặt ra đối với các câu hỏi dạng đọc hiểu văn bản.

- Biết được các mức độ nhận thức của câu hỏi kiểm tra, đánh giá năng lực đọc hiểu (4 cấp độ, vận dụng đối với văn bản nghị luận và văn bản nhật dụng).

2. Về kĩ năng: có kĩ năng đọc, phân tích, tổng hợp các kiến thức, kĩ năng trả lời phần đọc hiểu

3. Phẩm chất:

- Nhân ái.

- Chăm chỉ.

- Trách nhiệm

- Trung thực

* Cụ thể: Có thái độ học tập nghiêm túc biết nhận ra cái sai và sữa sai để làm bài sau tốt hơn.

4. Định hướng các năng lực cần hình thành

*** NL chung**: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực tự quản bản thân, năng lực sáng tạo, năng lực công nghệ thông tin truyền thông…

*** NL đặc thù:**

- Năng lực đọc hiểu văn bản ngoài sgk

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội.

- Năng lực đánh giá bản thân.

B. THIẾT KẾ DẠY HỌC

I. Chuẩn bị của GV và HS

- Giáo viên: một số lí thuyết về đọc – hiểu văn bản, các đề đọc – hiểu phù hợp với năng lực từng đối tượng, các tài liệu tham khảo khác, nghiên cứu tài liệu, soạn giáo án.

- Học sinh:xem lại kiến thức đọc – hiểu văn bản mà GV đã dạy trong các tiết trước, đọc thêm tài liệu tham khảo khác.

II.Tổ chức dạy và học

3. Ổn định lớp
2. Nội dung ôn tập

Thao tác 1: GV giúp HS nhắc lại một số kiến thức đọc – hiểu văn bản

1. **Cấu trúc đề đọc – hiểu:** Gồm 2 phần:

- Văn bản đọc – hiểu

- Hệ thống các câu hỏi hướng dẫn đọc – hiểu

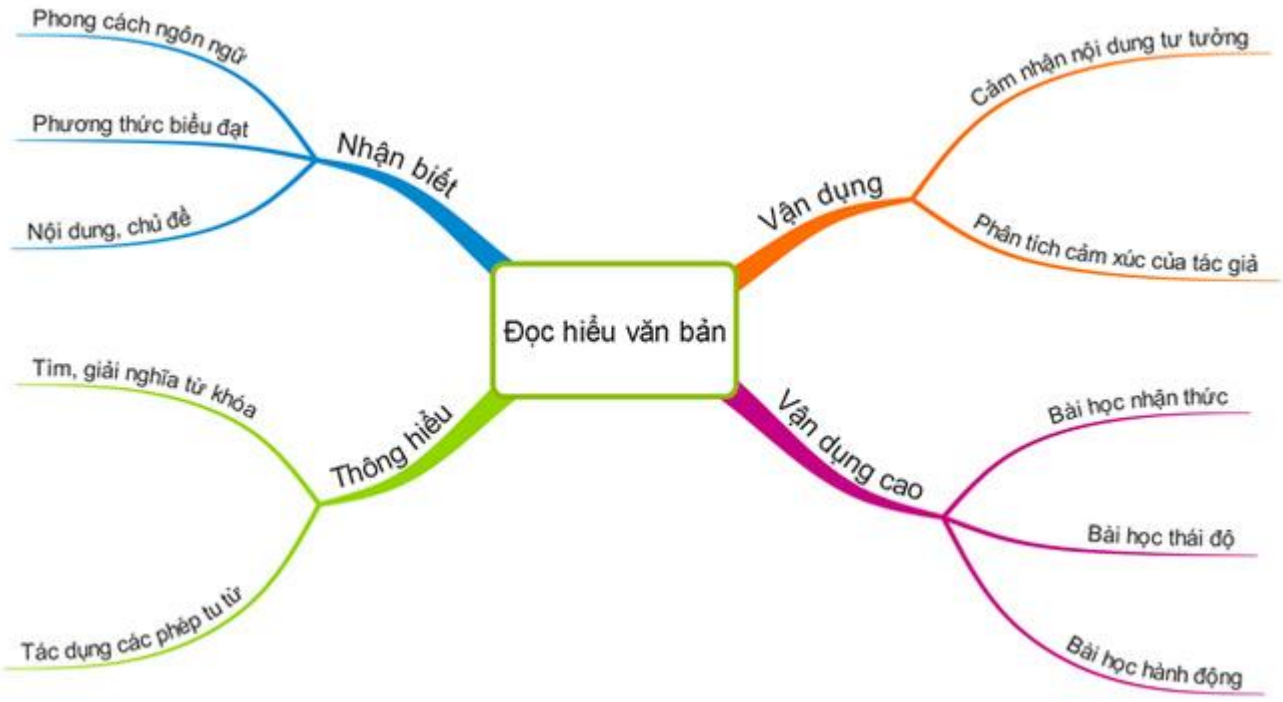

2. . Xu hướng là đọc- hiểu văn bản mới, ngoài SGK

3. Một số câu hỏi đọc – hiểu thường gặp

- *Nêu phương thức biểu đạt chính?*
- *Nêu phong cách ngôn ngữ?*
- *Nêu nội dung/ chủ đề của văn bản?*

→2 ý: Văn bản viết về điều gì? + Tình cảm, thái độ của người viết?

- *Chỉ ra biện pháp tu từ và nêu tác dụng?*
- *Phân loại câu theo mục đích nói?*
- *Điền từ/ giải thích nghĩa của từ?*

….

- *Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về một vấn đề rút ra từ văn bản?*

4.Một số kiến thức phục vụ đọc hiểu

***Các phương thức biểu đạt của văn bản:**

	Phương thức biểu đạt	**Nhận diện qua mục đích giao tiếp**

1	***Tự sự***	Trình bày diễn biến sự việc
2	***Miêu tả***	Tái hiện trạng thái, sự vật, con người
3	***Biểu cảm***	Bày tỏ tình cảm, cảm xúc
4	***Nghị luận***	Trình bày ý kiến đánh giá, bàn luận…
5	***Thuyết minh***	Trình bày đặc điểm, tính chất, phương pháp…
6	*Hành chính – công vụ*	Trình bày ý muốn, quyết định nào đó, thể hiện quyền hạn, trách nhiệm giữa người với người

*Các phong cách ngôn ngữ chức năng:

Với HS lớp 12, chú ý 3 loại PCNN sau:

	Phong cách ngôn ngữ	**Đặc điểm nhận diện**
1	***Phong cách ngôn ngữ báo chí***	-Kiểu diễn đạt dùng trong các loại văn bản thuộc lĩnh vực truyền thông của xã hội về tất cả các vấn đề thời sự
2	***Phong cách ngôn ngữ chính luận***	Dùng trong lĩnh vực chính trị - xã hội, ; người giao tiếp thường bày tỏ chính kiến, bộc lộ công khai quan điểm tư tưởng, tình cảm của mình với những vấn đề thời sự nóng hổi của xã hội
3	***Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật***	-Dùng chủ yếu trong tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người; từ ngữ trau chuốt, tinh luyện…

**** Phân loại câu theo mục đích nói:***

- Câu trần thuật (câu kể)

- Câu cảm thán (câu cảm)

- Câu nghi vấn (câu hỏi)

- Câu cầu khiến.

**** Phân loại câu theo cấu trúc ngữ pháp:***

- Câu đơn

- Câu ghép/ Câu phức

- Câu đặc biệt.

*** Các thao tác lập luận**

TT	Thao tác lập luận	Đặc điểm nhận diện
1	Giải thích	Giải thích là vận dụng tri thức để hiểu vấn đề nghị luận một cách rõ ràng và giúp người khác hiểu đúng ý của mình.
2	Phân tích	Phân tích là chia tách đối tượng, sự vật hiện tượng thành nhiều bộ phận, yếu tố nhỏ để đi sâu xem xét kĩ lưỡng nội dung và mối liên hệ bên trong của đối tượng.
3	Chứng minh	Chứng minh là đưa ra những cứ liệu – dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ một lí lẽ một ý kiến để thuyết phục người đọc người nghe tin tưởng vào vấn đề. (Đưa lí lẽ trước - Chọn dẫn chứng và đưa dẫn chứng. Cần thiết phải phân tích dẫn chứng để lập luận CM thuyết phục hơn. Đôi khi thuyết minh trước rồi trích dẫn chứng sau.)
4	Bác bỏ	Bác bỏ là chỉ ra ý kiến sai trái của vấn đề trên cơ sở đó đưa ra nhận định đúng đắn và bảo vệ ý kiến lập trường đúng đắn của mình.

5	Bình luận	Bình luận là bàn bạc đánh giá vấn đề, sự việc, hiện tượng… đúng hay sai, hay / dở; tốt / xấu, lợi / hại…; để nhận thức đối tượng, cách ứng xử phù hợp và có phương châm hành động đúng.
6	So sánh	So sánh là một thao tác lập luận nhằm đối chiếu hai hay nhiều sự vật, đối tượng hoặc là các mặt của một sự vật để chỉ ra những nét giống nhau hay khác nhau, từ đó thấy được giá trị của từng sự vật hoặc một sự vật mà mình quan tâm. Hai sự vật cùng loại có nhiều điểm giống nhau thì gọi là so sánh tương đồng, có nhiều điểm đối chọi nhau thì gọi là so sánh tương phản.

***Các biện pháp tu từ**

Biện pháp tu từ	Hiệu quả nghệ thuật (Tác dụng nghệ thuật)
So sánh	Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc
Ẩn dụ	Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc.
Nhân hóa	Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn gần với con người

Hoán dụ	Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu s
Điệp từ/ngữ/cấu trúc	Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm, tạo âm hưởng nhịp cho câu văn, câu thơ.
Nói giảm	Làm giảm nhẹ đi ý muốn nói (đau thương, mất mát) nhằm thể hiện sự trân trọng
Thậm xưng	Tô đậm, phóng đại về đối tượng
Câu hỏi tu từ	Bộc lộ, xoáy sâu cảm xúc (có thể là những băn khoăn, ý khẳng định…)
Đảo ngữ	Nhấn mạnh, gây ấn tượng sâu đậm về phần được đảo lên
Đối	Tạo sự cân đối, đăng đối hài hòa
Im lặng	Tạo điểm nhấn, gợi sự lắng đọng cảm xúc
Liệt kê	Diễn tả cụ thể, toàn diện nhiều mặt

*Các phép liên kết (liên kết các câu trong văn bản)

Các phép liên kết	**Đặc điểm nhận diện**
Phép lặp từ ngữ	Lặp lại ở câu đứng sau những từ ngữ đã có ở câu trước
Phép liên tưởng (đồng nghĩa / trái	Sử dụng ở câu đứng sau những từ ngữ đồng nghĩa/ trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước

nghĩa)	
Phép thế	Sử dụng ở câu đứng sau các từ ngữ có tác dụng thay thế các từ ngữ đã có ở câu trước
Phép nối	Sử dụng ở câu sau các từ ngữ biểu thị quan hệ (nối kết) với câu trước

<u>Thao tác 2</u>: Luyện tập một số đề đọc – hiểu

Đề 1:

I.ĐỌC HIỂU

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

(1) Sáng nay tôi thức dậy với những lời trong một bài hát của ca sĩ Mick Jagger: "Ủy mị chẳng ích gì, chuyện trôi qua nhanh lắm". Đừng như thế. Cuộc đời thực sự đang trôi nhanh lắm.

(2) Sao lại trì hoãn những việc có thể làm hôm nay cho những lúc rảnh rỗi trong tương lai xa xôi nào đó? Sao không đóng vai một con người vượt trội bây giờ mà lại dành điều đó vào một thời điểm khác mai sau? Sao lại chần chừ thụ hưởng những giờ phút tuyệt vời và chờ đến khi về già? Một ngày nọ tôi đọc cuốn sách về một phụ nữ trẻ suy tư về kế hoạch để dành tiền hưu. Cô nói: "Tôi muốn bảo đảm mình sẽ để dành thật nhiều tiền – như vậy tôi mới có thể vui sống vào cuối đời". Tôi không nghĩ vậy. Tại sao phải chờ đến già mới hưởng thụ cuộc sống?

(3) Tôi không có ý nói rằng bạn nên bỏ qua tầm quan trọng của việc lên kế hoạch cho tương lai. Hãy biết nhìn xa và chuẩn bị cho suốt cuộc đời. Đó là sự quân bình. Hãy lên kế hoạch. Để dành tiền cho tuổi hưu. Hãy dự trù. Nhưng đồng thời cũng cần biết sống cho giây phút này. Sống thật đầy đủ.

(Trích Đời ngắn đừng ngủ dài – Robin Sharma,

Phạm Anh Tuấn dịch, NXB Trẻ, 2017, tr.25 – 26)
Câu 1.Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích. (nhận biết)
Câu 2.Nêu tên một biện pháp tu từ cú pháp được sử dụng trong đoạn (2). (nhận biết)
Câu 3.Anh/Chị hiểu thế nào về câu hỏi của tác giả: Tại sao phải chờ đến già mới hưởng thụ cuộc sống? (thông hiểu)
Câu 4.Theo anh/chị, việc lên kế hoạch cho tương lai có cần thiết với cuộc đời mỗi người không? Vì sao? (vận dụng)

II. LÀM VĂN

Câu 1.
Từ thông điệp của đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về tác hại của thói quen trì hoãn công việc. (vận dụng cao)

ĐỀ 2

I.ĐỌC HIỂU
Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:
"Người ta có thể yêu nhau và ghét nhau nhưng xin đừng hãm hại nhau. Tôi sợ lắm những gì mang đến bất hạnh cho con người. Hãy cố gắng mang đến cho nhau những giấc mơ, những giấc mơ làm nên hạnh phúc. Đi đâu, đến đâu cũng chỉ thấy những nụ cười. Những nụ cười như đóa hồng đứa bé cầm trên tay đi qua những phố rực rỡ một lòng yêu thương vô tận. Chúng ta hình như thừa bạo lực nhưng lại thiếu lòng nhân ái."
(Trích Viết bên bờ Loiret – Trịnh Công Sơn,
theo https://trinhcongsonblog.wordpress.com)
Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên. (nhận biết)
Câu 2. Nêu nội dung chính của đoạn trích. (thông hiểu)
Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: Những nụ cười như đóa hồng đứa bé cầm tay trên tay đi qua những phố rực rỡ một lòng yêu thương vô tận. (vận dụng)
Câu 4. Anh/chị có đồng tình với ý kiến: Chúng ta hình như thừa bạo lực nhưng lại thiếu lòng nhân ái? Vì sao? (vận dụng)

II. LÀM VĂN
Câu 1:
Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày s trái uy nghĩ về ý kiến sau: Người ta có thể yêu nhau và ghét nhau nhưng xin đừng hãm hại nhau. (vận dụng cao)

ĐỀ 3

i.ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)
Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 4:
… (1) Cái thú tự học cũng giống cái thú đi chơi bộ ấy. Tự học cũng là một cuộc du lịch,
du lịch bằng trí óc, một cuộc du lịch say mê gấp trăm lần du lịch bằng chân, vì nó là du
lịch trong không gian lẫn thời gian. Những sự hiểu biết của loài người là một thế giới
mênh mông. Kể làmsao hết được những vật hữu hình và vô hình mà ta sẽ thấy trong cuộc
du lịch bằng sách vở ?
(2) Ta cũng được tự do, muốn đi đâu thì đi, ngừng đâu thì ngừng. Bạn thích cái xã hội ở
thời Đường bên Trung Quốc thì đã có những thi nhân đại tài tả viên "Dạ minh châu" của
Đường Minh Hoàng, khúc "Nghê thường vũ y" của Dương Quý Phi cho bạn biết. Tôi
thích nghiên cứu đời con kiến, con sâu – mỗi vật là cả một thế giới huyền bí đấy, bạn ạ –
thì đã có J.H.Pha-brow và hàng chục nhà sinh vật học khác sẵn sàng kể chuyện cho tôi
nghe một cách hóm hỉnh hoặc thi vị.
(3) Đương học về kinh tế, thấy chán những con số ư? Thì ta bỏ nó đi mà coi cảnh hồ Ba
Bể ở Bắc Cạn hay cảnh núi non Thụy Sĩ, cảnh trời biển ở Ha-oai. Hoặc không muốn học

nữa thì ta gấp sách lại, chẳng ai ngăn cản ta cả."
(Trích Tự học – một nhu cầu thời đại – Nguyễn Hiến Lê, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà
Nội, 2003)

Câu 1. Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên. (0,5 điểm)
Câu 2. Trong đoạn (1), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào? (0,25 điểm)
Câu 3. Hãy giải thích vì sao tác giả lại cho rằng khi "thấy chán những con số" thì "bỏ nó
đi mà coi cảnh hồ Ba Bể ở Bắc Cạn hay cảnh núi non Thụy Sĩ, cảnh trời biển ở Ha-oai"?
(0,5 điểm)
Câu 4. Anh/chị hãy nêu ít nhất 02 tác dụng của việc tự học theo quan điểm riêng của
mình. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,25 điểm)

ĐỀ 4

PHẦN I: ĐỌC – HIỂU
Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:
(1)Ứng xử là thái độ, hành vi, lời nói thích hợp trong quan hệ giao tiếp giữa người với người, giữa người với thiên nhiên. Thuật ngữ văn hóa đặt trước ứng xử có nghĩa là tô đậm chiều cao phẩm chất, chiều rộng quan hệ của người ứng xử. Có con người là có cách ứng xử giữa họ với nhau, giữa họ với môi trường sống. Nhưng văn hóa ứng xử được hình thành từ khi văn minh phát triển ở một cấp độ nào đó nhằm diễn đạt cách ứng xử con người đối với thiên nhiên, đối với xã hội và đối với chính mình,…
(2)…Ở các nền văn hóa khác nhau có hệ chuẩn không giống nhau, nhưng vẫn có giá trị chung. Đó là sống có lý tưởng, trung với nước, hiếu với cha mẹ, tình thương đối với đồng bào, trung thực với bạn bè, giữ chữ tín trong mọi quan hệ. Trong văn hóa phương Đông, Khổng Tử khuyên mọi người tu tâm dưỡng tín với sáu chữ: nhất nhật tam tĩnh ngô thân. Đối với người Nhật, nhân cách văn hóa được công thức hóa: thiện, ích, đẹp. Nước ta coi trọng mục tiêu giá trị: chân, thiên, mỹ. Ở

châu Âu, người ta nói tính cách, khi bàn giá trị nhân cách tiêu biểu dân tộc. Tính cách Nga được thể hiện ở lòng đôn hậu, tình thủy chung, nghĩa cử quốc tế cao cả. Khẩu hiệu tri thức là sức mạnh được nhiều nước tư bản châu Âu viện dẫn và ảnh hưởng tới hành động đã mấy trăm năm.. Bí quyết hàng đầu của người Do Thái là sự trọng học, đề cao vai trò của trí tuệ, tôn sung học vấn và tài năng. Để con gái lấy được học giả, hoặc lấy được con người là học giả làm vợ thì không tiếc tài sản. Tuy nhiên, họ cũng coi tri thức mà thiếu thực tiễn chẳng khác nào chú lừa chỉ biết thồ trên lưng sách vở,…
(Trích "Văn hóa ứng xử, noi thêm những điều cần nói", Hồ Sĩ Vịnh,
Tạp chí Văn học Nghệ thuật, số 332, tháng 2 – 2012)
Câu 1. Xác định thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn (2). (nhận biết)
Câu 2. Theo tác giả, "ở các nền văn hóa khác nhau có hệ quy chuẩn không giống nhau, nhưng vẫn có giá trị chung" là gì? (thông hiểu)
Câu 3. Nội dung chính của đoạn trích. (thông hiểu)
Câu 4. Anh/Chị có đồng tình với ý kiến: "…tri thức mà thiếu thực tiễn chẳng khác nào cú lừa chỉ biết thồ trên lưng sách vở,…". Vì sao? (vận dung)
PHẦN II. LÀM VĂN
Câu 1: Từ nội dung đoạn trích phần Đọc – hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ngôn ngữ giao tiếp của các bạn trẻ trong giai đoạn hiện nay. (vận dụng cao)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI
ĐỀ 1"

I. ĐỌC HIỂU
Câu 1.
*Phương pháp: Căn cứ các kiến thức đã học về các phương thức biểu đạt.
*Cách giải:
Phương thức biểu đạt: phương thức nghị luận.
Câu 2.
*Phương pháp: Căn cứ các kiến thức đã học về các biện pháp tu từ.
*Cách giải:
Học sinh nêu tên được một trong các biện pháp tu từ: câu hỏi tu từ/ lặp cú pháp/ chêm xen.

Câu 3:
*Phương pháp: Phân tích, tổng hợp.
*Cách giải:
Câu hỏi của tác giả có thể hiểu là: đừng chờ đợi đến già mới hưởng thụ cuộc sống, hãy biết tận hưởng cuộc sống mỗi ngày.
Câu 4:
*Phương pháp: Phân tích, tổng hợp.
*Cách giải:
Nêu rõ quan điểm bản thân; lí giải hợp lí, thuyết phục về sự cần thiết của việc lên kế hoạch cho tương lai. Có thể theo hướng sau:
_Giúp con người có mục tiêu, phương hướng hành động.
_Giúp con người chủ động tìm các giải pháp; tránh được các rủi ro,…
II. LÀM VĂN
Câu 1:
*Phương pháp: Sử dụng các thao tác lập luận để tạo lập một đoạn văn nghị luận (bàn luận, so sánh, tổng hợp,…)
*Cách giải:
 Yêu cầu về hình thức:
_Viết đúng 01 đoạn văn khoảng 200 từ.
_Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
_Hiểu đúng yêu cầu của đề, có kĩ năng viết đoạn văn nghị luận.
 Yêu cầu về nội dung:
Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ tác hại của thói quen trì hoãn công việc. Có thể theo hướng sau:
_Trì hoãn công việc có thể khiến ta không hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn; thậm chí bỏ lỡ những cơ hội.
_Thói quen trĩ hoàn công việc sẽ dẫn đến tính bê trễ, thiếu kỉ luật, vô trách nhiệm…
_Mỗi người cần nhận thức được tác hại của thói quen trì hoãn công việc; rèn luyện thói quen học tập và làm việc theo kế hoạch một cách hợp lí, khoa học.
nhân ái.

ĐỀ 2

I.ĐỌC HIỂU
Câu 1:
*Phương pháp: Căn cứ nội dung các bài phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận,..
*Cách giải: Phương thức biểu đạt: nghị luận.
Câu 2:
*Phương pháp: Căn cứ nội dung đoạn trích.
*Cách giải:
Nội dung đoạn trích: lời khẩn cầu tha thiết về mối quan hệ tốt đẹp, nhân ai giữa con người với con người.
Câu 3:
*Phương pháp: Căn cứ nội dung bài So sánh.
*Cách giải:
_ Biện pháp: so sánh
_ Hiệu quả nghệ thuật:
+ Tạo cách nói sinh động, giàu hình ảnh và gợi cảm.
+ Khẳng định ý nghĩa của những nụ cười yêu thương mà con người trao tặng cho nhau.
Câu 4:
*Phương pháp: Phân tích, lí giải.
*Cách giải:
Nêu rõ quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình, lí giải hợp lí, thuyết phục. Ví dụ:
_ Đồng tình: cuộc sống hiện này dường như làm con người ta xa cách hơn, xảy ra nhiều xung đột, bạo lực hơn.
_ Không đồng tình: cuộc sống vẫn còn nhiều hơn lòng yêu thương, bao dung,

II. LÀM VĂN
Câu 1:
*Phương pháp: Phân tích, lí giải.
*Cách giải:
 Yêu cầu chung:
_ Viết đoạn văn nghị luận bày tỏ suy nghĩ về ý kiến: người ta có thể yêu nhau và ghét nhau nhưng xin đừng hãm hại nhau.

_ Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích, song hành.
_ Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.
_ Xác định đúng vấn đề nghị luận: Đề cao lòng nhân ái.
_ Triển khai các vấn đề nghị luận, vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động.
 Yêu cầu cụ thể:
_ Nội dung ý kiến: Con người phải biết bao dung, tha thứ, phải sống nhân ái, yêu thương.
_ Bàn luận: Ý kiến trên là một lời khuyên đúng đắn về mối quan hệ giữa con người với con người. Bởi vì:
+ Cảm xúc là thứ khó có thể chi phối, ta có thể yêu mến hay hờn ghét ai đó, nhưng nhất định không được hãm hại, gây tổn thương đến họ.
+ Khi hãm hại người khác, cũng chính là tự hãm hại bản thân mình.
+ Chính tình yêu thương sẽ tạo nên mối quan hệ thân thiện giữa người với người, làm thế giới này trở nên tốt đẹp.
_ Bài học nhận thức và hành động: cần biết sẻ chia và yêu thương, cần thanh lọc tâm hồn, hoàn thiện nhân cách.

Câu 1. Câu văn nêu khái quát chủ đề của văn bản: Cái thú tự học cũng giống cái thú đi
chơi bộ ấy.
Câu 2. Thao tác lập luận so sánh/ thao tác so sánh/ lập luận so sánh/ so sánh.
- Học sinh trả lời đúng theo ý trên
- Câu 3. Tác giả cho rằng khi“thấy chán những con số” thì “bỏ nó đi mà coi cảnh hồ Ba Bể
- ở Bắc Cạn hay cảnh núi non Thụy Sĩ, cảnh trời biển ở Ha-oai”, bởi vì “coi cảnh hồ Ba Bể
- ở Bắc Cạn hay cảnh núi non Thụy Sĩ, cảnh trời biển ở Ha-oai” sẽ giúp ta thư giãn đầu óc,
- tâm hồn cởi mở, phóng khoáng hơn, làm cho đời sống đỡ nhàm chán, trở nên thú vị hơn.
- Có thể diễn đạt theo cách khác nhưng phải hợp lí, chặt chẽ.

- – Điểm 0,5: Trả lời theo cách trên
- – Điểm 0,25: Câu trả lời chung chung, chưa thật rõ ý
- – Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời
- Câu 4. Nêu ít nhất 02 tác dụng của việc tự học theo quan điểm riêng của bản thân, không
- nhắc lại quan điểm của tác giả trong đoạn trích đã cho. Câu trả lời phải chặt chẽ, có sức
- thuyết phục.
- – Điểm 0,25: Nêu ít nhất 02 tác dụng của việc tự học theo hướng trên
- – Điểm 0: Cho điểm 0 đối với một trong những trường hợp sau:
- + Nêu 02 tác dụng của việc tự học nhưng không phải là quan điểm riêng của bản thân mà
- nhắc lại quan điểm của tác giả trong đoạn trích đã cho;
- + Nêu 02 tác dụng của việc tự học nhưng không hợp lí;
- + Câu trả lời chung chung, không rõ ý, không có sức thuyết phục;
- + Không có câu trả lời.

ĐỀ 4:

PHẦN I: ĐỌC – HIỂU
Câu 1:
* Phương pháp: Dựa vào các kiến thức đã học về các thao tác lập luận.
* Cách giải: Thao tác lập luận chính trong đoạn (2): So sánh.
Câu 2:
* Phương pháp: Đọc, tìm ý trong văn bản.
* Cách giải: Giá trị chung đó là: Sống có lý tưởng, trung với nước, hiếu với cha mẹ, tình thương với đồng bào, trung thực với bạn bè, giữ chữ tín trong mọi quan hệ.
Câu 3:
* Phương pháp: Phân tích, tổng hợp.
* Cách giải: Nội dung chính của đoạn trích: Mặc dù văn hóa ứng xử của các dân tộc trên thế giới đều giống nhau ở điểm mọi dân tộc đều sống có lý tưởng, trung với nước, hiếu với cha mẹ, tình thương với đồng bào, trung thực với bạn bè, giữ chữ tín trong mọi quan hệ nhưng ở mỗi dân tộc lại có những hệ quy

chuẩn riêng. Sống có văn hóa và ứng xử có văn hóa là nét đẹp của con người.
Câu 4:
* Phương pháp: Phân tích, giải thích.
* Cách giải: Đồng ý với ý kiến đó.
Vì: Tri thức mới chỉ là những thứ tồn tại trên sách vở, chưa được áp dụng vào thực tiễn, chưa có ích đối với con người và xã hội. Tri thức chỉ thực sự có ích khi nó được áp dụng vào thực tế, đem lại những hiệu quả trong cuộc sống của con người.
PHẦN II: LÀM VĂN
Câu 1:
* Phương pháp: Sử dụng các thao tác lập luận để tạo lập một đoạn văn nghị luận (bàn luận, so sánh, tổng hợp,…)
* Cách giải:
 Yêu cầu về hình thức:
_Viết đúng 01 đoạn văn khoảng 200 từ.
_Trình bày mạch lạc, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
_Hiểu đúng yêu cầu của đề, có kĩ năng viết đoạn văn nghị luận.
 Yêu cầu về nội dung:
* Giới thiệu vấn đề.
* Giải thích vấn đề.
_Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu để con người tư duy, trao đổi thông tin và thiết lập các mối quan hệ trong xã hội.
_Giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin giữa người nói và người nghe nhằm đạt được một mục đích nào đó. Ngôn từ giao tiếp là ngôn từ được giới trẻ sử dụng một cách phổ biến để trao đổi thông tin, tình cảm với nhau. Chúng có những đặc điểm khác biệt so với ngôn ngữ giao tiếp chung.
* Phân tích vấn đề.
_Thực trạng việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp của giới trẻ hiện nay:
+ Ngôn ngữ giao tiếp của giới trẻ có xu hướng lệch chuẩn văn hóa.
+ Học sinh ngày càng khó khăn trong quá trình sử dụng ngôn từ trong việc thể hiện những quan điểm, tư tưởng của bản thân. Không chỉ vậy học sinh còn sử dụng không đúng chức năng ngôn ngữ, lối giao tiếp còn thô lỗ, thiếu lịch sự.
+ Học sinh sử dụng quá nhiều tiếng lóng, tiếng bồi trong giao tiếp, làm mất đi

sự trong sáng, vẻ đẹp vốn có của tiếng Việt.
_ Nguyên nhân:
+ Quá trình hội nhập quốc tế, sự phát triển công nghệ thông tin, không thể phủ nhận rằng chúng đem lại cho tiếng Việt một lượng từ lớn nhưng bên cạnh đó cũng để lại không ít hệ lụy.
+ Giới trẻ chưa ý thức đúng được việc sử dụng tiếng Việt, sử dụng tùy tiện, cẩu thả, thiếu trách nhiệm làm cho ngôn ngữ giao tiếp bị xáo trộn, dung tục.
_ Chứng minh:
+ Thay vì nói "đồng ý" họ dùng "okie", "tình yêu" thành "tềnh iu",…
+ Tạo thành ngữ vô nghĩa: "Chán như con gián" , "buồn như con chuồn chuồn",…
+ Lối nói, viết nửa tây nửa ta dung tục: ""bye nhé", 4U (for you),…
+ Lối viết tắt: "k0 bjt" "lm j tke", "dzay là zui ròi đó",…
_ Hệ quả của việc sử dụng ngôn ngữ tùy tiện:
+ Làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.
+ Khó khăn trong việc diễn đạt một câu, một ý hoàn chỉnh trong giao tiếp.
+ Làm ảnh hứng tới văn hóa ứng xử của con người. Khi những từ ngữ tốt đẹp không còn được sử dụng hoặc sử dụng không đúng chức năng thay vào đó là lớp từ với kết cấu ngữ pháp lỏng lẻo, thiếu trong sáng, cùng với cách sử dụng ngôn ngữ tùy tiện làm cho câu nói không biểu đạt được hết ý nghĩa của nó, hoặc đem đến những hàm nghĩa tiêu cực.
+ Việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp thiếu chuẩn mực có thể nảy sinh những hiện tượng bạo lực trong cuộc sống. Chỉ vì một lời nói tắt, một câu nói tối nghĩa gây hiểu nhầm, xích mích là đã gây ra xung đột. Theo thống kê, hơn 60 vụ đánh nhau hiện nay đều do liên quan đến vấn đề lời nói.
_ Giải pháp:
+ Bố mẹ cần làm gương cho con cái, trong quá trình sử dụng ngôn ngữ cần phải dùng đúng chuẩn mực, uốn nắm lại con khi có những hiện tượng lệch chuẩn ngôn ngữ.
+ Nhà trường giáo dục để học sinh ý thức được việc giữa gìn sự trong sáng của tiếng Việt là rất quan trọng và cần thiết.
+ Bản thân mỗi bạn học sinh phải biết tự trau dồi, rèn luyện tiếng Việt. Tiếp thu và sử dụng tiếng ngước ngoài có chọn lọc, đúng chuẩn mực.

* Bài học

Mỗi học sinh cũng như tất cả mọi người phải có ý thức rèn luyện ngôn ngữ giao tiếp. Luôn vận dụng đúng đắn cách phương tiện giao tiếp để bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Đặc biệt là với các bạn học sinh cần có ý thức rèn luyện theo những chuẩn mực tốt đẹp, sử dụng ngôn ngữ đúng, đủ và hay, tiếp thu trên tinh thần chọn lọc.

III. Rút kinh nghiệm

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: ÔN TẬP

Tiết 111: : TT tiết dạy theo KHDH

ÔN TẬP PHẦN LÀM VĂN

I. MỤC ĐÍCH – YÊU CẦU

STT	MỤC TIÊU	MÃ HÓA
NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết		
1	Củng cố, hệ thống hoá những kiến thức làm văn đã học.	**Đ1**
2	Đọc – hiểu các văn bản nghị luận;	Đ2
3	Thu thập thông tin liên quan đến các dạng bài làm văn trong chương trình ngữ văn 11.	**Đ3**
4	Nắm bắt được các kiến thức về thao tác lập luận, cách tóm	**Đ4**

	tắt văn bản nghị luận	
5	Phân tích, so sánh đặc điểm của thao tác lập luận khi tạo lập văn bản.	**Đ5**
6	Biết cảm nhận, trình bày ý kiến của mình về cách làm bài văn nghị luận	**N1**
7	Biết vận dụng hiểu biết về các thao tác lập luận vào việc phân tích và tạo lập câu, văn bản.	**V1**
NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ		
8	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.	**GT-HT**
9	Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.	**GQVĐ**
PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM		
10	Có ý thức tự giác, chủ động, độc lập trong làm văn	**TN**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4,…

2. Học liệu: SGK, Phiếu học tập, bảng phụ,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC

A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động học (Thời gian)	Mục tiêu	Nội dung dạy học trọng tâm	PP/KTDH chủ đạo	Phương án đánh giá
HĐ 1: Khởi động (07 phút)	**Kết nối - Đ1**	Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan làm văn.	- Nêu và giải quyết vấn đề - Đàm thoại, gợi mở	Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân; Do GV đánh giá.
HĐ 2:	**Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1,**	Các câu hỏi và bài	Đàm thoại	Đánh giá qua

Khám phá kiến thức (25 phút)	**GT-HT,GQVĐ**	tập sgk	gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; kĩ thuật sơ đồ tư duy.	sản phẩm sơ đồ tư duy với công cụ là rubric; qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 3: Luyện tập (05 phút)	**Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ**	Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng	Vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, thực hành. Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Kỹ thuật: động não.	Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá
HĐ 4: Vận dụng (5 phút)	**Đ2, Đ3, Đ4, V1**	Liên hệ thực tế đời sống để làm rõ thêm về thao tác lập luận, cách tóm tắt văn bản nghị luận	Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan.	Đánh giá qua sản phẩm graphics qua trình bày do GV và HS đánh giá. Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá

HĐ 5: Mở rộng (3 phút)	**Đ2, Đ4, GQVĐ**	Tìm tòi, mở rộng kiến thức	Thuyết trình; sử dụng công nghệ thông tin để vẽ sơ đồ tư duy, tóm tắt bài học	Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao. GV và HS đánh giá

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ: *(Kết hợp trong quá trình dạy bài mới)*

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Đ1, GQVĐ

b. Nội dung hoạt động: vận dụng kiến thức đã biết để trả lời câu hỏi

c. **Sản phẩm**

Thao tác lập luận so sánh: chữ nước ngoài với chữ ta

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	*Hoạt động của HS*
- GV giao nhiệm vụ: Đoạn văn sau đây sử dụng thao tác lập luận gì? *"Ai cũng biết Hàn Quốc phát triển kinh tế khá nhanh, vào loại "con rồng nhỏ" có quan hệ khá chặt chẽ với các nước phương Tây, một nền kinh tế thị trường nhộn nhịp, có quan hệ quốc tế rộng rãi. Khắp nơi đều có quảng cáo, nhưng không bao giờ quảng cáo thương mại được đặt ở những nơi công sở, hội trường lớn, danh lam thắng cảnh. Chữ nước ngoài, chủ yếu là tiếng Anh, nếu có thì viết nhỏ đặt dưới chữ Triều Tiên to hơn ở phía trên. Đi đâu. nhìn đâu cũng thấy nổi bật những bảng hiệu chữ*	- HS thực hiện nhiệm vụ. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Triều Tiên. Trong khi đó thì ở một vài thành phố của ta nhìn vào đâu cũng thấy tiếng Anh, có bảng hiệu của các cơ sở của ta hẳn hoi mà chữ nước ngoài lại lớn hơn cả chữ Việt, có lúc ngỡ ngàng tưởng như mình lạc sang một nước khác". (Chữ ta, bài Bản lĩnh Việt Nam của Hữu Thọ) Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Từ đầu chương trình Ngữ văn 11 đến nay, các em đã được học rất nhiều bài liên quan đế Làm văn. Đoạn văn sử dụng thao tác lập luận so sánh trên là một trong những nội dung của phần LV. Để có cái nhìn tổng thể về làm văn, chúng ta đi vào ôn tập, hệ thống hoá kiến thức cơ bản các bài đã học, đồng thời có cơ sở tích hợp với các phân môn khác để lĩnh hội và tạo lập văn bản trong làm văn.	

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:Đ1,Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ

b. Nội dung bài học: gồm các nội dung: ôn tập các thao tác lập luận và làm bài tập

c. Sản phẩm

I/ Ôn tập về các thao tác lập luận:

1.Thao tác lập luận phân tích

2.Thao tác lập luận so sánh

3.Thao tác lập luận bác bỏ

Nội dung Thao tác	Quan niệm	Yêu cầu và cách làm

So sánh	So sánh để tìm ra những điểm giống và khác nhau giữa hai hay nhiều đối tượng	Phải đặt đối tượng so sánh trong cùng một bình diện Đánh giá trên cùng một tiêu chí Nêu rõ quan điểm của người nói, viết
Phân tích	Chia tách tháo gỡ một vấn đề ra thành những vấn đề nhỏ để chỉ ra bản chất của chúng	Phân tích để thấy được bản chất sự vật sự việc. Phân tích phải đi liền với tổng hợp
Bác bỏ	Dùng lí lẽ dẫn chứng để phê phán gạt bỏ những quan điểm và ý kiến sai lệch từ đó nêu ý kiến đúng thuyết phục người đọc người nghe.	Bác bỏ luận điểm hay luận cứ Phân tích chỉ ra cái sai Cần phải diễn đạt rành mạch, sáng sủa.
Bình luận	Đề xuất ý kiến thuyết phục người đọc người nghe đồng tình với nhận xét đánh giá của mình về đời sống hoặc văn học.	Trình bày rõ ràng trung thực hiện tượng bàn luận Có những lời bàn sâu rộng Đề xuất được ý kiến đúng Nêu được ý nghĩa tác dụng vấn đề

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	HĐ CỦA HỌC SINH

<u>Trước hoạt động</u> : Ôn tập lại các kiến thức lí thuyết đã học về các thao tác lập luận **<u>Trong hoạt động</u> :<u>Ôn tập về các thao tác lập luận</u>**: -GV(lần lượt gọi 4 em) Trong văn nghị luận có các thao tác nào ? Trình bày mục đích, yêu cầu và cách thức tiến hành của các thao tác đó ?cho vd ? -HS dựa trên sự chuẩn bị soạn bài ở nhà để trả lời cá nhân về 4 thao tác đã học -GV nhận xét-bổ sung và cho điểm. HS thống kê, phân loại và hệ thống hoá các bài học phần Làm văn trong SGK Ngữ văn 11: 1. Phân tích lập dàn ý bài văn nghị luận. 2. Thao tác lập luận phân tích 3. Luyện tập thao tác lập luận phân tích 4. Thao tác lập luận so sánh 5. Luyện tập thao tác lập luận so sánh 6. Luyện tập kết hợp thao tác phân tích và so sánh 7. Bản tin 8. Luyện tập viết bản tin 9. Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn 10. Thao tác lập luận bác bỏ 11. Luyện tập thao tác lập luận bác bỏ 12. Tiểu sử tóm tắt 13. Luyện tập viết tiểu sử tóm tắt 14. Thao tác lập luận bình luận 15. Luyện tập vận dụng các thao tác lập luận. **-- GV chuẩn kiến thức.** **<u>Sau hoạt động</u>**: khuyến khích HS xung	HS làm việc cá nhân HS làm việc cá nhân

phong trả lời câu hỏi. - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập.	

HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH – LUYỆN TẬP

a.Mục tiêu: Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT

b. Nội dung hoạt động:

HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

BT1(Tr,124):

Phan Châu Trinh sử dụng:

+ Thao tác lập luận bác bỏ

+ Thao tác lập luận phân tích

+ Thao tác lập luận bình luận

BT2/ tr 124

Phân tích:

- Cơ sở nào đề xuất hiện câu "Thất bị là mẹ thành công"

+ Trải qua thất bại.

+ Biết rút ra bài học kinh nghiệm thực tế.

Bác bỏ:

+ Sợ thất bại nên không dám làm gì

+ Bi quan chán nản khi gặp thất bại

+ Không biết rút ra bài học

Chứng minh …

BT3/ tr 124

- Tác giả bác bỏ hạng người không biết sợ cái gì trên đời này. Đấy là quỷ chứ đâu phải là người. Loại người này rất hiếm thực ra không có.

- Tác giả làm xuất hiện loại người thứ hai "Loại người sau đây thì chắc không ít: sợ rất nhiều thứ … đồi bại nhất". Tác giả đã bác bỏ.

1/Luận điểm được thể hiện trong đoạn văn là: Sở Khanh là kẻ bẩn thỉu, bần tiện, đại diện cao nhất của sự đồi bại trong xã hội Truyện Kiều.

2/Các luận cứ:

-Sở Khanh sống bằng một cái nghề tồi tàn.

-Sở Khanh là kẻ tồi tàn nhất trong số những kẻ tồi tàn.

3/Sự kết hợp giữa phân tích và tổng hợp: Sau khi phân tích các biểu hiên cụ thể, sinh động về sự "tồi tàn" của Sở Khanh, tác giả khái quát thành một vấn đề mang tính bản chất của xã hội: "Nó là cái mức cao nhất của tình hình đồi bại trong xã hội này.

d. Các bước dạy học

HĐ CỦA GV	**HĐ CỦA HỌC SINH**
<u>Trước hoạt động</u> : Ôn tập lại các kiến thức lí thuyết đã học : Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân ; Ngữ cảnh. **<u>Trong hoạt động</u> :** GV tổ chức HS thảo luận nhóm và lên bảng trình bày phần ôn tập dựa theo hệ thống câu hỏi trong sgk đã cho chuẩn bị trước ở nhà , kết hợp cho điểm thực hành . **Nhóm 1:**BT1 (Tr, 124) **Nhóm 2:** BT2 (Trr, 124) **Nhóm 3:** BT3(tr, 124) **Nhóm 4:** BT bổ trợ: ***1. Đọc kĩ đoạn văn sau, và trả lời các câu hỏi.*** *"Nhưng trong xã hội này, bẩn thỉu và bần tiện thì có lẽ không ai bằng Sở Khanh. Trong các nghề bất chính ngày*	HS làm việc cá nhân **- HS làm việc theo nhóm trong 10 p** **- Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.** **- Các nhóm khác nhận xét chéo.**

xưa, có một cái nghề rất tồi tàn là nghề sống bám các thanh lâu, nghề làm chồng hờ của gái điếm. Nhưng trong cái bọn tồi tàn ấy cũng ít ai tồi tàn như Sở Khanh. Sở Khanh vờ làm nhà nho, làm hiệp khách và Sở Khanh vờ yêu để kiếm chác, để đánh lừa một người con gái. Người ấy lại là người vì hiếu thảo mà rơi vào chốn lầu xanh, lại là người đã tỏ ra rất tin, rất đội ơn Sở Khanh. Và Sở Khanh lừa người ta là để người ta bi đánh đập tơi bời, bị ném vào kiếp lầu xanh không cách gì cưỡng lại. Cho nên lúc Tú Bà đuổi tới nơi và Sở Khanh rẽ dây cương biến mất, tâm lí của bất kì ai, dầu hiền lành đến mấy, khi đọc tới đó là: giá có cách gì tóm được Sở Khanh thì cái việc đầu tiên là phải đánh cho một trận. Nhưng cái tàn nhẫn và vô liêm sỉ của Sở Khanh không phải chỉ có thế. Hắn còn đi xa hơn nữa. Sau đó, hắn còn dẫn mặt mo đến, mắng át Kiều và toan đánh Kiều nữa. Cái trò lừa bịp và lừa bịp xong là trở mặt này lại không phải là chuyện ngẫu nhiên, chuyện một lần. Theo Mã Kiều thì cái chuyện này hắn đã diễn ra không biết lần thứ mấy, hắn đã thành tay nổi tiếng bạc tình. Nhân vật Sở Khanh hoàn thành bức tranh về các nhà chứa. Nó là cái mức cao nhất của tình hình đồi bại trong xã hội này". (Hoài Thanh) Câu hỏi: 1/Tìm luận điểm được thể hiện trong đoạn văn. 2/Để làm sáng tỏ luận điểm, tác giả đã phân tích thành những luận cứ nào? 3/Chỉ ra sự kết hợp một cách chặt chẽ giữa phân tích và tổng hợp trong đoạn văn. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: **-- GV chuẩn kiến thức.** **<u>Sau hoạt động</u>**: khuyến khích HS xung phong trả lời câu hỏi. - Giải thích, cung cấp thêm một số bài tập.	

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a.Mục tiêu: Đ2, Đ5, V1
b. Nội dung hoạt động: HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập
c. Sản phẩm:

1.Dẫn dắt và nêu vấn đề (tâm lí tuổi trẻ, nhất là học sinh có hứng thú đặc biệt với cái đẹp, cái mới. Trong đó, thời trang học đường có nhĩrng xu hướng và biểu hiện đáng quan tâm và quan điểm, thái độ của bản thân đối với thời trang học đường).

2.Phác hoạ bức tranh chung về thời trang củaa tuổi trẻ học đường:

+ Phần lớn học sinh đến trường ăn mặc theo khả năng kinh tế và hướng dẫn ủaa gia đình, nhà trường. Những bộ đồng phục học đường với áo sơ mi trắng hoặc áo dài trắng đã được lựa chọn và mức độ cảm mến của học sinh, phụ huynh và các thầy cò giáo đối với những trang phục này.

+ Một bộ phận học sinh chú trương ăn mặc ấn tượng, gây chú ý với mọi ngirời bởi sự "sành điệu", hợp thời, làm nổi bật cá tính,... bắt chước cách ăn mặc của các siêu sao, của những người nổi tiếng.

+ Một số bạn sửa lại bộ đồng phục theo kiểu dáng mà mình thích, mang những chiếc cặp sách, ba lô với đủ các màu sắc, kiểu dáng và những phụ kiện, kín đáo "theo thời",...

3.Suy nghĩ (nhận xét, đánh giá, lựa chọn,...) của bản thân về :

+ Trang phục học sinh (đẹp. theo thời hay đơn giản, phù hợp với điều kiện kinh tế cúa phần đông các gia đình có con đang đi học) và nét đẹp văn hoá học đường (thể hiện nét đẹp trong sáng, hồn nhiên, phù hợp với lứa tuổi, vởi yêu cầu của việc học tập,...);

+ Lứa tuổi học sinh và vấn đề thời trang (tâm lí ham thích cái mới, cái đẹp,...; khả năng tạo dựng hình ảnh cho bản thân bằng những trang phục làm toát lên vẻ đẹp trẻ trung, hợp với xu thế thời đại, năng động, cá tính,... của bản thân ;

yêu cầu của việc học tập và những tác động không mong muốn mà thời trang có thể gây ra cho học sinh,...);

+ Những quy định cần thiết về việc ăn mặc khi đến trirờng và sự lựa chọn của bạn chấp hành những quy định về trang phục khi đến trường.

4.Khẳng định lại quan điểm, thái độ của bản thân về vấn đề thời trang học đường.

d. Các bước dạy học

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: Lập dàn ý: Suy nghĩ của anh (chị) về phong cách thời trang của tuổi trẻ học đường hiện nay.	- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

HOẠT ĐỘNGTÌM TÒI, MỞ RỘNG.

a. Mục tiêu: Đ4, V1

b. Nội dung hoạt động: 2 nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; bài sưu tầm của HS

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ tư duy bài học.
- Bài sưu tầm của HS; bài lập dàn ý của HS

d. Các bước dạy học:

Hoạt động của GV - HS	Hoạt động của HS
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ sơ đồ tư duy bài học + Cập nhật những ngữ liệu mang tính thời sự để lập dàn ý bày tỏ suy nghĩ về những vấn	- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

đề xã hội đặt ra từ văn bản đó.	

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.

- Ngữ pháp tiếng Việt.

- Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức - kĩ năng.

- Thiết kế bài giảng Ngữ văn 11.

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Tiết 112-113-114-115 : TT tiết dạy theo KHDH

ÔN TẬP NÂNG CAO

GV tùy tình hình của lớp mình dạy, chọn nội dung để ôn tập cho các em đảm bảo kiến thức chuẩn bị thi hết HK.

GỢI Ý MỘT SỐ ĐỀ ÔN TẬP

Đề :

Nhận định về niềm khát khao tận hưởng sự sống trong bài thơ Vội Vàng của Xuân Diệu, từng có ý kiến cho rằng: đó là tiếng nói của cái tôi vị kỉ tiêu cực. Lại có ý kiến khẳng định: đó là tiếng nói của cái tôi cá nhân tích cực.

Từ cảm nhận của mình về niềm khát khao đó, anh/chị hãy bình luận những ý kiến trên.

HS làm bài.

GV chữa theo gợi ý sau:

Mở bài; Giới thiệu tác giả, tác phẩm và 2 ý kiến .

Thân bài:

1. **Giải thích ý kiến:**

- Cái tôi là biểu hiện cao độ của ý thức cá nhân, xuất hiện khi con người có nhu cầu được là chính mình.

- Cái tôi vị kỉ tiêu cực là cái tôi nhất nhất chỉ vì mình, đề cao mình một cách cực đoan, bất chấp tất cả.

- Cái tôi tích cực là cái tôi với những khát vọng nhân bản chính đáng, hướng đến những giá trị nhân văn, lành mạnh.

2. **Cảm nhận niềm khát khao tận hưởng sự sống trong Vội vàng:**

-Cái tôi bám riết , say sưa tận hưởng cuộc sống trần thế, thể hiện quan niệm mới mẻ về mùa xuân, tuổi trẻ và tình yêu.

Xuân Diệu nhìn đời bằng đôi mắt đa tình, nên hình ảnh thiên nhiên và cuộc sống luôn mang vẻ đẹp xuân tình. Cuộc sống đầy ngọt ngào, tươi tắn, đẹp đẽ, gợi cảm và đầy xuân sắc: "tuần tháng mật"; "đồng nội xanh rì"; "khúc tình si"; "cặp môi gần".

-Cái tôi đó ngay trong lúc say sưa với mùa xuân đã ý thức được sự chảy trôi của thời gian, sự hữu hạn của kiếp người. Do đó XD khát khao tận hưởng vẻ đẹp cuộc đời đến cuồng nhiệt, giục giã moi người hãy gấp gáp tận hưởng ngay khi còn có thể, trân trọng từng giây phút của cuộc đời bằng tâm thế sống vội vàng, cuống quýt.

3. **Bình luận về 2 ý kiến:**

Bác bỏ ý kiến cho rằng đó là tiếng nói của cái tôi vị kỉ tiêu cực:

- Quan điểm này xuất phát từ quan niệm cũ, quá đề cao cái ta mà xem nhẹ cái tôi, cho rằng mọi tiếng nói của cái tôi đều là tiêu cực, đồng nhất sự hưởng thụ chính đáng của con người với lối sống cá nhân chủ nghĩa.

- Thể hiện định kiến hẹp hòi với sự trân quý bản thân, đồng nhất việc tận hưởng cuộc sống lành mạnh, tích cực với lối sống gấp theo chủ nghĩa hưởng lạc.

**** Khẳng định tính đúng đắn của ý kiến cho đó là tiếng nói của cái tôi cá nhân tích cực:***

- Ý kiến xuất phát từ quan niệm đúng đắn, coi trọng quyền sống chính đãng của con người cá nhâ, vì thế đã nhận ra tính nhân bản trong niềm khát khao tận hưởng cuộc sống của cái tôi trong Vội vàng, xem đó là biểu hiện mãnh liệt của cái tôi cá nhân tích cực. Nhận ra niềm khát khao tận hưởng cuộc sống của XD xuất phát từ sự trân quý từng phút giây của cuộc sống, nâng niu từng cái đẹp của cuộc đời, là biểu hiện tình yêu cuộc sống tha thiết.

- Trong thời đại thơ mới, khát khao tận hưởng cuộc sống của cái tôi XD có ảnh hưởng sâu sắc tích cực đến ý thức cá nhân, lòng yêu đời, yêu cuộc sống của con người, đặc biệt là tầng lớp thanh niên.

4. Nhận định chung

-"Vội vàng" là lời giục giã hãy sống mãnh liệt, sống hết mình, hãy quý trọng từng giây, từng phút của cuộc đời mình, nhất là những tháng năm tuổi trẻ của một hồn thơ yêu đời, ham sống đến cuồng nhiệt.

-Tư tưởng đó được thể hiện qua một hình thức nghệ thuật điêu luyện: sự kết hợp nhuần nhị giữa mạch cảm xúc và mạch luận lí, giọng điệu say mê, sôi nổi, những sáng tạo độc đáo về ngôn từ và hình ảnh thơ.

Kết bài:Khái quát lại vấn đề.

ĐỀ 2: So sánh cái tôi trong bài *Vội vàng* và *Tràng giang*

Về bài thơ *Vội vàng* - Xuân Diệu:

1. Tình yêu cuộc sống say mê, tha thiết của nhà thơ.

- 4 câu mở đầu: Thể hiện cái tôi khát vọng muốn núi héo làm ngưng sự vận động của thời gian, vũ trụ để giữ mãi hương sắc của mùa xuân, tuổi trẻ.Tôi muốn "Tắt nắng" "buộc gió"--> Điệp từ, câu ngắn trùng lặp cấu trúc

=> Lấy cái tôi chủ quan để thay đổi quy luật tự nhiên. Quả là ý tưởng táo bạo, xuất phát từ một trái tim yêu cuộc sống đến tha thiết say mê.

- Nhà thơ vui sướng, ngây ngất trước hương sắc của cuộc đời đầy quyến rũ, sự phong phú và giàu có của thiên nhiên, cuộc sống, tuổi trẻ.

+ Cảnh vật hiện lên dưới con mắt của nhà thơ thật phong phú, rực rỡ, tươi đẹp và đầy nhựa sống. Tuần tháng mật Hoa đồng nội Này đây Lá cành tơ yến anh, khúc tình si ánh sáng Thần vui hằng gõ cửa

--> Điệp từ, nhân hoá

+ Cảm giác hạnh phúc được nhà thơ thể hiện qua câu thơ táo bạo, so sánh độc đáo "Tháng giêng ngon như một cặp môi gần"

=> Xuân Diệu đã vật chất hoá thời gian, câu thơ không chỉ gợi hình thể mà còn gợi cả hương thơm vị ngọt khiến người ta đắm say, ngất ngây.

2. Nỗi băn khoăn trước thời gian và cuộc đời

- Niềm vui sướng như khựng lại khi Xuân Diệu nhận ra giới hạn của thời gian: "Tôi sung sướng nhưng vội vàng một nữa" Nhà thơ cảm thấy buồn bã, lo sợ, tiếc nối khi ý thức được sự trôi chảy xủa thời gian:

"Xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua

Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già

Và Xuân hết nghĩa là tôi cũng mất

Lòng tôi rộng nhưng lượng đời cứ chật...

Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn

Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại"

=> Với điệp từ "Xuân" kết hợp với những cặp từ đối lập tạo thành một nỗi day dứt một niềm tiếc nối khôn nguôi.

- Xuân Diệu biết mùa xuân rồi sẽ tàn phai, tuổi trẻ rồi cũng trôi qua. Cho nên trong cái tươi đẹp mơn mớn của nó tác giả đã nhìn thấy sự tàn úa.

+ Điệp từ "Nghĩa là" vừa như muốn giải thích nhưng ẩn sau đó là một nỗi lo lắng, hốt hoảng trước sự trôi chảy của thời gian.

+ Đối lập: làm tăng sự lo lắng khi nhận thấy cái hữu hạn của đời người và cái vô hạn của thời gian.

+ Cảnh vật như lao nhanh tới sự tàn phá, héo úa và chia phôi. Tâm trạng của nhà thơ có phần nào đó rơi vào sự tuyệt vọng."Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa…"

3. Khát vọng sống, khát vọng yêu đương cuồng nhiệt hối hả.

- Đang chìm đắm trong đau buồn, tuyệt vọng nhà thơ chợt nhận ra thời gian của tuổi xuân vẫn còn nên lên tiếng giục giã:"mau đi thôi! Mùa chưa ngã chiều hôm"

- Tác giả vội vàng, gấp gáp muốn tận hưởng tất cả cuộc sống, tình yêu, tuổi trẻ, hạnh phúc.Ta muốn : ôm, riết, say, thâu, cắn vào: non nước, cỏ cây, gió mây, sự sống, xuân hồng .

+ Với nhịp thơ dồn dập, ngắt nhịp linh hoạt, câu mệnh lệnh trực tiếp biểu cảm khát vọng sôi nổi của trái tim nhà thơ.

+ Hình ảnh phong phú tượng trưng cho thanh sắc của thời gian: sự sống mơn mởn, mây đưa gió lượng, cánh bướm tình yêu, mùi thơm ánh sáng…

+ Tình yêu nồng nàn, khoẻ khoắn cao độ được biểu hiện bằng nhiều động từ liên tiếp: ôm, riết, say, thâu. Nhiều tính từ: chuếnh choáng, no nê, đã đầy…

+ Nhà thơ cảm nhận niềm hạnh phúc bằng tất cả các giác quan, trạng thái say mê, ngây ngất.

+ Từ ngữ, hình ảnh táo bạo ở câu cuối cho thấy Xuân Diệu rất say mê cuộc sống, khát khao và muốn tận hưởng tình yêu, hạnh phúc ngay trên chính cuộc đời này.

- Bài thơ thể hiện tư tưởng nhân sinh quan tích cực của tác giả, lòng yêu cuộc sống, yêu đời, yêu tuổi trẻ một cách mãnh liệt, cuồng nhiệt.

- Bài thơ tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Diệu: Cảm nhận thiên nhiên tinh tế, sử dụng điệp ngữ so sánh độc đáo, hình ảnh thơ khoẻ khoắn, nồng nàng, từ ngữ gợi cảm, táo bạo.

Về bài thơ *Tràng giang* - Huy Cận

1. Nhan đề và lời đề từ - Nhan đề:

+ Ban đầu có tên "chiều bên sông" gắn với bút pháp tả thực, sau đổi thành "Tràng giang".

+ Tràng giang: âm hưởng từ hán-Việt gợi không khí cổ kính và đầy tính khái quát: không chỉ gợi sự mênh mông bát ngát của không gian mà còn gợi nỗi buồn mênh mang rợn ngợp.

- Lời đề từ: Thâu tóm khá chính xác và tinh tế cả tình (bâng khuâng, thương nhớ) và cảnh (trời rộng, sông dài) của bài thơ.

2. Bức tranh thiên nhiên

- Không gian:mênh mang, bao la, rộng lớn "Trời rộng sông dài" .

- Cảnh vật: hiu quạnh, hoang vắng, đơn lẻ, hiu hắt buồn:

+ Hình ảnh mang đậm màu sắc cổ điển: sóng, con thuyền, cồn nhỏ đìu hiu, bến cô liêu…Mây đùn núi bạc, cánh chim nghiêng Đây là những thi liệu quen thuộc trong thơ đường, tống. Những hình ảnh ấy gợi lên một sự vắng vẽ, lặng lẽ, buồn

+ Thế nhưng bức tranh "Tràng giang" vẫn gần gũi, thân thuộc với mọi tấm lòng Việt Nam bởi: "cành củi khô", "tiếng làng xa vẫn chợ chiều"Đó là những âm thanh , hình ảnh của cuộc sống con người của miền quê Việt Nam

- Sự đối lập giữa bao la mênh mông của trời nước với vạn vật nhỏ nhoi tạo nên cảm giác lạc lỏng con người cảm thấy cô đơn, bơ vơ. Bao trùm bài thơ là một giọng điệu buồn. Dường như nỗi buồn đã thấm sâu vào cảnh vật.

3. Tâm trạng nhân vật trữ tình (nỗi lòng của nhà thơ)

- Nhà thơ cảm thấy cô đơn nhỏ bé trước mênh mông sông nước đất trời, không một niềm hi vọng của sự gần gũi, thân mật: "Đâu tiếng làng xa vẫn chợ chiều", "Bến cô liêu"; "không cầu";"không chuyến đò" - Những hình ảnh ấy gợi lên sự cô đơn lẽ loi của con người trước vũ trụ bao la.

- Nhìn cảnh vật trôi trên dòng sông nhà thơ cảm thấy thấm thía sâu sắc hơn sự trôi nổi của kiếp người.

"Thuyền về nước lại sầu trăm ngả

Củi một cành khô lạc mấy dòng

"Bèo giạt về đâu hàng nối hàng"

Nỗi buồn của thi nhân chính là nỗi buồn mang tính thời đại.

- Thời đại thơ mới - thời đại con người mất nước, mất tự do, cuộc sống chỉ là hư ảo, mộng mị, sống không có lí tưởng, không tương lai hạnh phúc. Đây có thể coi là "nỗi buồn đẹp": "Tràng giang đã dọn đường cho lòng yêu giang san đất nước" (*Xuân Diệu*).

4. Những đặc sắc nghệ thuật

Cảnh vật vừa mang nét cổ kính thường gặp trong thơ đường, vừa gần gũi thân thuộc đối với con người Việt Nam.

+ Những hình ảnh mang nét đẹp cổ kính:. Nhan đề: 2 âm Hán - Việt. Câu thơ: "Trên sông khói sóng cho buồn…gợi nhớ câu thơ Thôi Hiệu:"Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà". Phương thức biểu đạt của thơ Đường: Vô hạn thiên nhiên đối lập với hữu hạn của con người, Cái nhất thời đối lập với cái vĩnh hằng

+ Thế giới bài thơ là thế giới thân thuộc của đồng quê, của non sông đất nước Việt Nam.

5. Chủ đề bài thơ thể hiện nỗi bâng khuâng trước cảnh trời rộng sông dài của người lữ khách và bài thơ cũng là nỗi buồn thời đại, bộc lộ tình yêu quê hương đất nước của Huy Cận.

Nói tóm lại là: Rõ ràng ai cũng nhận thấy rằng bài thơ *Vội vàng* có nội dung chủ đạo là: lời thúc giục sống nhanh, sống để tận hưởng hết những thi vị của cuộc đời vì. Đó là tấm lòng yêu cuộc sống, yêu đời tha thiết của tác giả. Trong từng câu thơ của ông, ta bắt gặp gặp được sự chuyển dời, sự trôi qua của thời gian.....dễ dàng là qua các từng ngữ chỉ thời điểm ví dụ như tháng giêng, tháng năm, mùa xuân.....v...v ..và hơn nữa là ở hình ảnh thơ....."Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?" ....v...v..

Từ đó, tác giả đã đưa ra quan niệm sống rất tích cực. Phân tích ở những đoạn nói về thời gian rõ nét ví dụ như:Xuân đang tới, nghĩa là xuân đang qua,Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,..v...v....Tóm lại bạn hãy tìm những câu thơ có sự chuyển dời về thời gian để làm dẫn chứng cho bài luận, cả mạch thơ và đoạn thơ có một sự thống nhất sau đó đưa ra quan niệm sống đúng đắn mà tác giả muốn gửi gắm...v...v

Còn về bài thơ tràng giang có lẽ ta thấy ngay quan điểm: "Huy Cận là nhà thơ của không gian" là rất đúng đắn. Bởi vì ngay ở tiêu đề của tác phẩm.....Tràng giang đã gợi ra một không gian mênh mông rộng lớn. " Tràng" là đọc chệch từ "trường" nhưng tại sao tác giả lại dùng từ "tràng" bởi vì dùng âm vần "ang" sẽ tạo được cảm giác ngân dài, mênh mang, vang vọng, ko gian lại càng mở ra rộng lớn hơn....Còn ở các câu thơ thì tác giả đưa ra những hình ảnh, những điểm nhìn ko gian từ bao quát đến chi tiết.....từ lớn đến nhỏ, hình ảnh vạn vật mở ra theo nhiều chiều, trên dưới, dọc, ngang. Nhờ đó mà người đọc, người nghe càng thấy không gian thêm rộng lớn.

Từ những phân tích riêng lẻ của hai tác phẩm trên, các em học sinh có thể ***so sánh cái tôi trong Vội vàng và Tràng giang*** có những điểm giống nhau nhưng lại vẫn rất khác biệt, vẫn rất riêng: Cảm nhận thiên nhiên, tình yêu quê hương, tình yêu tuổi trẻ, tính thời cuộc của mỗi tâm tư...

Không chỉ so sánh cái tôi trong Vội vàng và Tràng giang, nhiều đề bài còn liên hệ cả 3 tác phẩm: **Vội vàng, Tràng giang, Đây thôn Vĩ Dạ** bởi 3 tác phẩm đại diện

cho 3 phong cách khác nhau trong cùng một thời kì đất nước còn đang lầm than, vất vả.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

CHỦ ĐỀ: HƯỚNG DẪN ÔN TẬP TRONG HÈ

Tiết: 115 – 116. TT tiết dạy theo KHDH

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP TRONG HÈ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp học sinh :

1. Kiến thức

- Hệ thống lại toàn bộ kiến thức trong chương trình lớp 11 gồm 3 phần: văn học, tiếng Việt và Làm văn.

2. Kĩ năng

- Hệ thông hóa kiến thức bằng bảng tổng hợp, trong đó có sự so sánh đối chiếu.
- Rèn luyện các kĩ năng về đọc – hiểu văn bản văn học, sử dụng tiếng Việt và kĩ năng làm văn.

3.Thái độ

Nghiêm túc trong quá trình ôn tập.

4. Định hướng các năng lực cần hình thành cho HS

- Năng lực chung:

+ Năng lực giải quyết vấn đề (giải quyết các câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ, yêu cầu mà giáo viên đề ra).

+ Năng lực tự học, tự khám phá tri thức, thu thập thông tin.

+ Năng lực hợp tác (phối hợp với các thành viên để giải quyết các câu hỏi, bài tập khó, sưu tầm tài liệu…)

+ Năng lực sáng tạo

+ Năng lực tự quản bản thân.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Năng lực giao tiếp tiếng Việt:: trình bày, suy nghĩ , cảm nhận về những tri thức cơ bản về VHVN hiện đại và VH NN.

+ Năng lực tổng kết, hệ thống hóa những kiến thức cơ bản của chương trình Ngữ văn 11 đã học.

II. SỰ CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên:

- SGK ngữ văn 11 tập 2, SGV ngữ văn 11 tập 2.

- Thiết kế giáo án; Bài giảng điện tử.

2. Học sinh:

-SGK; bài soạn.

- Bảng hệ thống HS tự soạn, bảng phụ.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ

3. Định hướng nội dung ôn tập

A. ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

1. Ôn tập – luyện tập các biện pháp tu từ về từ và ngữ pháp

a. Ôn tập lý thuyết về các biện pháp tu từ về

- Từ: So sánh, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, đối lập, nói giảm nói tránh – nói quá, điệp từ,chơi chữ**, …**

- Câu (Ngữ pháp): Câu hỏi tu từ, đối, lặp cấu trúc cú pháp, liệt kê, điệp ngữ, đảo ngữ, ...

Ở các phương diện:

- Khái niệm
- Đặc trưng – nhận biết.
- Tác dụng

b. Luyện tập các biện pháp tu từ về từ, câu:

Tìm và chỉ ra tác dụng biểu đạt của các biện pháp tu từ trong các đoạn văn bản dưới đây:

-Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng

Như xuân đến chim rừng lông trở biếc

Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương.

(Tiếng hát con tàu - Chế Lan Viên)

-- *Từ những năm đau thương chiến đấu*

Đã ngời lên nét mặt quê hương

Từ gốc lúa bờ tre hiền hậu

Đã bật lên tiếng thét căm hờn.

(Đất nước- Nguyễn Đình Thi)

-- Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta *càng nhân nhượng, thực dận Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.*

Không ! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ .

(Hồ Chí Minh)

-Hãy thù ghét

mọi ao tù

nơi thân ta rữa mục

mọi thói quen

nếp nghĩ – mù lòa!

Hãy sống như

những con tàu

phải lòng

muôn hải lý

mỗi ngày

bỏ

sau lưng

nghìn hải-cảng-mưa-buồn!…”

(Bài thơ Việt Bắc- Trần Dần)

2. Ôn tập – luyện tập về phong cách ngôn ngữ văn bản

a.Ôn tập lý thuyết về các <u>phong cách ngôn ngữ</u> (PCNN): PCNN Sinh hoạt, PCNN nghệ thuật, PCNN báo chí, PCNN chính luận về các phương diện:

- Khái niệm

-Đặc trưng

-Nhận biết

b. Luyện tập về các PCNN

Xác định PCNN của các văn bản dưới đây:

- "Thưa quý vị! Đã phải trải qua những cuộc chiến tranh ngoại xâm tàn bạo và đói nghèo cùng cực nên khát vọng hòa bình và thịnh vượng của Việt Nam chúng tôi càng cháy bỏng. Chúng tôi luôn nỗ lực tham gia kiến tạo hòa bình, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ hành tinh của chúng ta. Việt Nam đã sẵn sàng tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của LHQ. Chúng tôi sẵn lòng đóng góp nguồn lực, dù còn nhỏ bé, như sự tri ân đối với bạn bè quốc tế đã giúp chúng tôi giành và giữ độc lập, thống nhất đất nước, thoát khỏi đói nghèo. Việt Nam đã và sẽ mãi mãi là một đối tác tin cậy, một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế…". (Trích Bài phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trước phiên thảo luận cấp cao của Đại Hội đồng LHQ khóa 68)

-*Chị Phan Ngọc Thanh (người Việt) cùng chồng là Juae Geun (54 tuổi) đã làm nhân viên lau chùi trong khu chung cư được 5 năm. Họ có 2 con: con trai lớn 6 tuổi, bé gái 5 tuổi. Ước mơ đổi đời đã đưa họ lên chuyến phà tới Jeju. Phà SeWol gặp nạn và gia đình chị chỉ có một chiếc áo phao duy nhất. Trong khoảnh khắc đối mặt giữa sự sống và cái chết họ quyết định mặc chiếc áo phao duy nhất cho cô con gái nhỏ và đẩy bé ra khỏi phà. Bé được cứu sống nhưng hiện nay những nhân viên cứu hộ vẫn chưa tìm thấy người thân của bé.*(Web. Pháp luật đời sống. Ngày 16/4/2014)

-*Gửi con trai,*

Trong cuộc sống hôm nay, quá nhiều người thành đạt và thông minh, những tiêu chuẩn đánh giá một "người tốt" dường như không còn được chú ý quá nhiều. Người ta có thể điên cuồng theo đuổi thành công, sự giàu có, nhưng cha nguyện cầu con sẽ trở thành người đàn ông như con mong muốn và đừng quên lời cha dặn:

1. Đừng ghét bỏ những người không tốt với con. Trong xã hội này, không ai có trách nhiệm phải đối tốt với con, ngoại trừ cha và mẹ con.

Với những người tốt với con, hãy trân trọng và cảm ơn họ. Nhưng con cũng nên thận trọng, bởi ít ai hành động mà không có động cơ. Ai đó tốt với con, không có nghĩa là anh ta hoàn toàn yêu quý con vô tư. Hãy cẩn thận trước khi coi anh ta là một người bạn thực sự.

2. Không ai là không thể thiếu, không điều gì trên thế giới này nhất định phải là của con. Một khi hiểu điều này, con sẽ bước đi trong cuộc đời dễ dàng hơn khi mọi người xung quanh dần rời đi, khi những người thân yêu nhất của con không còn nữa.

3. Cuộc sống rất ngắn ngủi. Lãng phí thời gian hôm nay, ngày mai con sẽ phải trả giá. Càng trân trọng cuộc sống, con càng sống tốt hơn.

4. Tình yêu chỉ là cảm xúc thoáng quá, nó có thể phai nhạt theo thời gian và tâm trạng của con. Nếu như người con yêu rất nhiều rời đi, hãy kiên nhẫn, thời gian sẽ xóa dần nỗi buồn và sự đau đớn. Đừng đắm chìm quá sâu vào vị ngọt của tình yêu, đừng vùi mình trong nỗi buồn khi tình yêu rời bỏ con.

5. Rất nhiều người thành công không học hành nhiều, nhưng không có nghĩa là con giống họ. Mọi kiến thức con tích lũy sẽ trở thành vũ khí cho cuộc sống của con. Người ta có thể từ nghèo hèn trở nên giàu có, nhưng trước tiên họ phải bắt đầu hành động.

….

-Khắp nẻo dâng đầy hoa cỏ may
Áo em sơ ý cỏ găm đầy
Lời yêu mỏng mảnh như màu khói
Ai biết lòng anh có đổi thay

(Hoa cỏ may – Xuân Quỳnh)

B. ÔN TẬP LÀM VĂN

1. Ôn tập – luyện tập các phương thức biểu đạt

a. Ôn tập các phương thức biểu đạt: Tự sự, biểu cảm, miêu tả, thuyết minh, nghị luận, hành chính công cụ ở các phương diện

- Khái niệm

-Đặc trưng

b. Luyện tập các phương thức biểu đạt

Xác định các phương thức biểu đạt trong đoạn văn bản sau và chỉ ra phương thức biểu đạt nào là phương thức chính?

-Tôi kể ngày xưa chuyện Mỵ Châu
Trái tim lầm chỗ để trên đầu
Nỏ thần vô ý trao tay giặc
Nên nỗi cơ đồ đắm biển sâu...

(Tâm sự - Tố Hữu)

-Tôi có đọc bài phỏng vấn Ngô Thị Giáng Uyên, tác giả cuốn sách được nhiều bạn trẻ yêu thích "Ngón tay mình còn thơm mùi oải hương". Trong đó cô kể rằng khi đi xin việc ở công ti Unilever, có người hỏi nếu tuyển vào không làm marketing mà làm sales thì có đồng ý không. Uyên nói có. Nhà tuyển dụng rất ngạc nhiên bởi hầu hết những người được hỏi câu này đều trả lời không. "Tại sao phỏng vấn marketing mà lại làm sales ?". Uyên trả lời: "Tại vì tôi biết, nếu làm sales một thời gian thì bộ phận marketing sẽ muốn đưa tôi qua đó, nhưng đã quá muộn vì sales không đồng ý cho tôi đi."

Chi tiết này khiến tôi nhớ đến câu chuyện về diễn viên Trần Hiểu Húc. Khi đó cô đến xin thử vai Lâm Đại Ngọc, đạo diễn Vương Phù Lâm đã đề nghị cô đóng vai khác. Hiểu Húc lắc đầu "Tôi chính là Lâm Đại Ngọc, nếu ông để tôi đóng vai khác, khán giả sẽ nói rằng Lâm Đại Ngọc đang đóng vai một người khác." Đâu là điều giống nhau giữa họ? Đó chính là sự tự tin. Và tôi cho rằng, họ thành công là vì họ tự tin.

Có thể bạn sẽ nói: "Họ tự tin là điều dễ hiểu. Vì họ tài năng, thông minh, xinh đẹp. Còn tôi, tôi đâu có gì để mà tự tin" Tôi không cho là vậy. Lòng tự tin

thực sự không bắt đầu từ gia thế, tài năng, dung mạo… mà nó bắt đầu từ bên trong bạn, từ sự hiểu mình. Biết mình có nghĩa là biết điều này: Dù bạn là ai thì bạn cũng luôn có trong mình những giá trị nhất định.

(Theo Phạm Lữ Ân – Nếu biết trăm năm là hữu hạn, NXB Hội Nhà văn, 2012)

2. Ôn tập- Luyện tập các thao tác lập luận

a. Ôn tập các thao tác lập luận: So sánh, bác bỏ, bình luận, phân tích

- Khái niệm

-Cách lập luận

b. Luyện tập các thao tác lập luận

Xác định các thao tác lập luận trong các đoạn văn bản dưới đây và chỉ ra thao tác lập luận chính của đoạn?

-Nhiều người cho rằng có tiền là có tất cả. Tiền bạc quả thật có sức mạnh lớn lao. Nhưng tiền bạc không phải là vạn năng.

Nó có thể mua được chiếu giường, nhưng không mua được giấc ngủ.

Nó có thể mua được châu ngọc, nhưng không mua được sắc đẹp

Nó có thể mua được giấy bút, nhưng không mua được ý thơ

Nó có thể mua được nhà cửa, nhưng không mua được gia đình

Nó có thể mua được thức ăn, nhưng không mua được sự ngon miệng

Nó có thể mua được trò chơi, nhưng không mua được niềm vui

Nó có thể mua được xu nịnh, nhưng không mua được lòng trung thành

Nó có thể mua được cánh hẩu, nhưng không mua được tình bạn

Nó có thể mua được sự phục tùng, nhưng không mua được lòng kính trọng

Nó có thể mua được quyền thế, nhưng không mua được trí tuệ

Nó có thể mua được thể xác, nhưng không mua được tình yêu

Nó có thể mua được vũ khí, nhưng không mua được hòa bình.

(Theo Thác-cơ-rê, dẫn theo Ngữ văn 11 Nâng cao, tập hai,

NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr. 17)

-"Tiếng suối trong như tiếng hát xa"… Nguyễn Du, Bạch Cư Dị so tiếng đàn với tiếng suối. Thế Lữ lại so tiếng hát trong với nước ngọc tuyền (suối ngọc). Những người này không miêu tả trực tiếp tiếng suối. Chỉ có Nguyễn Trãi cho tiếng suối là tiếng đàn cầm. Có lẽ đó là hình ảnh gần nhất với hình ảnh trong câu thơ này. Có thể chẳng phải ngẫu nhiên. Nguyễn Trãi sành âm nhạc. Bác Hồ cũng thích âm nhạc. Tiếng hát của một danh ca Pháp từng thích nghe thời trẻ, đến tuổi bảy mươi Bác còn nhờ chị Mađơlen Rípphô tìm lại hộ. Tiếng suối ngàn của đất nước hay đó là tiếng hát của trái tim người nghệ sĩ yêu đời.(Lê Trí Viễn)

-*Tục ngữ là lý lẽ.* Lý lẽ thì muôn hình vạn trạng, có thể tìm thấy cách nói ngắn gọn tương đương ở dạng tục ngữ. Để nói "lòng dạ con người thay đổi khôn lường", chúng ta có câu ca dao-tục ngữ "Mai mưa, trưa nắng, chiều nồm/ Trời còn thay đổi huống mồm thế gian". Có hàng loạt tục ngữ nói về quan hệ nhân quả. Bình luận về một con người bạc ác, hay hãm hại người khác, chúng ta nói *Nó hay hại người, tất có người hại nó*. Câu này là lập luận dựa trên lý lẽ về thuyết nhân quả *"gieo gió thì gặt bão", "sinh sự thì sự sinh"*. Một gia đình trước kia giàu có, quyền cao chức trọng nhưng ăn ở với mọi người không ra gì, hống hách, kiêu bạc… sau đó đời con cháu bị sa sút, trở nên nghèo hèn, người ta có thể bình luận *"Đời cha ăn mặn, đời con khát nước mà"*. Có hàng loạt những lời ngợi khen chê trách, ban thưởng hay trừng phạt, khuyến khích hay can ngăn… cũng đều dùng tới lý lẽ về quan hệ nhân quả "*có chí thì nên", "có công mài sắt có ngày nên kim", "hay đi đêm tất có ngày gặp ma", "giậu đổ bìm leo mà !"...*

Tục ngữ phản ánh nhận thức con người về quy luật xã hội và tự nhiên, quy luật về những mối quan hệ giữa các sự kiện, hiện tượng. Chúng là lý lẽ, triết lý của một

cộng đồng xã hội, của một dân tộc. Vì vậy tục ngữ là kho tàng lý lẽ về mọi phương diện của cuộc đời người sống trong trời đất.

C. ÔN TẬP VĂN HỌC

1. Ôn tập kiến thức về :

- Khái quát văn học 1930-1945

- Tác giả- tác phẩm tiêu biểu của bộ phận – xu hướng văn học

+Văn học lãng mạn: Vội vàng – Xuân Diệu, Tràng Giang- Huy Cận, Đây thôn vĩ dạ _ Hàn Mặc Tử, Chữ Người tử tù – Nguyễn Tuân, Hai đứa trẻ -Thạch Lam.

+Văn học hiện thực phê phán: Chí Phèo – Nam Cao, Hạnh phúc của một tang gia – Vũ Trọng Phụng, Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài.

+Văn học cách mạng: Từ ấy – Tố Hữu, Chiều tối – Hồ Chí Minh.

2.Một số đề thường gặp

-Phân tích hình ảnh thiên nhiên và con người phố huyệnnghèo lúc chiều tối trong truyện ngắn

-Vì sao chị em Liên trong truyện ngắn Hai đứa trẻ của Thạch Lam đêm nào cũng cố thức để được nhìn chuyên tàu đi qua,Thạch Lam muốn nói gì với người đọc?

Chất hiện thực và chất lãng mạn trong truyện ngắn Hai đứa trẻ của Thạch Lam

-Phân tích nhân vật Huấn Cao

- Phân tích viên quản ngục

- Phân tích cảnh Huấn Cao cho chữ viên quản ngục trong truyện ngắn Chữ người tử tù

- Cảm nhận của anh/ chị về ánh sáng và bóng tối trong Hai Đứa trẻ và Chữ người tưt tù.

- Phân tích nghệ thuật trào phúng đặc sắc trong đoạn trích Hạnh phúc của một tang gia thuộc chương XV tiểu thuyết Số đỏ của Vũ Trọng Phụng.

- Phân tích các chân dung biếm họa trong "Hạnh phúc của một tang gia"

- Phân tích diễn biến tâm trạng Chí Phèo trong truyện ngắn: "Chí Phèo" của Nam Cao từ buổi sáng sau khi gặp Thị Nở đến khi kết thúc cuộc đời để làm nổi rõ bi kịch của nhân vật này.
- Phân tích bi kịch của nhân vật Chí Phèo trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao

- Đọc *Chí Phèo* của Nam Cao, có ý kiến cho rằng: *"Bi kịch của Chí Phèo là bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người",* lại có ý kiến khẳng định: *"Bi kịch của Chí Phèo, hơn thế, còn là bi kịch con người tự từ chối quyền làm người."*

- *Kết thúc tác phẩm " Chí Phèo" của Nam Cao là chi tiết:*

..." Đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa, và vắng người lại qua..."

Suy nghĩ của anh/ chị về chi tiết kết thúc trên?

-Giá trị hiện thực và nhân đạo trong truyện Chí Phèo

- Từ cách nhìn của Thị Nở đối với nhân vật Chí Phèo (*Chí Phèo*– Nam Cao), nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên đã liên hệ đến thiên chức của người nghệ sĩ. Và ông đã quả quyết rằng : *Nhà văn như Thị Nở.*

Anh/ chị hãy bàn về quan niệm trên và chứng minh rằng với tác phẩm *Chí Phèo,* Nam Cao đã làm tròn thiên chức của một nhà văn.

- Phân tích những mâu thuẫn trong đoạn trích *Vĩnh Biệt Cửu Trùng Đài* của Nguyễn Huy Tưởng và bày tỏ ý kiến về cách thức giải quyết mâu thuẫn trong đoạn trích

- Phân tích nhân vật Vũ Như Tô trong *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*
- Cảm nhận của anh, chị về sự tương đồng và nét độc đáo của hai nhân vật Huấn Cao (Chữ người tử tù – Nguyễn Tuân) và Vũ Như Tô (Vĩnh biệt Cửu Trùng đài – trích Vũ Như Tô – Nguyễn Huy Tưởng)."

- Cảm nhận về bài thơ Vội Vàng của Xuân Diệu

- Cảm nhận về niềm khát khao tận hưởng sự sống trong bài thơ Vội vàng có ý kiến cho rằng đó là cái tôi vị kỷ, có ý kiến cho rằng đó là cái tôi tích cực khao khát tận hưởng cuộc sống. Bằng hiểu biết về vội vang, anh/ chi bình luận ý kiến trên?

- Cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên trong bài thơ 'Vội vàng' của Xuân Diệu

- Nhạc tính trong bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu.

--Cảm nhận bài thơ

- vẻ đẹp cổ điển và hiện đại trong bài thơ

- Không gian nghệ thuật trong bài thơ Tràng Giang của Huy Cận.

- Phân tích cái tôi trữ tình trong bài thơ "Tràng Giang" – Huy Cận

-: Bàn về bài Tràng giang của Huy Cận, nhà nghiên cứu Nguyễn Hoành Khung đã khẳng định:"Bài thơ đã bộc lộ kín đáo mà thấm thía tình quê hương đất nước".(Văn 11, NXB Giáo dục, Hà Nội 1997, tr. 238)

-Phân tích khổ thơ đầu bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ

- Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên đất nước qua bài thơĐây thôn Vĩ Dạ

- Thời gian và tâm sự của tác giả trong Đây thôn Vĩ Dạ

- Cảm nhận bài thơ Chiều tối

- Chất cổ điển và hiện đại trong bài thơ Chiều tối (Mộ) - Hồ Chí Minh

- Đọc Nhật kí trong tù của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà thơ Hoàng Trưng Thông viết:
Vần thơ của Bác vần thơ thép
Mà vẫn mênh mông bát ngát tình.Cảm nhận của anh (chị) về chất thép và chất tình trong bài thơ đã học của Bác: Chiều tối. Từ chất thép, chất tình đó, anh (chị) hiểu được gì về con người Bác và phong cách thơ Hồ Chí Minh.

- Vẻ đẹp cổ điển và hiện đại trong hai bài thơ *Tràng giang* (Huy Cận) và *Chiều tối* (Hồ Chí Minh)

- Phân tích bài thơ Từ ấy của Tố Hữu để thấy tâm trạng của một thanh niên say mê lí tưởng.

- Em hãy phân tích khổ 1 bài thơ Từ Ấy của Tố Hữu để nhận thấy sự mãnh liệt trong tâm hồn người thanh niên khi được Đảng dẫn đường, đồng thời phân tích những biện pháp nghệ thuật tác giả sử dụng trong đoạn thơ?

- Nêu cảm nhận của anh (chị) về hai đoạn thơ sau :

“ Ta muốn ôm

Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn,

Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,

Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,

Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều

Và non nước, và cây, và cỏ rạng,

Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,

Cho no nê thanh sắc của thời tươi,

– Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!”

(Vội vàng – Xuân Diệu)

“Tôi buộc lòng tôi với mọi người

Để tình trang trải với trăm nơi

Để hồn tôi với bao hồn khổ

Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.

Tôi đã là con của vạn nhà

Là em của vạn kiếp phôi pha

Là anh của vạn đầu em nhỏ

Không áo cơm, cù bất cù bơ…”

(Từ ấy – Tố Hữu)

-Hãy phân tích vẻ đẹp của hình tượng người chiến sĩ cách mạng trong hai bài thơ Chiều tối (Hồ Chí Minh) và Từ ấy (Tố Hữu).

D. ÔN TẬP VỀ LÍ LUẬN VĂN HỌC

1. Ôn tập một số thể loại văn học: Thơ, truyện, kịch.

- Khái niệm

- Yêu cầu đọc văn bản thơ, truyện, kịch.

2. Luyện tập: Vận dụng các bước đọc thơ, truyện , kịch vào các văn bản đã học để đọc hiểu

IV HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

*HS về nhà cần nắm vững hệ thống các kiến thức về: Văn học, Tiếng Việt, Tập làm văn.

*Hoàn thành các bài tập.

V. RÚT KINH NGHIỆM